

VIÊN GIÁC



Số - Nr. TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

99

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

NĂM THỨ 19 * THÁNG 6 * JAHRGANG 19. * JUNI 1997 * AUSGABE IN VIETNAMESSISCHE & DEUTSCH

Đạo trong đời
Đạo trong thơ
Đạo vàng huyệt khiết
giữa nhà Đạo Saôn...

Trần Nga

Học họa vô học
37

Kim Hằng Thuận họa Thích Như Điển

VIÊN GIÁC



**TẠP CHÍ CỦA KIỆU BẢO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC**

*Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnam-Füchtlinge
in der Bundesrepublik Deutschland*

CHU TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Thượng Tọa Thích Như Điển

CHU BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

CÙNG SỰ CỘNG TÁC VÀ TRÁCH NHIỆM VỀ :

TÔN GIÁO

Thích Như Điển

VĂN HÓA VĂN NGHỆ

Phù Vân

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

HOA PHƯỢNG

Hồng Nhiên - Huy Giang

THỂ THAO

Người Giám Biên

Y HỌC THUỞNG THỨC

Quyển Hoa

CHÍNH TRỊ THỜI SỰ

Phan Ngọc Minh

KỸ THUẬT ÁN LOÁT (Layout)

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật

Giáo Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại

Cộng Hòa Liên bang Đức

Vereinigung der Buddhistische-

Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN & ÁN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật

Giáo Việt Nam tại Đức

Vietnamesisch-Buddhistisches

Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD

c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30

Fax : 0511 - 87 90 963

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm

Mục Lục

Thư Tòa Soạn

Trang
3

TÔN GIÁO

Luận về : Đời Nối Tiếp Đời - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn dịch

4 - 6

Bí ẩn về tiền kiếp và hậu kiếp - Đoàn Văn Thông

7 - 12

Dân Tộc Nhật với ngày lễ Phật Đản - H.T. Thích Trí Chơn

13 - 14

Đôi nét khái lược về P.G. Nhật Bản trước và sau ... - T/s Lâm Như Tạng

14 - 17

Sáu ngày học Đạo - Vô Thủc

18 - 23

Tham luận : Suy nghĩ về điện tử hóa kinh điển VN - Thích Hạnh Tuấn

24 - 25

Niềm vui lớn nhất trong đời - Hạnh Nguyễn

26 - 27

Di chúc về Tâm Tử Bi - Thiện Xuân Inna Malkhanova

28 - 30

Độc thư từ của Thầy Tuệ Sĩ - Thiện Mẫn

30 - 31

AUF DEUTSCH

Buddhismus des Lauteren Landes - Übersetzung von Tu Xung Roland Berthold

32 - 35

Vesak-gedanken - Tu Xung Roland Berthold

Buddhistische Aktivitaeten

TRANG HOA PHƯỢNG

36 - 43

Huyền Quang - Hồng Nhiên chuyện sưu tầm

Tâm sự chiếc lá bồ đề - Ngọc Tuyết

Tôn giáo và văn hóa dưới triều vua Trần Nhân Tôn - Bé Ngọc

Gia đình Phật Tử - Thiện Căn : Đức Quán Thế Âm Bồ Tát - Oan Thị Kính

Đại Học Oanh Vũ - Trần Thị Nhật Hưng

VĂN NGHỆ

Vườn thơ Viên Giác : Tưởng đã xa với cõi nhân gian - Phù Vân phụ trách

44 - 47

Ảnh hưởng Phật Giáo trong thi ca Việt Nam - Thái Tú Hạp

48 - 49

Tìm hiểu đôi bài thơ của Bùi Giáng - Nguyễn Thùy

50 - 51

Một chuyến đi - Diệu Hương

51

Trà Lũ, nhà văn của thời đại ly hương - Vũ Kỳ

52 - 54

Vài cảm nghĩ về thơ của Đan Hà - Như Sơn

55

Hồi tưởng - Lê Thị Thanh Trang

56 - 57

Quê hương - Tình Yêu của nhà thơ Triệu Quyết Thắng - Khải Chính Phạm Kim Thư

58 - 59

Tôn Giáo với cái gọi là thù trong - Nguyễn Hữu Sơn

59

Đường về cõi Phật - Vũ Thị Dạ Thảo

60 - 61

Câu Hồ thôn dã - Đan Hà

62 - 63

Tân Liêu Trai : Chiêu Long - Giang Phúc Sơn Đông

64 - 66

Xác chết biết đi - Nguyễn Minh Khánh

67 - 69

Vài nét về một anh hùng vô danh : Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn - Yên Tử cư sĩ Trần Đại Sỹ

70 - 72

Lý duyên sinh, giải đáp cho vấn đề tị nạn ... Ngô Trọng Anh

73 - 75

Tiến trình đổi mới ở Việt Nam - Tân

75 - 76

Trầm Ngải Thiết Tha của Tuy Anh - Tử Nguyễn giới thiệu

77

Hộp thư Viên Giác

77

SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

78 - 99

Tin thế giới - Phan Ngọc

78 - 83

Đôi điều suy nghĩ về một chuyến đi - Cao Minh Đức

84 - 85

Hãy trả lại tôn giáo cho lòng người - Đoàn Minh Thụy

85 - 86

Kết quả xổ số ủng hộ đêm văn nghệ đại lễ PD ngày 24.5.97 tại chùa Viên Giác

86

Trang Khoa Học : Chu Trình sống - G.S. Lê Văn Quới

86

Diễn Đàn Dân Chủ : Nguyễn Văn Trọng - Đoàn Hữu Hải - Phạm Văn Hùng - Nguyễn

87 - 91

Văn Phước - Ma Van Tuan - Hoài Việt - Hoàng Anh

Thông Cáo Báo Chí - Thông Báo - Rao Vật - Phan Ưu - Cáo Phó - Cẩm Tạ - Gia

92 - 99

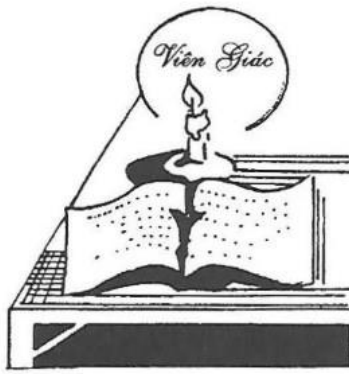
Chánh Chay : Chà Cua - Phượng Danh Cúng Dường

THO

Ep - Trần Thị Ngọc Lan - Thiện Chánh - Tuệ Nga - Huy Giang - Ái Cầm - Tuy Anh -

Vân Nường

Hình Bìa : Huyền Việt - Thư Họa của Vũ Hối



THƯ TÒA SOẠN

Phật Giáo được truyền từ Ấn Độ qua Việt Nam và các nước Á Châu khác, đã gần 2.500 năm lịch sử. Những bước chân truyền giáo của các vị Tổ Sư đã ghi đậm nét lịch sử qua những bước thăng trầm của vận nước và Đạo Pháp tại các xứ sở tại, mà Phật Giáo đã được truyền vào. Nhưng đại đa số các vị Tổ Sư đều đến với dân chúng trước, sau đó Đạo Phật mới được biết đến qua các vị chức tước, quan quyền và vua chúa. Rồi từ vua chúa, Đạo Phật lại được xiển dương mạnh mẽ hơn, dội vào từng lớp dân chúng một lần nữa. Nên Đạo Phật tự đứng vững trong lòng mọi dân tộc, khi có sự hiện diện của Phật Giáo được truyền vào.

Rồi 23 thế kỷ sau, Phật Giáo được truyền vào Âu Châu, qua những nhà học giả, nghiên cứu; nên Đạo Phật mang một hình thức triết học, hơn là một tôn giáo, và ngày nay cũng thế, Phật Giáo đi đến Âu Mỹ bằng con đường bất bạo động, bao dung, vị tha, nên đã được đa số tầng lớp trí thức ở đây hưởng ứng một cách nhiệt tình. Rồi dần dần, Đạo Phật đã đi vào lòng mọi người dân ở đây qua ảnh hưởng của các nước Phật Giáo Nam Tông được truyền vào trước cũng như Phật Giáo Nhật Bản, Tây Tạng và Việt Nam thuộc các nước theo Phật Giáo Bắc Tông được truyền vào Âu Mỹ vào thế kỷ thứ 20 này. Ngày nay tại Âu Mỹ đâu đâu cũng có các Đại Học dạy về phân khoa Phật học, triết học, hoặc lịch sử Phật Giáo. Ngay cả tiếng Pali và Sanscrit cũng có thể học tại Âu Mỹ chứ không còn cần phải về các xứ Á Châu nữa. Bóng áo vàng, áo nâu, áo đen của các Tu sĩ Âu Châu thuộc mọi khuynh hướng đã phát phối khắp cõi trời Tây. Đây là một điều đáng mừng cho sự hưng thịnh của Phật Giáo vào thế kỷ thứ 21 này. Và chẳng thế kỷ thứ 21 là thế kỷ phát triển kỹ nghệ của người da vàng tóc đen và là thế kỷ phát triển tâm linh Phật Giáo của những người da trắng tóc vàng? Đây là một sự biến đổi để làm hài hòa cho cuộc sống giữa vật chất và tinh thần cũng nên.

Trong khi Âu Châu, Phật Giáo đang đi vào nề nếp và phát triển, thì trái lại tại Á Châu chúng ta sự phát triển ồ ạt của nền văn minh kỹ nghệ, đã lôi kéo đời sống tinh thần chạy theo vùn vụt và lún sâu vào đời sống vật chất, như tại Nhật, Thái Lan và Việt Nam v.v... Hiện tượng mãn tạng hay tạp tạng, có nghĩa là Tăng quá dư thừa và vì thế sinh ra nhiều sự tệ hại trong giới Tăng lữ, làm cho tín đồ chán ngán. Do đó cũng có thể đi đến sự bất mãn giữa chính quyền cũng như tín đồ; sẽ làm cho giới Tăng sĩ khó xử, giống hệt như cuối thời Lý, đầu đời Trần ở thế kỷ thứ 13 tại Việt Nam, hay cuối đời Đurong tại Trung Quốc. Đó là những thời điểm tốt nhất để Nho Giáo có cái cớ để bài xích Phật Giáo qua hiện tượng của chư Tăng không hành trì đúng theo giới luật.

Hoặc giả tại Nhật Bản vào thời Minh Trị Duy Tân (1868) Thần Đạo (Shinto) đã chán ghét ảnh hưởng xấu của Phật Giáo trong chốn quan quyền; nên đây cũng là cái cớ cho vị vua này phế Phật lập Thần để tạo riêng cho mình có một thế đứng vững với sơn hà xã tắc.

Việt Nam sau năm 1975 chư Tăng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị tru dập, tra tấn, bắt bỏ cầm tù bởi người Cộng Sản Việt Nam, rồi năm 1981 họ lập nên Giáo Hội Phật Giáo tay sai của nhà nước, nhằm kiểm soát lòng tin của mọi người; nhưng họ đã chẳng thành công. Vì vậy bằng mọi cách họ phá hoại cho bằng được; nên cho các tổ chức của Giáo Hội nhà nước phát triển một cách ồ ạt, nhằm hai mặt đánh cùng một lúc vào Phật Giáo cũng như quần chúng. Đối với mặt ngoài, ai nhìn vào cũng tưởng là Việt Nam có tự do tín ngưỡng; nhưng trên thực tế thì phải hiểu ngược lại. Đối với quần chúng Phật Tử, khi đã chán ghét hiện tượng Tăng sĩ như trong hiện tại, đây là một cái cớ để chính quyền sẽ phế thải Phật Giáo ra khỏi lòng dân tộc như chủ trương mà các triều đại ở quá khứ đã làm.

Tuy nhiên cũng được cái may là Phật Giáo Việt Nam và Phật Giáo Thế Giới ngày nay không còn bám chặt vào Á Châu nữa; mà Âu, Úc, Mỹ Châu là những địa bàn hoạt động rất thuận lợi cho mọi khuynh hướng của Phật Giáo ở vào thời điểm này cũng như vào những thế kỷ tới.

Trước đây, vào thế kỷ thứ 11 khi quân Hồi Giáo đến đánh chiếm xứ Ấn Độ, thiêu hủy không biết bao nhiêu kinh điển quý giá của Phật Giáo; chùa chiền bị đập phá, Tăng lữ bị giết chết; nhưng nhờ trước đó Phật Giáo đã được truyền vào Trung Hoa và các nước Á Châu khác; nên các kinh điển lại được phiên dịch ngược lại để truyền vào Ấn Độ. Vì vậy ngày nay Phật Giáo tại Ấn Độ đã dần dần phục hưng trở lại, nhất là có sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc.

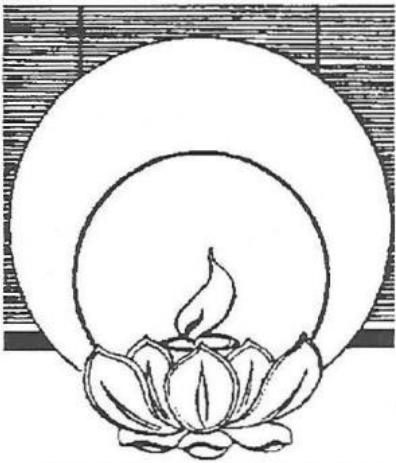
Vấn đề của Việt Nam cũng tương tự như vậy. Chúng ta nên cố gắng duy trì nền Phật Giáo cổ truyền tại ngoại quốc; một mai đây, nếu quê hương đất nước có bị một loại quốc nạn gì đó chẳng hạn, thì chúng ta cũng còn có cơ hội để trở về và mang theo di sản tinh thần ấy, như trước đây Ấn Độ đã làm. Vậy thì Phật Giáo sẽ không mất đi hay tồn tại, mà Phật Giáo chỉ hoán đổi vị trí của mình để hợp với căn cơ và trình độ của chúng sanh qua nhiều thời gian và không gian khác nhau mà thôi.

Vào ngày 15 tháng 5 năm 1997 Quốc Hội Âu Châu đã ra một Quyết Nghị gồm nhiều điểm, nhằm tố cáo chính quyền Cộng Sản Việt Nam vẫn còn chà đạp quyền tự do tín ngưỡng, quyền tự do hội họp, báo chí và mọi sự tự do khác. Đây cũng là một thành quả, do sự vận động của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu qua hai ngày tuyệt thực và đưa Kiến Nghị trước trụ sở Quốc Hội Âu Châu tại Straßburg, Pháp Quốc. Cùng với sự vận động bên trong cũng như bên ngoài của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế tại Paris và Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia hải ngoại tại Âu Châu trợ lực. Thành quả này đã nói lên được sự quan tâm của các chính quyền sở tại về vấn đề tự do tôn giáo tại Việt Nam và điều đó cũng nhắc nhở cho người Cộng Sản Việt Nam thấy rằng: muốn đứng vào hàng ngũ của dân tộc và muốn cho dân chúng hỗ trợ mình thì không thể nào đi ra ngoài luật định của Tự Do và Dân Chủ được.

Lời cuối và cũng là lời ước nguyện của mọi người, mong rằng niềm tin của Tôn Giáo được thể hiện nơi nơi. Mọi người đều có quyền bình đẳng với nhau trên mọi lãnh vực, nhất là lãnh vực tinh thần. Mong lắm thay!

• BAN BIÊN TẬP BÁO VIÊN GIÁC

TÔN GIÁO



LUẬN VỀ ĐỜI TIẾP NỐI ĐỜI

Nguyên tác: Reflections on Life After Life

Tác giả: Dr. Raymond A. Moody, Jr.

Người dịch: HOÀNG-PHI LƯU HOÀNG-NGUYỄN

CHƯƠNG V.- NHỮNG THÍ DỤ LỊCH SỬ

Mấy năm trước, khi được hỏi có biết các thí dụ lịch sử nào về chuyện chết đi sống lại, tôi đã đáp không. Nhưng sau đó tôi thấy có rất nhiều bài viết xưa cũ kể chuyện nơi ngưỡng cửa tử sinh. Thiết nghĩ nên cống hiến quý vị tuồng lăm, rút từ các tác phẩm thuộc nhiều nền văn hóa và thời đại khác nhau. Đây chỉ là một phần của số tài liệu thu thập được, và cái mà tôi có chắc cũng chỉ là chóp đỉnh của khối băng sơn.

1/ Chuyện Tông đồ Stê-pha-nô (Apostle Stephen) bị ném đá và có thể là một kinh nghiệm nơi ngưỡng cửa tử sinh. Trong Công-Vụ Các Tông-Đồ 7:54-58 (Acts 7:54-58) có ghi là trước khi bị đám đông cuồng nộ (và có lẽ trước khi bị thương) ném đá đến chết, Stê-pha-nô đã thấy:

"Nghe thế, lòng họ tức uất lên, và họ nghiêng rặng chống lại ông. Nhưng được đầy Thánh Thần, ông trực thị ngó lên trời và được thấy vinh quang Thiên Chúa cùng Đức Yêsu đứng bên hữu Thiên Chúa. Ông nói: "Này tôi thấy các tầng Trời mở ra, và Con Người đứng bên tay mặt Thiên Chúa". Họ la lối lớn tiếng, bịt tai lại, và nhất tề xông vào ông, lôi ông ra ngoài thành mà ném đá. Các nhân chứng cời áo đặt nơi chân một tráng niên tên là Sau-lô". (Sau-lô tức là Phao-lô sau này).

2/ Đức ông Bede là một tu sĩ người Anh sống từ năm 673 đến năm 736. Ông viết xong quyển "Lịch Sử Anh Giáo" năm 731. Trong các chuyện thần kỳ, ông kể một câu chuyện "Về Tử Côi Chết", dù ngôn từ có khác biệt, song rất giống các mẫu chuyện ngày nay ở nhiều điểm. Ông viết:

"Vào thời buổi này có một phép lạ đáng chú ý xảy ra ở Anh quốc giống như chuyện đời xưa. Có một người chết đi rồi sống lại, kể nhiều điều đáng chú ý mà y đã thấy. Trong số này có vài chuyện thấy cần tóm lược ở đây. Anh là trưởng một gia đình sống ở Cunningham thuộc Northumbrians, cả nhà đều ngoan đạo. Anh ốm nặng và ngày càng nguy kịch cho đến phút lâm chung, anh mất lúc nửa đêm về sáng. Nhưng sớm hôm sau thì anh sống lại, đột nhiên ngồi dậy khiến những người đang khóc than bên thi hài của anh đều kinh hoàng bỏ chạy. Chỉ còn người vợ vì yêu anh rất mực nên ở lại, nhưng run như cây sậy. Anh trấn an vợ: "Này em, chớ có sợ. Anh đã sống dậy từ cõi chết. Và anh được phép trở lại dương trần. Nhưng từ nay anh không được sống như trước nữa mà phải sống khác..." Chẳng bao lâu sau, anh gác bỏ việc đời, vào chủng viện Melrose, nơi hầu như hoàn toàn được dòng sông Tweed uốn khúc lượn quanh..."

"Anh thường kể kinh nghiệm chết hụt như sau: "Có một người rất điển trai hưởng đặng tôi. Chúng tôi lặng lẽ bước có lẽ về hướng đông bắc. Rồi chúng tôi đến một thung lũng sâu, rộng và dài đến vô tận. Chẳng bao lâu ông ấy đưa tôi ra khỏi vùng tối tăm để đến một nơi trong sáng, và khi tiến bước trong ánh sáng rực rỡ này, tôi thấy trước mặt là một bức tường dài vô tận và cao rộng về đủ mọi chiều. Không thấy cổng, lối vào hoặc cửa sổ, tôi tự hỏi sao mình lại đến bức tường này. Nhưng khi đến bên, đột nhiên chẳng hiểu nhờ đâu chúng tôi đã ở trên đầu tường. Bên trong là một đồng cỏ mênh mông, thú vị, êm đềm... Và ánh sáng chan hòa nơi đây dường như rạng rỡ hơn ánh sáng mặt trời đứng bóng..."

Rồi người hướng dẫn nói: "Bây giờ anh phải nhập trở vào xác và tiếp tục sống với người đời. Nhưng nếu biết suy nghĩ, cân nhắc cẩn thận hành động của mình sao cho lời nói tử ái, nếp sống đạo đức, đơn giản, thì khi qua đời anh sẽ được lên ở chung với những hồn sung sướng mà anh thấy đó. Ta phải rời anh trong chốc lát để xem tướng lai

anh như thế nào". Nghe vậy tôi chẳng muốn nhập vào xác tí nào bởi mê thích cảnh giới xinh đẹp, thú vị nơi đó. Nhưng tôi đâu dám hỏi người hướng dẫn. Rồi chà hiểu sao đột nhiên tôi thấy mình sống lại".

"Vị tu sĩ này không bàn chuyện vừa kể hay các chuyện khác mà ông thấy với những kẻ thờ ở hoặc sống bạt mạng, mà chỉ nói với những ai biết sợ sự trừng phạt, mong có được những niềm vui vĩnh cửu, muốn ghi khắc lời ông trong tâm và sống đời đạo hạnh".

(Trích quyển A History of the English Church and People của Bede, bản dịch Anh ngữ của Leo Sherley-Price; Harmondsworth, England; Penguin Books, 1968, trang 289-293).

Trong câu chuyện trên có những điểm đáng chú ý là sau khi chết hụt người này thay đổi cách nhìn và lối sống, có một linh hồn hiện ra hướng dẫn anh trong giai đoạn chuyển tiếp đó, và anh không muốn kể kinh nghiệm ấy cho những kẻ không có tâm hồn phóng khoáng, không biết thông cảm.

3/ Có hai chuyện kể của các tác giả Ái-Nhĩ-Lan vô danh (thuộc thế kỷ thứ 10 và thứ 9) được đăng trong quyển Xen-Tô Hợp Tuyển (A Celtic Miscellany), một sưu tập khá xuất sắc về văn học Xen-tô, được Kenneth H. Jackson dịch ra Anh ngữ:

•MẤY ĐỨA TRÈ LÊN THIÊN ĐƯỜNG

... Donnan, con của Liath và là học trò của Senan, một hôm rủ hai đứa bạn trai cùng lớp ra bãi nhật rong biển. Sóng biển cuốn trôi thuyền Donnan ra khơi khiến nó không thể chèo ra ngoài mỏm đá đưa hai bạn vào bờ và trên đảo cũng không còn thuyền nào nữa để cứu hai đứa bé. Vì thế chúng chết chìm nơi mỏm đá. Sáng hôm sau thấy hai đứa giạt vào bãi biển của đảo. Cha mẹ chúng chạy ra đứng nhìn rồi khẩn cầu làm sao cho con họ sống lại. Senan bảo Donnan: "Con hãy nói với hai đứa nó như vậy: "Các bạn có thể đứng dậy nói chuyện với cha mẹ, vì thầy Senan bảo các bạn làm như vậy". Hai đứa nhỏ tức thì đứng lên theo lệnh Senan và nói với cha mẹ: "Ba má sai lầm khi bắt chúng con phải xa rời vùng đất mà chúng con vừa đến". Mẹ chúng hỏi: "Sao các con lại thích ở đó hơn là về với ba má?". Chúng đáp: "Mẹ ơi! Dù mẹ có cho tụi con quyền uy trùm thiên hạ và có đủ mọi lạc thú trên đời, tụi con vẫn nghĩ đó khác chi cảnh ngục tù nếu so với cuộc sống và cảnh giới mà tụi con đã đến. Xin đừng cản chúng con vì đã đến lúc phải trở lại đó. Và Chúa làm như vậy là giúp chúng con. Xin ba má chớ đau buồn". Được cha mẹ bằng lòng, hai cậu bé cùng Senan vào nhà nguyện của thầy. Thánh lễ được cử hành và chúng lên trời. Thì hài chúng được chôn trước nhà nguyện nơi Senan sống. Và

đây là những người chết đầu tiên được chôn trên đảo Scatterly Island.

·MỘT CHUYỆN MA

Có hai cậu học sinh chung trường rất thân nhau và cùng kết nghĩa từ khi còn bé. Trong chòi lá, chúng bàn bạc: "Thật là buồn thảm khi người thân, bạn bè vĩnh biệt, ra đi không bao giờ trở lại báo cho mình biết những chuyện ở thế giới bên kia. Bây giờ tại mình tính như vậy: "Đứa nào chết trước phải về kể chuyện này chuyện nọ cho đứa kia biết".

- Đồng ý quá đi thôi!

Chúng cam kết ai "đi" trước thì trong vòng một tháng phải về báo tin cho đứa còn sống.

Ít lâu sau trò A chết. Trò B đem xác bạn đi chôn và đọc kinh cầu hồn. Rồi nó đợi suốt một tháng chẳng thấy A về. Nó bèn thóa mạ thẳng bạn quá cố, thóa mạ Đấng Ba Ngôi, cho nên vong hồn của A liền xin Đấng Ba Ngôi cho nó về trò chuyện với B. Lúc bấy giờ B đang cúng bái trong chòi. Khi ngẩng lên, đầu nó va mạnh vào cây xà ngang trên đầu, ngã ra bất tỉnh. Hồn nó thoát xác, thấy thầy mình nằm trước mặt nhưng hồn củ ngõ còn trong thân. Nó nhìn cái thầy tự nhủ: "Kỳ cục! Ai đem xác bỏ trong nhà mình vậy cả? Chắc là mấy Sư huynh trong nhà thờ chở chẳng ai vào đây". Nói xong nó liền vọt ra khỏi chòi, thấy một thầy tu đang đổ chuông. Nó nói: "Thầy ơi, đứa xác chết vào nhà con là không đúng". Nhưng vị tu sĩ chẳng đáp, chẳng rằng. Nó lại đến bên người này người nọ. Nhưng không một ai nghe. Đau khổ vô cùng, nó ra khỏi nhà thờ và đến bên mấy người thợ gặt và bảo: "Tôi đến rồi nè!". Họ đâu có nghe. Nổi cáu, nó quay về nhà thờ. Ai nấy đều ra ngoài để lo đám cho nó. Thấy nó còn trong chòi và sẽ được mang ra nghĩa địa.

Khi hồn B vào nhà thờ, nó thấy A đang đứng trước mặt. B nói: "Dữ ác hồn! Lâu quá mới về. Hứa mà không giữ lời!". A đáp: "Bạn chớ có trách. Tôi đã về nhiều bận, nằm kề bên gối bạn để chuyện trò những bận nào có nghe, vì người trần mắt thịt khó thể nghe được tiếng của hồn". B liền nói: "Nhưng mà bây giờ tao nghe mày đây!". A đáp: "Không. Bây giờ chỉ có vong hồn bạn là ở nơi này. Hồn bạn đã lìa khỏi xác. Vì bạn muốn gặp tôi, cho nên sự việc đã xảy ra rồi đó. Làm bây thì khổ! Làm phải thì sướng! Hãy mau tìm lại xác trước khi người ta đem nó đi chôn!".

- Tao không muốn nhập vô chút nào. Kinh sợ nó lắm.

- Bạn phải nhập vì bạn còn sống thêm một năm nữa. Mỗi ngày nhớ đọc kinh Beati cho tôi, vì kinh Beati là cái thang, dây xích, vòng cổ bèn chắc nhất để cứu độ vong linh ra khỏi địa ngục.

B từ giã A và đi tìm xác của nó. Khi nhập vô, nó hét một tiếng rồi tỉnh dậy. Một năm

sau nó chầu trời. Như vậy kinh Beati quả thật quý báu.

(Trích quyển *A Celtic Miscellany* của Kenneth Hurlstone Jackson; London, Engand; Routledge and Kegan Paul Ltd, 1971, trang 285-287).

Hai câu chuyện trên có những yếu tố thường thấy trong nhiều kinh nghiệm chết hụt hiện nay. Trong cả hai chuyện kể đều có việc "không muốn trở lại đường trần". Câu chuyện thứ nhì có nói đến cảm giác hồn lìa khỏi xác. Cậu học sinh thấy thầy mình và thoát tiên không nhận ra đó chính là của mình (một nhận xét mà nhiều người đã kể tôi nghe). Cậu để ý là sự liên lạc chỉ có một chiều: cậu có thể nghe, thấy người khác song ngược lại chẳng một ai nghe, thấy cậu. Và chỉ có vong hồn người bạn quá cố là A chuyện vãn với cậu mà thôi.

4/ Có một câu chuyện thuộc về nền văn hóa khác được Sir Edward Burnett Tylor, một nhà nhân chủng học Anh quốc thế kỷ thứ mười chín, viết trong quyển *Văn Hóa Cổ Sơ* (Primitive Culture). Ông kể một chuyện Polynesia như sau:

Te Wharewera là người giúp việc cho ông Shortland. Một hôm anh kể chủ nghe câu chuyện như vậy: Te có một người cô. Bà qua đời trong một chòi tranh bên bờ hồ Rotorua.

Vốn là người có vai vế trong làng nên thi hài bà được để luôn trong chòi. Các cửa đều được đóng chặt và chòi bị bỏ hoang vì bà đã chết rồi, không ai được ở đó. Thế nhưng một hai hôm sau, Te cùng vài người nữa chèo xuồng ngang qua đó lúc sáng sớm, thấy có người đứng trên bờ ngoắt họ. Thi ra người cô đã sống lại nhưng rất yếu, đói và lạnh. Nhờ được chăm sóc đầy đủ và kịp thời, bà bình phục và kể chuyện. Khi lìa khỏi xác, hồn bà bay về hưởng mùi đất North Cape, đến cửa sông Reigna. Rồi vì vướng phải dây leo akeake bà rơi xuống vực, thấy mình nằm trên bờ cát một con sông. Nhìn quanh, bà thấy dằng xa có một con chim khổng lồ, to hơn người ta, đang chạy nhanh về phía bà. Hoàng hốt bà định leo trở lên vách đá, nhưng khi thấy một ông lão đang chèo một chiếc xuồng con về hướng bà, bà bèn chạy lại xuồng và được cứu. Sang bờ bên kia rồi, bà xưng tên họ, hỏi lão Charon về các thân bằng quyến thuộc quá cố. Theo hướng chỉ của ông lão, bà lần theo đường mòn và ngạc nhiên vì thấy nó sao rất giống các đường mòn bà từng đi trên trần thế. Phong cảnh nơi đây, các lùm bụi, cây cối trông quen thuộc quá. Bà về làng và thấy trong đám đồng tỵ tập có cả cha ruột và nhiều người thân. Họ chào đón bà và hát khúc ca dân Maori thường hát để mừng người đi xa - mới về. Nhưng khi người cha hỏi thăm về các thân nhân còn sống và nhất là về đứa con của bà, ông liền bảo bà phải quay lại đường gian, bởi

đâu còn ai chăm sóc cho đứa cháu ngoại của ông. Ông cũng cấm bà không được sờ các thức ăn mà các âm hồn mang ra mời. Và mặc dù họ cố giữ bà lại, cha của bà cũng đã an toàn đưa bà trở xuống xuống rồi cùng bà sang sông. Khi chia tay, ông móc trong áo ra hai củ khoai lang to tướng, trao cho bà, bảo đem về trồng cho cháu ông ăn. Nhưng khi bà leo lên vách đá để trở về, có hai hồn ma con nít rượt theo níu bà lại. Bà chỉ thoát được nhờ ném cho chúng hai củ khoai... Chúng đứng lại để ăn trong khi bà bám vào dây akeake leo lên. Lên tới mặt đất, bà bay trở lại thi hài. Hồi dưỡng rồi bà thấy mình đang ở trong bóng tối, tưởng chừng mọi việc như xảy ra trong mơ, cho đến khi bà nhận ra mình bị nhốt đôn độc trong chòi, hiểu rằng quá thức mình đã chết đi sống lại. Khi bình minh lúc rạng, những tia sáng yếu ớt len qua các khe hở rọi vào chòi, bà thấy trên nền đất cạnh mình có một cái bầu còn đựng ít nước hoàng thổ, bà liền uống cạn, thấy khỏe người đôi chút, cố tống cửa, bò ra bờ sông, sau đó được các thân nhân tìm thấy. Những người nghe chuyện đều tin bà nói thật, chỉ tiếc một điều là bà chẳng thể mang về ít ra cũng một củ khoai lang to tướng để làm bằng cho cuộc phiêu lưu sang thế giới bên kia.

(Trích quyển *Primitive Culture* của Edward B. Tylor, tập II; New York; Henry Holt and Co, 1874, trang 50-52).

Tôi chẳng tìm được quyển *Traditions and Superstitions of the New Zealanders* của Edward Shortland mà Tylor trích dẫn. Tuy nhiên dù có khác biệt về văn hóa trong cách diễn tả, biểu tượng hóa cũng như ít hẳn có sự thêm mắm dặm muối khi câu chuyện được truyền khẩu từ người này sang người nọ, ta vẫn nhận ra nhiều yếu tố chung thường thấy trong các kinh nghiệm về tử coi chết. Người đàn bà "qua đời" đã lìa bỏ thân xác, vượt qua sông, gặp thân bằng quyến thuộc quá cố và được bảo phải quay về để nuôi con.

5/ Nhà văn Anh Thomas De Quincey (1785-1859) rất quen với kinh nghiệm nơi ngưỡng cửa tử sinh. Trong quyển "Lời Xưng Tội của Một Người Anh Thầu Á-Phiện" (Confessions of an English Opium Eater)... Ông kể lại những khó khăn chính ông mắc phải vì ghiền nha-phiện, một thời hủ rất phổ biến ở thời đại ông vì nó được bày bán công khai, hợp pháp, rất dễ mua. Ông nói thình thoảng các cảnh tượng quá khứ lại hiện ra với ông, và ông nhớ một câu chuyện do một người thân trong gia đình đã kể (các học giả cho rằng người này không ai khác hơn là thân mẫu của Thomas).

Trong ấn bản đầu tiên (1821) ông viết:

"Có lần một người thân trong gia đình kể cho nghe là hồi còn nhỏ bà bị té xuống sông, suýt chết đuối. Trong lúc chờ được cứu vớt, bà thấy trọn cuộc đời mình được trình chiếu

lại trước mắt dù là những chuyện vật vãnh nhất, y như trong gương. Lúc đó đột nhiên bà có khả năng hiểu thấu trọn cuộc đời mình".

(Trích quyển *Confessions of an English Opium Eater with Its Sequels Suspiria De Profundis and the English Mail-Coach*; ed. Malcolm Elwin; London; Macdonald and C; 1956, trang 420-421).

Trong quyển hậu tựa là "Suspiria De Profundis", De Quincey tả rõ chuyện này hơn cũng như thêm nhiều nhận xét để giải đáp thắc mắc của một số độc giả:

"Bà này hiện còn sống dù nay trọng tuổi lắm rồi. Tôi có thể nói là trong số các khuyết điểm của bà không hề có sự xem thường các nguyên tắc hoặc không tôn trọng sự thực. Trái lại bà có những khuyết điểm là quá khát khe, u sầu, không khoan dung cho kẻ khác và cho chính mình, có lẽ vì bà vốn tính khắc khổ. Khi thuật chuyện này, bà đã già lắm rồi và sống rất khổ hạnh. Theo chỗ tôi biết, lúc đó bà được chín tuổi, khi đi chơi một mình bên bờ suối vắng bà té xuống một trong các vũng nước sâu của suối. Sau đó, không ai biết là bao lâu, có một nông dân cuỡi ngựa trên đường mòn cách đó một khoảng xa, trông thấy bà đang nhấp nhò trên mặt nước liền chạy đến cứu. Nhưng bà đã sang thế giới bên kia, thấy được những bí ẩn mà có lẽ không ai thấy, rồi lại được phép trở về. Vào một lúc nào đó nơi ngưỡng cửa tử sinh bà như bị đập một vố vào đầu. Mất nổ đom đóm và những cảnh trí đột nhiên diễn ra trong óc. Trong nháy mắt, mọi hành động, ý định lúc còn sống diễn ra trước mặt, không phải tuần tự mà hầu như cùng một lúc. Một vầng ánh sáng bao phủ trọn cuộc đời bà cho đến cả thời thơ ấu xa xưa, có lẽ giống như vầng ánh sáng bao trùm thánh tông-đồ Paul khi ngài đang trên đường đến Damascus. Tuy nhiên ánh sáng này có lúc làm lóa mắt. Còn ánh sáng chiếu xuống bà cho thấy những cảnh tượng hiện ra trong óc, khiến ý thức của bà luôn hiện hữu trong suốt thời gian đó.

Câu chuyện này bị vài nhà phê bình nghi ngờ. Nhưng ngoài việc có những người không quen biết hoặc nghe nói về nhau, lâm vào những hoàn cảnh tương tự, đã thuật lại những kinh nghiệm giống như vậy, điều đáng chú ý là họ cho biết các biến cố quá khứ đời họ không trình chiếu cùng một lúc mà lại nối tiếp nhau. Đây chỉ là hiện tượng thứ yếu. Điều quan trọng chính là sự gợi nhớ, và sự có thể nhớ những gì vui sâu trong dĩ vãng. Cuộc sống phủ trùm tấm màn quên lãng lên trên những chuyện đã xảy ra trong đời. Tuy nhiên vì tuân theo một mệnh lệnh thâm lặng, một tín hiệu lóe sáng trong óc, tấm màn được kéo lên và những gì sâu kín đều phơi bày". (Ibid, trang 511-512).

6/ Trong thời cận đại, các tín đồ giáo phái Mormon (The Church of Jesus Christ of Latter-Day Saints) đã để ý đến các kinh nghiệm chết hụt từ nhiều năm rồi và chuyển

cho nhau xem những câu chuyện đó. Cũng nên nhắc đến việc bác sĩ thần kinh bệnh học nổi tiếng là Carl Gustav Jung từng về tử côi chết. Ông thuật lại trong quyển "Ký ức, Chiêm Bao và Suy Tư" (Memories, Dreams and Reflections) ở chương "Áo Mộng" (Visions).

7/ Nhà nhân chủng học đương thời là Oscar Lewis đã viết một tác phẩm hấp dẫn nhan đề "Lũ Con Của Sanchez" (The Children of Sanchez) dựa trên những quan sát của ông về một gia đình Mỹ Tây Cơ. Một người trong gia đình này có kể lại kinh nghiệm chết hụt của y.

8/ Trong văn chương cũng đầy dẫy các mô tả tương tự. Chúng tôi chỉ xin đan cử hai quyển. Trong "Giã Từ Vũ Khí" (A Farewell to Arms) nhà văn Hoa Kỳ Ernest Hemingway

để người kể chuyện diễn tả cảm giác xuất hồn khi lâm cảnh thập tử nhất sinh (Đáng chú ý ở chỗ người ta cho rằng quyển tiểu thuyết này phần lớn có tính cách tự truyện).

Trong quyển "Cái Chết của Ivan Ilyich" (The Death of Ivan Ilyich) văn hào Nga Leo Tolstoy mô tả phút lâm chung của Ivan Ilyich anh ta ở trong một cảnh giới tối tăm, giống như hang động, thoáng thấy chiếu lại cuộc đời mình và sau đó y đi vào vùng ánh sáng rực rỡ.

Xin thưa đây chỉ là một vài trong số rất nhiều quyển ta có thể đọc. Đây không phải là một hiện tượng mới mẻ gì, nó đã xảy đến với con người từ lâu, lâu lắm rồi.

ĐÓN XEM KỶ TỐI CHƯƠNG VI.- HÒI THÊM

Ngày Đưa Quê Mẹ

Lắc léo cầu tre nổi nhịp ba
Bắt ngang kính nhỏ đọng phù sa
Lục bình lấm lấm màu hồng tím
Rải rác theo dòng nhẹ chảy qua

Khóm trúc đầu làng rậm lá xanh
Dịu dàng say ngủ dáng yên lành
Đứng bên đường đất còn mơ mộng
In bóng rung rinh xuống phủ mình

Thửa mạ kê bên nắng trên đầu
Reo vui như sóng vỗ về đầu
Chân trời xa tím vàng mây mỏng
Thấp thoáng đàn trâu trên ruộng sâu

Trái ngọt cằn cây, nụ vẫn sai
Chồi non mát rượi gió lay lay
Mấy mươi mái rạ nằm thủa thắt
Thở khói lam chiều ả lá bay

Làng nhỏ bình yên bao tháng năm
Quê mùa chất phác sống âm thầm
Không màng danh lợi, ganh đua sắc
Leo lét đèn dầu xóa tối tăm

Nơi đó ngoan hiền tôi lớn lên
Quanh tình ruộng lúa trở mình
Trường xa đếm bước chân chim
sáo
Lẻ lửng hàng cây nắng mới lên...

Cách trở...
thời gian lặng lẽ trôi
Nhịp canh nền lặn bất hồi hồi
Tuyết bay mờ mịt phương trời lạ
Thành hạt thương buồn đậu mắt
tôi!

Mẹ già còn tựa cửa
Cha già còn thương mong
Em thơ còn đùa giỡn
Con kinh nước cạn dòng...

Không biết bây giờ quê mẹ tôi
Dây trâu thắm lá cá dầm chồi
Vườn cây du đủ còn sai trái
Trường, lớp ngày xưa... mới quét
vôi?

• Huy Giang

BÍ ẨN VỀ TIỀN KIẾP VÀ HẬU KIẾP

• Tác giả ĐOÀN VĂN THÔNG

CHƯƠNG VI

VẤN ĐỀ QUÊN HAY NHỎ LẠI KIẾP TRƯỚC

A. NẾU CÓ LUÂN HỒI, TẠI SAO LẠI KHÔNG NHỎ TIỀN KIẾP?

Đây là câu hỏi đã được loài người đặt ra từ lâu khi vấn đề luân hồi được nêu ra. Nếu luân hồi là có thật thì cho đến nay, nguyên nhân nào đã khiến cho con người nhỏ lại hay quên đi cuộc đời trước đó của mình vẫn chưa hoàn toàn được giải thích và chứng minh rõ ràng. Tuy nhiên không phải đó là nguyên nhân để phủ nhận vấn đề luân hồi. Vấn đề luân hồi là một vấn đề sâu xa tế nhị. Từ ngàn xưa, con người đã tìm cách giải lý vấn đề này. Trong nhân gian, không hiếm những lời giải thích tại sao lại quên những gì về tiền kiếp. Nếu giả dụ rằng có sự tái sinh thì sự nhỏ lại kiếp trước sẽ gây ra biết bao điều phiền toái và trở ngại. Một người sinh ra nếu nhỏ lại tiền kiếp của họ, người ấy sẽ tìm đến những gì liên quan đến bản thân họ ở quá khứ hơn là ở hiện tại. Thực tế trên thế gian đã có nhiều trường hợp xảy ra. Vì hiện tại họ chỉ mới sinh ra và rất mới lạ đối với những người mà họ nhận là cha, mẹ, anh, em, bà con... Một thí dụ dễ hiểu là khi một đứa bé ra đời và đến tuổi biết suy nghĩ, nếu đứa bé ấy nhỏ lại tiền thân của mình là con của ông A, bà B thì dĩ nhiên khi lớn tình mẫu tử, phụ tử sẽ sống dậy nơi đứa bé và dĩ nhiên nó sẽ tìm đủ mọi cách để gặp lại cha mẹ cũ. Như vậy người mẹ hiện nay của đứa bé sẽ ra sao? sẽ đau đớn, khổ sở, buồn rầu biết chừng nào? thí dụ ấy giống như tâm trạng của một cô gái ngày xưa về nhà chồng mà bao nhiêu kỷ niệm đẹp với người yêu dấu đều bỏ lại đằng sau trong khi người mà mình sẽ gọi là chồng thì lại là một người không quen biết do cha mẹ đặt để. Cũng vậy, nếu một người sinh ra nhỏ lại cha mẹ của tiền kiếp thì hình ảnh ấy sẽ lóe cuốn vô cùng không những vì tình cảm ràng buộc mà còn có thể là vì tò mò muốn biết sự thật về kiếp trước của mình ra sao.

Luật luân hồi quả báo quy định rõ ràng con người sẽ phải chuyển sinh qua nhiều kiếp và những gì họ phải trải qua như buồn đau khổ hận, tai nạn hoặc sung sướng, hạnh phúc, giàu sang, đều do từ kết quả họ tạo ra từ kiếp trước. Hiện tượng luân hồi được xem như là một định luật. Tuy nhiên luật này dễ bị xáo trộn khi con người biết được rõ ràng mỗi

kiếp của mình. Những bậc Đại Sư, những vị Cao Tăng cũng chưa hẳn biết rõ tiền kiếp của mình. Những bậc Thiền giả có huệ lực cao khi tập trung tư tưởng mới có thể nhỏ lại kiếp trước và xem đó như là những biến cố đã xảy ra trong những dòng đời trước đó của mình. Chính Đức Phật Thích Ca khi đang trên đường tìm đạo, vẫn chưa biết được tiền kiếp mình, mãi đến khi chứng ngộ đạo pháp mới thấy được các kiếp. Nhờ Ngài đã đắc được Túc Mạng và Thiên Nhân Minh, nhờ đó mà Ngài nhớ lại được hàng ngàn tiền kiếp chuyển hóa trong trí như một cuộn phim quay ngược dòng thời gian.

Như vậy, chỉ những bậc siêu phàm mới có khả năng nhớ lại tiền kiếp, còn loài người hầu như tất cả đều chìm đắm trong tối tăm mờ mịt không thấy, không biết những gì đã xảy ra ở những tiền kiếp của mình. Chỉ họa hoằn mới có những trường hợp dị biệt lạ lùng như có những đứa bé mới 4, 5 tuổi kể lại tiền kiếp mình hay có người có khả năng khơi dậy những hình ảnh của kiếp trước nơi người khác.

Trong dân gian Việt Nam ta thường nghe kể lại chuyện những người chết đi sống lại kể chuyện thác vào Địa ngục. Những linh hồn này trước khi đi qua chiếc cầu khỉu khiếp để đến chốn Diêm phủ, họ đều được quỷ sứ cho ăn cháo. Cháo này gọi là Cháo Lú. Công dụng chính của Cháo Lú là để linh hồn người chết quên hết những gì về quá khứ của đời mình để dễ dàng cho việc đầu thai sau này, vì nếu không thì những linh hồn ấy vẫn còn mang nặng những nỗi thương tiếc nước về cảnh cũ, người xưa, tình ruột thịt, máu mủ giữa cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái khiến lúc tái sinh luân hồi, họ lại tìm đến những gì liên hệ với tiền kiếp. Điều đó làm khó khăn trở ngại cho sự trả quả trong lần đầu thai lại này và cả những lần chuyển sinh khác nữa.

Câu chuyện truyền khẩu trong dân gian ấy nói lên phần nào sự quên đi tiền kiếp của mỗi người khi họ đầu thai. Tuy nhiên, như đã nói từ trên, từ cổ đại cho đến nay vẫn không hiếm những người có khả năng nhiều ít về sự nhớ lại những gì trong quá khứ. Trên thế gian có nhiều người có trí nhớ siêu đẳng và cao hơn nữa, có người có khả năng nhớ lại tiền kiếp như đã trình bày từ trước. Từ lâu, các nhà nghiên cứu về hiện tượng tâm thần như Freud, Jerome Kagan, Ernest Havemann, William C. Dement, berge, R.J., Webb, W.B., Cartwright, Johnson, L.C., Macleod, Kripke, D.F., Simons R.N... đều cho biết rằng tiềm thức là cái thâm sâu vi diệu nhất thuộc về lãnh vực tinh thần ở con người. Họ cố gắng nghiên cứu tìm hiểu những vùng thâm sâu của tiềm thức, vì kinh nghiệm cho thấy, qua giấc mơ nhiều người đã quay về thời kỳ ấu thơ của mình rất rõ ràng tự nhiên như

đang xem qua một cuốn Album dán các ảnh của họ chụp vào những giai đoạn từ ấu thơ đến khôn lớn. Những hình ảnh ấy vô cùng linh hoạt và rất chi tiết cả từ hình ảnh, màu sắc, cử chỉ, môi trường, sự việc xảy ra. Như thể rõ ràng là trong bộ não đã có những vùng giữ lại ký ức của mọi việc đã xảy ra từ lúc con người sinh ra. Theo nhà nghiên cứu nổi danh về vấn đề này là Historing Tan thì trí nhớ được giữ lại trong những phân tử protein của tế bào não. Nếu có một năng lực nào làm khởi động các phân tử ấy thì các ký ức sẽ được phục hồi rõ nét. Từ lâu phương pháp thôi miên được áp dụng để làm khơi dậy những hình ảnh của quá khứ ẩn nhập trong những vùng sâu thẳm của bộ não. Nếu khả năng của thuật thôi miên mạnh mẽ hơn nữa thì những hình ảnh của quá khứ xa xăm của một đời người sẽ hiện ra rõ rệt trong trí nhớ người đó và xa hơn nữa là tiền kiếp của người ấy. Nhiều thắc mắc về hình ảnh của tiền kiếp từ lâu đã được đưa ra. Người ta tự hỏi rằng tại sao trong bộ não một người lại có tích chứa những hình ảnh của tiền kiếp trong khi người ấy sinh ra và lớn lên rồi già chết, bộ não ấy chỉ có trong một đời của họ mà thôi? Làm sao một bộ não của một đời người lại ghi nhận những dữ kiện xảy ra từ những đời trước đó?

Cũng cần nhắc rằng từ lâu, các nhà nghiên cứu về óc não đã quan tâm đến vấn đề là bộ não con người là một thế giới lạ lùng mà sinh vật học mỗi lần bước vào một vài đoạn đường của nó mà thôi. Ngày nay, các nhà khoa học nhận thấy rằng từ lúc con người sinh ra cho đến khi họ qua đời, dù người ấy sống đến 100 tuổi đi nữa thì họ cũng chỉ tiêu thụ có một phần mười năng lực của bộ não. Vậy còn phần kia vẫn chưa dùng tới là bởi nguyên nhân nào? Phải chăng những phần kia còn tích chứa những ký ức, hình ảnh, sự kiện của nhiều đời nhiều kiếp khác nữa. Chỉ khi nào có được sự kích động, kêu gọi do nguyên động lực nào đó làm phát sinh như sự thôi miên chẳng hạn thì những ký ức ấy mới lộ rõ. Đôi khi những hình ảnh, sự kiện xảy ra trùng hợp với những hình ảnh trong quá khứ xa xăm của tiền kiếp cũng kích động được.

Điều này giải thích sâu xa hơn những trường hợp vì sao có người thấy cái bánh xe lại kiếp sợ vì trước đó hay từ tiền kiếp họ đã bị một tai nạn khủng khiếp có liên hệ tới bánh xe như bị tra tấn bằng bánh xe, bị bánh xe cán qua người. Nhiều người đôi khi còn hoảng sợ trước một vài thứ như sợi dây, nhánh cây, con mèo, hoặc có khi sợ nước, sợ màu đen, sợ tiếng còi... là những thứ xét ra không có gì đáng hoảng sợ. Nhưng theo khoa tâm lý học thì sự hoảng sợ ấy đều có nguyên nhân vì có thể trước đó những thứ ấy đã là nguyên nhân gây nên những sự việc hệ trọng, đôi khi nguy hiểm tạo đe dọa trong quá khứ và hình ảnh ấy ẩn sâu trong tiềm thức cho đến khi được khơi dậy lại từ những sự vật, hiện tượng liên quan.

Theo ông Edgar Cayce (người có khả năng khơi dậy những hình ảnh trong tiền kiếp của người khác) thì mỗi người đều có tích trữ trong bộ não mình những ký ức tiềm tàng từ tiền kiếp. Qua nhiều kiếp, mỗi người đã trải qua những giai đoạn phức tạp khác nhau và đôi khi những hình ảnh trong ký ức ấy được

hiện ra trở lại qua nhiều tác nhân như giấc mộng khi đang ngủ hay những hình ảnh khi đang thức hay mạnh mẽ hơn và rõ ràng hơn khi được kích động qua giấc ngủ thôi miên. Tiến sĩ Igo Xamolovich Lixevich (Nga Xô), nhà nghiên cứu về triết học Đông Phương đã ghi nhận rằng:

"Không riêng gì ở các nước Đông Phương huyền bí mà ngay ở các nước Âu Châu và Mỹ Châu, đâu đâu cũng có những trường hợp lạ kỳ mà cho đến nay giới khoa học vẫn chưa giải thích được".

Nhiều người, nhất là con trẻ đã kể lại quang đời về tiền kiếp của họ.

Các nhà khoa học hiện nay chỉ mỗi dựa vào các "gen" di truyền ở các nhiễm sắc thể trong tế bào và gọi từ trí nhớ "gen" hoặc giải thích qua hiện tượng tiềm thức là những gì mà ý thức con người không kiểm soát nổi hoặc qua những hình ảnh hay câu chuyện ngẫu nhiên nào đó để rồi tích tụ lại trong tiềm thức và khi gặp điều kiện hay bất chợt phát sinh vì một tác động của một sự thúc đẩy nào đó về tâm lý. Riêng đối với các nhà nghiên cứu siêu linh thì có một lý luận cho rằng: cái gọi là hồn của một người chết nào đó đã nhập vào một người khác và nếu người bị hồn khác xâm nhập lại yếu về năng lực tinh thần lẫn thể xác thì khi đó sẽ bị hồn mới nhập không chế và điều trước tiên là kích động việc nhớ lại cuộc đời của người khác. Thật sự cho đến nay, vấn đề vẫn chưa được sự giải thích rõ ràng.

B. VAI TRÒ THÔI MIÊN TRONG VẤN ĐỀ NHỎ LẠI TIỀN KIẾP

Thôi miên được hiểu như là những tác động để đưa một người đi vào giấc ngủ, những giấc ngủ này có vẻ khác thường vì người ngủ ấy không ở vào trạng thái ngủ của giấc ngủ tự nhiên bình thường mà thể hiện ở trạng thái vô cùng đặc biệt như đang đi vào cõi thế giới xa lạ nào đó, hoặc thấy những sự việc của quá khứ hay tương lai. Tuy ngủ nhưng người ấy vẫn thấy và vẫn nghe tất cả những gì diễn biến trong giấc ngủ. Thôi miên vì thế được nhiều người hiểu như là một trạng thái xuất hồn và người đi vào giấc ngủ thôi miên đôi khi thấy được những sự việc ngoài tầm mắt họ.

Có người tự mình có thể làm cho mình tự đi vào giấc ngủ thôi miên. Tuy nhiên trường hợp ấy rất hiếm như trường hợp ông Edgar Cayce, người có khả năng lạ lùng về lãnh vực này. Còn phần lớn đều phải tập luyện kiên trì và phải có cái thiên tư, năng khiếu hay "điện lực" nào đó. Cũng có người, mà phần lớn đều phải được những người có khả năng như đã nói ở trên đưa mình vào giấc ngủ thôi miên. Người nổi danh về lãnh vực thôi miên là nhà nghiên cứu De Puységur (năm 1784). Những khoa thôi miên đã thật sự phát triển vào thời cổ đại. Ngày nay thôi miên sau khi phát triển, được lưu ý và công nhận là một sức mạnh của tinh thần trong khoa tâm lý học, thôi miên đã đi hẳn vào ngành y khoa và là một lợi khí vô cùng quan trọng trong phép tìm bệnh, chữa bệnh.

Từ xưa, các nhà y học, đã lưu tâm đến hiện tượng thôi miên, một hiện tượng liên quan đến tâm sinh lý, một hiện tượng cao

siêu thuộc lãnh vực tinh thần. Đó là một năng lượng tinh thần có sức mạnh lạ kỳ trong phép trị liệu những bệnh thuộc lãnh vực tinh thần. Từ Bác sĩ Petétin (1808) đến Bác sĩ Braid đều chú trọng đến khoa thôi miên. Trước đó khoảng 300 năm, khoa thôi miên cũng đã được dùng để truy tìm nguyên nhân của tật bệnh. Về sau, Bác sĩ Berheim đã chứng minh rõ ràng về khả năng của phương thức chữa bệnh và tìm bệnh nhờ thôi miên. Nhà vật lý học nổi tiếng Pháp là Patrick Drouot đã áp dụng phương thức thôi miên để trị bệnh và truy tìm bệnh.

Từ lâu, các nhà nghiên cứu về thôi miên cho thấy rằng khoa thôi miên có khả năng khơi dậy những gì thuộc về ký ức tiềm ẩn về những quá khứ xa xăm mà trí nhớ của con người bình thường không thể nhớ lại được. Ngày xưa, các nhà y học và tâm lý học ứng



dụng sự kiện này vào việc chữa bệnh tâm thần. Họ truy nguyên do đâu làm phát sinh sự điên loạn, lo sợ, sầu bi, uẩn khúc, rối loạn tâm trí ở con người. Dần dần, các nhà nghiên cứu đã khám phá ra được một điều mới mẻ kỳ lạ khác là đôi khi trong giấc ngủ thôi miên, con người còn có khả năng kể lại những hình ảnh lúc còn bé mà trước cả thời gian đó. Như vậy ý nghĩa sâu xa hơn nữa chính là tiền kiếp của người đó. Nữ Bác sĩ Hoa Kỳ nổi danh chữa bệnh bằng phương pháp thôi miên để khơi dậy tiền kiếp là bà Edith Fiore. Bà Helen Wambach là nữ Tiến sĩ, chuyên nghiên cứu về luân hồi tái sinh cũng đã áp dụng phương pháp thôi miên để đưa người bệnh nhớ lại tiền kiếp.

Bác sĩ Alexander Cannon là một nhà nghiên cứu về bệnh lý liên hệ tới hiện tượng tâm lý đã khẳng định rằng: trước đây ông còn nghi ngờ về vấn đề liên quan đến hiện tượng tái sinh và nhất là những gì xảy ra trong quá khứ xa xăm của kiếp người lại được hiện rõ qua giấc ngủ thôi miên của

người đó nhưng về sau, qua hàng nghìn trường hợp được nghiên cứu cẩn thận ông không còn thấy mỗi nghi ngờ nào nữa về tác dụng của khoa thôi miên trong vấn đề khơi dậy tiềm năng của trí nhớ về những hình ảnh của tiền kiếp.

Các nhà nghiên cứu thôi miên cho biết não bộ con người được xem như là một máy phát điện hay một bình ắc-quy. Đồng thời cũng là một bộ máy thu lượm sóng điện. Khi muốn đạt kết quả của thuật thôi miên, cần tập trung ở vùng trung tâm của sự tập trung tư tưởng hay chú ý. Người Ấn Độ từ xưa đã biết rõ điểm tập trung này. Điểm này được đánh dấu rõ ràng giữa 2 chân mày, thường người Ấn Độ hay tạo một chấm đỏ ở trán nằm ngay ở điểm tập trung này.

(Đưa người tìm về tiền kiếp của mình: Một phương pháp thành công của khoa Thôi Miên (trở về tiền kiếp qua giấc ngủ thôi miên) (Ảnh từ tài liệu của Francis X. King trong Mind, Magic - First Published by Dorling Kindersley Ltd. 1991 - London).

Hiện nay việc áp dụng khoa thôi miên trong vấn đề khơi dậy quá khứ đã và đang được phát triển khắp nơi trên thế giới. Các cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu và trị liệu các loại bệnh thuộc nan y đang được mở ra ở nhiều nơi do các nhà nghiên cứu về thôi miên kết hợp với các nhà tâm lý học và y, bác sĩ. Cũng từ đó, các nhà nghiên cứu về hiện tượng tâm linh đã bắt đầu vững tin vào những gì mà từ lâu họ đang lần bước tìm hiểu: đó là hiện tượng nhớ lại tiền kiếp của mỗi người.

C. TUỔI TÁC VÀ KHẢ NĂNG NHỎ LẠI TIỀN KIẾP

Như vậy, những gì gọi... là tiềm thức, là hình ảnh và trí nhớ trong tiền kiếp là điều không thể chối cãi. Từ đó vấn đề mỗi con người không thể nhớ lại tiền kiếp mình cũng được các nhà nghiên cứu về hiện tượng luân hồi giải thích như sau:

Ngay trong mỗi con người của chúng ta đôi khi cũng thường bị quên trong cả những việc mỗi vừa làm chỗ không riêng gì những điều đã xảy ra từ tấm bé. Có người tự hào mình nhớ hết những gì xảy ra hồi còn bé, nhưng thật sự họ chỉ nhớ những hình ảnh và sự việc đại cương mà thôi chỗ không thể nào nhớ chi tiết từng ngày từng giờ từng tháng từng năm cùng với mọi sự việc xảy ra. Theo các nhà não sinh học thì sự quên là điều rất cần thiết vì bộ não cũng cần được nghỉ ngơi. Não là một thư viện khổng lồ lưu trữ biết bao nhiêu sách vở tài liệu của ký ức con người, mỗi giây mỗi phút mỗi ngày mỗi giờ đều có những hình ảnh, sự kiện khác được thu nhận, những gì trước đó phải được cho vào sâu trong tiềm thức, sẽ là ký ức để dành chỗ cho những sự kiện khác đến. Vì thế sự quên chỉ là điều hiển nhiên. Chỉ khi nào cần đến hoặc được khơi dậy thì chúng mới hiện ra. Vậy sự quên không có nghĩa là mất hẳn mà sự quên nên được hiểu như một cuốn sách đang để

cho ra sự thật và sự thật lại rất phù hợp với những gì mà cháu bé đã mô tả. Có lần Bác sĩ Stevenson nghe một người đàn bà kể chuyện về người con của bà ta mới lên 5 tuổi. Một hôm bà chuẩn bị đi chợ (chợ đi rất xa) thì cháu bé nói một cách tự nhiên: "Ồ! Mẹ phải lấy xe đi chợ! Con có xe mà. Mẹ không cần phải đi bộ tới chợ xa xôi. Chỗ con ở có xe, tài xế sẽ chở mẹ tới chợ...".

Cũng theo Bác sĩ Stevenson thì đôi khi những con trẻ này lại có những thái độ, cử chỉ, lời nói hay sự lo lắng rất đặc biệt. Sự kiện này có liên quan đến người đã được nhắc đến ở quá khứ hay tiền kiếp. Người ấy không ai khác hơn là cháu bé hiện tại. Nếu người ấy đã chết vì tai nạn sông nước hay những gì liên quan tới nước cháu bé này sẽ rất sợ nước. Nếu người đó bị bắn chết thì cháu bé rất sợ tiếng súng nổ hay trông thấy súng là hoảng sợ. Nếu người đó trước đây chết vì bị rắn cắn thì hiện tại cháu bé lại sợ rắn vì bị ám ảnh về những gì đầy ghê sợ từ tiền kiếp do rắn gây ra. Đôi khi đứa bé lại rất ham thích một loại thức ăn đặc biệt nào đó, hoặc màu sắc nào đó hay loại quần áo nào đó. Một trường hợp điển hình đã xảy ra tại Miến Điện. Một em bé đã kể lại tiền kiếp của mình. Lúc đó em là một quân nhân Nhật Bản và đã bị giết trong trận thế chiến thứ hai. Điều kỳ lạ là em rất thích uống trà đậm và ăn thức ăn có nhiều cá, rau và rong biển, đây là những thức uống và thức ăn thường ngày của người Nhật, mặc dầu lúc này em là người Miến Điện, mà người Miến thì lại thích uống trà loãng. Theo sự nghiên cứu và phân tích tỉ mỉ của Bác sĩ Stevenson thì có nhiều bé gái nhỏ lại tiền kiếp của mình là trai và cũng có trường hợp có nhiều bé trai nhỏ lại tiền kiếp của mình là gái và cũng từ đó mà chúng thích ăn mặc cũng như có cử chỉ đáng điệu phù hợp với phái tính trước đó. Nhiều người đã hỏi Bác sĩ Stevenson rằng: trường hợp những người thuộc về Homo-Sexuality (thuộc tính dục đồng giới tính, đồng tính luyến ái) có phải là do từ bản thân tiền kiếp có giới tính khác biệt hay không thì Bác sĩ Stevenson đã trả lời rằng: "Tôi nghĩ điều đó có thể có và cũng có một số biệt lệ, như vấn đề khác biệt nhau về phương diện sinh vật học...".

Trở lại vấn đề con trẻ có khả năng nhớ lại tiền kiếp thì Bác sĩ Stevenson đã nêu ra trường hợp các trẻ con khi có khả năng ấy, thường hay mô tả rõ ràng chi tiết về cái chết của chính mình ở kiếp trước. Sự kiện này thường xảy ra nhiều và có từ 60 đến 70 phần trăm trường hợp như vậy. Đặc biệt nếu cái chết xảy ra quá khủng khiếp hay do tự sát thì lại càng dễ đem lại sự hồi tưởng về cái chết và cách chết ở kiếp sau nơi đứa trẻ hơn. Khi đứa trẻ tái sinh thì lần này những ký ức khổ đau rùng rợn ấy sẽ làm nhớ lại và thôi thúc chúng tìm đến cội nguồn của kiếp trước và dường như muốn thấy lại những gì mà chúng đã làm hay đã trải qua.

Nhà siêu tâm lý Banglopp đã đặt câu hỏi rằng: Phải chăng những người bị chết bất đắc kỳ tử lại thường nhớ rõ về thời gian và những gì đã xảy ra đến cho họ ở kiếp trước trong khi họ bước hẳn vào cuộc đời mới khác ở một con người khác. Phải chăng vì qua cái chết bất ngờ của tiền kiếp, vì chết không theo đúng với quy luật của tự nhiên (sinh,

lão, bệnh, tử) nên đã khiến linh hồn thoát khỏi thể xác một cách bất ngờ và chính sau cái chết bất ngờ ấy, đã khiến cho về sau khi hồn nhập vào thân xác mới khác vẫn còn giữ được sự liên quan mật thiết với những gì của thời quá vãng...

Trường đại học Delhi ở Ấn Độ đã hợp tác với đại học Virginia của Hoa Kỳ trong vấn đề nghiên cứu những sự kiện đặc biệt về con người. Một thống kê mới nhất cho thấy các trẻ nhỏ thường có khả năng phát lộ về các hiện tượng siêu tâm lý và phần lớn các trẻ này thường cho thấy được phần nào "quá khứ xa xăm của chúng". Quá khứ đây được hiểu như đã xảy ra trước khi đứa bé chào đời hay nói khác hơn là tiền kiếp. Các nhà nghiên cứu cho rằng, do sự tinh cở, con người có thể biết được những điều lạ lùng hé lộ qua câu chuyện của các trẻ nhỏ về những gì đã xảy ra trước lúc đứa bé ấy sinh ra. Thường thì các em nhỏ có số tuổi từ 3 đến 7 là nhạy cảm và có khả năng "nhớ lại". Càng lớn lên, thì khả năng "nhớ lại" những gì đã xảy ra ở thế hệ trước sẽ không rõ ràng hay không còn.

Theo thống kê thì có đến 82% tổng số trường hợp là các đứa trẻ nói trên khi kể lại "Quá khứ" đã nhớ được tên tuổi mình lúc đó. Đại Đức Ấn Độ K. Sri Dhammananda đã ghi lại trong bộ sưu tập của mình về vấn đề tái sinh chuyện một em bé 7 tuổi có tài chữa bệnh và chế thuốc rất hay. Khi được hỏi bé trả lời một cách rất tự nhiên: "Trước đây, tôi không phải như bây giờ, lúc ấy, tôi là một thầy thuốc danh hiệu là Ules Alpherese và tôi đã chữa bệnh, điều chế thuốc giúp rất nhiều người. Giờ đây, dù ở thân xác khác, tôi vẫn tiếp tục làm được điều mình mong ước".

E. NHỮNG NGƯỜI ĐI VÀO QUÁ KHỨ

Vấn đề khả năng nhớ lại tiền kiếp càng ngày càng được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu và hy vọng trong tương lai chắc chắn con người sẽ còn thu thập được thêm nhiều sự kiện mới lạ hữu ích khác và từ đó mà mới nghĩ ngờ hoang mang về những gì gọi là tiền kiếp, về tái sinh, về luân hồi sẽ không còn là một vấn đề phải bàn cãi nữa.

Điều cần lưu ý thêm là song song với hiện tượng nhớ về tiền kiếp xa xăm, hiện nay các nhà nghiên cứu còn quan tâm hơn nữa về một số hiện tượng khác tương tự đó là hiện tượng thấy trước những sự việc trong quá khứ và cả trong tương lai nữa.

Mùa hè năm 1901 có hai người phụ nữ tên là Eleanor Jourdain và Anne Moberly đi thăm các lâu đài nổi tiếng của Pháp. Nơi họ say mê nhất qua sách vở báo chí và nhất là qua tài liệu lịch sử là Điện Versailles. Ngôi biệt điện nguy nga vĩ đại nổi danh thế giới qua các triều đại vua chúa vàng son của nước Pháp được xây dựng bởi vua Louis thứ XIII và sau đó được các vua Louis kế tiếp phát triển thêm. Ngay bước xây cất đầu tiên, ngôi biệt điện này đã tiêu phí hết 1000 triệu đô-la chỗ không phải tính theo tiền phạt-lãng. Hằng năm du khách đến thăm điện Versailles rất đông nhưng hai phụ nữ này chỉ thích tự mình đi thăm không qua một tổ chức hay một phái đoàn du lịch nào. Họ không muốn bị lệ thuộc vào nhiều hoàn cảnh và

thời gian đi lại vì họ rất thích nghiên cứu lịch sử. Với một cuốn chỉ nam du lịch Pháp bỏ túi, hai người đàn bà này đã lần mò để đến những nơi mà họ thích tìm hiểu.

Đầu tiên, cả hai lên ô-tô và khi ô-tô đến bên đường họ đã đến nơi nếu họ quẹo tay mặt nhưng họ lại xuống xe và đi tiếp một đoạn đường khá xa. Sau đó họ thấy một con đường nhỏ, một con đường vắng tanh, đó là con đường đất dẫn vào một đám cây xanh ngắt. Sẵn óc tò mò và thích du lịch thám hiểm, hai người đàn bà với túi xách trên tay đi lần theo con đường. Không gian êm vắng lạ thường, xa xa là khu rừng thông ngút ngàn. Họ phân vân và có cảm giác mình bị lạc đường. Nhưng họ thấy có nhiều ngôi nhà nông dân đàng xa rồi thấy bên đường cái cào sắt và cái xẻng đặt gần chiếc xe cút kít. Họ gặp nhiều người trên đường lúc đầu là hai người đàn ông mặc áo choàng màu xám xanh, rồi nơi thềm một túp lều, cô Jourdain thấy một người đàn bà lớn tuổi đang đứng với một cô gái trẻ. Sau vài phút, họ lại gặp một người đàn ông cũng mặc áo choàng và đầu đội mũ rộng vành. Người đàn ông này có giường mặt làm li, xam xám và điểm những chấm đỏ hoa. Bà Anne Moberly định hỏi thăm đường nhưng thấy đáng dấp và vẻ nghiêm khắc của người đàn ông này nên không hỏi nữa thì vừa lúc đó có một người đàn ông tút xa chạy lại đứng trước mặt họ và nói có vẻ sốt sắng:

- Tôi có thể dẫn các bà đi nếu các bà cho phép?

Bà Anne và cô Jourdain cảm thấy vui vui và họ cảm ơn người đàn ông đã ngó ý muốn dẫn đường cho họ. Họ qua một cây cầu nhỏ bắc ngang qua một con suối mà tiếng nước suối đổ sao nghe xa xăm nhẹ nhàng như xem qua màn ảnh chỉ có hình mà không có tiếng động. Người đàn ông dẫn họ qua cầu rồi từ biệt. Trước mặt hai người là một khoảng yên tĩnh khác. Một người đàn bà đang trầm ngâm ngắm nghĩa bức tranh bà đang vẽ. Họ gặp hai người đàn ông đi tới, yên lặng và nhẹ nhàng như hòa vào cái tĩnh mịch của vùng đất mà họ đang đi qua. Đầu đầu cũng đều nhuốm vẻ thâm trầm, lặng lẽ. Khi vừa đến một căn nhà gần cuối đường họ mới nghe thấy quang cảnh ồn ào vui vẻ phát ra, họ nhìn vào và biết đó là một cuộc đám cưới linh đình. Một người đàn ông bước ra đưa cao ly rượu chào đón họ...

Hai phụ nữ cảm thấy mỏi chân và họ ngồi lên một tảng đá lớn bên hàng cây râm mát để nghỉ mệt. Gần chiều họ quay trở về. Điều kỳ dị là con đường họ đi qua còn đó nhưng tất cả những gì họ đã thấy đều như tan biến cả, không còn ngôi nhà ồn ào náo nhiệt, không còn người đi lại, chẳng thấy túp lều ở đâu và cả xe cút kít và cào xẻng... Hai phụ nữ trở về Ba Lê (Paris) mỗi người đều mang tâm trạng hoang mang kỳ lạ về những gì mình đã thấy. Họ thì thào hỏi nhau như sợ nói to ra sẽ động tới những gì linh thiêng huyền diệu nhất. Họ xem các tập ghi chép của nhau và xác nhận rằng mỗi người đều thấy rõ ràng những hình ảnh xảy ra trước mắt mình không có gì sai lệch.

Điều kỳ dị là họ nhớ lại những căn nhà xưa, những túp lều và cách trang phục của những người mà họ gặp. Xem lại bản đồ và sách chỉ dẫn, họ thấy không thể có vùng đất

nào như họ đã đi qua có trong tài liệu cả. Hơn nữa những gì họ thấy không thể nào có được vào thời đại họ đang sống nhất là những kiểu mũ, nón, áo quần mà họ đã thấy ở những người mà họ đã gặp. Tài liệu lịch sử cho biết những gì mà họ đã thấy chỉ có ở thời đại cách xa thời đại họ đến gần 200 năm.

Khi đọc kỹ lại nhật ký của nhau, hai phụ nữ thấy có một điều lạ là trong khi bà Anne Moberly thấy người phụ nữ ngồi vẽ tranh bên kia cầu thì cô Jourdain lại không thấy. Còn khi Jourdain thấy người đàn bà lớn tuổi và cô gái ở túp lều thì bà Anne Moberly lại không thấy. Nói mà hai phụ nữ trước đó quyết định viếng thăm là khu nghỉ mát nổi tiếng Petit Trianon, đó là khu nghỉ hè của hoàng hậu Marie Antoinette.

Bà Anne Moberly và Jourdain cảm thấy như họ đã gặp phải một trường hợp dị thường. Nếu chỉ một người đón độc gặp phải hoàn cảnh ấy thì có thể họ sẽ cho là một giấc mơ qua hay là một ảo giác (hallucination) mà họ đã trải qua. Nhưng ở đây chính cả hai người đều đã cùng đi và cùng thấy những cảnh tượng như nhau (chỉ ngoại trừ 2 sự kiện vừa kể trên). Vậy có cái gì đó lạ lùng đã xảy ra và đã, đang hiện diện kề cận bên những gì gọi là cõi thế gian. Phải chăng cái quá khứ vẫn nằm mãi bên cái hiện tại?

Vốn là người thích mạo hiểm, tìm tòi, nghiên cứu, hai phụ nữ ấy quyết định thử lại một chuyến đi du hành đến khu nghỉ mát Petit Trianon lần nữa. Họ lại đi vào con đường nhỏ yên lặng. Khi gần đến công viên đầy hoa lá, họ bỗng nghe tiếng nhạc thoang thoang và từ xa có hai người công nhân đội mũ màu xanh đỏ đang mang củi lên chiếc xe nằm gần một mô đất cao.

Sau đó, cả hai phụ nữ đến gặp người trông coi khu nghỉ mát Petit Trianon. Người này sau khi nghe hai cô gái kể lại mọi sự họ đã trông thấy (cũng như những gì họ đã ghi chép lại trong cuốn nhật ký) thì chỉ lắc đầu nói: "Tôi xin phát biểu là tất cả những gì hai cô đã trình bày đều là của quá khứ vì tôi là người trực tiếp coi sóc khu này đã lâu năm, tôi chưa bao giờ trông thấy những người như đã kể, hơn nữa, với những áo quần, nhà cửa, vật dụng ấy thì chỉ có thể thấy được cách đây hơn một thế kỷ mà thôi". Nhận thấy những gì mình kể lại đều khó được ai chấp nhận hay giải thích. Cả hai phụ nữ lại đến khu Versailles lần nữa. Những lần này, tất cả những gì mà họ đã đi qua, đã trông thấy đều không còn nữa. Họ chỉ còn một quyết định là đến thư viện lớn nhất là viện chuyên về lịch sử để tìm lời chứng nhận và giải đáp qua tư liệu mà thôi. Tại đây, qua các tài liệu lịch sử, phong tục học và xã hội học của nước Pháp, họ ghi nhận lại rằng những trang phục mà họ đã thấy qua những người xuất hiện ở Petit Trianon là trang phục của thời đại vua Louis. Nói họ đến khi qua cầu là nơi hoàng hậu Marie Antoinette đến nghỉ ngơi vào mùa hè. Người phụ nữ ngồi bên giá vẽ mà bà Anne Moberly thấy chính là hoàng hậu Marie Antoinette.

Câu chuyện lạ lùng mà Eleanor Jourdain và Anne Moberly đã trải qua chẳng bao lâu lời cuốn một số nhà nghiên cứu về các hiện tượng siêu hình. Các nhà sưu tập sử liệu cũng đã góp phần tìm hiểu về những gì mà

tập bút ký của hai phụ nữ này có ghi lại. Trong một bản tài liệu lịch sử người ta thấy có nhắc đến túp lều ở Trianon, nơi đây có hai người sinh sống là một cô bé 14 tuổi và một người mẹ của cô.

Người đàn ông gương mặt nghiêm khắc với những chấm rỗ là người quen thân của hoàng hậu thường đến chơi mỗi khi hoàng hậu đến nghỉ mát vào mỗi dịp hè ở khu này. Riêng về cây cầu mà hai phụ nữ đã đi qua với dòng suối êm dịu như mở nay không còn thấy thì lại có một tài liệu được phát hiện vào năm 1913 qua một bản đồ về chi tiết những địa điểm, địa danh của vùng Petit Trianon do chính người làm vườn của hoàng hậu Marie Antoinette vẽ, trên bản đồ này có vẽ hình cây cầu bắc qua một con suối.

Như thế, mọi thứ mà hai phụ nữ Moberly và Jourdain thấy lần lần đều đã được xác nhận và như thế, rõ ràng họ đã một đôi lần đi vào quá khứ mà họ không ngờ. Điều cần biết thêm là hai phụ nữ này đều là những nhà trí thức, Bà Anne Moberly là hiệu trưởng của trường College St. Hugh thuộc đại học Oxford, Cô Eleanor Jourdain là nhà nghiên cứu sử và là giảng viên về ngôn ngữ Pháp. Hai người này không phải là dân Pháp. Họ đến tham quan nước Pháp vào mùa hè năm 1901. Tư liệu về câu chuyện của họ hiện nay vẫn còn lưu trữ tại thư viện Bodleian của đại học Oxford.

Nhiều tài liệu nói về những hiện tượng trở lại quá khứ hiện nay đã được nhiều nhà nghiên cứu và những trung tâm nghiên cứu hiện tượng siêu hình sưu tầm và lưu trữ tại nhiều nơi trên thế giới.

Khi nhắc đến vấn đề đi vào quá khứ, người ta không thể quên những chuyện lạ có thật do Hans Holzer, một nhà nghiên cứu về các hiện tượng siêu tâm lý kể lại như sau: Năm 1964, một người đàn ông tên là Robert Cory (một con người khá nổi tiếng trong làng văn học nghệ thuật Hoa Kỳ) đã lái xe trên đường đến Los Angeles. Hôm đó trời quang đãng. Vì đường xa nên khi đến địa phận Oregon thì trời vừa tối nhưng ông Cory vẫn tiếp tục cuộc hành trình. Bỗng nhiên một trận bão tuyết nổi lên lại gặp lúc xe ông đang trên dốc núi. Ông Cory buộc lòng phải ngừng xe lại để quan sát tình hình vì tuyết đổ liên tục và đường lại cheo leo. Ông vừa xuống xe thì thấy từ xa có ánh sáng chiếu như có đèn ai đang mở đèn đường. Ông Cory liền cho xe chạy đến đó xem thử. Tại đây chẳng có ai. Mọi vật hoàn toàn yên lặng. Chỉ có bảng chỉ đường sáng lóa như được chiếu sáng bởi một nguồn sáng nào từ đám mây. Theo bảng chỉ đường, ông Cory cho xe chạy xuống núi và cuối cùng ông thấy trước mặt một vùng có nhà cửa mà đường sá thì có vẻ cũ kỹ, đầy ổ gà sỏi sục. Ông dừng xe lại trước một ngôi nhà bằng gỗ rộng lớn mà ông nghĩ đó là khách sạn. Ông Cory quyết định nghỉ đêm tại đây vì trời còn xấu. Ông bước vào ngôi nhà lớn ấy. Đọc hành lang ngôi nhà lớn ấy được trang hoàng bằng những chiếc đầu các loài thú. Có những tấm bảng gỗ tróc sơn nứt nẻ có ghi các năm 1800.

Điều kỳ dị ngôi nhà vắng vẻ lạ lùng không một bóng người. Ông định trở ra nhưng lại thấy có lửa cháy bập bùng ở lò sưởi phòng khách lớn nên lại đẩy cửa bước vào. Trời lạnh như cắt nên ông phải cần được sưởi ấm.

Ông đến bên lò sưởi và ngồi lên chiếc ghế dài. Cảnh đó ông thấy cái bàn nhỏ, trên bàn đặt cái điện thoại mà nhìn kỹ thì đây là loại điện thoại quá xưa cũ mà hầu hết các cơ sở làm ăn khắp nước Mỹ chẳng bao giờ tìm thấy có, đó là loại điện thoại phải quay số rườm rà trước khi gọi. Tuy nhiên ông Cory cũng phải dùng đến cái điện thoại này để gọi về nhà báo tin cho người thân. Những cái máy hình như không còn hoạt động nữa. Ông Cory cảm thấy mệt mỏi và buồn ngủ. Bỗng nhiên trong cái vắng vẻ yên lặng ấy ông bỗng nghe có tiếng động, tiếng động rất nhẹ và ông thấy một ông già đang từ tầng lầu trên đi xuống. Ông Cory tưởng đó là người quản thủ khách sạn. Nhưng nhìn kỹ lại, ông cụ giống một người nông dân ở vùng quê xa xôi nào đó vì nhìn lối ăn mặc và cử chỉ thấy ông ta thật vụng về thô lỗ cục mịch vô cùng. Ông cụ làm li đi đến bên lò sưởi và coi sự xuất hiện của ông Cory là tự nhiên - Có lẽ vì đây là một khách sạn - Thế rồi ông Cory ngủ thiếp đi trên cái ghế dài. Sáng hôm sau, ánh nắng xuyên qua cửa kính chiếu vào mắt khiến ông Cory chợt tỉnh. Ông thấy có nhiều người xuất hiện trong khách sạn mà phần lớn là những người già. Nhiều người nhìn ông nhưng có vẻ lo lắng không quan tâm. Ông Cory đã đến bên những người ấy để hỏi về ngôi làng xa lạ này và luôn tiện hỏi thăm có trạm xăng nào ở gần đây không? Ông mở miệng như thấy ít người đáp lời và nếu có thì những lời nói của họ không có mạch lạc hoặc chẳng có âm nhập kỷ với câu hỏi mà ông đã nêu ra cả. Ông Cory cảm thấy hoang mang trong lòng. Cái cảm giác trống vắng, lẻ loi, lạ lùng bỗng đến với ông thật nhanh theo dòng linh cảm. Ông hỏi: Đây là đâu? xin các ông vui lòng cho tôi biết, hiện tôi đang ở đâu đây? Có vài người bước tới nhìn ông và hình như có người cầm tay ông, ân cần vỗ về và chỉ đường cho ông rồi sau cùng nói: Ông đừng sợ! chẳng có gì phải sợ cả!

Ông Cory chợt nhớ tới chiếc xe, ông chạy ra khỏi khách sạn. Chiếc xe ông vẫn còn đó. Ông mở cửa xe và nổ máy chiếc xe chuyển động và ông Cory vội vã như muốn thoát mau khỏi một nơi thâm trầm kỳ bí chưa từng thấy này. Chiếc xe băng qua những con đường gập ghềnh. Ông Cory thấy một vài người làm lui bước đi hai bên đường. Những người này ăn mặc những quần áo mà hình như ông chỉ thấy đâu đó trong sách vở, từ điển. Ông Cory có cảm tưởng như đó là những kiểu áo quần ở thời đại xa xưa nào đó. Điều kỳ dị hơn nữa là trong khi lái xe ra khỏi vùng này, ông có cảm giác như xe đang đi chuyển trong lớp sương mờ.

Về sau, câu chuyện có thật mà ông Cory đã trải qua được nhiều nhóm nghiên cứu về những vấn đề không thể giải thích ghi nhận. Người ta không loại bỏ việc xác định lại vùng hoang dã, nơi ông Cory đã lái xe đến đó và vùng dân cư cùng ngôi nhà lớn mà ông đã bước vào ngủ qua một đêm. Tài liệu lưu trữ tại thư viện lớn ở đây cho biết xưa kia đây là một vùng thưa dân, nhưng có ngôi nhà Bưu điện Quốc gia lớn tên là US Post Office National, Indiana. Đó là khoảng những năm 1850, 1851, 1852 v.v... Rồi tám mươi năm sau đó, nghĩa là vào năm 1930 thì nơi đây biến thành Bệnh viện lớn dành cho các cựu chiến binh. Vậy, rõ ràng ông Cory đã tỉnh có

đi ngược dòng thời gian và vào thời quá vãng cách thời đại ông đến hơn cả trăm năm.

Một hiện tượng tương tự cũng không kém lạ lùng đã xảy ra khi hai nhà leo núi kỳ cựu là Donald Watt và George Bruce trong một chuyến leo núi (tháng 5 năm 1987), cả hai đều thấy rõ ràng có một ngôi nhà hai tầng nằm bên bờ hồ Mullardoch gần Cannich xứ Scotland rất nên thơ. Nhà có vách xây bằng đá Hoa Cường (Granite) và trông khá bề thế, đầy tiện nghi. Trước đó hai người này đã nghiên cứu kỹ qua bản đồ chi tiết của vùng mà họ sẽ đến và không có dấu vết gì ghi chú về căn nhà nói trên. Khi cả hai thấy ngôi nhà đó họ vô cùng kinh ngạc và tưởng như là một chuyện kỳ khôi vì không thể nào có ngôi nhà xuất hiện ở một nơi hoang vu lạ lùng như thế được. Tuy nhiên sự kiện xảy ra sau đó càng làm họ ngạc nhiên nữa khi cả hai sau một hồi leo núi quay lại nhìn thì không thấy ngôi nhà ấy đâu nữa. Khi trở xuống, họ đi vòng khắp hồ nhưng ngôi nhà đã hoàn toàn biến mất. Cả hai nhà leo núi ghi lại những gì mình đã thấy về ngôi nhà vào nhật ký. Sau đó, các tài liệu tra cứu có liên hệ về vùng này được các nhà sưu tập nghiên cứu phân tích và kết quả người ta được biết rằng khoảng những năm của 1950, ở đây có một số nhà nghiên cứu của nhà nước. Rồi vì một vụ ngập nước làm ngôi nhà bị chôn vùi xuống đáy hồ. Khi hai nhà leo núi trông thấy lại ngôi nhà thì rõ ràng ngôi nhà ấy là hình ảnh của quá khứ, một hình ảnh mà trước đó khoảng 30 năm nó là sự thật. Như vậy, hai nhà leo núi George Bruce và Donald Watt đã thấy được hình ảnh của quá khứ. Một sự kiện lạ lùng đã và đang xảy ra tại một vài nơi trên thế giới mà hiện nay các nhà khoa học thật sự còn bó tay chưa thể nào giải thích được. Được biết, tài liệu này được đăng lại trong cuốn *Unexplained Mysteries of the 20th Century* của Janet và Collin Bord biên soạn (nhà xuất bản Contemporary books - Chicago - USA - 1989).

Năm 1974 báo chí Hoa Kỳ có dịp đăng tải một tin lạ lùng về hình ảnh quá khứ xuất hiện. Tháng 6 năm 1974, một người tên là Bo Linus Orsjo đang đi bộ ở vùng có tên là Mount Lowe thì bỗng nhiên trông thấy một tòa nhà màu xanh lục to lớn xuất hiện trước mặt, đó là một khách sạn lớn. Người này cũng tưởng rằng đó là một khách sạn đã được xây cất và đang hiện hữu. Nhưng không ngờ, hai năm sau đến thăm lại vùng này anh ta không còn thấy cái khách sạn khổng lồ ấy đâu nữa mà chỉ thấy một vài di tích mục rữa đổ nát của vùng đất này mà thôi. Bo Linus Orsjo hỏi người quen trong vùng thì được các người già trong vùng cho biết là trước đó khoảng 40 năm, ở nơi mà Bo Linus Orsjo thấy khách sạn đã có một khách

sạn lớn được xây dựng nhưng đã bị thiêu rụi (đó là năm 1937).

Trong cuốn *Mystic Place* của nhà xuất bản Time Life Book (1991) có một tài liệu mô tả về một sự kiện có thật đã xảy ra tại vùng đất Loe Bar, nơi mà nhà địa chất học Stephen Jenkins đã thấy lại được hình ảnh của quá khứ. Tài liệu nhan đề là A Phantom Army at Loe Bar được tóm tắt như sau:

Một buổi trưa tháng 8 năm 1936, Stephen Jenkins sáu mươi tuổi, nhà địa chất thường tới vùng Loe Bar, một địa điểm thuộc vùng bờ biển Cornish. Trong khi Jenkins đang chăm chú theo dõi các vùng đất thì bỗng nhiên ông vô cùng ngạc nhiên khi thấy trước mặt mình một đạo quân thuộc thời Trung Cổ xuất hiện. Quân phục của họ chẳng tỏ họ đang trải qua những cuộc chạm trán trong trận mạc. Các chiến sĩ mặc áo đủ màu và khoác loại áo choàng không có tay màu trắng, màu đỏ và màu đen. Ngựa của họ có tấm che phủ với đầy đủ yên cương và những thủ trang sức cho ngựa. Một người lính đứng giữa đội quân, hai tay chống kiếm, mình khoác áo choàng màu đỏ tía đang quắc mắt nhìn chăm chăm về phía Jenkins đứng.

Vừa lạ lùng, vừa kinh ngạc, Jenkins, với tính tò mò, gan dạ và thích mạo hiểm, đã không ngần ngại tiến về phía đoàn quân. Nhưng hành động ấy đã làm toàn thể đoàn quân thời Trung Cổ biến mất tức thì. Jenkins giật mình ngơ ngác và tưởng như mình vừa trải qua một giấc mơ. Ông kể lại chuyện này cho người vợ nghe và họ đã ghi vào nhật ký hiện tượng lạ lùng này. Thế rồi 38 năm sau, ông Jenkins đã chọn đúng ngày mà cách đó 38 năm ông đã trông thấy điều kỳ lạ để cùng với người vợ đến ngay địa điểm mà ngày xưa ông đã đứng.



(Hình ảnh đoàn quân ma xuất hiện ngay trước mắt cặp vợ chồng nhà khảo cổ địa chất Stephen Jenkins. (Tài liệu của Time Life Books, 1991).

Hai vợ chồng lên đường với bức họa đồ ghi địa điểm trên tay, khi họ đến nơi, và đứng vào ngay địa điểm của trước đây Jenkins đã đứng thì lạ lùng thay hình ảnh đoàn quân thời Trung Cổ hiện ra lần này còn rõ ràng hơn lúc trước. Mặc dầu trước đó bà Jenkins không tin chuyện chồng mình kể nhưng lần này bà thấy rõ ràng điều mà bà không thể tin được. Đoàn quân với sắc phục rực rỡ, cờ xí, ngựa và gươm giáo dàn ra trước mắt mình, bà sợ quá níu chặt lấy cánh tay chồng và cố giụi mắt vì cử tưởng mình nằm mơ.

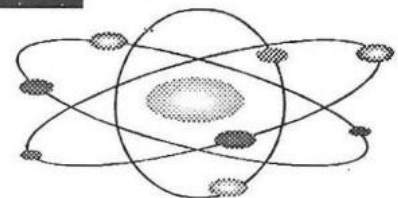
Khi tưởng trình sự việc này trước một nhóm nhà khoa học ông Stephen Jenkins đã nói như sau:

"Nếu lúc đó vài người trong quý vị có mặt với chúng tôi thì có lẽ lời trình bày này sẽ nặng cân hơn và có giá trị đứng đắn trung thực hơn..."

Nhiều giả thuyết đã được nêu ra để giải thích cho hiện tượng này. Theo sự giải thích của ông Stephen Jenkins thì có thể đạo quân ma này thường xuất hiện ngay nơi vùng Cornish và con người may mắn thấy được là do một năng lực tinh thần nào đó phát nguồn từ một giao điểm (node). Loe Bar vẫn còn đó những nơi mà năm 1936 cũng như năm 1974 Jenkins đã đứng sẽ không nhất thiết luôn luôn đều thấy được hiện tượng kể trên vì còn tùy thuộc vào môi trường, khí hậu, tầm nhìn và nhất là tùy vào từng con người đứng nơi địa điểm ấy. Điều này mỗi nghe qua có vẻ không hợp lý nhưng theo Janet và Collin (hai nhà nghiên cứu về hiện tượng siêu hình, ma quái) thì đó là vấn đề cần phải đặt ra. Hai nhà nghiên cứu này đã ghi nhận một trường hợp về "hồn ma" xuất hiện vào năm 1904. Tháng ba năm ấy, một toán học sinh được thầy giáo dẫn đi du khảo. Họ leo lên ngọn đồi Marlipit gần Honiton. Tất cả các học sinh hôm đó đều trông thấy một người đàn ông khoác áo choàng màu nâu và đội mũ rộng vành màu đen. Toàn thể con người và giường mặt u ám như phủ một màn sương khói. Theo tài liệu của Collin thì đó là một hồn ma đã được ghi nhận (tài liệu thư viện) từ năm 1685. Người đàn ông này là một trong những người trốn chạy từ trận đánh ở Sedgemoor vào năm 1685 và sau đó đã bị quân địch giết chết. Nhà anh ta ở ngay trên đồi Marlipit...

Tuy nhiên điều kỳ lạ là tất cả học sinh trong chuyến du khảo ấy đều thấy (người đàn ông trong quá khứ) nhưng thầy giáo dẫn các học sinh thì lại tuyệt nhiên không thấy gì cả...

(Còn tiếp)



DÂN TỘC NHẬT VỚI NGÀY LỄ PHẬT ĐÀN

·H.T. THÍCH TRÍ CHƠN

Nhật Bản là một trong những quốc gia Á Châu theo Phật Giáo. Theo biên niên sử (Nihonji) của Nhật, người ta biết rằng Phật Giáo được truyền vào Nhật Bản từ Đại Hàn (Korea) vào ngày 13 tháng 10 năm 552 Tây lịch. Trải qua nhiều thế kỷ, Phật Giáo ngày nay đã trở thành một tôn giáo lớn nhất tại Nhật gồm có tất cả 13 tông và 165 giáo phái. Hiện nay dân số Nhật có khoảng gần 120 triệu (thống kê năm 1980) trong đó hơn 80 triệu là tín đồ Phật Giáo. Đại lễ Phật Đản, ngày kỷ niệm đức Phật Thích Ca giáng sinh là ngày lễ trọng đại nhất đối với những quốc gia theo Phật Giáo. Tại Nhật Bản, ngày lễ Phật Đản cũng được các chùa khắp nơi trong nước cử hành hằng năm vào ngày 7 hay 8 tháng 4 dương lịch chứ họ không tổ chức vào ngày mùng 8 hay Rằm tháng 4 âm lịch như hầu hết các quốc gia Á Châu khác. Dân chúng Nhật thường tổ chức các ngày giỗ lễ và lễ tôn giáo theo dương lịch chứ không dùng âm lịch như người Trung Hoa hay Việt Nam chúng ta.

Lễ Phật Đản ngày 8 tháng 4 dương lịch ở Nhật còn có tên gọi là HANA-MATSURI (Hana: hoa; Matsuri: lễ) nghĩa là ngày lễ hoa (Flower Festival). vì gặp lúc mùa hoa anh đào đang nở rộ khắp toàn nước Nhật. Ngày Lễ Hoa này cũng để đánh dấu, kỷ niệm ngày đức Phật giáng sinh theo truyền thống Phật Giáo. Theo sử liệu cho biết, lễ Phật Đản đã được tổ chức lần đầu tiên tại Nhật vào năm 606 Tây lịch ở chùa Genko (Nguyên Hưởng) tỉnh Yamato (Đại Hòa) dưới triều đại Nữ hoàng Suiko (Thời Cổ: 592-628). Ngày nay dân chúng Nhật đón mừng ngày lễ Phật Đản ra sao? Dưới đây tôi xin tường thuật cống hiến quý độc giả vài nét sinh hoạt trong ngày lễ Phật Đản tại Nhật mà tôi may mắn được tham dự, chứng kiến hơn 10 năm trước trong mùa Phật Đản 2529 tại Đông Kinh (Tokyo) vào tháng 4 năm 1985 nhân chuyến du hành sang ở năm tháng tại Tokyo, Kyoto, Nara và Osaka v.v... để viếng thăm các chùa và tìm hiểu khái quát về nền Phật Giáo Nhật Bản.

Nhờ liên lạc với "Trung Tâm Hướng Dẫn Du Khách Ngoại Quốc" (Tourist Information Center) mà tôi được biết tại Đông Kinh (Tokyo) vào lúc ấy có hai nơi tổ chức lễ Phật Đản, đó là chùa Hộ Quốc (Gokokuji) cử hành lễ vào chiều chủ nhật 7 tháng 4, và chùa Quan Âm (Kannon) ở Asakusa làm lễ vào sáng thứ hai, ngày 8 tháng 4 năm 1985.

Chùa Hộ Quốc lễ Phật Đản bắt đầu lúc 2 giờ chiều, khoảng 1 giờ trưa tôi đã có mặt tại đó. Vừa mới đến, tôi gặp một số rất đông Phật tử Nhật và ngoại quốc đã tề tựu về chùa từ trước. Đa số nữ Phật tử đều mặc y phục cổ truyền ki-mô-no (kimono) màu sắc rực rỡ. Phía trái, trước cửa chính vào điện Phật, ban tổ chức thiết đặt một pho bạch tượng (voi trắng) to lớn làm bằng giấy bồi để nhắc đến sự tích xưa kia ở Ấn Độ, Hoàng hậu Ma Gia, thân mẫu của đức Phật nằm mộng thấy voi trắng sáu ngà từ trên hư không hiện xuống đâm vào hông bên phải và sau đó bà thụ thai sinh Thái tử Tất Đạt Đa (Siddhartha).

Bên cạnh voi trắng là một ngôi tháp nhỏ hình tứ giác cao khoảng 2 thước, bề ngang mỗi bên rộng gần 1 thước tây, bốn phía cột



trụ thẳng lên đến toàn mái đều kết hoa, tiếng Nhật gọi là Hana-Mido (ngôi tháp bằng hoa). Bên trong ngôi tháp người ta tôn trí đặt một pho tượng Phật nhỏ sơ sanh để nhắc lại sự tích ngày xưa Thái tử Tất Đạt Đa (đức Phật) đản sanh dưới gốc cây Vô Ưu trong vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini), thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu) thuộc Ấn Độ (nay là xứ Nepal). Vừa ra đời đức Phật bước đi bảy bước liền có bảy đóa hoa sen nở ôm chân Ngài. Bảy giờ đức Phật với tay phải chỉ lên trời và tay trái chỉ xuống đất, Ngài tuyên bố rằng: "Thiên thượng thiên hạ duy Ngã độc tôn", có nghĩa là "Trên trời dưới trời chỉ có Ta (Chân Ngã hay Phật tánh) là cao quý hơn cả".

Tượng Phật nhỏ sơ sanh này bằng đồng đen, cao khoảng hơn 15 phân tây, đặt ở giữa một cái bát lớn chứa đầy nước trà ngọt (sweet tea) với chiếc gáo nhỏ có cán dài bằng gỗ. Nước trà ngọt (tiếng Nhật gọi là ama-cha) dùng để tắm Phật không phải như loại trà tàu ta thường dùng mà nó được chế

tạo bằng thứ lá cây tử dương hoa (Hydrangea Hortensis) phần nhiều thấy trồng ở các miền núi. Dân chúng hái những lá này đem hấp và phơi khô rồi sau đó chế biến thành loại trà thiêng liêng để dùng trong các buổi lễ Phật Giáo. Thời gian dùng chưa được nhập cảng vào Nhật Bản, người ta dùng loại trà ngọt này để làm ra đường.

Sử liệu chép rằng xưa kia các chùa Nhật thường dùng nước hoa để tắm Phật trong ngày lễ Phật Đản như chúng ta thấy một số nước Phật Giáo Á Châu còn dùng ngày nay, và bắt đầu từ triều đại Edo (Giang Hộ: 1603-1867) về sau, nước trà ngọt mới được dùng thay nước hoa để làm lễ tắm Phật tại Nhật.

Đúng 2 giờ chiều, Đại lễ Phật Đản tại chùa Hộ Quốc bắt đầu bằng cuộc diễn hành của chú Tăng và Phật tử đi ba vòng trong khuôn viên quanh chùa. Dẫn đầu là ban lễ nhạc của chùa. Tiếp theo sau, vị trụ trì đi giữa với chú Tăng và hàng ngàn Phật tử địa phương. Đặc biệt hàng trăm trẻ em nhỏ trai, gái từ 6 đến 10 tuổi trong y phục cổ truyền Nhật Bản, áo Kimono màu sắc xanh đỏ rực rỡ, mỗi em tay cầm hoa cũng có mặt trong cuộc diễn hành. Sau đó, tất cả chú Tăng và Phật tử vào chánh điện tụng kinh hành lễ trong vòng 30 phút. Xong lễ, các Phật tử ra ngoài, mỗi người lần lượt đến trước ngôi tháp kết hoa, dùng gáo nhỏ múc nước trà ngọt thành kính tắm Phật để nhắc lại sự tích xưa kia khi đức Phật vừa giáng sinh, các vị Long Thần tử trên cõi Trời xuống phun nước tắm rửa cho Ngài. Nhiều Phật tử mang nước trà ngọt sau khi tắm Phật về nhà dùng để cầu nguyện cho gia đình thân quyến được mọi sự an lành hạnh phúc. Buổi lễ Phật Đản tại chùa Hộ Quốc kết thúc vào lúc 4 giờ chiều bằng một màn trình diễn đánh trống lớn của sáu tay trống, ba nam ba nữ trong thất ngoại mặc.

Qua ngày hôm sau thứ hai, 8 tháng 4 năm 1985, tôi đến dự lễ Phật Đản tại chùa Quan Âm (Kannon) ở Asakusa. Đây là một trong những ngôi chùa cổ xưa danh tiếng nhất tại thủ đô Tokyo (Đông Kinh), kiến tạo vào năm 628 Tây lịch, mỗi tháng có hàng triệu người đến viếng thăm và cầu nguyện. Lễ Phật Đản tại chùa Quan Âm cử hành lúc 11 giờ sáng. Tôi đến đó lúc 10 giờ. Mặc dù ngày thứ hai, mọi người đều đi làm, nhưng số Phật tử tham dự hôm ấy cũng rất đông, có khoảng 3.000 người, trong đó có rất nhiều du khách ngoại quốc. Buổi lễ ở đây cũng bắt đầu bằng cuộc diễn hành của hàng ngàn chú Tăng và Phật tử, kéo một cỗ xe chở một thớt voi trắng làm bằng giấy bồi cao gần 2 thước tây; trên lưng voi thiết đặt một ngôi tháp kết hoa, trong đó tôn trí một tượng Phật sơ sanh nhỏ (có nơi cỗ xe được kéo bằng ngựa hoặc bò).

Đoàn người diễn hành khởi đầu từ cổng tam quan (Kamiranimon) trước chùa, ngang qua các đường phố có nhiều cửa hàng bán kỷ niệm vật và Phật cụ (chuông mõ, chuỗi tràng, tượng Phật v.v...). Cuối cùng, đám rước tiến vào trong khuôn viên, dừng lại trước chánh điện chùa Quan Âm để sau đó chính thức cử hành lễ Phật Đản. Đặc biệt tham dự cuộc diễn hành, ngoài đông đảo nam nữ

Phật tử lớn tuổi đủ mọi thành phần, còn có khoảng hơn 300 trẻ em mẫu giáo dễ thương xinh xắn trong đồng phục của trường, hoặc y phục Kimono cổ truyền với nhiều màu sắc rực rỡ. Các em tay cầm hoa, vừa đi vừa hát những bài ca Phật Giáo.

Ngoài hai chùa Hộ Quốc và Quan Âm tại Đông Kinh (Tokyo) nói trên ngày lễ Phật Đản còn được nhiều chùa khắp nơi toàn nước Nhật cử hành một cách trang nghiêm trọng thể. Đặc biệt tại chùa của Hiếu Đạo Giáo Đoàn (Kodo-Kyodan) thành lập năm 1936 chuyên kính lễ, tri tụng kinh Pháp Hoa ở quận Kanagawa, tỉnh Yokohama (cách Tokyo hơn nửa giờ xe lửa), hằng năm Đại lễ Phật Đản (Hana-Matsuri) thường được tổ chức liên tiếp trong ba ngày 6, 7 và 8 tháng 4 dương lịch.

Chương trình gồm có ngày thủ nhất với hơn 30 xe hoa diễu hành qua nhiều đường phố chính của thị trấn Yokohama, trong đó chiếc xe hoa dẫn đầu có tôn trí tượng Phật Thích Ca sơ sinh.

Ngày thủ hai, một chương trình văn nghệ đặc biệt, với sự đóng góp trình diễn của nhiều nam nữ nghệ sĩ tên tuổi được tổ chức tại quảng trường trên đồi Hiếu Đạo Sơn (Kodo-San), số khán giả tham dự có năm lên tới hơn 20 ngàn người.

Sang ngày thủ ba (8 tháng 4) là ngày chính kỷ niệm đức Phật giáng sinh, lễ Phật Đản được cử hành tại chánh điện của chùa vào đúng 1 giờ trưa, dưới sự chứng minh chủ lễ của vị Hòa Thượng trụ trì và cũng là chủ tịch của Hiếu Đạo Giáo Đoàn. Tiếp theo là lễ tẩm Phật cử hành trên một các bực cao thiết lập trước chánh điện trong khuôn viên chùa với sự giúp lễ của khoảng 100 nam nữ Phật tử trong y phục nhiều màu sắc rực rỡ. Hằng năm tổng số người đến tham dự Đại lễ Phật Đản tổ chức trong ba ngày tại chùa của Hiếu Đạo Giáo Đoàn (Kodo-Kyodan) ước chừng có đến 100 ngàn người.

Nhật Bản ngày nay không những là một cường quốc văn minh tiến bộ đứng hàng đầu các nước Á Châu về mọi lãnh vực xã hội, kinh tế, khoa học kỹ thuật mà còn là một quốc gia Phật Giáo với nhiều tông phái, phát triển mạnh mẽ về tổ chức và rất dồi dào phong phú trong mọi sinh hoạt văn hóa như chúng ta thấy qua tổ chức ngày lễ Phật Đản của họ nói trên. Tôi hy vọng có dịp sẽ viết nhiều về các ngày lễ Phật Giáo khác ở Nhật để hầu quý vị.

Kính chúc quý độc giả một mùa Phật Đản an lành và hạnh phúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. *A Cultural Dictionary of Japan*, Edited by Momoo Yamaguchi The Japan Times Ltd., Tokyo, 1979.
2. *Buddhism in Japan* by E. Dale Saunders, Charles E. Tuttle Co., Tokyo, 1980.
3. *Japanese Festivals* by Helen Bauer, Charles E. Tuttle Co., Tokyo, 1983.

ĐÔI NÉT KHÁI LƯỢC VỀ PHẬT GIÁO NHẬT BẢN TRƯỚC VÀ SAU MINH TRỊ DUY TÂN

• T/S LÂM NHƯ TẠNG

Minh Trị (1868-1912) là tên của một đời vua nổi tiếng nhất trong lịch sử Nhật Bản từ thời lập quốc đến hiện tại. Thời đại này đã cải cách rất triệt để và rất sâu rộng trong mọi lãnh vực của Nhật Bản từ chính trị, quân sự, kinh tế, tôn giáo, văn hóa, khoa học, giáo dục v.v... Chính những cải cách của triều đại này đã đưa Nhật Bản lên hàng cường quốc về mọi lãnh vực kể cả lãnh vực tôn giáo.

Đương nhiên Phật Giáo cũng bị lệ da chà xát đau đớn kinh hoàng dưới thời kỳ này để rồi vườn lên mạnh mẽ như anh khổng lồ chiếm tỷ lệ khoảng 80 phần trăm dân số. Cũng nhờ những thành quả đó mà Phật Giáo Nhật Bản hiện tại là nước có số cơ sở giáo dục và nhân tài cao nhất trên thế giới (A).

Bài viết này xin khái lược về Phật Giáo qua các triều đại trước Minh Trị Duy Tân, dưới thời Minh Trị Duy Tân và sự phát triển sau đó.

I. XUÔI DÒNG THỜI GIAN

A. PHẬT GIÁO THỜI THÁNH ĐỨC THÁI TỬ (574-622)

Có thể nói Phật Giáo được truyền vào Nhật Bản vào khoảng năm 538 (1). Thánh Đức Thái Tử là người có công đầu trong việc hoàng đường Phật Giáo.

Năm 594 ông ban chiếu phục hưng Tam Bảo. Năm 604 thành lập và ban hành Hiến Pháp 17 điều. Đây là bản Hiến Pháp đầu tiên của nước Nhật từ khi lập quốc đến lúc đó. Trong điều 2 của Hiến Pháp nói trên có ghi: "Tín kinh Tam Bảo là Phật, Pháp và Tăng. Tam Bảo là chỗ qui thú của tử sanh, chỗ cực tôn của vạn quốc. Bất cứ đời nào, bất cứ người nào, hễ thấy Phật Pháp hãy sinh tâm vui mừng; lấy Phật Pháp để giáo hóa nhân dân, bỏ ác làm lành. Nếu mọi người đều quy y tín kinh Tam Bảo thì tất cả sự cuồng tranh trở thành trược chánh". (2)

Thánh Đức Thái Tử bắt đầu chấp chánh từ năm 593, ông đã noi gương vua A Dục ở Ấn Độ muốn áp dụng giáo lý Phật Giáo để an quốc trị dân. Phật Giáo dưới thời ông đã trở thành Quốc Giáo. Quốc gia xã hội rất thái bình thịnh vượng. Trước thời Thánh Đức, Nhật Bản tuy được gọi là quốc gia nhưng trong đó có chia thành nhiều tiểu quốc, xã hội luôn luôn gặp cảnh nội chiến tranh giành ảnh hưởng của giai cấp quyền thần và quý tộc sát phạt lẫn nhau. Đồng thời họ cũng chưa hấp thụ được nền văn hóa tiên tiến của Trung Hoa đại lục. Sau khi Thánh Đức lên cầm quyền ông đã gọi nhiều sinh viên và Tăng sĩ du học sang Trung Hoa.

Thánh Đức đã hạ chiếu tôn Phật Giáo là tôn giáo độc tôn như sau: "Khi sống thì là Sĩ, Nông, Công, Thương, nhưng khi về bên kia thế giới thì không phân biệt giai cấp trong cõi Cực Lạc Niết Bàn duy nhất. Là người thì người ở địa phương này, người ở địa phương

khác nhưng chỉ chung có một tôn giáo cực tôn duy nhất, là Phật Giáo" (3). Chính Thánh Đức đã chú thích ba bộ kinh căn bản là Pháp Hoa, Duy Ma và Kinh Thắng Man. Tuy nhiên Thánh Đức không phải là nhà tu nên không lập ra tông phái Phật Giáo nào.

Sau đó mấy chục năm, tiếp đến là Thiên Vũ Thiên Hoàng (672-689) đã xuống chiếu công nhận Phật Giáo là Quốc Giáo. Bắt buộc mỗi họ phải có ít nhất là một người xuất gia làm tu sĩ. Mỗi xứ (tướng đương với tỉnh) phải lập một ngôi chùa chung cho Xứ với những Phật xá đủ rộng và tiện nghi đầy đủ để làm nơi tụ tập cho Tăng Ni trong xứ về tu học.

B. PHẬT GIÁO THỜI KỶ NARA (710-794)

Thời kỳ Nara gồm có 6 tông phái Phật Giáo từ Trung Quốc truyền sang. Đó là Luật Tông, Thành Thập Tông và Câu Xá Tông thuộc về Tiểu Thừa Phật Giáo. Ba Tông khác thuộc về Đại Thừa Phật Giáo đó là Pháp Tướng Tông, Tam Luận Tông và Hoa Nghiêm Tông. Các Tông này mãi về sau vẫn sinh hoạt biệt lập. Chủ Tăng chỉ tu tập theo pháp môn riêng biệt của tông phái của mình và mở rộng, truyền thừa tông phái cho đến ngày nay. Điều đó đã tạo được nét đặc thù cho Phật Giáo Nhật Bản về sau này là các tông phái đã đi sâu vào phương pháp tu tập và họ đã nghiên cứu sâu rộng các kinh luận liên quan đến tông phái để mở rộng tông phái theo chiều sâu của nó. (4)

C. PHẬT GIÁO THỜI KỶ HEIAN (749-1192)

Thời kỳ Heian (749-1192) đóng đô tại Kinh Đô (Kyoto, cựu thủ đô của Nhật).

Một trong những lý do chính yếu mà Hoàn Vũ Thiên Hoàng (781-806) đã quyết định dời đô từ Nara về Heian tức Kyoto là để tránh bớt áp lực của Tăng sĩ Phật Giáo tập trung quá đông tại Nara. Nhà vua lập ra qui chế "đạo đời dị biệt" để tránh bớt ảnh hưởng của Tăng sĩ Phật Giáo trong guồng máy hành chánh quốc gia. Tuy thế Phật Giáo vẫn phát triển rất mạnh dưới thời đại này. (5)

Trong thời kỳ này có hai tông phái mới hoàn toàn do Tổ sư là người Nhật sáng lập đó là ngài Tối Trừng đại sư (tức Truyền Giáo Đại Sư, 767-822) lập ra Tông Thiên Thai Pháp Hoa và ngài Không Hải đại sư (774-835) lập ra tông Chân Không Mật Giáo. Hai Tông phái mới này đối lập lại với các tông phái Phật Giáo cũ tại Nara cả về phương pháp tu hành lẫn tư tưởng giáo thuyết.

Dưới thời kỳ này sự quan hệ giữa Phật Giáo và Hoàng gia rất mật thiết. Các ngài Tối Trừng và Không Hải v.v... rất được Hoàn Vũ Thiên Hoàng và Sa Nga Thiên Hoàng tín phục. Trong khoảng thời gian 260 năm có 19 đời vua thì đã có đến 15 vị vua cắt tóc đi tu. Những chùa do Hoàng gia xây dựng như

chùa Quan Không của Ta Nga Thiên Hoàng, chùa Đản Lâm của Ta Nga Hoàng Hậu, chùa Đại Giác của Thuần Hòa Hoàng Hậu v.v... Hoàng gia còn đài thọ mọi chi phí của những hoạt động lớn của hầu hết các phái Phật Giáo thân cận với hoàng tộc. Những người trong hoàng tộc đều coi trọng những vị xuất gia tu hành. Do đó các vị Tăng lữ đều được đãi ngộ ngang hàng với giai cấp quý tộc. Do những động cơ này nên quý tộc xuất gia làm Tăng lữ rất đông, lúc đầu thì thuần là vì đạo đức tôn giáo nhưng sau đó họ vì để được trọng vọng và hưởng được sự thăng cấp Tăng quan, Tăng hàm và mãi theo đường danh lợi cá nhân mà bị biến chất dần.

Vào khoảng giữa thời kỳ Heian vì sự chuyên quyền của tập đoàn họ Đằng Nguyên nên mọi tầng lớp dân chúng đều chán ghét nhất là tầng lớp võ quan ở các địa phương nổi lên đánh nhau khiến cho cả nước rơi vào tình trạng mất an ninh. Trong các tông phái Phật một mặt là để tự vệ, mặt khác là do những thành phần không tốt trong xã hội xen vào khuấy động nên các phái Phật Giáo cũng nổi lên tổ chức thành Tăng Binh để tự vệ nhưng rất có ảnh hưởng xấu trong lịch sử về sau này cho Phật Giáo Nhật Bản, nhất là các thế lực quý tộc đối kháng nhau trong Phật Giáo cộng vào đó là sự thù hận tranh chấp giữa địa phương và các phái nên sự xung đột vô lực của Tăng binh ngày càng lớn...

Trước tình thế đó triều đình đành bất lực, và vì thế trong Phật Giáo xuất hiện tư tưởng Mặt Pháp.

Theo thuyết năm trăm năm một thời kỳ xảy ra như sau: Năm trăm năm đầu sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn là "Giải thoát kiên cố", Năm trăm năm thứ hai là "Thiền định kiên cố", Năm trăm năm thứ ba là "Đa văn kiên cố", Năm trăm năm thứ tư là "Xây chùa kiên cố", Năm trăm năm thứ năm là "Đấu tranh kiên cố". Như vậy tính ra lúc ấy rơi vào đúng thời kỳ đấu tranh kiên cố nên những tư tưởng mặt pháp xuất hiện trong giới Phật Giáo Nhật Bản lúc bấy giờ.

Vì tư tưởng mặt pháp này sinh ra giữa thời kỳ loạn lạc nên mọi người nhằm chán thế giới hiện tại, do đó có nhiều Tăng sĩ tu theo Pháp môn Tịnh Độ chủ xuất pháp môn Tịnh Độ mới đã được đa số dân chúng hưởng ứng theo tu niệm để cầu vãng sanh về Cực Lạc. Bởi vì thế mà sau này các tông Tịnh Độ mới rất thịnh hành, tín ngưỡng Di Đà vùng lên rất mạnh. Một trong những vị đó phải kể là ngài Lương Nhãn (1072-1132) mở ra phép tu Dung Thông Niệm Phật sau này phát triển thành Tông Dung Thông Niệm Phật.

D. PHẬT GIÁO THỜI KỶ KAMAKURA (1192-1333)

Vì tệ nạn Tăng binh hoành hành nên các Tông phái tự sửa sai và vươn mình lên để chấn chỉnh phục hưng trở lại cho thích hợp với đương thời.

Tông Hoa Nghiêm đáng kể nhất là ngài Cao Biện, năm 1206 được Hậu Điều Vũ Thượng Hoàng ban cho núi Mẫu Di để làm trụ sở hưng long Tông Hoa Nghiêm. Lý tưởng của ông là đem chánh pháp đương thời của Đức Thích Ca (lúc còn tại thế) để áp dụng cho thời mặt pháp. Ông được người cầm quyền mạc phủ Kamakura là Bắc Điều Thái

Thời thường tối lui thăm viếng và tham khảo ý kiến về việc an quốc trị dân.

Ngoài các tông phái khác như Pháp Tướng Tông, Luật Tông cũng phục hưng dưới thời đại này.

Thế nhưng ba trào lưu Phật Giáo được phục hưng mạnh nhất dưới thời kỳ này phải kể là: Tịnh độ, Thiền và Nhật Liên Tông.

TỊNH ĐỘ TÔNG: Vào đời Thừa An năm thứ 5 (1175) ngài Pháp Nhiên đạo hiệu là Nguyên Không (1133-1212) (6) sáng lập Tông Tịnh Độ. Hành giả Tịnh Độ các thời trước còn tu theo các pháp môn khác, riêng ngài Nguyên Không gạt bỏ mọi tạp hành, một lòng chuyên tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Giáo thuyết của tông này là y cứ vào Phật thuyết Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh, Kinh A Di Đà do Đức Phật Thích Ca thuyết giảng và sách Vãng Sanh Luận do ngài Thế Thân Bồ Tát giảng (7). Tông mới này được rất đông dân chúng hoan nghênh tu theo, do đó bị các tông khác ganh ghét và phá phách, tru diệt.

Sau khi ngài Nguyên Không mất được 27 năm có Nhất Biến Trí Chân ra đời (1239-1289). Sau khi tu chứng ngộ được nghĩa thâm huyền của pháp môn niệm Phật ngài phát biểu rằng chỉ có pháp môn niệm Phật đơn giản và thích hợp cho thời mặt pháp mà thôi. So với Nguyên Không thì mỗi người một vẻ, mỗi tài năng khác nhau. Nguyên Không lấy Quán Vô Lượng Thọ Kinh làm trung tâm, còn Trí Chân lại lấy Kinh Di Đà làm trung tâm. Trong Kinh Di Đà có câu "lâm mệnh chung thời" (khi sắp lâm chung) nên ngài gọi đồ chúng của mình là THỜI CHÚNG, Tông Phái của ngài là THỜI TÔNG.

Ngoài ra dưới thời này còn có Tịnh Độ Chân Tông của ngài Thân Loan (1173-1262). Ông là một Tăng sĩ nhưng vì chủ trương cấp tiến về cải cách tông phái Phật Giáo nên bị tru dập phải bị đũa đi đày, sau đó ông lấy vợ có con. Ngài viết sách "Giáo Hạnh Tín Chứng" gồm 6 quyển, năm 52 tuổi, các tín đồ sau này đã dùng bộ sách như kinh điển cho môn phái.

THIÊN TÔNG: Thiền Tông được truyền vào Nhật Bản ngay từ thời đầu của thời kỳ Nara như các dòng Thiền Lâm Tế v.v... Thế nhưng dưới thời kỳ Kamakura có nhiều Thiền sư từ Trung Hoa đến, trong số đó có các vị nổi tiếng như Lan Khê Đạo Long, Ngộ Am Phổ Ninh, Vô Học Tổ Nguyên, Đại Hủ Chính Niệm, Tây Giản Tử Đàm, Nhất Sơn Nhất Ninh v.v...

Đương thời tại Nhật Bản các phái Phật Giáo cũ vì chạy theo danh lợi, thói nát, hủ bại, bè phái, tranh giành, triệt tiêu lẫn nhau... ham chùa to Phật lớn, bành trướng thế lực muốn lấn vào thế quyền do đó mạc phủ Kamakura, Bắc Điều Thái Lại muốn cổ vũ thành lập ra Thiền Tông mới. Do đó với tư cách gián dị, thanh bạch không trọng hình thức, không ham danh lợi, không muốn xen vào thế quyền, chỉ lo tu niệm, hiền hòa đạo đức của các vị sư Trung Quốc đã được Bắc Điều để ý nâng đỡ cho thành lập chùa thiền Kiến Trường tại Kamakura và biến nơi này thành trung tâm chính trị và tôn giáo. Năm đầu tiên hiệu Hoàng An ngài Lan Khê Đạo Long mất, được ban đạo hiệu Đại Giác Thiền

Sư. Danh hiệu Thiền sư bắt đầu xuất hiện trên đất Nhật từ đó (8).

Kể từ đó Phật Giáo Thiền Tông được chấn hưng và phát triển mạnh mẽ cho đến bây giờ. Khi đề cập đến Thiền Tông không thể không nhắc đến tinh thần vô sĩ đạo. Vì tinh thần vô sĩ đạo là sản phẩm hỗn hợp của tư tưởng và cách hành thiền, tư tưởng Nho Giáo và tinh thần Thần Đạo. Tinh thần vô sĩ đạo Nhật Bản là: Trung hiếu, vũ dũng, tử bi, lễ nhượng, cần kiệm chất phác, trọng danh phận, chuộng tiết tháo, coi sống chết như nhau.

Những tinh thần: Tử bi, cần kiệm chất phác, coi sống chết như nhau thuộc về cốt cách của Thiền Tông nói riêng và của Phật Giáo nói chung. Vì tử bi là tư tưởng và hành động của Phật Giáo. Trong Bách Trượng thanh qui có nói đến một ngày không làm là một ngày không ăn đó là "cần kiệm". Về phương án thiền "không cần văn tự, chỉ thẳng tâm người" đó là "chất phác". Trong Phật Giáo còn có tinh thần "vô úy", "vô úy thi" (tinh thần không sợ hãi, dùng tinh thần không sợ hãi để cứu giúp người), và lý vô thường, khổ, không vô ngã chứa đựng cả tinh thần "vũ dũng, chuộng tiết tháo" v.v... Ngoài ra trong Phật Giáo rất coi trọng lòng hiếu thảo như trong Kinh Vu Lan, Kinh Đại Báo Phụ Mẫu Thâm Trọng Ân... Nói tóm lại những yêu cầu trong tinh thần vô sĩ đạo kể trên điều nào cũng có trong kinh điển Phật Giáo.

Xem trong tinh thần vô sĩ đạo như trên không có điều nào là xấu thế nhưng sau thời Minh Trị Duy Tân thành công các nhà tư tưởng và các chính trị gia Nhật Bản đã thổi phồng tinh thần này thành tư tưởng "Đại Đông Á" tiến đến chủ nghĩa quân phiệt Đế Quốc xâm chiếm các nước Á Châu để rồi cuối cùng phải chuốc lấy thảm bại, đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện năm 1945.

TÔNG NHẬT LIÊN

Do ngài Nhật Liên (1222-1282) sáng lập ngày 28 tháng 4 năm 1253 tại núi Thanh Trừng, vùng Kominato thuộc tỉnh Chiba, Nhật Bản.

Năm 16 tuổi xuất gia, sau đó đi chu du khắp nơi trên đất Nhật tìm học tất cả các Tông phái nhưng cuối cùng ngài chọn Kinh Pháp Hoa làm trung tâm, chú trọng phương pháp tu hành là chỉ niệm Nam mô diệu pháp liên hoa kinh vừa đơn giản vừa đầy đủ thích hợp cho thời mặt pháp.

Năm 1253 khi ngài 31 tuổi, sau khi tu ngộ được lý Kinh Pháp Hoa ngài trở lại quê nhà, sáng sớm lên núi Thanh Trừng ngồi tĩnh tọa hưởng vẻ phía mặt trời mọc đọc lớn đề mục Kinh Pháp Hoa và tuyên bố lập ra Tông Nhật Liên từ ngày đó.

Ngài Nhật Liên nghĩ rằng Pháp Hoa là con mắt của mọi kinh, là trung tâm của tất cả các kinh. Năm 1260 Nhật Liên dâng tác phẩm nổi tiếng của ông là "lập chánh an quốc luận" lên mạc phủ Bắc Điều, trong đó ông đề ra phương án cứu nước khỏi tam tai bất nạn, công kích mãnh liệt các Tông phái Phật Giáo khác và đề nghị mạc phủ chấp nhận tín ngưỡng Pháp Hoa của ông. Những điều này khiến mạc phủ và các Tông phái Phật Giáo khác nổi giận đố kỵ của ông và 1261 bị đày đi Y Đông thuộc vùng Y Đậu.

Đến năm 1269 theo như lời Nhật Liên dự đoán là nếu không dùng công đức của Kinh Pháp Hoa để ngăn giặc ngoài thù trong thì nước sẽ đại loạn. Vì sự trùng hợp là lần thứ hai quân Mông Cổ đến Đồi Mã đảo của Nhật bắt đi hai người dân trên đảo, do đó Nhật Liên có cơ cho rằng lời tiên đoán của mình là đúng, ông viết bốn câu cách ngôn gởi đến các chùa ở Kamakura như sau: "Niệm Phật là nghiệp địa ngục vô gián. Thiên Tông là của thiên ma. Chân ngôn là tội mất nước. Luật tông là giặc nước nổi xằng".

Vì thế các tông phái Phật Giáo khác quyết ruột đuôi ông không tha. Chính quyền đương thời xử ông tội chém đầu sau giảm còn tù biệt xứ, đày đi Tá Độ.

Thế nhưng tại sao Nhật Liên lại dám phạm thượng bài xích các phái Phật Giáo đã có truyền thống từ ngàn xưa như thế?

Như trên đã nói vì thời kỳ mạt pháp các phái Phật Giáo cũ vì loạn lạc phải từ bảo vệ dần dà tiến đến việc tranh giành quyền lợi và ảnh hưởng cho tông phái và địa phương mà phát triển thành xung đột vô lực, đâm chém nhau khiến mọi tầng lớp dân chúng trong nước oán ghét khinh lớn. Do đó mới có hiện tượng Nhật Liên xuất hiện.

Nói về chí khí của Nhật Liên, mặc dù bị đày đi đâu, trong cảnh tù ngục thế nào chẳng nữa Nhật Liên vẫn tiếp tục truyền bá tư tưởng của ông, thu nhận tín đồ đệ tử, quyết lập tông phái truyền bá tin ngưỡng Pháp Hoa của ông.

Tông Nhật Liên đã đề ra "TAM PHÁP" bốn phạm người xuất gia như sau:

1. Độc tụng: Chuyên học kinh Pháp Hoa, chuyên tụng đề mục NAM MÔ diệp pháp liên hoa Kinh (đọc âm bằng tiếng Nhật là NAMMO MYOHOO REINGEIKYO).

2. GIẢNG TÂN: Nghiên cứu và diễn giảng kinh điển để truyền bá giáo pháp đến mọi người.

3. THƯ TẢ: Sao chép, in kinh điển để truyền bá giáo pháp (9).

Nhờ những phương pháp tu thực tiễn đơn giản gần gũi với đa số quần chúng bình dân khiến mọi người dễ thực hành theo giáo pháp, tránh mê tín dị đoan, đáp ứng được nguyện vọng của đại đa số dân bình dân. Do đó tông Nhật Liên phát triển rất mạnh mẽ trên mọi phương diện cho đến ngày hôm nay.

E. PHẬT GIÁO TỪ THỜI NAM BẮC TRIỀU ĐẾN EIDO (1334-1868)

Các tông phái Phật Giáo mới: Tịnh Độ, Thiền và Nhật Liên đều thích ứng với thời đại lúc bấy giờ, nhờ sự đơn giản về pháp tu và phương cách hành đạo mà họ đã thu hút được sự tin tưởng của đa số dân chúng tin theo và được lòng tín cẩn của nhà cầm quyền đương thời.

Vì có lực lượng quần chúng tin theo và với thế lực trong cơ cấu quyền lực nên các tông phái này cũng giữ vai trò kinh tế rất quan trọng của quốc gia. Các chùa và tông phái liên hệ chẳng những tự lực về kinh tế mà họ còn giúp đỡ cho địa phương phát triển kinh tế nữa.

Ngoài ra điểm đặc biệt trong giới tôn giáo Nhật Bản phải kể là tinh thần dung hợp giữa Thần Đạo và Phật Giáo. Theo truyền thống

Thần Đạo của dân tộc Nhật Bản họ thờ Thần, lễ lược theo nghi thức Thần Đạo, tinh thần xem vua như là vị Thần bất khả xâm phạm, đã có từ thời cổ đại đến ngày nay. Theo Thần Đạo thì vị Thần chúa thể của vạn hữu vũ trụ đó là Thiên Ngự Trung Chúa Thần. Vị Thần này sinh ra hai vị thần khác đó là Linh Thần và Sấn Thần. Hai vị Thần này sinh ra tất cả vạn hữu vũ trụ. Thiên Hoàng Nhật Bản được hai vị Thần này sinh ra nên có một uy quyền tuyệt đối là đại diện cho Thần cai trị muôn dân (10). Do đó quyền uy và thân thể của Thiên Hoàng không ai được đụng đến. Trong Hiến pháp Minh Trị có câu "Thiên Hoàng là Thần Thánh bất khả xâm phạm".

Thế nhưng ngoài tư tưởng thờ vua giữ nước và lễ lễ ra Thần Đạo không có tư tưởng xuất thế giải thoát và nhập thế hành động như Phật Giáo. Bởi lẽ do nên từ khi Phật Giáo du nhập vào Nhật Bản đến thời đại này một mặt Phật Giáo đã hòa nhập được vào xã hội không một trở ngại đáng kể nào từ phía Thần Đạo, mặt khác Phật Giáo dung hợp với Thần Đạo và lãnh đạo luôn về mọi phương diện tôn giáo để trở thành quốc giáo từ thời Thánh Đức Thái Tử.

Trên ngàn năm Thần Phật đề huề dưới sự lãnh đạo của Phật Giáo đã đến khúc quanh lịch sử dưới thời Eido. Vì được nhà cầm quyền các thời đại quá sùng kính Phật Giáo, Phật Giáo trở thành độc tôn không có địch thù, nên Tăng Ni đã trở thành thoái hóa tiêu cực ý lại vào thế lực chính quyền xa rời dần quần chúng và sinh ra nhiều tệ nạn tiêu cực.

Người lại Nho học với tinh thần Tề gia trị quốc bình thiên hạ và Thần Đạo với thể thủ và chỉ biết thờ vua giúp nước nên không làm điều gì quá đáng để phải bị dân chúng oán ghét.

Vào năm 1843, thời thế đã chín muồi, các nhân sĩ xã hội đã vùng dậy cùng với Nho Sĩ, Thần Kỳ khắp nơi chỉ trích Tăng Ni là vô tích sự, đốt phá chùa chiền, bài xích Phật Giáo, đề cao Thần Đạo và Nho Giáo, chủ nghĩa tôn vương cũng ra đời vào thời điểm này. Đứng trước phong trào tôn vương ngày càng mạnh mẽ quần chúng của mạc phủ Eido phải đem chính quyền trở lại cho Thiên Hoàng. Phong trào Minh Trị Duy Tân bắt đầu từ đây.

II. PHẬT GIÁO DƯỚI THỜI MINH TRỊ (1868-1912) DUY TÂN

A. THẦN PHẬT PHÂN LY

Phật Giáo là một khâu dưới chế độ Mạc Phủ nên khi mạc phủ bị sụp đổ Phật Giáo cũng bị họa lây không còn chỗ dựa. Phật Giáo bị xem là tôn giáo ngoại lai. Thần Đạo phái Bình Điền, Thi Dã Huyền Đạo và Ngọc Tùng Tháo v.v... sau khi bài xích Phật Giáo đã đề xướng quốc gia Thần Đạo, khôi phục lý tưởng thần thoại Thần Vũ Thiên Hoàng lập quốc.

Thần Đạo chủ trương rằng:

1. Lấy kính thần, ái quốc làm chỉ thủ.
2. Lấy thuận thiên lý, hợp nhân đạo làm phương châm.
3. Lấy việc tuân phục Thiên Hoàng, trung thành với Tổ quốc làm mục đích (11).

Những điều trên đây cho thấy chủ trương quốc gia chủ nghĩa, và nguyên lý tín phục thần linh Thiên Hoàng của Thần Đạo. Do

chủ trương của Thần Đạo như vậy rất ăn ý với các nhà chính trị quanh Minh Trị Thiên Hoàng, thêm vào đó Thần Đạo là tôn giáo lâu đời của Nhật Bản nên vua Minh Trị mới chọn Thần Đạo làm quốc giáo.

Năm 1867 triều đình tuyên bố vương chính phục cổ.

Năm 1868, Minh Trị năm thứ nhất, tuyên bố thần Phật phân ly với nội dung: Bổ nhiệm quan thần kỳ coi về tôn giáo, chùa và thần xã trong toàn quốc phải chia riêng, khôi phục trang phục thần chức cho tăng lữ Thần Đạo, cấm dùng danh từ nhà Phật gọi tên Thần, cấm dùng những dụng cụ của chùa như chuông trong thần xã, cấm thờ tượng Thần có hình dạng Phật, Bồ Tát...

Vì cái lệnh quái gở đó nên phong trào chống phá Phật Giáo, đập chùa chiền, giết hại Tăng Ni tín đồ Phật Giáo nổi lên khắp nơi. Phía Phật Giáo phải chống đỡ tự vệ và do đó khắp nơi trong nước đều có bạo động.

Minh Trị nâng Thần Đạo lên hàng quốc giáo, dùng tư tưởng Nho Giáo làm chỉ tiêu cho chính trị, phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật theo mô hình các nước Tây phương...

Minh Trị đã thừa thắng xông lên, vào tháng 4 năm Minh Trị thứ ba, 1871, Minh Trị đã ra lệnh bắt buộc tất cả Tăng Ni phải ăn mặn, để tóc, lấy vợ, lấy chồng như người tại gia. Đến tháng 9 cùng năm lại ra lệnh cho Tăng Ni phải dùng họ thế tục của mình chứ không được dùng họ Thích như trường hợp Phật Giáo các nước khác.

Bất luận là trong mệnh lệnh Thần Phật phân ly đó chính phủ có chủ đích triệt hạ Phật Giáo hay không, quan thần kỳ và các phái thần đạo Bàn Cũ và Bình Điền v.v... đều có âm mưu tiêu diệt Phật Giáo đã thấy rõ trong lời nói và hành động của họ. Ở các vùng đất Tin Châu, Tùng Bản, Phiên Tát Ma... họ đã tổ chức đập phá chùa chiền, bắt buộc Tăng Ni phải hoàn tục. Ở phiên Phú Sơn nơi Chân Ngôn Tông thanh hành nhất hơn 1320 ngôi chùa đã bị đập phá và di chuyển gộp làm một chùa mà thôi. Còn nhiều nơi khác trong toàn quốc cũng bị bức hại tương tự như thế...

Tại sao Minh Trị vừa mới cầm quyền lại có vẻ thù ghét Phật Giáo đến độ như thế? Bởi lẽ từ trước Vua chỉ là nhân vật tượng trưng không có quyền lực về chính trị hay quân sự chỉ cả. Tất cả quyền hành đều nằm trong tay tướng quân mạc phủ. Trong đó Phật Giáo là một khâu quan trọng trong việc duy trì chế độ mạc phủ. Vua vì mất quyền trong nhiều đời, bị các tướng quân ép chế sanh ra thù hận truyền kiếp và thù ghét luôn cả Phật Giáo là chỗ dựa của mạc phủ. Vì thế khi đánh đổ được mạc phủ nhà vua cũng tức khắc muốn làm cỏ luôn Phật Giáo cho bỏ ghét mỗi sinh ra nông nổi mất lòng dân như vậy.

Minh Trị vì nhận thấy thiên hạ đại loạn như vậy không phải là phúc của quốc gia, nên mới trấn an dân chúng là chính quyền không chủ trương triệt hạ Phật Giáo như các chính quyền địa phương và thần đạo đang làm.

Để khuyến dụ dân chúng phải tôn sùng minh, nhà vua đưa ra ba nguyên tắc như sau:

1. Phải thể hiện tư tưởng thờ thần yêu nước.
2. Phải làm sáng tỏ thiên lý nhân đạo.

3. Phải phụng sự Hoàng Thượng, tuân giữ ý chỉ triều đình (12).

Xem ra ba điểm này là sự sao chép lại ba điểm kể trên của Thần Đạo vậy.

B. SỰ CHUYỂN BIẾN KỶ DIỆU CỦA PHẬT GIÁO

Về phía Tăng Ni bị phá rụi những Phật Giáo tại gia lại phát triển mạnh. Trong đó nhờ Minh Trị áp dụng những phương thức canh tân xử sở theo mô hình của các nước Tây phương. Chính phủ cử phái đoàn hàng trăm người đến Mỹ, Pháp, Anh, Đức v.v... để nghiên cứu phát triển về mọi mặt cho Nhật Bản. Đường hướng trong những mô hình về kinh tế, khoa học kỹ thuật, chính trị, có cả mô hình về tự do tôn giáo. Các tông phái Phật Giáo mặc dù bị thế tục hóa nhưng nhân tài rất nhiều. Đồng thời để theo kịp đà tiến của xã hội, các tông phái Phật Giáo đã cử người sang Âu Mỹ học và nghiên cứu về tự do tín ngưỡng của các nước Tây phương. Trong đó có các vị nổi tiếng như Đại Cốc Quang Tôn, Mai Dã Trạch Dung v.v... của Chân Tông, phái Bàn Nguyên Đông thì có Đại Cốc Quang Huỳnh, Thạch Xuyên Thuấn Thai...

Sau khi các học giả của các phái đi Âu Mỹ nghiên cứu chính sách tôn giáo của Tây phương trở về, họ bắt đầu công kích chính sách phân biệt tôn giáo của chính phủ Minh Trị. Họ đòi bình đẳng tôn giáo và tự do tín ngưỡng.

Các phái Bàn Nguyên Đông, Bàn Nguyên Tây, Cao Điền, phái chùa Cẩm Chúc - Một Bộ thuộc Chân Ngôn, đồng thời các tông phái khác như Tịnh Độ Tông, Nhật Liên Tông, Thiên Thai, Tào Động, Lâm Tế v.v... đều đồng lòng cử đại diện nhiều lần tiếp xúc trực tiếp với chính quyền. Họ đã chứng minh cho nhà vua biết rằng sự bài xích Phật Giáo là hủy bán các bậc tiên đế và nhân dân. Bởi vì trên ngàn năm đến nay các bậc tiên đế dựng nước nhờ vào tư tưởng Phật Giáo mà thành công. Trên 80 phần trăm dân chúng theo Phật Giáo đã bỏ tài lực vật lực ra để dựng nước và xây dựng quốc gia về những phương diện đạo đức, văn hóa v.v... Nếu hủy hoại những công trình do các bậc tiên đế và toàn dân xây dựng là cố tình phản lại quốc gia dân tộc, phản lại các bậc tiên đế v.v... và v.v...

Trước những sự công kích mạnh mẽ của tất cả các phái Phật Giáo, chính phủ Minh Trị đuối lý nên phải chùn bước, nhượng bộ. Kết quả là từ năm Minh Trị thứ 8 đến thứ 17 chính quyền lần lượt giải thể các cơ quan kèm chế Phật Giáo như "Sảnh Giáo Bộ", phế bỏ chức giáo đạo, cho Thần Đạo và Phật Giáo hoạt động bình đẳng trở lại. Năm Minh Trị thứ 22 ban bố Minh Trị hiến pháp, trong điều 28 của hiến pháp qui định sự tự do tín ngưỡng. Đó là những thắng lợi đáng ghi nhớ của Phật Giáo.

Để tranh đấu giải trừ pháp nạn các phái Phật Giáo đã rút tỉa được nhiều bài học đoàn kết, dẹp bỏ độc tôn tông phái, dẹp bỏ những tệ nạn thoái hóa biến chất... Cũng trong thời kỳ này các tông phái cũ mới đã hợp tác chặt chẽ hơn. Họ đã thành lập được các tổ chức như "Chư tông đồng đức đồng minh", "Chư tông tổng huỳnh" ...

Tông phái nào cũng đưa những Tăng Ni ưu tú đi Ấn Độ để học kinh điển bằng chữ Phạn, qua các nước Âu Mỹ để nghiên cứu phương pháp tổ chức giáo phái theo phương thức có khoa học như phương Tây. Họ tiếp tục mở các trường đào tạo tại Tăng tài, các cơ sở giáo dục công cộng để hiện đại hóa Phật Giáo.

Ví dụ các học giả nghiên cứu kinh điển tiếng Phạn như: Cao Nam Thuận Thủ Lang, Địch Nguyên Văn Lai, Nam Điều Văn Hùng... Các học giả nghiên cứu kinh bằng Pa-li như Trường Tinh Chân Cầm, Cao Nam Thuận Thủ Lang... Các học giả nghiên cứu so sánh triết học Tây phương với triết học Phật Giáo như: Thanh Trạch Mãn Chi, Tinh Thượng Viên Liễu...

Nhờ sự mở rộng chân trời học vấn đào tạo nhân tài và du nhập kiến thức nhập thế hành động và phương pháp tổ chức hệ thống khoa học các cơ sở giáo dục, Phật Giáo đã gặt hái nhiều thành quả về vang từ thời Minh Trị Duy Tân cho đến bây giờ

III. NHỮNG THÀNH QUẢ CỦA PHẬT GIÁO SAU MINH TRỊ DUY TÂN

A. VỀ VĂN HÓA, GIÁO DỤC

Nhờ những nhân tài được đào tạo dưới thời Minh Trị (Meiji) đến thời Đại Chánh (Taishoo, 1912-1925) đã tạo được những thành quả giáo dục đáng khích lệ. Các Viện nghiên cứu và các Đại học Phật Giáo xuất hiện dưới thời Đại Chánh như: Đại học Đại Chánh của các tông Tịnh Độ, Thiên Thai và phái Phong Sơn của tông Chân Ngôn liên kết thành lập. Đại học Cao Dã Sơn của Chân Ngôn, Đại học Lập Chính của tông Nhật Liên, Đại học Đại Cốc của phái Đại Cốc Chân Tông, Đại học Long Cốc của phái Bàn Nguyên Chân Tông.

Nếu tính đến những năm gần đây thì Phật Giáo có 22 trường Đại Học, 41 Đại Học ngắn hạn hai năm, 131 trường Cao Đẳng, hàng trăm trường Trung Học và Tiểu Học. Trong 24 trường Đại Học có 8 Đại Học lớn có các phân khoa dạy đến bậc Tiến sĩ như: các Đại Học Đông Dường, Lập Chính, Đại Chính, Cầu Trạch, Đại Cốc, Long Cốc, Cao Dã Sơn, Phật Giáo.

Ngoài ra những Đại Học lớn công tử khác có các phân khoa Phật Giáo như: Đại Học Tokyo, Kyoto, Đông Bắc, Tào Đạo Điền, Bắc Hải Đạo, Quốc Học Viện, Giáo Dục Tokyo, Thiên Lý, Kim Trạch, Cửu Châu v.v...

Kể từ Minh Trị năm thứ 21 (1888) đến Chiêu Hòa năm thứ 42 (1967) Phật Giáo cho ra đời 276 Tiến sĩ văn học nghiên cứu Phật Giáo. Chỉ riêng sau năm 1945 có đến 179 Tiến sĩ. Con số Thạc sĩ và Cử nhân không thể kể hết.

Phật Giáo có khối lượng nhân tài vĩ đại như vậy nên sự phát triển mạnh mẽ về mọi mặt của các tông phái là chuyện đương nhiên.

B. VỀ BÁO CHÍ, XUẤT BẢN, XÃ HỘI

Những nhật báo lớn nhất tại Nhật có cốt về Phật Giáo như Mỗi Nhật Tân Văn, Độc Mai Tân Văn. Những tạp chí nổi tiếng của Phật Giáo như Đại Pháp Luân, Thế Giới Phật Giáo, Phụ Nữ Phật Giáo, The Eastern

Buddhist, Our Aspirations, Young Buddhists... có trên 360 tờ báo.

Các báo nổi tiếng nhất của Phật Giáo như: Phật Giáo Time, Trung Ngoại Nhật Báo, Văn Hóa Thời Báo...

Về xuất bản của Phật Giáo có 143 cơ sở. Phật Giáo còn có 10 Hãng Thông Tấn, 38 Thư Viện công cộng, 49 Viện Bảo Tàng...

Phật Giáo còn có những hoạt động trong những lãnh vực về âm nhạc Phật Giáo, phát thanh, điện ảnh, vũ đạo, diễn kịch, mỹ thuật, kiến trúc... không thể kể hết.

Về xã hội Phật Giáo có 116 Viện Dưỡng Lão Phật Giáo, 13 viện cứu hộ, 26 viện chữa bệnh bảo hộ, 3 viện tàn phế, 16 sở thụ sản, 24 sở nhân sự tương đùm... (13).

C. NHẬP THẾ HÀNH ĐẠO

Theo thống kê 1950 Phật Giáo có 427 đoàn thể. Về tông phái từ 13 tông đã phát triển thành 56 phái sau đó tăng lên 162 phái. Đáng kể nhất là các phái thuộc hệ Nhật Liên Tông.

Sau thời Đại Chính tư tưởng dân chủ trỗi dậy, Tăng lữ được tham gia chính trị do đó những năm trong thập niên 60, 70 đến hiện tại có nhiều vị Tăng đã trở thành Dân biểu và Nghị sĩ Quốc hội.

Năm 1964 Sáng Giá Học Hội thuộc hệ Nhật Liên đã thành lập đảng Công Minh, hiện nay đảng này có khoảng trên 20 ghế Nghị sĩ, đứng hàng thứ ba sau đảng Tự Do Dân Chủ và đảng Xã Hội.

Sáng Giá Học Hội năm mà nhân khẩu Nhật có 99 triệu, hội này đã có 13 triệu hội viên, mỗi tháng tăng lên khoảng chừng 10 vạn người (14).

Hiện các tông Phái Giáo Nhật Bản hoạt động mạnh tại Nam Mỹ như Brazil, Peru, ở Bắc Mỹ như Hoa Kỳ, Canada, các nước Âu Châu và Á Châu như Đài Loan, Đại Hàn...

Chúng ta có thể kết luận được rằng trước thời kỳ Minh Trị duy tân Phật Giáo Nhật Bản là "Phật giáo độc kinh". Sau Minh Trị duy tân Phật Giáo đã trở thành "phật giáo giáo hóa".

Ai muốn tinh tâm xin mời tinh tọa tại vườn chùa Thiên Tông. Ai muốn thấy cảnh cực lạc hiện thế xin mời đến vườn chùa Tịnh Độ ... của Phật Giáo Nhật Bản.

Ghi Chú:

(A) Lâm Như Tạng, "Những đặc điểm trong phương pháp quản lý xí nghiệp tại Nhật Bản", 1989.

(1) Reikishi kenkyukai, "Nihonshi nenbyo" (tiếng Nhật), 1979.

(2), (10), (11) Thích Thiện Ân, "Lịch sử tư tưởng Nhật Bản", 1965.

(3), (5), (9) Châm Vũ dịch, "Nhật Bản tư tưởng sử", 1972.

(4) Thích Bảo Lạc dịch "Tông phái Phật Giáo Nhật Bản", 1984.

(6) Ishii Susumu, "Nihon no reikishi" (tiếng Nhật), 1965, quyển 7.

(7) Chu-Bung and Chu-Pen, "Pure Land Pure Mind", 1994.

(8), (12) Kitayama, "Nihon no reikishi" (tiếng Nhật), 1965, quyển 4.

(13), (14) "Bukkyo dainenkan" (tiếng Nhật), sách niên giám, 1964.

Tham khảo: Bantam, "Japan yesterday and today", 1971.

SÁU NGÀY HỌC ĐẠO

• VÔ THỨC

Mùa đông năm nay đến thật sớm, nay tại Ấn Độ mà thời tiết vẫn có lẽ lạnh hơn mọi năm. Sau một chuyến đi hành hương cùng với một phái đoàn lớn gần 120 vị, tôi có nhu cầu cần một thời gian để "sạc" lại cái bình tâm linh của mình. Dĩ nhiên trong thời gian hành hương tôi cũng có nhiều lợi lạc, nhưng việc hướng dẫn một phái đoàn lớn như vậy không nhiều thì ít những biến chuyển nội tâm vẫn xảy ra trong tôi. Thế là tôi quyết định về lại Bồ Đề Đạo Tràng.

Quả nhiên là một việc làm đầy lợi lạc. Nơi đây vào tháng này vô cùng rộn rịp, hàng ngàn người Tây Tạng đã đổ xô về dự lễ Monlam, một lễ Tết theo truyền thống. Lễ này lần đầu tiên đã được tổ chức bởi đức Tsong Khapa, Tổ sư phái Gelug, cách đây hơn bảy trăm năm. Lễ này đã được tất cả các trường phái Phật Giáo Tây Tạng tiếp nhận và thực hành. Năm nay cả hai trường phái Kargyug và Nyingma đều tổ chức tại Bồ Đề Đạo Tràng. Phái Kargyug tổ chức trước trong vòng 10 ngày và có khoảng năm ngàn Tăng Ni tham dự, sau đó hơn tuần đến phái Nyingma với hơn bảy ngàn Tăng Ni. Lễ Monlam là một lễ lớn và có ý nghĩa như lễ Vu Lan của ta. Lễ này là một dịp tốt để các Phật tử có cơ hội phát đại tín tâm, gieo nhiều công đức bằng cách cúng dường Tăng Già. Ngược lại Tăng Ni đã thành tâm cầu nguyện cho sự lợi lạc của tất cả chúng sanh trong suốt 10 ngày từ sáu giờ sáng cho đến 5 giờ chiều, chỉ nghỉ ăn trưa hai tiếng mà thôi.

Trong phái đoàn hành hương năm nay Thượng Tọa Minh Tuyên đã tỏ ra vô cùng xúc động và đầy quyền luyện không rời đất Phật nên đã hai lần dời lại chuyến bay về Mỹ. Sau hai tuần hành hương, Thượng Tọa đã trở lại nơi Phật thành đạo và phát nguyện tu tập dưới gốc bồ đề hơn bốn tuần, trong thời gian này Thượng Tọa đã ở suốt nơi kim cương tòa ngày đêm, chỉ nghỉ vào buổi cơm trưa mà thôi. Việc làm của Thượng Tọa đã làm cho nhiều người Âu Á cảm phục và hình ảnh người Tu sĩ Việt Nam bỗng trở nên thân thuộc hẳn nơi vùng đất thiêng này. Việc tu tập của Thượng Tọa đã sách tấn tôi và thầy Minh Tấn không ít.

Vào dịp ở Bồ Đề Đạo Tràng năm nay tôi đã được học hỏi rất nhiều, trong đó việc mang nhiều lợi lạc nhất có lẽ là việc được tham dự một khóa giảng sáu ngày. Tuy chỉ học mỗi ngày hai tiếng về một bản văn rất ngắn của Ngài Atisa mà tôi cảm thấy nhiều thay đổi trong cuộc đời tu tập của tôi, nên cũng muốn san sẻ nó với tất cả mọi người, âu cũng có người hữu duyên với bản văn này sẽ cảm nhận nó giống như tôi.

Trước hết tôi xin lược kê lịch sử Ngài Atisa và sự kiện Ngài đến Tây Tạng để mọi người có thể hình dung được sự trân quý của bản văn này. Ngài Atisa sanh ra tại vùng Bengal thuộc đông Ấn Độ, lúc đó còn là một vương quốc độc lập, cha Ngài là Vua Kalyanashri, mẹ Ngài là Hoàng hậu Prabhavati. Khi mới sanh, Thái tử đã có nhiều điều kỳ lạ mà những đứa trẻ khác không có. Cha mẹ Ngài đã đặt Ngài tên Chandragarba (Nguyệt Tạng). Mới 11 tuổi Ngài đã có ý xuất trần và xin cha mẹ đi học đạo với những vị đạo sư lỗi lạc thời bấy giờ. Mãi đến năm 21 Ngài mới được sự đồng ý của cha mẹ cho xuất gia và theo học với Ngài Avadhutipha, trong suốt bảy năm liền Ngài đã ra công chiêm nghiệm về luật nhân quả. Các nhà sư gia cho rằng sự nghiệp đế vương của Atisa có lẽ cũng lớn như Lý Thế Dân, vua thành lập ra nhà Đường, nhưng thật ngạc nhiên và cao cả khi Ngài đã từ bỏ nó để đổi lấy cuộc sống một nhà tu tìm giải thoát.

Năm 29 tuổi Ngài đã thọ đại giới Tỳ Kheo với Ngài Shilaraksa (Gidi Hộ), một tu viện trưởng thuộc bộ phái Mahasamghika (Ma Ha Tăng Kỳ Vực). Sự kiện thọ giới của Ngài cũng là một điều đáng nói và có thể giúp ta đánh tan những ngờ vực trong một số vấn đề của trường phái Mật Tông. Vào thời đại của Ngài Mật Giáo (Phật Giáo và cả Ấn Độ Giáo) rất thịnh hành, đang lúc Ngài phân vân không biết có nên tu tập theo phép giao hợp nam nữ hay không, thì bậc đạo sư của Ngài lúc bấy giờ, là Rahulagupta, đã dùng thần thông đi xuyên tường và dạy: "Sao? Con đã quên chúng sanh rồi à? Hãy thọ trì giới pháp ngay, vì điều này mới mang lợi lạc cho Phật pháp và chúng sanh. Ngay cả thần Heruka cũng đã hiện ra trong thiền định của Ngài và thỉnh cầu tướng tự. Trong suốt những năm sau khi thọ đại giới Ngài đã giữ gìn giới thể và giới tướng vô cùng trang nghiêm thanh tịnh. Để sự tu tập đạt được kết quả cao Ngài đã vượt trùng dương đi Indonesia cầu học với Ngài Suvamadhipi, một bậc thầy nổi tiếng về bồ đề tâm lúc bấy giờ. Cuộc hành trình gian khổ kéo dài 13 tháng! Trong chúng ta những người vượt biên đi tìm tự do hãy tưởng tượng một cuộc hành trình như thế. Chúng ta có thể nói, sự ra đi của Ngài được chuẩn bị chu đáo, thuyền Ngài lớn v.v... Nhưng chúng ta đã ra đi vào thế kỷ 20 và chỉ lênh đênh trên biển đời khi đến hơn tháng, trong khi ở thế kỷ thứ 10 Ngài đã thả mình theo sóng nước hơn một năm trời. Qua đó ta có thể kết luận về tầm quan trọng của bồ đề tâm rồi phải không. Sự kiện Ngài rất hết mình cầu pháp cũng đã là một tấm gương rạng ngời cho chúng ta noi theo.

Trong khi đó thì tại Tây Tạng, Phật Giáo đang đi trên con đường diệt vong. Sau khi Ngài Padmasambhava (Liên Hoa Sanh) và Ngài Shantarakshita đem Phật Giáo vào Tây Tạng thì giáo pháp của Như Lai đã trải qua hơn 200 năm vàng son để rồi bị hủy diệt vào tay vua Lan Dharma. Tây Tạng sau đó cũng đã bị phân hóa thành nhiều bộ tộc. Vị Tu Trưởng vùng Ngari là một Phật tử chân chính đã phải hơn mười vị tu sĩ ưu tú lúc bấy giờ sang Ấn Độ tu học với sự mạng mang giáo lý về lại Tây Tạng. Trong mười vị chỉ còn hai vị sống sót trở về, vị nổi tiếng là đại dịch giả Rinchen Chenpo chính là một trong hai vị ấy. Ngài đã bỏ công xây dựng hơn hai trăm ngôi chùa vùng Himachal Pradesh (Bắc Ấn) trước khi về lại Tây Tạng. Về nước Ngài đã tâu lên Tu Trưởng của mình: "Nếu bệ hạ thỉnh ngàn vạn vị sư Ấn Độ về Tây Tạng, thì Phật Giáo cũng không thể vẫn hồi được ở xứ ta, duy chỉ cần thỉnh được Ngài Atisa là đủ". Tu Trưởng liền thân chinh đi tìm vàng để làm lễ vật cúng thỉnh. Trên đường vân du Ngài đã bị một Tộc Trưởng khác bắt giam và ra điều kiện phải đem số lượng vàng bằng trọng lượng của Ngài đến chuộc và phải bỏ hẳn ý định đi thỉnh Pháp sư Ấn Độ. Cháu của Tu Trưởng là Changchub O đã đem vàng đến nhưng lại chỉ bằng trọng lượng Ngài trừ cái đầu. Changchub O khóc than cho số phận của chú, nhưng Tu Trưởng đã bảo: "Hỡi cháu ta, đừng khóc mà hãy đem số vàng này sang Ấn Độ để thỉnh Ngài Atisa. Hãy thưa với Ngài, ta dùng số vàng này cúng với cái đầu của mình để thỉnh Ngài chấn hưng Phật Giáo Tây Tạng". Sau đó Tu Trưởng đã vì cầu pháp mà tự hủy mình. Khi những người Tây Tạng sang Ấn Độ, mặc dầu đã cúng dường hậu hĩ và kể lại sự hy sinh cao cả của Tu Trưởng, Tu viện trưởng tu viện Vimakrashila chỉ cho phép Ngài Atisa sang Tây Tạng ba năm, sau đó buộc phải trở về. Ngài Asita cũng đã đắn đo nhiều về việc này, trong một linh ảnh Ngài đã nhận được sự tiên đoán, nếu Ngài sang Tây Tạng thì thọ mạng của Ngài sẽ giảm mất 12 năm, ngược lại Phật Giáo sẽ hưng thịnh trong nhiều đời tại nơi đó. Thế là Ngài nhất quyết ra đi.

Ba năm thoáng chốc trôi, Ngài đã phải lênh đênh về lại Ấn Độ mặc dầu lòng không muốn, khi đến Nepal thì chiến tranh bùng nổ, nhân cơ hội Ngài đã về lại Ngari và gửi tác phẩm Lam Doen (Ngon Đức Soi Đường Giải Thoát) cùng những tác phẩm khác về Ấn Độ để xin phép được ở thêm tại Tây Tạng. Lúc bấy giờ những tác phẩm Phật Giáo muốn xuất bản phải qua một Hội đồng kiểm duyệt, những bản văn đó đã phải bị buộc vào dưới chó và bị chó tha khắp xứ để thiên hạ chế giễu. Những bản văn của Ngài Atisa đã làm các học giả Ấn Độ ngạc nhiên và tán thưởng: "Thật là vi diệu, nếu Atisa ở lại Ấn Độ thì Ngài đã không viết được những bản văn súc tích này, vì người xứ ta thích lý luận dài dòng vãn tự". Trong đời chánh pháp còp tướng đối manh, giá trị bản văn của Ngài đã được đánh giá cao như thế thì ngày nay giá trị của nó càng được tăng lên theo cấp số nhân.

Có lẽ đất Ấn Độ là vùng đất để tu tập tâm linh. Nó luôn luôn cho ta thấy những sự hiển linh, những điều trùng hợp, để ta có thể chiêm nghiệm giáo lý của Thế Tôn mạnh mẽ hơn. Trong trường hợp buổi giảng này cũng thế, nó được trình bày bởi một vị tái sanh theo truyền

thống Tây Tạng và được xem là hậu thân của chính Ngài Rinchen Chenpo, người đã đưa ra ý kiến cung thỉnh Ngài Atisa về Tây Tạng. Trong đời này Ngài mang tên là Lochen Rinpoche (vì Lochen quý báu). Tôi có điểm phúc quen biết Rinpoche trước đây hơn năm. Gặp Rinpoche tại cội bồ đề, Ngài vui mừng nói: "Tôi vừa phát hiện ra một bản văn rất quý của Ngài Atisa và đã dịch sang tiếng Anh, khi nào về lại Delhi tôi sẽ tặng thầy một bản". Thế là tôi cũng hí hửng, nhưng có lẽ tánh nóng này vẫn còn nên tôi vẫn thăm mớ mình có ngay tác phẩm ấy trong tay để nghiên cứu thì thật là tuyệt. Vì bận bịu với vấn đề tu tập tôi đã không có dịp gặp lại Rinpoche nữa. Sau hơn hai tuần, trung tâm Root, một trung tâm nhập thất do Ngài Lama Zopa Rinpoche lập ra, đã thông báo một khóa giảng do chính Rinpoche thực hiện. Vì được (hay bị? Vì Ngài đến Bồ Đề Đạo Tràng dịp này không muốn cho ai biết hành tung để tiện việc tu tập) trung tâm mời, nên Rinpoche đã mang bản văn này ra giảng. Đây là một bản văn vô cùng quý báu, trước tôi xin dịch lại nguyên văn, sau đó sẽ đi vào từng chi tiết:

"E-Ma-Ho. Sau hai năm ở tại vùng Ngari, Atisa đã giảng dạy nhiều điều lợi ích cho vua Changchub O và người dân xứ ấy, Ngài đã phải chuẩn bị để về lại Ấn Độ. Vua Changchub O đã cung thỉnh Ngài thuyết pháp lần cuối, nhưng Ngài bảo đã dạy hết những gì cần dạy. Vua tuy vậy, vẫn vô cùng thiết tha cầu thỉnh, nên Ngài đã cho những lời sau đây:

1. Tôi nghĩ, một người ngu muội và không có khả năng tự chăm sóc mình như tôi, làm một việc xúc phạm khi góp ý với những người bạn trí thức cao và tâm thanh tịnh như bạn. Nhưng vì bạn là một người bạn tốt và tôi quý bạn hơn cả tim tôi và vì bạn đã yêu cầu nên tôi đành phải nói. Vì vậy tôi, một người non nớt với trí thức hạn hẹp, xin góp những ý này đến các bạn.

2. Bạn ơi, bạn phải có một vị thầy hướng dẫn cho đến khi bạn giác ngộ, vì thế bạn cần phải nương tựa vào bậc thầy. Bạn phải liên tục hỏi đến khi nào bạn thật chúng được chân như pháp giới, bởi vậy bạn cần phải lắng nghe những lời chỉ bảo của các vị thiện trí thức. Một kiến thức suông về giáo lý sẽ không dẫn đến quả vị Phật, điều ấy thật sự chẳng đáng gì! Bạn hãy tu tập giáo pháp. Hãy lánh xa tất cả những gì làm tổn hại tâm bạn và tìm đến những thứ làm giá trị đạo đức bạn gia tăng.

3. Khi bạn chưa đạt được đạo giải thoát thì tất cả những hoạt động đều có hại, nên bạn phải tìm đến nơi thanh vắng để sống đời ẩn cư của núi rừng. Hãy tránh những người bạn, làm tăng trưởng các vọng tưởng và gần gũi những người bạn, làm tăng trưởng đạo hạnh. Nắm chặt cái tử tưởng ấy. Những việc làm của thế gian thì nhiều vô cùng tận, hãy liả bỏ chúng và sống an nhiên. Hãy thu thập công đức ngày và để , và hãy luôn quán sát tâm của bạn.

4. Những lời hướng dẫn nào có giá trị gì, nếu bạn không tự duy về chúng? Vì vậy hãy tu tập những điều thầy đã dạy. Nếu ta có được tâm kính trọng với một niềm tin sâu xa thì sự tu tập

của ta sẽ mang đến kết quả một cách mau chóng. Dường như những người thật tâm tu tập không bao giờ phải bị lố lảng nhiều vì thiếu phương tiện sinh sống. Bạn à, đừng vọng sẽ không bao giờ được thỏa mãn, giống như việc bạn uống nước muối, hãy sống trong sự biết đủ.

5. Hãy kèm chế các tâm cống cao ngã mạn, kiêu hãnh và tăng bốc; hãy hòa nhã và sống theo giới luật. Ngay cả những việc làm được gọi là phước thiện cũng là một chướng duyên trên con đường tu tập vì vậy hãy tiết chế chúng. Lợi và danh là những nanh vuốt của ma vương, hãy tống khứ chúng như dẹp bỏ những hòn đá nhọn trên đường đi. Những lời khen tặng và ca tụng rất dễ đưa ta vào con đường lầm lẩn, hãy phun chúng thật xa như nước bọt.

6. Ngay cả niềm vui, tài sản và họ hàng, tất cả hiện hữu nơi đây, cũng chỉ là của phút chốc; hãy quay lưng lại với chúng. Tương lai dài hơn hiện tại, hãy tích lũy gia tài cho cuộc hành trình dài trước mắt. Nên biết một khi ta ra đi thì phải bỏ lại tất cả và không thể thay đổi gì nữa, hãy đừng vướng mắc vào một thứ gì. Hãy tu tập lòng tử bi với những người thấp hơn bạn, đừng bỏ mặc và lảng mạ họ nữa.

7. Đừng bao giờ thiên vị, để tâm muốn chiến thắng kẻ thù và thương yêu những người thân có thể bị khởi lên. Đừng ganh tị với những người giỏi hơn bạn; thay vào đó, hãy tôn trọng họ và cố gắng học hỏi để bằng họ. Đừng tìm những lỗi lầm nơi người, hãy tìm lỗi nơi chính bạn và xóa bỏ chúng, giống như nặn những mầu độc ra khỏi vết thương.

8. Đừng nghĩ tốt về chính mình, hãy nghĩ đến điều tốt của người và tự nghĩ mình phải phục vụ tất cả. Hãy biết rằng mọi người đều là cha mẹ mình và thương họ như con mình. Hãy luôn nói sự thật mà không giận dữ, luôn luôn với tâm thương mến và nụ cười trên môi. Nói nhiều điều thiếu liên hệ sẽ đưa đến sai lầm, hãy biết khi nào là nói đủ và nói trong sự tiết chế.

9. Những việc làm không cần thiết sẽ làm gián đoạn công phu tu tập của bạn, hãy bỏ qua bên tất cả các công việc không đưa đến kết quả phát triển tâm linh. Đừng tham tiếc những việc làm vô bổ không mang một sự tinh túy nào cả, chúng chỉ là những trò trói buộc vô nghĩa. Tốt nhất là bạn từ bỏ sự kỳ vọng vì không có gì xảy ra theo ý muốn của bạn đâu, mà được quyết định bởi những nghiệp quá khứ lâu xa. Nay! Nếu bạn tự khoác cho mình một chiếc vỏ thánh nhân thì chẳng khác nào bạn đã chết; đừng nên thủ đoạn ranh ma, hãy thành thật.

10. Những sướng vui và đau khổ của bạn trong hiện tại chính là kết quả của những nghiệp trong quá khứ, đừng nên trách ai cả. Mọi sự an lạc bạn có được chính do thầy bạn đã gia trì, hãy đến đáp ơn đó. Khi nào bạn chưa thuần thục thì bạn không thể hướng dẫn ai khác, hãy tự tu tập trước tiên. Không có một trí tuệ siêu việt bạn không thể giúp gì cho ai,

thế nên hãy cố gắng vượt bực để thành tựu chúng

11. Đã biết là bạn sẽ bỏ lại tất cả của cải một khi bạn phải ra đi, hãy thôi đừng gom góp chúng. Sự phục vụ cho nhu cầu bản thân bạn sẽ không dẫn đến đâu cả, hãy nhận ra giá trị của gia tài phước thiện. Hãy luôn luôn giữ giới vì nó làm đẹp cuộc đời và mang lại hạnh phúc cho tương lai. Sân hận phát triển mạnh mẽ trong đời mat pháp vì vậy hãy trang bị bằng áo giáp nhẫn nhục và bình thản vô tu.

12. Bạn sẽ bị bỏ lại bên sau bởi bạn lười biếng, hãy tinh tấn lên như ngọn lửa đang cháy bùng. Cuộc sống sẽ chấm dứt bên lề của sự xao lãng, giờ chính là giây phút để bạn khởi tu duy. Bạn sẽ không bao giờ hiểu được vận hành của hiện hữu nếu bạn chỉ có tà kiến hãy cố gắng đạt chánh kiến. Nay bạn, không một nơi nào trong biển luân hồi chứa đựng an vui cả, hãy lên đường để đến bờ giải thoát.

13. Nếu bạn thiên quán một cách đúng đắn theo những lời hướng dẫn của thầy bạn, con sông khổ đau (tức là dòng sanh tử) sẽ khô cạn. Những lời này không phải là lời nói suông, nếu bạn chịu lắng nghe và giữ nó trong tâm thì việc ấy vô cùng hữu ích. Nếu bạn làm như thế thì chính tôi sẽ rất sung sướng, chính bạn và mọi loài khác sẽ được nhiều lợi lạc.

Hãy trân trọng những lời hướng dẫn này, mặc dầu tôi chỉ là một kẻ vô minh.

Đây là những lời dạy của Ngài Atisa dành cho vua Changchub O".

Sau đây là phần phân tích chi tiết bản văn này. Xin nhắc lại, bản văn này lần đầu tiên được dịch ra tiếng Anh và được giảng tại Root Institut - Bồ Đề Đạo Tràng do Lochen Rinpoche. Rinpoche cho biết bản văn Ngài đang giữ là một bản viết tay rất xưa và quý hiếm. Những luận bản dưới đây tôi đã được học hỏi nơi các bậc thầy Việt Nam và Tây Tạng của tôi. Các ngài đã bỏ công dạy bảo tận tuốc cho tôi những gì tôi hiểu biết hôm nay, ớn đó thật sâu dày mà tôi vẫn chưa mấy may đền đáp, thật vô cùng tử hờ. Tuy nhiên nếu quý vị phát hiện nơi nào trong phần trình bày dưới đây thiếu chuẩn xác hay sai chánh kiến thì nên hiểu rằng, đó là do tôi kém trí tuệ không tiếp thu đúng mức những lời dạy của quý thầy, những sự dạy bảo của các thầy tôi thì luôn luôn chánh kiến và không cùng tận trong ý nghĩa của nó.

E-Ma-Ho, đây là lời tán thưởng như ta thường hay đọc trong các kinh như "hay thay", "hi hữu", v.v... và v.v... lời này đã được thốt ra để xứng tán ba sự việc xảy ra trong phần dạy nhập này; thứ nhất chính là việc giảng dạy rao truyền chánh pháp của ngài Atisa tại Tây Tạng, thứ hai là sự kiện vua Changchub O thừa thỉnh cầu pháp và ngài Atisa đã chấp nhận và thứ ba là sự hiếm quý về những lời dạy do ngài Atisa ban bố. Đây là một truyền thống mà tất cả chư Phật trong ba đời đều thực hành và chư tổ cũng đã noi theo. Sau khi thành đạo đức Phật đã lặng yên và trụ ở Bồ Đề Đạo Tràng cho đến khi thần Indra và Brahma (Đế Thiên,

Đế Thích) hiện ra cung thỉnh vận chuyển bánh xe pháp. Chúng ta có thể hiểu sự kiện này theo nhiều ý nghĩa khác nhau:

- Khi đức Phật chứng đạo ma Ba Tuần liền thỉnh Ngài nhập niết bàn, chư thiên rất sợ việc này xảy ra, vì nếu Phật không thuyết pháp thì số chủ thiên ngày sẽ giảm dần và dần ma ngày càng đông, nên họ phải thỉnh Phật dạy pháp để có người tu thiện cần và mong cầu tái sanh tốt đẹp sẽ làm cho dân số cõi trời tăng trưởng, không sợ quân ma đàn áp.

- Các vua trời là đối tượng thờ lạy của dân chúng Ấn Độ lúc bấy giờ mà còn thỉnh Phật thuyết pháp thì người dân phải hiểu rằng pháp ấy rất cao quý đối với họ và chính mình nên cần phải nương theo.

- Thật sự thì đức Phật đã giác ngộ và thành đạo chính vì lòng từ mẫn thương xót chúng sanh, vì tâm Bồ đề muốn đưa chúng sanh ra khỏi biển sanh tử nên Ngài đã dùng thần lực để chư thiên có thể thấu hiểu và thừa thỉnh, chứ chắc chắn rằng chư thiên không bao giờ có thể tự mình mà hiểu được Phật, như Phật thường dạy "cánh giới của Như Lai, chỉ có Phật mới thấu triệt, chứ Bồ Tát thập địa còn không thể nghĩ đến huống là thanh văn, duyên giác hay độc giác".

Vì thế ta nên biết việc cầu xin chư Phật hay các bậc thầy dạy pháp là việc làm cần thiết và quan trọng mà người Phật tử phải thường xuyên thực hành. Đây cũng là một trong những phép tu căn bản mà mọi người tu Phật phải luôn ghi nhớ và thực hành. Mặc dù Ngài Atisa đã giảng dạy hai năm ròng rã không ngừng nghỉ và những lời dạy của Ngài trong bản văn này không gì mới mẻ hơn những bài giảng trước, vua Changchub O và các đệ tử khác của Ngài vẫn trân trọng và hết lòng học hỏi, đây là một tư cách đúng đắn của người đệ tử.

Đoạn I: "Tôi nghĩ, một người ngu muội và không có khả năng tự chăm sóc mình như tôi". Lời này Ngài Atisa đã tự gán cho mình không phải để tạo cơ hội cho người khác có thể ca tụng và xưng tán Ngài, bởi ai cũng rõ Ngài là một vị học giả và hành giả vĩ đại của thế kỷ thứ XI không những chỉ nổi danh tại Ấn Độ mà còn cả ở Tây Tạng nữa. Lời nói này đã phát ra từ trong nội tâm sâu xa của Ngài vì Ngài là một chân hành giả và đây cũng là một pháp hành mà Ngài giảng dạy bên dưới. Không những chỉ khiêm tốn mà Ngài còn xưng tán hàng thánh chúng của mình là trí thức cao và tâm thanh tịnh, nên Ngài đã thấy việc mình làm, như giảng pháp chẳng hạn, là điều không đúng đắn. Đây là một cách chuẩn bị tư cách để giảng dạy. Khi nói chuyện với những người có vai vế lớn hơn hay trí thức hơn, ta thường chọn lời nói rất kỹ càng, và vì thế để không làm giảm giá trị trân quý của pháp Phật, Ngài cũng đã phải đắn đo dùng lời văn cho thích hợp. Vì thế, những lời hướng dẫn dưới đây đã được trình bày bằng những ngôn từ vô cùng giản dị nhưng vẫn chứa đựng một nội dung vô cùng sâu sắc.

Đối với thỉnh chúng của Ngài, sau khi đã phát tâm trân trọng, Ngài lại phát tâm từ bi qua lời nói: "vì bạn là một người bạn tốt và tôi quý bạn hơn cả tìm tôi, cũng vì bạn đã yêu cầu nên tôi đành phải nói". Với tâm trân trọng và từ bi như vậy mà Ngài đã chỉ giọng giảng dạy (bằng tất cả tâm huyết mình, chứ

không có nghĩa là Ngài thiếu sót sáng) khi có sự thỉnh cầu. Có lẽ ta sẽ đặt vấn đề, tại sao đã khiêm tốn như thế mà còn phải đợi thừa thỉnh đôi ba lần mới chịu giảng dạy. Đây dường như là một hành động làm cao.

Giáo pháp mà đức Phật và chư tổ dạy cho ta vô cùng trân quý, nhưng lại vô cùng thực tế và phản ảnh bộ mặt thật của cuộc sống. Những phép tu của đức Phật thì lại dạy ta phải bởi ngược dòng đời để đến được bờ giác, không để cuốn trôi tan ra ngoài biển khổ. Chúng ta phải thấy rõ hai đặc điểm trên, vì trên thực tế rất ít người muốn nghe sự thật mà chỉ muốn sống trong một sự lừa dối thiên miên, miễn sao thỏa mãn lòng mong cầu của mình thì thôi, như lời của một bài hát: "... xin người cử gian dối, không xin người đứng li xa tôi..."; còn việc bởi ngược dòng là việc làm đầy gian khổ mà chẳng mấy ai cảm thấy thích thú. Để đánh vào hai tâm lý trên, người cầu pháp phải cần có một tâm khát khao với pháp để khi nghe liền như được uống cam lồ và phát tính tâm đồng mãnh, phát đại nguyện rộng lớn muốn áp dụng những gì mình vừa nghe được vào đời sống hằng ngày. Vì thế việc thỉnh cầu pháp đôi ba lần là một điều thiết yếu.



Đoạn II: "Bạn hỏi, bạn phải có một vị thầy hướng dẫn cho đến khi bạn giác ngộ, vậy nên bạn phải nương tựa vào bậc thầy". Điều đầu tiên mà Ngài dạy chính là nương tựa bậc thầy. Một người tu Phật mà chưa quy y thì không thể gọi là tu Phật. Hành động quy y cũng giống như việc ta xin phép chủ gia để bước vào nhà vậy, chỉ sau đó chúng ta mới thực sự gọi là ở trong nhà đó. Phật, Pháp và Tăng là ba ngôi báu tôn quý nhất, vì sao? Vì tam bảo như chiếc phao duy nhất giữa dòng đời trôi nổi, nương vào đó ta có thể đến bờ giác dễ dàng. Lại nữa, bậc thầy là đại diện của tam bảo, theo truyền thống Tây Tạng thì ta phải xem thầy chính là hóa thân của Phật để giáo hóa ta. Việc này ngầm ra vô cùng hữu lý, nếu ta suy nghĩ về lòng từ bi của chư Phật, các Ngài đã lấy việc độ sanh làm việc làm thiết yếu cho mình thì việc đưa ta đến bờ giác thoát phải được chính Ngài thi hành, ngay cả chư Bồ Tát cũng không đủ tư cách để thay thế cho Ngài. Sẽ có người phản đối: "nhưng thầy tôi là con người rất tầm thường, ông ta đây lười làm!". Chúng ta phải hiểu đây là do nghiệp lực của chúng ta nên Phật đã phải thị hiện như thế, vì

nếu Ngài hiện ra một tướng tốt đẹp hơn thì nó sẽ không tương ứng với nghiệp xấu và ta sẽ không bao giờ gặp Ngài, vì vậy phải biết ơn thầy nhiều hơn nữa chứ. Và ta cũng phải tự biết nghiệp của mình quá nặng nề mà sám hối nhiều hơn nữa. Ngoài ra ta còn phải vui mừng vì thầy ta đã đến với ta qua dạng một con người. Quý vị có biết Ngài Asanga (Vô Trước), một vị tổ Ấn Độ xa xưa, đã gặp Phật Di Lặc qua hình dáng một con chó ghè lờ lỏi bị giới rìa? Quý vị có biết Ngài Buddhajana (Phật Trí) gặp Ngài Văn Thù qua hình dạng một thầy tu có vợ và ăn giò? Quý vị có biết Ngài Naropa, sư tổ của hành giả Milarepa vĩ đại, đã gặp thầy mình qua dáng đắp người ăn mày điên khùng nướng cá sống? v.v...

Khi chúng ta đã chọn một vị làm thầy rồi thì chúng ta phải hoàn toàn kính trọng vị ấy, không được phép soi mói lỗi lầm của vị ấy nữa, do vậy chúng ta cũng cần phải chín chắn trong việc tìm thầy. Trong bản luận Lam-Rim (thứ lớp của con đường giác ngộ) Ngài Tsong Khapa đã dạy "tại sao khi làm một việc như mua ngựa, chọn lửa, là một việc làm có ảnh hưởng ngắn hạn trong đời sống, thì các anh lại sắm soi coi từ cái răng, cái móng, còn việc giác ngộ giải thoát là một việc làm có tính cách trọng đại thì lại vô cùng cầu thả khi chọn một người làm thầy, người có trách nhiệm đầu đất các anh đến quá vị đẳng giác?". Thế nên việc chọn thầy vô cùng quan trọng, tôi có người bạn đã xin một vị Geshe nhận anh làm học trò, vị ấy đã bảo: "hãy khoan, tạm thời ta nên làm bạn nhau, mười hay mười hai năm gì đó. Anh hãy xem xét tôi và tôi tìm hiểu anh. Sau đó, nếu thích hợp thì chúng ta sẽ làm thầy trò và lúc đó là anh phải tuyệt đối giao mạng anh cho tôi và tôi tìm đủ mọi cách để đưa anh vào giác ngộ". Theo truyền thống này thì vị thầy phải hội đủ mười tiêu chuẩn, nhưng Ngài Tsong Khapa dạy, trong đời mạt pháp chỉ cần tìm một vị thầy có ba tiêu chuẩn cũng đã là hiếm và đầy đủ rồi. Ba tiêu chuẩn ấy là:

1) vị thầy ấy biết cách giảng dạy để khai ngộ trí kiến Phật cho ta,

2) vị thầy ấy phải có lòng từ bi thật sự, lo cho người hơn chính bản thân mình,

3) vị thầy ấy phải sống hạnh biết đủ, không bị vương bận vào thế sự để người có đủ thì giờ hướng dẫn ta tu tập và ta không bị lôi cuốn vào hoạt động của thầy làm mất thời giờ tu tập.

Việc chọn thầy là một việc làm vô cùng nhiều khế, vì phần đông chúng ta sẽ gặp một vị thầy tương ứng với nghiệp của chúng ta. Theo sự hiểu biết hạn hẹp của mình, ta khó phân biệt được các đặc điểm của những vị mà ta muốn chọn làm thầy. Có những trường hợp những vị trông vô cùng đúng tiêu chuẩn lại chỉ mang một cái vỏ bề ngoài, trong khi đó có những vị lại hiện tướng bề bệ ngoài sự tương tượng của chúng ta. Thí dụ như trưởng hợp Ngài Naropa tìm Tilopa. Thật là lý thú khi Ngài Naropa gặp thầy mình. Naropa lúc ấy là một luận sư lỗi lạc tại Ấn Độ, nhưng không làm sao thấy được đạo giải thoát, Ngài đã thiết tha khẩn cầu sự gia trì của chư Phật và Bồ Tát. Một hôm trong giấc mộng Ngài được chỉ dạy đi tìm Ngài Tilopa. Ngài ra đi khắp nơi và hỏi mọi người về hành tung của một vị đạo sư tên

Tilopa, mọi người đều lắc đầu và đáp: "làm gì có một đạo sư tên Tilopa!". Ngài vẫn không nản lòng, cho đến một hôm Ngài đứng chân bên một ngôi làng ven sông và hỏi: "có ai biết đạo sư Tilopa vĩ đại không?". Mọi người đều cười và bảo: "đạo sư thì không có nhưng có một lão Tilopa khùng bên bờ sông kia kia". Ngài mừng rỡ và chạy đến bờ sông thì thấy ngồi bên đống lửa bập bùng là một ông già áo quần xơ xác, đầu tóc bần thui và tẻ hại hơn nữa là ông ta đang nướng những con cá còn đang giẫy đành đạch trên ngọn lửa cháy bùng. Khi đó Ngài đã nghĩ trong đầu: "ông lão này bần thui và thiếu lông tu, hẳn không phải là vị Tilopa mà ta đang tìm". Khi ấy ông lão như tự nói: "đúng, đúng. Tôi không phải là Tilopa của ông". Naropa liền suy nghĩ tiếp: "lạ thật, tại sao ông này lại biết mình đang nghĩ gì. Hay chính lão là đạo sư Tilopa mà ta cần theo tu học". Lúc đó ông lão lại ứng lời: "đúng, đúng. Tôi chính là Tilopa mà ông đang tìm". Chắc chắn là người thầy đưa mình vào đạo, Naropa liền làm lễ nhận thầy. Nhưng hồi ấy, trong suốt thời gian theo hầu Tilopa ông chẳng được giảng dạy gì cả mà còn phải bị những thú thách suốt mất mạng đến 12 lần. Cuối cùng thì bị ăn một chiếc giày rách của thầy vào mặt đến ngắt xiêu, khi tỉnh dậy thì Ngài bỗng đại ngộ và không còn thấy hình bóng Ngài Tilopa đâu nữa.

Trường hợp Ngài Milarepa học đạo với Ngài Marpa cũng không kém gian nan. Ngài Marpa là một dịch giả nổi tiếng Tây Tạng có đến bốn bà vợ và rất nhiều đệ tử. Khi Milarepa theo Ngài học đạo thì chẳng được dạy gì ngoài những việc phục dịch thầy như làm việc, xây nhà v.v... mãi sau nhiều năm Ngài mới được Marpa truyền dạy và đã ra sức công phu để đạt được giác ngộ trong một đời. Khi có người đệ tử hỏi Ngài về bí quyết ngộ đạo, thì Ngài đã xoay người lại và cho đệ tử xem hai bàn tọa đã chai lì đây vết thẹo của mình và nói: "đó chính là bí quyết của ta, phải tinh tấn tối đa trong việc tu tập theo những pháp môn mà thầy ta đã dạy".

Sau khi đã nhận một vị làm thầy thì chúng ta phải nỗ lực tu tập theo sự hướng dẫn của thầy. Ta phải nương tựa vào thầy tuyệt đối thì ta sẽ nhận được sự gia trì của chư Phật. Tây Tạng có một phép tu đặc biệt gọi là "Guru Yoga" (Đạo Sư du già), phép tu này giúp ta củng cố niềm tin với thầy và tạo cho ta nhiều công đức để nghiệp ta nhẹ dần hầu xây dựng một nền tảng kiên cố cho những pháp môn tu tập cao hơn. **"Bạn phải liên tục học hỏi đến khi nào bạn thực chứng được chân như pháp giới và thế bạn phải lắng nghe những lời dạy bảo của các thiện trí thức. Một kiến thức trơn về giáo lý sẽ không dẫn đến quả vị Phật, điều ấy thật sự chẳng đáng gì! Bạn hãy thực hành giáo pháp"**. Vấn đề Ngài Atisa nhấn mạnh ở đây không phải là vấn đề học hỏi kiến thức, mà là vấn đề thực hành các kiến thức mình học được cho đến khi thực chứng về chúng. Người Việt Nam có câu châm ngôn: *học thầy không tày học bạn*, ở đây Ngài cũng dạy phải lắng nghe những lời dạy bảo của thiện trí thức. Những vị nào có thể gọi là thiện trí thức? Thiện trí thức là những vị có sự hiểu biết đúng đắn về giáo lý, về sự hiện hành của các pháp, có nghĩa là có cái nhìn thấu triệt bốn chơn lý

của cuộc đời mà Phật đã dạy, luôn luôn sống trong sự nhận thức chân chánh về ba cá tính cố định của mọi hiện tượng (tam pháp ấn) là khổ, không, vô thường hay vô ngã. Nói khác đi vị đó phải thực sự có chánh kiến. Và chúng ta lắng nghe những gì nơi quý vị đó? Nghe những lời cảnh tỉnh về cái khổ của cuộc sống chúng ta đang trải qua, vì chỉ khi nào chúng ta biết chắc đời là khổ và cần phải khắc phục chúng ta mới kiên trì tu tập và không thối thất. Ngày nay có một số vị hướng dẫn tâm linh dường như có khuyên hướng ru ngủ các đệ tử của mình, những vị này không hề chỉ cái khổ của cuộc đời mà lại đem những phương tiện giải trí như nhạc, như thơ, như vui chơi làm ta quên đi mọi khổ đau, mọi phiền trước mà ta đang bị vây khốn dường như biến mất. Khi đó ta sẽ nói, ôi tuyệt diệu làm sao, Ngài đã đưa tôi ra khỏi cái khổ! (nếu chúng ta còn sáng suốt nhận biết có sự hiện hữu của khổ). Nhưng kết quả là bạn chỉ bị đưa sâu vào trong một mê hồn trận, nếu bạn là một người có nhiều thiện căn thì bạn sẽ sanh làm Ghandaba (Cần tác-bà - thần âm nhạc) là cùng. Thế thì có ích gì để vui trong chốn lất nhủ thế? Một sự tinh thức mà thiếu tâm bồ đề (tâm thương xót chúng sanh vô cùng cực nên mong cầu đạt quả vị Phật để đưa họ ra khỏi biển khổ trầm luân) là một sự tinh thức của ngoại đạo hay nếu nhiều lắm là của hàng thanh văn, tùy theo sự phát tâm của ta.

Trong truyền thống Mật Tông, những người tu Phật được chia làm ba hạng:

1. Hạng phát tâm kém cỏi, là những người cầu cầu một tài sanh tốt đẹp với nhiều phúc báu.

2. Hạng phát tâm trung bình, là những người cầu thoát ly sanh tử luân hồi vào trụ trong niết bàn tịch diệt.

3. Hạng phát tâm cao thượng, là những người khởi lòng thương xót chúng sanh chịu đau khổ mà cầu thành Phật để đưa họ ra khỏi biển khổ sanh tử.

Đây là ba sự phát tâm tiên yếu để biến chúng ta thành người tu Phật, nếu ta không thuộc một trong ba hạng người trên thì chúng ta đang làm đệ tử của ngoại đạo và các việc làm của chúng ta chẳng giúp gì cho chúng ta trong các đời vị lai. Một hành giả hỏi Ngài Atisa: "nếu con chỉ hỏi hướng các công đức cho đời này thì có lỗi gì? Kết quả sẽ ra sao?" Ngài Atisa dạy: "giống như người tiêu xài tất cả những gì anh ta có được, đến khi mất mùa anh ta sẽ chết đói. Thì anh cũng vậy, chắc rằng sẽ rơi vào ba đường tái sanh thấp mà thôi". Vì thế chúng ta phải thận trọng trong các sự phát tâm.

Khi chúng ta đã phát tâm đúng đắn thì sự tu tập của chúng ta cũng trở nên có giá trị và đúng cách, chớ không như Ngài Atisa nói: "điều ấy chẳng đáng gì". Trong truyền thống Phật Giáo từ xưa đến nay vấn đề học để góp kiến thức là việc làm mà chưa từng được tán thưởng bao giờ, ngay cả Ngài Ananda nổi tiếng là đa văn đệ nhất, cuối cùng cũng phải chứng quả A La Hán mới được vào dự kết tập. Như thế không có nghĩa là Ngài Atisa bác việc học, mà Ngài muốn ngăn ngừa xu hướng chạy theo cái học kiến thức mà thiếu sự tu trì, không

sống được với những gì mà đức Phật muốn truyền trao (cái mà Thiên Tông gọi là bất lập văn tự, vì không thể diễn tả bằng ngôn ngữ được). Và cuối lại Ngài cũng đã khuyên, bạn hãy thực hành giáo pháp. Chỉ khi nào ta thực hành những phép tu mà Phật đã dạy và nhận chân được chúng qua kinh nghiệm đạt được trong quá trình trui luyện tâm, thì ta mới thật sự hiểu giáo lý và thông đạt lời Phật, bằng không mô kiến thức vật vãnh ta có được cũng chỉ để trang bị cho cái mà trong nhà Phật gọi là con một sách.

"Hãy li xa những gì làm tổn hại tâm bạn và tìm đến những thứ làm giá trị đạo hạnh bạn gia tăng". Sau khi dạy ta phải thực hành giáo pháp, Ngài Atisa liền đi vào vấn đề thực hành tu tập. Việc đầu tiên trong vấn đề tu tập chính là nhận rõ giá trị các việc làm quanh mình, trong đó Ngài chia làm hai loại, loại làm hại tâm và loại làm tăng đạo hạnh. Thế nào gọi là tổn hại tâm? Tâm là guồng máy của con thuyền để ta nương vào đó mà đến giác ngộ, nên ta phải luôn chăm sóc và xem xét như người thuyền trưởng trước khi khởi hành nhớ neo xem lại máy ghe mình có bị hư nứt hay thùng bể v.v... tâm người tu Phật phải an tĩnh, phải vị tha, phải tử mẫn, phải chuyên cần, phải nhứt như v.v... Những gì ngược lại các điều trên được xem là làm tổn hại đến tâm.

Đoạn III: "Khi bạn chưa đạt được đạo giải thoát, tất cả các hoạt động đều có hại, nên bạn phải tìm đến nơi thanh vắng để sống đời ẩn cư của rừng núi". Như trong kinh Kim Cang đức Phật dạy, khi nào hành giả chưa đạt được tánh không thì mọi việc làm của họ đều là tà hạnh, tà nghiệp cả. Ở đây, Ngài Atisa bảo là có hại, nên Ngài khuyên phải ẩn cư tu tập. Việc này xem ra dường như có vẻ bi quan yếm thế, nhưng phân tích kỹ thì vô cùng chí lý. Xã hội con người là một tập hợp của nhiều cá nhân; một xã hội tốt là xã hội có nhiều phần tử tốt, nên việc mỗi cá nhân tự kiện toàn mình chính là đã đóng góp tích cực cho việc xây dựng xã hội rồi đó. Có người nói: "thật bất nhẫn nếu tôi bỏ mặc những người đang đau khổ!", xét cho cùng người thốt lên lời nói đó đã và đang làm gì để giúp người đau khổ. Và nếu có thì việc đó đã đưa đến kết quả thế nào? Cái khổ thực sự ở đây nằm trong sự vô minh mà thôi! Đưa người thoát khổ là nhờ tận gốc cái vô minh nơi họ, thế thì ta sẽ làm việc vô bổ nếu chính bản thân mình còn vô minh đầy đầy mà mong giúp người thoát vô minh, giống như người không biết chữ lại muốn dạy người khác tập đọc thôi! Có lẽ chúng ta đã quên sự hiện diện của chư bồ tát rồi chăng? Các Ngài đang hóa hiện trong đời để cứu độ, với quyền năng và trí tuệ của các Ngài mà còn chưa thay đổi được nghiệp của chúng sanh thì ta dựa vào khả năng nào để mong làm việc đó, hay bạn nghĩ bạn chính là hóa thân của một trong các vị bồ tát đó chăng?

"Hãy tránh những người bạn làm tăng trưởng các vọng tưởng và gần gũi những người bạn làm tăng trưởng đạo hạnh". Bên trên Ngài đã dạy ta kiểm soát tâm, xa lìa việc làm tổn hại tâm. Đoạn này Ngài dạy ta kiểm soát thân. Thân nghiệp thường được tạo bởi có sự tiếp cận với thế giới chung quanh với những người "bạn" của mình. Thế nào gọi là vọng tưởng? Vọng tưởng chính là những tu tưởng có thể đưa

đến hành động mà kết quả của nó làm tổn hại cho ta và cho người. Một thí dụ điển hình trong kinh thường hay nêu, chính là hậu quả của việc uống rượu. Chính rượu đã làm cho bộ não con người sanh ra nhiều vọng tưởng và đưa đến việc làm tác hại là hủy phạm tất cả các giới còn lại. Thế nên chúng ta phải biết, có những việc dường như vô hại nhưng đem lại nhiều kết quả thâm khốc. Ví dụ như âm nhạc, âm nhạc thì nào có tác hại gì đến vọng tưởng, đến phá giới, nó thật sự chỉ làm ta thú giãn mà thôi; nhưng trong luật có ghi lại, một vị tiên ông chỉ vì mê theo tiếng nhạc mà bị mất phép tu tập, uống phí một công trình tu tập nhiều năm. Nói thế thì có vẻ quá xa vời chăng? Gần đây có một Discothek ở Manila, thủ đô của Philippine, bị cháy và gây chết chóc cho hàng mấy trăm người, chỉ vì họ say mê điệu ca tiếng nhạc mà thôi. Thế thì thật sai lầm khi ta đưa âm nhạc vào làm một sinh hoạt chánh trong việc tu tập, hay đó chính là hiện tượng của thời mạt pháp?

"**Nắm chặt cái tư tưởng ấy**" là một lời dạy trọng yếu để luyện tâm. Ngày xưa khi Ô Sào thiên sư bị bào phải làm một bài văn tóm gọn tinh túy đạo Phật, Ngài đã dạy: "bỏ các việc ác, làm các việc lành, giữ tâm thanh tịnh, vâng lời Phật dạy". Làm thiện và bỏ ác là những lời dạy thiết yếu mà hầu như tất cả các tôn giáo đều nêu, nhưng việc giữ tâm thanh tịnh trong các sinh hoạt hằng ngày lại là một điểm son trong việc hành đạo trong đời. Có giữ tâm thanh tịnh thì các việc làm của ta mới chuẩn đích và có giá trị chiều sâu tâm linh thật sự. Nắm chặt tư tưởng ấy có thể được hiểu theo hai cách:

1) nếu đứng riêng lẻ thì nó là lời dạy về định tâm và giác tỉnh. Chỉ khi giác tỉnh ta mới nhận chân được sự vận hành không ngừng nghỉ của dòng tư tưởng và khi đó ta mới có thể định tâm bằng cách nắm chặt lấy nó, như trong nhà thiền thường hay nói là bắt trâu, làm thuần con ngựa ý, huấn luyện con vượn tâm v.v... Ở đây việc nắm chặt lấy một tư tưởng tức là không cho nó tiếp tục trôi chảy và đồng thời cũng là việc làm cắt đứt dòng sanh tử, vì tâm ngừng vọng động thì thân thôi tạo nghiệp.

2) ngoài ra ta cũng có thể hiểu câu này như là một hình thức nhấn mạnh ý nghĩa của câu trước hôm na như thế, "hãy nhỏ những gì tôi đã nói bên trên".

"**Những hoạt động của thế gian thì không cùng tận, hãy liả bỏ chúng mà sống an nhiên**". Lời dạy này dành cho tất cả những ai thật sự cầu giải thoát giác ngộ, chỗ không phải cho quảng đại quần chúng. Dĩ nhiên trong một xã hội, ngay cả nếu xã hội đó chỉ hạn hẹp trong tập đoàn Tăng Già, thì phải có nhiều tầng lớp, nhiều khuynh hướng bởi bản chất con người mang nhiều dị biệt. Do đó việc có những vị không tham gia ngay vào các việc phục vụ tập đoàn cũng là điều đương nhiên. Trường hợp những vị này cũng giống như những nhà nghiên cứu gia, sau khi tốt nghiệp, thay vì đi làm họ lại chui rút vào trong các phòng thí nghiệm để tìm tòi phát minh. Ngày nay phần đông chúng ta đều có khuynh hướng ca tụng những nhà phát minh đã tìm ra nào là thuốc làm mất gàu, thuốc chữa sốt rét, thuốc chữa cúm v.v... và lại càng hoan hoan hơn nữa nếu có

người khám phá ra thuốc chữa bệnh Sida thời đại. Từ đó chúng ta cho rằng việc các vị nghiên cứu gia rút vào phòng thí nghiệm là đúng đắn, là đáng làm đáng quý. Trong khi đó nếu có một vị tu sĩ Phật Giáo chỉ lo chuyên tu thì lại bị lên án, yếm thế, thiếu trách nhiệm, thiếu khả năng v.v... và nhiều hơn những cái v.v... đó nữa Dối mắt theo suốt thời gian lịch sử thì chưa có một vị nào trong quá khứ đã thành đạo mà không khổ công tu tập. Ngay cả Lục tổ Huệ Năng, một vị được xem là ngọn đuốc lớn trong vấn đề đốn ngộ, vậy mà khi hành đạo vẫn phải ra công quán chiếu hằng ngày, thể hiện qua câu nói: "gạo của con đã già, nhưng chưa được sàng lọc, cúi mong Hòa Thượng vì con mà gạn giúp". Chúng ta thấy rõ người lợi căn như Tổ, sau khi nghe câu "Ứng vô sở trụ, nhĩ sanh kỳ tâm" (cái tâm siêu thoát sanh ra bởi vì không còn chỗ để bị vướng mắc); đã được thấy cái tâm của mình, mà Tổ còn phải ra công như thế ấy, thì chúng ta ngày nay những kẻ sanh ra trong đời mạt pháp lại mong hơn Tổ chăng? Có những người chỉ với kiến thức nông cạn ở đời, và ba bằng cấp Tiến sĩ, Bác sĩ, Kỹ sư đã tự hào ta đây hiểu thấu Hoa Nghiêm, thông suốt Bát Nhã v.v... hẳn quý vị ấy là đại Bồ tát hóa sanh, vì chính Phật đã dạy cái lý cao siêu ấy những hàng Bồ tát sơ phát tâm còn chưa hiểu nổi thì huống là!

"**Hãy thu thập công đức ngày và đêm, cũng như luôn quán sát tâm của bạn**". Nếu tu hành mà thiếu công đức thì khó mong gặp thầy giỏi, bạn hiền, môi trường thuận lợi. Vì thế Ngài Atisa dạy phải huân tu công đức tức là làm cái nhân để được những việc trên. Công đức do đâu mà được? Không phải do việc đúc chuông, xây chùa, ấn tống mà đức phát sanh; Tổ Bodhidharma (Bồ Đề Đạt Ma) đã nói với vua Lương Võ: "ông xây nhiều chùa, tạo nhiều tượng, ấn tống nhiều kinh v.v... thật ra không có công đức gì cả". Quan trọng ở đây không phải chỉ nằm trong phần việc làm, dĩ nhiên chúng ta cần phải thực hành các việc trên, nhưng làm bằng dụng tâm như thế nào, đó là vấn đề đáng được lưu ý. Do đó tiếp liền với câu tạo công đức Ngài Atisa dạy quán tâm. Nếu việc làm được tạo bởi tâm chơn chánh không vị kỷ thì phước mới sanh, đức mới phát. Ngày trước ở Tây Tạng có vị Geshe nhập thất biết hôm ấy có gia đình bảo trợ mình đến thăm nên trang hoàng bàn thờ thật đẹp để tươm tất, sau đó Ngài quán sát tâm mình thấy việc Ngài làm đã được tác động bởi ý muốn được ca ngợi, tán phục nên liền lấy tro bụi rắc lên những phẩm vật dâng cúng với lòng quán tưởng rắc lên tâm cầu danh lợi ấy của mình, rồi cúng dường hành động này lên chư Phật. Qua đó ông đã đạt được nhiều công đức. Sự kiện ấy đã không thể xảy ra nếu ông không luôn quán tâm mình, và ông thay vì làm được việc công đức, lại đi làm việc mang lại ác nghiệp mà thôi.

Đó là việc làm ban ngày, còn đêm thì sao? Một giấc ngủ cũng có thể đem lại cho ta công đức nếu ta phát tâm tốt trước khi ngủ và luôn suy nghĩ về các phép tu. Người Tây Tạng có tập tục sám hối trước khi ngủ, trước khi đặt lưng nằm xuống họ nhỏ nghĩ lại tất cả các hành động và suy nghĩ trong ngày, sau đó khởi tâm ăn năn các nghiệp ác và thành tâm cầu xin sám hối. Tổ Tsong Khapa dạy ta phải sám

hối thật là đồng mãnh, có nghĩa là phát nguyện vô cùng kiên cố, thí dụ đầu phải bỏ thân mạng cũng không tái phạm. Dĩ nhiên là chúng ta vẫn tái phạm dài dài, nhưng sự phát nguyện kia cũng có tác dụng kềm hãm ác nghiệp đó ngày càng mạnh, cho đến khi ta thật sự vượt qua được chùng tử bất thiện kia.

Trước đã nói về việc tạo công đức, bây giờ xin nói việc thu thập công đức. Nếu công đức được tạo ấy không được cất kỹ thì nó sẽ bị mai một, như tiền của phải được bảo quản trong một nhà băng nhiều uy tín. Công đức cần được cất giữ trong kho không tản mát, chỉ khi nào lấy công đức cho vào trong pháp giới bát nhã thì nó mới thật sự vững bền mà thôi. Tuy nhiên với căn tánh của số đông chúng ta thì việc làm ấy có vẻ quá mơ hồ và khó hiểu. Hôm na, chúng ta có thể hồi hướng công đức đến tất cả hữu tình, giống như việc nhớ người chung quanh giữ dùm của cải, lúc có trở vào nhà thì cũng gặp tù không, học trống nên chẳng mất mát gì. Trong kinh dạy mỗi lúc lửa sân khởi lên thì bao nhiêu công đức tích tụ trong ba đời đều bị cháy rụi, vì thế chúng ta nên thận trọng thay.

Đoạn IV: "Những lời hướng dẫn nào có giá trị gì, nếu bạn không tu duy về chúng? Vì vậy hãy tu tập những điều thầy đã dạy".

Ồ trong đạo Phật vấn đề học suông không mang lại một tác dụng hữu ích nào cho chúng ta trong phương diện giải thoát, giác ngộ cả, vì vậy mà chư tổ cũng đã dạy chúng ta phải vấn, tư và tu. Câu này Ngài Atisa cũng lập lại tổng chỉ trên. Sau khi nghe những lời hướng dẫn chúng ta phải tư duy, suy nghĩ, quán chiếu chúng cho thật thấu triệt. Rốt hết chúng ta phải tu tập chúng, đưa chúng trở thành tập quán cá hữu của chính bản thân chúng ta. Có lẽ chỉ có một bậc đạo sư giác ngộ mỗi khuyến bảo một điều mà các giáo chủ khác không bao giờ dám nghĩ đến chứ đừng nói chi đến việc phát ra thành lời, đó là hành động xét lại tất cả những lời dạy của mọi người và ngay của chính đức Phật nữa. Chỉ sau khi thấy chúng thật sự hữu lý và chánh kiến thì chúng ta mới theo và thực hành. Nội trong sự việc này, ta đã thực hành tôn chỉ vấn-tư-tu rồi đó. Tuy nhiên vẫn có những khuôn mẫu sẵn để chúng ta theo đó mà tu tập. Đầu tiên là chúng ta nên xét xem những lời giảng dạy của quý vị pháp sư có nhắc nhở ta về sự thật đầu tiên mà đức Phật đã dạy về cuộc đời này không, đó là khổ đế. Chúng ta không thể làm ngơ trước sự thật này, nếu chúng ta không dám nhìn thẳng hay không muốn nhìn thẳng về chúng thì chúng ta đã không đủ can đảm để tu tập giáo lý của đức Phật rồi thì mong gì được giác ngộ giải thoát. Ngày nay có một số vị hướng dẫn tâm linh dường như có chiều hướng ru ngủ đệ tử mình nên không hề nhắc về giáo lý này nữa và đôi khi còn cho sự lập lại về khổ là một việc làm không hữu ích, quá lạc hậu và khó làm hấp dẫn Phật tử. Những vị pháp sư ấy đem thơ, nhạc, các trò giải trí nhẹ nhàng vào làm các phép tu chính hằng ngày. Thủ hồi việc làm như thế có khác nào dùng chất thuốc để quên đi những gì đang làm ta trần trọc. Trong việc nghe pháp chúng ta phải phát tâm đúng đắn, có nghĩa là phát tâm theo một trong ba hàng đã nói bên trên, tốt nhất dĩ nhiên vẫn là phát

tâm cầu nghe pháp để tăng hiểu biết hầu tu tập, đạt trí tuệ chú Phật để đưa chúng sanh qua bến giác. Còn nói về tư cách khi nghe giảng thì cũng được chia làm bốn. Ba loại sai và một loại đúng:

i) lỗi thứ nhất là nghe pháp như một cái bình úp. Pháp như nước cam lồ rót vào bình úp thì làm sao chứa được gì, ta nghe pháp mà tâm xao lãng thì phạm vào lỗi này.

ii) lỗi thứ hai là nghe pháp như cái bình thủng. Bình thủng thì sẽ bị thất thoát, nghe pháp với chủ tâm chọn lọc những đoạn thú vị để "xài" khi đến phiên ta giảng dạy, sẽ làm ta đánh mất sự tương tục của bài giảng, lạc mất công năng sâu tốt của bài pháp.

iii) lỗi thứ ba là nghe pháp như cái bình dỏ. Cam lồ được thủy mà đổ vào bình dỏ thì cũng bằng phí mà thôi. Đi nghe pháp với tâm muốn trác nghiệm giảng sư, so đo từng chi ly để bắt bẻ, khi ấy bài pháp sẽ không mang cho bạn một lợi lạc nào ngoài những tâm sân liên tục khởi lên. Thế là bạn tự đầu độc mình.

iv) cách nghe giảng đúng đắn: là lắng tâm ghi nhớ tất cả các lời dạy và thủ lớp trình tự do giảng sư trình bày, không để ý tứ bị lộn lạo, cấu trúc mất chặt chẽ.

Chỉ sau khi tiếp thu trọn vẹn bài giảng rồi thì ta mới bắt tay thực tập vấn đề tư duy này. Giai đoạn này ta phải xét lại tất cả nội dung bài giảng, nghiên ngẫm cho thật chín muồi, so lại xem nó có nói lên được tầm quan trọng của bố đề tâm, bày tỏ các thật tướng của pháp giới và quan trọng hơn hết là có dạy cho ta một phương pháp tu tập nào không! Một bài giảng mà không dạy bạn một pháp tu là đã đi sai truyền thống Phật Giáo và vô bổ cho người nghe lẫn người giảng. Vì sao? Giáo lý đức Phật là giáo lý thực nghiệm, mỗi bài kinh đều chỉ phép tu, dạy cách hành trì quán chiếu. Đọc kinh mà ta không thấy được điểm đó thì có hai vấn đề:

a) ta chưa hiểu kinh.

b) bản kinh này có thể nguy tạo, thế thôi.

Công đoạn thứ ba là tu tập, nói nôm na là đưa những gì đã học được vào ứng dụng hoặc qua sự luyện tâm hay sự điều thân. Trong tất cả các truyền thống Đại Thừa một thời khóa tu tập đã được sắp xếp theo một trình tự tâm lý tự nhiên phản bất thiện. "Tại sao có thể nói thế?", trước tiên hãy thử phân tích một quá trình của việc làm bất thiện. Ví dụ: (i) khi nghe người ta nói "mày là đồ chó", (ii) ta sẽ suy nghĩ: "mày" tức là nói về mình "là" chỉ một sự so sánh và "đồ chó" là một đối tượng thuộc đẳng cấp hèn hạ, ta liền kết luận "nó chửi mình" (iv) và cung tay đánh một cái thật mạnh (iii) với chủ tâm trả đũa đích đáng rồi bỏ đi. Kỳ dư những việc trên xảy ra chớp nhoáng, nhanh đến độ chính ta cũng không nhận ra kịp những bước tiến của diễn biến trên, vì sao? Vì nó thuộc ác nghiệp và ăn quá sâu trong tiềm thức của ta và không một ai dạy bảo nó vẫn phát khởi. Nhưng chưa hết; (v) khi về nhà ta lại hồi tưởng tất cả sự việc, sự giận tức lại đến và được tiếp nối bằng sự há hê và (vi) kết thúc bằng ý nghĩ "ta đã cho nó một bài học đích đáng, chắc là sẽ không dám tái phạm đâu".

Bây giờ xin so sánh với quá trình tu tập: (i) nghe dạy về giáo lý, (ii) tư duy về giáo lý, (iii) phát tâm thực hành giáo lý, (iv) khởi sự tu tập, (v) tùy hỉ sự tu tập và (vi) hồi hướng công đức.

(i) và (ii) chúng ta đã bàn, khi nghe giảng về khổ để thì chúng ta phải phân tích cho kỹ lưỡng khổ để thật sự như thế nào, chúng ta phải hiểu sâu xa về bát khổ, về tam đồ v.v... đây giống như việc nghe mắng và phân tích lời mắng, nhưng vì nó thuộc thiện nghiệp nên thật không dễ dàng khi ta thực hiện chúng.

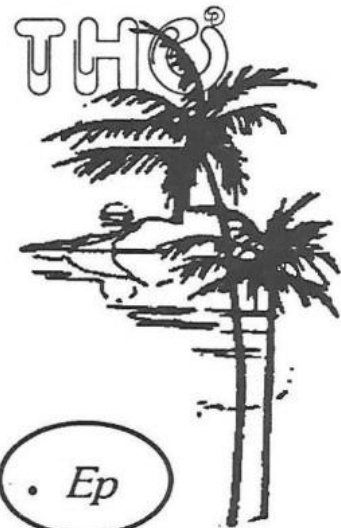
(iii) phát tâm thì tùy theo căn tánh của từng người, việc phát tâm là việc thiết yếu trước khi khởi sự một thời khóa, giống như trước khi đi đâu chúng ta phải biết mình muốn đi đâu vậy. Những người cầu tái sanh tốt đẹp nhân thiên cho đời sau là hạng phát tâm thấp. Cầu thoát ly sanh tử luân hồi trụ vào niết bàn tịch diệt là hạng người phát tâm bậc trung. Là người phát tâm rộng lớn ta phải cầu đạt được quả vị Phật để có đủ khả năng cứu độ mọi loài chúng sanh, những hữu tình đã thay nhau làm cha mẹ anh em ta trong nhiều đời nhiều kiếp.

(iv) Khởi sự tu tập: trước khi tu tập bạn nên quán tưởng (hay tưởng tượng, nếu bạn không có kinh nghiệm quán) cha mẹ bạn ngồi kề bên phải và trái bạn, anh em thân bằng quyến thuộc sau lưng, kẻ mình ghét nhất ngồi trước mặt và tất cả chúng sanh vây quanh mình. Ta và tất cả mọi người đồng tu tập như nhau, cùng được lợi lạc như nhau, đây cũng là một hình thức hồi hướng rồi đó. Ngoài ra nó còn là một sự kết duyên rộng lớn với chúng sanh, để khi ta thành đạt họ dễ dàng làm đối tượng cho ta hóa độ.

(v) Tùy hỉ tu tập: Khi nói về tùy hỉ chúng ta thường nghĩ đến việc tùy hỉ người khác, nhưng thật không phải với chính mình, nếu bạn không tự tùy hỉ phải không? Thật sự tùy hỉ với người khác rất là khó làm nhưng lại mang được nhiều công đức. Nếu bạn tùy hỉ với người có trình độ tu tập kém hơn thì sẽ được công đức gấp đôi người ấy được. Với người cao hơn thì chỉ bằng nửa mà thôi. Tuy vậy đây cũng là một pháp tu vô cùng nhẹ nhàng, không tốn chút công sức mà vẫn đem lại phúc báu, thật ổng phí nếu bạn không thực hành. Còn thế nào là tùy hỉ với chính mình, đó là việc khởi tâm vui mừng sau một thời khóa tu tập, nhưng nên biết rằng, sở dĩ mình hoàn tất công phu được chính là nhờ vào sự gia trì của bậc thầy và chú Phật, nên không có gì để tự cao cả. Việc tùy hỉ này cũng giống như việc hồi tưởng lại sự kiện sau khi ta đã đánh kẻ chửi mình.

(vi) Hồi hướng là phần quan trọng của một thời khóa. Dân ta thường hay trách người này người nọ ăn ở không có hậu, thì chính việc hồi hướng này là cái hậu mà ta cần phải có khi tu tập. Hồi hướng còn giúp ta tăng trưởng công đức đã đạt và bảo vệ chúng khỏi bị hủy hoại. Hồi hướng cũng giống như việc lập lại nguyện vọng của ta trong sự phát tâm và được chia làm ba hạng như trên. Tốt nhất là bạn nên hồi hướng công đức cho sự giải thoát giác ngộ của mình và người.

(Còn tiếp)



BÊN HỒ AEGERI

*Nắng nghiêng trái lựu mặt hồ
Sóng vàng lấp lánh bụi vô côi nào
Lòng ta trầm mặc nỗi đau
Như hồn sỏi nhỏ chìm sâu đợi chờ.*

NÚI

*Ngoạn núi cao sừng sừng
Mặt hồ lặng thanh thanh
Thân tâm đã vương bận
Côi vô thường mong manh!*

CÁNH ĐỒNG

*Bồ công anh vàng rực
Trên cánh đồng mạ non
Chút thiên nhiên có thực
Hay cũng là mộng tròn?*

■ Tham Luận

SUY NGHĨ VỀ ĐIỆN TỬ HÓA KINH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

.THÍCH HẠNH TUẤN

Lời Tòà Soạn: Tham Luận này đã được tác giả viết dưới dạng của một bài diễn văn để đọc trong cuộc hội thảo về Điện Tử Hóa Kinh Điển Phật Giáo và Việt ngữ do Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Miền Tịnh Khiết, Hoa Kỳ, tổ chức vào hai ngày 29 và 30 tháng 03 năm 1997 tại Chùa Viên Giác thuộc Oklahoma City. Bài tham luận có thay đổi một vài chi tiết cho hợp với khuôn khổ của một bài báo.

Nhân loại đã và đang bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của nền khoa học kỹ thuật hiện đại đó là nền khoa học điện tử. Ngành khoa học điện tử này đã và đang cống hiến cho nhân loại những phát minh mới không những đã làm chuyển biến toàn diện, nâng cao đời sống và sinh hoạt hằng ngày của con người mà còn tạo nên một khởi động mạnh trong tâm trí của những người con Phật khi nghĩ về công việc bảo trì và truyền bá giáo pháp của Đức Thích Tôn. Dựa vào những kỹ thuật tân tiến hiện đại của ngành điện tử này chúng ta đã nghĩ ngay đến sự tận dụng những tiện nghi mà ngành này đã cung cấp cho chúng ta để áp dụng vào công việc tàng trữ, nghiên cứu, học hỏi và truyền bá kinh điển giáo pháp một cách chính xác, linh động và nhanh chóng.

Nếu chúng ta bình tâm quán tưởng và suy nghiệm thì đây không phải là lần đầu tiên mà kinh điển của Phật giáo đã hòa nhịp với sự phát triển của nền khoa học kỹ thuật để tồn tại. Trong quá khứ, Phật giáo đã từng đối diện với nhiều sự đổi thay của khoa học kỹ thuật, qua nhiều thế kỷ khác nhau, kể từ thời nguyên thủy của Phật giáo, cho đến khi chánh pháp được truyền vào các nước thuộc lục địa Châu Á. Tại Ấn Độ, quê hương của Phật Giáo, vào những thế kỷ đầu tiên của Phật pháp, chúng ta biết rằng lời dạy của Đức Phật đã được lưu truyền dưới hình thức Văn Chương Truyền Khẩu. Vào những thế kỷ này, để bảo tồn lời Phật dạy, kinh điển đã được đọc tụng thuộc lòng do những bậc Đại A La Hán trong những lần kết tập kinh điển. Cho đến khi người Ấn Độ phát minh hệ thống chữ viết bằng tiếng Phạn để thay thế cho nền văn học Văn Chương Truyền Khẩu, chữ viết đã mở ra một kỷ nguyên mới trong việc tàng trữ, nghiên cứu học hỏi và truyền bá chánh pháp.

Trong giai đoạn này kinh điển đã được khắc trên đá và viết trên lá bối. Chúng ta được biết vua A Dục là vị vua Phật tử đầu tiên đã cho khắc kinh trên đá vào những tháng ngày đầu của thế kỷ thứ tư trước Tây lịch. Tại Ấn Độ, ngoài việc sử dụng đá để khắc kinh, người ta cũng tìm thấy được một loại lá mà bề mặt của nó có thể dùng để viết chữ một cách rất dễ dàng đó là lá bối. Loại lá này rất là phổ thông khắp nơi tại Ấn Độ. Nó rất mềm dẻo và bền mà người ta có thể cắt xén lá bối theo kích thước như ý muốn. Việc cắt xén này đã chứng minh cho chúng ta thấy người Ấn đã sử dụng kỹ thuật khoa học tiên tiến, tuy đơn sơ nhưng cũng đã nói lên được tính chất đổi mới của nền khoa học kỹ thuật chữ viết.

Kỹ thuật viết chữ trên lá bối đã đưa nền văn học Phật giáo của thời đại Văn Chương Truyền Khẩu vào văn học kỹ thuật chữ viết. Văn học chữ viết đã đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển và truyền bá Phật giáo. Chúng ta sẽ không thể nào tưởng tượng được sự truyền bá của Phật giáo đã phải như thế nào, nếu như kinh điển đã không được khắc trên đá hay viết trên lá bối.

Sau khi Phật giáo được truyền sang Trung Quốc, khoa học kỹ thuật được sử dụng trong việc tàng trữ và truyền bá Chánh pháp tại Trung Quốc hoàn toàn khác hẳn với việc truyền bá và tàng trữ chánh Pháp tại Ấn Độ. Người Trung Hoa đã sáng tạo ra bút lông, giấy viết và vải lụa. Kinh sách của Phật giáo đã được sao chép trên giấy và trên vải lụa được coi như là những phát minh mới của người Phật tử Trung Hoa mà trước đó đã không được biết đến trong nền văn hóa chữ viết trên lá bối của Ấn độ. Hơn ai hết, người Trung Hoa đã sáng chế ra giấy viết sớm nhất trên thế giới. Vào những ngày đầu của thế kỷ thứ năm sau Tây lịch, lần đầu tiên toàn bộ kinh điển Phật giáo đã được sao chép thành mười bộ khác nhau để ấn tống do sự đóng góp cúng dường của hàng ngàn Phật tử Trung Hoa có tín tâm mộ đạo. Sự kiện quan trọng này đã được ghi lại vào tú liệu trong hang động thứ mười bảy của Động Đôn Hoàng trên đường buôn lụa giữa hai nước Trung Hoa và Ấn Độ.

Chúng ta biết rằng, trong giai đoạn này kinh điển Phật giáo bằng chữ Tàu hầu hết đều được phiên dịch từ kinh điển bằng tiếng Phạn. Nếu chúng ta hình dung được sự khó khăn và vất vả như thế nào khi người Phật tử Ấn Độ phải ghi chép lại kinh điển trên lá bối - với mười bộ Tam Tạng chúng ta phải cần đến một số lượng lá khổng lồ đến bao nhiêu? Và bao nhiêu ngày tháng? Chưa kể đến hình thức bảo trì lá khó khăn như thế nào. Do vậy sự tiến bộ về mặt kỹ thuật đi từ giai đoạn ghi chép toàn bộ Tam Tạng kinh điển trên lá bối đến việc in thành kinh sách đã là một tiến bộ mà chúng ta có thể nghĩ rằng rất vượt bậc. Hơn thế nữa, kỹ thuật chữ viết bằng bút lông và sao chép kinh điển vào những thế kỷ xa xưa tại Trung Hoa cũng giúp cho chúng ta biết được kinh Phật đã được truyền bá vào những giai đoạn sớm nhất của Phật giáo.

Một sự chuyển biến lớn khác của nền khoa học kỹ thuật Trung Quốc mà đã có ảnh hưởng rất rộng rãi trong việc tàng trữ, nghiên cứu, học hỏi và truyền bá chánh Pháp đó là việc phát triển kỹ thuật ấn hành kinh sách

trên bìa gỗ. Áp dụng kỹ thuật này, người Phật tử Trung Hoa đã khắc kinh Phật trên hàng trăm ngàn bìa gỗ khác nhau. Việc ấn hành kinh điển bằng bìa gỗ đã trở nên tiện nghi gấp trăm lần so với việc sao chép và viết kinh bằng bút lông trên lụa và trên giấy của thời đại trước đây. Bộ Kinh Kim Cang Bát Nhã rất quen thuộc với Phật tử chúng ta được biết là bộ kinh được in sớm nhất trong lịch sử in ấn sách báo của nhân loại trên thế giới.

Vào đầu thế kỷ thứ mười kể từ khi triều đại Nhà Tống đã cho khắc toàn bộ Tam Tạng Kinh Điển Phật Giáo trên bìa gỗ thì kỹ thuật ấn hành kinh Phật tại Trung Hoa đã lên đến một thời điểm rất cao. Đã có hơn một trăm ba chục ngàn bìa gỗ khắc toàn bộ Tam Tạng Kinh Điển. Kể từ đây hàng trăm Bộ kinh đã được lưu truyền trong nước và truyền sang các nước lân cận của Trung Quốc như Đại Hàn, Nhật Bản... Tại Việt Nam vào thế kỷ thứ mười một, vua Lý Thái Tổ cũng đã đưa một phái đoàn thỉnh Tam Tạng Kinh Điển từ triều đại Nhà Tống của Trung Quốc. Trải qua nhiều thế kỷ, nền kỹ thuật ấn loát bằng bìa gỗ đã là một phương tiện chính yếu trong việc ấn tống và truyền bá kinh điển Phật giáo. Kỹ thuật in ấn kinh sách của thế kỷ 19 và 20 này vẫn tiếp nối kỹ thuật này mặc dầu đã được thay thế bằng bìa kẽm.

Cho đến ngày nay chúng ta có thể nói rằng việc phổ biến và truyền bá chánh pháp tiến hành trong hai thời điểm: một thời điểm của văn tự chữ viết bằng tay và một thời đại của việc ấn loát bằng gỗ và bìa kẽm. Việc truyền bá học hỏi và nghiên cứu kinh điển Phật giáo của Phật tử khắp nơi đã được ảnh hưởng sâu rộng một trong hai thời đại trên. Trong thời đại chữ viết bằng tay trên lá bối tại Ấn Độ, việc truyền bá và nghiên cứu học hỏi kinh Phật rất còn bị giới hạn chính vì tính chất dễ bị hủy hoại và cũ mục của lá bối. Hơn nữa, người biên chép kinh điển bằng tay không thể nào sao chép kinh điển thành nhiều bản giống nhau trong một thời gian ngắn. Do vậy việc sao chép kinh điển lúc bấy giờ không phải là để lưu truyền mà phần lớn là để bảo tồn.

Nền kỹ thuật ấn loát kinh điển trên giấy bằng bìa gỗ và bìa kẽm đã làm thay đổi cục diện của việc nghiên cứu và truyền bá chánh pháp. Chỉ trong một thời gian ngắn, người ta có thể in ra hàng trăm hàng ngàn bản kinh giống nhau. Người Phật tử có thể dùng những bản in này để ấn tống khắp nơi mà không phải lo ngại đến việc bìa chính của kinh bị thất lạc, hủy hoại hay cũ mục nhanh chóng như lá bối. Việc chú giải kinh điển do nhiều nhà nghiên cứu ở khắp nơi cũng không gặp phải khó khăn như kinh điển được viết trên lá bối vì mỗi người đều có cùng một bản kinh giống nhau. Việc nghiên cứu, tham khảo cũng trở nên dễ dàng sau khi đã được sắp xếp theo số thứ tự 1, 2, 3 và theo mẫu tự a.b.c. có chủ đề nhờ vào sự tiện lợi của việc ấn loát.

Hơn một ngàn năm trôi qua, việc tàng trữ, nghiên cứu và truyền bá Phật pháp khắp nơi trên thế giới đặt nền tảng căn bản trên kinh sách đã được ấn hành bằng giấy. Trong những thập niên gần đây, người Phật tử chúng ta lần đầu tiên được đối diện với nền

khoa học kỹ thuật điện tử hiện đại. Nền khoa học kỹ thuật điện tử này đã và đang đem lại cho chúng ta một sự thay đổi trong việc nghiên cứu học hỏi và truyền bá chánh pháp kể từ khi kỹ thuật in ấn kinh điển trên bìa gỗ và bìa kẽm. Sự phát triển nhanh chóng của nền khoa học điện tử trong những năm cuối cùng của thế kỷ hai mươi đã và đang mở ra cho chúng ta một cái nhìn mới trong việc tàng trữ, nghiên cứu học hỏi và truyền bá kinh điển Phật giáo.

Nhìn lại lịch sử của việc duy trì và truyền bá chánh pháp, cách đây một ngàn năm, người Phật tử Trung Hoa đã tạo nên một bước tiến thật lớn trong việc chuyển đổi kinh điển viết tay trên lá bối của người Phật tử Ấn Độ bằng cách khắc in kinh trên bìa gỗ. Ngày nay thay vì Phật tử chúng ta phải ấn hành kinh điển bằng giấy để lưu truyền hay tàng trữ Tam Tạng Kinh điển trong một Tàng kinh các hay trong một Thư viện, chúng ta sẽ đưa toàn bộ kinh Phật vào máy điện tử dưới dạng của một CD-ROM.

Nếu toàn bộ kinh điển Phật giáo được đưa vào máy điện tử dưới dạng của một CD-ROM rất tiện lợi cho chúng ta trên nhiều phương diện khác nhau. Thật không đáng kể khoảng không gian để cất giữ một CD và cũng không có gì nặng nhọc khi chúng ta cầm trên tay Tam Tạng kinh điển bằng một CD. Và chúng ta cũng chưa bao giờ tìm thấy bất cứ một người nào cùng một lúc có thể mang nổi cả Tam Tạng Kinh Điển được in trên giấy, nhưng ngược lại cùng một lúc chúng ta có thể mang hàng trăm CD Tam tạng kinh điển trên tay. Hơn thế nữa, việc nghiên cứu tìm tòi học hỏi kinh điển bằng CD-ROM rất nhanh chóng. Chúng ta phải cần đến nhiều năm hay nhiều tháng để tìm hiểu một chủ đề Phật Pháp trong Tam Tạng Kinh Điển được in trên giấy. Cũng cùng một việc nghiên cứu này, chúng ta chỉ mất vài giây đồng hồ bằng cách sử dụng CD-ROM trong máy điện tử.

Trong hai thập niên qua, nhiều sách báo tài liệu đã được đưa vào máy điện tử dưới dạng liên mạng (internet) hoặc CD-ROM. Trong số này, Phật giáo đã có trên hai ngàn công trình tài liệu văn hóa đã được đưa vào liên mạng và CD-ROM. Đặc biệt hơn hết, việc đưa toàn bộ Tam Tạng Kinh Điển thuộc Hán Tạng và Pali Tạng vào một CD đã là những công trình lớn nhất trong nền khoa học kỹ thuật điện tử trên thế giới.

Như chúng ta đã biết về số lượng kinh điển của tất cả các tôn giáo trên thế giới, không có một tôn giáo nào có số lượng kinh điển phong phú như Phật Giáo của chúng ta. Toàn bộ Tam Tạng Kinh điển thuộc Hán Tạng ước lượng chừng trên 150 triệu chữ. Tam Tạng này đã được đưa vào một CD trong vòng 6 năm qua tại trụ sở Nam Hàn do tu viện Hải Ấn chủ trương. Về phần Tam Tạng Kinh Điển thuộc Pali Tạng, ấn bản của Thái Lan, ước lượng trên 50 triệu chữ. Tam Tạng này đã được đưa vào một CD do viện đại học Mahidol thực hiện. Song song với hai Tạng kinh trên, Phật giáo Tích Lan cũng đã hoàn tất việc đưa Tam Tạng Kinh bằng tiếng Pali vào một CD. Ngoài ra, Đại Tạng Kinh (Đại Chánh Tân Tu - Taisho) và Pali Tạng của Phật Giáo Miến Điện đang được đưa vào CD trong vòng hai năm qua. Thế nhưng về

phía kinh điển được dịch ra tiếng Việt chúng ta vẫn chưa thấy xuất hiện trên liên mạng hoặc trong CD.

Trên đây là những công trình đáng kể nhất của Phật giáo mà khi nhìn thấy những công trình này cho chúng ta niềm tin mãnh liệt rằng việc đưa toàn bộ Kinh Điển Phật Giáo thuộc bất cứ truyền thống nào thì cũng có thể thực hiện được. Là Phật tử Việt Nam chúng ta được may mắn hấp thụ cả hai truyền thống Phật giáo đó là Phật Giáo Nam Tông và Bắc Tông. Kể từ khi kinh điển được khắc trên đá, rồi được viết trên lá bối, qua bao nhiêu thế hệ truyền thừa, ngày nay chúng ta có được kinh sách để nghiên cứu, tụng đọc.

Làm sao chúng ta có thể quên được công đức lớn lao của các bậc Cha anh, Thầy Tổ đi trước. Nếu không có nhà vua Phật tử A Dục cho khắc kinh trên đá, không có hàng trăm ngàn Phật tử Ấn Độ viết kinh trên lá bối thì kinh điển đã bị thất truyền từ nhiều thế kỷ qua. Và nếu không có hàng triệu Phật tử Trung Hoa đã đóng góp vào công trình khắc kinh trên bìa gỗ vào những thế kỷ thứ mười tại Trung Quốc thì ngày nay chúng ta khó có thể có được những bộ kinh bằng giấy để cho chủ Tôn Đức Hòa Thượng phiên dịch ra tiếng Việt để cho chúng ta học hỏi đọc tụng hôm nay. Theo sự thống kê sơ bộ của chúng tôi thì hiện nay chúng ta đang có trên 100 quyển kinh, thuộc hai truyền thống Nam Tông và Bắc Tông, khoảng chừng 50 ngàn trang kinh đã được dịch ra tiếng Việt.

Chính vì sự an lạc hạnh phúc cho chúng ta hôm nay trong việc học hỏi, nghiên cứu và thực hành theo kinh điển mà các bậc tiền bối đã từng đóng góp công sức của mình vào sự nghiệp bảo tồn và truyền bá chánh pháp của Phật đà. Phải chăng chúng ta còn có đủ phước duyên để tiếp nhận sự trao truyền cao quý từ những bậc cha anh, Thầy tổ đi trước. Để đền đáp công ơn trong muôn một đó, một cách duy nhất là chúng ta hãy nghĩ về tương lai của những thế hệ con cháu đàn em đi sau mà ra công gìn giữ và tỏ lòng cho mái nhà chánh pháp của Đức Thế Tôn.

Trong thời kỳ kinh điển được viết trên lá bối đã có hàng triệu Phật tử Ấn Độ đã đóng góp công sức mình vào công việc duy trì và truyền bá chánh pháp bằng kinh điển Lá Bối. Vào thế kỷ thứ mười, thì lại có hàng triệu Phật tử Trung Hoa đã đóng công sức mình vào công trình khắc kinh trên bìa gỗ để ấn tống. Hai ngàn năm qua cũng đã có hàng triệu Phật tử Việt Nam tiếp nối công trình bảo vệ và truyền bá chánh pháp bằng nhiều hình thức khác nhau trong đó việc đóng góp công sức của mình vào việc khắc kinh trên bìa gỗ và cúng dường tịnh tài để ấn tống kinh điển cũng rất là đáng kể.

Phải chăng đây là duyên nghiệp của chúng ta đã được sanh vào thời kỳ tiến bộ của nền khoa học điện tử hiện đại. Trong nền văn minh của khoa học điện tử tân tiến này, mọi phương tiện vật chất trở nên dễ dàng và gọn nhẹ. Người Phật tử chúng ta phải thông minh không để bị nền khoa học điện tử hiện đại chi phối mà phải biết dùng nó như là một phương tiện để chuyên chở đời sống tâm linh của chúng ta.

Một trong những phương tiện để giúp cho Phật tử chúng ta phát triển đời sống tâm linh

của mình ở trong thời đại khoa học điện tử hiện đại này đó là việc sử dụng CD-ROM kinh Phật để nghiên cứu học hỏi và tu tập. Xưa kia, người Phật tử Ấn Độ đọc kinh trên lá bối là một tiến bộ của khoa học chữ viết. Người Phật tử Trung Hoa đọc kinh trên giấy được in từ bìa gỗ từ thế kỷ thứ mười là phát minh mới nhất của thời kỳ ấn loát kinh sách bằng bìa gỗ. Ngày nay Phật tử Việt Nam chúng ta nghiên cứu, học hỏi, tu tập theo kinh Phật bằng CD là điều hiển nhiên của thời đại khoa học kỹ thuật điện tử hiện đại. Ngày mai con cháu của chúng ta sử dụng máy điện tử để đọc kinh không còn là một điều để bàn cãi nữa.

Sau hơn hai mươi năm sống trên các nước văn minh có nền khoa học kỹ thuật điện tử tiên tiến, Phật Giáo Việt Nam chúng ta đã có được hàng ngàn Phật tử tốt nghiệp từ ngành điện tử. Đặc biệt là những Huynh Trưởng trong Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ, tại Miền Tĩnh Khiết có mặt hôm nay tại cuộc hội thảo "Điện Tử Hóa Kinh Điển" và "Việt Ngữ"; chúng ta đã và đang trưởng thành trong một xã hội với nền khoa học điện tử hiện đại. Theo sự tìm hiểu của chúng tôi thì được biết hầu hết các anh chị Huynh Trưởng có mặt hôm nay đều là những Huynh Trưởng có một số kiến thức về điện tử hoặc tốt nghiệp từ ngành điện tử. Các anh chị Huynh Trưởng này có thể được ví như những vị Vua A Dục hiện thân vào thế kỷ hai mươi. Thay vì các anh chị phải vào núi, lên rừng để cắt lá bối và mang hàng trăm ngàn phiến đá về để viết và để khắc kinh Phật, các anh chị chỉ cần ngồi trong nhà hay trong sở làm của mình với đầy đủ tiện nghi dùng máy điện tử để đưa toàn bộ kinh điển Phật Giáo được phiên dịch ra tiếng Việt vào máy điện tử dưới dạng của một CD-ROM.

Nhìn vào quá trình lịch sử hình thành của Tam Tạng Kinh Điển qua nhiều thời đại, chúng ta thấy rằng Phật giáo đã không ngừng thích ứng với sự tiến bộ của khoa học để đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Trong đó hàng triệu đệ tử của Đức Phật đã báo đền công ơn hóa độ của Ngài bằng nhiều hình thức khác nhau để làm cho chánh pháp của Ngài mãi mãi được lưu truyền trên thế gian. Tiếp nối những công trình của những bậc Cha Anh, Thầy Tổ đi trước, Tổ chức Gia Đình Phật Tử chúng ta hãy đóng góp hết sức mình vào công việc "Điện Tử Hóa Kinh Điển Phật Giáo Việt Nam".

Đàn em của chúng ta đang trông chờ chúng ta như chúng ta đã từng trông chờ những thế hệ đàn anh đi trước. Một xã hội mà dường như hầu hết mọi sinh hoạt đều tùy thuộc vào máy điện tử là xã hội mà chúng ta đang sống và đàn em của chúng ta sẽ lớn lên ở trong đó. Để hòa nhịp cùng với sự tiến bộ của khoa học điện tử, một CD-ROM toàn bộ kinh điển Phật Giáo Việt Nam cần phải có để cho chúng ta và cho đàn em của chúng ta sử dụng.

Tổ chức Gia Đình Phật Tử chúng ta có đủ nhân sự, có đủ phương tiện, có đủ khả năng, có đủ ý chí và nguyện lực, do vậy chúng tôi tin tưởng một cách mãnh liệt rằng một CD-ROM toàn bộ kinh điển Phật Giáo Việt Nam sẽ hoàn tất trong một tương lai rất gần.

NIỀM VUI LỚN NHẤT TRONG ĐỜI

• HẠNH NGUYỄN

Lama Thubten Zopa Rinpoche chào đón quan khách đến dự lễ đặt viên đá và giải thích những lợi ích rộng lớn về mặt kiến tạo tôn tượng Đức Phật Di Lặc. Tôi thật sự không thể nói hết những lợi ích này, ngài nói.

Chào đón 700 quan khách về tham dự ngày lễ đặc biệt đặt viên đá đầu tiên xây dựng tôn tượng Đức Phật Di Lặc vĩ đại - tâm nguyện của Lama Thubten Yeshe khi còn sinh tiền - ngài Lama Zopa Rinpoche đã thành tâm dành lễ đến chú Phật, Tôn pháp và chư Tăng, những vị thánh giá trong quá khứ, đến những vị Lama, những vị Tăng Ni, đại diện các Tôn giáo khác cũng như những cơ quan viên chức chính phủ, những ân nhân và các học sinh từ khắp nơi trên thế giới về tham dự lễ này.

Rinpoche đã đặc biệt dành lễ đức Chogye Trichen Rinpoche, bậc đạo sư của đức Dalai Lama, cũng như là thầy của ngài; nghênh đón phái đoàn đại diện của đức Dalai Lama là ngài Daboom Rinpoche, các ngài Viện trưởng của ba Đại học Tu viện truyền thống lớn là Gaden, Sera và Drepung.

Rinpoche chào đón ông Mangala Moon Singhe, vị Cao ủy của Tích Lan, ông K.M. Singh Bộ Trưởng Nội Vụ chính phủ Ấn Độ, S.C Mukherjee Viện Trưởng Đại Học Ma Kiệt Đà, Chintu Nayak, Ủy viên Hội đồng khu vực Ma Kiệt Đà và ông Rajiv Gauba, Thẩm phán khu vực Gaya.

Trong lời mở đầu Rinpoche nói, tôi muốn đặc biệt đề cập đến những sự hỗ trợ quý báu mà chúng tôi đã nhận được từ những ân nhân sau đây: ông K.M Singh, ông Rajiv Gauba và ông Sachidanand Singh, cựu Tổng thư ký của tỉnh Bihar và gia đình ông, người đã từ bỏ bán đất họ cho dự án này.

Ngài đã chào đón tất cả những viên chức khác của chính phủ Ấn Độ và trong tỉnh Bihar, những vị đã hoàn toàn hỗ trợ cho việc xây dựng dự án Di Lặc này, và những ân nhân, những ủng hộ và cảm tình viên từ khắp nơi trên toàn thế giới. Rinpoche nói tiếp:

Hôm nay là một ngày vui nhất và ý nghĩa nhất trong đời tôi. Mục tiêu chính của chúng tôi không phải là ở nơi tạo dựng tôn tượng Di Lặc 128 mét này. Mục tiêu chính là ở nơi sự hòa bình và hạnh phúc của tất cả chúng sanh. Vì mục tiêu ấy mà chúng tôi cho xây dựng tôn tượng Di Lặc, và đặc biệt cho sự hòa bình và hạnh phúc trong nước Ấn Độ chúng ta.

Bậc thầy của tôi Lama Yeshe người sáng lập "Trung tâm bảo tồn truyền thống Phật Giáo Đại Thừa" (FPMT), một hệ thống mạng Phật giáo ngày nay gồm có 90 trung tâm, chùa chiền và thiền đường ở khắp nơi trên thế giới. Lama Yeshe đã khuyên tôi trước khi ngài mất rằng, nên xây một tôn tượng Phật Di Lặc rất lớn tại Bồ Đề Đạo Tràng. Đây là ý

nguyện thiêng liêng của ngài nên giờ đây tôi cố gắng hoàn thành.

Tôn tượng đức Phật Di Lặc này có năng lực vô lượng để tạo nên hòa bình và hạnh phúc cho chúng sanh, bởi vì đức Phật chính ngài đã hoàn toàn có đủ năng lực này. Tất cả những tánh chất không thể nghĩ bàn được của đức Phật sở dĩ thành tựu, nguồn gốc là do lòng từ bi đối với tất cả mọi loài chúng sanh. Vì vậy chỉ cần nhìn thấy tôn tượng thiêng liêng của đức Phật Di Lặc cũng đủ thanh lọc tất cả những phiền não trong tâm mình.

Trong kinh Định Vương có nói rằng, ngay cả nếu một người nào đó nhìn vào một hình ảnh của Phật với sự giận dữ... thì đó cũng là nhân để họ từ từ có thể gặp được 10 triệu vị Phật sau này. Họ sẽ được thanh lọc những tâm tưởng náo loạn, nghiệp chướng, là những thủ ngăn ngại họ phát triển tâm lòng từ và bi.

Vô lượng chúng sanh khi chiêm ngưỡng tôn tượng này, cầu nguyện, cúng dường và đi kinh hành sẽ có thể phát triển được tâm từ bi dễ dàng. Họ sẽ đạt được sự an lành, hạnh phúc và thành công trong cuộc đời này, đời tới, sẽ có được những hạnh phúc chân thật của sự giải thoát khỏi sanh tử luân hồi, và hạnh phúc tối thượng của quả vị giải thoát giác ngộ.

Chỉ có phương cách duy nhất để tạo nên sự hòa bình và hạnh phúc trên thế giới và làm mất đi những khổ đau như: chiến tranh, thiên tai, tật bệnh, giết chóc, mâu thuẫn v.v... là phát triển lòng từ bi bên trong mỗi người... Đức Phật Di Lặc là hiện thể lòng từ của tất cả chư Phật, vì vậy tôn tượng này là nền tảng cho những nhân lành để tạo ra tình thương và hạnh phúc trên thế giới này.

Không có lòng từ, tình thương thì cái nhìn về cuộc đời sẽ bị phiếm diện, bần ngã và có nhiều thù hận. Điều này sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp đưa đến việc gây tổn hại cho mọi loài từ đời này sang đời khác. Chúng ta đã thấy trong lịch sử rằng một người có ảnh hưởng và quyền lực trên thế giới mà không có tâm từ, lòng nhân thì họ đã tạo ra bao nhiêu sự chết chóc cho hàng triệu sanh linh.

Thiếu lòng từ cũng tạo ra sự khổ đau, tuyệt vọng, bất mãn, không toại nguyện trong tâm, nội tâm dằn vặt, tất cả điều này là do từ cái tâm bần ngã. Một sự thiếu tâm từ cũng là nguyên nhân của thất bại trong công việc làm ăn, sức khỏe và giảm thiểu mạng sống v.v...

Vì vậy học tâm từ là học một ngành học quan trọng nhất của tâm, quan trọng nhất cho hòa bình, hạnh phúc và thành công trong hiện tại và mai sau. Ta không thể tìm thấy sự thỏa mãn, hài lòng hoặc thướng thức cuộc đời mà không có tâm từ này.

Nếu một người có một tỷ đô-la, vàng, kim cương, châu ngọc như ý đầy cả bầu trời, kẻ ấy cũng sẽ cảm thấy trống rỗng trong tâm và không được thỏa mãn nếu họ không có tâm

từ. Vì vậy mỗi giờ phút trong đời sống hàng ngày mà chúng ta biết tưởng dưỡng tâm từ thì nó còn quý báu hơn tất cả sự quý báu của thế gian đã kể ở trên. Như vậy đó là cái học quý báu nhất, quý báu hơn tất cả những môn học nào khác. Chỉ những vật chất bên ngoài thì không thể cho ta được sự mãn nguyện; tâm từ thì có thể cho được.

Khi đức Phật hiển bày những tướng hiện cho thấy sự thành đạo của mình thì có mười triệu loài ma vương đã cố tấn công ngài nhưng nó đã hàng phục chỉ do sự thiền định về tâm từ của ngài.

Trong kinh Thanh Tịnh Quang có nói rằng: Ngay cả một con thú, con chim chạm phải bóng của một vật thiêng liêng, ngay cả nước của vật thiêng liêng ấy chạm vào ta, hoặc ngay cả nghe những âm thanh kiến tạo vật thiêng liêng, các loài ấy cũng được thanh lọc năm loại ác nghiệp không gián đoạn, và những chúng sanh ấy sẽ được chú Phật luôn luôn che chở. Các loài ấy sẽ được thành tựu quả vị giải thoát giác ngộ và sẽ không bị trôi dạt.

Ồ đây cũng giống như nơi tôn tượng đức Phật Di Lặc này. Một vị thánh giá của Ấn Độ là ngài Chandragomin có nói rằng, khi một người xây chùa, dù có bao nhiêu loài côn trùng bị chết, nghiệp của tất cả các loài ấy đều được thanh lọc. Các loài ấy sẽ không bị tái sanh lại vào cảnh giới địa ngục và cảnh giới súc sanh. Cũng như vậy với tôn tượng, mà tất cả trí tuệ của chư Phật được tồn tại. Kinh nói rằng ngay cả lửa dùng để nấu thực phẩm cho công nhân cũng thanh lọc nghiệp ác của những người chạm phải và họ sẽ được giải thoát. Quả thật là có rất nhiều lợi lạc.

Bất cứ ai cúng dường, dâng lễ, kinh hành ngay cả đến để xem tôn tượng, cũng tạo được nhân giác ngộ dù là dụng tâm của họ không chính đáng, bất tịnh. Những hành động này sẽ trở thành nhân giải thoát ra khỏi luân hồi và nhân thành tựu những sự tái sinh tốt đẹp ở những đời vị lai. Và họ sẽ có những nhân hạnh phúc cho đời này như: mạnh khỏe, sống lâu, giàu có và sẽ được những thủ hạnh phúc khác mà họ muốn.

Chúng ta sẽ được sự giúp đỡ từ người khác thay vì bị họ hại. Tại sao? vì tất cả những hành động việc làm của ta trở nên nghiệp lành do những tính chất và ý niệm tốt trong ta. Khổ đau và hạnh phúc không phải đến từ bên ngoài; nó đến từ nơi tâm của chính mỗi người.

Trong kinh "Thỉnh Phật" của vua Sogyal có nói rằng, người tạo nên tôn tượng đức Phật sẽ có được công đức bằng số lượng hạt nguyện từ nơi tượng, và họ sẽ gây được phần công đức để có hạnh phúc chân thật và thành tựu quả vị giác ngộ.

Đây là điều rất thiết yếu nên tôi muốn bày tỏ tất cả cho quý vị rõ để chúng ta cùng nhau hoan hỷ cho bất cứ ai tạo sự hỗ trợ hoặc qua thân, lời nói, và tâm ý tốt hướng về dự án xây dựng tôn tượng Phật Di Lặc này; ngay cả cho những lời khuyên chúng ta cũng vui với nghiệp lành này của họ. Thật khó tin được với những lợi ích vô cùng của việc tạo dựng tôn tượng thiêng liêng này và nó phải mất nhiều thời gian cho việc giải thích. Tôi thật không có thể trình bày hết được những lợi ích của nó.

Tôi muốn nói lời cảm ơn tận đáy lòng đến với tất cả quý vị hiện diện, những người đã có thiện cảm, lòng tốt và tận tình đến đây tham dự buổi lễ đặc biệt ngày hôm nay. Và tôi cũng muốn nói lời cảm ơn đến tất cả những người đã bỏ công sức và biết bao khó khăn để dự án hôm nay được thành hình và xúc tiến.

Tôi xin thành tâm cầu thỉnh tất cả quý vị tiếp tục hỗ trợ cho dự án xây dựng tượng đại Phật Di Lặc này để sớm được thành tựu.

• DỰ ÁN

TÔN TƯỢNG

Cao 421 feet, khoảng 128 mét, sẽ được xây trên khu đất 40 mẫu tây, tọa lạc bên ngoài vùng Bồ Đề Đạo Tràng; sẽ được xây dựng với những kỹ thuật cao để có thể tồn tại trên 1000 năm. Dự án ước tính khoảng vài triệu Mỹ kim này sẽ kéo dài từ 8 đến 10 năm mới hoàn thành.

Chi phí chính xác chưa được biết, nhưng tôn tượng lớn nhất trên thế giới ngày nay là tượng đức Phật Di Đà cao 394 foot, nằm ngoài ô thủ đô Tokyo, chi phí là 30.000.000 Mỹ kim.

Tượng Phật Di Lặc sẽ được thiết kế trong tư thế ngồi và sẽ là một kiến trúc hiện đại và tuyệt đẹp, được tính toán chính xác với những kỹ thuật điện toán mới nhất.

Tòa ngôi đền tôn tượng sẽ có chiều dài là 200 feet (61 mét), chiều ngang là 75 feet (23 mét), và chiều cao là 105 feet (32 mét) với những thiết kế bên trong.

- Một ngôi chùa lớn.
- Một phòng chiếu với kỹ thuật và âm thanh cao. Sẽ chiếu những đoạn phim tài liệu ngắn về lịch sử, cuộc đời đức Phật, giáo lý, triết học, tôn giáo và những thắng cảnh quanh vùng Bồ Đề Đạo Tràng, với nhiều ngôn ngữ khác nhau Hindi, Anh ngữ v.v...
- Một Thư viện Phật giáo.
- Những khóa giảng dạy.

CÔNG VIÊN

Tôn tượng sẽ được đặt giữa một công viên rộng lớn, gồm có:

- Vườn hoa và cây xanh
- Nhiều tôn tượng thiêng liêng khác, hồ và những vòi phun nước.
- Đèn chiếu.
- Sân chơi trẻ em.
- Những căn lều thiền.
- Những tiểu cảnh chung quanh công viên.
- Một khách sạn.
- Một nhà hàng và khu vực mua sắm.
- Văn phòng tin tức.
- Một tu viện và trung tâm giảng dạy.
- Khu vực ở của nhân viên

Công viên sẽ được mở cửa miễn phí cho mọi thành phần không phân biệt giai cấp, màu da và tôn giáo.

Phỏng dịch từ tạp chí Mandala số tháng 5-6-96



LAMA THUBTEN ZOPA RINPOCHE



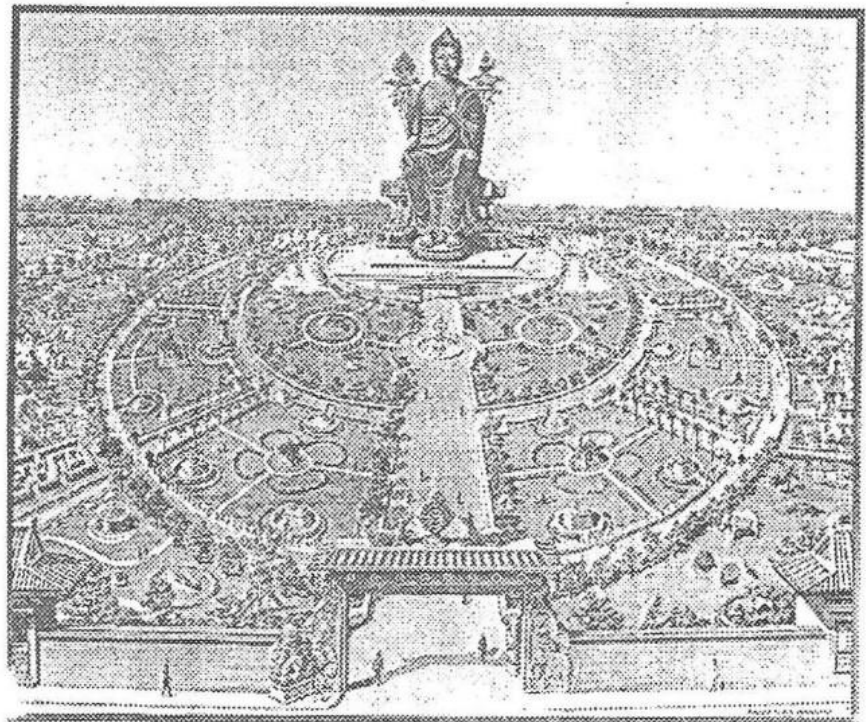
Amitabha Buddha, 96 ft., Hong Kong



Amitabha Buddha, 394 ft., Japan



Amitabha Buddha, 80ft, Bodhgaya



THE MAITREYA PROJECT

DI CHỨC VỀ

TÂM TỬ BI

• THIỆN XUÂN
INNA MALKHANOVA

Những con người ưu tú nhất của nhân loại trong thời đại nào cũng đều là những người vị tha, nghĩ đến người khác nhiều hơn là nghĩ về mình. Trong tâm trí họ thường xuyên xao xuyến, bận rộn, ray rứt bởi những câu hỏi: phải giúp người khác thế nào đây? phải làm sao để đem lại niềm phúc lạc cho mọi người? làm sao để giải thoát cho loài người khỏi khổ đau, khỏi điều ác, khỏi giận hờn, ghen ghét, căm thù và bạo lực? Những tâm hồn cao thượng nhất của nhân loại đem lòng thương yêu, tâm tử bi của mình trải rộng ra chẳng những đối với con người, mà cả đối với muôn loài, muôn vật, cho đến cỏ cây, đất đá. Những tư tưởng, những tâm hồn, những ý hướng đó gần gũi với đạo pháp của Đức Phật biết bao!

Trong số những người Nga ưu tú nhất thì tôi thấy nổi bật lên đại văn hào, nhà hiền triết, nhà nhân văn, bậc chân nhân Lev (Léon) Tolstoi (1828-1910), người mà gần cuối cuộc đời đã đặc biệt quan tâm đến di sản tâm linh của Đức Phật, đã gập gờ, đàm thoại với các Lạt Ma, các nhà Sư, và cố gắng truyền đạt những tư tưởng quý báu của Đức Phật vào dân chúng Nga bằng cách dịch những chuyện ngụ ngôn nhỏ trong Kinh Bách Dụ, những truyện cổ tích Phật Giáo, viết bài giới thiệu Cuộc Đời Đức Phật, v.v... đáng lên các báo. Điều đó chứng tỏ rằng giáo lý vĩ đại của Đức Phật với mình triết bao la, rộng lớn, cao thượng đã có ảnh hưởng tốt đẹp đến con người sáng suốt như Tolstoi.

Đáng tiếc là những người Nga chúng tôi không phải bao giờ cũng biết được toàn bộ di sản tâm linh quý báu mà Tolstoi đã để lại! Có một thời gian dài đến trên 73 năm, các di sản tâm linh đó đã bị đảng cầm quyền hoặc là ra sức xuyên tạc, vu khống, hoặc là cố bằng mọi cách che giấu với nhân dân. Dưới thời Xô-Viết, sinh viên chúng tôi phải học thuộc những lời phê phán, mĩa mai của Lenin đối với những tư tưởng tốt đẹp của Tolstoi, trong lúc đó, rất nhiều bài viết của Tolstoi thì không ai được biết đến vì chúng bị loại bỏ một cách cố ý và độc đoán ra khỏi bộ di sản đồ sộ của ông gồm trên 90 tập sách dày. Đó là chưa nói đến những thâm kịch của các môn đồ Tolstoi đã trở thành nạn nhân của các vụ đàn áp khốc liệt dưới thời Cộng Sản, dù họ là những người theo thuyết bất bạo lực, rất ôn hòa và không hoạt động chống đối mạnh mẽ. Chỉ sau khi chế độ Cộng Sản bị sụp đổ, nhiều tài liệu mật đã được công bố cho biết rằng các Hội đoàn những người theo Tolstoi bị khủng bố ác liệt, những người theo tư tưởng Tolstoi bị cầm tù, bị tàn sát thể thảm.

Gần đây, tôi được đọc "Thư Gửi Những Người Anh Em" của Lev Tolstoi, bức thư viết 90 năm trước đây mà giờ đây được đọc thì tôi thấy rất xúc động. Có thể coi bức thư này là lời **nhấn nhủ cuối cùng**, là bản **di chúc** của Tolstoi đối với mọi người, vì nó được viết ra trong ngày mà ông tưởng là ông sẽ chết. Chỉ mỗi đọc qua lời đề từ ở đầu thư viết rất bóng bẩy và ẩn dụ của nhà văn, tôi đã thấy ngay tất cả nỗi lòng của ông - bản khoán, xót xa, ray rứt - trước sự vô minh của những người đồng loại đang chen lấn nhau, dầy xéo lên nhau đến chết để cố tìm, và than ôi, tìm nhằm lẽ sống, trong lúc đó, chính ông là người thấy rõ "của ấy chỉ có thể mở được vào trong mà thôi", ý nói chỉ có thể tìm lẽ sống trong nội tâm, phải sống cuộc sống tâm linh, phải sống với lòng thương yêu rộng lớn, phải thực sự điều phục, cải biến cái tâm linh của mình.

Như tôi đã nói, toàn bộ bức thư đã gây cho tôi ấn tượng thật mạnh và sâu sắc. Vì tôi cảm thấy bức thư đó, xuyên qua làn sương mù dày đặc của năm tháng - 90 năm chủ có phải ít gì đâu! - đã đến với tôi, dường như chỉ dành riêng cho tôi: những tư tưởng của tác giả bức thư sao mà phù hợp, mà đồng điệu với tâm tử, ý tưởng, với sự cảm nhận của tôi về lẽ sống của con người đến thế! Và tôi thấy rằng những tư tưởng đó của Tolstoi cho đến bây giờ vẫn còn nóng hổi, vẫn còn bức thiết, vẫn còn có "tính thời sự" cả đối với "những người anh em" đang sống trên cái thế giới ngày nay, nơi mà điều ác đã không ít hơn trước, có khi lại còn nhiều hơn. Đây quả là lời nhấn nhủ thiết tha đối với loài người đang đứng trước ngưỡng cửa của thiên niên kỷ thứ ba và thế kỷ 21. Hơn nữa, điều chủ yếu là những tình cảm, những ý tưởng, sự cảm nhận về thế giới của Tolstoi nêu ra trong thư, sao mà trùng hợp với những tư tưởng cao siêu của đạo Phật đến thế!

Mọi người đều đã biết là từ xưa đến nay, cuộc đời trên thế giới này tràn đầy đau khổ, đúng như lời Phật dạy "Đời là biển khổ". Khổ do sự vô minh của con người, do sự hận thù, tham lam, đâm chém, cướp bóc lẫn nhau, do sự dối trá, bịp bợm, do thói ích kỷ... Đặc biệt là đầu thế kỷ 20 này - thời điểm mà nhà đại văn hào Lev Tolstoi viết bức thư - khi ở Châu Âu, giới trí thức, sinh viên cấp tiến và công nhân đang say sưa tiếp nhận học thuyết của Marx, là thủ chủ nghĩa kêu gọi hận thù giai cấp, đấu tranh giai cấp, kêu gọi bạo lực (chắc mọi người còn nhớ Marx nói là: bạo lực là bà đỡ của mọi cuộc cách mạng!), họ điên cuồng lao vào "cuộc đấu tranh cuối cùng" (lời trong bài Quốc Tế Ca) với hy vọng sẽ được giải thoát vĩnh viễn khỏi mọi ách áp bức bóc lột, sẽ xây dựng nên một thế giới đại đồng với hạnh phúc chung bất tận. Cũng trong thời điểm đó, ở nước Nga vừa bùng nổ cuộc nổi dậy quyết liệt của công nhân (năm 1905) và cuộc đàn áp đẫm máu cũng không kém phần quyết liệt của kẻ cầm quyền, Cũng trong thời điểm đó các giới quân phiệt trên thế giới đang từng bước chuẩn bị một cuộc chém giết lẫn nhau khủng khiếp trên quy mô thế giới. Tóm lại, loài người cũng như dân Nga đang trong cơn loạn thần kinh, đang lao vào một cuộc xáo xé nhau giữa người với người và đang chuẩn bị cho những cuộc chém giết đẫm máu chưa từng thấy trong lịch

sử nhân loại: cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) và việc thiết lập nền chuyên chính vô sản sau cuộc đảo chính tháng 10 năm 1917 của những người Cộng Sản Bolshevik Nga. Nền chuyên chính đẫm máu này kéo dài hơn 70 năm trời trên một lãnh thổ rộng bằng một phần sáu diện tích địa cầu. Chính nhà hiền triết Lev Tolstoi, với cái tâm tử bi rộng lớn, cái trí tuệ nhạy cảm, đã thấy trước những thảm kịch đó và đã phát ra lời kêu gọi tha thiết này để mong "những người anh em" sớm thoát khỏi vô minh, cùng sống với nhau trong lòng thương yêu nồng thắm, để tìm thấy niềm phúc lạc chính trong lòng thương yêu đó. Tiếc thay, tiếng kêu gọi thống thiết này của ông đã trở thành tiếng kêu giữa bãi sa mạc! Nhưng, như tôi đã nói trên, ngày nay tiếng kêu đó vẫn còn có "tính thời sự" nóng hổi. Chỉ mong sao loài người biết lắng nghe!

Là một Phật tử Nga, tôi rất mong được giới thiệu bức thư của Tolstoi với mọi người, nhất là với anh chị em Phật tử khắp nơi trên thế giới - từ Châu Á đến Châu Âu, Châu Phi, từ Châu Mỹ đến Châu Úc, để mọi người cùng cảm nhận nỗi đau của Tolstoi trước đau khổ và sự vô minh của con người, cùng cảm nhận niềm khát vọng của Tolstoi muốn cứu tinh mọi người, muốn làm cho con người tốt hơn, tử bi hơn, nhân đạo hơn, trong sáng hơn, biết sống với lòng thương yêu rộng lớn để giảm thiểu điều ác, giảm thiểu nỗi khổ đau trên trái đất này. Hơn nữa, khi đọc bức thư này của Tolstoi, tôi tin chắc rằng Phật tử chúng ta sẽ càng thấy sâu sắc hơn nữa tầm vóc vĩ đại cùng với giáo lý cao siêu, mầu nhiệm của đạo Phật, vì thực ra, những điều Tolstoi nêu ra trong thư cũng chính là những điều Đức Phật đã từng nói khoảng 25 thế kỷ trước.

Lev Tolstoi thực sự là niềm tự hào của những ai muốn sống tốt đẹp, xứng đáng với sự mệnh Con Người (viết hoa), muốn sống với niềm phúc lạc của tinh thượng yêu, tâm tử bi, lòng vị tha. Uy tín của Tolstoi đối với dân Nga và nhân dân thế giới thật lớn. Lòng quý mến nhà đại văn hào đã để lại cho loài người những tác phẩm bất hủ, như "Chiến Tranh và Hòa Bình", "Phục Sinh", "Anna Karenina" ..., lòng kính phục nhà nhân văn vĩ đại đã thể hiện rõ rệt trong những đoàn người đồng đạo tử khắp nơi trên trái đất và nước Nga kéo nhau đến hành hương tại Yasnaya Polyana, nơi Bá tước Lev Tolstoi đã chào đời và đã sống phần lớn cuộc đời đầy sáng tạo của mình. Người ta muốn tận mắt nhìn thấy nơi chôn nhau cắt rốn của Tolstoi, muốn ngưỡng tượng thấy lại hình bóng của bậc chân nhân Nga trong khu bảo tàng đó, để cảm nhận sâu hơn tư tưởng cao quý của ông, hiểu được phong trào Tolstoi hồi đầu thế kỷ 20, phong trào ấy dựa trên thuyết bất bạo lực, chủ trương đi sâu vào dân chúng để phục vụ con người, quan tâm đến giáo dục, đến đạo đức và lòng bác ái, tử bi mà khi sinh thời, Tolstoi đã từng nêu gương và cố vũ.

Dưới đây, là toàn bộ bức thư của Lev Tolstoi. Vì bức thư viết rất khó, nên tôi phải nhờ đến ngòi bút dịch thuật của Đạo hữu Thiện Mẫn mới mong truyền đạt hết tinh thần của tác giả ra tiếng Việt. Bức thư đã đăng trên tuyển tập nhan đề là "Đạo Pháp", do

NIỀM PHÚC LẠC CỦA LÒNG THƯỜNG YÊU THƯ GỬI NHỮNG NGƯỜI ANH EM



Chân dung của Lev Tolstoi

Thế thì phải làm gì đây khi một người thấy đám đông dân chúng chen lấn nhau, dày xéo lên nhau đến chết, cổ lật đổ và rúng sức xô cánh cửa cực kỳ vững chãi với hy vọng mở nó ra ngoài, trong khi đó anh ta biết rằng cửa ấy chỉ có thể mở được vào trong mà thôi? L.N. Tolstoi

Hồi những người anh em thường mến, đặc biệt là anh em ở nước Nga hiện nay đang tranh đấu cho việc tổ chức nhà nước theo kiểu này hay kiểu khác hoàn toàn không cần thiết. Người anh em thường mến ơi, bất kỳ người đó là ai - Sa Hoàng, Bộ Trưởng, công nhân, nông dân - người anh em cần chỉ có đọc một lần thôi, một điều duy nhất mà thôi. Điều duy nhất đó là: sống hết cái khoảng khắc ngắn ngủi, vô định ấy của cuộc đời sao cho đúng với sự mong muốn ở người anh em, khi Đấng Tối Thượng đã phái người anh em xuống sống ở cõi trần này.

Tất cả chúng ta đều biết, và tôi luôn luôn cảm thấy lờ mờ điều đó, và càng sống lâu thì càng thấy rõ hơn, còn bây giờ, từ ngày hôm nay, khi mà lần đầu tiên tôi cảm thấy cái chết đã gần kề, giống như người sống đã cảm thấy hiển nhiên sự gần gũi của ngày mai. Cái chết không những không đáng sợ, mà đó là sự chuyển tiếp thật tự nhiên và phúc lạc, giống như sự chuyển tiếp đến ngày mai. Bây giờ, sau khi đã cảm thấy như vậy, thì tôi thấy sợ, và điều chính là tôi thấy lạ lùng khi nghĩ đến cuộc đời không khiếm đầy hạn thù mà hiện nay đại đa số người trong chúng ta đang sống, là những người vốn được sinh ra vì lòng thường yêu và niềm phúc lạc.

Chúng ta là ai, chúng ta là cái gì? Chỉ là những sinh vật yếu đuối, hèn kém, có thể biến mất trong bất cứ giây phút nào, những sinh vật đó từ cõi hư vô nhảy vào cuộc đời

tuyệt đẹp, hân hoan với bầu trời lồng lộng, với vùng đồng rộng rãi, với rừng núi, đồng cỏ, sông ngòi, chim muông, với niềm phúc lạc của lòng thường yêu cả đối với đồng loại, cả đối với tâm hồn của mình, cả đối với điều thiện và cả đối với mọi loài đang sống... Thế thì sao? Chúng ta, những sinh vật đó, chúng ta không tìm thấy cách gì tốt hơn để trong khoảnh khắc ngắn ngủi, vô định ấy, khoảnh khắc có thể bị đứt đoạn trong mỗi giây phút của cuộc đời để cống hiến cho những việc, như làm hủ hồng đất đai bằng sự xây cất những ngôi nhà mười tầng, những đường rải đá, làm phun khói, phun muội đầy trời, rồi náu mình trong những ngôi nhà ở chuột ấy, rồi chui xuống lòng đất, khai thác đá, khai thác sắt để xây dựng đường sắt chuyên chở khắp thế giới những con người không ai cần đến và những hàng hóa không cần thiết, và điều chủ yếu là, thay vì cuộc đời hân hỉ, cuộc đời của lòng thường yêu, thì người ta lại thù hận, sợ sệt, đau đớn, hành hạ nhau, chém giết, giam cầm, hành hình, học giết chóc và giết chóc lẫn nhau.

Tất cả những cái đó thật khủng khiếp làm sao!

Những người làm những điều đó, nói rằng họ làm tất cả những điều đó để giải thoát cho con người khỏi mọi sự xấu xa. Và còn bị bợm hơn nữa, họ nói rằng họ làm những điều đó để giải thoát cho con người khỏi điều ác, rằng động cơ của họ khi làm những điều đó là tình yêu thường đối với con người.

Hồi những người anh em thường mến, xin các bạn hãy tỉnh ngộ, hãy quay đầu nhìn lại, hãy suy nghĩ về sự yếu đuối của mình, về tính chất phù du của mình, về điều này: trong cái thời hạn ngắn ngủi, vô định ấy của cuộc đời giữa hai cõi vĩnh cửu hay, nói đúng hơn, giữa hai cõi vô thời gian của cuộc đời không biết niềm phúc lạc nào cao hơn lòng thường yêu. Xin các bạn hãy nghĩ lại về điều này: thật là điên rồ biết bao khi không làm những điều vốn là bản tính của các bạn, mà lại làm những điều các bạn hiện đang làm.

Trong sự vô minh của các bạn, được dự luận xã hội vô tình ủng hộ, các bạn tưởng rằng tất cả những điều các bạn làm là điều kiện tất yếu, không tránh được của cuộc sống con người trong thời đại của chúng ta ngày nay; rằng những điều các bạn đang làm là sự tham gia vào cuộc sống toàn thế giới của nhân loại; rằng các bạn không thể không làm những gì mà tất cả mọi người đã làm và đang làm và cho là cần thiết phải làm. Nhưng, nghĩ như thế là đúng: nếu những gì các bạn làm phù hợp với đòi hỏi của tâm hồn các bạn, nếu những điều đó đem lại niềm phúc lạc cho các bạn và cho những người khác. Thế mà không có điều đó. Cuộc sống của thế giới, của nhân loại, như nó đang diễn tiến hiện nay, với toàn bộ tiến trình của nó, đòi hỏi ở các bạn sự hung ác, sự tham dự vào những việc không có lòng thường yêu đối với một số người anh em này vì những người anh em khác và không đem lại niềm phúc lạc cả cho những người khác và cả cho chính các bạn.

Có những người đáp lại rằng: "Những chúng tôi làm việc cho tương lai cơ mà". Những tại sao bây giờ lại phải hy sinh cuộc sống hiện tại của lòng thường yêu vì một

cuộc sống tương lai mà các bạn không biết là gì cả?

Lẽ nào không thấy rõ điều đó quả là một sự mê tin lạ lùng và nguy hại hay sao. Tôi biết, tôi biết chắc chắn rằng cuộc sống phải ở trong lòng thường yêu và trong đạo lý của Thượng Đế và trong sự đòi hỏi của trái tim tôi, và nó đem lại niềm phúc lạc cho tôi và cho người khác, thế mà bỗng dưng có những lập luận trừu tượng nào đấy bắt tôi phải từ bỏ niềm phúc lạc hiển nhiên, chắc chắn của tôi, trách nhiệm và đạo lý của tôi... Vì cái gì thế? Chẳng vì cái gì cả. Vì tập tục, thói quen, vì bất chước.

Cứ để người chiến sĩ đấu tranh cho "tự do" hay "trật tự" cống hiến dù chỉ một phần trăm những cố gắng, những hy sinh mà anh ta đang dành cho cuộc đấu tranh vì mục đích của mình, cống hiến cho việc tăng thêm lòng thường yêu trong lòng mình và trong lòng những người khác, thì anh ta - không giống như trong hoạt động đấu tranh, nơi không thấy được những kết quả mà chỉ mong đợi chúng thôi - thì lập tức anh ta sẽ thấy được những thành quả hoạt động thường yêu của mình không chỉ đối với mình, mà sẽ thấy cả trong niềm hân hoan vĩ đại của lòng thường yêu lẫn trong những dấu vết mà hoạt động đó nhất định để lại trong lòng những người khác nữa.

Hồi những người anh em thường mến, xin các bạn hãy hồi tỉnh lại, hãy tự giải thoát mình khỏi quân tinh đáng sợ của lăm lặc (lăm lặc tưởng rằng cuộc đấu tranh, cuộc đấu tranh thủ vật có thể là đặc tính của con người, mà không nguy hại cho con người); và các bạn sẽ biết được nỗi hân hoan, niềm phúc lạc, tính chất thiêng liêng của đời sống; những thử đó thì không gì có thể phá hủy được: cả những đòn đá kích của kẻ khác, vì những đá kích đó chỉ làm tăng cường thêm lòng thường yêu mà thôi, cả nỗi khiếp sợ chết chóc, vì đối với lòng thường yêu thì không có chết chóc.

Hồi những người anh em thường mến, tôi không dám nói: "các bạn hãy tin tôi, hãy tin tôi", xin các bạn chớ tin, mà hãy kiểm nghiệm điều tôi nói, dù chỉ trong một ngày mà thôi, khi vẫn còn ở trong những điều kiện mà ngày hôm đó bạn đang sống, hãy đặt cho mình nhiệm vụ là làm bất cứ việc gì trong ngày hôm đó cũng đều lấy lòng thường yêu làm động cơ cho mình. Và tôi biết rằng một khi các bạn đã làm được như thế rồi, thì các bạn sẽ không quay trở lại với sự lăm lặc cũ, đáng sợ, nguy hại kia nữa.

Tôi chỉ xin các bạn một điều này thôi, hồi những người anh em thường mến: các bạn hãy nghĩ ngờ điều nói rằng cuộc sống đang diễn ra quanh ta chính là cuộc sống phải có (cuộc sống đó thực ra là sự bóp méo sự sống), và các bạn hãy tin rằng lòng thường yêu, chỉ có lòng thường yêu là cao hơn cả: lòng thường yêu chính là sứ mệnh, là bản chất, là niềm phúc lạc của cuộc đời chúng ta. Hãy tin rằng cái khát vọng được phúc lạc đang có trong mỗi trái tim, cái nỗi bức dọc vì không có được điều phải có: niềm phúc lạc. Hãy tin rằng cái tình cảm đáng đáng đó phải được đáp ứng và nó dễ dàng được đáp ứng chỉ khi nào người ta không còn lăm lặc - như bây giờ - sự bóp méo cuộc sống là cuộc sống thật.

Hỡi những người anh em thương mến, vì niềm phúc lạc của các bạn, các bạn hãy làm điều này: các bạn hãy nghỉ ngơi cuộc sống bề ngoài mà các bạn coi là hết sức quan trọng; hãy nghỉ ngơi cuộc sống mà các bạn đang sống. Xin các bạn hiểu rằng tất cả những chế độ xã hội tưởng tượng của hàng triệu và hàng triệu người, đó là chưa kể đến vinh hoa, phú quý của cá nhân, v.v... - tất cả những thứ ấy đều là những điều vật vãnh nhỏ mọn và không đáng kể so với tâm hồn mà các bạn nhận thức được ở mình trong khoảnh khắc ngắn ngủi này của cuộc đời giữa lúc sinh ra và khi chết, và cái tâm hồn đó không ngừng đưa ra cho các bạn những đòi hỏi của nó. Các bạn hãy sống vì cái tâm hồn đó và bằng cái tâm hồn đó, hãy sống bằng lòng thương yêu mà tâm hồn đó kêu gọi các bạn, thì tất cả những phúc lạc kia cho các bạn và cho tất cả mọi người, những phúc lạc mà các bạn chỉ có thể ước mơ được, những phúc lạc càng nhiều gấp bội sẽ đến với các bạn.

Chỉ cần một điều là các bạn hãy tin tưởng vào niềm phúc lạc của lòng thương yêu đang công nhiên vẫy gọi các bạn đến với nó.
Lev Tolstoi (21.8.08)

Tôi đã tưởng là tôi sẽ chết trong ngày hôm đó, khi tôi viết bức thư này. Tôi đã không chết, nhưng lòng tin của tôi vào những điều tôi đã nói ra ở đây vẫn nguyên vẹn như trước, và tôi biết rằng nó sẽ không thay đổi cho đến khi tôi chết, cái chết dù sao thì chẳng bao lâu nữa cũng phải đến với tôi.

Các bạn thân mến! Tôi vừa giới thiệu với các bạn bức thư của Lev Tolstoi gửi những người anh em. Đó là lời nhắn nhủ thống thiết của ông với loài người trên trái đất hồi đầu thế kỷ 20. Tiếc thay, những lời nhắn nhủ đó đã không được đông đảo loài người cảm nhận. Và hậu quả rõ rệt là trong gần hết thế kỷ, loài người càng đi sâu vào lầm lạc: chém giết lẫn nhau trong những cuộc thế chiến thứ nhất và thứ hai gây nên bởi các thể lực quân phiệt và phát-xít, trong những cuộc chiến tranh để giành và giữ thuộc địa do các cường quốc thực dân tiến hành, trong những cuộc cách mạng xã hội vô bổ mà nhân dân chỉ là cái bung xung cho những kẻ thống trị mới lên nắm quyền, trong những cuộc nội chiến triền miên, đẫm máu vì ý thức hệ, vì tôn giáo, vì phe phái, trong những cuộc thử nghiệm tào lao về việc tổ chức đời sống "xã hội chủ nghĩa" tiến hành trong nhiều nước với nền chuyên chính vô sản, với bạo lực, đàn áp, khủng bố, hành quyết... Hàng trăm triệu sinh mạng đã ngã xuống trên khắp năm châu! Chỉ nói riêng cuộc thử nghiệm "xã hội chủ nghĩa" ở Liên Xô trong hơn bảy mươi năm đã cướp đi 65 triệu sinh mạng! Hay chỉ riêng một cuộc "nhảy vọt" ở Trung Quốc hồi giữa thế kỷ đã làm cho 30 triệu người chết đói! Đó là chưa nói đến hàng chục triệu nạn nhân khác đã ngã xuống trong cái cách ruộng đất, cải tạo trí thức, tư sản, "tam phản", "ngũ phản", cách mạng văn hóa! Đó là chưa nói đến cuộc chạy đua vũ trang điên cuồng giữa các "cường quốc" và "siêu cường" đã đưa loài người có lúc nằm sát bên lề cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt chính con người! Đó là chưa nói đến nền "văn minh" vật chất với

tinh thần hưởng thụ, hưởng lạc đến mức cuồng loạn đã tận diệt một số loài sinh vật và gây nên nguy cơ hủy diệt "mọi loài đang sống" (từ ngữ này của Tolstoi tương đương với từ "chúng sinh", "giới hữu tình" trong đạo Phật), đang đặt con người trước hiểm họa hạt nhân, hiểm họa sinh thái có thể tận diệt mọi người, mọi loài trên hành tinh chúng ta, điều mà chính Tolstoi đã cảnh báo hồi đầu thế kỷ khi ông nói đến việc "làm hư hỏng đất đai"! Những thí dụ khủng khiếp về sự điên rồ như thế còn có thể kể mãi không hết! Điên rồ như thế để làm gì? Chung quy chỉ để làm khổ thêm con người!

Khi giới thiệu bức thư của Lev Tolstoi, tôi chỉ mong sao loài người ở cuối thế kỷ 20 sẽ học được những bài học đầy xương máu và nước mắt của gần mười thập niên qua để sớm tỉnh ngộ, sớm quay đầu nhìn lại, sớm mạnh dạn bước trên con đường tâm linh, sớm đi theo con đường đạo để tu dưỡng cái tâm của mình, để sống với lòng thương yêu

rộng lớn muôn loài, muôn vật và đó là điều cần thiết nhất để đem lại niềm phúc lạc lớn lao cho mọi người và mọi loài trên trái đất. Chỉ mong sao con người trong thế kỷ 21 sẽ khôn hơn, bớt lầm lạc hơn, biết tin và làm theo lời dạy của Đức Phật Thích Ca, của Đức Chúa Ky-Tô, của các bậc chân nhân... để cùng sống với nhau trong tình anh em, vì chỉ có lòng thương yêu, tâm tử bi mới cứu được con người, và nói chung, mới cứu được "mọi loài đang sống".

Là một Phật tử, tôi chỉ xin thành tâm nguyện cầu cho đạo pháp của Đức Phật ngày càng rọi sáng trong tâm nhiều người trên trái đất để mọi chúng sinh đều được hưởng niềm phúc lạc vô tận của tâm tử bi, lòng thương yêu.

Moskva, 16.4.97
Thiện Xuân Inna Malkhanova
Hội Phật Giáo Thảo Đường

ĐỌC THƠ TÙ CỦA THẦY TUỆ SĨ

• THIỆN MÃN

Vừa qua, được đọc mấy bài thơ chữ Hán của Thầy Tuệ Sĩ đăng trên tờ "Khánh An" ở Paris (10.1996) với lời giới thiệu của Huỳnh Kim Quang, lòng tôi rất xúc động. Nghĩ đến Thầy, nghĩ đến một tài năng của đất nước, một niềm tự hào của trí tuệ Việt Nam, một nhà Phật học uyên bác đang bị đẩy dọa một cách phi pháp trong cảnh lao tù kể từ ngày 25.3.1984, lòng tôi trào dâng nổi bất bình đối với những kẻ đang tay vút "viên ngọc quý" của nước nhà (xin phép mượn từ này trong lời nhận xét của học giả Đào Duy Anh, sau khi ông đã tiếp xúc với Thầy tại Nha Trang hồi năm 1976: "Thầy là viên ngọc quý của Phật giáo và của Việt Nam") để chà đạp xuống bùn đen... Đọc đi đọc lại, tôi càng cảm thấy rõ rệt tài của một nhà thơ hiếm thấy thời nay và đặc biệt là cảm nhận sâu sắc tâm đại tử, đại bi cao thượng, rộng lớn của một Tăng sĩ với phong độ an nhiên, tự tại, ung dung bất chấp cảnh lao tù khắc nghiệt... Đạo vị và thiên vị cô đọng trong thơ của Thầy kết tinh lại thành những hòn ngọc báu của thơ ca.

Thật ra thì tôi chưa hề thấy Thầy Tuệ Sĩ, chỉ vài lần xem hình Thầy trên báo, nhưng đọc thơ Thầy, tự nhiên tôi bất giác ngồi yên, trầm lặng buông thả cho tâm trí dẫn dắt mình vào một cuộc thiền quán không định trước và dường như tôi thấy được khá rõ chân dung của Thầy: gầy yếu, mái tóc điểm bạc, cặp mắt tinh anh... Tôi thấy Thầy trong giờ thọ trai, đang dâng bát cơm tù đạm bạc lên cúng dường Phật bằng đôi tay run rẩy vì xúc động... Nghĩ đến cuộc sống trên thế gian

này, vì sự vô minh của con người mà máu hận tuôn chảy triền miên, Thầy thấy thương xót cho chúng sinh, thương xót cho dân tộc, thương xót cho đạo pháp đang phải chịu cảnh điêu linh, thống khổ vô ngàn dưới bất công và cường quyền, nên búng bát cơm trong tay mà những giọt lệ thấm rơi là chã..

Cúng Dưỡng

Phụng thờ ngục tù phạm
Cúng dưỡng Tối Thắng Tôn
Thế gian trường huyết hận
Binh bát lệ vô ngôn

Tạm dịch:

Hai tay dâng bát cơm tù
Cúng dưỡng Tối Thắng Đại Từ Thế Tôn.
Cõi trần máu hận trào tuôn
Tay búng bình bát lệ ngàn thâm lệ rơi.

Tâm đại tử, đại bi của Thầy như vậy, nên khi thấy chúng sinh đau khổ, Thầy chịu nhận sự khổ đau thay cho chúng sinh mà không một lời oán hận. Thấy thảm trạng đất nước và dân tộc, đạo pháp và Giáo hội điêu đứng, Thầy xót thương vô hạn... Hà chính khắc nghiệt đang chà đạp lên quyền con người, quyền công dân, đang ném những bậc sĩ phu, trí thức, những người con của Tổ Quốc chân thành yêu nước, yêu dân vào tù ngục... Và Thầy cũng đang nằm trong đó. Tôi luôn tưởng thấy Thầy có lúc bán khoán tự hỏi mình: Sao ta lại phải ngồi tù nghi? Nhưng rồi, Thầy gạt tay tự bảo: Tù ngục đối với cái tâm

tự tại của ta thì có ra cái gì đâu, cái tâm ta thông dong như làn khói mỏng thì giam làm sao được nó trong tù ngục chứ?! Cuộc đời với tâm cảnh quán lấy nhau thật là một cơn ác mộng đầy khủng khiếp, nhưng mà ta phải nhờ lời người xưa đã dạy là trong bất cứ trường hợp nào cũng cứ giữ vững đứng khi để hiên ngang ngẩng cao đầu nhìn trời, chủ không chịu khuất phục cường quyền. Ôi, cái tâm Thầy tử bi mà vô úy, đại hùng biết bao! Cái tâm đó đã đem lại cho Thầy sức mạnh tinh thần và thể chất để thắng các thế lực tà ma, ác quỷ!

Tự Vấn

*Vấn dư hà cổ tọa lao lung?
Dữ chỉ khuynh yên bán ngục trung.
Tâm cảnh tướng trí kinh lý mộng
Cổ giao gia tỏa điện hủ ngưng.*

Tạm dịch:

Tự hỏi

*Hỏi mình: sao phải ngồi tù?
Bảo rằng: lân khố giam hồ trong lao.
Cảnh tâm trong mộng khiếp sao!
Lời xưa đã dạy: ngẩng cao nhìn trời*

Và chính cái tinh thần đại tử, đại bi, đại hùng, đại lực đó đã làm cho Thầy sống trong phòng biệt giam chật hẹp của nhà tù cộng sản mà vẫn thấy thanh thản, Thầy vẫn cười, vẫn nói, dù chỉ cho mình nghe mà thôi, vẫn đi tới đi lui nhàn nhã, để cho ngày tháng lao tù dài đằng đặc trôi qua không phải bận tâm.

Trách Lung

*Trách lung do tự tại
Tán bộ nhược nhân du.
Tiểu thoại độc ảnh hưởng
Không tiêu vĩnh nhật tù.*

Tạm dịch:

Lồng Chật

*Trong lồng chật hẹp mà thanh thản,
Đi tới đi lui thật nhàn tản.
Cười cười nói nói chỉ mình nghe,
Cũng trôi qua ngày tù bất tận.*

Ra rửa mặt buổi sáng sớm, Thầy cảm thấy ung dung trong giây lát. Và Thầy tự nhủ: Ta vốn sẵn có phong thái thần tiên rồi thì có cần gì phải là ở chốn sơn thủy mới bộc lộ phong thái đó, ngay trong lao tù khắc nghiệt này ta vẫn giữ nó cơ mà.

Tào Thuộng Tẩy Tịnh

*Tào khôi xuất tẩy tịnh
Thung dung lập phiên thí
Tự hữu thần tiên thái
Hà tu sơn thủy vi!*

Tạm dịch:

Sáng Sớm Ra Rửa Mặt

Sáng sớm ra rửa mặt,

*Ung dung trong giây lát,
Sẵn phong thái thần tiên
Lọ cần miên non nước!*

Tâm trí dẫn dắt tôi vào tận phòng biệt giam của Thầy. Tôi thấy Thầy đang ngồi thiền trong phòng biệt giam. Thầy nhập định đến được tầng trời Không Vô Biên Xứ để nhập thể vào cõi vô biên vô hạn... Trong cảnh giới hủ vô đó đúng là cõi thiên và Thầy không còn ý tưởng về người, về vật nữa, Thầy đã "viễn ly điên đảo mộng tưởng" rồi. Thầy đang thoải mái ngồi chiêm ngưỡng các cô thiên nữ rải vô vàn bông hoa tươi đẹp từ trên trời cao xuống để cúng dường...

Biệt Cảnh Phòng

*Ngã cử không xứ nhất trùng thiên,
Ngã giới hủ vô chân cá thiên.
Vô vật, vô nhân, vô thậm sự,
Tọa quan thiên nữ tán hoa miên.*

Tạm dịch:

Phòng Biệt Giam

*Ta ở trời Không Vô Biên Xứ,
Cảnh giới hủ vô thật rất thiên,
Không vật, không người, không lăm chuyện,
Ngồi xem hoa rải bởi chư tiên.*

Tuy thế, có những đêm dài, Thầy ngồi một mình trong phòng giam bên ngọn đèn lạnh lẽo, lòng Thầy vẫn da diết nhớ mái ngôi chùa nhà, mà nghĩ đến ngày trở về thì... than ôi, vô hạn (chắc các bạn còn nhớ: Thầy đã bị kết án tử hình, sau chuyển thành án tù 20 năm), lòng Thầy cũng không tránh khỏi những xao xuyến, bồi hồi:

Dạ Tọa

*Trục nhật lao tù sự cánh mang
Trung tiêu độc tọa đối hàn đăng,
Không môn thiên viễn do hoài mộng
Quy lộ vô kỳ nhiệm chuyển bằng.*

Tạm dịch:

Ngồi Qua Đêm

*Ngày tù đằng đặc, việc triền miên,
Đêm tối ngồi yên, lạnh ánh đèn.
Hình bóng chùa xưa còn nhớ mái,
Đường về vô hạn, rối lòng thêm.*

Dù chưa một lần gặp mặt, nhưng trong tâm trí tôi hiển hiện đáng đấp hùng tráng của một vị Thầy lớn, của một bậc Đại Sư, đứng cao vượt lên trên tất cả những nhỏ nhen, hèn hạ, ác độc của những kẻ tiểu nhân đang dày dọ Thầy. Và chính bài "Tự Thuật" của Thầy càng làm cho chúng ta hiểu rõ Thầy hơn nữa. Ba mươi năm trước học giáo lý của Phật, giáo lý về sự Khổ và tính Không, kinh sách đã học chất cao tưởng che cả cửa sổ phía tây. Xuân tươi thắm đến mà Thầy không đoái hoài chi nên xuân cũng già rồi, còn rặng trúc xanh biếc mới thoáng lượn qua đã làm say hồn mộng... Thời gian thấm thoát trôi qua, hàng mi dài đã rũ xuống chiếc bàn

cũ kỹ và tóc trên đầu đã bạc trắng cùng với tuổi già sức yếu. Rồi một sớm sẩy chân rơi xuống vách núi cheo leo, Thầy mới lấy Chân Không để mà đối trị lại cái đêm đó. Đây chính là chặng đường gian lao, ác liệt nhất trong đời Thầy, khi sẩy chân rơi xuống vực thẳm địa ngục trần gian của các thế lực tà ma, ác quỷ, Thầy chỉ còn biết đem cái trí tuệ Bát Nhã sáng láng mà đối chọi với cái đêm tối đầy máu lửa mà thôi!

Tự Thuật

*Tam thập niên tiền học Khổ Không
Kinh hàm đối lũy ám tây song.
Xuân hoa bất cố xuân quang lão,
Thúy trúc tà phi túy mộng hồn.
Nhắm nhiệm trường mi thủy hoại án
Ta đà tổ phát bán tàn phong.
Nhất triều cửốc lạc huyền nhai hạ
Thủy bá Chân Không đối tịch hồng.*

Tạm dịch:

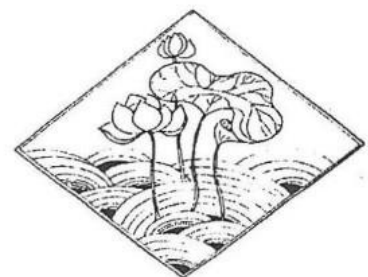
Tự Thuật

*Ba thập niên rồi học Khổ Không
Kinh sách chất lũy cả cửa song.
Xuân thắm không nhìn xuân hóa lão
Trúc xanh thoáng lượn đã say hồn.
Thời gian thấm thoát mi dài rũ,
Tháng lại ngày qua qua tóc điểm sương.
Một sớm sẩy chân rơi vực thẳm
Chân Không bên lấy chọi đêm hồng.*

Càng nghĩ đến Thầy, tôi càng thấy xót xa, càng kính phục đức độ cao quý của Thầy. Nhưng thiết tưởng: chẳng riêng gì Thầy Tuệ Sỹ, mà nhiều vị Tăng sĩ khác của nước nhà, khi đứng trước cường quyền, cũng như khi bị dày dọ trong tù ngục, đều đã nêu cao cái tâm đại tử, đại bi, đại hùng, đại lực sáng chói. Cái tâm đó hoàn toàn đê bẹp sự vô minh, độc ác và đê tiện của cường quyền, nêu cao chính nghĩa rực rỡ và chân lý sáng ngời của đạo pháp. Và đó chính là niềm tự hào lớn lao cho các bậc tu hành trong Giáo hội Phật giáo truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Chắc chắn là khi các bạn tìm đọc lại những bài thơ tù của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo và của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đang bị giam cầm hoàn toàn phi pháp, thì cũng cảm nhận cái đức độ cao quý như vậy của quý Thầy và cũng lấy làm hạnh diện là dân tộc ta có đức những bậc Thầy xứng đáng như thế.

•Tháng 11.1996



AUF DEUTSCH

BUDDHISMUS DES LAUTEREN LANDES - Dialog mit alten Meistern -

(Übersetzt und mit
Anmerkungen versehen von
Meister Thich Thien Tam;
Copyright der deutschen
Übersetzung Tu Xung Roland
Berthold).

Zweifel und Fragen zum Lauteren Land

(Ching-t'u Huo-wen; T.47; No. 1972)
Ch'an-Großmeister T'ien-Ju

(Fortsetzung)

Frage 21

Die Worte dieses verblendeten Mönches sind wahrlich irrig. Aber sie können selbst dann nicht zurückgenommen werden, wenn man sie mit einem von vier Pferden gezogenen Streitwagen zurückziehen sollte! Wenn wir dem zuhören, was Ihr, Meister, gelehrt habt, wer unter uns würde nicht erschauern? Leider ist unser Geist zwar großer Anstrengungen fähig, jedoch auch leicht zum Rückfall neigend. Wenn wir Worte des Rates und der Ermahnung hören, verdoppeln wir mutig unsere Anstrengungen. Aber wenn wir auf Hindernisse treffen, werden wir faul und nachlässig, fallen zurück und gehen in eine andere Richtung. Die meisten Menschen würden sagen, daß die Ergebnisse der Buddha-Rezitationspraxis sich nach dem Tode ergeben mögen, daß wir jedoch gegenwärtig dabei nur Überdruß und Ermüdung ohne jeglichen praktischen Nutzen erfahren. Ist dies kein verständlicher Grund, warum die Übenden faul werden und zurückfallen?

Antwort

Dein Verständnis ist immer noch nicht ausreichend. Die Sūtras sagen, daß jene, die den Buddha-Namen mit äußerster Aufrichtigkeit anrufen, schon in diesem Leben zehn große Nutzen daraus ziehen werden: (96)

1. Tag und Nacht erfreuen sie sich des unsichtbaren Schutzes aller himmlischen Wesen und mächtiger Gottheiten und ihrer Heerscharen.

2. Fünfundzwanzig große Bodhisattvas, unter ihnen der Bodhisattva Avalokitesvara (Kuan-Yin) und andere Bodhisattvas,

gedenken ihrer unablässig und beschützen sie.

3. Sie erfreuen sich der unablässigen Hilfe und des Schutzes der Buddhas. Der Buddha Amitābha sendet immerwährend Licht aus, um sie heimzuholen.

4. Keine bösen Dämonen, wilden Drachen, giftige Schlangen usw. können ihnen Leid zufügen.

5. Sie erleiden keine solchen Fährnisse wie Ertrinken, Verbrennen oder andere gewaltsame Todesarten. Auch erfahren sie keine solchen Strafen wie Fesseln und Gefangenschaft.

6. Das frühere unheilsame Karma wird nach und nach aufgelöst; die Seelen jener, die von ihnen in früheren Leben ermordet wurden, werden befreit und sinnen nicht mehr nach Rache.

7. Sie haben einen ruhigen Schlaf oder träumen von glückverheißenden Begebenheiten oder schauen den höchst wunderbaren Körper des Buddha Amitābha.

8. Ihr Geist ist stets fröhlich und in Frieden. Ihre Gesichtszüge sind immer klar und hell. Ihre Körper sind von Kraft und Stärke erfüllt. Was immer sie beginnen, wird erfolgreich sein.

9. Sie werden immer geachtet und von anderen unterstützt. Und man bringt ihnen gern die gleiche Ehrfrucht wie den Buddhas dar.

10. In der Sterbestunde haben sie keine Angst, da sich rechte Gedanken manifestieren. Sie schauen den Buddha Amitābha und die Heilige Gemeinde, die den goldenen Lotus-Sockel tragen, um sie willkommen zu heißen und in das Lautere Land zu geleiten, wo sie auf immer den Frieden des Geistes und Beseligung erfahren.

Diese 10 Vorteile werden vom Buddha selbst beschrieben, wie in den Sūtras berichtet wird. Da die Buddha-Rezitation solchen Nutzen im gegenwärtigen Leben wie auch in der Zukunft bringen kann, ist sie die wichtigste aller weltlichen und überweltlichen Dharma-Methoden. Die Übenden sollten deshalb ihre Anstrengungen verdoppeln und keine Zweifel zuzulassen.

Frage 22

Dank Eurer wiederholten Belehrungen hege ich keine Zweifel über das Lautere Land mehr. Ich habe auch den rechten Glauben entfaltet. Ihr sagtet jedoch früher einmal, daß der Übende alle weltlichen Angelegenheiten beiseite schieben und seinen Körper und seinen Geist läutern soll. In dieser Welt lebt jedermann unter verschiedenen Umständen. Jene mit Muße und günstigen Bedingungen können Eurem Rat folgen, aber wie steht es mit jenen, die von zahllosen Pflichten und Notwendigkeiten bedrängt werden? Wie können diese kultivieren?

Antwort

Die Übenden, welche die Unbeständigkeit der Welt wirklich erkennen, streben ernsthaft nach der Befreiung. Sie vernachlässigen die Buddha-Rezitation nicht, ob die Bedingungen nun günstig oder ungünstig, glücklich oder bitter, beunruhigend oder beruhigend, bedrückend oder entspannt sind, oder ob sie sich unterhalten, zu privaten oder offiziellen Angelegenheiten gehen oder sich mit allen Arten von Situationen messen.

Die Alten haben gesagt:

"Hohe Berge können den Weg der weißen Wolken nicht behindern. Dichte Bambushaine können klare Ströme und Quellen nicht aufhalten!"

Sie haben außerdem gesagt:

"Rezitiert den Namen Amitābha-Buddhas am Morgen; rezitiert ihn am Abend wieder. Selbst wenn ihr so geschwind wie ein fliegender Pfeil dahineilt, trennt euch dennoch nicht von Amitābha -Buddha!"

Die 10.000 Schauplätze sind stets ruhig und still. Nur wir sind unruhig. Wenn ein Übender wirklich nach der Wiedergeburt strebt und weiß, wie er seinen Geist benutzen muß, gibt es keine Umstände, die sein Kultivieren behindern können.

Dennoch sollten diejenigen, denen es an Kraft mangelt und die in vielerlei weltliche Angelegenheiten verstrickt sind, die notwendige freie Zeit finden, auch inmitten von Aufregungen ruhig bleiben und den Namen des Buddha entsprechend ihren Fähigkeiten so häufig wie irgend möglich rezitieren. Sie sollten sich für eine Anzahl entscheiden, 30.000mal, 10.000mal, 3.000mal oder 1.000mal, und an dieser Anzahl täglich ohne Unterbrechung festhalten. Jene, die äußerst stark beschäftigt sind, sollten jeden Morgen die Zehn-Rezitationen-Methode (97) praktizieren, deren Verdienste übertragen und diese Praxis das ganze Leben lang befolgen. Dann können auch sie die Wiedergeburt erlangen.

Diejenigen, die Zeit und günstige Umstände besitzen, können zusätzlich zu ihren regelmäßigen Buddha-Rezitations-Sitzungen entsprechend ihren Fähigkeiten und Kräften auch noch Mantras und Sūtras rezitieren, Bußrituale und Gebefreudigkeit praktizieren, sowie andere Verdienste und Segenswirkungen kultivieren. Aber alle Tugendverdienste, die aus diesen Praktiken entstehen, sollten der Wiedergeburt im Westlichen Lauteren Land gewidmet werden. (98) Wenn sie auf diese Weise kultivieren, werden sie nicht nur der Geburt im Lauteren Land gewiß sein, sondern die Stufe ihrer Wiedergeburt wird höher sein.

Frage 23

Von Anfang an hat dieser barbarische Mönch viel über die Buddha-Rezitation gehört. Dennoch versteht er deren Grundsätze noch nicht vollständig. Auch ist er sich nicht über die Zehn-Rezitationen-Methode im Klaren. Könntet ihr, Meister, diese Fragen bitte erhellern?

Antwort

Die Buddha-Rezitation hat verschiedene Bedeutungen. Eine davon ist, die Achtsamkeit auf die 32 glückverheißenden Zeichen zu richten bzw. diese zu visualisieren, um den Geist so zu konzentrieren, daß du schlafend wie auch wach immer den Buddha schaust.

Eine andere, häufiger angewandte, Methode ist, sich ausschließlich auf die Rezitation des Buddha-Namens zu konzentrieren und diesen von ganzem Herzen und ohne Unterbrechung festzuhalten. Auf diese Weise wird der Übende den Buddha schon in diesem Leben schauen. Ich beobachte, daß die meisten Angehörigen der Schule des Lauteren Landes in diesen Tagen die Methode des Festhaltens des Namens gewählt haben.

Diese Methode erfordert, daß der Geist ruhig, still und ungestört ist -- jede Rezitation folgt auf die vorhergehende, der Geist ist dabei auf den Namen des Buddha gerichtet. Während der Mund des Buddha-Namens rezitiert, sollte der Geist jede Rezitation achtsam betrachten, so daß jedes Wort klar und deutlich ist. Während der Rezitation sollten Geist und Denken vollkommen aufrichtig und

konzentriert sein. Nur mit solch einer zielstrebigem Praxis kann jede Rezitation "8 Millionen Kalpas schwerer Verfehlungen" auslöschen. Sonst sind karmische Hindernisse schwer auszurotten. (99)

Was nun die Zehn-Rezitationen-Methode angeht, so sollte der Übenden jeden Morgen vor dem Altar des Buddha knien oder nach Westen gewandt mit zusammengelegten Händen aufrecht stehen. Er sollte unablässig in einem Zug rezitieren, wobei jeder Zug als eine Rezitation zählt und 10 Züge 10 Rezitationen bilden. Die Anzahl der Rezitationen je Zug hängt von der Länge des Atemzuges des Übenden ab. Er sollte die Rezitation klar und deutlich ausführen, die Stimme dabei weder zu leise noch zu laut, weder eilig noch müßig, auf diese Weise mit der Einspitzigkeit des Geistes 10 aufeinanderfolgende Züge rezitierend. Diese Methode nutzt den Atem, um den Geist zu sammeln und zu konzentrieren. Ihre Wirksamkeit beruht auf Zielstrebigkeit und Standhaftigkeit während des ganzen Lebens, ohne einen einzigen Tag der Unterbrechung.

Um die Verdienste zu übertragen, sollte der Übende mit äußerst aufrichtigem Geist nach der Rezitation folgendes Gelübde ablegen: "Mein Dharma-Name ist... Ich habe das Bodhicitta entfaltet und nehme ernsthaft Zuflucht zum Buddha Amitábha und strebe nach Geburt im Westlichen Lauteren Land. In der Vergangenheit hast Du gelobt: 'Wenn ein Lebewesen, das in meinem Land wiedergeboren werden will, meinen Namen mit äußerster Aufrichtigkeit auch nur 10mal rezitiert, und dennoch die Wiedergeburt dort nicht erlangt, dann will ich nicht zum Buddha werden.' Ich bin entschlossen, die Hilfe deines barmherzigen Gelübdes in Anspruch zu nehmen, um meine Verfehlungen auszurotten und Verdienste zu entfalten. Ich wünsche mir auch, daß ich, wenn meine Todesstunde naht, Tag und Zeit im voraus weiß und alle Hindernisse beseitigt habe. Dann werde ich vom Buddha Amitábha und der Heiligen Gemeinde willkommen geheißen und hinübergeführt, schnell zum Weg des Buddha erwachen und dann alle Lebewesen erretten." (100)

Die Zehn-Rezitationen-Methode ist eine wichtige Technik, die uns über die Zeiten überkommen ist. Sie wird weithin gelehrt und die allen Menschen hilfreich. Die Übenden des Lauteren Landes sollten ihr folgen und sie anwenden.

Frage 24

Die alten Meister haben die angemessene Kultivierungsmethode für Laienanhänger, die im Netz der Welt verstrickt sind, klar und sorgfältig gelehrt. Doch wie sollen jene, die wie ich das Mönchsleben aufgenommen haben, kultivieren?

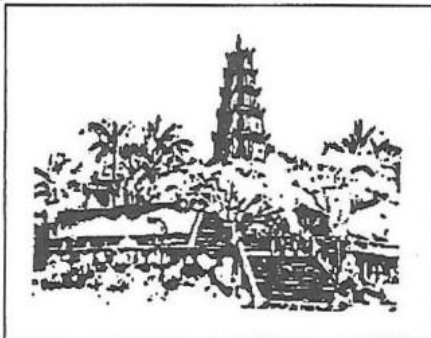
Antwort

Ich habe bereits früher dargestellt, daß es viele Methoden der Kultivierung gibt, die unter 3 Überschriften zusammengefaßt werden können. Jeder Übende sollte seinen Neigungen folgen und eine unter diesen Methode aussuchen und sich mit der Buddha-Rezitation entweder ausschließlich oder aber in Verbindung mit anderen Praktiken (wie Sôtra-Rezitation, Niederwerfungen, usw.) beschäftigen. Der wesentliche Punkt aber ist, daß der Geist äußerst aufrichtig, ernsthaft und ausdauernd sein muß. Dann werden Ergebnisse auf ihre Weise kommen -- natürlich.

Frage 25

Visualisierung und Nur-Geist-Rezitation scheinen Methoden nur für diejenigen mit höchsten Fähigkeiten zu sein. Ebenso sind die Zehn Großen Gelübde des Avatamsaka-Sôtra und die Zehn Geisteshaltungen des Mahâratnakuta-Sôtra nur für Übende mit großer Begabung geeignet. Sie sind nicht für jene ergiebig, denen es an den geeigneten Fähigkeiten und Begabungen mangelt.

Wenn ich mich betrachte und meine eigenen Fähigkeiten und Neigungen erwäge, so habe ich beschlossen, ausschließlich den Namen des Buddha mit Eifer zu rezitieren. Wenn ich ergendwie freie Zeit habe, werde ich nur die Praktiken der Buße und der Niederwerfung vor dem Buddha hinzufügen. Was meint Ihr dazu?



Antwort

Ausgezeichnet! Du kennst nun deine eigenen Stärken und Begrenzungen. Was du soeben beschrieben hast, stimmt vollkommen mit der Lehre von der "ausschließlichen und ununterbrochenen Praxis" des Meisters Shan-tao überein. Diese Lehre fasse ich nun zusammen.

A. Ausschließliche Praxis

Die meisten Lebewesen erleiden schwere karmische Hindernisse. Ihr Geist und ihre Gedanken sind grob und leichtfertig, verwirrt und zerstreut. Andererseits ist die Visualisierung von Objekten und Bildern überaus subtil und schwer zu fassen. Deshalb ist es schwierig, Ergebnisse durch Visualisierung zu erlangen.

Aus diesem Grund hat unser Meister Sâkyamuni in seinem großen Erbarmen den Übenden geraten, sich auf die Buddha-Rezitation zu beschränken. Da die Rezitation einfach ist, wird der Übende, wenn er ohne Unterbrechung gesammelt ist, unverzüglich die Wiedergeburt erlangen. Wenn sie auf diese Weise lebenslang praktizieren, werden wahrhaftig zehn von zehn Übenden, hundert von hundert Übenden, die Wiedergeburt erlangen. Und warum?

Aus diesen Gründen:

1. Ohne sonstige Bedingungen ist das rechte Denken einfach.
2. Das Streben des Übenden stimmt mit den ursprünglichen Gelübden des Buddha Amitábha überein.
3. Die Buddha-Rezitations-Methode widerspricht nicht dem Dharma.
4. Die Methode ist in Übereinstimmung mit den Worten des Buddha.

Wenn Übende die ausschließliche Praxis aufgeben und sich auch mit sonstigen Praktiken befassen, können nur drei oder vier von Hundertausenden hoffen, die Wiedergeburt zu erlangen. Warum ist dies so?

Aus diesen Gründen:

1. Sonstige Bedingungen veranlassen den Geist, erregt zu werden und das rechte Denken zu verlieren.
2. Sonstige Praktiken stimmen nicht mit den ursprünglichen Gelübden des Buddha Amitábha überein.
3. Sie widersprechen dem Buddha-Dharma.
4. Sie sind nicht in Übereinstimmung mit den Worten des Buddha.
5. Die Rezitation ist nicht unablässig.
6. Der Geist ist nicht ständig von Dankbarkeit gegenüber dem Buddha erfüllt.
7. Die heilsamen Taten des Übenden können vom Wunsch nach Ruhm und Nutzen befleckt werden.
8. Eine Vorliebe für sonstige Bedingungen behindert die eigene Wiedergeburt im Lauteren Land und die der anderen.

B. Ununterbrochene Praxis

Dies bedeutet, daß sich der Körper ausschließlich vor dem Buddha Amitábha, nicht aber vor anderen Weisen, niederwirft. Der Mund rezitiert ausschließlich den Namen des Buddha Amitábha und nicht die Sôtras oder die Namen anderer Buddhas. Der Geist denkt ausschließlich an den Buddha Amitábha ohne jegliche weitere Gedanken. Jedesmal, wenn das Karma von Begehren, Haß und Verblendung entsteht und eine Unterbrechung der Kultivierung hervorruft, solltest du unverzüglich entsprechend der jeweiligen Verfehlung bereuen, ohne damit bis zur nächsten Stunde, der folgenden Nacht oder bis zum nächsten Tag zu warten. Du solltest dein Äußerstes tun, um an dem einen reinen Gedanken festzuhalten, ohne daß andere Gedanken eindringen, und ohne Unterbrechung. Dies wird ununterbrochene Praxis genannt...

Was soeben beschrieben wurde, ist die Lehre der ausschließlichen, ununterbrochene Praxis des Patriarchen Shan-tao. Der wesentliche Punkt seiner Lehre ist, daß die Rezitation ohne Unterbrechung Gedanken auf Gedanken andauern sollte. Ein anderer Großmeister hat gesagt: "Rezitiere nicht auf eine verwirrte, erregte Weise, auch fasse den festen Entschluß nicht mechanisch!"

Großmeister Yung-ming hat gesagt:

"Der Übende sollte dem Buddha aufrichtig vertrauen und sein ganzes Leben lang in Reinheit kultivieren. Ob er nun sitzt oder liegt, sollte er sich stets nach Westen richten. Wenn er sich vor dem Buddha niederwirft, den Namen des Buddha rezitiert oder einen festen Entschluß faßt, sollte er dies mit äußerstem Ernst und ohne störende andere Gedanken tun. Er sollte sich verhalten, als ob er vor seiner eigenen Hinrichtung stehe oder im Gefängnis schmachte oder von Feinden verfolgt sei, als ob er in der Gefahr des Ertrinkens oder des Verbrennens sei. Er sollte aufrichtig um Hilfe bitten und geloben, den Kreislauf der Gefahren zu verlassen und schnell die Nicht-Geburt zu erlangen, um das Wirken der Drei Kostbarkeiten fortzuführen, die Vier Großen Schulden (gegenüber den Eltern, den Drei Kostbarkeiten, dem Vaterland und allen Wesen) zu entgelten und die Lebewesen zu erretten. Mit solch einem ernsthaften Geist wird sein Kultivieren nicht vergeblich sein. Andererseits wird es schwierig für ihn sein, in der Todesstunde guten spirituellen Freunden zu begegnen, wenn seine Taten nicht seinen Worten entsprechen, sein Glaube nicht fest ist, seine Rezitation wahllos ist und er auf diese nachlässige und träge Weise nach der Wiedergeburt strebt. Von der Macht des Karma hinweggetragen, von Schmerz und Leiden niedergedrückt, kann er das rechte

Denken nicht erlangen. Warum? Weil unsere gegenwärtigen Handlungen Ursachen und jenes, was in der Todesstunde empfangen wird, Wirkungen sind. Wenn die Wirkungen richtig sein sollen, müssen auch die Ursachen richtig sei, wie ein Echo, das laut und klar widerhallt, von einem lauten Geräusch kommt und ein gerades Spiegelbild ein gerades Objekt erfordert."

(Fortsetzung folgt)

Anmerkungen :

96. Diese Reihe der zehn großen Nutzen ist ziemlich populär. Es gibt verschiedene Übersetzungen dieser Begriffe.

97. Dazu die nächste Frage.

98. Dazu die folgende Stelle :

"Du mußt die Rezitation des Buddha-Namens als die rechte Grundlage und das Erwerben von Verdiensten als unterstützenden Faktor nehmen. Wenn du Verdienste und Weisheit kultivierst, wirst du die Vollkommene Erleuchtung erlangen. So umfassen die Ursachen das Meer der Ergebnisse, und die Ergebnisse dehnen sich über die kausale Quelle zurück aus." (zit. in J.C.Cleary, Pure Land, Pure Mind, p. 127)

99. "Das vollkommene Gegenmittel für den Affen-Geist... beseitigt den Affen-Geist. Wie schwierig ist dies!" (Mitteilung von Kalyānamitra Barbara Levine).

100. "Die Literatur des Lauteren Landes bietet viele Geschichten als wirkliche biographische Berichte, welche die Beschreibungen des Lauteren Landes in den Schriften bestätigen... Diese Geschichten erzählen die früheren Erfahrungen der Menschen im Buddhismus und berichten die verschiedenen Praktiken, die sie übten, und die Schriften, die sie studierten. In angemessener Zeit wird dann ihr Glaube an das Lautere Land erweckt, vielleicht durch die Begegnung mit einem inspirierenden Lehrer, vielleicht durch einen Traum oder eine Vision, vielleicht durch das Hören der Schriften vom Lauteren Land... Der Höhepunkt einer Biographie des Lauteren Landes kommt in der Todesstunde des Betroffenen, wenn die Buddha-Namen-Rezitation belohnt und die Lehren des Lauteren Landes bestätigt werden. Der Gläubige stirbt friedvoll, sogar freudig, mit ruhigem Geist und Körper, in vollem Vertrauen auf die Wiedergeburt im Paradies, dabei den Namen des Buddha rezitierend." (J.C.Cleary, Pure Land, Pure Mind, p.8 f.)

Impressum

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)
Die Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der
Bundesrepublik Deutschland
Verlag
c/o Viengiac Pagode, Karlsruhe Str.6, 30519
Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963
Herausgeber : Ven. Thich Nhu Dien
Redaktion :
Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-
Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)
Erscheinungsweise : alles zwei Monate
Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt.
Nachdruck nur mit schriftlicher Genehmigung
der Redaktion erlaubt.

BUDDHISTISCHE AKTIVITÄTEN

Strasbourg: malaise à l'ARES

DNA Le premier quotidien d'Alsace

DERNIERES NOUVELLES D'ALSACE Strasbourg

N° 112 - Prix 4,80 FF - 0,74 EURO - 1,80 DM - 2 FS © Jeudi 16 mai 1997

ELECTROMÉNAGER TV - Hi-Fi - VIDEO
JUNG
ANNONCE DIRECT D'USINE
Les grandes marques
La seule
La service après-vente
PROMOTION
LAVE-VAISSELLE
ASPIRATEURS
TELEVISIONS
24 8700 MOUSMONT
Tel. 03 88 31 62 87

MANIFESTATION

200 VIETNAMIENS EN GRÈVE DE LA FAIM

Quelque 200 Vietnamiens vivant en Europe ont entamé hier après-midi une grève de la faim de 24 heures devant l'hémicycle du Parlement européen, "pour protester contre les violations des droits de l'Homme et l'oppression religieuse au Vietnam".

Quatre cents ressortissants vietnamiens, en provenance notamment de Suisse, d'Allemagne, des Pays-Bas, de Norvège et de France, devraient participer à cette manifestation, selon les organisateurs, la Fédération des communautés des Vietnamiens libres à l'étranger et la Congrégation bouddhique vietnamienne en Europe (CBVE).

La Congrégation veut notamment dénoncer auprès des députés européens, réunis en session, la dissolution décidée par le gouvernement vietnamien du mouvement de la Jeunesse Bouddhiste, une organisation regroupant près de 300.000 jeunes, et de l'avoir intégré "de manière autoritaire et arbitraire dans le système de l'Eglise bouddhique du Vietnam contrôlé par l'Etat".

"Nous demandons aux pays membres de l'Union européenne et du Conseil de l'Europe d'imposer au Vietnam le respect des droits de l'Homme et de la démocratie lors de leurs négociations commerciales avec ce pays", a déclaré le Vénérable Thich Nhu Dien, secrétaire général de la CBVE.

Le Vénérable a confirmé que près de deux cents jeunes bouddhistes étaient prêts à s'immoler par le feu, au Vietnam, après la dissolution de leur organisation.

**Trích từ báo DNA Strasbourg
Tin tức mỗi nhất từ Alsace**

**200 NGƯỜI VIỆT
TUYỆT THỰC**

Thứ Năm, ngày 15.5.97
Khoảng 200 người Việt sinh sống tại Âu Châu đã biểu tình tuyệt thực 24 tiếng đồng hồ bắt đầu từ chiều ngày hôm qua trước tòa nhà Quốc Hội Âu Châu để phản đối về việc vi phạm nhân quyền và đàn áp tôn giáo tại Việt Nam.

Theo lời của Ban Tổ Chức, Hội Người Việt Tự Do tại Hải Ngoại và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu, 400 người Việt đồng hướng từ các quốc gia như Thụy Sĩ, Đức, Hòa Lan, Na Uy và Pháp đã về tham dự buổi biểu tình tuyệt thực này.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất muốn tuyên bố trước các đại biểu viên của các quốc gia Âu Châu tham dự cuộc họp tại Quốc Hội Âu Châu về quyết định của chính phủ Việt Nam muốn đặt tổ chức Gia Đình Phật Tử, một tổ chức tôn giáo có gần hơn 300.000 đoàn sinh trẻ, dưới quyền kiểm soát của Giáo Hội Phật Giáo nhà nước.

T.T. Thích Như Điển, Tổng Thư Ký Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu đã tuyên bố: "Chúng tôi kêu gọi các quốc gia trong Khối Liên Hiệp và Nghị Hội Âu Châu đòi hỏi chính quyền Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền và dân chủ cũng như từ chối mọi bang giao kinh tế với nước này".

Thượng Tọa cho biết rằng tại Việt Nam có khoảng 200 đoàn sinh Gia Đình Phật Tử đã sẵn sàng tự thiêu sau quyết định của chính phủ Việt Nam.

0231 FRA / AFP-IR65

**VIETNAMESE
EXPATRIATES CALL
OFF PROTEST FAST**

STRASBOURG, May 16 (AFP) - Two hundred Vietnamese based in Europe late Thursday called off a hunger strike they were staging outside the European Parliament here in a protest at oppression on religion in Vietnam.

More than 400 Vietnamese made the journey to Strasbourg from the Netherlands, Norway, Switzerland, Germany and other parts of France to back the protest, organised by the Federation of Free Vietnamese Communities in exile and the Vietnamese Buddhist Congregation in Europe, a spokesman said.

The hunger-strikers, who began their fast Wednesday, met the secretary-general of the Council of Europe, Daniel Tarschys, the chairman of the European Parliament Foreign Affairs Committee, Tom Spencer, and Michel

Rocard, Euro-deputy and chairman of the Development and Cooperation Committee.

The protesters condemned the dissolution by the Vietnamese government of the country's Buddhist Youth movement and the "arbitrary" incorporation of the movement and its almost 300.000 members into the "state-controlled Buddhist Church of Vietnam".

On Thursday, the European Parliament passed a resolution condemning human rights violations in Vietnam and urging the Vietnamese government to "free all political and religious prisoners" and to allow religious groups to run religious affairs as they saw fit.

tj / jb / mb

AFP 160026 GMT MAY 97

TRÍCH TỪ 0231 HÃNG THÔNG TẤN FRA/AFP-IR 65

NGƯỜI VIỆT TẠI HẢI NGOẠI BIỂU TÌNH TUYỆT THỰC

Straßbourg, 16.5.97

200 người Việt sinh sống tại Âu Châu đã tuyệt thực trước Quốc Hội Âu Châu phản đối sự đàn áp tôn giáo tại Việt Nam.

Theo lời của Ban Tổ Chức, hơn 400 người Việt từ các quốc gia như Hòa Lan, Na Uy, Thụy Sĩ, Đức và nhiều nơi trên nước Pháp đã đến ủng hộ cho cuộc biểu tình do Hội Người Việt Tự Do tại Hải Ngoại và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu tổ chức.

Cuộc tuyệt thực được bắt đầu vào ngày thứ tư. Những người tuyệt thực đã tiếp xúc với ông Daniel Tarschys, Tổng Thư Ký của Hội Đồng Âu Châu, ông Tom Spencer, Chủ Tịch Bộ Ngoại Giao của Quốc Hội Âu Châu, và ông Michel Rocard, Đại biểu Âu Châu và Chủ Tịch Hội Đồng Phát Triển và Hợp Tác.

Những người biểu tình đã lên án việc chính quyền Việt Nam đưa ra quyết định muốn đặt tổ chức Gia Đình Phật Tử, một tổ chức tôn giáo có gần hơn 300.000 đoàn sinh trẻ, dưới quyền kiểm soát của Giáo Hội Phật Giáo nhà nước.

Vào ngày thứ năm, Hội Đồng Âu Châu đã đưa ra quyết nghị lên án sự vi phạm đến tự do dân chủ tại Việt Nam và thúc đẩy chính phủ Việt Nam "phải trả lại tự do cho các tù nhân tôn giáo" và cho phép các tổ chức tôn giáo được tiếp tục hoạt động theo nhu cầu cần thiết của họ.

b) B4-0364, 0395, 0397 und
0435/97

Entschließung zu den
Menschenrechten in Vietnam

Das Europäische Parlament

unter Hinweis auf das Kooperationsabkommen zwischen der Europäischen Gemeinschaft und der Sozialistischen Republik Vietnam, das auf der Wahrung der Menschenrechte und den demokratischen Prinzipien beruht,

A. in der Erwägung, daß das Abkommen zwischen der EU und der ASEAN revidiert werden soll und daß Vietnam seit der letzten Revision der ASEAN beigetreten ist.

B. in der Erwägung, daß die vietnamesische Regierung nach wie vor die Grundfreiheiten beschränkt und die Menschenrechte durch erhebliche Einschränkungen der Meinungs-, Medien-, Versammlungs-, Vereinigungs- und Religionsfreiheit verletzt,

C. in der Erwägung, daß die vietnamesische Regierung trotz des Artikels 70 der Verfassung von 1992, der die Religionsfreiheit garantiert, eine Politik religiöser Verfolgungen, insbesondere gegenüber der Vereinigten Buddhistischen Kirche Vietnams, praktiziert,

D. mit Bedauern darüber, daß alle Würdenträger der Vereinigten Buddhistischen Kirche Vietnams unter unmenschlichen Bedingungen in Haft sind,

E. unter Hinweis auf die für den 20. Juli 1997 vorgesehenen Parlamentswahlen,

1. weist die vietnamesischen Behörden auf die Bedeutung hin, welche die Europäische Union der Klausel über die Menschenrechte in dem Kooperationsabkommen, das 1996 ratifiziert wurde, beimißt;

2. verurteilt die von der vietnamesischen Regierung begangenen Verletzungen der Menschenrechte;

3. fordert die vietnamesischen Behörden auf, alle politischen und religiösen Gefangenen freizulassen;

4. appelliert an die vietnamesischen Behörden, die Haftbedingungen in den vietnamesischen Lagern und Gefängnissen unter Achtung der vietnamesischen Gesetze zu verbessern;

5. betrachtet die Aufhebung aller Gesetze und Erlasse, die die Meinungs- und Pressefreiheit einschränken, als eine grundlegende Bedingung für eine dauerhafte Entwicklung;

6. fordert die vietnamesischen Behörden auf, den Konfessionen freie Hand bei der Verwaltung ihrer religiösen Angelegenheiten zu lassen;

7. fordert die vietnamesischen Staatsorgane auf, die Neutralität und Transparenz des Rechtssystems zu verbessern;

8. fordert die vietnamesischen Regierung auf, dafür zu sorgen, daß die Parlamentswahlen am 20. Juli 1997 wirklich frei und gerecht verlaufen;

9. fordert den Rat und die Kommission auf, die Menschenrechte in ihren Beziehungen zur Republik Vietnam und zur ASEAN weiterhin mit Vorang zu behandeln;

10. beauftragt seinen Präsidenten, diese Entschöpfung dem Rat, der Kommission und den vietnamesischen Staatsorganen zu übermitteln.



AUSWÄRTIGES AMT

Gz.: 342-504.00 VIE

(Bitte bei Antwort angeben)

Briefadresse:

Auswärtiges Amt Postfach 1148 53001 Bonn

An die
Congregation d. Vereinigten
Vietnamesischen Buddhistischen Kirche
Abt. in der Bundesrepublik Deutschland
Pagode VIEN GIAC
Karlsruher Straße 6

30519 Hannover

Bonn, 12. Mai 1997

Bezug: Ihr Schreiben vom 20.04.1997

Sehr geehrter Thich Nhu Dien, sehr geehrter Herr Ngo van Phat,

für Ihr während Ihres Besuches im Auswärtigen Amt am 30. April 1997 überreichtes Schreiben vom 20.04.1997 danke ich Ihnen.

Wie anlässlich des vorerwähnten Besuches erläutert, mißt die Bundesregierung der Menschenrechtsfrage in ihren bilateralen Beziehungen zu Vietnam, zu der in besonderem Maße auch die Religionsfreiheit gehört, besondere Bedeutung zu. Bundesminister Kinkel führt seit langem mit seinem vietnamesischen Kollegen Cam den Menschenrechtsdialog. In Gesprächen, die der Menschenrechtskoordinator des Auswärtigen Amtes in Hanoi führte, gaben die vietnamesischen Gesprächspartner bestehende Defizite zu. Auch Bundeskanzler Kohl hat bei seinen Gesprächen mit Premierminister Vo van Kiet 1995 nachdrücklich die Einhaltung der Menschenrechte in Vietnam eingefordert.

Wir hoffen, daß die allgemeine Öffnung des Landes nicht ohne Auswirkungen auf die Menschenrechtslage bleiben wird. Die Vietnamesische Regierung weiß, daß für die Bundesregierung die Achtung der Menschenrechte Teil störungsfreier bilateraler Beziehungen ist.

Die von Ihnen angesprochenen Fälle sind dem Auswärtigen Amt überwiegend bekannt. Sie sind im übrigen in einer Liste mit Menschenrechtsfällen enthalten, die von der Europäischen Union der vietnamesischen Regierung übergeben worden ist. Das Auswärtige Amt wird sich auch in Zukunft darum bemühen, im Rahmen ihrer Möglichkeiten auf eine Freilassung aller politischen Gefangenen in Vietnam hinzuwirken.

Mit freundlichen Grüßen
Im Auftrag
Dr. von Moltke





trang hoa phượng

Các em thân mến,
Sự ấm áp của thời tiết và những tia nắng chói chang đã làm tan biến mọi buồn giá trong những ngày đã qua nơi xứ người mà các em đã phải chịu đựng.

Hè đã về rồi. Từ quê hương Việt Nam phượng vĩ đã nở hoa đỏ ối trên cành cùng với tiếng ve sầu cất tiếng kêu rì rả. Báo hiệu mùa chia tay cùng bạn học nơi sân trường.

Nơi đây tuy không có hoa phượng nhưng sự ấm áp và những tia nắng đang mang lại cho mọi sinh vật, cỏ cây... trở lên màu xanh, tươi sắc. Các em đã tạm giả từ sân trường để quay về sum họp với gia đình, bạn bè cùng người thân yêu mến. Và thể hiện tình thương yêu, gắn bó giữa những người cùng dòng máu với nhau.

Tổ quốc và quê hương Việt Nam chúng ta đó. Thời cuộc bắt buộc chúng ta phải sống lưu vong, tuy nhiên chúng ta đừng quên tình "đoàn kết". Vì có đoàn kết mới có sức mạnh để thường yêu, học hỏi và tìm lại một ngày về bằng ước mong có tự do, nhân bản.

"Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao..."

Hoa Phượng thân chúc các em được tròn vui trong mùa hè và hân hạnh đón nhận bài vở của các em.

• Hoa Phượng

• Chuyện sưu tầm

HUYỀN QUANG

Vào thời nhà Trần có một người học trò trẻ tuổi ở xứ Bắc tên là Huyền Quang. Nhà chàng không đất cắm dùi, nhưng cha mẹ chàng thì cố công sức làm thuê làm mướn để nuôi con ăn học. Khi Huyền Quang đến tuổi lấy vợ, cha mẹ dạm hỏi cho một cô gái, con một nhà khá giả trong vùng.

Trái mấy năm trời, chàng đã từng đi làm rể bên nhà vợ rất là vất vả. Cho đến ngày gia đình sắm sanh lễ vật xin cưới thì đột nhiên bên nhà gái trở mặt, trả lễ và từ hôn. Huyền Quang lấy làm buồn lòng vì thói đời tráo trở; chàng càng đau lòng hơn khi thấy cô gái ấy thuận lấy người cháu họ một viên an phủ sú.

Sau đó, cha mẹ chàng lại tìm cho một đám khác, nhưng nhân duyên lần này cũng dở dang, chỉ vì nhà gái chê chàng trai không có mã làm nên, không phải là nơi nương tựa. Vì vậy, cho đến năm hai mươi tuổi, Huyền Quang vẫn một thân một mình.

Từ khi thất vọng về đường tình duyên, Huyền Quang lại càng bền chí về đường kinh sử. Năm hai mươi hai tuổi, chàng thi đỗ ở trường thi quê nhà, rồi vào thi Đình đỗ luôn Trạng Nguyên.

Nghe tin Huyền Quang đỗ Trạng, có mấy tay phú hộ ở quanh vùng bần tin có con gái đến tuổi lấy chồng kềm theo cả một tú có đồ sộ. Một ông quan lớn ở kinh kỳ cũng mời quan tân khoa về thái ấp mình để xem mặt cô con gái yêu tuổi vừa đôi tám. Tiếp đó, ngày chàng vào kinh bá mạng để nhậm chức, một viên nội giám đến gặp riêng chàng và rỉ vào tai:

- Hoàng hậu đang kén Phò Mã cho Công chúa. Nếu quan Trạng muốn, thì việc tốt đẹp nhất định phải thành.

Thấy tình đời như vậy, Huyền Quang than:

"Khó khăn thì chẳng ai nhìn,

Đến khi đỗ Trạng tám nghìn nhân duyên"

Than đoạn, chàng nguyện suốt đời sẽ không lấy vợ. Thế rồi người ta thấy chàng nhất quyết từ chối mọi hứa hẹn tốt đẹp. Nhưng cuộc đời danh vọng của Huyền Quang cũng không làm cho chàng vui lòng. Nhìn thấy những cảnh tượng xấu xa trong đám quan trường, chàng lại càng ghê tởm. Từ đấy Huyền Quang tỏ ra chán đời. Làm quan chưa được bao lâu, chàng đã đệ đơn lên vua xin từ chức để đi tu. Bấy giờ cha mẹ chàng đã nối gót qua đời.

Vua không thể nào bắt ép ý chí chàng được. Huyền Quang tu hành rất chăm chỉ. Chẳng bao lâu, chàng đã thông thuộc tất cả kho tàng kinh sách của nhà Phật. Rồi đó, nhờ có học vấn không ai bì kịp, Huyền Quang được nhà vua ban cho danh hiệu Quốc sư. Vua còn cho chàng trông nom Viện Trúc Lâm và cho trụ trì ở một ngôi chùa lớn, cai quản hàng mấy ngàn Tăng Ni. Còn ít tuổi như chàng được trở thành giáo chủ, người đời bấy giờ coi là việc hiếm có.

Hồi bấy giờ vua Anh Tông mới lên ngôi vàng. Thấy vị tổ Trúc Lâm là một người còn ít tuổi, vua không tin là có thể chịu đựng nổi sự diệt dục khổ hạnh. "Cứ đưa đến một cô gái đẹp, nhất định thế nào thầy cũng sa ngã". Nghị vậy, vua có ý định thử xem đạo đức của vị tổ trẻ tuổi này như thế nào. Nhân thấy Hoàng hậu se mình, vua cho triệu tổ về làm lễ cầu an.

Sau mấy đêm ngày, công việc cầu an đã xong, trước khi Huyền Quang trở về chùa, vua ban cho muối lạng vàng để đền công khó nhọc. Huyền Quang không tiện từ chối, đành phải cầm lấy, nhưng Huyền Quang đâu có ngờ rằng cái bầy đã bắt đầu giương ra để đợi người nhe dạ.

Thế rồi sau đó ít lâu, vua cho một cung nữ nhan sắc xinh đẹp tên là Điểm Bích, tìm cách đến chùa, nói Huyền Quang trụ trì, báo phải quyền rũ cho bằng được. Vua còn dặn Điểm Bích phải làm sao lấy được ở sư thầy ít nhất là một lạng vàng đưa về làm tang chúng.

Lại nói chuyện Huyền Quang hôm ấy nghĩ tại một thiền trai cất trên một ngọn đồi, cách viện Trúc Lâm chừng vài dặm. Đây là một gian nhà nhỏ rất tĩnh mịch mà vua xây cho nhà sư trẻ để nghỉ ngơi sau những ngày giảng kinh mệt nhọc. Vào khoảng tắt mặt trời, chủ tiểu đưa vào một cô gái, vẻ mặt rất hối hoàng, nhọt nhạt, áo xống tả tơi:

- Bạch thầy, người này vừa bị cướp đuổi vào gọi của kêu cứu.

Đó là Điểm Bích lúc này đã cải trang thành một cô gái quê mùa. Nàng khóc sụt sùi, một hai xin nhà chùa cho trọ đêm nay. Nàng bịa ra câu chuyện bị còn đồ đuổi và phải chạy trốn vất vả như thế nào, làm cho Huyền Quang không thể từ chối được. Cuối cùng theo lệnh của Huyền Quang, chủ tiểu sắp xếp cho Điểm Bích một chỗ nghỉ ở phía ngoài thiền trai.

Sự việc vừa xảy ra làm cho Huyền Quang thấy trong lòng không được yên tĩnh, ông để cho chủ tiểu đi nghỉ, rồi giờ quyền kinh ra tụng mãi tới khuya. Sắp sửa đặt lưng xuống giường, nhà sư bỗng nghe tiếng rên rí của người đàn bà. Nhà sư phải đánh thức chủ tiểu dậy xem thử thế nào. Khi nghe nói người đàn bà muốn xin vào nằm phía trong thiền trai, vì ở ngoài không ngăn được sự sợ hãi, Huyền Quang lấy làm bối rối. Nhà thì hẹp chỉ có ba gian, nhân thân chỉ có hai thầy trò, các tăng chúng đều ở xa không tiện gọi.

Suy nghĩ giây lát, Huyền Quang bắt đắc dĩ cho người đàn bà vào ở chỗ tiếp khách, còn mình thì lui vào trai phòng khóa cửa lại. Nhưng vừa chợp mắt đi được một lúc, đã lại nghe tiếng rên rí ở phía ngoài. Nhà sư lại ngồi dậy cầm tràng hạt và quyền kinh. Nhưng khi bước ra khỏi trai phòng, qua ánh đèn dầu le lói, nhà sư đã thấy người đàn bà nằm lả lờ trên bộ ván, liềm vôi vãi bước trở vào và quyết định ngồi trên giường tụng niệm cho tới sáng để tránh sự cảm dỗ. Không ngờ giữa lúc những tiếng tụng niệm vừa cất lên, thì Điểm Bích ở đâu đã sán lại ngồi bên cạnh nhà sư, nói những câu cảm ơn nhưng lại xen vào những lời khêu gợi.

Biết người đàn bà này đến đây có mục đích không lương thiện, Huyền Quang liền nghiêm mặt lại:

- A Di Đà Phật. Tín nữ là ai? Tại sao lại tìm vào đây để quấy rối những người tu hành? Nếu không mau cải tà quy chánh, ta sẽ hô hoán lên cho mọi người đến dắt ra khỏi tu viện.

Thấy Huyền Quang không phải là hạng người dễ quyến rũ, Điểm Bích đành phải thay đổi thái độ. Nàng chuyển sang bộ mặt rầu rĩ và bịa ra câu chuyện để gọi lòng trắc ẩn:

- Thiếp vốn là con nhà thế phiệt. Bố thiếp làm quan một huyện ở vùng biển. Mùa tháng năm vừa rồi nhận đi thu thuế được ba nghìn quan, cho dân phu tải về kinh. Không ngờ bị

bọn cướp đường, đón lấy mất cả. Quan trên thưởng tinh cho khát đến cuối năm. Hiện nay bố thiếp thu góp tư trang mới vừa một nửa. Bởi vậy, thiếp phải đi khắp đó đây, định xin Hòa Thượng rủ lòng thương xót, quyền cấp cho ít nhiều. Nhưng thấy cảnh chùa tôn nghiêm, nếu nói thật ra chưa chắc đã được, vì vậy phải dùng mẹo nhỏ để gặp Hòa Thượng, sau đó mới tỏ bày mục đích. Dám xin Hòa Thượng mở lượng hải hà, cứu vớt lấy bố thiếp và cả nhà thiếp. Thiếp nguyện đũa thân nữ tỳ hầu hạ suốt đời.

Nghe nàng sụt sùi kể lể, Huyền Quang không ngăn được cảm động, bèn vội trả lời:

- Tín nữ đừng lo lắng gì cả. Ngày mai ta sẽ tiến triều, tâu với vua xin tha tội cho cha tín nữ.

Sợ Huyền Quang về triều thì việc của mình không đạt, Điểm Bích lại nói:

- Bạch Hòa Thượng, việc của bố thiếp còn may là chưa đến tai Thánh Thượng. Hòa Thượng về tâu giúp cho thật là công đức vô biên, nhưng thiếp không muốn vì việc nhà thiếp làm phiền Hòa Thượng phải xuống núi nhọc sức.

Hòa Thượng sực nhớ đến mùi nén vàng của vua còn bày ra ở trai phòng. Nhà sư vội lấy ra đưa cho người đàn bà mà rằng:

- Ta biểu cho tín nữ tất cả, hãy đưa về mà chuộc tội cho cha!

Lại nói chuyện khi trở về cung, Điểm Bích liền nộp mùi nén vàng, và tâu với nhà vua rằng mình đã cảm dỗ được nhà sư. Để vua tin, nàng còn đọc lên một bài thơ yêu đương, nói là của Huyền Quang đã ngâm tặng mình trước khi phá giới:

*Vàng vạc trắng mai ánh nước,
Huu hiu gió trúc ngâm sinh.
Người vừa tươi tốt, cảnh vừa lạ,
Mâu Thích Ca nào chẳng hữu tình.*

Nghe xong câu chuyện và nhìn thấy mùi nén vàng, nhà vua thở dài hồi hận:

- Chao ôi! Bậy quá! Ta đã làm hại một vị tu hành trẻ tuổi. Tự dưng vô cớ đi gài bẫy, nhất định con chim khó thể tránh được. Biết làm thế nào bây giờ?

Nghe nói thế, một vị quan ghé vào tai nhà vua hiến kế:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ cho thiết lập một lễ cúng Phật, dọn toàn cỗ mặn rồi mời thầy về làm lễ. Nếu quả là thầy còn trong sạch, thì chư Phật sẽ độ cho cỗ mặn hóa chay, nhục bằng đã hồng rồi thì chẳng bao giờ được độ.

Vua cho là phải, bèn hạ lệnh cho gọi Huyền Quang về triều để đứng cúng một lễ chay trọng thể, vào dịp rằm tháng bảy sắp tới. Vua còn bắt quân hầu dựng một đàn tràng nguy nga, các rạp đều trần trướng toàn bằng lụa hoàng quyền. Trái hẳn với tục lệ nhà chùa, hôm bước vào chính lễ, vua ra lệnh cho giết heo, bò, dọn toàn cỗ mặn.

Khi sắp bước vào rạp, Huyền Quang biết nhà vua cố ý làm nhục mình. Các cỗ mặn tanh tưởi bày trên đàn kia, nếu không phải là một sự sỉ và thì còn gì nữa. Lụa "hoàng quyền" nói lái lại rõ ràng, ám chỉ hai tiếng "Huyền Quang". Nhà sư bèn ngửa mặt lên trời, lớn tiếng khấn:

- Kê đệ tử này nếu có điều gì bất chánh, xin chư Phật cho đày xuống A Tì địa ngục, còn nếu không, thì xin cho những cỗ mặn kia hóa thành chay tất cả.

Tự nhiên một trận gió nổi lên, cát bụi bay mù mịt, trời đất tối sầm lại. Một chốc gió tan, mọi người nhìn lên đàn tràng, thì lạ thay, tất cả các mâm cỗ mặn đều biến thành cỗ chay tinh khiết thơm tho, mọi mùi tanh tưởi đều đã bị quét sạch từ bao giờ. Huyền Quang thung thình bước lên đàn tràng giữa tiếng reo hò của chúng tăng và mọi người.

Vua Anh Tôn được tin, lập tức ra lệnh bắt Điểm Bích tra hỏi cho ra sự thật. Biết là bại lộ, người cung nữ ấy cúi đầu thú hết tội lỗi. Vua truyền bắt Điểm Bích bỏ vào ngục để chờ ngày phán xử, rồi xa giá tới gặp Huyền Quang tạ lỗi. Câu nói đầu tiên của Huyền Quang là xin vua tha tội cho Điểm Bích.

Hồng Nhiên sưu tầm



TÂM SỰ CHIẾC LÁ BỒ ĐỀ

Tôi là chiếc lá bồ đề khô màu tím, được dán nằm trang đầu tiên quyển truyện "Trời Ấu Qua Mất Việt". Dưới tôi có hàng chữ ghi thêm "Mừng cô Tú mới - Kỷ niệm tình bằng hữu Thủ-Viên".

Cách đây khá lâu tôi cùng cô chủ bày giờ lên máy bay từ giữa Sài Gòn. Sang Tây Đức, mỗi lần thay đổi chỗ ở, dọn nhà lần nào tôi cũng được cất riêng vào một thùng đựng toàn sách tiếng Việt. Có lẽ cô sợ tôi mỏng mai, lẫn lộn trong những thùng sách tiếng Đức dày cộm sẽ khó tìm?

Trước khi đi ngủ cô thường cầm quyển truyện, lật trang dán tôi, ngừng ở đó, ngắm tôi và mỉm cười âu yếm. Cũng có lúc cô giở ngón tay vuốt nhẹ tôi, thờ dài, nhìn ra phía cửa sổ, nét mặt mở mang... Chắc vì dòng chữ cô chủ trước viết khiến lòng cô cảm động, nhớ về quê hương, bạn bè cũ? Tôi nhớ hoài một buổi trưa nào, hai người học trò hẹn nhau đến ngôi chùa nhỏ. Ngoài vườn chùa có cây bồ đề đã khá già, cành lá rất sum xuê, tỏa nhiều bóng mát che chỗ sân chùa trong những ngày hè nắng chói

chàng. Bên cạnh còn hai cây điều, cây trái đỏ, cây trái vàng. Hai cây đều sai trái, nên mỗi mùa trái chín được đám con nít khu gần đó chạy đến viếng thăm, chiếu cố một cách tận tình. Chúng chỉ chứa sót lại những trái trên ngọn cao không leo hái tới!

Hôm ấy hai cô học trò đẩy cổng vào chùa, chờ người ni cô cho phép hái ít lá bồ đề. Hai cô vừa ngắm, vừa phê bình từng chiếc: "Lá này nhỏ mà đẹp!"; "Lá đó bị sâu ăn rồi", v.v... tôi và những lá khác khác được cẩn thận ngắt lia khỏi cành, cất bỏ vào hộp đem về nhà...

Trải qua mấy đêm ngâm nước cho sạch sẽ, mềm mại, chúng tôi được mang ra phơi trên một tấm vải. Rồi cô chủ bắt đầu dùng giấy chấm khô, lấy tấm tre tía từ từ các phần thịt cho đến khi chiếc lá chỉ còn lại những đường gân thanh tao. Phải mất mấy tiếng đồng hồ làm việc tỉ mỉ mới xong, cô bỏ bớt hai ba chiếc lá không được hài lòng lắm, còn bao nhiêu cô lấy hộp màu sơn phết lên cho chúng tôi mỗi chiếc một màu khác nhau. Như vậy tôi cũng thấy an ủi kiếp lá mình được xử dụng, nâng niu gìn giữ. Thay vì theo định luật thiên nhiên, tôi lúc khô héo, bình hoạn đánh chịu rơi rụng, lia cành xa cây, không ai lưu ý.

Bỗng một hôm cô chủ mở hộp, lựa chiếc lá màu tím là tôi dán lên trang giấy của một quyển truyện, gói bằng giấy hoa thật đẹp và mang tặng cô chủ mỗi sắp đi du học Tây Đức. Thế là thêm một lần nữa phải chia ly!...

Thời gian vẫn vô tình trôi qua. Tôi vẫn suốt đời nằm im lặng...

• Ngọc Tuyết
(Thân tặng Lê Thị Tùng Thơ
xứ Bưởi Biên Hòa)

THƠ CẢM ƠN

*Cảm ơn nhé! buổi sáng thơm mùi cỏ
Lối sương phơi trên cát bỏng vỡ òa
Cho ta được một ngày đầy tiếng hát
Nhớ quê nhà - mùi đồng nội hương xa
Cảm ơn nhé! hàng phượng già trước ngõ
Tuổi mộng mơ xanh thắm cả khung trời
Mùa hạ đến phượng từng chùm ửng đỏ
Trà ta về với áo trắng năm xưa
Cảm ơn nhé! bạn bè vui một thuở
Đã trao nhau bao kỷ niệm học trò
Lá thuộc bài ai cùng ta ép vội
Mơ đến ngày mang mũ áo trạng nguyên
Cảm ơn nhé! ánh mắt Người trao gói
Bất chợt ta một phút bỗng nao lòng
Cảm ơn nhé! trái tim Người cháy bỏng
Mãi trong ta những rung động đầu đời.*

•Trần Thị Ngọc Lan

ĐÍNH CHÍNH

Trên báo Viên Giác số 97, trang 15, bài "Thành Phố Mùa Bay" để tên tác giả Trần Ngọc Huỳnh. Nay xin ghi lại là Trần Thị Ngọc Lan.
Xin cáo lỗi cùng độc giả và tác giả.

TÔN GIÁO VÀ VĂN HÓA

DƯỚI TRIỀU VUA TRẦN NHÂN TÔN

1279-1293

Bây giờ mặt trời đã đứng xiên xiên qua khỏi đầu những ngọn cây phong dọc theo xa lộ số 5. Trên cao, van van tia nắng sáng màu lóng lánh, mỏng dính và chói chang khuất rồi hiện, đến rồi đi thay phiên nhau, liên kết cùng nhau hoài tiếp nối như chuỗi ngọc thủy tinh màu sáng trong vắt đẹp tuyệt vời vừa thấy đó bỗng loảng tan ngay lúc đó trong tầm mắt, rồi chợt bắt gặp lại xuyên qua cành lá non thắm màu xanh muốt, dịu dàng... Mọi cảnh vật vun vút lùi về phía sau khi xe êm êm lướt tới; khoảng đường này, vào tháng 5 như hằng năm theo bà nội, ba má, anh Toàn về chùa Viên Giác mừng đại Lễ Phật Đản, nhất là qua trạm nghỉ nơi cây xăng Esso thú nhí để má đổi ba lái xe thẳng hướng Hannover, trước khi quẹo qua đường Liên tỉnh lộ có mũi tên, với chữ đề trên nền bảng xanh đậm là Messe, lúc nào ba cũng ghé trạm xăng Fanan, trạm nghỉ cuối cùng vì cũng không còn bao nhiêu xa nữa tới chùa. *“Mùa Lễ Phật Đản với Vu Lan kỳ nào cũng vậy; Phật Tử về đông lắm. Sức bà nội thì yếu, cần phải nghỉ ngơi nhiều. Nhớ nha bà thẳng Toàn”,* thường thì má nhắc nhở ba như vậy một ngày trước khi đi. Nhất là bữa nay lại có bà Di - em gái của bà ngoại thẳng Toàn, gái Cẩm (vừa được chú thím Tú làm giấy tờ bảo lãnh trước nửa năm) sang Đức thăm viếng, trị bệnh; nhân dịp đúng vào mùa lễ Phật Đản 2541 nên hôn hờ cùng bà nội, gia đình chú thím Tú lên chùa trước lễ Phật, sau là hân hạnh viếng cảnh sắc chùa Viên Giác rộng lớn, đẹp đẽ như ở nước Đức; bà Di của thẳng Toàn, gái Cẩm trai trưởng đã hơn 20 năm qua, mà ở Việt Nam, chỗ bà Di cư ngụ lại không có ngôi chùa nào hết, nếu có cũng xa xôi lắm - Thêm nữa, năm nay về chùa ba má thẳng Toàn, gái Cẩm muốn xe VW Bus, với khởi hành lúc 3 giờ sáng sớm; vì có gia đình đi Mai, Thùy Dung đi chung. Mà cũng nên để bà nội, bà Di ngồi rộng rãi, thoải mái cho khỏi mệt nhọc. Chú Tú thì giữ chân lái xe suốt khoảng đường xa, dù rằng xe chạy chậm mất thời gian tính, và nghỉ ở những trạm xăng nhiều lần, nhưng ngược lại an toàn được bảo đảm; thím Tú khỏi phải thay thế như xe nhỏ, thím Tú lái xe VW Bus không quen!

Trên xe, từ khi khởi hành tới lúc 6 giờ mấy, bọn thẳng Toàn, gái Cẩm, Thùy Dung, luôn nhỏ Tường Vi cũng vậy; thi đua nhau cuộn mình trong mấy tấm mền dày được chú thím Tú mang theo mà ngủ vùi! Bà nội nói với bà Di thẳng Toàn, gái Cẩm: *“Thiệt là kỳ lạ hết sức, cứ mỗi lần về chùa là lòng dạ tui cứ nao nao lên, ngồi trên xe cố mà dỗ giấc, nhưng không tài nào nhắm mắt được, di Ba a’* Bà Di thẳng Toàn, gái Cẩm lại nói: *“Đi xe, đi tàu ban đêm ban hôm là cặp mắt tui cứ mở ra thao láo, tới lúc đi nhà lại ngã lăn đùng xuống giường mà ngủ mê ngủ mệt. Nhưng qua tới bên đây, tui*

phải dòm ngó cảnh vật chỗ phải không chỉ Bày? Ối thôi đi... Nước non của người ta sao mà vắn mình, đẹp đẽ hết chỗ nói. Nghĩ lại đất nước mình, thì... ừ hự!” Vậy là bà nội, bà Di, di Mai, thím Tú ngồi im, hoặc thỉnh thoảng trao đổi cùng nhau vài mẩu chuyện về đời sống của gia đình hằng ngày, trong âm thanh nhạc Đạo trầm bổng vang lên từ máy phát thanh chú Tú nhỏ nho nhỏ.

*Lao đao kiếp nạn cõi trần ai
Bi, luy, sân, si khéo sắp bày
Chớp mắt sương chiều rơi trên tóc
Xác thân mục rữa dưới tuyên đài!
Ngân nga Viên Giác hồi chuông điểm
Gieo hạt Tử Bi, giải nạn tai
Từ mấy ngàn năm chuông vẫn gióng
Giữa lòng đường thế... có ai hay?*
(Cõi Tạm - Thơ Huy Giang)

Sau trạm nghỉ đầu tiên lúc 6 giờ rưỡi, không khí trên xe lại nhộn nhạo lên vui vẻ. Nhờ Thùy Dung, Tường Vi, thẳng Toàn, gái Cẩm đã tỉnh hẳn giấc ngủ nên ồn ào, líu lo phát thanh... miệng dù mọi đề tài. Trạm nghỉ thứ 2, thứ 3 lại luân phiên cùng nhau hát những bản nhạc nhi đồng; nhờ Thùy Dung, thẳng Toàn kể chuyện đời sống bên Đức cho bà Di nghe, chuyện có dài dài, hai đứa nói hoài, nói mãi miệng mà cũng không hết! Khi qua trạm nghỉ thứ 4, dưới tỉnh Göttingen một chút, thì bà nội, thím Tú, di Mai thay thế nhau kể chuyện chùa Viên Giác, chuyện Kinh Kệ, Đạo đức... Và rồi lại xoay qua chuyện học tiếng Việt, Sử ký, Địa lý, Phong tục, Tập quán với nhỏ Thùy Dung, Tường Vi, thẳng Toàn, gái Cẩm. Mỗi một môn học là một đề tài nóng hổi, hào hứng của câu chuyện kể thật vui; thật đậm đà ưu ái tình quê hương, dân tộc Việt Nam gieo đầy cảm xúc lâng lâng gợi lên trong lòng tất cả mọi người ngồi trên xe...

Trong lúc thẳng Toàn, gái Cẩm, nhỏ Thùy Dung, bé Tường Vi còn đang mê mẩn vì bị câu chuyện do bà nội kể lôi cuốn; thì bà Di đã lên tiếng tiếp lời:

- Sẵn nghe chị Bày nhắc truyện Dương Phục, tuy rằng sống trong cảnh nghèo khó nhúng hết sức làm lụng để lo phụng dưỡng song thân; vậy mà còn có lòng thành đi tới nước Thục xa xôi tìm kiếm nhà sư Vô Tế cầu học Đạo. Tôi mới chợt nhớ một truyện ngắn, cũng trong sách Cổ Học Tinh Hoa mà lúc trước tôi đã được đọc. Thời thì, nhân dịp này tôi cũng kể lại đây các cháu nó nghe cho vui, mà quên đường dài.

Bà nội chưa kịp lên tiếng, thì thẳng Toàn, gái Cẩm, Tường Vi luôn cả di Mai, nhỏ Thùy Dung cũng nhao nhao lên nói:

- Dạ, bà Di kể truyện đi... Bà Di.

- Dạ, di Ba kể đi, đường đi tới chùa coi vậy mà cũng còn hơi xa; chắc xe phải chạy ít nhứt là một tiếng rưỡi đồng hồ nữa!

- Ủa, truyện này có tựa là ‘Cách Trị Dân’ của Tả Khứ Minh, là quan Thái sử nước Lỗ theo chỉ của Khổng Tử viết ra chuyện Kinh Xuân Thu gọi là Tả Thị Xuân Thu; cho nên người dân gian bấy giờ thường xưng Khổng Tử là Tố Vương; Khứ Minh là Tố Thần, chép lại: Ngày trước có một vị tướng ở nước Trịnh (thời Xuân Thu bên Trung Hoa) tên là Công Tôn Kiêu, hiệu Tử Sần đã làm quan trên 40 năm, học rộng chính trị giỏi. Ông có lòng thương dân, lấy

đạo hòa hoãn nổi rộng, không cấp bách mà trị dân trong vùng. Ngày kia, khi Tử Sần bị bệnh nặng, biết rằng mình sắp qua đời cho nên ra lệnh đòi Tử Thái Thúc tới dạy rằng:

- Ta sắp chết, vì người là tướng kế vị, tất nhiên nhà người lên thay quyền hành mà trị dân trong vùng. Người phải biết người có đạo đức mới lấy đạo hòa hoãn nổi rộng, không cấp bách (còn gọi là Khoan) mà lấy lòng dân; ngoài ra người thường phải lấy sách Nghiêm (mãnh liệt, nghiêm khắc) mà trị dân mới được. Nghiêm ví như lửa nóng, dân trông thấy sẽ sợ hãi, cho nên chết vì lửa rất ít; nước thì bao giờ cũng mát rượi, dân khinh nhờn, cho nên chết vì nước thì nhiều. Thế mới nói dùng đạo đức trị dân thì khó.

Mấy tháng sau Tử Sần qua đời, Tử Thái Thúc lên thay làm tướng; không nỡ dùng Nghiêm, e rằng mãnh liệt, cứ lấy đạo hòa hoãn mà trị dân.

Không được bao lâu, trong nước này sinh ra nhiều trộm cướp, thường ngày thì núp bóng ở các nơi có đầm sâu lầy lội, mà lấy của giết người quá nhiều dân chúng. Tử Thái Thúc hối hận, tự trách:

- Giả mà ta biết sớm nghe theo lời tướng Tử Sần dạy bảo thì sự việc đâu đã ra tới nông nỗi này!

Rồi bèn đem quân đi dẹp bọn cướp. Tử đó nước Trịnh mới sống trong cảnh thái bình, thịnh vượng.

Khổng Tử hay tin, vui mừng rồi nói:

- Được lắm. Chính sách hòa hoãn thì dân chúng khinh nhờn; ta phải dùng chính sách cứng rắn, nghiêm khắc. Nghiêm tức là mãnh, mãnh thì dân tàn, tàn lại phải dùng đạo đức hòa hoãn; đạo đức hòa hoãn giúp cho nghiêm khắc, cứng rắn; nghiêm khắc, cứng rắn giúp cho đạo đức hòa hoãn. Có thể thì chính sách trị dân mới dung hòa được.

Di Mai chờ di Ba kể dứt truyện ‘Cách trị Dân’ chép lại trong Cổ Học Tinh Hoa một hồi lâu, rồi mới lên tiếng:

- Lúc cháu mới vừa lên 9, 10 tuổi gì đó, chắc cũng bằng cô gái Cẩm bây giờ; ở trường Tiểu học Vĩnh Lạc, cháu nhỏ là có được cô giáo kể qua một giai thoại của Việt sử về vị vua rất nhân từ trị dân trong nước, ở mãnh liệt đối với giặc ngoại xâm. Đó là vua Trần Nhân Tông, niên hiệu Thiệu Bảo. Con xin được nhắc lại đây... Nha bà Mẹ, nha di Ba? Rồi không để bà nội, thẳng Toàn, gái Cẩm, Thùy Dung, Tường Vi trả lời, di Ba lên tiếng. Di Mai đã tăng háng giọng kể: *Nước Việt Nam chúng ta, dưới đời nhà Trần 1225-1413; có vị vua Trần Nhân Tông 1279-1293, nổi tiếng là một vị vua rất thương yêu dân. Nhờ vào đức độ của ngài mà dân chúng được sống yên ổn trong cảnh thanh bình hoan lạc. Dù rằng có giặc phương Bắc đang nuôi mộng dấy quân xâm lấn.*

Vào những năm mất mùa, vua truyền lệnh cho quân sĩ dự trữ lúa gạo thặng dư vào kho. Dành cho những khi gặp năm thiên tai gây ra cảnh hạn hán, bão lụt v.v.. Vua lại truyền cho quân sĩ xuất kho để phân phát cho dân chúng. Nhờ vậy mà dân chúng tránh khỏi cảnh đói kém trong những năm mất mùa. Vua Trần Nhân Tông thường nói: *‘Dân Khố là ta khố. Dân sướng là ta sướng’.* Ngoài việc triều chính, nhà vua cũng hay giả dạng thường dân để ra khỏi

hoàng thành thám nếp sống dân tình. Ngài nói: 'Ta phải đi thăm dân mới biết rõ dân chúng đang sống sướng, khổ như thế nào.' Nhờ vào sự cai trị nhân đức và sáng suốt của ngài dân chúng tránh được cảnh thiếu thốn và bất công. Có một năm kia, vào tiết trời mùa đông. Gió lạnh cắt da từ hướng Bắc thổi mạnh. Vua Trần Nhân Tông cùng các quan quân giả làm ra khỏi hoàng cung. Khi chiếc xe song mã chạy ra khỏi cung điện hơn mười dặm, vua tình cờ nhìn thấy một ông lão nằm quỳ bên lề đường. Ngài truyền quân sĩ dừng xe. Đức vua bước xuống khỏi kiệu, tiến lại gần ông lão. Nhìn gương mặt tái xanh và môi ông lão đang run bần bật; đức vua vội cởi áo long bào của mình để đắp lên người ông lão. Đoạn ngài quay qua bảo các quan quân rằng: 'Qua chiếc long bào ta còn cảm thấy lạnh, huống chi ông lão này chỉ mặc sơ sài chiếc áo mỏng, sờn rách. Thật là ta có lỗi, cai trị dân chưa được vẹn toàn' Rồi ngài ra lệnh cho quân sĩ: 'Các người hãy đem ông lão về cung điện. Cho ăn uống đầy đủ, và ban phát quần áo ấm'. Về đến cung điện, đức vua buồn bã vì tự cảm thấy mình thiếu sót bốn phần với dân chúng. Ngài lại truyền sai quân sĩ mở kho để ban phát quần áo và lúa gạo cho tất cả bần dân... Nhờ sự cai trị sáng suốt, nhân đức của vua Trần Nhân Tông, dân chúng thời bấy giờ được hưởng một đời sống thái bình, an lạc. Cho đến ngày nay, dân gian vẫn còn kính trọng nhắc nhớ đến tên Trần Nhân Tông, và gọi ông là vị vua Nhân Từ. (trong Cổ tích Việt Nam/ Độc Lập 1981).

Di Mai vừa dứt lời kể, thì đã nghe tiếng nhỏ Thủy Dung ngay:

- Tuần rồi, trong lớp Việt ngữ cháu cũng được học qua về lễ lối cai trị, văn hóa dưới thời vua Trần Nhân Tông nữa đó bà ngoại, bà Di, di Mai.

Bà nội thẳng Toàn, gái Cẩm quay qua hỏi nhỏ Thủy Dung:

- Cháu được học như thế nào đầu kể lại cho ngoại, bà Di, di Mai với cậu mợ Tú, bé Tường Vi, thẳng Toàn, gái Cẩm nghe coi.

Thủy Dung màu mắt:

- Dạ... Vào năm Đinh Sửu 1277 Thái thượng hoàng Trần Thái Tông mất ở Thiên Trường phủ (tức là làng Tức Mạc). Năm sau 1278 vua Trần Thánh Tông nhường ngôi cho Thái tử Trần Khâm, rồi cũng về Thiên Trường làm Thái thượng hoàng. Thái tử Trần Khâm lên ngôi vua, tức Trần Nhân Tông, niên hiệu Thiệu Bảo. Vì đã 9 năm dài xuất gia, và là người sáng lập ra phái Thiền Tông Trúc Lâm Yên Tử, cho nên vua Trần Nhân Tông kế nghiệp vua cha lấy lòng nhân hậu mà trị vì dân chúng; ngoài việc chính trị, quân sự, kinh tế, cải cách đất đai cho đến phong tục v.v... từ đầu nhà Trần đã được sửa đổi hay kiến thiết mới mẻ thích hợp hơn. Vua Trần Nhân Tông cũng còn chú ý đặc biệt tới văn hóa nữa. Đáng chú ý là chữ Nôm được xuất hiện và đặc dụng nhờ đời Trần có sáng kiến, có tinh thần độc lập, tự lập, cho nên xu hướng văn Nôm mới có dịp bành trướng sau nghìn năm học nhờ, viết mượn của Trung Hoa. Tiếng Việt được dùng làm thi ca, khúc ngâm. Hàn Thuyên (vốn họ Nguyễn) quê ở huyện Thanh Lâm, tỉnh Hải Dương là người rất giỏi thơ phú chữ Nôm. Toàn Thứ, quyển 5, tờ 41 có chép rằng: Dưới triều vua Trần Nhân Tông, Thuyên là Hình bộ Thượng thư, có cá sấu đến sông Lô

giết hại dân chúng. Vua sai Thuyên làm văn Nôm ném xuống sông. Cá sấu tự rời đi chỗ khác. Vua nghĩ chuyện này giống chuyện Hàn Vũ đời Đường bên Trung Hoa, bởi vậy vua cho đổi họ Nguyễn ra họ Hàn do mục đích khen thưởng nhân tài. Kể từ thời có Hàn Thuyên, thơ Nôm thịnh phát nên gọi là thơ Hàn luật; vì Hàn Thuyên đã đặt ra khuôn phép, luật lệ hoặc có nhiều sáng kiến về bộ môn này. Nước ta dùng quốc ngữ trong thi phú bắt đầu từ đó. Những danh tướng Phạm Ngũ Lão, Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải sau này là bằng chứng hùng hồn với những thi văn, lịch truyền bất hủ như:

Vung gươm sóng núi đã bấy lâu
Ba quân như cọp nuốt trời trâu
Công danh trai tráng còn mang nợ
Những thẹn khi nghe chuyện Vũ Hầu.

(Phạm Ngũ Lão)

...
Áo không, ta cởi áo cho
Cơm không, ta sẽ cơm cho no lòng
Quan nhỏ thì ta phong chức cả
Lộc ít thì ta trả lương thêm
Đi sông, ta cấp cho thuyền
Đi đường, ta cũng lệnh truyền ngựa đi
Cho cầm quân an nguy cùng lối
Cho nằm yên, vui nói cùng hàng...

(Bình thủy yếu lược - Hưng Đạo Vương
Trần Quốc Tuấn)

Nói vậy không phải là nhà Trần đã triệt để dùng chữ Nôm. Các chiếu chỉ của nhà vua vẫn còn viết chữ Hán, và ty Hành khiển phải giảng cả âm lẫn nghĩa ra tiếng Việt (Nôm) cho dân chúng hiểu (phàm thư) với dự biết mọi việc triều đình làm. Tóm lại chữ Hán vẫn còn dùng vào các công văn, tử lệnh, biểu chương, sổ tấu. Để tỏ sự tiến triển của văn hóa đời Trần, trong mục 'Phong Tục' cuốn *An Nam Chí Lược* có kể đến các khúc hát: *Nam Thiên Nhạc*, *Ngọc Lâu Xuân*, *Đạp Thanh Du*, *Mộng Du Tiên*, *Canh Lậu Trường* và nhiều thi ca tiếng Việt (Nôm). Văn hóa đời Trần cũng dành cho Sử ký một địa vị quan trọng; hay nói một cách khác. Nhà Trần là một triều đại trước nhất của chúng ta nghĩ đến việc biên soạn cuốn quốc sử. Trần Tấn, giữ chức Tả tể tướng Hàn trường làm được cuốn *Việt chí* tức Việt sử, sau này được Lê Văn Hưu sửa lại tức là *Đại Việt Sử Ký*, chép từ đời Triệu Vũ Đế đến Lý Chiêu Hoàng gồm 30 quyển. Nhà Trần lại còn nghiên cứu và học tập cả tiếng Hán, tiếng Thổ, tiếng Phiến. Các tướng lãnh đương thời như Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật rất thông hiểu các tiếng này. Tôn giáo được sùng bái nhất là Đạo Phật, Đạo này giữ địa vị đặc biệt ưu đãi. Vua Thái Tông là tác giả Kinh Khóa Hư, vua Nhân Tông soạn ra được nhiều câu kệ trong tập *Trần Triều Thượng Sĩ Ngũ Lục* bao hàm những tư tưởng nhân từ, bác ái, giác tha, độ tha rất mạnh. Đối với chúng nhân. Câu 'Đán vi quý' của Mạnh Tử được thi hành triệt để, nên khi chống quân Mông Cổ mới có hội nghị Bình Than, Diên Hồng. Còn những trận chiến lấy lừng giữa quân Nam với quân Mông cổ như những trận Tây Kết, Vạn Kiếp, Vạn Đồn, Bạch Đằng Giang v.v... Thì cô giáo của cháu tuần sau sẽ dạy tiếp...

- Ô, bà nội ơi... Bà Di ơi... Má ơi... Ba queo xe vô hướng Messe rồi kia cà... Thằng Toàn bồng la đi ỏi lên như vậy, làm cho mọi người ngồi trên xe giạt mình im tiếng, đôi mắt tự nhiên quay nhìn qua hướng cảnh vật dọc theo hai bên lề đường.

Chủ Tư cho xe chạy chậm lại. Hai hàng cây xanh búp lá non mùa xuân tưới mát dọc theo đường, gia đình chú thím Tư nhìn thấy rõ ràng cho nên tâm hồn cảm nhận được sự dễ chịu, khiến cho bao nhiêu mệt mỏi hơn 6 tiếng đồng hồ ngồi trên xe suốt khoảng đường dài từ miền Nam Đức về chùa đã tan biến đi mất ngổ, vội vã... Thằng Toàn tay này ôm cánh tay bà Di, tay kia chỉ thẳng hướng phía trước xe chú Tư đang chạy tới, nó nói với sự nôn nao trong lòng:

- Đó... đó, bà Di thấy không? Phía trước có cái ngã tư với cột đèn xanh đỏ, ba cháu cho xe queo qua trái, rồi chạy chừng 5 phút nữa thôi à. Bà Di sẽ thấy được Bảo tháp của chùa Viên Giác ngay tức khắc. Tháp cao lắm bà Di ơi... Chùa cũng thiệt là đẹp nữa, Phật tử khắp mọi nơi về chùa thể nào cũng thiệt là đông cho bà Di coi, bữa nay là ngày Đại Lễ Phật Đản mà bà Di... Á kia, bà Di... Chiếc xe Audi màu cam chạy phía đường bên phải xe mình nè, có năm sáu người ngồi trong xe, cháu chắc chắn là người Việt Nam như mình, và xe họ cũng đang chạy thẳng hướng tới chùa đó bà Di. Bà Di thấy không?

•BÉ NGỌC

Chú thích

- * Việt Nam Sử Lược - Trần Trọng Kim
- * Việt Sử Toàn Thư - Phạm Văn Sơn

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Các em Đoàn Sinh thân ái,
Nắng đã lên rồi, những ngày vui bằng sinh hoạt tập thể của ĐĐPT cũng đã đến. Nào trại huấn luyện, trại họp ban, họp vui, du ngoạn, văn nghệ, v.v... thấy mở đường ra trước mặt. Khởi đầu cho sự đoàn viên tuổi trẻ dưới ánh đạo vàng.

Màu áo lam của Huỳnh Trường, Đoàn Sinh đó đây tấp nập đi về chung một nẻo. Chung vui thân ái và sống trong lục hòa bằng tinh thần của người con Phật. Áp dụng châm ngôn BI, TRÍ, DUNG của tập thể để xử sự cho đời mình, hầu kế tiếp thế hệ ngày mai không quên tình quê hương, dân tộc và đạo pháp.

Khi con người gặp hoạn nạn khổ đau thường tìm người cứu cánh. Van vái ơn trên cứu độ dạng thoát nạn. Tôn giáo nào cũng có đức tin và có người cứu cánh để họ khẩn xin, nhưng chúng ta là người đạo Phật, do đó anh xin được nói với các em về đức Quán Thế Âm Bồ Tát cùng lịch sử của Ngài mà người đời thường

niệm để cầu xin và kính yêu quen gọi là Phật Bà.

ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

I. Ý nghĩa tên Ngài: Đức Quán Thế Âm là một vị Bồ Tát thường hay quán xét tiếng đau khổ chúng sanh để cứu giúp nên gọi Ngài là Quán Thế Âm; lại do Ngài thường quan sát nghe và giác ngộ tự tại cứu độ chúng sanh nên cũng gọi Ngài là Quán Tự Tại. Trong khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời, đức Quán Thế Âm thường trợ hóa cho đức Phật A-Di-Đà ở cõi Cực Lạc và thường đứng hầu bên tay trái của đức Phật A Di Đà.



II. Lịch sử: Kinh Bi-Hoa chép rằng: Về thời quá khứ Ngài Quán Thế Âm làm Thái Tử con vua Vô Tránh Niệm, đồng thời có đức Bảo Tạng Như Lai ra đời giáo hóa chúng sanh.

Vua nghe đức Phật thuyết pháp hiểu đặng Đạo lý, phát tâm Bồ đề quyết chí tu hành các hạnh Bồ Tát, mong sau thành Phật đặng cứu độ chúng sanh. Vua cúng dường đức Phật và Tăng chúng luôn trong 3 tháng. Thái Tử cũng cúng dường và cũng tu như vậy. Vua Vô Tránh Niệm tu hành tinh tấn, đến khi công hạnh vẹn toàn thì thành Phật ở cõi Cực Lạc phương tây hiệu là A-Di-Đà. Thái Tử cũng công hạnh trọn đủ, cũng sanh về cõi ấy thành Bồ Tát hiệu là Quán Thế Âm, đặng cùng với đức Phật A-Di-Đà tiếp dẫn chúng sanh về cõi Cực Lạc.

III. Hạnh nguyện của Ngài: Trong kinh Phổ Môn, đức Phật Thích Ca Mâu Ni có nói về hạnh nguyện của đức Quán Thế Âm Bồ Tát là cứu độ chúng sanh thoát khỏi 3 tánh tham, sân, si, nếu chúng sanh niệm đến danh hiệu Ngài. Đức Quán Thế Âm lại thường hiện thân vào tất cả từng lớp chúng sanh để cứu chúng sanh thoát khỏi các nạn tai ách. Hạnh nguyện của đức Quán Thế Âm là tượng trưng cho hạnh Từ Bi và tất cả chúng sanh thường niệm danh hiệu Ngài là Nam Mô Đại Tử Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát hay Nam Mô Đại Tử Bi Phú Linh Cầm Quán Thế Âm Bồ Tát.

IV. Lòng qui ngưỡng của Phật tử: Vì đức Quán Thế Âm có nhưn duyên, có cảm với

chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề này, nên Ngài rất được tôn thờ. Một khi có tai nạn nào xảy ra, mọi người liền niệm danh hiệu Ngài để nhờ Ngài cứu độ. Trong những thời kỳ binh đao tai nạn hay nguy hiểm ở biển cả, rừng sâu người ta thường hay ấn tượng tượng Ngài để thờ hoặc để đeo làm bùa hộ mệnh.

Người ta thường hay vẽ hoặc tạc tượng Ngài bằng hình dáng phụ nữ tượng trưng cho lòng thương không bờ bến của Ngài, bà mẹ hiền của chúng ta. Ngài cầm một nhánh Dương Liễu để tiếp dẫn chúng sanh và bình nước Cam Lộ để rưới tắt phiền não, đem lại nước trong mát cho mọi loài. Người ta cũng vẽ Ngài đi trên hoa sen giữa bể cả ba đào, tỏ rằng trong bể khổ sóng gió đức Quán Thế Âm bao giờ cũng gần gũi chúng sanh, cứu vớt chúng sanh bằng hoa sen từ bi ngát hương chơn lý. Có khi vẽ Ngài ngồi ở pháp tọa trong rừng trúc, hình dung Ngài ở núi Phổ Đà thường nhập định, đồng thời tùy duyên thuyết pháp độ chúng sanh; tuy tùy duyên ứng thân thuyết pháp mà vẫn không rời pháp tọa tự giác vậy.

Hình ảnh này và hình ảnh có Thiện Tài, Long Nữ đứng đầu là tượng trưng cho phạm hạnh đồng chơn của đức Quán Thế Âm, nghĩa là hạnh hoa sen trong sạch giữa bùn lầy ô trược, như tâm hồn tươi trẻ trước cảnh sắc mê hoặc.

Trong năm có 3 ngày vía lớn của Ngài là ngày 19 tháng Hai, 19 tháng Sáu và 19 tháng Chín.

Người Phật Tử chơn chánh niệm đức Quán Thế Âm là luôn thể theo hạnh Từ Bi của Ngài mà cứu độ cho tất cả chúng sanh thoát đau khổ, làm tất cả hạnh lành, đầu phải gặp những gian nan, đau khổ.

(Tham khảo theo Chương trình Phật Pháp/GĐPT)

• Thiện Căn Phạm Hồng Sáu



• CHUYỆN KỂ

OAN THỊ KÍNH

"Oan Thị Kính" được nhân gian nói đến như một nỗi oan khủng khiếp đè lên số phận người phụ nữ trong một xã hội phong kiến và không có tự do.

Chuyện kể bà Thị Kính, người nước Cao Ly (Triều Tiên) nguyên kiếp trước là đàn ông, tu hành sấp thành Phật, nhưng đức Thích Ca muốn thử lòng, bắt đầu thai xuống làm con gái trong một gia đình nghèo. Thị Kính sống trong cảnh lam lũ, lớn lên, nàng là một thiếu nữ xinh đẹp, nết na; gia đình gả nàng cho chàng thư sinh tên là Thiện Sĩ. Thị Kính rất yêu chồng, nàng chăm sóc chồng trong từng bữa ăn, giấc ngủ. Một đêm Thiện Sĩ mệt mỏi tựa bên trảng kỷ thiu thiu ngủ. Thị Kính nhìn chồng, nàng bỗng thấy ở cằm Thiện Sĩ có sợi râu mọc ngược. Sấn con dao, Thị Kính giơ tay định cắt. Thiện Sĩ giật mình tỉnh dậy, tưởng vợ giết mình, kêu la ầm ĩ. Cha mẹ chồng Thị Kính thấy thế đổ diết cho nàng tội định giết chồng rồi đuổi nàng về nhà mẹ đẻ.

Bị tiếng oan, Thị Kính buồn khổ, không giải bày được cùng ai, đành cắt tóc đi tu ở chùa Vân Tự. Thị Kính cam chịu, trốn cõi bụi trần gả trai nương nhờ của Phật với cái tên Kính Tâm, nhưng chướng nghiệp cũ bám theo nàng. Một nỗi oan khác lại đến. Trong làng có Thị Mầu, cô gái quê xinh đẹp, khao khát tình yêu. Thị Mầu thường ngày rằm, mồng một mang hương hoa đến chùa cúng Phật. Thấy Kính Tâm tuấn tú, xinh trai, Thị Mầu yêu say đắm. Nàng tìm cách quyến rũ Kính Tâm về với cõi đời:

*Thầy như táo rụng sân đình,
Em như gái rỏ đi rình của chùa.*

Tán tỉnh Thị Kính mãi không được, Thị Mầu dan díu với một anh lực điền và có thai. Làng bắt vạ, Thị Mầu đổ tội cho Kính Tâm. Thị Kính mắc oan lần thứ hai.

Thị Mầu sinh con trai, nàng đem con lên chùa Vân Tự trả cho Kính Tâm. Thường đứa trẻ vô tội, Kính Tâm đành nhận đứa bé về nuôi. Sư cụ chùa Vân Tự rất thương Kính Tâm nhưng sợ miệng thể mĩa mai, ô danh chốn thiền môn, nên Sư cũng bắt tiểu Kính Tâm phải chụm một cái lều cư ngụ ở phía ngoài cổng chùa. Ba năm nhịn nhục, ngày ngày đi xin sữa về nuôi đứa bé; một hôm Kính Tâm bỗng lâm bệnh nặng rồi chết. Nàng để lại bức thư tuyệt mệnh, thuật lại đầu đuôi nỗi mình nhặn nhục bấy chầy.

Bấy giờ sư sãi và dân làng mới biết Kính Tâm là con gái đã âm thầm nhặn nhục chịu hai lần oan trái. Để tỏ lòng hối hận, sư cụ chùa Vân Tự bèn cho lập một đàn chay cầu cho nàng được siêu sanh tịnh độ. Đức Phật xét Kính Tâm đã tu hành đắc đạo, siêu thăng Kính Tâm làm Phật Bà Quan Âm (Quan Âm Thị Kính).

Chuyện nàng Thị Kính mắc oan, một mặt oán trách người đời đã chà đạp lên sự thật, gây oan khổ cho con người và một mặt cũng cảm phục sự nhặn nhục chịu đựng của nàng để thể hiện lòng từ trong đó.

(Phỏng theo điển tịch văn học)

"ĐẠI HỌC OANH VŨ"

(TƯỜNG THUẬT KHÓA TU HỌC
KỲ 8 TẠI HÒA LAN)

TRẦN THỊ NHẬT HƯNG

Khi xe chúng tôi đến nơi, đồng hồ chỉ đúng 12 giờ khuya. Phòng ốc dành cho 300 giường đã không còn chỗ trống. Ban Tổ Chức dành phòng họp, phòng học - một cho phái nữ, một cho phái nam - với các tấm nệm lót dưới đất cho chúng tôi ngủ tạm. Giải quyết một lúc cho phái đoàn Thụy Sĩ 30 người - chưa kể các nước khác - đầu phải để. Và lại đi chùa thì phải chấp nhận "ăn chay nằm đất". Nằm "đất" còn phải chịu, lựa là nằm "nệm", nên chúng tôi vui vẻ nhận lời, không than van gì cả. Mà than van nỗi gì được khi đã hiểu giáo lý (dù chút chút) của đạo Phật. Mọi sự phải do "duyên" mà có. Và "duyên" này khởi từ "nhân" chiều nay.

Thật sự xe chúng tôi đến Hòa Lan lúc 6 giờ chiều. Thay vì quẹo vào hội trường gần thành phố Hortegenbosch nơi khóa tu học, chúng tôi chạy thẳng viếng hải cảng của thành phố Rotterdam. Hải cảng không có gì đáng kể. Nói nào cũng sông, nước, tàu, bè, đất, đá, gió, mây v.v..., nhưng con đường tiến vào hải cảng mới là điều đáng ghi nhớ. Xe chậm chậm lăn bánh trên bờ đê. Bờ đê rất đẹp, chỉ vừa đủ cho hai xe ngược chiều lách nhẹ và rất cẩn thận đi qua. Không cần cảnh sát dựng bảng cảnh cáo: Chỉ được phép chạy tối đa 60 cây số giờ, chà ai dám chạy nhanh nếu còn yêu đời muốn sống. Bờ đê không có rào chắn, chỉ một chút bất cẩn, lệch tay lái, xe có thể lao xuống hai con lạch dọc hai bên đường. Và đi trên con đê này, du khách không thể chạy nhanh bởi không nở thở ở trước vẻ đẹp xinh xắn, thơ mộng và vô cùng quyến rũ của cảnh sắc và nhất là những căn nhà nằm bên kia hai bờ lạch. Nhà chỉ trệt thôi. Lối kiến trúc như trăm ngàn những căn nhà đủ hình dạng kiểu villa cũng có và nhà thường cũng có, nhưng đặc biệt ở đây tất cả đều nhỏ. Có căn nhỏ đến độ diện tích chỉ chừng cho một chiếc xe hơi nhưng chắc chắn không phải ga-ra (garage) vì cửa sổ có rèm, cửa vào nhà chỉ vừa đủ một người đi qua. Tôi cứ thắc mắc mãi nhà như thế cho ai ở và ở như thế nào? Không lẽ đây là thế giới của Bạch Tuyết và Bảy chú Lùn? Tuy

vậy, nếu tôi mơ ước, tôi sẽ mơ ước một trong những căn nhà nhỏ ở đây - những không phải cái ga-ra vừa kể đâu nhé - với khóm hoa nho nhỏ, một vài cây ăn trái nho nhỏ tọa lạc trên một khoảnh sân cỏ xanh tươi cũng nho nhỏ - chỉ nhỏ thôi để quét dọn - dành thì giờ đó chiều chiều ra bờ lạch trước nhà dựa gốc cây vừa câu cá vừa đọc sách, hít thở không khí trong lành, thưởng thức nếp sống êm đềm nửa quê, nửa tỉnh có phải thú vị không? Tuyệt! ... Trời, đi chùa mà đầu óc tôi đầy sát khí. Không! Ồi, vô cùng tội lỗi, tội lỗi!

Bây giờ thì tôi nằm đây, trên tấm nệm đặt dưới đất với đầy tiếng ồn của người cùng phòng: Tiếng người lớn nói chuyện và tiếng con nít khóc. Chà có con cá nào, cũng chẳng nhà nhỏ nào. Hậu quả của việc đi tối trẻ. Rõ là "nhân nào quả nấy". Nếu không, giờ này tôi đã thung dung trên chiếc giường nệm êm ái trong một căn phòng xanh tươi vừa ấm cúng vừa tiện nghi như người đến trước. Nhưng mà, thôi thì, mình đi chùa tu học chủ có phải đi nghĩ mát đầu mà so bì hơn thiệt. Tôi tự an ủi tôi như thế. Rồi tôi thăng, ngáy khò... khò...

Sáng hôm sau Ban Tổ Chức sắp xếp lại cho chúng tôi căn phòng tập thể ở lầu hai khá rộng, xanh tươi hơn. An vị xong đầu vào đó tôi lững thững xuống phòng ăn dùng sáng. Trời! Người ở đầu mà quá đông, không còn một ghế trống! Các anh em Gia Đình Phật Tử dành nhường chỗ cho các học viên (đa số lớn tuổi) và các em nhỏ Oanh Vũ của GĐPT. Năm nay số người tham dự tăng vọt. Ban Tổ Chức không ngờ trước sự tăng quá



"đột xuất" này. Năm ngoài mới 300, nay con số đã lên tới 450. Biết làm sao đây? Không sao. Thầy Minh Tâm đã giải quyết một cách mau lẹ: anh em GĐPT phải đi chỗ khác chơi! Không, xin lỗi, từ nay ra ngoài sân cỏ... xối! Thế là, vô tình chung, chúng tôi có những cuộc Picnic thú vị dưới nắng đẹp với những tầng cây êm ả. Những ngày mùa anh em lũ lượt kéo vào nhà, đứng dọc hành lang của ba tầng lầu, Đội nào theo Đội nấy dùng bữa trong tôn ti trật tự. Các em Oanh Vũ đặc biệt có phòng riêng tránh những hôm trời, gió, lạnh...

Trở lại chỗ điểm tâm đầu tiên, tôi đang đứng xỏ rỏ tìm một chỗ đứng thích hợp, gặp anh Lộc, người tôi quen trong khóa tu học trước. Thấy tôi, anh tươi cười:

- Chào chị, chị khỏe không?

- Gặp nhau đây tất nhiên phải khỏe rồi.

Cám ơn anh.

- Năm nay anh em có giờ phát thanh cho Tiếng nói Gia Đình Phật Tử mời chị tham gia nhé.

Tôi hỏi:

- Làm gì trong... dài hồ anh?

- Chị sẵn tin, viết bài rồi đọc.

- Sẵn tin... viết được không anh?

Anh cười:

- Chưa đâu có viết! Minh ăn chay mà!

Tôi cũng cười:

- Anh đã nói, tôi không từ chối. Nhưng tôi còn phải xem, có hợp khả năng không.

Vừa lúc đó anh Mai đi trở tới. Anh Mai là "xếp" của GĐPT. Gặp xếp, ai nấy nghiêm chỉnh chào:

- Chào anh Mai. Anh khỏe chứ ạ?

- Cám ơn, cũng thường. Anh em cũng vậy chứ? Rồi anh nhìn sang tôi:

- Mời chị vào Ban Báo Chí viết cho bài phóng sự về sinh hoạt của anh em GĐPT nhé.

Tôi chưa kịp trả lời, có tiếng cất lên từ sau lưng, giọng nói quen thuộc của anh Hồng, người đồng quê ở Việt Nam và đồng nước tại Thụy Sĩ với tôi:

- Chị Tân thì phải lo cho Oanh Vũ thôi, để chị tập múa, hát cho các em.

Tôi quay lại nhìn anh Hồng:

- Tố nhau làm chi... dzậy hở bà con?!

Ra bộ làm reo vậy, cuối cùng tôi chọn Oanh Vũ là nơi tôi sinh hoạt, không hẳn vì múa hát. Văn nghệ theo tôi, chỉ là phương tiện hoặc như bông hoa tô điểm vào đời sống. Chính phương cách hướng dẫn như thế nào để thu hút và khiến các em chịu ghép mình vào khuôn khổ, vào kỷ luật mới là điều tôi cần học hỏi. Phát thanh, trước mắt chưa có... viết để sẵn. Báo chí chưa có tin để viết. Con tầm cần ăn đầu mới nhà tớ được chủ. Chỉ tiếc là, qua sinh hoạt bên GĐPT tôi bị mất ba buổi giáo lý dành cho học viên (GĐPT chỉ học giáo lý một buổi trong ngày). Đứng trước sự lựa chọn, tôi lại đắn đo suy nghĩ rồi tự an ủi chính mình: Học lý thuyết cũng tốt nhưng nếu tôi không đem ra áp dụng ít nhất mang lợi ích cho mình chưa nói đến cho người thì có khác nào sắm bình hoa thật đẹp, thật nhiều đem về nhà chúng trong hầm tối! Nghĩ vậy, tôi không tiếc nuôi nên vui vẻ học "thực hành" với Oanh Vũ.

Ngày tôi trình diện các em, bài học "thực hành" đầu tiên thật vô cùng đích đáng. Mặc dù tôi cố nói, cười, các em vẫn ngó ngác nhìn tôi như nhìn bà mẹ... ghê! Khi tôi kể chuyện, chúng về oai gập dài. Tôi "hát", chúng lí nhí... "đọc" theo. Nghĩ có nản không chứ? Những rồi cuối cùng, chuyện đầu cũng vào đấy. Chỉ ngày hôm sau, các em đã thân thiện như anh em một nhà.

Nhân đây, tôi cũng xin giới thiệu sơ lược về... "Đại Học Oanh Vũ", danh xưng ngộ nghĩnh do Thầy Minh Tâm, người sáng lập đặt ra. Trường có 7 "Giáo sư", trong đó có tôi (oai chưa?!), và 32 "sinh viên" tuổi từ 5 đến 14. Trường thành lập từ năm ngoài nhưng chính thức "treo bảng hiệu" và có cơ cấu tổ

chức rõ ràng, bề thế kể từ khóa học lần này, tức kỳ 8 tại Hòa Lan. Số sinh viên chia ra làm 4 Đàn: Đàn Sen Nâu, Vàng, Xanh và Trắng với các tiếng reo của từng Đàn: vui, tười, tiến và khỏe. Ngoài Giám đốc: anh Thuận; Viện trưởng: anh Con - "Con" là tên cuối cùng được lựa chọn sau các tên Michel Jackson, Ông Nội, Thành Cu v.v... do các em đặt cho anh Thành để tránh sự trùng hợp với Thành giáo sư - còn có sự trợ lực tích cực từ vật chất lẫn tinh thần: Thủ nhất Giáo Hội qua quý Thầy đến các anh chị Huỳnh Trường thuộc Ban Hướng Dẫn GDPT Trung Ương Âu Châu và đặc biệt nữa quý Cô, Bác học viên phụ huynh các em.

Người đời vẫn nói "Thờ Phật trong chùa được ăn oản": Qua đó, trông các em, chúng tôi - "giáo sư" - cũng được "ké" phần. Cái gì các em cũng được ưu tiên: Quà cáp, ăn uống, du ngoạn v.v... Có đủ luận cho rằng khóa tu học kỳ 8 đông người quá, Ban Trai Soạn không dự liệu được phần ăn nên bụng ai nấy lúng lúng. Vậy mà Oanh Vũ có hay biết gì đâu. Ăn uống phứa phứa đến căng bụng luôn. Tội nghiệp anh Con quý trọng của ngọc thực không nỡ phí phạm, anh thanh toán tất cả phần dư thừa nguội lạnh tử địa các em. Tôi nhìn anh ăn thâm tâm vô cùng cảm kích. Nếu anh không có tâm Bồ Tát, chan chứa tình thương khó mà nuốt được phần thức ăn vừa nguội lạnh đó. Các bà mẹ đã từng ăn lại phần cơm thừa của con mình, "ngon" thế nào, hẳn quý vị biết rõ nhất.

Chương trình học, ngoài các buổi điểm tâm, cơm trưa và tối - Ăn tập thể do chính các "giáo sư" chăm sóc hướng dẫn trong kỷ luật, trong "chánh niệm": Trước và sau khi ăn các em phải niệm kinh, 5 phút yên lặng để tưởng nhớ công ơn khó nhọc của người nông dân làm ra gạo, cùng kẻ nấu, người bưng v.v... - Buổi sáng các em học giáo lý do quý Thầy đảm trách. Sau đó là giờ sinh hoạt thanh niên: Trò chơi, du ngoạn, thủ công, vẽ, văn nghệ, đồ vui để học:

Em đi chùa có mục đích gì?
- Để cầu Phật xin mọc răng dài ra. Một em sáu tuổi, sún răng trả lời.
Hãy tả một vài vị Phật mà em biết?
- Ông Phật mập, bụng bự, hay cười.
Có râu dài không?
- Có!
Ăn chay nấu với thịt gì?
- Thịt bò
Ni Cồ một năm đi uốn tóc mấy lần?
- Hai lần!
v.v. ...

Những câu trả lời ngây ngô khiến chúng tôi muốn bò lăn.

Những tiết mục sôi nổi nhất chính là mục thi đua đá banh giữa tuần, thủ tu: Oanh Vũ đấu với hai đội thanh và thiếu nữ. Với số lượng Oanh Vũ đông đảo, chúng tôi chia làm hai nhóm: Từ 6 đến 9 tuổi đấu với mấy chị Thanh trên 18 tuổi (biết chắc là thua, nhưng cũng không sao). Bù lại, quân thiện chiến (Oanh Vũ cò: 10 đến 14 tuổi - Có vài em trai khỏe như voi) chắc chắn sẽ thắng mấy chị ngành Thiếu từ 14 tuổi trở lên. Nhưng mà, Oanh Vũ tính vẫn không bằng mấy chị tính: "Thua thì que, mà thắng chả lấy gì hãnh diện" nên mấy chị chẳng nhận lời. Hay thực sự mấy chị "ngán" Oanh Vũ?!

Cuối cùng, Oanh Vũ quay về với Oanh Vũ.

Chúng tôi phải lại chia nhóm. "Thần lần, các ké" 6, 7 tuổi tay yếu chân mềm dòn hết vào đội "giáo sư". Phần còn lại giao cho các em định đoạt. Cuộc đấu bóng đá bắt đầu.

Tôi xưa nay không thích thể thao, càng không ưa bóng đá. Có mỗi trái banh xúm nhau giành giật chỉ cho một, đôi khi còn "sút càng gãy gọng" nữa. Thích banh, đến tôi, tôi phát mỗi người một trái rồi vui vẻ ra về, có khỏe hơn không?!

Tôi không hiểu luật chơi banh, nên tôi xin được thủ... thủ thành hay thủ kho gì mà đứng trước cửa lưới đó - Tôi chỉ hiểu là mở một cách đơn giản: chặn banh không cho vào lưới, tức là thắng. Tôi cũng nghe phong thanh, có chàng chặn banh trúng ngực bẽ tím mà chết. Điều này đối với tôi không sao. Tim tôi đã chai cứng từ lâu rồi. Một trái banh nhằm nhò gì làm... nát tim tôi được?! Nhưng rồi nhiệm vụ tôi muốn chọn đã bị một tiểu thò 6 tuổi giành mất. "Chị Tân, em muốn đứng đây giữ banh". Thế là tôi phải nhường. Bất đắc dĩ tôi trở thành cầu thủ chạy, đá lẳng xăng tấn công vào phe địch tởi tấp. Trái banh lăn tởi, chạy lui. Tôi đuổi theo muốn đứt hơi vậy mà cuối cùng banh lọt vào lưới tôi hai quả. Tôi nhìn lại đằng sau giật mình vỡ lẽ. Hỡi ôi, tiểu thò giữ thành của tôi đang đứng dựa cột ngắm trời! Mắt nàng dang bắt đầu nhòe nhoẹt, miệng méu máo: "Này giờ em không được đá gì cả!" Lối nói của nàng như một mệnh lệnh. Cuộc đấu tạm ngưng để anh Con đích thân ôm trái banh đặt dưới chân nàng mỗi nàng hất một cái. Trời! nụ cười của nàng nở ra rạng rỡ, tôi hình dung giống hết nụ cười Bao Tử thời U Vương!

Khi biết được lý do bị thua, tôi âm thầm rút về thế thủ, chặn banh trước khi banh vào lưới - (Tôi đã đỡ nhiều trái banh tấn công ác liệt à nha!) - Nhờ vậy, sau vài hiệp, hai phe huề nhau.

Để kết thúc cuộc bóng đá, hai bên bắt đầu vô "Bê-nan-ti", mọi người đề nghị mỗi bên chọn 5 đối thủ tưởng chừng: Hề công tử thủ thành thi tiểu thò đá và ngược lại. Còn kỳ phùng địch thủ, thiếu niên thiện chiến thì đấu với tướng... già! "Lão tướng" anh Con nhà ta coi vậy cũng hùng dũng nhanh nhẹn lắm. "Lão" như con cạp dữ lắm le đón con mồi. Chỉ một cái lách mình, lão đưa... bàn tọa ra đỡ, trái banh đã văng thật xa. Phe ta hừng chí cười và vỗ tay đồm độp. Cuộc đấu lại huề nhau. Tôi đề nghị với Minh (đồng nghiệp):

- Minh ra đỡ banh đi, đấu với tiểu thò Ngọc Anh (6 tuổi). Nhờ già thua cho cô nàng thích chí.

Minh cười biểu đồng tình, rồi anh hăm hồ đón banh. Trái banh vừa tởi chân, anh lăn đùng như... ngã xiêu.

- Già đó! Cô bé nguyệt dài, lẳng lẳng bỏ đi. Ban giáo sư chúng tôi đưa mắt nhìn theo tầm tìm cười ý nhị.

Cuộc đấu kết thúc với tỷ số 8/7.

Cuộc vui nào rồi cũng tàn. Buổi họp mặt nào rồi cũng đến hồi chấm dứt. Đêm cuối cùng trước khi chia tay khó ai ngủ ngay được. Tôi cũng vậy. Giấc ngủ khó đến. Nằm

trần trờ, tôi nghĩ nhiều về những ngày qua, ngày nay. Tất cả rồi sẽ đi vào kỷ niệm. Những kỷ niệm vụn vặt, tàn mác dù chỉ xuất phát từ một cử chỉ, một ánh mắt, một nụ cười cũng làm tôi khó quên, đôi khi còn theo suốt cuộc đời. Bây giờ tôi nằm đây, tôi nhớ rõ mồn một nét mặt phụng phịu vùng vằng của một em Oanh Vũ không chịu theo chị về thu dọn hành lý. "Lúc đi năn nỉ muốn chết. Sao bây giờ không chịu về?!" Đó là lời người chị tâm sự cùng chúng tôi. Tại sao vậy? Phải chăng đã có một tình cảm thân thương gắn bó, nhen nhúm này nở ở lòng em khiến em quyến luyến không rời?!

Rồi nụ cười hóm hỉnh của Minh - cô bạn tôi quen từ khóa trước - nhìn tôi khi thấy tôi bước vào phòng thi (cuối khóa thường có cuộc thi trắc nghiệm giáo lý dành cho học viên).

- Không học mà thi thế mời tài! Minh nói với tôi như châm biếm.

Tôi cười:

- Tài... thầy bó!

Thật ra tôi vào thi, mục đích nhận được bài. Đọc những câu hỏi may ra mình cũng có khái niệm chút chút về giáo lý của Đức Phật rồi thử trắc nghiệm khả năng... thầy bó của tôi giỏi cỡ nào. Nếu "đoán mò mà mò trúng" trên 2/3 câu hỏi của bài thi, nhất định khóa tu học tôi tôi sẽ lập bàn coi chỉ tay và tử số. Tiếc rằng Trời đã phụ lòng (gian dối) của tôi, bài thi của tôi chỉ được nửa số điểm.

Có tiếng còi của trẻ mình của cô bạn nệm bên cạnh. Chắc cô cũng không ngủ được. Cô nghĩ gì, tôi không rõ. Còn tôi, hình ảnh Rồng Bay trong đêm lửa trại mới đây lại lờn vờn trong trí.

Rồng gọi cho tôi nhớ đến nhân vật Cao Biền, một danh tướng Trung Hoa, nhà chính trị lão luyện kiêm địa chất lừng anh. Ông chuyên xách giỏm yếm long mạch để ém chí quật cường của nhân dân nơi đó. Ông đã thất bại nặng nề trước con rồng linh khôn nước Việt ẩn mình né tránh tại Vịnh Hạ Long (một thắng cảnh nổi tiếng của nước ta) để đợi một ngày thuận lợi, đẹp trời, rồng tung bay về thành Đại La, nơi vua Lý Thái Tổ từ Hoa Lư dời đến. Từ đó thành Đại La được đổi tên thành Thăng Long tức Hà Nội ngày nay.

Theo đà Nam tiến, rồng theo chân dân tộc Việt bay về phương Nam, ghé Hàm Rồng ở Thanh Hóa, ghé Long Đầu Hí Thủy tại Quảng Ngãi rồi tiến về đồng bằng bát ngát tại sông Cửu Long.

Ngày hôm nay, rồng Việt Nam lại có cơ hội "xuất ngoại" bay đến trời Âu qua đại vũ khúc "Thiên Tinh Sử Con Rồng Cháu Tiên" do anh em GDPT Berlin đảm trách như nhắc nhở chúng ta hun đúc tinh thần bất khuất của giống Tiên Rồng: Rồng thể hiện sự hùng tráng của dáng mày râu và Tiên biểu tượng nét dịu dàng tha thướt trong trắng của phụ nữ Việt.

Vũ khúc thật công phu. Chưa biểu diễn, mới nghe qua lời giới thiệu bằng giọng Bắc trầm ấm. lúc êm ái nhẹ nhàng, lúc hùng hồn danh thép của bác Gia trưởng GDPT, lòng tôi đã rộn lên như có tiếng réo gọi thiết tha của hồn thiêng sông núi nửa nhân nhũ, nửa thúc giục con dân Việt dù ở bất cứ nơi nào trên xứ người, đứng bao giờ quên quê hương, quên nơi giống mà hãy tự hào mình là giống Rồng Tiên.

Màn vũ bắt đầu, đưa mọi người về thời đại xa xưa, nói tổ tiên cha ông đã có công dựng và giữ nước.

Chỉ với sáu đôi sen gắn trên đầu gậy, một cách tài tình rất nghệ thuật, sáu vũ viên trong y trang "quân sĩ" cổ truyền, nối kết lại thành một con rồng thật lớn. Rồng uốn mình theo tiếng nhạc trầm lắng khoan thai với cả tiếng róc rách của nước chảy cho ta cảm tưởng rồng đang lướt trên biển Đông. Rồi bất ngờ tung mình phun lửa bay lên trời xanh. Bên cạnh đó, sáu nàng Tiên xinh đẹp, dịu dàng, thật lộng lẫy cùng y trang cổ truyền (tử thân) uyển chuyển lượn lờ với những cánh quạt, những giải lụa thướt tha. Giữa không gian, Rồng cuộn vào Tiên, Tiên nép bóng Rồng thật quả là "anh hùng trí ngộ thuyền duyên".

Màn vũ kết thúc với đồ hình cong chữ S, hình dạng bản đồ Việt Nam, tôi ngẩn ngơ luyến tiếc. Màn vũ dứt rồi, tôi như còn thoảng nghe âm thanh tuyệt vời của từng khúc nhạc công phu chọn lọc ghép thành những tiết điệu trầm bổng. Màu sắc trong màn vũ vàng ánh, đen, hồng, đỏ, xanh... của y trang rồng, quạt, lụa tụy tưởng phần nhúng nhìn một cách tổng quát lại rất hài hòa thành một bức tranh rực rỡ.

Một điều làm tôi hết sức ngạc nhiên, "vũ sư" của "Thiên Tinh Sư Con Rồng Cháu Tiên" chỉ là một thanh niên 24, 25 tuổi cùng em gái khoảng 22 với sự trợ giúp đặc lực của anh em GĐPT.

Chương trình văn nghệ đêm lửa trại, bên cạnh nhiều tiết mục hát, kịch, đa số là vũ nói lên được tinh thần hăng say sôi sảng của mọi người, còn có một màn rất dễ thương của những con chim non Oanh Vũ, chân chưa cứng, cánh chưa mềm thậm chí mắt vẫn còn nhắm mở vậy mà cũng cố ngo nguậy cất tiếng líu lo đóng góp với đời qua vũ khúc "Tiếng Hát Muồng Luông". Các em thật xinh xắn trong những bộ xà-rong, dáng vẻ của những cô sơn nữ tí hon ngây ngô, hồn nhiên vữa múa vữa... gái thoai mái! Ôi, dễ thương vô cùng. Hình ảnh đó, giờ đây, theo tôi vào giấc ngủ. Có lẽ cũng khuya lắm rồi. Để chừng đã 1 giờ đêm. Tôi không rõ. Tôi khép mắt lại cố ru hồn vào những giấc mộng lành. Bỗng nhiên phòng bên cạnh, tôi chợt nghe có tiếng lạo xạo, rồi giọng nói quen thuộc của một người. Giọng anh Đống! (anh Đống tôi quen từ 2 khóa Lộc Uyển tổ chức tại Thụy Sĩ và Bỉ trước 2 khóa tu học):

- Đêm nay trước khi chia tay, anh chị muốn có một buổi họp mặt cuối cùng để các em có thể thổ lộ tâm tình về những suy nghĩ, nhận xét của các em trong khóa tu học này.

Lời nói động tính hiếu kỳ. Cho dù tôi không muốn nghe, những âm thanh bên kia phòng vẫn "xâm phạm" tai tôi để dàng qua tấm vách ván với nhiều khe hở. Một cuộc thảo luận. Hấp dẫn ấy chứ. Tôi tỉnh ngủ, lắng tai nghe tiếp:

- Thưa anh, theo nhận xét của em, khóa tu học đem lại cho em nhiều niềm vui, bổ ích. Tuy nhiên, có một vấn đề kỷ luật em cảm thấy có hơi khắt khe. Ở thời đại văn minh ngày nay đâu còn cảnh "nam nữ thọ thọ bất thân" vậy mà trong sinh hoạt còn phân biệt nam nữ phải sinh hoạt riêng, thậm chí nói chuyện với nhau khuya một chút cũng bị cấm.

Một vài tiếng cười lè tè sau câu nói của cô gái. Tôi ngạc nhiên. Không sinh hoạt bên ngoài Thanh, tôi không ngờ các anh "khó" với các em dù vậy sao?! "Kiện" là phải rồi!

- Các em nên hiểu, đây là khóa tu học. Đã gọi "tu" ít nhiều phải có sự gò bó, kỷ luật. Hơn nữa nơi đây còn rất nhiều qui củ, bác tham dự. Họ nhìn vào sẽ đánh giá đúng đắn về tổ chức của chúng ta. Giọng anh Lộc giải thích. Sau đó, tôi nghe giọng của một thanh nam:

- Thưa anh, theo em, không hẳn củ tách nam nữ rời ra mới gọi là đúng đắn. Người ta có thể sinh hoạt chung mà vẫn đứng đắn như thường.

- Em nói có lý. Nhưng cũng có nhiều trường hợp đáng tiếc xảy ra. Vì vậy các anh cần e dè, cẩn trọng.

- Anh nghĩ, chuyện đáng tiếc nào ngoài vấn đề trai gái quen nhau rồi yêu nhau. Một thanh nam Phật tử yêu một thanh nữ Phật tử rồi lấy nhau là điều đáng mừng, đáng khuyến khích còn hơn để lấy người khác đạo rồi họ bất minh theo đạo của họ và bỏ đạo của mình đi.

Câu nói khiến tôi giật mình. À thì ra, các chuyện dựa vào hôn nhân rồi "bất" người theo đạo này bỏ đạo họ ai cũng biết mà nạn nhân thường về phía Phật Giáo. Bấy lâu, có cô hội đi nhiều nơi: Bỉ, Hoa Kỳ, Đan Mạch, Na Uy v.v... tôi chứng kiến rất nhiều những chuyện đáng tiếc gia đình xào xáo, cha mẹ muốn tử con, cháu phải rời xa cô chú, anh em hiềm hê nhau và thậm chí đôi trẻ yêu nhau tha thiết đành ngậm ngùi chia tay vì bất đồng tôn giáo, vì không chấp nhận sự vô lý, sự ép buộc mà tôn giáo áp đặt trên bản thân, trên gia đình họ. "Phải theo đạo của tôi thì tôi mới gả con gái" hoặc "Em theo đạo của anh rồi mới làm lễ cưới, vì đó là luật". Nếu tôn giáo nào cũng dựa ra luật như vậy, thử hỏi nhân loại sẽ sống trong hòa bình không?! Những điều vô lý như thế hoàn toàn đi trái tinh thần tôn giáo. Vì mục đích của tôn giáo đúng ra là nên ở vai trò hướng dẫn tinh thần, phục vụ con người mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại hơn là bằng cách này cách khác thậm chí có những trường hợp đã dùng đến cả bạo lực để bành trướng làm mọi người trở thành tín đồ của tôn giáo mình. Kinh nghiệm đau thương trong lịch sử về những cuộc thánh chiến chưa đủ cho chúng ta tỉnh ngộ hay sao?! Đã đến lúc sự dị biệt tôn giáo cần có sự tương kính lẫn nhau, phát huy những điểm tương đồng và tôn trọng những điều khác biệt hơn là lẫn lộn nhau vì điều đó sẽ đưa đến sự tị hiềm, đổ kỵ, chia rẽ trong khi dân tộc ta đang cần sự đoàn kết để đấu tranh cho tự do, dân chủ, nhân quyền tại Việt Nam và điều đó hoàn toàn không phù hợp với tinh thần dân chủ của thời đại văn minh ngày nay và những điều vô lý bất công đó trước sau trên thực tế không tránh khỏi luật nhân quả.

Còn những trường hợp có khả năng hướng dẫn được người chưa có niềm tin hoặc mất niềm tin chấp nhận một tôn giáo một lý tưởng để tự họ tìm cách cải thiện bản thân là điều đáng khích lệ. Tuy nhiên, chưa hẳn kẻ vô thần sống vô tư hồn nhiên không hiểu gì về tôn giáo hoặc ngay cả những người cho tôn giáo là một điều sai lầm, lánh xa tôn giáo

chưa chắc là họ không tìm thấy hạnh phúc, an lạc từ quan điểm của riêng họ.

Nếu bảo rằng hôn nhân đồng giáo tốt hơn thì tại sao không đạo này mà có phải đạo nọ?! Thôi thì, để tránh những điều đáng tiếc kể trên tốt nhất trai gái yêu nhau nên tìm hiểu, kết hôn người cùng đạo. Còn nếu trường hợp đôi trẻ lỡ "sa" vào hôn nhân dị giáo sao không tìm cách sống hài hòa trong tinh thần tôn giáo, tôn trọng niềm tin của nhau. Vợ chồng đạo ai nấy giữ. Con cái sinh ra theo đạo của người cha, rồi khi đợi đứa trẻ trưởng thành, 18 tuổi, tự do lựa chọn niềm tin cho chính mình. Như thế không phù hợp với tinh thần dân chủ của thời đại văn minh ngày nay sao???

- Thưa anh chị, riêng em, củ tạo điều kiện để Phật tử kết hôn với Phật tử, như vậy mình có thêm Oanh Vũ.

Câu nói đùa của anh bạn nào đó phòng bên cạnh lại vang lên nghe thật chí lý. Vâng, đúng rồi. Oanh Vũ ở đâu ra nếu không nhờ anh chị Phật tử "sản xuất"? Đại Học Oanh Vũ đã khai trường. Nhóm "giáo sư" chúng tôi sẵn sàng đón sinh viên mới. Tôi muốn vỗ tay hoan nghênh ý kiến anh bạn, nhưng nghĩ khuya rồi lại sợ phiền các bạn bên cạnh. Tôi chỉ mỉm cười rồi lắng tai nghe tiếp.

Cuộc thảo luận vẫn tiếp tục bàn cãi càng lúc càng sôi nổi. Những tựu trung không ngoài mục đích các em thanh nam, thanh nữ "đấu tranh" cho được... *sinh hoạt chung*. Nghĩ cho cùng, các anh chị Huỳnh Trường Trung Ưởng sao cũng khó quá. Thôi thì, qua bài này, người viết xin yêu cầu các anh chị hãy thông cảm tuổi trẻ, xét lại cho các em nhỏ. Hoan hô anh chị!!!

Một cuộc du ngoạn bằng thuyền thật thú vị dọc dòng sông Amstel quanh thủ đô Amsterdam, Hòa Lan, do Ban Tổ Chức đài thọ sau cuối mỗi khóa học để lại trong tôi nhiều ấn tượng, trong đó nổi bật nhất căn nhà bề ngang một mét một (1m1), chiều sâu hơn 10 mét (do người hướng dẫn cho biết). Hòa Lan có những căn nhà ngồ ngộ. Không nhỏ tí teo như dành cho búp-bê như tôi đã tả trước đó, thì cũng "bất bình thường" 1m1 chắc cho người "mát, mát" ở. Vị Kiến trúc sư này khi sáng tạo căn nhà đó nếu không bị vợ vữa "la" thì chắc cũng đang cơn "nóng lạnh" vì lý do nào đó. Tôi rất muốn tò mò bước vào trong nhà quan sát nhưng mà phải đợi... kiếp sau tôi làm thám tử đã, tôi mới có quyền đó.

Và bên cạnh những chiếc tàu cũ từ thời đệ nhất thế chiến dọc mé sông làm nhà cho thuê, sừng sững một Building của hãng xăng Shell mặt tiền đúc bằng vàng lấp lánh phản chiếu xuống mặt sông thành một khối kim loại khổng lồ.

Sau Amsterdam, trước khi tạm sự chia tay, đoàn du ngoạn ghé thăm cảng Volendam, cửa Hòa Lan rồi ai nấy ra về.

Trời chiều dần, những đoàn xe rẽ đi từ phía. Tôi không còn bị rịn như hồi năm rồi. Thời gian vẫn trôi, trái đất vẫn quay. Muốn gặp lại, chỉ một năm sau, chúng ta lại có cơ hội tưởng phùng.



vườn thơ viên giác

■ phù vân phụ trách

tưởng đã xa vời cõi nhân gian

Tôi bận rộn, bỏ vườn, dời về một tỉnh ly- túi trống, lòng rỗng. Con đường dẫn về nơi tá túc được phủ dưới tầng cây bóng mát. Trước đây không lâu còn trở trụ những cành ngọn xướng xầu thâm thương của cuối mùa đông; nay đã phủ, thật nhanh, màu xanh của lá. Những mảng tuyết trắng bên đường bây giờ là những ruộng cải rực vàng trong nắng.

Thời gian chóng qua. Tạo vật biến chuyển. Lòng người đổi thay. Tôi mang nỗi buồn đi tìm niềm vui hay để đi nuôi thêm nỗi buồn? Tôi đeo đẳng nỗi xót xa đi tìm chút dịu ngọt hay đi chôn vùi niềm đau để thấy lòng càng đau xót hơn.

Xin cảm ơn những bè bạn đã trách cứ tôi ra đi không một lời từ biệt! Còn trách tức là còn nhớ! Mà tôi có ra đi đâu! Tôi cũng muốn tìm chốn an thân, hát khúc tiêu dao; nhưng tôi nào có thể xa rời cuộc lũ, thoát cõi nhân gian. Tôi còn những ràng buộc trong cuộc đời này.

Xin cảm ơn những thân hữu, độc giả đã quan tâm đến tôi, đến khu vườn mà tôi phụ trách.

*

Tôi bỏ vườn hai mùa. Nhỏ lắm. Mùa đông đã qua, nhưng những cơn gió lạnh vẫn còn gợn vào lòng phong sương nổi ray rứt khôn nguôi của người lữ thú. Mùa xuân lại đến, những lớp

băng mỏng buổi sớm không làm mất màu xanh tươi mát của cỏ non, của những nụ mầm mới nở.

Tôi bỏ vườn hai mùa. Thơ rơi. Hoa rụng. Nhà thơ Trần Dần, sinh năm 1924 tại Nam Định, đã bỏ cuộc đời đen bạc để về cõi hư vô ngày 17.1.1997 tại Hà Đông. Trần Dần là người đã từng tham gia vào phong trào "Nhân Văn Giai Phẩm", chống lại chế độ độc tài của cộng sản vào năm 1956 tại miền Bắc, cùng với một số văn nghệ sĩ khác như Phan Khôi, Phùng Quán, Hữu Loan, Hoàng Cầm, Văn Cao. Cho đến hôm nay, hai câu thơ của Trần Dần vẫn còn là một khẳng định:

*" Tôi bước đi không thấy phố, không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ "*

Đó là hai câu thơ " *cực kỳ phản động* " trong bài thơ " *Nhất Định Thẳng* " của ông đăng trong " *Giai Phẩm Mùa Xuân* " vào tháng 3.1956.

Mưa sa. Lệ đổ. Bên này trời Âu vẫn có người cảm thương khóc cho Trần Dần:

*...
Trái tim tôi quặn đau nhức nhối
Như vừa mất đi một người bạn lớn,
Cả nước mất đi,
Một nhà thơ vĩ đại!
" Mưa tử trong nước,
Mưa ra hải ngoại..."*

*Chúng tôi khóc ông,
Ông Trần Dần ơi!*

Người thơ Trần Thị Kim Lan, một trong những anh chị em vượt thoát chế độ độc tài cộng sản từ khối Đông Âu, trong phần trích dẫn của đoạn mở đầu bài thơ " *Mưa tử trong nước, mưa ra...* " để tưởng niệm hương hồn nhà thơ đã khuất:

" Tôi bước đi không thấy phố, không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ..."

*Cộng sản điên cuồng vì câu thơ chữ xô,
Họ đã bắt giam ông!*

Cùng với nhiều văn nghệ sĩ tài năng khác,

Chỉ vì chính kiến khác nhau

*Chỉ vì tranh đấu cho văn học nghệ thuật,
cho tự do sáng tác,*

Mà bao cây bút tài ba lổi lạc,

Đã phải vào trong ngục tối,

Nhân tài, theo cộng sản phai phôi!

Mấy chục năm trời

" Mưa vẫn sa, vẫn sa trên màu cờ đỏ "

*...
Ơi, ông Trần Dần ơi!*

Ông đã đi rồi...

" Mưa tử trong nước, mưa ra "

Tôi viết thành bài ca,

Tiến ông về nơi tiên cảnh!

(Trần Thị Kim Lan - Mưa Tử Trong Nước,
Mưa Ra...)

Tôi gặp Trần Thị Kim Lan lần đầu trong lễ mừng xuân và đón giao thừa năm Đinh Sửu tại Chùa Viên Giác. Thời gian trao đổi không dài, nhưng cũng đủ thấy được tâm tư và ước vọng của cô. T.T. Kim Lan là khuôn mặt đấu tranh- đấu tranh cho bản thân mình, đấu tranh cho quê hương dân tộc. Những bài viết của cô đều hướng vọng về một ngày chế độ cộng sản cáo chung. Nơi đây khung trời tự do, tiếng thơ không còn bị kiểm soát, không còn bị kèm kẹp như thú của Trần Dần để vẫn mãi ẩn ức:

*...
Bấy lâu cay đắng, ngậm ngùi*

Viết không dám viết, sực sùi niềm riêng!

Muôn dân đời khổ thiên niên

Chỉ vì cộng sản chuyên quyền, giã nua!

Khấn trời góp gió làm mưa,

Chôn vùi cộng sản, cho vừa lòng dân!

(T.T. Kim Lan - Tứ Phương Ngòi Bút Vẫy
Vùng)

Tham dự " *Đêm Thắp Nến* " 25.10.96 do Liên Minh Việt Nam Tự Do tổ chức cùng với sự hiện diện của nhiều hội đoàn khác đấu tranh cho một nước Việt Nam dân chủ, tự do trước Sở Quán CSVN tại Bonn, T.T. Kim Lan đã ước vọng rằng lửa của những ngọn nến sẽ là lửa của những trái tim cháy bùng lên giữa vùng trời đất nước; thức tỉnh nhân tâm; mở thành " hội lửa " kết hợp đấu tranh chào đón Việt Nam không cộng sản:

*...
Vi nước Việt Nam hạnh phúc, ấm no
Họ thắp lửa - xuyên đêm dài lạnh im*

Lửa những ngọn nến, lửa những trái tim
Cháy bùng lên, tỏa sáng vùng trời Đông...
Khiến nhiều người đang giấc ngủ ấm nồng,
Cũng bừng tỉnh bởi đêm lửa Việt Nam !

Lửa kêu gọi, lửa thức tỉnh nhân tâm,
Hãy cùng nhau tranh đấu mãi không ngừng !
" Sê tối ngày - Mở " hội lửa " tung bùng,
Chào đón Việt Nam - " cộng sản cáo chung !

(T.T. Kim Lan - Sê Tối Ngày: " Hội Lửa
Tung Bùng Chào Đón Việt Nam - Cộng Sản
Cáo Chung)

Thế nhưng không hẳn T.T.Kim Lan chỉ son
sát miệt mài đấu tranh, mà người thơ cũng
dành một phần cho tiếng nói của con tim lãng
mạn vào thơ. Tình yêu như sợi tơ trời mịn
màng trôi buộc, khó gỡ, khó lìa xa. Hợp tan,
tan hợp. Thương, buồn, sung sướng, khổ đau,
nước mắt... Chẳng có gì mới, chẳng có gì lạ.
Thế mà con người vẫn không ai vượt ra khỏi
lưỡi tình, để rồi cuối cùng đành than thở :

...
Tinh ơi, vữa hợp đã vôi tan
Đau đớn, thương buồn, lệ chứa chan...

...
Thôi nhé, người ơi đã hết rồi,
Cuộc tình, thôi chỉ có vôi thôi !
Hợp tan- Tan hợp, đời là vôi,
Tình là thế đó, gió mây trôi...!

(T.T. Kim Lan - Tình Là Thế Đó...)

Đầu biết rằng " tình là thế đó ", nhưng khi
vừa nhận được thư người yêu, thì nàng lại
khóc- nước mắt tui mừng vì hy vọng quá mong
manh, tưởng người đã quên mình. Khi biết
người ta còn nhớ mình, thì nàng đã vội kể lể
trách cứ. Ôi bao ngày tháng chờ đợi hao mòn,
anh có biết cho không ? Bao âu lo, lòng như
lửa bỏng, anh có biết cho không ? Biết rằng
anh còn yêu, nên dù hôm nay xa cách, mình
vẫn tự nhủ thầm " nay mai sẽ hội ngộ " ! Thế
mà em vẫn sợ, vẫn lo, bởi cuộc đời nhiều cạm
bẫy:

Khi em đọc thư anh,
Nước mắt chảy vòng quanh,
Bởi vì bao mong đợi,
Hy vọng chỉ mong manh...

Em đâu biết hôm nay,
Thư anh lại tới đây !
Tưởng rằng anh đã quên,
Nhớ làm chi nơi này !

Bao ngày tháng chờ mong,
Anh có biết cho không ?
Bao lo lắng bồn chồn,
Lòng em như lửa bỏng !

Biết rằng anh yêu em,
Nên lòng vẫn nhủ thầm,
" Hôm nay mình xa cách
Mai thôi sẽ lại gần ! "

Vậy mà em vẫn lo,
Vậy mà em vẫn sợ,
Tình đời mệnh mỏng lam,

Biết đâu là bến bờ !

...Mơn man cơn gió thổi,
Thì thảo như muốn nói:
" Thôi hết buồn rồi nhé,
Lau nước mắt đi thôi ! "

(T.T.Kim Lan - Thôi Hết Buồn Rồi Nhé !)

Em đã lau nước mắt. Em không còn khóc
nữa... bởi tôi mới được tin người thơ T.T.Kim
Lan đã được chấp nhận cho tỵ nạn tại Đức. "
Thôi hết buồn rồi nhé ! ". Mừng cho cô !

Ngoài ra còn có khuôn mặt nữ đấu tranh
khác mà tôi được gặp nhiều lần, nhiều nơi:
Paris, Strasbourg, Bonn, Hamburg, Rom,
Bruxelles, Genève...và hình như còn nhiều nơi
khác nữa mà tôi không biết được. Con người
nhỏ nhắn của thành phố Verona ở Ý, ngay từ
hồi mới đến bến bờ tự do, đã bắt đầu miên
trường đấu tranh không tương nhượng với chế
độ vô nhân của cộng sản Việt Nam. Nhiều lần
tôi cũng đã được nghe những bài tham luận
chính trị nảy lửa, những lời phát biểu đanh thép
từ một nữ lưu khà ái, đó là Ý Nga Nguyễn
Thị Nga. Bây giờ được đọc những bài thơ của Ý
Nga- đó là ý chí, là tâm nguyện của kẻ lưu
vong; là những lời trần tình, những uẩn khúc,
những khát vọng trên cuộc đời vông lữ:

Ta đã sống những tháng ngày ý nghĩa
Vui buồn gì cũng một kiếp lưu vong
Thân nhi nữ, mơ ước chuyện tang bồng
Yêu tổ quốc, ta vung về làn bước

Tâm uất ức bao lần, khi nhớ nước
Thương dân nghèo khổ kiếp cùng đing
Thương trẻ thơ đang đói khát thân tình
Những tình cảm, vun bồi cho sức sống

(Ý Nga - Khắc Ghi)

Rồi người thơ lấy gương sáng của các vị anh
thứ Trưng Vương, Triệu Âu thề đấu tranh cho
một ngày về rạng rỡ vinh dự thuyền nhân:

...
Ta xin hứa sẽ có ngày hồi quốc
Những phải về trong vinh dự thuyền nhân
Vi giùm bên, dưới trăng đã nhiều lần
Ta ghi nhớ tấm gương Trưng Triệu sáng.

(Ý Nga - Khắc Ghi)

Những cám dỗ của cuộc sống phồn vinh
trên xứ người cũng đã bào mòn dần ý chí đấu
tranh của một số bạn hữu. Những khó khăn
của cuộc sống cũng làm cho một số người nản
chí ngã lòng. Cho dù " Bạn hữu thân, ta xa đàn
tùng đũa ", nhưng Ý Nga vẫn tiếp tục kêu gọi "
kẻ sĩ " đoàn kết, chung sức đấu tranh vì nước,
vì dân, xóa bỏ chế độ vô nhân:

...
Kẻ sĩ ơi ! Trời tự do nung nấu
Chỉ hiên ngang, không khuất phục bạo tàn
Chung tay giúp dân thoát cảnh cơ hàn
Hầu giữ vẹn niềm tin ngày rời nước

Bạn cùng ta, mỗi người xin một bước
Đoàn kết nhau, noi gương sáng cha ông
Dạy cháu con, cùng ra sức, góp công
Xóa cờ đỏ. Nền vàng, ta sơn lại !

(Ý Nga - Nổ Lục)

Bấy nhiêu năm đành đoạn rời bỏ quê hương
là bấy nhiêu năm người thơ đã chọn cho mình
con đường đấu tranh với bạo quyền để tìm một
ngày về với niềm tin tất thắng. Nhờ nước,
thường nhà, Ý Nga tâm sự:

Cậu tóc bạc khóc đời lưu lạc mãi
Cháu đầu đen vẫn nhớ nước, thương nhà
Mười bảy năm, nhi nữ, cháu bốn ba
Đò từng bước, chọn con đường tranh đấu

Cậu có biết ? Chí vẫn hoài nung nấu
Cờ quốc gia rồi lại sẽ tung bay
Nơi đất Việt cùng với những đổi thay
Đem no ấm về cho dân an lạc

Cậu có nghĩ ? Minh đi trong sa mạc
Đầu lạc đường, nếu củ cố định phương
Bằng tấm lòng luôn nghĩ đến quê hương
Sẽ có lúc tìm ra được hướng

(Ý Nga - Tư Niệm)

Những đêm dài thao thức, Ý Nga cũng xót
xa về thân phận mình trên xứ người, mười bảy
năm ròng rã lẫn thân vào cuộc sống, bướng bả
vào cuộc đấu tranh. Ngày ra đi thế sẽ có ngày
trở lại. Ban bè bây giờ kẻ mất người còn, kẻ tui
tội người tha phương... Công danh, sự nghiệp
cũng chỉ là tấm thân tầm gửi trên cuộc đời tạm
cứ:

Đêm khuya trần trọc võ vàng
Niềm riêng thao thức, mơ màng nhớ quê
Ra đi lòng hẹn ngày về
Bao năm tranh đấu lời thề chứa phai
Bạn bè còn mất những ai
Hay chăng người cũ vẫn hoài nhớ mong ?
Xa quê mười bảy năm ròng
Học hành lếp ráp bởi vòng sinh nhai
Hào môn tâm trí hình hài
Chông gai dù khó đường dài vẫn đi
Công danh sự nghiệp ích chi
Cũng thân chum gói, cũng thi tạm cứ !

(Ý Nga - Thao Thức)

Cho dù đến cuối đời, tâm nguyện của người
đấu tranh vẫn luôn hướng về quê hương dân
tộc, Ý Nga xin rằng:

Mai tôi chết, xin một hoa thật trắng
Và quan tài, xin cũng trắng như hoa
Tiễn đưa tôi, dù thân, sơ, trê, già...
Xin đứng phi tiền cho hoa phúng điếu

Xin thương xót những kẻ nghèo túng thiếu,
Làm điều lành, nghĩ đến kẻ ra đi
Hãy xót thương dân Việt chốn " A Ty "
Chút nghĩa tình, giúp dân quân chiến đấu

Diệt công nô, dẹp tan loài hùm gấu
Có mến tôi, xin hãy nhớ nguyện cầu
Cầu đất Việt sớm thoát cảnh khổ đau
Và ưu đãi những anh hùng yêu nước

Dù nghèo đói vẫn hiên ngang tiến bước
Làm gương soi cho giòng giống Lạc Hồng
Quà kiêu hãnh tặng con cháu Tiên Rồng

Sống luân lạc vẫn nghĩ về tổ quốc

Ai ghét tôi xin giúp người oan khuất
Cơm thiếu ăn, " lý lịch " vốn cơ hàn
Từ Cộng vào vẫn đứng làm than
Quanh năm sống bằng oán hờn, căm hận

Yêu ? Mến ? Ghét ? ... có thương xin kẻ cặn
Chung sức vào tranh đấu cho quê hương
Tạo sức mạnh, cùng liên đời hổ tương
Đừng chia rẽ cho hoa tang mãi trắng !!!
(Ý Nga - Cho Hoa Mãi Trắng)

Xin cảm ơn Ý Nga đã gửi cho tôi những bài thơ tha thiết đấu tranh cho quê hương một ngày thực sự có tự do, dân chủ, nhân quyền.

Xin cảm ơn Giáo sư Vũ Kỳ đã gửi cho tôi bản thảo của tập thơ " Dòng Sông Xanh Biếc " của nhà thơ trẻ Lê Trung Thu tại Bruxelles thuộc Vương Quốc Bỉ. Ngoài một số bài thơ về tình quê hương dân tộc, niềm thao thức khôn nguôi của người ly xứ, Lê Trung Thu đã viết về tình yêu, về người yêu.

Người đó là ai ? Dung nhan kiều mỵ thế nào để anh phải thàng thốt kêu lên trong " Say Đắm ":

Tôi mới gặp em có một lần
Đã về xây mộng đến trăm năm
Để rồi bặt lòng vương vấn:

....
Tôi nhớ em một đời góp lại
Nhớ từ ngày tôi ngỡ ngỡ nhớ ai

Đa tình lãng mạn đến thế là cùng ! Vậy em là ai ? Chắc hẳn kẻ tình si phải rõ. Thế nhưng:

Tuyệt đã rơi rồi em biết không
Trời đem áo trắng phủ tim hồng
Nhớ ai anh nhớ người chưa biết
Mắt sáng như sao má ửng hồng.

Vậy thì :
Em là ai ? Mây hồng hay gió lộng
Là hương đồng hay cỏ nội hỡi em
Em là ai ? Trắng thanh trên đồi xanh sườn
xuống

Là chim muông hay ngợ gác nai vàng
Em là ai ? Rừng xanh nghe suối thỏ
Là sóng dài hay biển rộng hỡi em
Em là ai ? Bình minh trên biển vắng
Là hoàng hôn âm đạm một chiều thu
Em là ai ? Đêm dài ru giấc ngủ
Để tình nhân mộng mị giữa ngàn hoa

Vậy ra " người em " của Lê Trung Thu là tâm cảm, là tâm cảnh của chính mình. Vì vậy anh vẫn mãi đi tìm:

Em là ai ? Mà...
Anh tìm em như đi tìm chân lý
Ngày lại ngày sao đi vẫn cứ đi !
(Lê Trung Thu - Em Là Ai)

Thế nhưng không phải anh chỉ có người yêu trong tâm tưởng, mà anh có người tình thực thể " dịu dàng như thánh nữ ":

Gặp gỡ làm chi em hỡi em
Người em áo lụa thướt tha mềm

Bao giờ mắt môi phai màu áo
Thấp thoáng trong đời ta có em

Anh nhớ những chiều anh ngủ quên
Trên vai hương lụa tỏa hơi quen
Dịu dàng trong sáng như thánh nữ
Em dẫn anh vào mộng thần tiên.

(Lê Trung Thu - Người Em Áo Lụa)

Dòng thơ dịu dàng như cuộc tình đi qua
trong đời người- một cuộc tình với người em xứ Huế:

Huế ở môi em Huế mỉm cười
Mai về xứ mộng có em tôi
Hồn tôi lạc giữa tình muôn lối
Hãy nói giùm tôi tiếng tuyệt vời

Huế ở mắt em Huế gọi mời
Vọng từ sâu thẳm của xa xôi
Vang lên trong nắng vương tình ái
Như một thanh âm thật lạ đời

Huế ở tóc em Huế dịu dàng
Con đò thôn Vỹ chở tôi sang
Bến bờ chung thủy xanh màu lá
Lá hát cùng em dưới trăng vàng

Huế ở tim em Huế rộn ràng
Ngọt ngào ân ái với tình lang
Thuyền tình du mộng trời không bến
Hải đảo thần tiên hưởng địa đàng
(Lê Trung Thu - Tình Em Xứ Huế)

Chắc hẳn bạn đọc gốc sông Hương núi Ngự không tìm thấy nơi đây hình ảnh thân yêu của xứ Thần Kinh, bởi hồn phách của tác giả đã " lạc giữa tình muôn lối ", nên anh chỉ thấy nào " môi, mắt, tóc, tim " của người mình yêu ! Anh đã quên hết ngoại cảnh, chỉ thấy hình tượng của người yêu để nuôi mộng tưởng:

Hôm nay tôi đọc bài thơ
Của người ước mộng giăng tơ đầy trời
Bao giờ mộng ấy tròn rồi
Nhớ mời tôi đến làm người chứng nhân
Rời đi lên đứng đồi xanh
Nghe chim uyên hót trên cành liu lo
Chim ương biết nói hẹn hò
Vòng tay từ đó dành cho một người !

(Lê Trung Thu - Mộng Ước)

Những cuộc đời vốn thăng trầm, cuộc tình không êm đềm như mặt nước hồ thu, nên mộng ước cũng chẳng bao giờ tròn vẹn, người tình một lần đã thờ than:

Son đã nhạt màu hương phấn phai
Thời gian điểm tuyết mái tóc gãy
Chàng ơi có thấu tình em đại
Gối chiếc phòng không anh có hay

Mộng cũ duyên đầu theo gió bay
Tìm em tan nát tự bao ngày
Tài hoa mệnh bạc nghìn giường cũ
Thôi cũng đành thôi kiếp lưu đày.

(Lê Trung Thu - Cảm Thơ)

Ta cứ ngỡ cuộc tình dở dang cách trở vì người lưu lạc kẻ phượng trời. Em ở lại, anh làm kiếp lưu vong. Nào ngờ, người thơ cho hay:

Em viết bài thơ đi lấy chồng
Lời thơ từ biệt để sang sông
Nu cười lấp lánh sau tiếng khóc
Em đâu làm sao được phải không!

Anh biết tình em như nước trong
Trời thu nhạt nắng nhuộm sắc hồng
Đông về lạnh lẽo như băng tuyết
Hương lửa ngàn năm vẫn bạc lòng !

(Lê Trung Thu - Bạc Lòng)

Người đã ra đi. Thời cũng đành. Người thơ xót xa kết cuộc tình mình bằng hai câu thơ trong bài " Chuyện Tình Buồn " nghe thật não nung:

...
Chuyện buồn như nước hồ thu ấy
Chuyện đã qua rồi xa quá xa !

Lê Trung Thu viết những bài thơ ngắn, trôi chảy, tự nhiên, không gượng ép, niêm luật khá vững nhất là về thể thơ tứ tuyệt, nên âm điệu và cung bậc âm thanh dễ gây xúc cảm cho người đọc.

Hiếu bằng trí, cảm bằng trái tim. Thơ đến với ta bằng xúc cảm, không bằng những phân tích phán đoán. Thơ chớ tình tự của người vào tâm thức của ta. Thơ hòa tâm hồn của người vào tâm hồn của ta. Thơ của người, thơ của ta. Cảm thông. Đồng điệu.

Trong mấy năm gần đây, đọc được thơ của Nguyễn Song Anh đăng tải trên các báo Việt ngữ ở Đức, lòng tôi chợt bồi hồi. Những thao thức của anh trong cuộc đời vong lữ mà cứ ngỡ như là những ưu tư dầy vò của mình trên lớp sóng phé húng. Những rung cảm của anh mà cứ ngỡ như những xao xuyến với đây của mình. Những kỷ niệm đầu ái không nguôi của anh mà cứ ngỡ như là những mẩu quá khứ đeo đẳng của mình. Bồi lòng thì nhân thường hay chợt băng khuâng, khi thấy:

Lá vàng rơi trong nắng
Chim bay trên mây cao
Lá vàng vương trước ngõ
Gió ru lời ca dao
Tiếng hát buồn lên mắt
Tóc thơm bờ vai non
Tiếng hát thay lời ngỏ
Tóc thơm làn môi ngon
Cho một lần gặp gỡ
Dù ngàn đời xa nhau
Cho nụ cười nước mắt
Để muôn ngàn năm sau
Lá vàng trên lối cũ
Chim bay trong mây xa
Nắng vàng hong trước ngõ
Gió ru lời phôi pha.
(Nguyễn Song Anh - Dấu Xưa)

Chỉ là nắng, là gió, là mây, là chim; hình ảnh thường nhật nhưng lại gợi nhắc cho người thơ về một cuộc gặp gỡ, một cuộc tình, một ấn tượng chia xa. Buồn. Âm thầm. Nhẫn chịu.

Nguyễn Song Anh- nhà thơ gốc nhà giáo tại Dĩ An (Biên Hòa), Cao Học Văn Chương Việt Nam, hiện đang bị nạn tại Cham (Đức). Tôi giới thiệu anh đến với Văn Bút Âu Châu và gặp gỡ nhau, lần đầu, trong kỳ đại hội lưỡng niên năm trước.

Tôi thích những bài thơ lục bát của anh hơn, bởi tiếng thơ nhẹ nhàng, êm đềm, lâng lâng như cung cách và những lời tỏ bày của anh trong khi đàm đạo chẳng ?

*Mắt em là ánh tinh cầu
Đêm nào tháng bảy mưa ngâu tôi về
Tình yêu với chút lòng quê
Theo con nước cũ về về tuổi thơ
Sao khuya từ đó mặt mờ
Tim hồng cũng chạnh bến bờ thương đau
Một ngày sau, một đêm sao
Mắt em ôi biết thuở nào tôi quên !*

(Nguyễn Song Anh - Sao Khuya)

Từ thơ bây giờ của anh súc tích hơn, thấm thía hơn những bài thơ trong các thi tập Góc Trời Quê Hương (1968), Tình Thơ Quê Ngoại (1975) mà anh đã sao gởi cho tôi. Phải chăng tuổi đời ngày càng làm chín mộng nổi nhỏ niềm thương và tình hướng ly hướng làm rõ nét vô thường thẳng tắp thế sự. Từ đó thơ chất chứa thêm nỗi nhỏ, nỗi buồn; nhưng nỗi nhỏ nỗi buồn này mượt mà như tơ lụa, nhẹ như sương sa buổi sáng phủ trên dòng sông:

*Vườn xưa nở nụ hoa thê
Mùa sương lất phất bay về bên sông
Tháng ngày từ độ chớm đông
Nằm nghe bão rớt cơn giông đêm dài
Biết bao giờ mới sầu phai
Thường ta nào cũng thương ai bên trời
Em từ tuổi lụa tơ phơi
Non cao sương cũng đọng lời nhớ nhung.*

(Nguyễn Song Anh - Trời Một Phương)

Thơ chờ màu thiền. Thơ pha triết luận. Thơ lãng mạn tôn giáo:

*Người về khuất nẻo tâm thơ
Đau cơn ngã chấp đời bờ nhân sinh*

(Đồi Bờ)

*Lên rừng còn vương hồng trần
Dấu giày in tuyết lẫn khăn lối mòn
Hiếu sao hết lẽ mắt còn
Cùng người tâm đạo vuông tròn thì thôi !*

(Nhà Nguyễn Giữa Rừng Đông)

*Dừng chân trẻ quán ai mời
Bình khô đọng mãi cạn lời vô ngôn
Ngu ngơ một cõi cần khôn
Chung dòng sử mệnh riêng hồn lệ pha
(Lục Bát Cầu Sương)*

*Bây giờ phố lạ người dưng
Thơ buồn biết mấy đàn từng sợi không
Xa trôi một áng mây đồng
Biết đâu là cuối dòng sông vô thường*

(Ngày Tháng Đông Đưa)

Xin cảm ơn Nguyễn Song Anh, vì "biết đâu là cuối dòng sông vô thường" đã dội vào tâm thức ta cuộc đời phiêu bạt mãi mãi không thích ứng với hoàn cảnh hiện kiếp; đã khơi dậy những rung cảm được ứ ập bởi những hình ảnh thiết thân của quê hương, những tình cảm thấm thiết đi vào lòng người. Tâm hồn ta không còn đơn giản trên cuộc đời vọng lữ. Tại sao ? Phải chăng tâm hồn ta không còn thánh thiện, đã bị vẩn đục bởi hệ lụy của cuộc đời ?

"Biết đâu là cuối dòng sông vô thường". Bảy giờ chắc hẳn nhà văn Duyên Anh đã lợi ngược dòng sông tuổi thơ để trở về với quê hương, với "Giàn Hoa Thiên Lý", với "Thằng Vũ", "Thằng Côn", "Thằng Khoa", "Con Thúi", với "Dzung Đakao", "Trần Thị Diễm Châu"... để quên đi "Sa Mạc Tuổi Trẻ", "Vết Thù Trên Lưng Con Ngựa Hoang"... Nhà văn Duyên Anh Vũ Mộng Long, sinh năm 1935 tại Thái Bình, đã về với đất Chứa ngày 6.2.1997 tại Paris. "Nhà báo có lớp da nhà văn" Duyên Anh được cộng sản xếp vào hàng những nhà văn nguy hiểm cho chế độ và được gán cho cái danh hiệu là "...tên biệt kích văn hóa" đã không chết vì cộng sản hành hạ trong hơn 6 năm tù cải tạo; cũng không gục ngã thành phế nhân vì đòn thù bạo lực tại Cali vào năm 1988 mà Duyên Anh bị ung thu gan quặt ngã !

Những tác phẩm của Duyên Anh sáng tác ở hải ngoại từ năm 1983 khi vượt biển và đến định cư tại Pháp có tầm nhìn cao rộng hơn, suy tư sắc bén hơn vượt ra khỏi ranh giới quốc gia. Đó là thủ vũ khí sắc bén trên mặt trận tư tưởng chống lại chế độ độc tài cộng sản. "Ta đi chiến đấu cho dân tộc, không đi xin bố thí tự do". "...ở bất cứ một cảnh huống nào, con người bị hạ giá, con người bị bạo lực chế ngự, thì chữ nghĩa phải dấy động, tư tưởng phải lên đường. Người cầm bút cần có thái độ với bạo lực, bất kể bạo lực từ phía nào. Khi bạo lực còn đe dọa con người hàng ngày, thì thi ca và văn chương không thể là thủ trang trí cho hạnh phúc giả tạo, khiêu vũ trên sự thống khổ của đồng loại..." (Duyên Anh).

Một đời dòng không đủ nói lên sự nghiệp văn chương của Duyên Anh tung hoành trên nhiều lãnh vực (văn, thơ, tùy bút, truyện ngắn, truyện dài, phiếm luận, trào phúng), nhưng là nên tâm hướng để hồi tưởng về con người tài hoa lỗi lạc và hồi hướng cho linh hồn của người quá cố...

Trần Dần mất đi, nhưng hai câu thơ "tôi bước đi không thấy phố, không thấy nhà, chỉ thấy mưa sa trên màu cỏ đỏ" vẫn là những lời tố cáo chế độ độc tài. Duyên Anh mất đi, nhưng sách báo, tư tưởng của ông để lại vẫn là "những tên biệt kích văn hóa" tiếp tục chống phá bạo quyền cộng sản...

•Phù Vân

THÔNG BÁO

• Xin quý văn thi hữu gởi bài cho Viên Giác số chủ đề Viên Giác 100 ngay từ khi nhận được số báo này để Tòa Soạn có đủ thời gian chuẩn bị và ấn hành trong tháng 8.97.

* Quý thi hữu gởi bài cho "Vườn Thơ Viên Giác" thì nên gởi một lần năm ba bài thơ để người phụ trách dễ trích dẫn và thẩm lượng được giá trị thi ca nhằm giới thiệu với độc giả.

Chân thành cảm ơn.

(Phù Vân)

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

- Phật Giáo và Con Người
- Xứ Phật Tình Quê
- Uống Lửa Thổ Đất
- Milarepa

Sách hiện có tại chùa. Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc về chùa Viên Giác

• Trầm Ngải Thiết Tha

Thi tập của Tùy Anh. Lời Giới thiệu của nhà thơ Hoài Việt. Phụ bản của Vũ Thái Hòa. Bìa màu. 170 trang. Chùa Viên Giác xuất bản tháng 4.97 và phát hành. Giá 15 Đức Mã (chưa tính lệ phí bưu điện).

Tùy Anh còn có bút hiệu quen thuộc là Phù Vân, Chủ Bút báo Viên Giác.

Quý vị nào muốn có sách xin liên lạc với Chùa Viên Giác.

• Tìm Trong Yêu Dấu

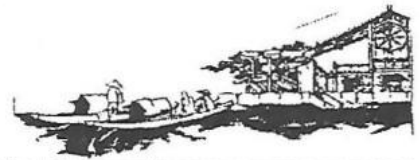
Thi tập của Đan Hà. Lời Giới thiệu của Phù Vân. Bạt của Y Khanh. Phụ bản của Nguyễn Minh, Lê Thành Tín, Y Khanh. Bìa màu, 180 trang. Chùa Viên Giác xuất bản 4.97. Giá 15 Đức Mã (chưa kể lệ phí bưu điện).

Đan Hà là Biên tập viên của báo Viên Giác. Quý vị nào muốn có sách xin liên lạc với Chùa Viên Giác hay qua địa chỉ:

Mr. Trần Văn Huyền
Aalenerstr.41 - 72760 Reutlingen
Germany - Tel. 07121- 61713

THÔNG BÁO

Xin quý văn thi hữu gởi bài cho Viên Giác số chủ đề Viên Giác 100 ngay từ khi nhận được số báo này để Tòa Soạn có đủ thời gian chuẩn bị và ấn hành trong tháng 8.97.



ẢNH HƯỞNG PHẬT GIÁO

trong thi ca Việt Nam

.THÁI TÚ HẠP

C ho đến nay đã hơn hai ngàn năm từ tưởng Phật Giáo đã hiện hữu trong lịch sử văn học Việt Nam và đã hòa nhập với sinh mệnh thăng trầm của dân tộc. Không chỉ ở Việt Nam mà hầu như trong lịch sử văn học của bất cứ quốc gia nào trên thế giới, nhất là ở vùng Đông Nam Á Châu, nền văn học Phật Giáo bao giờ cũng chiếm một vị trí khiêm cung đặc thù, nhưng đã có tác dụng sâu xa trong tâm thức quần chúng. Chưa kể đến trường hợp độc đáo của Tây Tạng, Phật Giáo được tôn sùng như một quốc giáo, và chỉ có một dòng văn học duy nhất của Phật Giáo mà thôi.

Với thể tính triết học, tâm lý, nhân sinh, từ tưởng Phật Giáo đã hiển nhiên gần gũi với đời sống đại chúng từ những trang kinh, tiếng kệ, hồi chuông ngân, trầm hưởng nghi ngút. Chúng ta chỉ cần nhìn qua bất cứ tuyển tập thi ca Phật Giáo Việt Nam cổ điển nào là y như chúng ta đều thấy ngay hồn tinh dân tộc ẩn dụ qua từng dòng chữ nồng ấm què hương, tình người. Các Thiền sư Việt Nam bao giờ cũng là những đại biểu độc đáo của dòng thi ca chính thống của dân tộc trong từng giai đoạn của mỗi thời đại. Trong cuộc hành trình đầy khởi sắc và phong phú của văn học dân tộc, chúng ta bắt gặp những dấu vết của các Thiền sư Vạn Hạnh, Ngô Ấn, Khuông Việt, Viên Chiếu, Trúc Lâm, Không Lộ... dòng thi ca của các vị Thiền sư này ngẫu nhiên đã hàm chứa những tư tưởng uyên bác sâu xa. Chúng ta có thể đan cử vài nét tượng trưng của Thiền sư Hương Hải:

*Nhạn vút qua không
Bóng chim sông lạnh
Để dấu, nhạn không có ý
Giữ bóng nước vẫn vô tâm.*

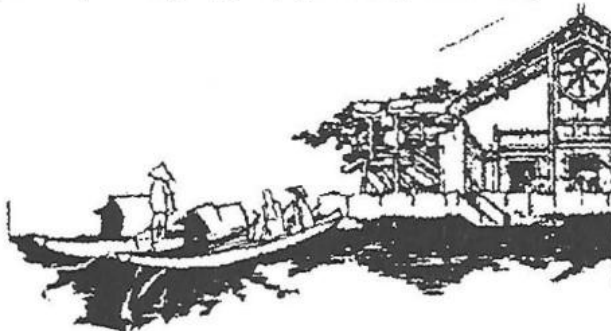
Và của Thiền sư Viên Chiếu "Dạy đệ tử khi thầy còn khỏe"

*... Thân như tưởng nát đời ngày
Trăm năm vất vả đời ngày xót thương
Tâm không nếu đạt nẻo đường
Mặc cho không sắc, vô thường đến đi*

Qua bài "Dặn Dò Tăng Chúng" Thiền sư Mãn Giác đã cho thấy cái vô thường của nhân sinh, cái mộng ảo sương khói của lợi danh và cái kiếp người cứu mang những hệ lụy nghiệp chướng khổ đau. Nhưng đời sống không hẳn là chuỗi ngày đầy bi thảm, mà hãy thấp lên niềm hy vọng ở ngày mai huy hoàng bằng những bông hoa trí tuệ nhân ái hôm nay:

*Xuân đi trăm hoa rã
Xuân đến trăm hoa khai
Xem chuyện đời trước mắt
Tóc trên đầu đã phai
Chỗ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Tối qua vườn trước một cành mai*

Xuyên qua những thời đại Lý - Trần đã có hàng trăm năm đất nước an bình, đạo Phật đã đi vào Mạch sống của Dân Tộc: Quan niệm của những nhà tư tưởng Phật Giáo nhập thể với tinh thần tích cực, chính cuộc đời của Đức Thích Ca đã thị hiện tất cả, ý nghĩa cao siêu cứu độ chúng sanh bằng sự dứt bỏ mọi địa vị cao sang. Khi Ngài là Thái Tử Tất Đạt Đa có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của một bậc vĩ nhân theo truyền thuyết Vệ Đà. Ngài đã dứt bỏ vợ là Công chúa xinh đẹp, con ngoan đang rạng rỡ tương lai. Vì Ngài đã nhận chân cuộc đời là khổ ải, các pháp là vô thường, chúng sanh là vô ngã. Chỉ có con đường chuyển hóa tâm thức là giải quyết tận gốc rễ vòng luân hồi tử



sanh dài vô tận. Ngài đã tìm ra con đường chánh Giác hóa giải mọi vô minh phiền não. Từ đó Ngài chu du khắp mọi nơi thuộc lưu vực sông Hằng để truyền bá Chánh pháp tối thượng và để tiếp độ chúng sanh...

Ở nơi nào có sự khổ đau đều có sự hiện hữu của đức Như Lai như là ánh sáng vi diệu, nhân ái biểu thị tinh thần vị tha cao cả. Ngài luôn luôn biểu dương tinh thần nhân bản một cách tuyệt đối: "Các người hãy tự mình thấp xuống lên mà đi" và "Ta là Phật đã thành, tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành".

Trong mỗi sát na của đời sống đã xảy ra biết bao nhiêu đảo điên của vọng niệm, bao nhiêu sinh diệt của kiếp người, tâm động triền miên như sóng vỗ vào ghềnh đá.

Cuộc hành trình vào miền đất tự do đầy nghiệt ngã, những người Việt Nam mang nặng tâm tư bi thảm lưu đầy, lúc nào từ duy cũng hướng về nơi chốn quê hương yêu dấu. Ở đó hình ảnh mái chùa cong ẩn sau vòm lá xanh biếc, hồi chuông công phu êm nhẹ ngân nga trong sương sớm, dịu dặt thình không trong hoàng hôn:

*Thấp thoáng đầu đầy cảnh tượng làng
Có con đường nhỏ chạy lang thang
Có hàng tre gợi hồn sông núi
Im lặng chùa tối ngập nắng vàng*

*Có những cây mai sống trọn đời
Bén hàng tùng bách mãi xanh tươi
Nhìn lên phảng phất hưởng trầm tòa
Đức Phật tử bi miêng mỉm cười*

*Tôi nhờ làm sao những buổi chiều
Lời kinh giải thoát vọng cao siêu
Đầy ngôi chùa cổ ngày hai buổi
Cầu nguyện dân làng sống mến yêu...*

Những khói lửa chiến tranh đã lan tràn thiêu hủy những cảnh an bình nơi thôn xóm, dân Việt đã dắt díu nhau đi tìm nơi nương tựa ở khắp cùng thế giới để được hít thở không khí tự do và xây dựng cuộc đời. Nỗi niềm nhớ quê vẫn ray rứt mãi trong lòng kẻ lữ hương không tan với sầu thảm:

*... Biết đến bao giờ trở lại quê
Phân vân lòng gởi nhớ nhưng về
Tang thương dù có bao nhiêu nữa
Cũng nguyện cho chùa khói tái tề*

*Chuông vắng nơi nao nhớ lạ lùng
Ra đi ai chẳng nhớ, chùa chung
Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông*

(Huyền Không)

Đời sống chứa hần chỉ có nhu cầu vật chất cơm ăn, áo mặc, tiện nghi đầy đủ, sẵn sàng phục vụ thể xác tối đa, nếu biết tự xả thân biến hóa như con ốc vỏ tri buồn thảm trong guồng máy thực dụng. Nhưng con người vốn dĩ là "Cây Sậy có tư tưởng" (Pascal) nên chúng ta cứu mang trăm ngàn tu duy tinh thức trước những xô bồ, đầy quén rú của cuộc sống vô nghĩa, trở về cõi tĩnh lặng chân như để nghe vọng động, những ray rứt từ đáy hồn viễn xứ.

*Có những đêm lạ nhà không ngủ được
Ta lặng hồn nghe gió gọi cô đơn
Nghe quê hương ngàn quai nổi cảm hồn
Nghe dòng máu ngược về tìm uất hận
Hồi ối!*

*Đạo pháp, tự do, niềm tin tác nghề
Bạo lực, ngục tù tuyệt vọng mở ra
Và bây giờ*

*Ái nô dứa, rạo rực với xa hoa
Ta lui nhục, quạnh hiu và khắc khổ
Niềm viễn địa đồng qua đà mấy độ
Lòng ta thì khép chặt cánh hoa xuân
Thưởng mẹ già vùng đất nước gian truân
Năm tháng vẫn trầm luân trong huyết lệ
Tổ Quốc, niềm tin vì ai nô lệ
Ta gục đầu nghe tiếng gọi quê hương*

(Viên Lý)

Hơn hai mươi năm tưởng chừng như đã quên thù hận giữa con người với con người trên chính miền đất quê hương yêu dấu đó. Nhưng thực tế không phải giấc mơ bình

thường nào cũng thành tựu vì tâm mê muội đang còn thiêu đốt ở chốn thiền môn, những nhà chân tu đang bị đẩy vào ngục tù tăm tối. Bầy chim kêu thường, nặng trĩu một trời oan khiên. Biết đến bao giờ mới hóa giải được bằng nước Cam Lộ, bằng tinh nghĩa Bồ Đề tâm diệu vợi. Pháp Nạn đang còn mang thảm họa tại Việt Nam như lời thơ Vũ Hoàng Chương ghi nhận:

... Bầy chim kêu thường
Nặng trĩu một trời oan khuất
Ngóng về Nam, về Bắc
Cả hai phương sừng sững dựng mây thành
Sân chùa cây bặt gốc
Triền miên tử khí vây quanh
Giờ cúng trái hải hùng mưa gió
Từng tiếng kêu bé nhỏ
Rào kèm gai xé nát hồi thanh

Cả dười khe vọng về đóng khắc khoải
Sao lắng nghe tử màu xanh
Của sông phiêu lưu, của biển tung hoành
Chỉ thấy nước hồ ao nằm trong tù độc
thoại

Muốn tròng cửa khóa
Hỏi bốc lên mùi máu còn tanh
Biển cuốn về bao nhiêu góc
Sống chia làm mấy mối ngành
Bọc trong gai, nghẹn lời kinh,
Giạt về đâu lúc tâm tình nửa khuya?
Nhưng đá núi đây
Và lá rừng kia
Cắm thủ gan héo nát
Mồ hôi nước mắt tháng năm đây
Thoắt đã cùng chim cá
Vùng lên tất cả
Niệm mười phương Phật hưởng về Tây

Cổ phật năm màu rộp sử xanh
Một phương chim Việt ngóng mây lành
Cản tay bạo ngược liễu bom đạn
Nổi lửa từ bi giải sắt đanh
Phật hiện bóng lên người vững bước
Trời quay mặt lại quý rời nanh
Rằng xe diệu pháp ba ngàn cõi
Một cõi này thơm vết dấu tranh...

Trước những phá sản về đạo đức, bản chất uyên nguyên của người Việt Nam nơi đất khách. Những hoài nghi của tâm thức u minh, nên những nhà thơ lưu vong đưa nhau trở về vùng đất an lành của tình thường đôn hậu hài hòa. Ở đó ít ra cũng còn những lời mật ngọt của loài chim để thưởng hót trong vườn buổi sớm. Ở đó ta có những bài thơ tình đúng nghĩa của Nguyễn Nhược Pháp, Hoàng Cầm, Nguyên Sa, Du Tử Lê, Nguyễn Mạnh Trinh, Phạm Thiên Thứ, Luân Hoán, Trần Văn Lệ, Kiêm Thêm, Hồ Minh Dũng, Vi Khuê, Tuệ Nga, Cao My Nhân... Những lời thơ vượt không gian thời gian, chỗi đi về của hồn thiên cổ, vượt tới giấc mộng không bến bờ, những cảm nghiệm nét đẹp thâm trầm sâu kín lắng đọng chính từ mỗi sát na trong đời sống. Nhưng cho dù đứng ở vị trí nào trong tình yêu, trong thơ của các thi sĩ Việt Nam đều bằng bạc hơi thở của tư tưởng Phật Giáo. Chẳng hạn như trong bài *Sơn Tự Thị* của Du Tử Lê:

Người trốn vô kinh vẫn thấy đời
Khấp cùng sơn tự ảnh hình tôi

*Đừng quên sẽ chẳng bao giờ nhỏ
Ai khờ tra mà người cũng khai
...
Nếu hiểu rồi ra là cát bụi
Kính nào uyển áo hơn vô ngôn
Sơn tự là tôi em hãy trú
Có cũng xong. Mà không cũng xong.*

*Hãy khép trong kinh trả lại đời
Cử gi sơn tự mỗi an vui
Ủ hưỡng cuối kiếp cho nhân loại
Ngã mạn đời sau, em của ta.*

*Diện bích ngàn năm vẫn bất an
Nhờ em thừa lại với Quan Âm
Cõi tâm tôi trụ nơi nào nhỉ!
Phải chính tình em? chính mắt em*

Hay thi phẩm "Trẩy Hội Chùa Hương" của Hoàng Cầm:

*Em trẩy chùa Hương phía Giải Oan
Mắt nghiêm màu Phật chặt dò ngang
Phải có công chúa con vua Lý
Khép áo kinh kỳ mấy cửa hang?*

*Đã hẳn đi tìm mây ngũ sắc
Chập chùng đá động biếc thời gian
Gót chân hết lạnh đường tiên cảnh
Bồng lạc vào đâu buốt ngục trần?*

*Chuông sớm có nghiêng về mộng cũ
Nhuộm em vướng vấp sợi mây xa?
Bàn tay chấp cánh chứa người nhỏ
Có buộc làn hương vướng lối qua*

*Em ngủ về đâu chùa Cửa Vông?
Bến trong bến đục bến nào xa?
Vội ai em nói đêm mê ấy
Sao tiếng đau em động khói nhòa?*

*Anh trẩy chùa Hương phía xót thường
Bến trong bến đục nửa chia đường
Thiên Trụ chột lẳng chuông buông tím
Bồng gặp em nằm đắp khói sương*

*Em hỏi sao anh lại đến tìm
Thuyền nào đưa lối chặt khoanh tìm?
Nhưng anh nin lặng dịu em buốc
Lên hết lâu xuân tiếng mõ chìm*

*Anh hái mơ chùa cả chín xanh
Chua bồng men nhỏ đắng đôi cành
Nhân gian là thế sao thành mộng
Ngó gác chùa trong em vắng anh*

*Anh giải oan em chẳng hết oan
Suối khuya cát xé - tiếng kêu than
Hỏi em xử Phật nào yên tĩnh
Em gượng cười soi bóng đá vàng...*

Thế giới thi hóa tình yêu là ngôn ngữ vượt thoát tới đỉnh cao tuyệt diệu của nghệ thuật, của sự thăng hoa đích thực chân thiện mỹ, vì thơ vốn là sứ giả của tình yêu và hòa bình, đã đưa nhân loại gần gũi nhau hơn, trong thế giới không có hận thù. Thơ đã đi vào thiền môn hay ảnh hưởng Phật Giáo đã nảy sinh từ sáng tạo, gần như không còn biên giới. Chúng ta hãy tưởng tượng một cách hạnh phúc, cho đến một ngày nào đó, tình yêu thực sự đã thánh hóa vượt ra ngoài đời sống tầm thường của phù vân danh lợi, để rồi cả

hai yếu tính nhân sinh từ tiểu ngã đã hòa nhập vào đại ngã bay vút lên miền yêu dấu miền viễn:

*Mai ta về giữa non cao
xé mây làm áo lụa đào cho em
nghiệp tử mấy thuở trần duyên
nắng thanh xuân đậu ngoài hiên ta bà
đưa nhau dạo giữa ngân hà
bỏ nhân gian lại chốn tà huy cầm
mai sau tình võ hủ không
có nghe tiếng hót tiền thân chim ngàn
tử trong thiên cổ tri âm
tiễn nhau xuống núi củu mang khiếp sầu*

*mai về khép cánh biển dâu
giở trang vô tự trắng nhòa sắc không
chờ nhau dưới cõi vô thường
soi tâm tử hiện một rừng trắng xóa*

(Thái Tú Hạp)

Cuộc đời chỉ còn là cõi tạm, đỉnh cao là hạnh phúc cho những tâm hồn quy ẩn, lợi danh như mây quyển đầu non. Còn gì đâu mà ngậm ngùi lưu luyến:

... Rằng xưa có gã từ quan
Lên non tìm động hoa vàng, ngủ say
Ủ, thì mình ngại mưa mau
Cũng đưa em đến bên cầu nước xuôi
Sống này chẳng một dòng trôi
Mây đầu sông thấm tóc người cuối sông...

(Phạm Thiên Thứ)

Đầu sông hay cuối sông có phải nỗi nhỏ ly cách của người ra đi và kẻ ở lại nơi miền đất khổ. Những cuộn gió lốc thổi lên từ mặt đất khô cằn, vọng động, chao sóng trong đáy hồ tĩnh lặng ngàn năm. Tâm động với cảnh giới bên ngoài, tử hạt bụi, phiếm ngân của sợi dây đàn bỏ quên từ tiền kiếp, tiếng xào xạc rơi rụng của cánh hoa trước thềm nhân thế. Cuộc đời bao nhiêu gió thổi mây đi, mưa gọi bão về, bầy chim rạc rời bỏ xứ trong tiếng kêu đầy bi thảm. Tất cả rồi sẽ tan chìm trong sát na của đời sống phù trầm oan nghiệt.

Con đường đi tới Chân Như, cõi an bình tự tại, tất cả mọi ảo vọng, mọi quyến rũ của đời sống chỉ là hư ngụy phù vân. Có phải là lúc chúng ta thực sự mở toang cửa vào nhật nguyệt. Cái ta cũng không còn ta như giọt sương trên cành lá biếc. Tâm thức hòa nhập với ánh sáng của muôn vì sao. Cửa vàng trắng khuyết trên đỉnh núi, cửa đá hoa vàng trên kè đá thiên thu. Chúng ta chỉ còn nghe tiếng chuyển mạch ngậm của hàng triệu đóa Vô Ưu đang mở cánh trong vườn Lâm Tỳ Ni. Giọng ca chủ thiên và nhân loại hân hoan trở dậy khắp nơi. Giấy phút nhiệm màu. Ngôn ngữ thi ca đã trở thành vô nghĩa. Giấy phút loài người đang bước vào kỷ nguyên của tình thường rộng lớn tỏa khắp mặt địa cầu khi vừng thái dương Đại Từ Bi hiển hiện ở phương đông từ hơn hai ngàn năm trăm năm trước. Và từ đó ánh Đạo Vàng đã liên tục rọi khắp năm châu.





TÌM HIỂU ĐÔI BÀI THƠ CỦA

BÙI GIÁNG

·NGUYỄN THÙY

Lời nói đầu : Thơ Bùi Giáng - ngoài những bài tếu và ngộ- nhìn chung khá khó hiểu. Thơ ông, dù lời bình dị bao nhiêu cũng bao hàm những ý tưởng cao xa cả Đạo học Đông Phương, cả Triết lý Tây Phương cùng tu tưởng bàng bạc qua thi ca và đôi khi cả huyền thoại, thần thoại. Thơ ông phản ánh cái tâm thức hướng về Lê Đạo mà càng hướng về càng thấy mỏng lung, ngổn ngang vạn mối. Cái thao thức triền miên đó, cái "bế tắc" trong việc nhìn ra Lê Đạo huyền vi đã đẩy đưa ông vào trạng thái và cuộc sống chấp chờn giữa thực và mộng, giữa tỉnh và điên.

Dưới đây xin chú thích đôi bài thơ ngắn của ông mà rất tiếc người viết không còn nhớ nhan đề, hy vọng với phần chú thích, bạn đọc dễ đi vào từ tưởng tượng tác giả. Thơ Bùi Giáng, dù mô tả cảnh đời nhân thế trầm luân hay một thất bại gầy đổ cũng không bi lụy, tái tê mà luôn ẩn chứa một "niềm vui thông tuệ" (M. Heidegger gọi là *Das Kuinzige*, André Préau tạm dịch ra Pháp ngữ là *Le Gai Savoir*). Thơ từ tưởng luôn đề cập đến Lê Đạo nên không có tính chất héo úa tàn phai vì Lê Đạo bao giờ cũng hứa hẹn một chung cục tuổi vui.

BÀI I (không nhớ nhan đề)

Người nằm đấy tự nghìn thu thấp thoáng
Tối bước qua từ ngữ rụng hai lần
Tờ sa mạc như bồi phong tẩy địa
Trút linh hồn từng như thể như thân.

(Bùi Giáng)

Chú Thích:

1. Người: Đức Phật (tượng Đức Phật), rộng hơn là giáo lý của Ngài tức Lê Đạo.
2. Câu thơ đầu: Lê Đạo có sẵn đấy từ bao đời nhưng lúc nào cũng chấp chờn, thấp thoáng, không bao giờ minh thị cho ta thấy được chân tướng.
3. Tối: tác giả (Bùi Giáng), nói chung là con người (mỗi người, mọi người, nhân loại) qua bao thế hệ.
4. Bước qua: đi ngang qua tượng Phật, nghĩa bóng đi vào Lê Đạo, đi tìm Lê Đạo.
5. Hai lần: ám chỉ thơ ca và tôn giáo (ca triết học). Bùi Giáng vừa là nhà thơ vừa là người viết về Đạo học, Tôn giáo, Triết học. Hai lần còn có nghĩa là rất nhiều lần từ tưởng về lời Ngài.

6. Từ ngữ rụng hai lần: bao nhiêu lời lẽ, ngôn ngữ thi ca, tôn giáo nói về Ngài, về Lê Đạo đều rơi rụng, nghĩa là không đạt được.

7. Tờ sa mạc: lời thơ, trang thơ, bao nhiêu trang sách đã viết về Ngài, về Lê Đạo. Hiểu rộng ra là ngôn ngữ của con người chỉ là sa mạc, nghĩa là không chuyên chở được, không đủ sức khơi đào thẩm nhập được Lê Đạo. Có thể nhà thơ vừa ảnh hưởng lời Lão Tử: "Đạo khả đạo phi thường đạo" vừa ảnh hưởng lời Nietzsche "Sa mạc lớn dần" (Le Désert croit). Lời Lão Tử nói tính cách bất tu nghị của Đạo. Lời Nietzsche nói về cái sa mạc của nhân hoàn do từ ngôn ngữ tôn giáo, triết lý xưa nay hầu như tách rời tính thể khởi hiện thể (chân đế khởi tục đế) nên tạo biết bao hiểm họa cho cuộc sống, cuộc đời.

8. Bồi phong tẩy địa: làm dày thêm cơn gió (cơn lốc lịch sử), tẩy sạch mặt đất tức cuộc sống thế gian. "Tẩy sạch" nơi đây không có nghĩa "làm cho sạch" (purifier, rendre propre) mà là "xóa sạch, cuốn sạch, quét sạch" có nghĩa là hủy hoại, tàn phá (détruire, anéantir).

9. Câu thơ thủ ba: bao nhiêu trang triết lý, thơ ca tác giả đã viết cũng như ngôn ngữ con người (liên hệ với câu thơ thủ hai) dụng ý khơi đào Lê Đạo nhưng rốt cuộc chỉ làm dày thêm cơn lốc lịch sử, tẩy xóa hết mọi thi vị, mọi tinh anh của cõi thế gian, tạo thêm sa mạc cho cuộc sống.

10. Câu thơ cuối dồn hết, dốc hết tâm lực (trút linh hồn) để nói, để viết, cố tìm cho ra Lê Đạo nhiệm mầu đến phải quần quai khổ đau chẳng khác tấm thân bị quăng ném, ngụp lặn trong cuộc đời truân chuyên dâu biển để mưu sinh.

(Có lẽ cũng nên để ý đến phần "hình thức" bài thơ: Mỗi câu là một mệnh đề độc lập nhưng ý liên kết nhau vừa nói lên cái "bất khả từ nghị" của Lê Đạo, vừa nói lên cái "bất lực" của tác giả trong việc cố đi vào Lê Đạo. Từ ngữ mạnh: mẫu từ "t" được dùng 12 lần trong 24 từ, lấy đi lấy lại. Động từ mạnh, nhịp thơ dồn dập toàn bài nói lên cái "thất bại" nhưng vẫn hàm chứa cái "rạo rạo", cái "khí lực", cái "hào hùng" chứ không bức tức, ta thán, bi quan).

2. BÀI HAI (không nhớ nhan đề)

Bờ bến lạ lá cây rung cùng tột
Trận điều tàn bão hạo nhị giai nhân
Đường địa hạt ngày mai xin bữa mốt
Đội hôm nay từ hôm trước chuyên cần

Như màu lá nhỏ màu cây đầu ngô
Thị thành vui vì sắp sửa sang đào
Gió khuyến khích trong đập dồn hiểm họa
Hồn thu phong trường kiểm định cho bèo.
(Bùi Giáng)

Chú Thích:

1. Bờ bến lạ: ý nói "bờ bên kia", do ý "Đào bí nạn" của lời Phật.
2. Lá cây rung cùng tột: cả vạn hữu hân hoan rung động đón mừng "bờ bến lạ" (mượn hình ảnh "lá cây" chỉ thiên nhiên, vạn vật). Thời điểm "đào bí nạn" cũng là thời điểm "muôn vật đổi mới" theo lời Jésus và theo sách Khải huyền (Apocalypse). Người viết cũng cảm ứng điều này khi viết:

.....
*Cõi dưỡng hệ run run vàng ngợp ngợp
Khởi tình vẫn ổn ổn chuyển trùng trùng
Cả vũ trụ bỗng ngời ngời dậy sóng
Cả tinh cầu bỗng bùng bùng sôi chấn động
Khắp mười phương, khắp tám hướng đé mế
Muôn nghìn cõi, muôn nghìn lòng rạo rục
Dòng lịch sử chuyển mình lên náo nức
Hối hả về thời thế dựng thiên ân...*
(N. T.)

3. Trận điều tàn: dòng lịch sử qua bao biến cố thường hải tang điền.

4. Nhị giai nhân: ám chỉ thi ca và tôn giáo, hai lãnh vực đề cập và hướng con người đến Lê Đạo nhưng lại bị xem là phù phiếm, hão huyền. Thi ca chỉ là thủ "trang sức" cho tâm hồn những lúc rối rành, chẳng có ích lợi thực dụng vì không tạo ra của cải vật chất, không tạo ra tiện nghi văn minh; tôn giáo là thủ đầu độc tinh thần, ru ngủ con người trong những niềm tin mờ hồ huyền hoặc, cản ngăn ý chí tự do của con người. Có thể Bùi Giáng ảnh hưởng lời thơ của Gérard de Nerval:

... Et j'ai deux fois vainqueur traversé
l'Achéron
Modulant tour à tour sur la lyre d'Orphée
Les soupirs de la sainte et les cris de la fée...

Gérard de Nerval
(El Desdichade-Les Chimères)
(Sainte: Thánh nữ, tượng trưng cho tôn giáo)

Fée: Tiên nương, tượng trưng cho thi ca)
4. Câu thơ thủ hai: Dòng lịch sử trở trêu, dâu biển đã khiến Thánh nữ (tôn giáo) và Tiên nương (thi ca) đau lòng hay người lại: dòng lịch sử luôn luôn bào xát, dọ dầy Thánh nữ và Tiên nương, không biết rằng Tôn giáo và Thi ca luôn mời gọi, hướng dẫn lịch sử đến "bờ bên kia", đến cảnh sống không còn thị phi, sai biệt, không còn tòa chiết, dọ dầy.

5. Đường địa hạt: cuộc sống ở thế gian.
6. Ngày mai xin bữa mốt: nỗi thao thức tìm về Lê Đạo trải dài theo ngày tháng, hôm nay chưa phát hiện được thì ngày tối, ngày tối tiếp tục.

7. Câu thơ thủ tư: ý chí và ước mong của tác giả, cố liên tục suy tư, tìm tòi thì sẽ dần dà tìm ra. Do từ ngày trước "chuyên cần" (triền miên suy nghĩ) mà hôm nay phát hiện đôi điều. Câu thơ cho thấy việc tìm đến Lê Đạo không phải là một sớm một chiều mà phải "thiên trụ bách luyện, tín giải thọ tri"

MỘT CHUYẾN ĐI

• DIỆU HƯƠNG

Đã từ rất lâu tôi chỉ cầu mong một điều: Một lần trong đời được sang chiêm bái chùa Viên Giác, không chỉ đó là ngôi chùa lớn nhất Châu Âu của người Việt, và cũng bởi một điều sâu xa hơn nữa, ngôi chùa của một vị Thầy tôi vô cùng kính phục.

Visa vào Đức vẫn được coi là khó nhận vô cùng, thế mà cuối cùng tôi cũng được cầm trong tay. Có lẽ đó là phép Phật nhiệm màu đã trợ giúp. Một niềm vui dâng đầy trong tôi, có lẽ lâu lắm rồi tôi mới lại được trở về một cảm giác hoan hỷ trọn vẹn như thế, những buổi sáng phải dậy từ mờ đất để đứng xếp hàng trước Đại Sư Quán Đức đã lùi về phía sau, cái lạnh thấu xương 20-25 độ dưới không độ đã nhường chỗ cho một cảm giác ấm áp, thế là cuối cùng ước mơ lớn nhất của tôi đã sắp thành hiện hữu: được chiêm bái và sống một thời gian trong một ngôi chùa, một ngôi nhà của tình thương, một ngôi nhà tâm linh mà tôi mong được trở về.

Chiếc máy bay từ từ rời khỏi phi trường Moscow, thế là chỉ còn một vài tiếng nữa, tôi sẽ được đến một đất nước khác, một khung cảnh khác và chắc chắn với những phong tục, tập quán khác, ngôn ngữ khác mà tôi chưa một lần được tiếp xúc. Dù cố tự nhủ sẽ có những Đạo hữu người Việt sẽ ra đón, tôi vẫn không khỏi bồn khoăn, hồi hộp và lo lắng, một câu hỏi cứ hiện lên ám ảnh trong tâm trí tôi: không biết những gì đang đợi đây?

Nhưng ngay khi tôi vừa xuống sân bay Hannover, nhìn thấy sư chú Hạnh Vân và Đạo hữu Diệu Cam, nỗi lo của tôi biến đâu mất. Trên đường trở về chùa những câu chuyện vui vẻ, thoải mái đã nhanh chóng làm tôi cảm thấy vững lòng và quên đi cảm giác ngại ngùng lúc ban đầu.

Những giây phút đầu tiên đến chùa thật là cảm động. Các Sư Cô biết tôi đói sau chặng đường dài, đã thiết tôi một bát cháo thập cẩm thật ngon quá chừng. Hồi còn ở Moscow, Phật tử chúng tôi vẫn thường đùa rằng ở Nga chỉ có mỗi đặc sản là Cháo Thập Cẩm Chay có thể mang sang bên chùa Viên Giác để thiết đãi bề bạn vì sau nhiều lần Thọ Bát Quan Trai chúng tôi đã có được công thức nấu cháo vừa nhanh vừa rẻ lại vừa ngon. Thế nhưng nếm xong bát cháo của quý. Cô tôi từ bỏ hẳn ý định trở lại nấu cháo của mình, e các quý Đạo hữu ở đây, thường thì thưởng thật mà không ăn nổi món cháo của tôi!

Xung quanh tôi đâu cũng là tình đồng đạo, tình yêu mến, tình thương dành cho tôi. Các Sư Cô ân cần động viên: "ăn đi con", các Đạo hữu thì ân cần hỏi các công việc Phật sự bên Nga, chỉ bảo mọi điều ân cần tựa như tôi đã là một người thân đi vắng lâu ngày, nay lại trở về chùa.

Khi Đạo hữu Diệu Cam giới thiệu, hàng năm có chừng sáu ngàn người về chùa dự Tết, tôi không khỏi ngạc nhiên không hiểu các đạo hữu làm sao mà đón tiếp, lo chỗ ăn cho ngàn ấy con người, nội việc phân công ai làm gì cũng đã đủ chết rồi. Thế nhưng, chỉ

hôm sau, tôi đã được chứng kiến khung cảnh nhộn nhịp đúng là... như Tết, mà thật trời chày, tròn trịa ai vào việc nấy chẳng hề vướng bận nhau. Dòng người về làm công quả rất đông, ai cũng như tôi đi cả một chặng đường rất xa để được hội tụ về một ngôi nhà chung: Chùa VIÊN GIÁC. Tất cả mọi người dù đã gặp nhau hay chỉ nhìn thấy nhau lần đầu đều nhanh chóng hòa thành một đại gia đình, cùng góp phần chuẩn bị đón Tết. Tôi đã nhiều lần được đọc trên bàn tin hàng tháng của chùa về các sinh hoạt Phật sự ở đây, về sự khéo tay của các Sư Cô và Đạo hữu, nhưng tôi vẫn luôn luôn tròn mắt ngạc nhiên nhìn các Sư Cô nhanh nhẹn ngào bột làm hơn ba chục loại bánh khác nhau. Từng khay, từng khay bánh xếp dài chập cả mấy dãy bàn, thế mà các Sư Cô nói rằng bao giờ cũng thiếu bánh cho mọi người mua thỉnh về. Tất cả mọi người từ các bác cao niên như bác Diệu Anh, bác Quang Kính, bác Diệu Quế cho đến các em nhỏ trong Gia Đình Phật Tử đều làm việc không nghỉ ngơi, luôn miệng vui cười. Suốt cả đời, chưa bao giờ tôi được dự một cái Tết nào vui như thế, đầm ấm như thế. Tôi cứ mong ngày tháng trôi chậm lại để được thưởng thức cái hưởng vị vui vẻ và thân thương ở đây lâu hơn.

Trong thời gian ở chùa tôi còn được tháp tùng Thầy trụ trì đi dự lễ đón Xuân ở Chi Hội Frankfurt. Hàng ngàn người Việt ở rải rác khắp vùng đã tụ hội về đây đón Xuân. Thế mới biết, cái hồn Việt đi đâu cũng tìm về với nhau để cùng thưởng thức, cùng ôn lại những phong tục, tập quán của cha ông. Anh Quảng Ngộ còn kể cho tôi về sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử "Tâm Minh" ở đây. Trước đây tôi cứ ngỡ Gia Đình Phật Tử là cả nhà cùng là Phật tử. Hóa ra khái niệm "Gia Đình Phật Tử" rộng và sâu sắc hơn rất nhiều. Đó không chỉ là một tổ chức xã hội rộng rãi có nhiều sinh hoạt bổ ích, đó còn là một gia đình lớn nhằm giáo dục các em nhỏ cả về "đức" lẫn "tài". Trong Gia Đình Phật Tử Tâm Minh có rất nhiều em nhỏ đã phát nguyện làm việc bố thí cho người nghèo, dù các em vẫn còn đi học. Em Thiện Thế đã nhờ tôi mang 50 DM tặng cho người nghèo ở Nga và tôi đã làm ngay khi về đến đất Nga.

Chuyến đi lần này tôi không chỉ "nhìn" thấy nhiều điều, mà còn "học" được rất nhiều điều bổ ích. Chú Hạnh Tử đã thu cho rất nhiều bằng thuyết pháp và dạy cho cách đánh chuông mõ. Mọi người ai cũng mong tôi tinh tấn và có nhiều tiến bộ trên con đường tu tập. Biết tôi muốn tìm hiểu về lịch sử Phật Giáo Việt Nam, Thầy trụ trì còn cho tôi rất nhiều kinh sách về chủ đề này để nghiên cứu. Nhưng có lẽ cái quý giá nhất tôi nhận được ở chùa là tấm lòng bao dung từ bi của các quý Thầy, quý Cô và Đạo hữu luôn dành cho tôi. Khi phải chia tay mọi người trở về lại Moscow tôi thấy buồn nhớ như phải xa gia đình ruột thịt đã gắn bó với tôi từ rất lâu. Trước đây tôi cứ ngỡ rằng chỉ cần một lần đến chùa tôi đã mãn nguyện lắm rồi, nhưng giờ đây tôi lại mong có dịp được trở lại đây, được gặp lại những con người tôi yêu quý và được ngắm nhìn ngôi chùa xiết bao thân thương này.

theo gót chân kham nhẫn của dòng tử Thiện Tài trong Kinh Hoa Nghiêm. M. Heidegger cũng cùng ý đồ khi nói về "Kinh nghiệm tư tưởng": "Penser, c'est se limiter à une unique idée, qui on jour demeurera comme une étoile au ciel du monde" (M. Heidegger: L'Expérience de la pensée, bản dịch Pháp ngữ của André Préau, Gall. Paris 1966, trang 21).

8. Câu thơ thứ năm: Mượn "màu lá nhỏ màu cây" để nói về sự "quy hồi cố quận" (le retour au sol natal) tức là trở về với nguồn cội, nguồn gốc (origine), với khởi nguyên nhưng không phải cái khởi nguyên của thuở ban đầu mà là cái khởi nguyên của hồi chung cục ở trạng thái cao hơn vì cái khởi nguyên luôn dịch chuyển về tương lai, đấy là dòng vận hành của Lê Đạo để chấm dứt một kỷ nguyên sinh hóa hầu lại khởi nguyên cho một kỷ nguyên tiếp theo, cử thế tiếp tục cho đến thời điểm mà Lê Đạo thị hiện toàn diện, thị hiện viên dung tức thời điểm mà vạn hữu - nói riêng về con người và nhân loại - đạt được cái Tính thể ban sơ, cái "bản lai diện mục", cái Tâm như toàn bích. Lê Đạo vì thế định ra dòng tiến hóa của vạn hữu và suy tư về Lê Đạo là suy tư về cái "toàn diện", "toàn bộ" và suy tư về cái "toàn bộ" không thể nào không suy tư về ngọn nguồn, về "gốc rễ", nói theo M. Heidegger là "... cet accès au tout" comme un "accès aux racines".

9. Thị thành: nơi tập trung văn minh cũng là nơi tập trung sa đọa.

10. Sang đèo: vượt qua mọi trắc trở, gây đổ.

11. Câu thơ thứ sáu: Hưởng về nguồn cội, nền văn minh của nhân loại sẽ tránh được mọi hàm hồ, khổ đau từng gây ra cho nhau để tạo được cuộc sống vui tươi, an lạc, hạnh phúc cho tất cả.

12. Câu thơ thứ bảy: Côn lốc lịch sử (tượng trưng qua hình ảnh của gió) tiếp tục liên tiếp gây hiểm họa cho cuộc sống thế gian.

13. Hồn thu phong: lấy ý Nho giáo: "Đức kẻ quân tử như gió, đức kẻ tiểu nhân như cỏ".

14. Trường kiếm: cây kiến dài, ám chỉ cái năng lực của hiểu biết, suy tư và hành động hưởng về các Đức sáng, cái Đạo tâm theo ý "Đại học chỉ đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện". Nguyễn Du đã viết:

Yếu gian trường kiếm quải thu phong
(Thanh trường kiếm ngang lưng mang chõ gió thu)

15. Dụng cho bèo: thiết lập cảnh sống an lạc, thánh khiết cho tất cả và khắp nơi nơi, thoát cảnh "Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê" (Ôn Như Hầu).

16. Cả câu thơ cuối: câu thơ tiêu biểu ý chí của Bùi Giáng: đem cái đức độ quân tử, đức độ kẻ trượng phu, hành động giúp đời.

Trong suy tư đi tìm Lê Đạo, Bùi Giáng đã thẩm nhập cả Đạo học Đông Phương, cả Triết lý Đông Tây kim cổ nhưng cái Lê Đạo kỳ bí vẫn chưa được nhìn ra tận tường, minh thị nên Ông vẫn còn mài miết thắc mắc suy tư.



TRÀ LỮ, NHÀ VĂN CỦA THỜI ĐẠI... LY HƯỜNG

. VŨ KÝ

Một nhà văn hình như là Mahmud Taymur có nói: "Nhà văn có chân tài bao giờ cũng biết rút ra từ những gì đúng đắn, trang nghiêm, trọng vọng đến những cái tầm thường, khinh bạc, thô suất trên đời để làm sinh chất cho tác phẩm của mình. Họ rong ca những ảo vọng, hoang tưởng mơ hồ mà cũng không quên thực tại thấp hèn, ti tiện. Họ cảm thông với thiên thần, thánh chúa nhưng cũng sẵn lòng dung nạp yêu ma, ác quỷ. Họ nói chuyện trên trời dưới đất qua một diễn xuất mỹ lệ, với bút pháp tân kỳ thừa sức cảm dỗ và thôi miên người đọc".

Nhắc đến lời nhà văn Ba Tú nói trên, bỗng nhiên tôi nhớ đến nhà văn TRÀ LỮ của chúng ta với rất nhiều sáng tác của ông được liên tiếp ấn hành gần đây. Nào *Miền Đất Hạnh Phúc*, *Miền Đất Hứa*, *Đất Mối* rồi *Đất Thiên Đường* và bây giờ là *Đất Yêu Thương*...

Quả đúng vậy, trên chiếu ngồi của Văn Đàn Việt Nam hải ngoại hiện nay, nhà văn Trà Lữ đã giành được danh dự xứng đáng với nhiều đặc trưng độc đáo về văn phong, về bút pháp và về chất liệu nội dung trong các sáng tác phẩm của mình.

Không có may mắn gì trong cái thế giới sự, thiên hạ sự phức tạp xô bồ, quý giá hay ti hạ này mà thoát khỏi lăng kính muốn màu của trí óc bách khoa và ngòi bút bách biến đầy sinh động của ông.

Cái tài hoa mà tôi muốn nhấn mạnh ở văn tài, Trà Lữ chính là sự dẫn dắt, thẩm đượm trong văn chương cái khí vị ỉ ai có được của một tinh thần trào lộng rất thành công, gây cảm hứng thú vị thỏa thích cho mọi trình độ và mọi lứa tuổi độc giả.

Trong tất cả tác phẩm của mình, Trà Lữ gây được niềm vui ý nhị chọc cười. Có khi ông nói đùa mà ông không đùa, ông nói giỡn mà ông không giỡn vì nụ cười hồn nhiên thắm lạng vừa tắt trên môi người đọc mà ý vị đáng cay nào lòng gợi rất nhiều trầm ngâm triết lý sâu xa cho tất cả chúng ta trong cảnh sống ly hương dạt dào biến cố, nỗi niềm.

Sự mê hoặc của văn chương khi đạt đến độ cao nghệ thuật nhất là ở trường hợp nhà văn Trà Lữ với cái biệt tài kể chuyện của ông là thế đó. Hễ đọc giả đọc dòng đầu một tác phẩm của Trà Lữ là khó kiềm chế nổi phải đọc xong đến dòng cuối mà chưa đã thêm...

Hãy nghe ông nói về thân phận con người cùng thiên đàng và địa ngục với tài bàn chuyện phiếm thông kim bác cổ của ông. Đây chỉ là một điển hình trong muôn nghìn điển chứng khác:

"... Mấy em đầm tự nhiên kêu nhức đầu. Cha ơi, xin cha kể chuyện khác đi, chuyện

nào vui của Canada đi. Cha Paulo này giỏi lắm. Ngài chuyển đề tài ngay. Xin kể chuyện Trung Đông. Bên Ai Cập có một câu đố rất nổi tiếng, như sau: Sáng đi bốn chân, trưa hai chân, chiều ba chân, tối tám chân. Đó là con vật gì?

Câu đố hiểm thiết. Mọi người tịt hết. Ngài bèn thủng thẳng đáp: Đó là con người. Sáng đi bốn chân nghĩa là khi còn bé thì phải bò, với hai tay và hai chân. Lớn lên, buổi trưa cuộc đời thì đi bằng hai chân. Về già, buổi chiều cuộc đời, phải chống gậy. Rồi đêm đen thần chết tới, ta còn đi được chân nào nữa đâu. Bốn người khiêng quan tài ta ra nghĩa địa, bốn người thì tám chân. Đó là con người và kiếp người.

Thấy không khí nghiêm trang quá, Cha Paulo nói ngay: Tôi xin trở về lời yêu cầu của mấy cô lúc đầu. Các cô hỏi là có nên tôn vinh phụ nữ không. Xin trả lời ngay: Nên lắm chứ. Cứ xem chuyện Chúa Jesus đi rõ. Khi Ngài bị bắt và bị giết, các môn đệ đàn ông chạy trốn hết. Đứng dưới chân thập tự, giữa vòng vây kẻ thù, là hai nữ môn đệ và mẹ Ngài..." (Đất Thiên Đàng, trang 56).

"... Tôi chờ mọi người im lặng rồi mới nói: Á Châu quan niệm thiên đàng và hỏa ngục không phải ở ngoài mà ở ngay trong lòng mình. Rằng bữa đó có ông ngụ lâm quân da trắng từ trời Âu sang phương Đông học đạo. Ông đến gặp một Thiên sư. Ông muốn biết chỗ nào là thiên đàng, nơi nào là hỏa ngục.

Thiên sư bèn hỏi: Anh làm nghề gì? Ông ta uồn ngực chỉ vào guồng đeo bên hông và huy chưởng vàng trên ngực: Ta là ngụ lâm quân của Đại Hoàng Đế Âu Châu. Nhà sư thủng thẳng đáp: Con người tầm thường như anh mà được nhận vào ngụ lâm quân có à! Lại còn đeo guồng nữa. Tử ông anh thì biết gì về guồng! Ông quan ngụ lâm nghe tới đây bèn nổi giận, tuốt guồng chỉ vào mặt Thiên sư: Người đã xúc phạm tôi Đại Đế, xúc phạm tôi ta, người phải xin lỗi ngay, nếu không ta chém đầu! Nhà sư cười: Đấy, đấy! Ông đang mở cửa hỏa ngục đấy! Ông quan bình tĩnh, cúi đầu tạ lỗi và tỏ ra hối hận. Nhà sư bèn dịu dàng: Bây giờ thì ông đang mở cửa thiên đàng!" (Đất Thiên Đàng, trang 146).

Trong nền văn học phương phú đa dạng của Pháp, nhà văn Guy de Maupassant nổi tiếng vì những câu chuyện hấp dẫn, lời cuốn người đọc mà chính Trà Lữ cũng nói lớn lên sự say mê của mình đối với văn tài khả ái ấy:

"... Chuyện chàng Bobbitt làm tôi nhỏ chuyện rỉ sét của nhà văn Guy de Maupassant. Tôi mê các truyện ngắn của nhà văn Pháp này quá. Nó dí dỏm và duyên dáng làm sao! Các cụ nhỏ chuyện này không? Chuyện Nam tước Hector, 50 tuổi, sồn sồn, góa vợ, vừa cù lần vừa bắt lức ấy mà. Hector được bạn bè giới thiệu nàng Berthe, cũng góa như ông, mới 40 tuổi xanh và đẹp phơi phới. Ông thích nàng quá, và nàng cũng thích ông quá. Bạn bè giục làm lễ cưới thì ông xin khất. Ông lên Paris ít lâu rồi trở về tuyên bố không cưới nàng được. Bạn bè gan hỏi thì ông bảo mấy mớ của ông để lâu không xài nên nó rỉ sét hết rồi! Ông lên Paris tốn rất nhiều tiền nhờ các em đầm ra lại máy và cho máy chạy lại, tuồng chạy được, nào ngờ hư! Đọc xong chuyện này, có người thắc mắc: Chẳng lẽ vậy sao? Cứ để lâu không xài là hỏng luôn sao?

Nhưng thôi, chuyện hình nhi hạ này không thích hợp Mùa Giáng Sinh, xin thông qua. Xin kể chuyện hình nhi thượng thanh cao, chuyện mấy em đầm trong sở tôi..."

Kết câu chuyện lở lững hồn nhiên như Trà Lữ thực là có duyên và ý vị vô cùng! Người ta nín thở bồn chồn nghe ông kể tiếp chuyện mấy em đầm trong sở...

Nhưng mỗi câu chuyện của Guy de Maupassant là một chuyện ngắn chính hiệu còn ở Trà Lữ, mỗi trang viết của ông gồm nhiều mẫu chuyện ngắn, hết sức ngắn mà vẫn học Anh gọi là Strue Story (Truyện Hoa dịch là thực tại đích cố sự). Khi bố túc cuốn Nghệ Thuật Viết Văn - Đọc Văn (dày 700 trang in lần thứ 5, Huế Ký. Cuối 1997, soạn giả là chúng tôi đã xin phép nhà văn Trà Lữ để trích dẫn từ những tác phẩm của ông nhiều câu chuyện rất ngắn ý nhị, duyên dáng này làm khuôn mẫu cho thể văn giai thoại về thuật sự, bên cạnh các thể loại khác như truyện ngắn (conte), tân truyện (nouvelle), truyện giang hồ thuyết (roman-fleuves) và đại hải tiểu thuyết (roman-océan) hiện có trong nền Văn Học Việt Nam và thế giới.

Giả thực, các tác phẩm của Trà Lữ mới đúng là một kho tàng "thực tại đích cố sự" (Strue Story) nội dung không có gì truyền kỳ nhưng lối cuốn người đọc một cách khác thường...

Cho nên khi sắp xếp, phân loại các nhà văn thơ về thể loại này trên văn đàn hải ngoại và trong nền văn học Việt Nam hiện đại, chúng tôi chỉ thấy độc nhất có mỗi một mình Trà Lữ xứng đáng mà thôi.

Sau đây là một vài strue story Trà Lữ: Nào ông mĩa mai các "đấng Hà Nội" quê mùa đần độn:

"... Trước đây ông bạn từ Sài Gòn sang kể một câu chuyện mà tôi chỉ coi là tiểu lâm, bây giờ thì tôi thấy ông bạn đã kể đúng sự thực. Ông là giáo sư văn chương, tài giỏi, nên đáng mỗi giao công tác bổ túc văn hóa cho các "xếp" lớn vào buổi tối. Các "xếp" này chưa qua bậc tiểu học, toàn lẫn L với N. Sau ba tháng thực tập về phát âm, thầy giáo bèn khen để khích lệ tinh thần: "Các anh đã tiến bộ vượt bậc, không còn lẫn L với N nữa". Xếp trưởng lớp bèn giơ tay phát biểu: "Nhưng nầu nầu chúng tôi vẫn năn en nờ cao với en nờ nùn đấy!". Chuyện còn dài, xin bàn tiếp những lần sau".

Rồi đến ông O.D.P. cũng là suối nguồn vô tận tuồng ra giai thoại, chuyện vui nho nhỏ không ngừng, phần lớn nhắm vào chế độ "chó ngựa xuống hàng" ở trong nước:

"... Ông O.D.P. nghe xong, người giận, bảo cái chuyện đập radio này cũng hao hao giống cái chuyện đập lá đa của Tô Hoài. Rằng Tô Hoài từ ngày theo VC thì được làm quan lớn trong văn giới, nhưng văn chương không còn giá trị gì nữa.. Trong cuốn "Cát Bụi Chân Ái" của Tô Hoài chỉ có mỗi một chuyện này là nghe được: Rằng có một bà già sắp hàng mua cá đầu năm. Khi đến lượt thì cô hàng quốc doanh từ chối không bán cho bà, cô bảo cá bán theo phiếu cán bộ! Bà già la lên, vỗ vào phía dưới bụng mà rằng: Cha thiên nhân cái này! Sao mà không để ra cán bộ mà chỉ để ra thằng nhân dân! Tổ cha nhân dân!..."

Rất kiên định lập trường, có khi khéo léo, có khi bộc trực, ông mặt sát không tiếc lời cái

đốt nát, ngu si của đám cán bộ CS rùng rú và từ cách khuyến mại hèn hạ của bọn họ:

"... Một vị khác kể chuyện Hà Nội. Rạng đêm đó đại vương Đặng Tiểu Bình gọi điện thoại cho tiểu vương Võ Văn Kiệt. Hầu chuyện xong, Kiệt nằm lăn xuống giường, mở hời vãi ra như tấm. Vợ hỏi: Vua Tàu bảo ông những gì mà không nghe ông nói lại một câu, toàn "ạ". Mà sao giữa chừng tôi nghe một tiếng "không" rồi ông lại ạ tiếp, là thế nào? Kiệt trả lời: Nó bảo mình cất đất biên giới, nhường quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, mình phải "ạ" chứ cãi với nó làm sao được. Mình mà cãi với nó, nó giận nó buông mình ra thì mình chạy đi đâu bây giờ? Ở giữa câu chuyện tôi nói một tiếng "không" là vì lúc đó nó hỏi "ta toàn nghe mi ạ, mi ạ hoài như vậy có mỗi miệng không. Tôi phải can đảm trả lời "không". Thế thôi. Irina nghe xong, thích quá sức..."

Người Anh có cái tài khôi hài được gọi là khôi hài lạnh nghĩa là không cười nhưng chết đống trong tâm can đối tượng. Phần người Việt chúng ta, ngoại trừ một ít chất liệu bác học của những người có chữ nghĩa khi mặt sát nhau hay chọc cười một cách thâm thúy còn thì phần lớn xoay chung quanh những đề tài không mấy thanh cao. Và có lẽ thiếu cái chất tục ấy là yếu tố "vi quân", trong các mẫu chuyện tiểu lâm truyền lại từ thời nào thì tưởng khó chọc cười ai được. Trà Lũ kể rất nhiều chuyện tục - tục vô cùng! nhưng khi vừa đóng liều lượng thì ông "tớp" lại. Có khi diễn đạt vừa kín vừa hở nhưng rồi ai ai cũng đều đoán được câu kết... Và lúc người nghe người đọc mỗi thấm nửa chừng thì Trà Lũ cho vợ chàng John hoặc chị Ba Biên Hòa hay bà đầm già ở sở xuất hiện cắt ngang hay ra lệnh chấm dứt câu chuyện tục tĩu để trở về lương thiện và có giáo dục hơn...

"... Bữa cơm ở nông thôn có 2 mâm. Mâm trên dọn trên hè có 2 bố con Lâm và Hiếu; Mâm dành riêng cho các bậc khả kính. Mâm dưới dọn ở sân, dành cho đàn bà và trẻ nít.

... Chị Hiền nói: "Các cụ xơi tự nhiên". Thăng Tiến đôi: "Cho em làm các cụ với!". Mẹ Lâm gạt đi: "Hôn nào! Chim bồng quạ ớt thì làm các cụ ra sao?". Cái Khanh bụm miệng cười. Tôi đỏ mặt. Bà Lâm thở dài: "Các cụ toàn chim to". Mọi người cười lẫn.

... Bà Lâm bảo: "Ăn đi con ạ. Đàn ông nó chẳng tưởng mình đâu. Rượu thì nó ngồi mâm trên. Ngủ thì nó đi lên mình". Bố Lâm gắt: "Bà lão hay nhi!". Bà Lâm lăm lăm: Hay con mẹ mày! Tao tám mươi tuổi đi nói sai à!..." (Trà Lũ trích theo Nguyễn Huy Thiệp, trang 47-48)

Tôi đã trình làng chút chút về những mẫu tiểu lâm thiệt là nhẹ mà vui của Trà Lũ. Còn có lắm gay cấn và hấp dẫn về mục này. Đọc giả bốn phương cần tìm đọc thêm của Trà Lũ để cười vỡ bụng. Xin dành bát ngọ cho hải nội chú quân tử. Bên cạnh những tầm thường, thấp lè tè linh tinh ấy trong con người và xã hội mà nhà văn trình diễn trong tác phẩm mình - nhiều nhiều vô kể - Trà Lũ còn rạo giáng và thuyết minh nhiều vấn đề ở phạm vi học giả nữa, như chính trị, kinh tế, ngôn ngữ học, xã hội học v.v... Hãy nghe người ta nói về Cụ Sáu Trần Lục, một nhân vật lịch sử ở miền Bắc vào cuối thế kỷ trước:

"... Ông vừa là nhà tu hành đạo đức thánh thiện, vừa là một quan đại thần của bốn triều vua Nguyễn, vừa là một nhà văn xuất khẩu thành thơ, vừa là một kiến trúc sư tài ba xây cất ngôi nhà thờ lớn Phát Diệm rất đồ sộ, theo cấu trúc hoàn toàn Việt Nam ngay trên miền đất tân bồi. Trần Lục còn là người hoàn thành công trình dinh điền của cụ Nguyễn Công Trứ ở đất Kim Sơn.

Trong sách có nói đến một câu đối rất hay. Rằng khi Tiến sĩ Trần Bích San vừa về nhậm chức Tuần phủ trong miền thì cụ Trần Lục tới chào. Nghe tin cụ Sáu Trần Lục là người hay chữ nên quan Tuần phủ ra một câu đối, có ý trêu:

"*Một đạo chẳng hai đường, đạo dẫn trộm, đạo còn nói láo*"

Quan Tuần vừa có ý chơi chữ, đạo là đường, đạo còn có nghĩa là ăn trộm và nói láo, vừa có ý chê đạo của Cụ Sáu là đạo bán nước.

Cụ Sáu đáp lại ngay:

"*Bốn cụ ngồi một cỗ, cụ dủ đều, cụ chẳng sợ ai*"

Đọc xong cuốn sách, tôi thấy quả thật Trần Lục là một trong ba nhân tài Công Giáo lỗi lạc vào cuối thế kỷ trước: miền Nam có Petrus Trương Vĩnh Ký (1837-1898), miền Trung có Nguyễn Trường Tộ (1827-1871), miền Bắc có Trần Lục (1825-1899). (Đất Yêu Thương - 223-224)

Rồi ông bình luận về chiếc áo dài Việt Nam, tinh mẫu tử trên thế giới. Cách cư xử của người Việt đối chiếu với người ngoại quốc về cái cao trọng của dáng làm cha làm mẹ.

Ở đây, mỗi năm một lần, con cái mỗi nhỏ tới mẹ, mỗi mua quà, mỗi mua thiệp, mỗi mời đi ăn tiệc. Việt Nam mình hơn hẳn họ mọi mặt. Chúng ta yêu mẹ quanh năm. Từ bé tí cho đến trưởng thành, chúng ta quấn quýt bên mẹ.

Mẹ già như chuối ba hương,

Như xôi nếp một, như đường mía lau.

Chỉ có người Việt Nam mới diễn tả sống động được lời định nghĩa về mẹ. Mẹ tượng trưng cho những gì chín nhất, ngọt nhất, quý nhất.

Tiếng mẹ là tiếng đầu môi. Lời đầu tiên đứa bé biết nói là tiếng "mẹ".

Mỗi khi cô đơn hay đau khổ, ta đều nhớ tới mẹ. Tôi rất thích bài thơ của Yên Thao khi viết về tâm sự một thanh niên ngoài Bắc bị bắt đi lính bộ đội vượt Trường Sơn vào "giải phóng" miền Nam.

Tôi còn người mẹ già

Tóc ngã màu bông

Tuổi già non thế kỷ

...

Mẹ hiền ơi, con chợt nhỏ quê mình

Khôi lam chiếu, giàn mướp lá lên xanh

Con bươm nhỏ, mái đình xưa, nhỏ quá

...

Vào nơi đây, nào giải phóng gì đâu!

...

Nhà văn Trà Lũ bên cạnh những bài viết là những tùy bút, theo dòng, một thể loại phóng túng, vượt khuôn sáo cũ nghiệp hay lệ luật ấy bàn ra tán vào về mọi thế sự, nhân tình rất thành công. Ông còn bàn đến Đất Nước về những vấn đề vô cùng nghiêm túc, quan yếu, văn hoá. Và ở các lĩnh vực việc này,

ngòi bút của nhà văn nghiêm trang và thánh thiện một cách lạ kỳ:

Bữa ăn mừng sách mới của tôi. Đủ mặt bạn bè. Cụ Chánh ra lệnh: Hôm nay chỉ được nói chuyện văn chương, cấm hẳn chuyện tục tĩu. Mọi người tuân lệnh. Vừa ăn vừa nói chuyện, thiệt là vui. Giữa bữa thì chàng John xin đổ một câu. Câu này gốc Phần Lan. "Đàn ông cần em, đàn bà cần em, loạn lạc thái bình có em. Vắng em thì trẻ sinh ra không được rửa tội, trai gái chẳng nên vợ nên chồng. Đó là cái gì?". Ông bạn già của tôi ngẫm nghĩ một lúc rồi phàn: Người Phần Lan đã ăn cắp ý của câu đố Việt Nam ngày xưa. Câu đố như thế này:

Làm nên ngựa cõi tàn che

Lấy năm bảy vợ cũng vì có em

Chàng John nghe xong, gật đầu đồng ý liền. Ngoài ông bạn già và chàng da trắng này ra, không ai hiểu gì. Tịt hết. Chàng John đắc ý, giải thích: Thưa, đó là cái bút. Cái bút giúp trai gái viết thư tình cho nhau. Cái bút viết ra lời tuyên chiến hay hiệp định hòa bình. Cái bút ghi tên trẻ sơ sinh vào sổ rửa tội ở nhà thờ. Cái bút ghi tên cô dâu chú rể vào giấy giá thú. Đó là lời giải cho câu đố Phần Lan. Còn trả lời câu đố Việt Nam thì như thế này: Cây bút viết nên bài văn tiến sĩ, biển thí sinh bạch diện ra ông nghề, được vua ban cờ lọng về vinh quy bái tổ. Ngày xưa "liền ông" xử Việt được lấy nhiều vợ. Vợ cả vợ lẽ đều được cái bút ghi vào sổ rõ ràng.

Rồi ông luận về nghệ thuật viết văn. Rất khiếm nhường nhưng rất thông thái và súc tích. Tôi tưởng mình biên soạn cả một pho sách dày về Việt văn Việt Nam cũng không đủ ý bằng!

"... Muốn viết văn hay thì phải làm những gì? Chàng hỏi làm người! Làm sao tôi đủ chữ đủ vốn để bàn vấn đề lớn như vậy. Tôi viết chuyện tầm phào, chú cò viết văn dẫu. Ông bạn già nhắc chung bản tiếng, vốn nhà giáo, có thực học, đã cứu tôi. Ông bảo khó gì. Anh là người Hồng Mao không đọc sách thánh hiền Việt Nam nên không biết đó thôi! Cụ Lê Quý Đôn của chúng tôi đã dạy con cháu rất rõ. Cụ dạy rằng muốn văn hay phải hiểu biết nhiều, từng trải nhiều. Văn chương chủ nghĩa không phải là lời nói suông. Trong bụng không có vạn cuốn sách, trong mắt không có núi sông kỳ lạ, thì không thể làm văn được. Người Trung Hoa cũng nói như vậy. "Đọc phá vạn quyển thư, hạ bút như hữu thần", nghĩa rằng đọc hết vạn cuốn sách thì hạ bút sẽ như thần. Hoặc "Thực đọc Đuồng thì tam bách thủ, bất hội ngâm thì dã hội ngâm", nghĩa là đọc thuộc 300 bài thơ Đuồng thì dù không biết làm thơ cũng sẽ phải biết...

Trong tác phẩm Trà Lũ nói rất nhiều về nghệ thuật ăn uống và nói rất thiện nghệ về những bí quyết tăng khẩu vị khi ăn các món Việt Nam, thực thắm thía đến lục phủ ngũ tạng, nhất là trong cảnh ly hương của chúng ta mà hoàn cảnh và môi trường chất liệu về nấu nướng không đầy đủ như hồi còn trong nước. Tôi bỗng nhớ đến nhà văn Vũ Bằng và một ít Nguyễn Tuấn cộng lại, biên chế thành người thực khách sành điệu là Trà Lũ. Nếu Tân Đà còn sống có lẽ người cũng sẽ mời Trà Lũ cùng ngồi chung một chiếu rượu với mình để nhấm miếng thịt gà cầy hay thịt chó bào chế công phu hoặc đĩa cơm hến xử Huế:

... Người Huế mà nấu cơm hến thì tuyệt vời. Lần đầu tiên được ăn cơm hến kiểu Huế, tôi thấy ngon hết sức. Tôi cảm thấy say sưa ngay ngất đúng y như nhà văn Trần Kiêm Đoàn đã viết:

"... xúc muốn cơm hến đầu tiên đưa lên miệng, cảm giác tức thời là mùi thơm ngây ngất của các loại rau, khế, chuối cây, chuối bắp hoa, vôi vị ngon ngọt mà của nước hến, vị mặn nồng của ruốc, vị béo ngây ngây của tóp mỡ, vị chua thanh thanh của khế, cái chất the the của chuối và nổi bật nhất là vị cay của quýt khốc thần sầu của ớt tằm. Muốn cơm hến "khai hòa" đối với tôi có một mùi vị nồng nàn vừa quen vừa lạ. Cái quen đến từ chất liệu truyền thống của quê hương và cái lạ phát ra từ cách pha trộn chế biến..."

Muốn cơm hến thứ hai vừa ăn xong hình như có một cái gì làm tôi chùn lại. Một cảm giác nóng bỏng chạy dài râm ran từ cổ họng, lên hai mang tai, tràn qua mắt, trôi vào mũi. Tôi chợt nhận ra đây là cái cay ác liệt của ớt tằm.

Muốn cơm hến thứ ba có sức đánh tan những mộng mơ và thành sầu chất ngất trong tôi. Mồ hôi, nước mắt, nước mũi chan chứa chảy dài..."

Rồi ông ca tụng các món ăn Việt Nam qua sự tán thưởng của bà đầm già trong số:

... Bà đầm già trong số nghe nói đến món ăn tay gấu hầm thuốc bắc thì lắc đầu quầy quậy. Điều này vượt quá sức tưởng tượng của bà. Tôi hỏi: Bây giờ nếu bà được mời đi ăn và có quyền chọn nhà hàng thì bà chọn nhà hàng Tàu hay nhà hàng Việt Nam? Bà đáp ngay: dứt khoát nhà hàng Việt Nam. Bà đã bị tôi và chị Ba Biên Hòa bỏ bùa từ ngày ăn chà giò và nước mắm. Mỗi tuần trước đây, vừa tối số, bà chạy tôi tôi chỉ cho xem tờ Nữ Uớc Thời Báo số ra ngày 20 tháng Chín. Tờ báo uy tín quốc tế này đã có bài nhiệt liệt đề cao món ăn Việt Nam. Đây là một hành diện lớn lao cho chúng ta vì không dễ gì mà món ăn Việt Nam được tán dương nồng nhiệt như vậy. Bài báo đã ca ngợi món ăn Việt Nam là rất tốt cho sức khỏe vì có nhiều rau, nhiều gia vị và ít mỡ, khác hẳn món Tàu...

Trà Lũ là nhà văn tài tử, ông thích thú nghiên cứu đủ mọi ngành, minh học, nhân chủng học, ngôn ngữ học, dân tộc học v.v... - những kiến thức thích ứng với văn hóa Việt Nam so sánh với Âu-Mỹ, ông luận về lối nói, lối viết của người Việt, về cách đối xử với khách nước ngoài, ông hành diện trình bày về gia phả của dòng tộc mình qua bút hiệu Trà Lũ, đượm rất nhiều tình yêu nước, yêu quê hương qua một cuộc trở về nguồn thăm thiết.

Tôi còn nhớ cách đây 4 năm, khi soạn thảo cuốn Luận Cương về Văn Hóa Việt Nam (trong và ngoài nước) nhà văn Trà Lũ đã sưu tầm trong tạp chí Mỹ, gửi đến cho tôi một bài báo dài viết bằng Anh ngữ - nhà nhân chủng học ấy đưa ra một giả thuyết đáng tin cậy. Phải chăng các bộ lạc ở Nam Mỹ nguyên sơ là gốc người Á Châu di dân sang đó vào thời cổ đại nào.

Xin mời đọc giả thưởng thức đoạn văn nói về lai lịch của địa danh Trà Lũ, một cổ địa văn hóa của miền Bắc nước ta trong tác phẩm Đất Thiên Đường, trang 96.

Ngoài cấu trúc câu chuyện, cái biệt tài dựng nhân vật trong truyện của Trà Lũ là

một nét độc đáo, là một đặc trưng ít ai bị kịp. Sôi động trong tác phẩm có đủ thành phần xã hội, đủ tôn giáo, nghề nghiệp ở mọi quốc gia, chủng tộc trên quả đất miễn họ chủ động trong một tinh tiết, biến cố cấu cái về đặc biệt của một sắc thái văn hóa... Thánh, tiên, tục, yêu, ma chung sống có khi hiền hòa, có khi xung khắc nhau trong nhiều bài viết của Trà Lũ...

Nào ông Bắc Kỳ đi cũ, ông H.O. mời qua Mỹ, Cô Ba Biên Hòa, vợ chàng John, chàng rể khác màu da, sính nói linh tinh về văn hóa Việt, ông Ô Di Li, bà Ô. Đi Ghe, ông Phán, cụ Chánh, ông nhà văn, vị Chuẩn tướng, cụ B.95 nào Phật Bà Quan Âm, Đức Mẹ La Vang, nào nhà truyền đạo Hồi tên là Abdul Talib Harun mới 35 tuổi mà có đến 10 vợ, bị phạt 2 năm tù ở về tội lấy đủ 6 vợ, dù được cả 10 vợ binh vực cho ông ta trước tòa... Rồi ông nhắc đến chuyện bà đầm già, các cô đầm trẻ non chuy làm chung ở số, mỗi khi nghe mẩu chuyện tục tĩu, hay tiếu lâm về Sex thích chí thì đầm nhau thùm thụp hay cười hắc hắc suốt buổi... Quả thế, ông là một kho tàng "thực tế đích cơ sự" nếu nói theo văn học Trung Hoa và Anh quốc.

Các nhân vật của ông, mỗi người một vẻ, mỗi chân dung là một hiện tượng xã hội, mỗi câu chuyện là một bi hài kịch thời đại nhỏ nhỏ cuốn hút chúng ta làm chúng tôi nhớ đến tác phẩm để đời: "Những Cá Tính Đặc Thủ" (Les caractères) của nhà văn trứ danh Pháp La Bruyère vào thế kỷ 17. Trước khi đi vào kết thúc bài tham luận về nhà văn Trà Lũ, xin mời các bạn nín thở nghe ông kể một mẩu chuyện tiếu lâm tận thời hoàn toàn cập nhật hóa với nền văn minh vật chất hiện tại:

... Cuối tháng trước, ông bạn họ Đặng cho tôi xem tờ báo La Gazette số 28 tháng 6 năm 1996, bài của ký giả Jonathan Manthorpe viết trong mục Focus. Ký giả này cho biết Chính quyền CSVN đã cảnh cáo nặng nề một hãng Sữa Đặc Âu Châu vì hãng này dám quảng cáo sữa như thế này: "Ngon cho đến giọt cuối cùng!". CSVN lập luận: các anh viết như vậy là các anh khinh dân VN nghèo đến độ phải liếm sữa ở đáy ly! Rồi ông bạn tôi cười: không ngờ CSVN dốt về văn hóa đến như thế. Khi muốn khen cà-phê hay rượu ngon thì người Tây phương khen là nó ngon cho đến giọt cuối cùng. Đây là một lời khen bình thường. Chẳng cần phải hiểu nó trong văn cảnh ngôn ngữ Tây phương, người Việt Nam đọc câu đó lên cũng thấy nó hay quá chứ. Trước tôi cứ tưởng CSVN dốt sơ sơ, bây giờ thì thấy họ dốt thật.

Một anh bạn trẻ đầy máu tếu trong người khi nghe chuyện CSVN cấm quảng cáo câu "Ngon đến giọt cuối cùng" trên đây thì phá ra cười như nắc nẻ. Anh bảo rằng không ngờ Chính quyền Hà Nội còn dốt hơn chị Mai trong chuyện tiếu lâm. Chuyện rằng gia đình kia có bốn cô con gái. Cha mẹ đặt tên là Mai, Lan, Cúc, Trúc. Chị Mai đã lấy chồng, còn ba cô em thì chưa. Mãi về sau thì ba cô mới lấy và lễ cưới được tổ chức chung một ngày cho tiện. Cuối xong thì ba cô em đi trắng mặt. Trước khi đi thì chị Mai dặn ba em: tao nhỏ tụi bây lắm, vậy mỗi đứa phải gửi điện tín về nhà cho tao biết hạnh phúc trắng mặt ra sao. Ba hôm sau thì chị Mai nhận được ba điện tín một lúc. Em Lan viết: ngon như cà-phê Martin vậy! Em Cúc viết:

nhu thuốc lá Pall Mall vậy! Em Trúc viết: như máy bay Air France vậy! Chị Mai đọc ba tờ điện tín mà chẳng hiểu gì cả, còn ông chồng thì cười ha ha. Ông không ngờ ba cô em vợ thông minh và tinh quái như vậy. Bà vợ xin chồng cất nghĩa nhưng chồng vừa cười vừa nói: kỳ lắm! kỳ lắm! Bà vợ năn nỉ mãi chồng mới nói: Cô Lan viết ngon như cà-phê Martin, tức là thứ cà-phê hảo hạng của Pháp. Hãng này vẫn quảng cáo là cà-phê này ngon đến giọt cuối cùng. Còn cô ấy thấy cái gì ngon tới giọt cuối cùng thì mai mốt bà hỏi cô ấy khác biệt. Còn cô Cúc nói rằng như thuốc lá Pall Mall vậy, mình biết không, ở bao thuốc lá, dưới chữ Pall Mall thì có chữ King Size. Nhờ này được hạnh phúc thế đấy! Còn cô Trúc viết rằng như máy bay Air France vậy, mình có biết hãng Air France quảng cáo về các chuyến bay liên tục của họ ra sao không? Họ quảng cáo: mỗi giờ một lần.

Chị Mai nghe chồng cất nghĩa xong, chợt hiểu, bèn dò mặt rồi đầm chồng thùm thụp. Ông chồng cự nự: tại sao bà đầm tôi? Bà phải đợi mai mốt tụi nó về rồi bà đầm tụi nó chủ. (Đất Yêu Thương, trang 254-255)

Nhà văn Trà Lũ là một nhà phê bình... phê bình về người, về việc, về ta, về thù, về bạn, về mọi sự cố trên đời nhưng luôn luôn ông đàn trải bên dưới làm nền, cái tâm phúc thiện của ông. Ví thế văn phong dí dỏm, khiêm tốn mà lạc quan, yêu đời đượm chút ít triết nhân. Ông tin tưởng vào lẽ hưng thịnh của Đất Nước, cương quyết không khoan nhượng với áp bức, tàn bạo và phi nghĩa. Ranh giới lập trường rạch ròi, phân định, không lờ mờ hủ ảo. Tobe er nottobe. Nhất quyết nêu cao chính nghĩa và niềm bất diệt của giống nòi. Nội dung các bài viết của ông đều nhắm tới việc dùng văn hóa Canada để tôn vinh văn hóa Việt ca ngợi quê hương Việt Nam. Ông rao giảng tình thương, tình người đầy lòng trung hậu: một điểm son của con người Trà Lũ. Đến như mảnh đất tạm dung mà trên đó gia đình ông chung sống, ông cũng dành những mỹ ý cử cử kỳ biết ơn mà không quên gọi lên với rất nhiều thăm thiết: Nào Miền Đất Hạnh Phúc, Đất Thiên Đường, nào Miền Đất Hứa rồi bây giờ Đất Yêu Thương nhan đề các tác phẩm của ông. Còn sự tôn vinh nào tốt với hơn nữa. Cuốn thứ 3 Miền Đất Hứa đã được Hội Đồng Giáo Dục Dallas, Texas, Hoa Kỳ, năm 1994 chọn làm tài liệu giáo khoa cho tín chỉ Việt ngữ lớp 12 bậc Trung Học.

Nhà văn Trà Lũ vừa viết vừa đùa, đùa trong khi viết và viết trong khi đùa. Nhưng bên dưới cái vẻ đùa cợt ấy, ẩn giấu một triết lý cao trọng đầy ý hướng tích cực xây dựng về nhân sinh, về thế sự, về văn hóa... Đặc tính này làm tôi nhớ đến lời nhận định của một văn hào Pháp: "Muốn được toàn vẹn (complet), nhà văn có chân tài cuối cùng phải đạt đến là nhà văn trào lộng (Anatole France)".

Tác phẩm của Trà Lũ trình diễn một cuốn phim hỗn tạp mà rất lôi cuốn gồm nhiều hoạt cảnh ngưu sắc cửa những mẫu người sinh động trong môi trường lưu vong trên đất lạ, giữa thời ly hương tẩu quốc của tất cả chúng ta.

Bruxelles Xuân Đinh Sửu (02.1997)

Vài cảm nghĩ về thơ Đan Hà

•NHƯ SƠN

Một sự tình cờ hiếm có, tôi đọc được thi tập của Thi sĩ Đan Hà. Tôi chợt có một chút cảm hứng, và thế là ngồi vào bàn viết. Có lẽ những lời viết này chưa làm thoát lên được hết những tình thơ ẩn núp trong đó, nhưng dù sao cũng là một tấm chân tình của một người đã từng yêu thơ văn. Ước mong tác giả tập thơ "Tim Trong Yêu Dấu" niệm tình tha thứ.

Kỷ niệm bao giờ cũng đẹp dù nó vui hay buồn. Nhà thơ ôm ấp vỗ về để an ủi những tháng năm dài xa xứ, bởi vì:

*Anh đã trót mười năm phiêu bạt
Ôm tình quê trong nỗi nhớ ngọt ngào*

Mấy ai trong chúng ta lại có thể quên được quê hương, dân tộc, dù phiêu bạt tận nơi nao, dù ở chân trời góc bể nào, tình yêu quê hương dân tộc vẫn trường tồn. Mỗi khi nhớ về quê hương, nghĩ đến dân tộc, lòng người không khỏi khắc khoải đau buồn.

*Nghe quê mẹ nghèo nàn hồn thuở trước
Mái tranh hiền vách lá đã chơ vơ
Con đường cũ vắng con đi lâu quá
Nên hoang vu lạnh lẽo đến không ngờ*

Đấy! Nỗi buồn vời vợi và

*Mỗi lần nhớ hồn quê xao xuyến động
Và người thường tuổi nhỏ đã bay xa
Giờ làm kiếp tha nhân tim lẽ sống
Vi quê hương máu lệ đã đông đầy*

Ôi tình quê hương thật đậm đà thấm thiết, nơi đây đã cất giữ biết bao dấu ái, niềm thương mến đã thấm sâu vào hồn, đi vào từng làn da thịt của chúng ta:

*Ôi yêu dấu đã dang đời khôn lờn
Nhưng phải đành nuốt lệ buổi chia xa*

để rồi:

*Bây giờ chẳng còn gì ngoài đau đôn
Ngoài bó vớ của kiếp sống không nhà*

Nhà thơ đã thờ cùng nhịp thơ với quê hương, dù ở nơi đâu, anh vẫn biết rằng:

*Tôi là người Việt Nam
Vi quê hương điều tàn
Nên đi tìm lẽ sống
Dù xiêu lạc xa dân
Vẫn không quên nòi giống*

Anh đã mang tâm sự mình cô đọng lại trong thơ, trang trải lên giấy, hằng ước mong được cùng người thân, bè bạn nguyện cầu cho quê hương, dân tộc sớm qua cơn khó nạn, thoát vòng kềm tỏa của một chế độ hà khắc:

*Tôi mơ ước đến khi nào đất nước
Thanh bình rồi về đáp tạ ân sâu
Dù xa Huế tôi luôn luôn cầu nguyện
Cho quê hương khỏi cảnh cơ cầu*

Nhắc đến Huế, tuy không phải là nơi anh sinh trưởng, nhưng Huế đã nuôi dưỡng anh trong những ngày tháng nhiều hương:

*Huế chẳng phải là nơi tôi sinh trưởng
Nhưng đã nuôi tôi sống buổi loạn ly
Ăn đường dục sanh thành như nhau cả
Nên một đời, một dạ cũng khắc ghi*

Anh trọng tình, anh nâng niu cái nghĩa, dù nơi đâu anh vẫn thường nghĩ về Huế. Sông Hương núi Ngự đã vĩnh viễn đi vào lòng anh như một dòng sữa ngọt chảy vào trái tim đã khô cằn bởi chịu nhiều đau khổ vì chiến tranh, chết chóc và chia lìa:

*Vi quê tui có sông Hương núi Ngự
Bên ni bên tê cùng một nhịp cầu
Nghe điệu hò trên bến Phú Vân Lâu
Nên cái nhớ cái thương đeo tui miết*

*Lời ca dao ngọt lịm ở đầu môi
Đã thấm đậm vào lòng tui thuở nhỏ
Thì bây chừ tại mần răng tui bỏ
Nên muốn đời vẫn nhớ tiếng quê tui*

*Vi đây tiếng mẹ cha miền muốn thừa
Tui vẫn giữ dù sông bồi biển lở
Vẫn sát son mãi mãi với thiên thu ...*

Rồi mỗi khi Đông về trên xứ tuyết, lòng chợt nghĩ vì quê hương xa vút, lòng bỗng chùn hẳn xuống:

*Nhìn ra ngoài ngõ vắng teo
Ngõ hồn chợt thả bay theo gió sầu
Nhớ quê hương biết tìm đâu
Bỗng dưng giọt lệ chìm sâu đáy hồn*

Anh đã khóc không phải vì tính nhu nhược, mà vì sự xa cách, khổ đau mà dân tộc mình đang gánh chịu, cũng như mỗi người trong chúng ta, mỗi độ đón Tết trên xứ lạ quê người, lòng ai không khỏi bồi ngùi xúc động?! Đôi mắt ngấn đầy lệ khi nghe đâu đây tiếng pháo đi đùng, những tiếng là Tết của quê nhà, nhưng thực tế chỉ là một cuộc sống chum gủi, để rồi mai đây khi nhắm mắt xuôi tay, phải gửi tấm thân tàn ma dại này nơi đất khách... Thật chua xót đắng cay, nhưng biết làm sao hơn. Cuộc sống vật chất nơi đây không làm cho người Việt tha hương cảm thấy hạnh phúc, nó như thiếu thốn một cái gì mà chỉ có nơi quê hương mình mới tìm thấy được. Rồi một hôm, nếu ta tình cờ nghe

được tiếng ve sầu của mùa hè nóng bỏng, hay một cảnh phượng vĩ đỏ thắm, thế là

*Buổi trưa dưới bóng phượng gầy
Bỗng dưng ngỡ tưởng nơi này chốn quê*

Hồn quê củ đeo đuổi mãi trong tâm tư của mọi người, kỷ niệm vẫn ghi xiết vào tâm khảm của chúng ta

*Kỷ niệm cũ về ngang con phố nhỏ
Như luống đời tằm mát giọt mưa suồng
Anh cất giữ suốt đời trong khốn khó
Dù mai sau nắng lụa có phai hường*

Tôi chợt nhớ đến lời của nhà thơ Tế Hanh, cũng xót thương cho cái thân phận lạc loài:

*Một đêm kia, một người Do Thái
Kể lẽ cùng tôi nỗi nhớ nhà
Thất thểu trọn đời nơi đất khách
Ăn nhờ sống gửi xứ người ta*

(thơ Tế Hanh)

Buồn thật, người Do Thái vì mất quê hương thuở nọ đã phải sống vất vưởng, thế còn chúng ta? Quê hương còn đấy, nhưng sao đành đoạn lìa bỏ

*Những nỗi sầu ông để hiểu hồn
Chờ tôi không biết cỡ sao buồn
Chứa hề mất mát những tim mãi
Chẳng cách vơi ai vẫn đợi luôn*

(thơ Tế Hanh)

Đây có phải là tâm sự chung của mọi người còn mang dòng máu Việt?! Củ nhỏ nhưng ray rứt?! Kỷ niệm đã hằn sâu vào ký ức của mỗi người. Từng con đường ngập lá me bay, ngôi trường xưa ngày hai buổi đi về, tung tăng trong tà áo trắng, hoặc gánh chè, xe nước đón mời các bạn trẻ sau giờ tan trường. Ôi thời kỷ niệm chất đầy trong tâm khảm của mọi người, và trong "Tim Trong Yêu Dấu" tôi đã thấy được cả một vùng trời đầy yêu thương mà tôi đã từng sống, để giờ đây tôi chỉ còn những kỷ niệm mà suốt cuộc đời vong lữ này tôi vẫn cầm mang.

Tác giả đã đưa tôi về với vùng trời xanh yêu dấu, với bạn bè thân thương, với dòng sông trong mát, với trái ngọt cây lành... cả một vùng trời dĩ vãng đã sống dậy trong tôi, thật mãnh liệt nhưng cũng đầy xót xa. Tôi cũng như Tác giả mở ước một ngày về. Anh sẽ về với anh em bạn bè thân thương, riêng tôi, những người thân của tôi chẳng còn nữa, ruộng vườn đã tan hoang. Ai sẽ đưa đón tôi nếu một mai tôi trở về, càng nghĩ nỗi buồn càng quặn thắt. Tôi đi tìm tự do, nhưng cái tự do mà tôi tìm được lại phải đánh đổi cả cuộc đời đây tang thương chua xót. Tôi mong tìm một sự an lạc của tâm hồn, cũng như Tác giả đã cảm thấy ám áp khi anh đứng trước Phật đài trang nghiêm, được học lấy đạo pháp nhiệm màu, nguyện nương về với đấng Như Lai:

*Đã mấy năm rồi xa cố hương
Theo đời trôi nổi giữa đêm trường
Hôm nay con thấy đời ảm lại
Dù tuyết băng đang phủ ngập đường*

.....

HỒI TƯỞNG

• LÊ THỊ THANH TRANG

Thời gian trôi qua thật mau, mùa thu lại sắp đến nữa rồi! Mỗi ngày nào tôi còn được tận hưởng cái ấm của miền nhiệt đới của Côte d'Azur, giờ thì phải lo mặc áo ấm, áo mùa!

Thế là còn vài tuần nữa thôi tôi sẽ trở lại Cú xá Sinh Viên để chuẩn bị cho một khóa học mới, khiến lòng mình cảm thấy nôn nao lẫn buồn rười rượi. Nôn nao vì sẽ gặp lại bạn bè sau gần ba tháng trời xa cách; buồn vì tiếc rằng tôi lại phải xa gia đình, tổ ấm yêu thương. Tôi thiết tưởng giờ đây còn được ngồi trong cái phòng thân quen - nơi mà tôi đã ôn cho biết bao là bài thi của thời học sinh ngày nào - để mà nhớ lại kỷ niệm vui buồn mình đã có trong suốt năm qua, từ khi tôi chọn cho mình một môi trường mới, nếm mùi đời sống của một sinh viên xa nhà. Ôn lại những kỷ niệm vui buồn mình đã trải qua đối với tôi đó là một thói quen và cũng là một thú vị, không thể thiếu trong đời sống tinh thần của riêng tôi.

Bên ngoài toàn những cụm mây đen, mưa rơi tầm tã, tiếng gầm inh tai, còn gì vui sướng bằng nếu ta có được vài người bạn tri âm, tri kỷ quây quần bên mình, uống những tách trà cho ấm lòng và cùng nhau tâm sự, thảo luận chuyện đời. Đó là sự mong ước mà thôi, vì mỗi người mỗi nơi chưa có dịp để đến ngày sum họp.

Ôi cái thời ấu thơ thật vàng son! Chỉ biết cắp sách đến trường, học hành vui đùa bên bạn bè, có anh chị, ba má luôn bên mình. Tôi luôn được chiều chuộng, yêu thương. Tôi cảm thấy luôn luôn hạnh phúc khi nhớ đến thời thơ ấu của mình, vì tôi đã được sống những ngày tháng ấy thật êm đềm, hạnh phúc và bình an. Tôi không phải thiếu thốn một điều gì từ miếng ăn, cái mặc, cho đến tình yêu thương gia đình, bè bạn. Phải nói rằng tôi đã có một thời niên thiếu thật hoàn mỹ, thật trọn vẹn. Tôi đã đắm chìm trong hạnh phúc mà người thân đã mang đến cho tôi.

Càng lớn con người càng thêm bận rộn, càng có thêm trách nhiệm. Càng hiểu đời, càng cảm thấy đời sống không đơn giản như mình đã tưởng, biết phân biệt được người thân, kẻ lạ, biết được rằng giấy đã mỏng mà tình người đôi lúc còn mỏng hơn giấy nữa. Trải qua những vui buồn của từng lứa tuổi để biết rằng mình không còn bé.

Tuổi biết buồn đã đến mà mình có ngờ đâu! Dù muốn dù không ta phải lớn mạnh hơn (Napoleon thú nhất).

Tốt nghiệp Trung Học, có bằng Tú Tài trong tay rồi nhưng tôi vẫn cảm thấy mình quá nhỏ bé, ngây thơ. Trong thời gian học nghề tôi đã được dẫn dắt rất tận tâm trên bước đường đi đến một tương gia công nghiệp. Trong giai đoạn này tôi đã học hỏi được những nguyên tắc làm việc, hành nghề, cách lãnh đạo, bố trí công việc, tinh thần đồng đội, bù đắp kiến thức giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, những thắc mắc trong việc

làm cũng như những khó khăn trong đời sống.

Đường lối chính sách của Công Ty, cũng như của Ban Giám Đốc đưa ra rất thích hợp với quan điểm mà thầy cô, gia đình đã dạy dỗ và cũng chính là quan niệm của bản thân tôi hiện tại: "không phân biệt sang hèn, giàu nghèo, cấp bậc, bởi vì những thứ ấy không tạo nên nhân phẩm con người, mà chính là tinh thần tưởng thân, nhường nhịn nhau trong việc giao tế" (1). Kinh tế có lúc phồn thịnh cũng có lúc suy sút, nước cũng có nước ròng nước lớn, trăng cũng có lúc tròn lúc khuyết. Giá trị con người không phải ở chỗ giàu sang phú quý mà là chỗ đức hạnh và tài năng. Minh sống và để người khác cùng sống. Đã có chung một quan niệm nên việc thích nghi với môi trường nơi này đối với tôi không phải khó khăn gì. Những người có chức vụ thượng cấp lại rất biết cách đào tạo, khuyến khích đồng nghiệp của mình, nâng đỡ tinh thần họ, quan tâm đến họ, nên năng suất làm việc của phần nhiều công nhân, viên chức nơi đây rất cao. Họ xem Công Ty như quê hương thứ hai, sau mái ấm gia đình của mình, vì có được chỗ làm yên ổn, họ dễ dàng hơn trong việc đem lại hạnh phúc cho gia đình và chính bản thân.

Việc đào tạo nhân viên được coi là rất quan trọng, bởi vốn kiến thức của con người đóng góp bí quyết kỹ thuật và hoạt động sản xuất. Ngoài ra lương công nhân, nhân viên theo đà phát triển thịnh vượng của kinh tế ngày một cao, cho nên những lãnh đạo của mỗi lãnh vực chuyên môn như ban kế toán, quản lý nhân sự, sản xuất, tiêu thụ và Marketing luôn khuyến khích nhân viên của mình không ngừng học hỏi những kiến thức mới đòi hỏi ở một người nhân viên phải có, thích hợp với chức phận của từng người như ngoại ngữ, kế toán, phương pháp điện tử, cách sử dụng hàng ngày, nghệ thuật dẫn dắt, động viên nhân sự... để đáp ứng những nhu cầu và cạnh tranh trên mặt trận thị trường. Họ không ngừng đầu tư vào vốn con người (human capital) để đem lại kết quả là những sản phẩm và quy trình sản xuất được cải tiến về mặt kỹ thuật với mục đích là làm tăng thêm hiệu quả kinh tế, danh dự và uy tín của Công Ty trên thị trường. Do đó phải nói rằng nhân viên ngày hôm nay có một sinh hoạt rất căng thẳng, kỹ thuật phát triển rất mau, cạnh tranh lại càng nhiều, họ phải có đủ khả năng mang đến cái thành quả mà cấp trên hoặc thị trường đòi hỏi. Vì thế con người ta phải bắt buộc không ngừng học hỏi.

Sau bao năm được huấn luyện tôi đã có một thành quả mỹ mãn về mặt lý thuyết với cái kinh nghiệm nghề nghiệp thì chẳng là bao vì điều này phải đi đôi với số năm tháng mình sống trong nghề nghiệp. Nhưng cũng biết rằng tôi vẫn còn ham mê sách vở, được sống tiếp tục những ngày tháng bên bạn bè, trường lớp. Cho nên tôi tiếp tục làm việc ở hãng trong thời gian chờ đến ngày ghi danh vào trường Đại Học.

Ngày tôi đưa đón xin từ chức tôi vẫn còn nhớ rất rõ. Phần lớn đồng nghiệp và nhất là ông giám đốc của tôi vô cùng ngạc nhiên, hỏi rằng tôi đã suy nghĩ tận tuỵ chưa, điều gì khiến tôi không hài lòng với công việc của

mình, nếu muốn tôi rút đơn lại hãy còn kịp và mục đích sắp tới của tôi là gì?...

Tôi rất quý mến ông giám đốc ban kế toán, vì mặc dầu giữ một chức vụ cao nhưng đối với thuộc hạ của mình không bao giờ ông ấy tỏ vẻ tự cao tự đại, trái lại ông ấy coi nhân viên trẻ chúng tôi như con em trong nhà, lúc nào cũng nhã nhặn, dạy dỗ rất chân tình, tế nhị. Người có chức vụ cao nhưng vẫn giữ được sự gần gũi, giản dị với nhân viên có được là bao nhiêu người. Lê dĩ nhiên, giữa cấp trên và thuộc hạ cần có một khoảng cách để dễ dàng hơn trong việc điều hành, quản lý nhân viên. Ông ấy dẫn dắt nhân viên không cần phải giữ khoảng cách trên dưới, không dùng uy quyền mà vẫn được thành công và được mọi người kính mến, tài ấy mới thật là hay.

Ngày chia tay với đồng nghiệp tôi cũng rất bịn rịn, vì đã từ lâu nơi đây cũng đã là tổ ấm thứ hai của tôi rồi - Ý nghĩ này đã nảy đến trong óc tôi trong một hôm đang làm việc ở văn phòng của mình, đưa mắt nhìn qua cửa sổ bên ngoài trời đang mưa gió - và tâm trạng sắp xa cái nơi làm việc quen thuộc này đưa tôi vào trạng thái khó tả, có thể rằng: chim lia tổ. Hôm đó ông giám đốc tìm đến tôi để nói chuyện và nhắc nhở rằng, một khi đã quyết định vào Đại Học rồi thì hãy ráng siêng năng học hành và những khi gặp những chướng ngại gì, nhớ là phải nhìn lên phía trước mà tiến, nhớ nha! Triết lý sống và làm việc của ông ấy đã là hành trang của tôi từ đó.

Tôi đã có can đảm xa lìa ba má, anh chị, bạn bè, đồng nghiệp thân quen của cái tỉnh bé nhỏ này mà đi đến một nơi xa không người thân với mục đích là vào Đại Học, sống một đời sống sinh viên xa nhà. Trước mắt tôi là ngưỡng cửa, môi trường của Sinh viên Đại Học đường, vui buồn bên sách vở, bạn bè.

Những bận rộn của buổi ban đầu đã đem đến cho tôi một niềm vui khó tả. Tôi cảm giác được cái tự do mà tôi sắp sửa có thật là thu hút. Thế nào là sống cuộc sống mà mình đã chọn. Tôi cảm thấy mình đã đạt được bước đầu của sự tự lập.

Kế tiếp là những người bạn mình tự chọn cho mình, những người dễ mến, hạp tánh tình, có cùng lối suy nghĩ cùng quan niệm, sở thích. Tận tình giúp đỡ nhau, an ủi nhau. Những lần ăn trưa vội vàng trong Mensa, những cuộc đi chơi, những mẩu chuyện nhỏ kể cho nhau nghe, trao đổi kinh nghiệm với nhau thật thú vị.

Tôi còn nhớ có lần sau giờ học Pháp ngữ, cả đám con gái chúng tôi ngồi ăn ở Mensa như mọi ngày, đang nói chuyện huyền thiên bất tận thì bỗng nhiên Danuta đặt ra câu hỏi: "Tụi bây có thấy là trong đám sinh viên khóa của mình chẳng có lấy một người con trai nào xem được cả! Người thì luôn luôn có tờ báo trên tay, mặt nghiêm nghị, người thì cầm Hayday, lúc giải lao chỉ biết chăm chăm vào sách báo, họ khô khan, chẳng đẹp trai, không có tí gì thu hút cả, thật là tiếc vậy đó!".

Nghe Danuta nói vừa dứt câu là cả đám ngừng ăn vài phút để mà cười vỡ bụng.

Anke cũng đáp ứng không kém sôi nổi: "Ủ, đúng đó chứ há! Thật ra đó cũng là điều đáng tiếc thật, ít ra học hành làm việc với một người có sức thu hút cũng làm cho ngày giờ mau chóng trôi qua. Sáng sáng khi lười thức dậy, còn mơ màng, chợt nghĩ đến sẽ

gặp được người sinh viên để coi đã gặp, minh cũng tới giảng đường một cách hân hoan hơn đúng không?".

Susanne thì bảo rằng: "Minh còn phải đi học xa mà cu lo nghĩ đến kết bạn thì có thể chỉ chuốc lấy những ngày tháng nhỏ nhưng, buồn rầu thì đúng hơn!".

Mỗi người mỗi ý nên vấn đề này bàn luận như chưa thể nào kết thúc được. Trong khi đó cạnh bên là một người đàn ông đứng tuổi, theo dáng dấp chắc chắn ông ấy là Giáo sư Đại Học, khó đoán được là của ngành nào đang ngồi ăn như chúng tôi. Chắc hẳn những gì chúng tôi nói ông ấy không thể nào không nghe thấy. Thật sự lúc bấy giờ chúng tôi ăn nói quá vô tư lự, thấy thế tôi mới bảo rằng: "Đừng quên là mình đang ăn trong Mensa đó, chung quanh họ nghe được, họ cười cho coi, mặc dầu đề tài này rất thú vị cho người nghe lẫn người bàn luận".

Christiane đồng ý với tôi và nói: "Nói chuyện khác đi có được không vậy?"

Danuta đâu có chịu thua: "Chris, đối với nhà người thì chuyện này đâu có hấp dẫn vì nhà người có anh Nha sĩ trong tim rồi đó mà!".

Tuy thế chúng tôi lại nói qua những chuyện linh tinh khác, bàn luận, bắt bình về ông Giáo sư môn BWL, quản trị xí nghiệp, thời này nhưng vẫn còn giữ cái quan niệm "trọng nam khinh nữ", cũng như tánh tự hào dân tộc quá đỗi của ông ấy, khó mà thích hợp với những khuynh hướng thống nhất Âu Châu.

Trên đường đi về lại giảng đường, tôi nhắc lại chuyện của Danuta trong khi ăn: Chắc lúc này khi mình nói về mấy nam sinh viên, chắc chắn ông Giáo sư ngồi bên cạnh nghe được hết, hẳn là ông ấy phải nhin cười lấm lét! Người ta sẽ biết ngay tự mình là "lính mới" và tự mình gián tiếp đưa ông ấy về quá khứ, mấy mươi năm trước ông ấy cũng có những bàn luận như tự mình thì!".

Chris nói: "Cái đó là ông ấy phải cảm ơn Danuta đó!".

Tôi rất hài lòng đã có được những người bạn rất dễ thương, sẵn sàng giúp đỡ nhau. Lần nọ tôi hỏi Christiane: "Bạn có biết là ở đâu tôi có thể mua bức sáo không, vì phòng của tôi rất là sáng vì có cửa sổ lớn mà mùa hè sắp đến nữa".

Sau vài giây suy nghĩ Christiane trả lời rằng: "A, tôi biết chỗ rồi, ngày mai sau giờ cuối hai đứa mình đi tỉnh Essen chơi rồi mua luôn há, tôi sẽ đưa đơn bạn, được không?" Trước sự nhiệt tình của bạn mình tôi chỉ còn biết nói cảm ơn thật nhiều. Hai ngày sau khi cùng Christiane đi mua tấm sáo. Christiane và Heidrun gắn sáo lên cho tôi, cũng như tấm gương mà hàng ngày tôi thường soi.

Một hôm nọ tụi bạn đến thăm lại chọc Heidrun và tôi: "Heidrun à, sao bạn gắn cái gương gì lạ quá nhỉ chỉ có cho Trang coi được thôi, tôi chỉ thấy tôi vai mình thôi à, mỗi khi xem gương ở đây!".

Heidrun vô cùng ngạc nhiên và sau khi đã hiểu ý bạn thì phá lên cười, bảo rằng: "Susanne, xấu quá sao lại chọc Trang vậy, lấy cái xác to tướng của người mà so với con Trang!!" Có phải là họ rất dễ thương, dễ mến lắm không? Phần lớn những người bạn thân của tôi ở những tỉnh lân cận Dortmund và hầy còn sống bên cha mẹ. Sáng đến trường, tan trường thì về nhà. Nên sau khi một ngày

học đã kết thúc tôi hoàn toàn có sự im lặng, đôi khi đến buồn tẻ.

Mấy đứa bạn biết được tôi có cái bao gạo hai mươi mấy kí-lô thì cứ trầm trồ rằng: "Ăn tới chừng nào mới hết hả Trang?" Thế là mỗi lần tụi nó đến chơi là hỏi ngay đến cái bao gạo, để biết cái túi gạo có nhỏ dần lại chưa và đôi đi coi cho bằng được, vì bao gạo nằm ở một góc nhà bếp của tôi. Sau vài lần đi ăn chung ở Mensa tôi biết khẩu vị của Susanne, cô ấy rất ưa Sauerkraut, loại dưa cải chua cất sởi, nên mỗi lần họ nhắc đến bao gạo, ngay cả trong giờ học, là tôi chọc Susanne về món Sauerkraut của cô ấy. Susanne thường bảo rằng: "Khi tụi mình ra nước ngoài, tôi sẽ mang theo Sauerkraut của Đức, còn Trang thì chắc mang theo bao gạo há!". Đó là những mẩu chuyện đã trở thành truyền thuyết của đám sinh viên chúng tôi.

Rồi đến mỗi cuối khóa học chúng tôi ai ai cũng bù đầu với sách vở, hẹn nhau ôn thi, giải thích bài cho nhau nghe rất tận tình. Kết quả bài thi tốt thì vui không kể siết, điểm xấu thì như là trái đất rung rinh vậy.

Trong đám bạn học có Heidrun là đứa siêng năng, chuyên cần nhất bao giờ cũng lo nghĩ đến bài vở, ngay cả trong những phút giải lao. Trái lại Christian thì rất là hăng say phát biểu, cử nói và nói những nội dung đôi lúc chẳng là bao, làm mất cả thì giờ Giáo sư giảng bài, nên đôi lúc bị bạn bè trách móc. Nhưng mỗi khi Christian vắng mặt thì giờ học bỗng trở nên im lìm, không ai nhắc đến ai nhưng ai cũng cảm thấy thiếu sự hiện diện của anh ấy. Vì ở gần nhà nhau nên Christian thường hay hỏi tôi để mượn bài vở, giải thích.... Biết được như vậy tụi bạn cứ nghi rằng: "Không biết anh chàng Christian mỗi khi vắng mặt có bệnh thật hay không, hay chỉ bệnh lười nhàn, coupe cours ở nhà, rồi mượn bài Trang chép lại thôi đó. Thế mà khi xưa hẳn là nhân viên của nhà Băng đó né!". Đối với tôi việc cho mượn sách vở không hề gì, bạn bè thì phải có qua có lại, giúp cho nhau, và lại trong vụ trụ, không có gì mạnh mà không đến lúc suy yếu đó mà! Biết ra sao ngày sau, bạn nhỉ?!

Đời sống sinh viên lắm thú vị và nhiều màu vẻ. Mình phải biết tự lo cho bản thân (không nhiều thì ít!), phải biết chịu đựng trong sự cô quạnh. Tôi sợ nhất là ngày thứ sáu, khi phần lớn những sinh viên đã rời Cử xá để trở về lại với gia đình. Cả Đại Học đủng và Cử xá trở nên vắng lặng, đó là lúc tôi cảm thấy mình lẻ loi và nhớ nhà không bút mực nào tả được. Nhớ ôi là nhớ cái không khí gia đình quen thuộc, cái cảm giác được bảo bọc, yêu thương. Trên thực tế những giận hờn không thể tránh, nhưng có thương mới có giận. Có sống xa nhà tôi mới biết quý những ngày tháng được ở bên người thân.

Mỗi khi cảm thấy buồn là tôi chỉ còn cách là cầm điện thoại, quay một số nào đó quen thuộc nằm lòng, để được nghe giọng nói thân quen ở bên kia đầu dây. Những câu chuyện ngắn ngủi như thế cũng giúp cho tôi được khuấy khỏa đôi phần.

Khi nhận được hóa đơn điện thoại trong tay tôi có thể nói được thời gian qua mình buồn nhiều hay ít. Khi tôi buồn nhiều cũng là lúc nhà Telekom "vui". Cái nhu cầu tâm sự với ba má, bạn bè đôi lúc đã trở thành một nhu cầu tối cao như ăn uống vậy.

Thỉnh thoảng sau vài tuần tôi không thể về thăm nhà, đôi lúc tôi nhận được thư của ba gửi đến: "Con út của ba má, con có nhớ ba không?... Đọc đến đó, tôi ao ước phải chi mình có cánh để bay ngay về tổ ấm. Lúc bấy giờ tôi lại nhớ cái bài hát, mà tôi chỉ còn nhớ một vài đoạn: "... người mẹ hiền yêu hỏi, lúc sáng hay về đêm lòng nguyện luôn luôn chăm sóc mẹ bình yên và con sẽ đến vào bất cứ lúc nào khi có ai làm mẹ ghen ngào. Và con xin hứa, nếu lỡ mẹ rời lệ, con sẽ ôm mẹ thật sát trong lòng... Mẹ hiền có biết khi lớn khôn ra đời, con sẽ nhớ hoài bóng dáng người..."

Lắm lúc tụi bạn biết tôi nhớ nhà chúng lại không có phương tiện để đến thăm tôi liền được, như thời tiết xấu hoặc đã có hẹn thì họ điện thoại dây chuyền báo cho nhau, hay là: "Tí cô nướng" đang lẻ loi, nhớ nhà kia!" Cho nên có lúc trong một buổi mà tôi có tới bảy tám cú điện thoại của người thân, bạn bè gọi đến tìm, dù có buồn cũng thành vui, tuy không gặp mặt, nhưng nghe giọng nói tiếng cười, cũng đủ thấy lòng mình được an ủi và ấm cúng.

Sau những cuộc thi củ dầy căng thẳng tôi chỉ còn muốn duy nhất một điều là được nghỉ ngơi thoải mái, tinh thần quân bình, có thì giờ giải trí như đọc sách báo, tu bổ tiếng Việt ngữ của mình. Những kỳ nghỉ hè cũng là dịp tôi có thể trở về Công ty làm việc, sống lại những ngày xưa của mình, gặp lại đồng nghiệp và học hỏi thêm. Lần này nghỉ hè xa tụi bạn gần ba tháng, chắc chắn khi gặp lại nhau chúng tôi sẽ có nhiều điều mới lạ kể cho nhau nghe. Nhớ đến nghỉ hè là tôi nhớ đến những lần được đi tắm biển với người thân, bạn bè nơi vùng nắng ấm, có biển rộng mênh mông, nghe tiếng sóng vỗ vào bờ như xua đuổi đi tất cả những phiền muộn đời người, có bóng dừa là lối, thẳng cánh nên thơ khiến tâm hồn người trở nên thanh thản, yêu đời, gần gũi với thiên nhiên. Tối tối được đi dạo phố đêm hoặc đi tham bạn bè, cùng nhau tụ lại hát Karaoke theo qui chế "hát hay không bằng hay hát", rất vui và giúp cho người ta có được ít nhiều cái tâm hồn lãng mạn, yêu âm nhạc, lời thơ cũng như không quên tiếng Việt Nam. Cho nên theo tôi đó là một hình thức giải trí thật lành mạnh lại giúp cho gia đình có những giây phút tràn đầy sức sống, vui nhộn vì mọi người trong nhà và bạn bè có dịp quây quần bên nhau. Dù tiếng hát không trau chuốt, truyền cảm nhưng vẫn ấm lòng người nghe bởi sự quen thuộc gần gũi của nó.

Ngồi trên máy bay tôi nhớ lại những giây phút thần tiên của lần nghỉ hè vừa qua mà thấy lòng mình tê tái vì vừa nay có cuộc chia tay nào mà không ngậm ngùi giữa kẻ ở người đi, hướng chỉ là tình thâm cốt nhục, linh bạn tâm giao, nỗi lòng chứa ẹn. Nhưng tôi vẫn tin rằng tôi sẽ gặp lại họ vì người xưa thường bảo rằng:

*Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ
Vô duyên đối diện bất tương phùng
(Có duyên thì gặp dù xa càng gặp
Vô duyên tận mặt vẫn cách lòng)*

(Nordhorn)

(1) Trích từ "Người Phụ Nữ Việt Nam trong tinh tú văn học dân gian" của Đan Hà.

• Thi phẩm thơ

QUÊ HƯƠNG - TÌNH YÊU CỦA NHÀ THƠ TRIỆU QUYẾT THẮNG

•Khải Chính PHẠM KIM THỦ

Vào giữa năm 1996, tôi được người bạn ở bên Đức, nhân sĩ Trần Quang Túc, một chính trị gia lão thành, trước khi qua đời đã giới thiệu cho tôi người bạn trẻ tên là Triệu Quyết Thắng. Anh Thắng hiện làm Chủ nhiệm nguyệt san ĐI TỎI tại Salzgitter Bad, Đức Quốc.

Bác Túc có gửi bài của tôi cho ĐI TỎI và nhờ tôi giúp cho tờ báo này về ý kiến cũng như về bài vở. Số báo ĐI TỎI đầu tiên tôi nhận được là số 14, tháng 7.1996. Nhờ mối duyên văn nghệ mà tôi được quen người bạn trẻ tài hoa và có chí này. Chúng tôi chỉ liên lạc với nhau qua thư tử, báo chí, và bài vở mà chưa có một lần gặp gỡ.

I. Tác Giả

Triệu Quyết Thắng quê ở Hà Nội, sinh năm 1952. Giống như bao bạn trẻ sống dưới chế độ độc tài Cộng Sản, anh đã bị bỏ buộc tham gia quân đội Cộng Sản miền Bắc. Chính vì đã hiểu rõ thủ đoạn của quân Cộng Sản nên sau khi được giải ngũ, anh quyết định đi tìm tự do, bỏ lại vợ và hai con ở quê nhà. Cuối cùng, anh sang được nước Đức vào 1990 và đã xin tỵ nạn Cộng Sản ở đây.

Ngay từ khi tới Đức, anh Thắng đã gia nhập đội ngũ báo chí của Người Việt Tự Do và đồng thời làm thơ để phơi bày những tội ác của Hồ Chí Minh và bè lũ mà chính anh đã mắt thấy tai nghe. Anh cũng đã vạch rõ những thủ đoạn bán nước cầu vinh của bọn phản nòi Cộng Sản. Những điều anh và các bạn viết ra là do chính kinh nghiệm bằng máu và nước mắt trong khi trực tiếp đối diện với kẻ thù của dân tộc mà có.

Trong những năm qua, ngoài các sinh hoạt về báo chí và thơ văn, anh và các bạn đã từng tham gia các cuộc biểu tình đòi tự do dân chủ cho dân Việt trước Sứ quán Cộng Sản tại Bonn, thủ đô của Cộng Hòa Liên Bang Đức. Lập trường của anh Thắng là dứt khoát tranh đấu cho tự do dân chủ của đồng bào ta nơi quê nhà.

II. Nguyệt San ĐI TỎI

Anh Triệu Quyết Thắng và các bạn của anh đã cố gắng tuyệt mức để xuất bản được tờ nguyệt san mang tên ĐI TỎI với mục đích dùng tờ báo này làm vũ khí đấu tranh với Cộng Sản.

Hình Thức: Báo ĐI TỎI có khổ 21cm x 29,5cm, bìa màu vàng, dày 28 trang, và không có quảng cáo thương mại. Báo ĐI TỎI không bán mà chỉ để tặng cho những mạnh thường quân và thân bằng có gửi tiền và bài vở yếm trợ.

Tiền ấn loát và phát hành chính yếu là do nhóm chủ trương tự nguyện bỏ ra. Tính đến tháng 12.1996, đã có tất cả 19 số báo được đến tay bạn đọc. Với tình trạng khó khăn về tài chính, không biết rồi đây liệu tờ báo có thể tồn tại được bao lâu! Nhưng dù sao đây cũng là một sự cố gắng phi thường rất đáng được kính phục!

Nhóm Chủ Trương Nguyệt San ĐI TỎI: Chủ nhiệm: Triệu Quyết Thắng; Chủ bút: Đỗ Thị Thành; Phó Chủ bút: Lê Thanh Hà; Biên Tập

viên: Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Văn Ngọc, Đỗ Văn Dũng, Đường Minh Chướng, Đỗ Ngọc Anh, Phạm Trung Nhân, Vũ Văn Thâm, Đoàn Chín, Nguyễn Trường Thanh, Phan Văn Tùng, Hoàng Anh Hùng, Phạm Thu Hương, và Nguyễn Thị Liên.

Chủ Trương của Nguyệt San ĐI TỎI: ĐI TỎI là cơ quan ngôn luận của Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản ở Salzgitter, Đức, chủ trương tranh đấu cho Dân Chủ và Đa Đảng ở Việt Nam ngõ hầu mang lại hạnh phúc thực sự cho toàn dân Việt. Nhóm chủ trương báo ĐI TỎI đã có Tuyên Ngôn Đấu Tranh với bọn Cộng Sản Việt Nam. Tập thể nhóm chủ trương đã khẳng định **Đảng CSVN là kẻ thù của Nhóm và của Dân Tộc Việt Nam**, và đã tổ cáo trước công luận rằng **Cộng Sản Việt Nam lừa dối dân tộc và lệ thuộc ngoại bang để mong tồn tại** (ĐI TỎI, số 18, tháng 11.96).

III. Thi Phẩm Thơ QUÊ HƯƠNG - TÌNH YÊU

Tập thơ gồm 124 bài, như lời tác giả đã nói rõ trong "Đôi Lời Cùng Bạn Đọc", chứa đựng những thao thức về ước mơ, kỷ niệm, khát vọng, và đấu tranh. Tất cả đều nhằm mục đích đóng góp vào việc tranh đấu cho tự do dân chủ của quê hương và cho hạnh phúc của toàn dân Việt.

Chính vì mục đích cao cả đó mà Triệu Quyết Thắng đã trải tiếng lòng trên 124 bài thơ một cách rất giản dị, phóng khoáng, lãng mạn, và đầy âm điệu về đủ mọi đề tài. Chính vì tinh cách phóng khoáng tự do này nên trừ một số bài lục bát và song thất lục bát, phần nhiều những bài thơ của thi tập THƠ QUÊ HƯƠNG - TÌNH YÊU được làm theo lối thơ Cổ Phong, tức là những bài thơ gồm những câu 7 chữ hay 5 chữ, dài ngắn thế nào cũng được, không cần niêm luật hay đối gì cả, chỉ cần âm điệu và vần mà thôi. Lối thơ Lục Bát, Song Thất Lục Bát, và Cổ Phong này rất thích hợp cho một tâm hồn phóng khoáng và khao khát tự do dân chủ như anh Thắng để bày tỏ tâm tư một cách thoải mái, không cần phải gò bó vào niêm luật và đối trong lối thơ Đường.

Anh Thắng thật nhạy cảm và có tâm hồn thơ thật lai láng. Bất cứ một sự vật gì cũng có thể làm hồn thơ của anh bừng dậy một cách dễ dàng.

Thơ của anh có thể xếp vào loại Kỳ Sự Thơ, Hồi Kỳ Thơ, hay Nhật Kỳ Thơ đều đúng cả. Những việc xảy ra hàng ngày đều được anh đưa vào thơ một cách tài tình và tự nhiên. Thí dụ như bài **Bát Cua**, **Sứa Máy Cà-Pê**, **Nếu Về**, **Cắm Vận Hủy**, v.v... Ngoài ra thơ anh còn mang tính Ngẫu Cảm nữa.

Những bài thơ thuộc loại đấu tranh, đả kích, và châm biếm của anh thật là đặc sắc.

Hãy nghe nhà thơ tả bộ mặt thật của Cộng Sản:

*Những người theo "đạo Mác",
Chặn dòng đời để ngoại
(Dã Tráng Thế Kỳ)*

Hòa bình rồi, đảng lộ mặt gian,

*Tàn ác, lừa dối với gian tham
(Lời Điều Trước Thi Nhân)*

*Mặt nạ rụng đi hiện rõ đời
Người thì vô tình theo lừa dối,
Kẻ ý thức bị kiểm miếng xôi.
(Xuân Sách Vẽ 'Chân Dung')*

*Đàng ta muốn lừa chôn lịch sử
Cái đời lệ thuộc 'Bác' đã xây.*

*Miền Nam no ấm có tự do
Nhưng 'Bác' và đảng kêu to:
"Giải phóng Miền Nam diệt Mỹ Ngụy"
Tự hủy đất nước thành đồng tro.
(Họa Lại Thơ Tụng 'Bác')*

*Và chuỗi Hồ Chí Minh là Kẻ Phản Nòi:
Thế mà đến nay kẻ phản nòi
Được nằm trong lăng được ngắm coi
Nhân dân đồng thuế nuôi xác ướp
Đàng dưng làm vật đánh bóng soi.
(Đầu Thương và Hy Vọng)*

Nhà thơ tả sự xào trá, lừa dối, cùng việc bán nước cầu vinh của những tên Cộng Sản chóp bu như sau:

*Đuổi Mỹ đi rồi lại tí ti
Xin Mỹ trở lại cứu suy vi,
Tài nguyên quốc gia mang bán rẻ,
Độc tài cai trị muốn ngồi lì.
(Trúng Phong)*

Và cuối cùng, thấy mọi người còn ù lì, nhà thơ hồ hào:

*Những người Cộng Sản cần tháo ra
Chiếc vòng kim cò trên đầu họ
Nếu được sẽ thoát ách yêu tà!
(Ngôi Sao Bầu Trời Tứ Tượng)*

*Hãy đứng dậy đi thôi hồi nhân dân!
Tổ tiên ta từng biết hóa thân,
Đạp kiếp nô lệ để dựng nước,
Lưu ở sử xanh những thánh thần.
(Đầu Thương và Hy Vọng)*

Nhà thơ, ngoài những oán hận đối với chế độ Cộng Sản, còn có những niềm riêng thật là tha thiết, khắc khoải, và đầy ước vọng:

*Hà Nội xưa kia tên Thăng Long,
Phố vắng nhà thưa gọi nỗi lòng.
Hồ Tây quanh năm êm à sóng,
Hoàn Kiếm nên thơ lấm nhớ mong.*

*Ngày nay cảnh cũ vẫn còn đây,
Nhưng xem chỉ thấy sự phơi bày,
Tan hoang xơ xác và nhem nhuốc,
Làm khổ ông bà mất công xây.
(Hà Nội Xưa và Nay)*

*Xử người đã khá đủ rồi,
Nơi ta còn vướng giữa thời man hoang.*

*Nay mong ai sống riêng mình,
Hãy dành nỗi nhớ chút tình cho quê!
(Bài Ca Thăng Năm)*

Trong thơ của Triệu Quyết Thắng có họa, người xưa gọi là Thi Trung Hữu Họa. Không

những thế, lời thơ thật đẹp như ca dao, đầy nhạc tính, chân thành, không ước lệ hay ngụy tạo:

*Chiều hè ngồi dưới tán cây,
Trời xanh nắng tỏa hây hây gió lùa.
(Màu Thời Gian Với Nắng Hè)*

*Tháng Năm cảnh vật ở đây,
Trời xanh thăm thẳm, gợn mây hiền hòa.
(Bài Ca Tháng Năm)*

*Mùa xuân ở đây vắng mai, đào
Thiên nhiên tiêu tụy về xanh xao
Cây khô lá rụng lộc chứa nhu
Ấm đậm màu trời mây xám bao.
(Xuân Và Nhỏ)*

IV. Nhận Xét Chung

Trên đây là một số các câu thơ mà tôi nhỏ được sau khi đọc xong thi tập Thơ QUÊ HƯƠNG - TÌNH YÊU của Triệu Quyết Thắng. Trong phạm vi bài này chúng tôi không thể ghi hết những vần thơ rung cảm, hồn nhiên, và đầy âm điệu trong thi tập của anh được. Có một điều nổi bật nhất là nhà thơ Triệu Quyết Thắng có một sức sáng tác thật mãnh liệt. Đây là thi phẩm đầu tay mà nhà thơ của chúng ta đã chứng tỏ rằng anh có một khả năng phong phú về âm điệu cũng như cách diễn đạt tư tưởng một cách tân kỳ làm cảm động được người đọc.

Mỗi làm thơ và viết văn ai không gặp khó khăn. Có nhiều người làm thơ và viết văn lâu năm mà vẫn vướng nhiều lỗi lầm. Chính vì thế mà nhiều bạn trẻ tỏ ra ngại ngùng làm cản trở việc sáng tác của họ. Ở đây nhà thơ Triệu Quyết Thắng với đầy lòng tiến thủ, dám làm, dám viết, và lại viết nhiều. Thật đáng được khuyến khích!

Trong khi viết về "Đường Luật và Cổ Phong", tôi có nhắc các bạn trẻ như sau: "Các bạn yêu thơ hãy cứ làm thơ một cách tự nhiên trước, miễn sao diễn tả được ý của mình và có âm điệu là được. Có Đường Luật thì cũng có Cổ Phong, có Lục Bát thì cũng có Biến Thể Lục Bát. Rồi dần dần quen đi, ta sẽ đi vào thơ một cách tài tình, xuất khẩu thành thơ, tự nhiên đúng luật. Đừng vì niêm luật hay đối quá mà làm bài thơ gượng gạo, mất hồn thơ của các bạn đi".

Điều quý trọng hơn cả là tình khiêm tốn và chân thành của nhà thơ Triệu Quyết Thắng. Anh đã nói rõ là Chỉ Mối Học Lâm Bảo và Tập Viết Văn từ năm 1990 khi đặt chân đến Đức Quốc. Với những bước đầu như thế mà Triệu Quyết Thắng đã có được những tác phẩm đầu tay: một thi tập, một tập truyện dài, một số truyện ngắn, và một tờ nguyệt san, thì quả thực anh đã xứng với cái tên QUYẾT THẮNG của anh. Thật đúng với lời người xưa: "Có Chí Thì Nên". Tôi chắc chắn rằng, với những bước đầu thật đáng khích lệ như chúng ta đã thấy, nhà thơ Triệu Quyết Thắng thế nào cũng trở thành nhà thơ, nhà văn, và nhà báo lỗi lạc trong nền văn học của nước nhà. Thật xứng đáng với danh ngôn của người xưa: "Hậu Sinh Khả Uý".

Một điều đặc biệt hơn nữa là nhà thơ kiêm nhà báo và nhà văn Triệu Quyết Thắng đã được sinh ra, khôn lớn, và được giáo dục dưới chế độ Cộng Sản mà anh không bị tiêm nhiễm những tính xảo trá, nói dối, phản phúc, và gian ác của loài Cộng phi. Nhà thơ của chúng ta quả là một bông sen trong ao bùn Cộng Sản. Anh ắt phải có một bản lãnh vững vàng và một lương tri mãnh liệt của những bậc đàn anh như Nguyễn

Chí Thiện. Nếu không bị sống trong xã hội độc tài Cộng Sản, chắc anh đã thành danh trên văn đàn Việt Nam từ lâu rồi.

Triệu Quyết Thắng khác hẳn với Nguyễn Hộ, Bùi Tín, hay Hà Sĩ Phu, v.v... Những người này chống đối các sai lầm của Cộng Sản, nhưng họ vẫn nhận mình là Cộng Sản và không dám chống Bác và chống Đảng. Điều này có nghĩa là họ chỉ muốn Đảng sửa đổi lại thôi. Sửa đổi để có đa đảng, để có dân chủ, nhưng Đảng Cộng Sản vẫn còn, công an, và quân đội Cộng Sản vẫn còn. Đây là điều khôi hài và không tưởng giống như bảo hùm beo đừng ăn thịt, bảo tướng cướp bỏ nghề đi tu.

Điểm then chốt mà nhà thơ Triệu Quyết Thắng và các bạn của anh đã xác quyết là coi Đảng Cộng Sản Việt Nam là kẻ thù của chính các anh và của dân tộc Việt Nam.

Triệu Quyết Thắng và các bạn anh, trong các bài viết và trong thơ, đã cho ta biết chỉ có mỗi con đường là loại Cộng Sản ra khỏi mọi sinh hoạt của nhân dân Việt. Chúng phải từ bỏ hết và ngồi chơi xơi nước, chứ không có sửa đổi gì cả. Chúng ta không thể cộng tác hay thương lượng gì với chúng được nữa. Chúng ta không giết các người Cộng Sản, nhưng chúng ta phải loại trừ chế độ Cộng Sản. Chỉ có như thế mới có tự do, dân chủ, và hòa bình.

Tôi rất khâm phục đường lối đấu tranh của Triệu Quyết Thắng và các bạn của anh: dứt khoát rõ ràng coi Đảng Cộng Sản Là Kẻ Thù.

Tôi tin đó là điều rất giản dị và dễ hiểu vì ta không thể sống chung với loài sai lang, rắn rết đội lốt người mà đảng Cộng Sản là tiêu biểu. Người chỉ sống với người chứ không thể sống với qui sứ ma vương được.

Với nhận thức như trên, tôi mong Triệu Quyết Thắng và các bạn cố gắng giữ vững lập trường tranh đấu kiên trì giống như đã tuyên bố.

Những người Việt hải ngoại cũng chỉ có một con đường này để tranh đấu với Cộng Sản mà thôi. Làm khác đi là tự sát.

Tôi rất biết ơn nhà cách mạng lão thành Trần Quang Túc, nay mới qua đời, đã giới thiệu cho tôi người bạn trẻ tài hoa và đầy lòng yêu nước này. Tôi có may mắn là được quen rất nhiều bạn trẻ có tâm huyết và tài năng. Anh Triệu Quyết Thắng là một trong những người bạn trẻ mà tôi kính trọng.

London, Canada, đầu năm Đinh Sửu, 1997

**TÔN GIÁO
VỚI CÁI GỌI LÀ
THÙ TRONG**

•NGUYỄN HỮU SÓN

Nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp tục gia tăng đàn áp tôn giáo, vừa qua theo tin của Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Người Việt Nam có trụ sở tại Paris,

tại Việt Nam có 200 Huynh Trường đã ghi danh đòi tự thiêu gửi tới nhà cầm quyền CSVN để phản đối chính quyền bóp nghẹt tự do tín ngưỡng, bằng hình thức: Giải thể phong trào "Gia Đình Phật Tử Việt Nam", một trong những sinh hoạt truyền thống của những người theo đạo Phật. Trước sự suy thoái của ngành giáo dục nhà nước XHCNVN, phong trào này giúp cho giới trẻ gìn giữ những đạo lý dân tộc đang bị mất đi trong một xã hội đầy dẫy những tệ nạn tiêu cực và sự bất công.

Không chỉ riêng đối với Phật Giáo, mà với chính sách đàn áp tôn giáo của nhà cầm quyền CSVN, bản tay lỏng lá của họ còn động đến cả Cao Đài Giáo Tây Ninh, họ đã không cho Giáo hội Cao Đài được phép cầu cơ, mọi hoạt động của Giáo hội đều nằm trong tay của cán bộ đảng trả hình thành chức sắc Cao Đài. Trong năm 1996 các vị chức sắc Thượng Thiên Thanh và Nguyễn Văn Giám đã bị bắt, các Cử sĩ Võ Thanh Liêm, Dương Xuân Lương, Trần Văn Khoa và Huỳnh Văn Thắng đã bị bắt ngày 26.6.96. Sau đó 3 tháng ngày 21.9.96 Cử sĩ Cao Sỹ Dung cũng bị bắt giữ luôn. Lấy bạo lực để dập tắt những tiếng nói đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng. Nhà cầm quyền CSVN đã lộ nguyên hình của những kẻ độc tài trong cơn hấp hối.

Mấy năm gần đây, bị áp lực ngoại giao trên chính trường quốc tế và quá nghèo đói Đảng CSVN đã phải buộc lòng hé mở tí tẹo về kinh tế, họ luôn rêu rao là Đổi Mới, là xóa bỏ hận thù nhìn về tương lai v.v... cùng với rất nhiều lời lẽ đường mật khác hòng lừa bịp thế giới và những Việt kiều yêu nước bỏ tiền vào cho họ... thêm đẹp mặt. Và lại "của người phúc ta" có thêm cái để vớ vào, để kể công hòng lừa bịp những người nhẹ dạ cả tin, nhưng dù có luôn lẹo đến mấy cũng chỉ là những trò khôn vặt, không qua được mắt ai, kẻ ăn vụng mệp chưa kịp chui lại tiếp tục gây thêm tội lỗi.

Những ai đã từng sống dưới chế độ CS nhất là ở miền Bắc VN, không ai là không rung mình khi nhìn những hành động vô thần, đến mù quáng của CSVN, khi biết bao nhiêu pho tượng Phật, tác phẩm nghệ thuật của ông cha ta bị họ ném vào lửa đốt đi cho rộng chỗ để thế vào đó là nơi hội họp của đảng hoặc làm nơi giữ trẻ, để cho trẻ con phóng uế bừa bãi ngay nơi linh thiêng, có tác dụng thiết thực hơn đối với những người CS, biết bao nhiêu đình chùa có kính công lao, máu, mồ hôi của biết bao nhiêu thế hệ mới kết thành, vậy mà... dưới bàn tay đập phá của những kẻ vô thần, đến nay cả nước ta không còn một đình chùa nào được nguyên vẹn, đối với tôn giáo "Vói cái gọi là thủ trong" lúc nào họ cũng đặt sự nguy hiểm do tôn giáo gây nên, lên hàng đầu, đối với họ, nhìn vào tôn giáo đâu cũng chỉ là Việt gian là phản động. Dưới sự cai trị độc đoán của họ. không thể kể hết danh sách hay tên tuổi của những người theo đạo đã chết trong uất ức tủi hờn, mà chỉ có... lịch sử mới ghi danh được.

Giương tay liếp cũ vẫn còn đó, bề ngoài trống rỗng có mở, đánh lừa thiên hạ, bên trong tiếp tục khủng bố tôn giáo, đàn áp những tiếng nói đối lập, Đảng CSVN càng chứng tỏ sự bất tài của họ và cho... có tài liếp liếp đến đâu, Đảng CSVN vẫn không che giấu được cái đuôi của họ.

(Belgique)

ĐƯỜNG VỀ CÔI PHẬT

• VŨ THỊ DẠ THẢO

Nắng như thiêu như đốt rọi xuống con đường dốc cao vượt qua một ngọn núi cheo leo, hiểm trở. Đoàn sư sãi đi hành hương vẫn im lặng bước. Những giọt mồ hôi trán lấm tấm trên những gương mặt khắc khổ đã đọng lại thành dòng nhỏ xuống những bờ vai trần, xuống xấu, sạm nắng, lộ ra từ những chiếc áo cà sa quần ngang những lồng ngực gầy gò.

Hơi nóng từ mặt đất hừng hực bốc lên như muốn sấy khô mọi vật. Những bàn chân đất gót đã chai cứng, nứt nẻ vẫn đều bước đạp trên lớp sỏi đá, cạnh nhọn sắc. Những xâu chuỗi bồ đề đeo trên những cẳng cổ tong teo, lắc lư trước ngực áo cà sa theo từng nhịp chân. Những cặp mắt sáng đầy nghị lực vẫn nhìn thẳng về phía chân trời xa, một vùng non bằng tiên cảnh, được mệnh danh là Niết Bàn Hạ Giới, chỗ mà mọi bậc chân tu đều mong mỏi được tới tận nơi để yết kiến Đức Phật.

Theo truyền thuyết, thì cứ mỗi một trăm năm Ngài lại giáng lâm một lần. Vùng tiên cảnh đó thật rộng, Đức Phật giáng lâm ở đâu, và vào lúc nào, chẳng ai biết được. Chỉ những kẻ có cơ duyên mới được gặp Ngài mà thôi.

Từ mấy thế kỷ nay, đã không biết bao nhiêu Phật tử đủ mọi giới, mọi thành phần, từ kẻ sang cho tới người hèn, từ bậc chân tu cho tới người phạm tục đều chờ đợi ngày trọng đại ấy. Người ta đến viếng vùng Niết Bàn Hạ Giới bằng đủ mọi phương tiện, bằng phi cơ, bằng xe cộ hay bằng cả thú vật như ngựa, voi, lạc đà. Nhưng cũng theo truyền thuyết, chỉ có những người khởi hành bằng đôi chân, trên chuyến viễn du đầy cam khổ với tấm lòng chân thành mới có hy vọng gặp được Đức Phật mà thôi.

Những người may mắn ấy thường là những kẻ đã lánh xa chốn phồn hoa, sống ẩn dật nơi núi cao rừng thẳm nên chẳng ai có thể dò hỏi được tin tức gì về Đấng Chí Tôn, và thời gian một trăm năm, mấy ai mà còn sống để kể lại cho mọi người.

Dù không thấy, nhưng niềm tin của mọi người đều cho chuyện Đức Phật giáng trần là có thật. Và cũng như mọi người, đoàn Tăng lữ này cũng đã lên đường với một tinh thần hăng hái.

Họ là một nhóm trong số những sư sãi tu hành trong ngôi chùa cổ trên một đỉnh núi cao có mọc nhiều rừng tung. Chỉ có bảy người được chọn lựa để đi hành hương vì đã đạt được nhiều công đức và khổ hạnh trong

thời gian tu luyện. Chú tiểu Sa Di cũng được chọn tham dự, bởi chú là một nhà sư trẻ tuổi nhất, đã sớm quy y vào chốn thiền môn chẳng vì chán mùi tục lụy hay mơ sẽ được lên chốn Niết Bàn, mà vì chú thích đọc những kinh sách và đam mê âm điệu của những bài kinh tụng niệm.

Chính vì điểm đặc biệt đó mà sư phụ của chú, người chủ trì ngôi cổ tự đã thường yêu chú hết lòng. Bởi thế, trong chuyến viễn du lịch sử này, chú được sư phụ cho đi tháp tùng với toán hành hương do sư huynh Đà Lam dẫn đầu, đem lễ vật tìm đến xứ Phật.

Lễ vật ngoài những hoa thơm cỏ lạ nơi vùng sơn dã, còn có những món quà nhỏ nhỏ được làm lấy bằng tay do những Phật tử đem dâng cúng chùa để nơi bàn thờ Phật. Một đóa hoa sen bằng gỗ trầm hương thơm ngát, một con voi trắng xinh xinh chạm bằng đá quý, một bức chân dung Phật Tổ khắc tỉ mỉ trên chiếc vỏ ốc xà cừ. Tất cả những món đồ thủ công ấy đã được mài giũa, điêu khắc với cả tấm lòng thành của những người dân sơn cước hiền lành chất phác.



Tất cả những phẩm vật trưng bày trên bàn thờ Phật tích trữ từ nhiều năm nay được dồn vào một cái bao tải khá to. Đà Lam đã ra lệnh cho Sa Di phải khoác bao tải ấy bởi vì chỉ có mình chú là thanh niên khỏe mạnh.

Mỗi người được mang theo một cái bình bát đựng lượng khô, lưng đeo một bầu nước và tay cầm một cây gậy để chống đi dọc đường.

Đã nửa tháng trời trôi qua, đoàn hành hương vẫn còn trên con đường thiên lý. Cái bao tải trên vai Sa Di mỗi lúc một nặng thêm bởi những hoa thơm cỏ lạ mà đoàn sư sãi hái dọc đường. Những vị sư huynh đều chú ý đến Sa Di, hỏi thăm chú cái bao có nặng không, nhưng chẳng ai vác đỡ cho chú một đoạn đường. Sa Di đưa tay quệt những giọt mồ hôi trán, đôi vai chú oằn xuống bởi trọng lượng của các thủ đựng trong bao tải, những gương mặt chú vẫn vui vẻ hồn nhiên. Đà Lam đi dẫn đầu, thỉnh thoảng lại dừng chân đợi chú rồi nhắc nhở:

- Nhỏ nhìn đường mà đi tránh đám côn trùng, sâu bọ kéo đạp vào chúng lại mang tội sát sanh.

Trên đoạn đường núi, thỉnh thoảng có những con bò cạp tử trong khe đá chạy ra, bò lổm ngổm trên lối đi. Các nhà sư vội nhay tránh. Sa Di lấy đầu cây gậy khều nhẹ, hất chúng sang một bên. Đà Lam trông thấy vội hét lên:

- Sa Di! Cây gậy ấy có thể làm chết những con vật ấy. Chúng ta không thể sát sanh để tổn hao công đức tu hành bao nhiêu lâu nay được.

Đoàn người lại tiếp tục đi trên con đường thiên lý chông gai. Tới một vùng núi hoang vu, cả toán dừng chân tạm nghỉ, tránh nắng dưới bóng cây, trước một hốc đá. Sa Di bỏ cái bao nặng xuống đất, khoan khoái vươn vai cho giãn gân cốt. Đà Lam bước tới thân mật vỗ vai khích lệ Sa Di:

- Hãy cố gắng nghe chú. Ai cũng đều có công lao trong chuyến đi này. Các sư huynh đã có công thu nhặt hoa trái, chú có công mang nó đi. Cố gắng lên nhé! Côi Phật cũng chỉ còn chừng một tháng nữa là đến nơi.

Sa Di nhìn cảnh vật hùng vĩ của núi rừng, nói với Đà Lam:

- Tại sao một tháng nữa mới tới nơi Phật Tổ hiện thân. Sao đệ tử lại có cảm tưởng như Ngài đang ở quanh chúng ta, dường như là gần đây chứ không xa đâu sư huynh.

Đà Lam nhìn bao quát lắc đầu:

- Nói đây quá hoang vu, khô cằn sỏi đá, không phải là cảnh trí của Niết Bàn, đức Phật sẽ không giáng lâm nơi này đâu.

Sa Di ngạc nhiên hỏi:

- Sao Huynh biết?

Đà Lam nấn nhe vào xâu chuỗi bồ đề đeo trước ngực, giọng thành kính giải thích:

- Thời gian ta đã bước vào cửa thiền để tụng kinh niệm Phật lâu hơn tuổi đời của chú, nên ta biết rất nhiều điều trong kinh điển, thuộc lòng từng câu trong những điển tịch nói về Phật Thích Ca thành đạo dưới cội Bồ Đề. Chú hãy nhìn quanh đây xem, ngoài những cây xương rồng, những thân cây chết khô, có một gốc Bồ Đề nào không?

Sa Di lấy làm lạ lúng về câu nói sâu xa của sư huynh mình, nhưng không dám hỏi lại những điều mà chú còn thắc mắc, bởi lần nào hỏi tới tận cùng, các sư huynh của chú cũng chỉ kết luận vồn vện bằng một câu thật đơn giản:

- Cúi tụng niệm nhiều kinh điển đi rồi sẽ hiểu.

Toán người ngồi nghỉ, lấy lương khô ra ăn, ngồi ngả lưng dưới bóng mát chợp mắt để dưỡng sức.

Sa Di ngồi dựa lưng vào gốc cây, dựa mắt ngắm cảnh. Chú không cảm thấy một môi bồi tinh thần của chú còn phấn khởi và tràn ngập niềm hy vọng. Chú sẽ được nhìn tận mắt Đức Thế Tôn chứ không còn phải nặn óc ra tưởng tượng từ những bức tượng bằng đồng hay tranh ảnh vẽ trong Chùa. Kia, sườn núi cheo leo, nằm trên một bờ vực, bên dưới là màu xanh bát ngát của rừng già, vang dội tiếng thác đổ, tiếng chim muông ca hát. Cảnh đẹp như thế kia mà sao sư huynh của chú lại không thấy xúc cảm như chú.

Chú nghe vắng vắng bên tai có tiếng đàn ca réo rắt của chốn bồng lai tiên cảnh. Chắc hẳn côi Phật ở đâu đây và thật gần bên

chú. Chẳng phải đi một tháng mà có lẽ chỉ một chốc nữa là tới nơi thôi.

Đang mãi mê thả hồn tưởng tượng. Chợt Sa Di giật mình khi nhìn thấy thân hình dài ngoằn ngoèo của một con rắn hổ mang đang trườn tới chỗ đám người đang nằm nghỉ. Sa Di với tay cầm lấy cây gậy, nhưng chưa làm gì vì chú sực nhớ lại lời căn dặn của Đà Lam với hy vọng con rắn chỉ bò ngang đây mà thôi. Đôi mắt chú chăm chăm nhìn cái thân đen dài trườn từ từ tới chân Đà Lam. Con vật đánh hơi được người chột ngóc cao đầu lên, phun phì phì. Đà Lam bỗng hoảng hốt ngồi vùng dậy. Con rắn nhanh như chớp, phóng đầu mổ xuống chân nhà sư. Nhưng Sa Di còn nhanh hơn con vật. Cây gậy trong tay chú quật mạnh vào đầu con rắn. Có tiếng thét của Đà Lam:

- Đứng Sa Di!

Cả thân hình con rắn văng ra xa, giãy đành dạch vài cái rồi chết. Những nhà sư đều ngồi dậy nhìn xác con rắn xúc động, rồi nhìn Sa Di với ánh mắt giận dữ. Đà Lam cũng bước tới, quát mắt nhìn Sa Di:

- Người có biết hành động tàn ác của người đã làm ở uest tẩm áo cà sa mà người đang khoác lên người hay không?

Một nhà sư khác cũng bức dọc lên tiếng:

- Thế là toi công trình chay tịnh, đường xa cực khổ của chúng ta từ bao ngày nay. Người làm cho các sư huynh chẳng còn mặt mũi nào gặp Đức Thế Tôn nữa.

Sa Di quỳ xuống trước mặt các sư huynh mà khóc:

- Đệ tử biết làm thế nào là sát sanh, nhưng thả đệ tử hy sinh chịu tội một mình để các sư huynh còn có hội gặp Phật Tổ.

Một nhà sư khác lắc đầu chán nản:

- Con sâu làm rầu nồi canh! Người làm xấu mặt cả toán chúng ta. Phật Tổ sẽ chẳng cho chúng ta gặp mặt Người nữa đâu.

Một người khác hỏi lớn:

- Đà Lam, bây giờ sư huynh xử tội nó như thế nào đây?

Đà Lam chỉ tay vào mặt Sa Di:

- Kể từ giờ phút này, người không còn xứng đáng là một đệ tử của Phật môn nữa! Người phải đi cách chúng ta một khoảng thật xa. Người sẽ không được phép vào yết kiến Đức Thế Tôn khi chúng ta được gặp Ngài. Bây giờ ta phạt người quỳ lên những hòn đá nhọn kia để mà sám hối.

Rồi các nhà sư bỏ mặc Sa Di nước mắt đầm đìa để bu quanh xác con rắn, tụng kinh cho nó được đầu thai một kiếp tốt đẹp hơn.

Đoàn người lại tiếp tục lên đường. Sa Di vẫn phải vác nặng và đi sau cùng, cách đoàn người một khoảng xa. Họ băng qua một khu rừng rậm. Chiều đã xuống. Sương lạnh rơi xuống vai. Xa xa vọng lại tiếng cộp beo gầm thét, đoàn người vừa đi vừa lần chuỗi bồ đề để trấn át cơn sợ hãi.

Bỗng một nhà sư trong bọn hét lên:

- Các sư huynh coi chừng, có con cạp kia!

Một con cạp trắng, vằn đen từ trong bụi rậm phóng ra gầm gừ nhìn đoàn người. Mọi người đều sợ xanh máu mặt. Tiếng ẹ a tụng kinh gào lớn hơn, để làm cho con cạp sợ, nhưng con cạp vẫn lăm li đi tới rồi há miệng gầm to lên, chụm bốn chân lại, đập mạnh đuôi xuống đất trong tư thế chuẩn bị vồ mồi.

Sa Di cũng sợ điếng hồn, nhưng chú vẫn còn đủ can đảm chạy mau tới bên cạnh Đà

Lam, bỏ chiếc bao tài xuống đất nghẹn ngào nói:

- Đệ tử là kẻ phạm tội, hãy để cho đệ tử hy sinh thân xác ở uest này để các sư huynh có đường thoát hiểm. Các sư huynh là người có lòng từ bi, hãy cố đi đến nơi để gặp Đức Phật và xin Người hãy tha tội cho đứa đệ tử vô hạnh này.

Nói xong, Sa Di chạy mau tới, nhào ôm lấy cổ con cạp. Con vật gầm to giơ chân trước tát mạnh làm Sa Di ngã chúi xuống đất. Rồi cạp ngoạm lấy thân hình của Sa Di phóng vào bụi rậm mất dạng.

Các nhà sư đều quỳ xuống. Tiếng tụng kinh cầu siêu lại vang lên. Lần này ai nấy đều khóc thương cho một linh hồn tội lỗi đã chịu quả báo nhãn tiền.

Đoàn hành hương lại tiếp tục băng nốt đoạn đường rừng. Trời tối dần, nhưng chẳng ai dám dừng chân lại nghỉ bởi sợ con cạp sẽ quay trở lại bắt thêm người.

Cho tới khi trời tối đen lại mà đoàn người cũng chưa ra khỏi được rừng. Tiếng thú dữ gầm thét thật gần khiến Đà Lam lo sợ không biết phải tìm đâu chỗ cho đoàn người nghỉ ngơi đêm nay.

Mọi người còn đang cơn sợ hãi, chợt thấy từ xa có rất nhiều ánh đuốc bập bùng sáng rực cả một khoảng rừng.

Đà Lam hoảng mất nhìn, rồi mừng rỡ reo lên:

- Có người tới! Đứng lấm, chắc họ cũng đi tìm côi Phật như chúng ta! Chúng ta đã có bạn đồng hành rồi!

Đoàn người cầm đuốc tiến mỗi lúc lại gần. Đà Lam nhận thấy có cả Tăng lẫn tục, người giàu và kẻ nghèo trong đoàn người ấy.

Hai toán người gặp nhau. Một người cầm đuốc hỏi toán người của Đà Lam:

- Các thầy cũng đi tìm côi Phật à?

Đà Lam gật đầu. Người cầm đuốc nói:

- Vậy thì các thầy theo chúng tôi đi ngược trở lại đi!

Đà Lam ngạc nhiên hỏi:

- Sao lại đi trở về? Chúng tôi cũng đã qua nơi đó lúc nãy rồi, có thấy côi Phật đâu. Chỉ thấy toàn là thú dữ mà thôi.

Người cầm đuốc hỏi:

- Thế các thầy có nhìn thấy một con cạp trắng vằn đen không?

- Có, chúng tôi vừa thấy nó xuất hiện cách đây hai dặm.

Những người cầm đuốc nghe thế đồng nhau nhao lên:

- Đúng rồi! Đúng rồi! Đúng nơi này là chỗ Phật Tổ giáng lâm!

Đà Lam ngạc nhiên hỏi:

- Sao các ông biết Phật sẽ hiện thân ở khu rừng toàn thú dữ này?

- Đêm qua, chúng tôi đều nằm mơ thấy giống nhau. Một vị thần hổ lông trắng, vằn đen, đã báo mộng là ngày hôm nay, ông ta được lệnh Phật Tổ đến rước một người được Đức Phật chọn để đưa đến gặp Ngài. Không biết trong chúng ta, ai sẽ là kẻ may mắn ấy?

Đà Lam và những nhà sư áo vàng chột sững sờ, rồi đều đồng loạt quay lại nhìn khoảng rừng mà họ đã đi qua. Trong bóng tối âm u, khoảng rừng sau lưng họ chợt bùng lên ánh hào quang chói lọi, rồi cả vùng ánh sáng rực rỡ bỗng vút lên cao, bay vào cõi không gian vô tận.

TRÀ THIÊN

Trà Sen thơm ngát hương lành
Phút giây thiên. quán, tâm linh tỏ ngộ
Trà với hệ lụy, trà vui
Lắng tâm não trước, quên đời bon chen
Điều Vị Hương, ngát trà thiên
Tâm như Minh Hinh nấu phiền lìa xa
Ban mai bắc nước pha trà
Trà thiên ngát vị tâm hoa tỏa ngời
Não trước, chấp trước xa đời
Hoa Bi, Trí, Dũng, trên đời trắng hoa.

•TUỆ NGA



CHIỀU

Hàng cây đứng lặng bên triền núi
Trang điểm chiều nghiêng lấm tẩm hoa
Lóng lánh vàng tươi màu nắng mỏng
Ngát hương biển cỏ thơm chan hòa

Và mây tha thướt ngang trời vắt
Như cũng thêm hiền áo mới may
Trên đóa cúc thêu tà e ấp
Dịu dàng nường gió khẽ thương bay

Liu lo lời hát bầy chim trắng
Vất vèo lên cùng khắp đó đây
Suối nhỏ trong ngàn mơ róc rách
Chia vui dòng nước chảy thơ ngây...

Quanh quanh chợ vắng chuông Chùa điểm
Thánh thốt ngàn lời Bát Nhã Kinh
Sáng soi tâm tối lòng mê muội
Mở nẻo muôn loài về chánh minh

Ngày ngày điệp khúc chiều tan vội
Búp môi trở xanh, thoảng... búp già
Ngán ngủ đời người như mắt chộp
Thân hoàn cát bụi phủ mờ qua!

Ngày ngày điệp khúc chiều tan vội
Búp môi trở xanh, thoảng... búp già!

•THIỆN CHÁNH

(phổ nhỏ Sulgauer, Mùa Phật Đản 2541)

Cánh hồ thốt đã

• ĐÀN HÀ

Nhiều người khi mới đến Quảng Trị, quê tôi, thường có cảm giác e ngại, sợ sệt, vì nghĩ rằng đó là một vùng đầy lam sơn chướng khí, mảnh đất eo hẹp được giới hạn bằng một bên là biển, một bên rừng. Khí hậu quanh năm hai mùa, với mùa hè nắng cháy, nắng nung người làm héo cò khô cây; mùa đông thì mùa dầm ướt đất, mùa không ngọt làm sưng lây những vùng cao nguyên đất đỏ, làm úa tàn lúa mạ của vùng đồng bằng. Trong những ngày vừa chớm thu, các khu rừng lá cây sập ngả màu vàng và rụng dần, bắt đầu những cơn mưa ngâu lành lạnh, gió thổi mạnh làm rung đổ những giọt nước mắt của "Chức Nữ thượng nhỏ Ngưu Lang", như trong một chuyện cổ tích dân gian xa xưa nào, câu chuyện đầy thơ mộng và lãng mạn mà khi nghe kể lại chắc không ai lại không khỏi bồi ngùi! Tiếp theo là những bão làm tróc gốc đổ cây, rồi tiếp đến là lụt lội ứ ất. Không có năm nào lại không có xảy ra thiên tai làm hư hại mùa màng, làm hao tổn không biết bao nhiêu mồ hôi nước mắt của người dân quê đã đổ xuống trên ruộng vườn nương rẫy, tạo nên cảnh đói rách lầm than. Câu tục ngữ thường truyền tụng nơi đây là: "Làm cho có để mùa gió mà ăn" là vậy. Mỗi năm có hai mùa, mùa tháng ba thì cũng nhờ trời mưa thuận gió hòa nên thu hoạch được đầy đủ, còn vụ mùa tháng tám thường hay bị thất thu, cho nên nông dân phải trồng thêm các loại hoa màu phụ như khoai sắn để phụ lực... (No lòng chỗ phụ môn khoai, đến năm Thân Dậu lấy ai bạn cùng!). Họ thường nói đến nạn đói của năm Thân Dậu (là hai năm 1944-1945), như nhắc nhở cho con cháu biết một bài học đáng cay, để mà tiết kiệm, để mà tích trữ lương thực, của cải cho những việc bất thường như: quan, hôn, tang, tế... (năm Thân Dậu tại Quảng Trị xảy ra nạn đói kinh hồn, gây cảnh chết chóc cho cả hàng trăm ngàn người, vì năm ấy bị xảy ra một cuộc khủng hoảng về chính trị và kinh tế rất trầm trọng, trong lúc người Nhật vừa đến tiếp thu lãnh thổ từ tay người Pháp, thì tức tốc áp đặt một thể chế quá khắc nghiệt đối với người dân, như ruộng vườn không được trồng lúa mà phải trồng đay, trồng dâu nuôi tằm để khuếch trương nền kỹ nghệ v.v...). Vì thế mà nảy sinh ra những phong trào tử trong dân chúng đứng lên chống Pháp, kháng Nhật và như thế là chiến tranh lại tiếp diễn đến triền miên!

Cho đến thời cận đại thì các cường quốc lại sử dụng mảnh đất Quảng Trị như là một phòng tuyến, một nơi chốn để tranh giành ảnh hưởng quốc tế, họ dùng làm "vùng phi quân sự" cho các cuộc thí nghiệm vũ khí đạn dược, hàng ngày đã đổ xuống hàng ngàn tấn bom đã tàn phá hết nhựa sống của thiên nhiên, hàng rào điện tử với bãi chống mìn, kẽm gai giăng khắp đây đó đã tạo nên cảnh chết chóc và gây thương tật cho dân chúng địa phương. Hiện tượng ấy cho đến bây giờ

sau hơn hai mươi năm chấm dứt chiến tranh, những hàng vũ khí giết người ấy vẫn còn nằm đó. đầy đầy như đang chờ chực những ai bất hạnh!...

Vì thế cho nên những người khi mới chân ướt chân ráo đến vùng Quảng Trị thì họ thường hay than rằng: "Đến nơi đây đất nước lạ lùng, nghe con chim kêu cũng sợ nghe con cá vùng cũng run!".

Cảm giác ấy không phải chỉ đối với những người vừa mới đến, mà người dân địa phương sống lâu năm tại đây cũng cảm thấy không thoải mái, không an nhàn! Vì ngoài khí hậu khắc nghiệt, lam sơn chướng khí, chiến tranh tàn phá còn có thú dữ hoành hành nữa! Như tại địa phương có câu tục ngữ: "Nác khe mèo, beo làng rộng", (những con suối phát xuất từ vùng Tân Lâm, Khe Sanh đầu nguồn của con sông Vĩnh Định, có con suối mang tên là "Khe mèo" vì "nác" có nghĩa là nước suối trong vắt, đứng trên bờ có thể nhìn xuyên suốt dưới lòng khe, thấy được sỏi cát nằm dưới đáy, nước trong đến thế cho nên mới gọi là suối trong như mắt mèo, thế những khi mức nước đem đun sôi thì nước ấy lại



biến thành màu tím nhạt, nước uống rất độc. Cũng có thể giữa vùng thâm u cây cối là môi trường thích hợp cho muỗi mòng và các loại côn trùng có mang vi khuẩn truyền bệnh. Cứ dân ở đây phần nhiều đều "mặt búng da chì" nhất là trẻ em bởi hậu quả của các chứng bệnh sốt rét và sán lá! Ngành y tế tại đây lại thiếu thốn đủ thứ nên không đáp ứng nhu cầu cho một chương trình phòng ngừa và trị liệu. (Nhờ lại trước đây khi còn làm lính, đi hành quân trên các vùng cao nguyên như Khe Sanh, Lao Bảo, Ba Lòng, A Sao, A Lưới... Đón ý chúng tôi không ai tránh khỏi bệnh sốt rét rừng, mặc dầu ai nấy đều phải mang theo đầy đủ các loại thuốc phòng ngừa bệnh sốt rét và dầu nóng để trừ muỗi, vắt... Còn tại vùng Cửa là một thung lũng được bao bọc chung quanh bởi rừng núi, có một ngôi làng nằm giữa rừng thấp có nhiều chỗ làm ruộng, cho nên dân làng đặt tên là "làng Rộng", làng này nằm gần một khu rừng có rất nhiều thú dữ như cọp, heo rừng thường hay kéo về phá hoại mùa màng cũng như đe dọa tính mạng của dân làng. Để đề phòng những bất trắc có thể xảy ra, họ phải cất nhà sàn để ở, hay làm nhà bằng cây rừng thật chắc chắn. Đêm đêm muốn đi đâu thì họ dùng cây đốt bỏ lại thành bó, đốt lên làm đuốc soi đường và trừ thú dữ (tiếng địa phương gọi là cái chèn), ngoài ra họ còn làm bẫy để sập thú rừng. Trâu bò cũng phải làm chuồng chắc chắn bằng cây rừng (gọi là cái ràn) chủ không thể buộc khơi khơi ngoài đường như các nơi khác.

Những khi đến sinh sống tại Quảng Trị một thời gian rồi thì họ đâm ra ghiền, không

phải họ ghiền vì bữa mê thuốc lú, không phải họ ghiền vì nơi chốn ấy đã đem lại cho họ một cuộc sống vững chãi về kinh tế, để được an nhàn mà vui sống cảnh điền viên! Bởi vì ngoài thiên tai, còn là nơi đã chịu nhiều oan nghiệt về chiến tranh dai dẳng, khiến cho tâm hồn họ phải chai lỳ, đời sống thì với những bất trắc chực chờ, đói nghèo và thiếu thốn đủ thứ... Như vậy điều gì đã khiến cho họ phải gắn bó với cuộc sống nơi đây? Có lẽ chỉ còn là tình cảm, chỉ còn những kỷ niệm nào đó đã ghi lại trong tâm hồn họ, khiến họ phải luyến lưu, phải gắn bó... Kỷ niệm ấy có thể là hòng lòng của Tiên Tổ, có thể là nếp sống chất phác mà hiền hòa, đơn sơ mà hồn nhiên cùng với tình keo sơn của bà con làng xóm... Những mối liên hệ ấy là một chất keo gắn liền đời sống với nhau như anh em một nhà. (Tình cảm ấy cũng có thể là tình đồng bào, được bắt nguồn từ huyền thoại Mẹ Âu Cơ sinh trăm trứng, nở thành trăm con, năm mười lên núi, năm mười xuống biển, những núi và biển vẫn nằm trong một Tổ Quốc, cho nên con cháu sau này đều vẫn là anh em).

Qua sinh hoạt làng xã, họ thường gặp gỡ nhau ở ngoài đồng ruộng, trong các buổi hội hè, trong những ngày mùa đang gặt lúa về trên con đường làng thắm mùi tót rạ. họ chia sẻ cùng nhau những niềm vui khi đứng nhìn ra cánh đồng chín vàng trĩu đầy bông lúa và nhất là những điệu hò câu hát của những đêm giã gạo dưới trăng...

Hồ ơi...

*Đứng bên ni khe ngó qua bên tê khe thấy
bụi tre, bụi trúc bụi dựng*

*Ngó xuống dưới sông nọ có mấy hòn đá,
hòn dựng hòn nằm*

Thiếp với chàng là đạo nghĩa trăm năm

*Dâu mai sau không thành chồng vợ,
những sớm viếng tối thăm cũng tình!*

Những hình ảnh như bụi tre, hòn đá chỉ là những biểu tượng để ví von, so sánh mà thôi, chứ nó không liên quan gì đến tình cảm của con người, mà ở đây "đạo nghĩa" mới là quan trọng, nó chính là rường cột của giếng mối, là chất keo để ràng buộc và bảo vệ cái tình cảm thiêng liêng đã in sâu trong tâm khảm của mọi người. Những người đã sống chung với nhau cùng khổ, cùng làng thì đâu không phải là bà con họ hàng, không phải là anh em ruột thịt, đâu không thành tình nghĩa vợ chồng với nhau... Nhưng cùng chia sẻ những niềm vui nỗi buồn, hay thăm viếng và giúp đỡ lẫn nhau trong lúc hoạn nạn, thì đó cũng là những an ủi cần thiết cho chúng ta trong đời sống này rồi (Bà con xa không bằng láng giềng gần mà!). Tình cảm ấy cũng không hẳn chỉ dành cho những người đã chung sống với nhau lâu năm, mà còn đối với những người mới cùng hạnh ngộ, cho dù chỉ là một khách vãng lai:

Ai về phố Hội, sông Cầu

Để thường để nhớ, để sầu cho ai?

Để sầu cho khách vãng lai

Để thường để nhớ cho ai? để sầu!

Để sầu cho khách vãng lai, hay để sầu cho người ở lại? Cũng chỉ là những câu hỏi được lặp đi lặp lại như một nỗi dưng dưng giữa kẻ ở người đi, như nỗi luyến tiếc một cái gì thật mờ hồ, những biết rồi đây sẽ tàn phai theo ly biệt! Nghe nói thật là ngổn ngang trăm mối, bởi vì câu hỏi trước thì chỉ thuần túy là một câu hỏi, chỉ cần một câu trả lời là xong, thí dụ như: nếu biết rằng em đã lấy chồng, anh về lấy vợ thế là xong!, như vậy là

đã được giải quyết một cách thỏa đáng rồi, không còn gì để mà phân vân nữa cả. Thế nhưng câu hỏi cuối cùng mới chính là vấn đề phải suy luận, vì nó vừa là một câu hỏi mà cũng vừa là một lời than! Một câu mà thành ra hai câu, một câu hỏi và một câu than chẳng? Cũng có thể lắm chứ, (Đề thường để nhò cho ai? để sâu...), mỗi nghe thì cũng chỉ lặp đi lặp lại câu hỏi trước, nhưng nhìn kỹ thì đoạn sau lại được (hay bị) đảo ngữ, cho nên không biết đây là câu hỏi hay câu trả lời đây? Chữ "để sâu" treo lơ lửng ở phía đằng sau như một nỗi than trách ai đó, nó không còn nằm trong phạm vi câu hỏi nữa, mà nó đã rời lại đằng sau như còn lưu luyến một cái gì, thật thiết tha biết mấy!?

Câu hỏi kế tiếp cũng bắt nguồn từ manh nha tình cảm:

Ra về có nhớ em không?

Hay là xuôi buồm thuận gió biệt mong xa chúng!

Ồ đời cảnh hợp tan thì làm sao mà tránh khỏi? Vẫn biết vậy nhưng khi đã đan đứ với nhau rồi, thì ai bắt mình phải xa lánh những ước mơ thầm kín? Cửa một lần đã cùng ai hẹn biển thề non! Đã một lần cùng ai nói câu ước hẹn, cho nên nỗi phân vân củ đeo đẳng mãi không thôi!

Ra về sao động mà về?

Bỏ non bỏ nước, bỏ mấy lời thề cho ai!

Bỏ non, bỏ nước... thì chắc là có thể bỏ được, vì đây không phải là nơi "chôn nhau cắt rốn", đây không phải là quê hương xứ sở chỉ của mình, thì đến hay đi cũng không thành vấn đề chi mấy... Nhưng còn "mấy lời thề" nó mới là rắc rối làm sao? Bỏ lại cho ai đây?...

Đối với những người mới quen biết thì họ chỉ bóng gió, với lời lẽ tuy chớn chất nhưng thiết tha, tuy quê mùa nhưng gói ghém một tình cảm thiết tha thắm đượm đến dường nào... Còn đối với những người: xa xôi chi đó mà làm, phải hưởng hưởng bên, phải trầm trầm thắm, thì sao? Họ có đối đãi với nhau như thế chẳng? Có lẽ không đâu, vì họ có cần chi phải "bóng gió" cho thêm mật, lại phải đi vòng vo tam quốc cho hao xăng tốn nhốt? Cho một trí phí sức, củ đi thẳng một đường mục tiêu, để "thâu ngắn đường về", mặc dầu đôi khi vẫn biết rằng: "Thẳng mục tiêu thì đau lòng gỗ" đấy!

Mấy anh chưa vợ quanh năm

Đêm đông lạnh giá anh nằm với ai?

Thiết nghe cũng khó trả lời đây có phải không các bạn "tu mi nam tử"? Ai đâu lại đi hỏi các cổ như thế này, biết mà rằng mà trả lời cho xuôi thuyền mát mái? Biết làm sao mà trả lời cho nghe được cái lỗ tai? Làm sao mà mở ra một con đường uyên nguyên cho cõi đi về khỏi cô đơn giá lạnh? Bởi vì anh vốn là một kẻ quê mùa dân dã, nghèo khó một đời thì làm sao dám cùng người để "gối phụng chung loan"? Bởi vì anh là một gã tiểu phu đốn củi thì làm sao dám mở ước được nằm với ai? Bởi vì thân phận của anh "Khó nghèo ở chốn sơn lâm, mai than chiều củi, gặp trăm họa may", cái họa may này cũng hiểm hơi lắm đó, vì trầm là một loại gỗ quý hiếm, thì làm sao mà bắt được giữa hư không? Cho nên câu hỏi này xem ra đã bí lối, không tìm được câu trả lời thì thấy cũng mất mặt cả "đấng nam nhi", mà câu trả lời không được chỉ lý thì làm sao tránh khỏi miệt đời hay dòm mắt, thị phi? Cho nên cũng có người phải suy nghĩ nát óc để tìm ra

câu trả lời để họa may cứu vãn tình thế! May thay một đấng nho thâm uyên bác đã thay thế chúng ta để "gõ rối tơ lòng":

Em hỏi chi chuyện ấy cho mất công

Nếu nóng thì anh nằm ngủ thẳng, mà lạnh thì nằm cong khó gì?

Lành thay, lành thay mọi việc đã được giải quyết ổn thỏa rồi, vì anh đây đâu phải còn cái diện "ăn chưa no, co chưa ấm" nữa đâu, mà phải đi mắc mưu cái phận "thuyền quyền" đánh cờ còn chưa sạch nước cân? Nếu còn câu nào học hiểm nữa thì củ đem ra, nếu anh trả lời không đặng thì anh nguyện sẽ "làm phạm đàn bà như em".

Anh trèo lên cây sung cũng biết mùi sung sướng

Anh chẻ tổ kén lụa, thì lụa cũng là tấm

Em đổ anh một năm mười hai tháng, tháng mớ không rằm nữa anh?

Đối thì phải đáp, hỏi thì dĩ nhiên phải trả lời, nhưng câu hỏi này cũng hơi có phần gay cấn, vì tháng nào lại tháng không có rằm? "Nó" đã khôn ngoan chính giữa để khỏi mất phần mềm, dù ai có kéo qua kéo lại thì trên thân nó cũng đủ chân ấm với nệm êm, bầy chủ biết tìm mớ ra một thằng "dại" đã được nằm giữa mà lại bỏ mất phần mềm đây em? Thôi thì "phóng lao thì phải theo lao", đã lỏ leo lên lưng cọt rồi thì ai đại gì nhào xuống cho bị cọt vớ? Vẫn biết tổ với lụa cũng phát xuất từ tầm, mà con tầm thì cũng chỉ là loài sâu chớ quý hồ chi đây mà anh phải chọn? Nhưng một năm mười hai tháng mà tháng mớ lại không có rằm thì lại là một câu hỏi "bất thường"! Nhưng dù sao đi nữa thì anh cũng phải vận dụng cái "trí thông minh" để trả lời cái câu lắt léo:

Em trèo lên cây cam cũng biết là cây cam khổ

Em chẻ chai em chọn lá, thì lá cũng là gai

Một năm mười hai tháng, tháng đào hoa kết trái là tháng không rằm em ơi!

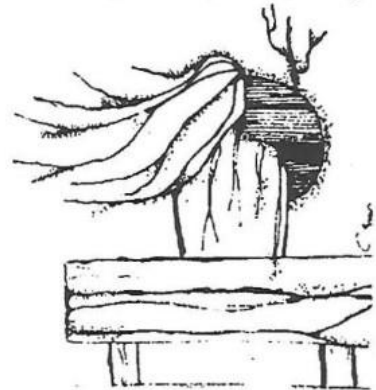
Đối đáp như vậy thì còn bắt bẻ vào đâu? Vì chai và lá thì cũng lấy từ cây gai để thắt để nối, mặc dầu lá gai còn dùng để làm bánh ịch, được nhiều công dụng cho dân quê nhúng cũng chỉ là loài cây cỏ dại mọc khắp ven rừng, thì có gì quý báu đâu mà phải chọn lựa?

Còn "tháng đào hoa kết trái" thì mới chính là cái tháng hiếm quý nhất trên đời, cho nên tháng ấy không có "ngày rằm" là phải, nếu ai không tin thì hãy củ trồng hoa đào mà đợi xem! Bởi vì tháng ấy nó thắm thắm như tình cảm của các thanh niên thiếu nữ ở nơi đồng quê thôn dã, tình cảm ấy nó thắm ngát như củ nội hoa đồng, chân phương như một màu bát ngát của cánh đồng lúa vàng, đang nằm trải dài phơi mình trong nắng sớm... Tình cảm ấy đã gói ghém một bản chất đôn hậu nhúng chân thành, đã thể hiện qua điệu hò câu hát của miền dân dã. Tâm sự ấy đã gắn liền với nếp sống hàng ngày như hơi thở, đem nguồn vui đến như bao tiếng cười giòn tan của trai gái trong làng mỗi lần gặp nhau đầu ngõ.

Khi mới mớ mắt chào đời chúng ta đã nghe tiếng ru của mẹ, tiếng hát của anh, câu hò của chị... Hòa cùng bao niềm yêu mến của bà con xóm giềng, là những chất liệu đã nuôi dưỡng cho chúng ta khôn lớn, ấp ủ cho chúng ta củ một tâm hồn phong phú về nền văn học dân gian, mà nó vẫn tiềm tàng trong chúng ta, đó vẫn chiếm ngự nguy nga giữa

lòng mọi người dù còn ở nơi quê nhà, hay phải nghìn trùng xa cách! Vì nền văn học ấy đã chất chứa đầy tinh chất củ dân tộc Việt, tạo nguồn vui cho gia đình và xã hội.

TUÔNG TẶN TÀNH NÔNG



*Nắng củi lưng hôn phượng hồng xiên
Lung cảnh tuổi thắm rợp ngoài hiên
Thoảng êm êm gió nắng lối là
Hồng sắc lung linh gọi nỗi niềm*

*Cỏ ve ngân tiếng trưa hè vắng
Cỏ bướm trao tình lượn cánh bay
Và củ cây xanh non chồi lá búp
Đùa vui củ nắng nhẹ lay lay*

*Dãy bàn bên phải gần khung cửa
Nửa khắc em tôi thoảng trộm nhìn...
Cuối áng mây trời giăng lụa trắng
Điểm trang muôn vệt sáng lung linh*

*Miền man sông khói rơi vào mắt
Bàng lảng như là mớ mộng mớ
Mộng kết muôn vầng hương mục tím
Lên ngàn xanh lá một bài thơ*

*Tuổi thơ diễm tuyệt vầng trăng sáng
Vun bón hồn nhiên đẹp rạng ngời
Tựa vông đồng đùa theo tiếng Mẹ
Xinh tuổi em giữ mãi... à... ôi...*

*Vội ngoan hiền tạc dạ ghi tâm
Vị nắng long lanh, nắng vẫn nằm
Trình trắng hoa giăng trong trời đất
Trần gian rụng xuống nghìn năm*

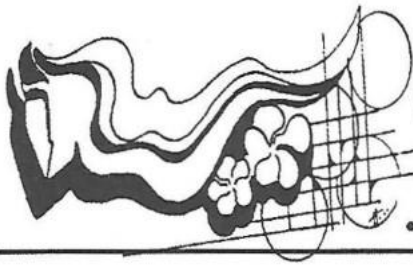
*Còn củ mong muốn hở em thương?
Đã củ hàng me với cổng trường
Và củ phượng hồng, đôi bạn hữu
Bút lưu thân ái nỗi niềm vương*

*Trang điểm ngang lưng lộn tóc mây
Thuốt tha củ áo trắng em đi
Thẹn thùng giấu mật trong lồng nón
Khi thấy tôi nhìn củ đắm say...*

*Em gái tôi ơi, đẹp tuyệt vời
Tuổi trắng em tỏa khắp nơi nơi
Làm tim tôi chuyển lối dòng máu
Choáng văng tình si củ rã rời!*

HUY GIANG

(Phố nhỏ, ngày chớm Hạ '97)



Chiều Long

• GIANG PHÚC ĐÔNG SƠN

Triệu Phong, một sĩ tử trẻ tuổi ở Vạn Xuân, thân phụ là một quan Án Sát trong triều nhưng thất lộc sớm, mẹ chàng không tái giá, ở vậy nuôi con, sống nhờ vào bổng lộc của triều đình chu cấp. Chàng là người tinh tình cường trực, giỏi võ, can đảm lại có lòng nhân hay giúp đỡ kẻ khốn khó nên dân trong vùng ai cũng thưỡng mến, kính trọng.

Năm Mậu Dần vào tiết Lập Xuân, ở Kinh Đô có tổ chức đua thuyền buồm, nghe nói có cả nhà vua sẽ ra giám sát cuộc thi. Triệu Phong hay tin cũng gác bỏ đèn sách, náo nức xin mẹ lên Kinh Đô vui chơi ít ngày, vừa coi đua thuyền, vừa thăm Kinh Đô một lần cho mãn nhãn vì lúc gia đình còn ở Kinh Đô chàng còn nhỏ bé chưa hiểu biết gì. Được sự bằng lòng của mẹ, chàng sung sướng khăn gói lên đường sau khi được mẹ cho ít tiền lộ phí.

Vạn Xuân cách Kinh Đô không xa lắm, nhưng đường đi bắt buộc phải qua một con sông khá lớn là Hàn Giang, nước rất lạnh và trong, mỗi ngày chỉ có vài chuyến đò ngang đưa người qua lại. Lúc Triệu Phong đến bến thì trời đã khá tối, chuyến đò cuối cùng trong ngày đã tách bến. Thấy người lờ đờ như chàng đang bàn nhau trở lại thị trấn cách đó hơn ba dặm đường. Triệu Phong ngần ngừ suy nghĩ, trở lại thị trấn cũng được nhưng hơi xa. Chàng đưa mắt nhìn quanh và chợt nhận ra ngay tại bến đò này hoàn toàn vắng lặng, không có một nhà trọ hay thường điểm nào mà lúc mới tối vì vội vã chàng đã không nhận thấy điều đó. Trong số khách lữ đò có hai người là khách thường đang lúc gờ gờ gánh hàng hóa lên vai để đi về thị trấn, thấy Triệu Phong vẫn còn đứng ngớ ngác, họ gọi chàng:

- Tiểu huynh! Không còn chuyến đò nào nữa đâu! Giở phải về phố ngủ, mai trở lại.

Triệu Phong vòng tay lễ phép chào:

- Đa tạ tiên sinh! Nhưng xin mạn phép hỏi, nơi đây là bến đò, cơ sao lại không có nhà trọ qua đêm cho lữ khách?

Hai người khách thưỡng nhìn nhau, người hỏi chàng:

- Tiểu huynh chắc lần đầu đi ngang qua đây?

Thấy Triệu Phong gật đầu, người đó nói tiếp:

- Vậy thì tiểu huynh nên theo chúng tôi về phố, ở lại đây đêm nay không tiện.

Vừa nói hai người khách thưỡng vừa bước đi có vẻ vội vã. Hơi ngạc nhiên chen lẫn tò mò, Triệu Phong vội bước theo, đưa tay nắm lấy quai gánh của một người giữ lại:

- Tiên sinh! Tiên sinh chưa trả lời câu hỏi của tiểu sinh.

Người khách thưỡng đó dừng lại nhìn chàng, ánh mắt có vẻ giận dữ, nói hơi lớn tiếng:

- Tiểu huynh nên buông tay hạ ra! Nếu không muốn chết oan ức thì ta khuyên tiểu huynh nên rời khỏi nơi đây ngay lập tức!

Nhưng rồi thấy khuôn mặt tuấn tú, ánh mắt khẩn khoản của Triệu Phong, người ấy dịu giọng:

- Tiểu huynh là người ở xa tôi nên không biết, bến đò này nằm sát bờ rừng, cách đây hơn một dặm đường, ở trong rừng có một ngôi đền nổi tiếng có một con yêu nữ, chuyên hiện ra quyến rũ, sát hại đàn ông. Thịnh thoàng nó còn mò ra tới bến đò này vào những đêm tối trời tìm kiếm nạn nhân, ngoài ra lại còn bọn thủy khấu thường xuất hiện về đêm nữa. Đồn canh ở xa, có chuyện gì xảy ra, quan quân đến nơi thì bọn chúng đã ăn hàng xong và chuẩn mất. Vì vậy chỉ chạng vạng tối là các người lữ đò phải qua bên kia sông neo thuyền, phía bên đó an ninh hơn chứ không ai dám ở lại bờ bên này. Khách qua sông người nào lỡ chuyến chốt thì phải quay lại thị trấn, ít ai đi vào ngôi đền ngủ trọ qua đêm.

Triệu Phong nửa tin nửa ngờ, nổi tính hiếu kỳ và óc mạo hiểm hỏi thêm:

- Tiểu sinh đi đường nào thì đến ngôi đền đó?

Người khách thưỡng trợn mắt nhìn chàng:

- Tiểu huynh định đến đó ngủ đêm hay sao? Nếu không còn thích sống nữa thì cứ đi theo con đường mòn kia là sẽ thấy ngôi đền!

Triệu Phong cười nhẹ, không gật đầu mà cũng chẳng phủ nhận, chỉ cúi chào tỏ vẻ cảm ơn rồi quay ngược lại đi vào rừng theo hướng chỉ của người khách thưỡng. Hai người đó kính hãi nhìn theo chàng rồi chẳng nói gì hồi hả gánh hàng hóa đi như chạy về hướng thị trấn.

Đi một lúc chừng tàn nửa nên hướng thì trời đã tối sẫm, Triệu Phong định lấy đuốc trong túi hành lý ra thắp soi đường nhưng thấy trước mắt mình thấp thoáng có ánh đèn chàng lại thôi, không suy nghĩ cứ nhắm hướng đó mà đi tới. Gần đến nơi thấy ánh đèn sáng hơn rồi một ngôi đền cổ kính hiện ra trước mắt Triệu Phong đứng lại mỉm cười với ý nghĩ thiên hạ chỉ đồn chuyện hão. Nhưng tinh linh có tiếng chó sủa tru lên một chuỗi dài khiến Triệu Phong giật mình nhận ra ngay sự khác lạ. Đó là sự yên lặng lạ lùng của ngôi đền trước mặt, có ánh đèn sáng như vậy tất nhiên bên trong phải có người và có sinh hoạt mà sao chàng không hề nghe thấy tiếng động hay tiếng người nói gì cả. Trời đã sang Xuân những âm hưởng của mùa Đông vẫn còn, hơi lạnh bắt đầu rơi xuống khiến Triệu Phong rùng mình, và dù can đảm hơn người chàng vẫn thấy ngàn ngại, nửa muốn bước

tôi, nửa muốn quay lại thị trấn. Cuối cùng tính hiếu kỳ đã thắng, hơn nửa trời cũng đã quá tối, muốn trở lại thị trấn Triệu Phong cũng không thể tìm được đường ra khỏi cánh rừng, nên chàng mạnh dạn bước tới gõ mạnh lên cánh cửa:

- Cách! cách! cách!

Vẫn không có người lên tiếng, Triệu Phong lấy tay đẩy nhẹ cửa một cái, cánh cửa nặng nhưng không gài then kêu lên cọt kẹt rồi hé ra, Triệu Phong xô mạnh thêm để mở rộng cánh cửa nhưng chàng nhận mặt lùi lại ngay. Một mùi ẩm mốc bay xộc vào mũi Triệu Phong khiến chàng thấy nhợn nhạo khó chịu phải lùi thêm mấy bước nữa.

Tùng! tùng! tùng! từ...lùng!

Bất chợt đầu dây có tiếng đàn thập lục trở lên một điệu ngân đầy ai oán làm cho Triệu Phong kinh ngạc sững người nhìn quanh. Không thấy có bóng người, Triệu Phong chất lưỡi nói thảm:

- Chẳng lẽ nơi đây có ma thật ư?

Tùng! tùng! tùng! từ...lùng!

Điệu nhạc vừa rồi lại trở lên lần nữa, nhưng lần này Triệu Phong nghe thấy rõ ràng mà cũng ai oán náo nóng hơn. Không do dự, chàng phóng người chạy nhanh về phía phát ra tiếng đàn, nhưng chưa được mấy bước chàng đã giệt mình, há hốc mồm đứng lại. Trước mặt chàng, ngay cạnh bờ sông là một căn nhà sàn lớn, ngay dưới hiên nhà được soi sáng bởi hai ngọn đèn lồng lớn, một thiếu nữ tuyệt đẹp đang ngồi so lại dây đàn thập lục. Nhỏ đến lời nói của hai người khách thưỡng, Triệu Phong rùng mình lạnh máu:

- Chẳng lẽ đây là con yêu nữ mà thiên hạ đồn đại?

Thấy thiếu nữ chưa nhận ra sự có mặt của mình, Triệu Phong nhẹ bước nép mình vào một gốc cây lớn quan sát. Thiếu nữ đẹp quá, ngoài sự tuồng tượng của chàng, cử chỉ của nàng lúc so lại dây đàn cũng thật thanh tao, trang nhã khiến chàng ngây người ra ngắm. Không biết có người đang nhìn, so dây xong thiếu nữ đưa tay khẩy nhẹ mấy nốt nhạc.

- Từ...lùng! bực!

Một dây đàn bị đứt khiến nàng giệt nảy người đưa mắt nhìn lên, Triệu Phong nín thở, nép sâu hơn vào thân cây không dám nhúc nhích.

- Ha! Ha! Ha!

Đột nhiên một giọng cười to khà ó vang lên phá tan sự tĩnh mịch của khu rừng, rồi một chiếc ghe nhỏ, dài và thon, mái cau xuất hiện, tấp vào sát bên hông căn nhà sàn. Từ trên ghe nhảy xuống hai gã đàn ông lực lưỡng, râu ria xồm xoàm, tên đi trước tay cầm đoản đao, tay cầm bầu rượu, vừa đi vừa tu, cười sặc sụa tiến về phía thiếu nữ, điệu bộ dường như là thủy khấu:

- Chà! giữa đêm thanh vắng có người đẹp như cô em đây đánh đàn, hầu rượu thì còn hạnh phúc nào bằng?

Thấy hai người lạ cử chỉ và lời nói thô tục, thiếu nữ chẳng có vẻ gì sợ hãi, nàng chỉ nghiêm mặt:

- Xin quan khách chỗ xuống xã! tiện nữ là gái đã hứa hôn!

Vừa nói nàng vừa đẩy chiếc đàn qua một bên rồi kéo áo đứng dậy định lui vào trong nhà. Hai gã đàn ông cười to hơn, tên đi sau quang mái chèo lên bờ, lấy tay đẩy mạnh vào vai bạn:

- Làm nhanh đi Từ Thiên! Rồi tôi lượt tao! Đùng quên đêm nay mình còn phải đi kiếm

ăn nữa, cả tháng rồi chưa bắt được con mòng béo nào.

Tên được gọi là Tú Thiên quay lại thấy cho bạn lưới đoán đao cười khanh khách:

- Xong ngay! Lục Tinh!

Chưa dứt lời hắn đã hăm hồ nhảy bổ về phía thiếu nữ. Đứng sau gốc cây, thấy thiếu nữ sắp sửa bị làm nhục, Triệu Phong không còn suy nghĩ nằng là người hay ma nữa nên tháo túi hành lý đeo sau lưng đặt xuống đất, định bước ra can thiệp thì thiếu nữ đã đưa tay phất nhẹ một cái, hai chiếc đèn lồng tắt ngúm, cảnh vật trở lại tối đen như mực. Triệu Phong không nhìn thấy gì, chỉ nghe thấy tiếng la hét, chửi thề tục tằn của hai tên Tú Thiên và Lục Tinh, rồi sau đó là những tiếng thét đau đớn, giãy giụa ặc! ặc! của hai tên thủy khấu giống như tiếng kêu của một loài vật bị chọc tiết. Triệu Phong hoang mang vô cùng nhưng không thể làm gì hơn là tập trung tinh thần, đứng yên nghe ngóng. Nhưng mọi việc kéo dài không lâu, chỉ thoáng mắt chàng không còn nghe thấy gì nữa, cảnh vật trở lại yên lặng hoàn toàn. Triệu Phong hết sức kinh dị quay nhìn chung quanh, chờ một lúc không thấy gì lạ xảy ra chàng ngồi xuống mỏm gỏi hành lý, đưa tay lục tìm cây đuốc Nhất Dạ Quang, loại đuốc làm bằng tre tẩm nhựa thông và lưu huỳnh, ở đầu có một sợi dây nhỏ chỉ cần giạt mạnh là đuốc sẽ bật cháy không cần môi lửa và cháy rất lâu nên mới có tên là Nhất Dạ Quang.

Ánh sáng ngọn đuốc tỏa rộng một vùng soi rõ căn nhà sàn trước mặt, không thấy bóng dáng thiếu nữ và hai tên thủy khấu đâu, Triệu Phong như không tin ở mắt mình nữa. Cầm đuốc trên tay, chàng thận trọng tiến gần đến căn nhà, nhờ ánh sáng ngọn đuốc chàng thấy có vài vết máu vương đọng trên mấy bậc thang đi lên cửa nhưng tuyệt nhiên không hề có dấu vết của một sự giằng co hay giao chiến nào. Lòng nghi ngại, chàng leo lên mấy bậc thang bước vào bên trong. Gian trước căn nhà khá rộng, đồ đạc có vẻ đơn giản nhưng cách bày biện thật thẩm mỹ, trên tường có treo nhiều nhạc cụ phức tạp.

- Chủ nhân ngôi nhà chắc phải thích âm nhạc lắm.

Triệu Phong nói thầm như vậy, chàng đi qua gian giữa, rồi vòng qua phía sau nhìn xuống mặt sông. Không thấy gì lạ, ngoài chiếc ghe của hai tên thủy khấu bị nước đẩy trôi kẹt vào giữa hai chiếc cột nhà đóng sâu dưới sông. Đứng tần ngần suy nghĩ một lúc, hơi lạnh của nước sông bốc lên khiến Triệu Phong rung mình, chàng quay trở vào trong. Vừa bước qua cánh cửa nhỏ dẫn qua gian trước Triệu Phong giật mình kêu lên một tiếng Ó! kinh ngạc. Trước mặt chàng, dưới ánh sáng của bốn ngọn đèn lồng treo ở bốn góc gian phòng chính là thiếu nữ ban nãy ngồi đờn trước cửa nhà, nằng đứng đó, khuôn mặt yêu kiều với chiếc áo lụa xanh da trời ôm lấy thân hình gợi cảm, hai tay ôm chiếc đàn thập lục trên người. Thiếu nữ cũng có vẻ sừng sốt không kém khi thấy Triệu Phong, cặp mắt đen láy tròn lên nhìn chàng khiến Triệu Phong ngây người ra ngẩn. Dù không phải là kẻ háo sắc nhưng chàng cũng không tránh được sự rung động trong lòng trước vẻ đẹp mê hồn của nàng mà khi này chàng đã nhận ra nhưng chưa được trọn vẹn.

Tuy nhiên Triệu Phong nhanh chóng trấn tĩnh được, chàng lùi lại một bước, dụi tắt cây đuốc vòng tay chào:

- Xin nường tử miễn chấp cho tội đường đột! Tiểu sinh là Triệu Phong bị lỡ dò nên đi tìm chỗ trọ qua đêm, thấy ở đây có nhà, định vào xin ngủ nhờ nhưng không gặp ai nên đang muốn tìm chỗ ngủ lũng tạm.

Thấy thái độ lịch sự và nho nhã của Triệu Phong, thiếu nữ có vẻ an tâm, nằng cũng cúi đầu khoanh tay đáp lễ:

- Không dám! Tiệp nữ là Chiêu Long! Xin Triệu huynh cử tự nhiên, chỉ ngại cảnh nhà đốn sơ đàng bạc, không đủ tiện nghi tiếp đãi làm phiền lữ khách.

Nói xong nằng bước tới tỏ ý muốn đi vào gian nhà trong, Triệu Phong vội vàng tránh sang một bên. Thoáng mắt Chiêu Long trở ra với một tấm nệm rơm mỏng, nằng trải tấm rơm xuống sàn ngay dưới chỗ treo nhạc cụ:

- Xin Triệu huynh nằm nghỉ nơi đây!

Thái độ của Chiêu Long thật ân cần mà kín đáo, không là lời khiến Triệu Phong thấy trọng nề và cảm mến nằng. Hơi cúi đầu tỏ đầu cảm ơn, chàng đưa tay chỉ mấy nhạc cụ hỏi:

- Chẳng hay nường tử là người sử dụng những nhạc khí này hay ai khác? Vừa rồi trước khi đến đây tiểu sinh có nghe tiếng đàn vắng vắng.

Chiêu Long nhìn thẳng vào mắt chàng thật lâu như dò hỏi rồi ngập ngừng:

- Thật ra những nhạc khí này là... của gia phụ, tiệp nữ chỉ sử dụng được vài thứ mà thôi.

- Nhưng hay nhất chắc là Thập lục huyền cầm? Triệu Phong hỏi thêm.

Chiêu Long không trả lời chàng mà có vẻ suy nghĩ, nằng bắt chợt hỏi ngược lại:

- Lúc nghe tiếng đàn Triệu huynh đứng gần hay xa căn nhà này?

Không quen nói dối và cũng không kịp suy nghĩ, Triệu Phong buột miệng:

- Cũng khá gần!

Câu trả lời khiến Chiêu Long có vẻ bối rối xúc động, nằng kêu lên nho nhỏ:

- Thì ra Triệu huynh là người làm đứt dây đàn của tiệp nữ.

- Tiểu sinh ư? Tiểu sinh làm gì mà đứt dây đàn của nường tử? Triệu Phong ngạc nhiên hỏi.

Đôi mắt Chiêu Long thoáng lên một nét buồn u uất, nằng chẳng nói gì đi vào trong lấy cây đàn Thập lục ra ngồi xuống dưới sàn, ngay cửa ra vào. Nằng lấy ra một sợi dây khác thay sợi bị đứt, song so lại dây rồi búng tay khảy nhẹ vài nốt.

- Túng! Tú...úng! Bực!

Một sợi dây đàn lại bị đứt khiến Chiêu Long ngồi lặng người đi, đôi mắt xinh đẹp dịu dàng nhìn Triệu Phong vừa thường mến vừa có vẻ đau khổ khiến chàng xao xuyến cả người. Hai người yên lặng nhìn nhau thật lâu, chẳng ai lên tiếng, thời gian như ngừng đọng hẳn lại.

Đột nhiên có tiếng mái chèo quấy nước rồi có tiếng người la lối phá tan sự yên lặng của rừng đêm:

- Kia kia! Đường như ghe của thằng Tú Thiên thì phải!

- Đúng rồi! Chắc nó và Lục Tinh đang kiếm ăn ở căn nhà này. Minh phải tới chia phần mới được!

Sau đó là tiếng chân người chạy huỳnh huỵch về phía nhà sàn. Triệu Phong và Chiêu Long cùng đứng dậy. Chiêu Long nhìn ra phía ngoài nói nhỏ:

- Chắc lại bọn thủy khấu ở gần đây đi kiếm ăn. Tiệp nữ phải trừ khử chúng thì đàn lành ở đây mới yên ổn làm ăn được.

Triệu Phong đưa tay cản lại:

- Xin mạn phép nường tử! Việc này là của nam nhi, để đó cho tiểu sinh.

Chưa dứt lời chàng đã nhanh nhẹn lao ra ngoài. Từ phía dưới sông chạy lên hai tên mặt mày hung ác. Tên đi trước tay đuốc, tay đao, nhìn thấy Triệu Phong chẳng nói chẳng rằng hươi đao chém tạt luôn vào cổ chàng, Triệu Phong hạ thấp người xuống tránh lưỡi đao đồng thời đưa chân quệt vào chân hắn làm tên thủy khấu té nhào, chàng bước xéo tới tung thêm một đá vào mặt khiến hắn ngã ra bất tỉnh. Tên đi sau tay cầm một ngọn giáo, không ngờ đồng bọn bị hạ nhanh quá, hoảng hốt phóng ngọn giáo về phía Triệu Phong rồi quay đầu bỏ chạy. Triệu Phong đuổi theo, chỉ vài bước chàng đã tóm được cổ áo hắn, nhưng chưa kịp làm gì thì một luồng ánh sáng màu xanh đã bay tới quấn lấy tên thủy khấu, giạt mạnh hắn ra khỏi tay chàng tung bỗng lên cao về phía sông. Thân hình to lớn rơi úm xuống, nước vùng tung tóe.

Triệu Phong ngây người ra trước diễn biến đó, còn đang ngỡ ngàng thì đã nghe tiếng Chiêu Long ở sau lưng:

- Triệu huynh định bắt sống bọn này đấy ư? Tiệp nữ đã cho chúng đi gặp thủy thần hết rồi.

Câu nói của Chiêu Long làm chàng kinh hãi, đưa mắt nhìn quanh, không thấy bóng dáng tên thủy khấu bị mình đánh ngã nằm đâu. Chàng hỏi, mắt nghiêm nghị nhìn Chiêu Long, giọng đầy khiển trách:

- Hử? Nường tử đã giết chúng ư? Sao nằng ác thế, không bắt chúng giao cho quan quân trị tội?

Chiêu Long cúi đầu tránh ánh mắt của chàng, nói giọng buồn bã pha chút hờn giận:

- Triệu huynh còn tin tưởng được bọn quan lại ở vùng này ư? Chúng chỉ là một lũ sâu dân một nước, chỉ biết ăn hối lộ và tham nhũng, sách nhiễu dân lành. Bất giải giao mấy tên này cho quan quân ở đây ngày nay thì mai hoặc mốt đã thấy chúng xuất hiện trở lại. Tiệp nữ thà mang tiếng độc ác hơn là để chết thêm dân lành vô tội. Hơn nữa tiệp nữ không muốn bắt cứ ai biết được chỗ ở của mình rồi tìm cách quấy rầy. Ó! Mà không được...

Chiêu Long chợt có vẻ thẹn thùng, e lệ liếc mắt nhìn Triệu Phong khiến chàng thấy rung động, ngây ngất, lòng chùng hẳn lại. Vờ cúi xuống nhặt cây đuốc của hai tên thủy khấu để giữ cho lòng bình tĩnh trước sự quỵn rũ mê hồn của nàng, Triệu Phong nói:

- À! Thì ra là vậy! Tại tiểu sinh không biết, nhưng thôi ta nên vào trong đi, sương đêm đã xuống nhiều rồi.

Hai người đi vào nhà, đến ngang cửa thấy cây đàn Thập lục dựng đó, Triệu Phong lên tiếng:

- Khi này nường tử nói tiểu sinh làm đứt dây đàn của nằng nghĩa là sao?

Chiêu Long không trả lời, cầm lấy cây đàn lên mân mê sợi dây đứt rồi bất ngờ đập mạnh xuống sàn nhà khiến Triệu Phong ngẩn người không kịp ngăn cản. Cây đàn vỡ tan gỗ văng tung tóe, Chiêu Long cúi xuống nhặt một mảnh gỗ nhỏ hình tam giác cắm lên lồng bàn tay đưa cho Triệu Phong coi. Mảnh gỗ rung nhẹ trong tay nằng, không hiểu vì tay Chiêu Long rung hay tự nó rung, nằng hỏi giọng run run đầy cảm xúc:

- Triệu huynh biết cái này là gì không?

Triệu Phong chưa kịp nói gì thì nằng đã tiếp:

- Nó là cái tim đàn mà cũng là linh hồn của cây đàn. Cây đàn này của gia phụ cho tiện nữ tử nhỏ khi mỗi bắt đầu học đàn, từ đó đến nay nó theo tiện nữ như hình với bóng và trở thành một phần đời của tiện nữ. Theo lời gia phụ thì khi người và đàn đã gắn bó thông cảm nhau, mỗi khi gặp một thay đổi tình cảm trọng đại trong đời mà khay nó lên thì đàn sẽ bị đứt dây. Đêm nay! đêm nay...

Nói đến đó dường như không đàn được xúc động Chiêu Long òa lên khóc nức nở. Triệu Phong bước tới ôm nhẹ nàng vào lòng. Chiêu Long gục đầu vào vai chàng thổn thức:

- Đêm nay Triệu huynh xuất hiện nơi đây đàn đã đứt dây hai lần, có nghĩa là người thiếp cần phải trao thân gởi phận chính là Triệu huynh, nhưng trời ơi! sao ngang trái quá! thiếp là gái đã hứa hôn.

Những giọt nước mắt của Chiêu Long chảy ra thấm lên cổ Triệu Phong, chàng nghe tới đâu lòng tê tái đến đó. Cầm lấy tay Chiêu Long, bàn tay nàng lạnh ngắt nhưng Triệu Phong không để ý chỉ buồn rầu hỏi:

- Nàng đã hứa hôn với ai?

Chiêu Long lắc đầu nghẹn ngào:

- Thiếp không biết!

Triệu Phong kinh ngạc tròn mắt:

- Hử? Nàng nói sao? Hứa hôn với ai chính nàng cũng không biết ư?

Chiêu Long hỏi đầy nhẹ chàng ra, đưa tay gạt nước mắt:

- Để thiếp kể thì chàng mới hiểu được:

"Khi xưa gia phụ có một người bạn học, hai gia đình giao thiệp rất thân nên đã định ước sẽ gả con cho nhau vì người bạn của gia phụ thiếp có một người con trai. Nhưng rồi thời thế đổi thay, người bạn của phụ thân thiếp tử trần sớm, gia đình trôi giạt đi phương trời nào không rõ, lâu lắm không nghe thấy gia phụ nhắc đến nữa. Ai ngờ đến lúc lâm chung, gia phụ gọi thiếp đến nhắc lại cho thiếp biết lời giao ước năm xưa rồi yêu cầu thiếp phải cố gắng đi tìm con trai của người đó để kết nghĩa phu thê cho tròn chữ tín của người. Chỉ khi con trai của người đó đã lập gia đình rồi hoặc không muốn giữ lời hứa nữa thì thiếp mới được lấy người khác. Phận làm con thiếp chẳng thể cãi lời dù không hề biết tên tuổi, mặt mũi, tính tình người chồng tương lai của mình ra sao. Nhưng rồi trên đường đi tìm hôn phu, thân gái dậm trường thiếp đã bị bọn thủy khấu vùng này bắt cóc, hãm hiếp rồi bán cho thanh lâu. Một hôm nhân lúc mù tú bà không để ý, thiếp đã lên trốn được ra ngoài rồi làm đốn thửa lên quan huyện ở đây. Nhưng thân cô, thế kém, không có tiền bạc dứt lốt cho bọn quan quân nên tên tri huyện hạt này chỉ kêu thiếp lên chửi mắng, nhục mạ thiếp một chập rồi đuổi ra khỏi công đường không chịu xử. Quá uất hận thấy đời sao chỉ toàn kẻ xấu, không làm gì được bọn bất lương, lại nghĩ thân mình giờ đây nhờ nhờ thiếp treo cổ tự tử nơi một cành cây ở bên đò. Thiếp chết, nhưng mối hận chưa tan, ước nguyện của gia phụ chưa hoàn thành nên không đầu thai được biến thành ma. Thiếp định quanh quẩn nơi đây giết sạch bọn thủy khấu rồi cho mù tú bà cùng tên quan huyện một bài học, sau đó sẽ đi tìm vị hôn phu báo mộng. Có như vậy hôn thiếp mới thanh thản mà đi đầu thai kiếp khác. Nhưng không ngờ đêm nay lại gặp chàng ở đây, tử thái và phong cách của chàng đã làm cho thiếp rung động, biết thế nào là tình yêu nên lòng thiếp cảm thấy ấm áp và đỡ cô đơn hẳn".

Triệu Phong lặng người ngồi nghe không nói được tiếng nào, cái lạnh của bàn tay Chiêu Long giở đây chàng mới cảm nhận rõ ràng. Hóa ra từ chập tối đến giờ chàng đã gặp ma mà không hay, lại còn ôm ấp trong lòng nữa. Nhưng là người can đảm và bình tĩnh, hơn nữa không muốn làm buồn Chiêu Long, chàng chỉ nhích người ra xa một chút, hỏi thêm:

- Nàng định đi tìm chồng mà không biết tên thì làm sao mà kiếm cho ra? Ít nhất phải có một vài chi tiết quan trọng nào để căn cứ vào đó mà tìm chứ.

Chiêu Long cúi đầu nhỏ nhẹ:

- Thiếp hiểu! Người bạn của thân phụ thiếp khi xưa là quan Án Sát trong triều, nổi tiếng thanh liêm tên là Trương Gia Kỳ quê ở Nam Hà, sau một thời gian tìm kiếm thiếp nghe nói gia đình hình như cư ngụ ở Vạn Xuân.

Nghe tới đó Triệu Phong sững sờ chồm tới kêu lên:

- Hử? Vị hôn phu của nàng là con trai quan Án Sát Trương Gia Kỳ à?

Chiêu Long gật đầu hỏi lại:

- Chàng có quen biết người đó ư?

Triệu Phong không đàn được xúc động, quên hẳn Chiêu Long là ma kéo tay nàng ôm xiết vào lòng kêu lên đau đớn tột cùng:

- Long muội! người đó chính là tiểu huynh đây!

Không tỏ vẻ gì chóng cự lại, Chiêu Long chỉ ngớ ngác nhìn chàng:

- Thật ư? làm sao có chuyện đó được? Chàng họ Triệu mà!

Triệu Phong nắm chặt bàn tay Chiêu Long, hai người đan tay vào nhau. Triệu Phong nói, hai giọt nước mắt tú tú ứa ra lăn trên má chàng:

- Thân phụ tiểu huynh lúc đương thời là quan Án Sát nổi tiếng thanh liêm chính trực trong triều nên chỉ thất lộc, triều đình có làm lễ phong tước Công Chính Đại Thần, nhưng vì họ Trương trùng với tên tộc của Thái Tử nên nhà vua hạ chiếu đổi họ Trương của thân phụ ra họ Triệu, chủ trước kia tiểu huynh vẫn được gọi là Trương Phong.

Hai người kể sát mặt nhau, Chiêu Long âu yếm đưa tay gạt nước mắt trên mặt Triệu Phong thì thầm:

- Thì ra vậy! Nếu không thì cái đàn của thiếp đã chẳng bị đứt dây đến hai lần. Nhưng thôi! âu cũng là số kiếp của chúng mình như thế. Thiếp rất mãn nguyện đã gặp được chàng đêm nay, không còn gì ân hận nữa. Chữ tín của gia phụ vẫn tròn, chữ hiếu, chữ tình cũng đã vẹn toàn. Thiếp chỉ hơi tiếc là không được hầu hạ, săn sóc chàng ít ngày cho tròn nghĩa phu thê.

Triệu Phong nâng khuôn mặt yêu kiều của Chiêu Long lên, hôn nhẹ lên má nàng:

- Thì tiểu huynh sẽ ở lại đây ít ngày với Long muội.

Chiêu Long lắc đầu cười buồn:

- Không được! Mọi việc đã hoàn thành, thiếp phải đi đầu thai chứ không thể ở lâu hơn. Hơn nữa giữa thiếp và chàng âm dương cách trở, ở bên nhau không tiện vì sẽ tổn thọ cho chàng. Đôi ta chỉ còn có đêm nay để tâm tình với nhau.

- Ô bên nàng vài ngày rồi có tổn thọ ít năm huynh rất sẵn sàng.

Thấy Triệu Phong tha thiết nài nỉ, Chiêu Long mim cười mặt chợt đỏ lên, mắt nhìn chàng long lanh, tình tứ:

- Thật ư? nếu vậy thì...

Nàng có vẻ bẽn lẽn dụi mặt vào ngực chàng. Triệu Phong không đàn được ôm chặt lấy thân hình thanh nhã đang ấm dần lên nhờ hơi nóng từ người chàng truyền sang. Thời gian như ngừng đọng hẳn lại.

Không biết bao lâu trôi qua, Chiêu Long ngồi dậy xô nhẹ Triệu Phong ra, đứng lên đi vào nhà trong, một chút đã thấy trở ra với một cái khay trên có bình rượu và hai cái chun nhỏ. Nàng ngồi xuống cạnh chàng rót rượu ra chén, cầm hai tay đưa cho Triệu Phong mặt chợt nhòa lệ:

- Xin chàng uống cạn chén rượu này, coi nó như ly hợp cần mà cũng là chén ly bôi.

Triệu Phong cầm lấy tay nàng hơi sững sờ:

- Ta đã hứa ở đây với nàng ít ngày mà.

Chiêu Long lắc đầu chua xót:

- Thiếp đã nói với chàng là không được! Đáng lý ra thiếp chẳng nên gần chàng như vậy nhưng thấy tình chàng tha thiết quá, hơn nữa như vậy cũng là để trọn nghĩa phu thê, chàng đừng đòi hỏi hơn.

Nhìn ánh mắt cương quyết của nàng, Triệu Phong biết có nói thêm cũng vô ích nên cầm lấy ly rượu đưa lên môi nhấp nhẹ một chút rồi ngửa cổ uống cạn, đặt chén xuống chàng cầm bình rót đầy vào trao cho Chiêu Long. Nàng đón lấy nhưng chỉ nhấp nhẹ một ngụm rồi đưa trả lại cho chàng. Với tay lấy chiếc Độc huyền cầm treo trên vách giữa mấy tủ nhạc cụ. Chiêu Long lấy vạt áo chặm nước mắt nói:

- Đây là cái đàn khó sử dụng nhất vì nó chỉ có một dây, để thiếp dạo cho chàng nghe Tống Biệt Khúc.

Triệu Phong đưa tay chặn lại:

- Thời gian bên nhau quá ngắn ngủi sao nàng lại muốn chơi khúc nhạc đó? Hãy cho tiểu huynh nghe Dạ Trường Tử đi.

Chiêu Long cười chế giễu chàng:

- Lang quân đa tình quá! ngồi bên thiếp đây mà còn tưởng tử người đẹp khác nữa ư?

Vừa nói những ngón tay nàng đã nhẹ nhàng lướt trên dây đàn theo khúc Dạ Trường Tử. Triệu Phong say đắm nhìn Chiêu Long, hồn bồng bênh theo tiếng nhạc réo rất giữa đêm thanh vắng. Hai người đàn hát, tâm sự với nhau quên hết thời gian và ngoại cảnh. Cho đến lúc chợt có tiếng gà rừng gáy vang vọng ở xa xa Chiêu Long mới giật mình đứng dậy buồn bã nhìn Triệu Phong:

- Thôi! Đã đến lúc chúng ta phải từ biệt nhau. Hạnh phúc thì bao giờ cũng ngắn ngủi cả, chỉ mong sau này có lúc nào đó nhớ đến thiếp chàng hãy nhìn vật này và nghĩ rằng chàng đã có một người vợ bạc mệnh hết lòng thương kính chàng.

Nàng đã trao cho Triệu Phong mảnh gỗ tim đàn rồi ôm chầm lấy chàng, hai người hôn nhau mà nước mắt chảy dài ràn rụa trên mặt. Một lúc Chiêu Long đẩy Triệu Phong ra nức nở rời khỏi tay chàng:

- Thôi! Chàng ở lại bình yên!

Nàng đi như chạy ra khỏi căn nhà, Triệu Phong mặt nhòa lệ vội vã bước theo như cố gắng níu kéo hình ảnh cuối cùng của Chiêu Long trong phút chia tay. Phía đông trời đã hơi rạng lên, thân hình Chiêu Long mờ dần, mờ dần rồi biến mất hẳn dưới mắt chàng. Triệu Phong thẫn thờ quay nhìn lại lần chót căn nhà rồi lặng lẽ đi về phía bên đò.

XÁC CHẾT BIẾT ĐI

•Nguyễn Minh Khánh

Lúc bấy giờ vào khoảng hai giờ sáng. Trời đang mưa nặng hạt, gió thổi mạnh từng cơn, tiết trời về cuối đông lạnh lẽo khác thường. Cả thị xã Nha Trang bị mờ nhòa đi trong màn mưa dày đặc. Biển đang động mạnh. Tiếng sóng biển ì ầm không ngớt dội vào bờ, làm cho người ta càng có cảm tưởng cô đơn, lạnh lẽo.

Giờ này thiên hạ đang cuộn tròn người trong chăn, đánh một giấc thật đã đời, hạnh phúc. Trời lạnh, mưa to, gió lớn thì ngủ sướng phải biết, ngủ không muốn dậy nữa là khác.

Vậy mà vào giờ ấy, tại trụ sở công an phường Phước Tân, vẫn còn có người chưa chịu ngủ. Đó là trung úy công an Lê Văn Kính, phó công an phường Phước Tân. Hắn ta chưa chịu ngủ vì hai lẽ : thứ nhất, vì tối nay là phiên trực của hắn ; thứ hai, vì hắn đang say mê đọc quyển tiểu thuyết khiêu dâm "Cậu Chó" đang đến hồi mê ly, hấp dẫn.

Trung úy Kính nằm cuộn tròn người trong chăn trên chiếc bàn dài kê ngay giữa phòng, bên dưới hai ngọn đèn neon sáng choang, thò nửa đầu ra khỏi chăn, mắt chăm chú dán vào trang tiểu thuyết, đến quên ngủ. Ngay tại đầu bàn là chiếc điều thuốc lào, cạnh đó là sợi giấy nịt đeo súng được máng vào thành ghế. Nơi góc phòng, cạnh tủ đựng hồ sơ là trung sĩ công an tên Thức, đang nằm ngủ gáy pho pho, mền trùm kín đầu, người co ro thành hình số bốn, trên hai chiếc ghế băng ghép lại. Thỉnh thoảng tên Kính lại ngời nhòm đây, vợ lấy chiếc điều thuốc lào, kéo một hơi thật dài, nhà khói dày đặc, rồi lại đổi thế nằm, coi tiểu thuyết tiếp.

Bỗng có nhiều tiếng chân đi hấp tấp vào phòng, kèm theo giọng nói hơi run của thằng Tý, du kích phòng :

- Chú Kính, chú Kính ...

Đang mê mê xem truyện, bị phá quấy, tên Kính nổi cáu, gắt :

- Cái gì thế?

Thằng Tý co ro người trong chiếc áo mưa ướt sũng nước, nói :

- Dạ, thằng khùng chết rồi chú ...

Tên Kính hơi ngéch đầu nhìn thằng Tý, cau mày khó chịu, nói :

- Nó chết bao giờ, mày có thấy không?

Thằng Tý mặt xanh lè, không hiểu vì sợ hay vì lạnh, nói bằng giọng run run :

- Dạ, cháu mới thấy nên mới về báo cho chú đây ...

Biết không thể trì hoãn được công việc, tên Kính đành tiếc rề, miễn cưỡng gập trang sách, đánh dấu ; đoạn chống tay ngồi dậy, chiếc đầu bảy giờ mới thò hẳn ra khỏi mền :

- Như thế nào, mày nói lại đầu đuôi cho tao nghe ...

- Dạ, hồi nãy cháu với toán dân phòng đi tuần tra. Lúc đi ngang cửa hàng ăn uống Phước Tân, cháu thấy thằng khùng nằm ngủ tại đó, mưa tạt ướt hết trơn mà nó vẫn cứ ngủ... Cháu mới nghĩ, lại gần, đá chân vào người nó, cũng không thấy nó nhúc nhích. Anh em mới xúm lại rọi đèn bin vô mặt, thọc cây vào người thì thấy nó đã cứng đờ, chết từ hồi nào rồi ...



Thằng Khùng là một nhân vật khá đặc biệt tại thị xã Nha Trang. Thật ra gọi là thằng cũng không đúng, vì đó là một người đàn ông trung niên, tuổi chừng 40, râu tóc rậm rạp, khuôn mặt già xạm và đen xạm vì dầm mưa dãi nắng. Đôi mắt ông lơ lảo, thất thần, nơi trán và hai gò má in hằn những nếp nhăn sâu hoắm như những luồng cây. Ông luôn luôn nhe hàm răng như để cười mà không phải cười, điều này làm cho khuôn mặt ông trông vừa hài hước, vừa đau khổ. Từ thời ông chỉ mặc một bộ quần áo dơ bẩn, hôi hám, vá chằng vá đụp hàng trăm mảnh. "Tài sản" duy nhất của ông là chiếc túi vải, luôn đeo ở bên vai, trong đó người ta không biết đựng những thứ gì, chỉ biết chắc là trong đó có một chiếc gà mên nhôm, ông thường dùng để ăn hàng ngày.

Ông có một quá khứ rất mù mờ, khó hiểu, không ai biết đích xác ông tên là gì,

từ đầu lưu lạc tới và ra nông nổi như vậy. Tuy nhiên, cũng có khá nhiều lời thêu dệt về nhân vật huyền thoại này. Có người nói trước đây ông là chủ tiệm vàng, rất giàu. Khi việt cộng chiếm Đà Nẵng, gia đình ông gồm vợ và bốn con chạy ra biển, chen lẫn lên tàu di tản, thì bị đạn pháo kích của cộng sản giết chết. Ông bị diên tử đó. Cũng có người nói trước đây ông là giáo sư trung học đệ nhị cấp. Trong một chuyến vượt biên cùng vợ con, chẳng may bị hải tặc Thái Lan tấn công, vợ bị hãm hiếp ; sau đó, bọn hải tặc đánh chim ghe, tất cả mọi người đều bỏ mạng. Ông sống sót được nhờ bám vào các xác chết còn nổi lều bều, và sau đó "may mắn" được tàu Liên Xô vớt. Lại có người cho rằng, ông vốn là sĩ quan chế độ cũ. Sau khi đi học tập về, được tin hai đứa con trai đi vượt biển, bị công an biển phòng bắn chết, vợ bỏ ông đi lấy chồng khác, đứa con gái lớn làm vào bước đường cùng, phải đi làm đĩ ...

Những huyền thoại về ông thì nhiều, nhưng tựu chung đều mang một hoàn cảnh hết sức bi thương, khiến ông không thể nào chịu đựng nổi, phải hóa dại.

Hàng ngày ông thường đi nghêu ngao ca hát, nói lảm nhảm ngoài đường. Tuy bị khùng nhưng đôi khi ông lại tỏ ra rất tỉnh táo và nói chuyện như một triết gia. Đôi khi ông lại cao đầu như nói cả tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Đức nữa.

Ông hay nói những câu châm biếm chế độ khiến cho người nghe rất thích thú, cười thắm, nhưng không ai dám lại gần để công khai ủng hộ. Ông thường nói : " Xã hội chủ nghĩa là xếp hàng cả ngày ... Giàu đẹp là đẹp đầu ... Giáo chức là đức cháo ... Chính phủ là chú phình ... Thi đua là thua đi ... " Ông cũng thường đọc những câu thơ mà người ta đoán do ông sáng tác :

"Thằng cuội ngồi gốc cây đa

Giận mình đối chù lừa cha thua người

Mà mang tiếng xấu đời đời

Trong khi thấy nó bao người hoan hô "

T rước đây ông thường lang thang đi ăn xin nơi các cửa hàng ăn uống. Cho đến một dạo, lúc ông ghé cửa hàng ăn uống phường Phước Tân, thấy một cô mặt dịch viên, ông nâng nặc nhận đó là con gái của ông. Cô này thấy thương hại, bèn gom những thức ăn thừa cho ông. Ông cảm động ôm mặt khóc hu hu, cô con gái cũng không cấm được nước mắt. Từ đó hai người trở thành "bố, con". Cứ đến trưa là "bố" khùng ghé đến cửa hàng, nhận thức ăn do "con gái" đã "nấu" sẵn. Một ngày ông chỉ ăn có một bữa, hơn nữa, muốn ăn bữa chiều cũng không được vì "con gái" ông chỉ làm ca sáng từ 6 giờ đến 2 giờ trưa. Buổi tối ông ngủ ngay trước thềm cửa hàng. Ông đã bị công an bắt rất nhiều lần, đã bị đưa vào nhà

thương diên, nhưng không hiểu sao ông vẫn trốn về được. Bất chán, đánh chán, công an cũng mỏi tay, riết rồi cũng không buồn để ý tới ông nữa. Từ đó, ông trở thành "Hành Khất Đại Hiệp", đi lang thang trong thị xã, phát thanh những câu châm biếm nhà nước. Bọn công an vốn ghét ông nên gọi ông là "thằng khùng", nhưng dân chúng thì lại gọi là "ông khùng".

Nghe thằng Tý du kích thuật xong, trung úy Kính lấu bầu chửi thề :

- Mẹ nó, sao nó không chết chỗ nào cho khuất mắt, lại mò về phường mình ...

Chửi xong, Kính choàng tay lấy sợi giây nịt đeo súng, nài nịt gọn gàng, kéo một hơi thuốc lào, rồi đá chân vào chiếc ghế băng, nơi trung sĩ Thức đang ngủ :

- Này, dậy đi. Ngủ gì lảm thế. Đi với tao lại đàng này một tý ...

Dưới cơn mưa tầm tã, thằng Tý du kích đeo súng CKC dẫn đầu, theo sau là sáu đội viên dân phòng cầm gậy, trung úy Kính và trung sĩ Thức lóp ngóp đi sau cùng, tất cả đi lại phía cửa hàng ăn uống Phường Tân, cách đó độ hai trăm mét. Lúc đến nơi, mọi người đều thấy đúng như lời thằng Tý nói : xác chết ướt đẫm, nằm co quắp, quay mặt vào phía cửa sắt. Trung úy Kính ra lệnh :

- Lật người nó ra xem nào.

Thằng Tý mắt lấm lét, rụt rè, không dám lại gần. Kính bực mình gắt gỏng :

- Lấy gậy mà nạy. Việc đó gì phải sợ chửi. Nhát như cáy !

Hai đội viên dân phòng dùng gậy nạy xác chết lăn ra ngoài. Một mùi hôi thối xông lên khiến Kính phải chun mũi, khạc một bãi nước miếng. Hắn rọi đèn pin vào mặt xác chết, quan sát. Khuôn mặt người chết trắng bệch, đôi mắt mở trừng trừng, miệng há hốc, sùi đầy bọt. Có vẻ như trước khi qua đời, người chết phải chịu đựng một việc gì đau đớn lắm. Hai tay xác chết đã cứng ngắc, ôm chặt lấy bọc vải ở trước ngực, như để giữ hơi ấm cho giấc ngủ. Kính lại ra lệnh :

- Khám bọc vải và các túi nó xem ...

Thằng Tý phải vất vả lắm mới gỡ được bọc vải ra khỏi tay xác chết. Nó mở bọc ra, lục lạo, chỉ thấy một chiếc gà mên, một chiếc áo rách, một bọc nylon đựng toàn bánh mì khô và một bọc nylon khác căng phồng, đựng toàn vỏ bao thuốc lá. Các túi áo túi quần của nạn nhân cũng đựng toàn vỏ bao thuốc lá. Tất cả các vỏ bao thuốc đã được ông ta xếp ngay ngắn, thẳng thắn thành từng xấp và buộc giây rất cẩn thận. Thằng Tý cầm xấp vỏ bao thuốc lá, lật coi sơ qua. Nó thấy loáng thoáng trên một số vỏ bao có viết chằng chịt những giòng chữ ở mặt sau, nhưng nó cũng không buồn đọc. Chợt nhớ ra một điều, Tý cười nói :

- À, cháu nhớ ra rồi. Đây là "tiền" của nó đó. Thằng khùng thường khoe nó là triệu phú, có rất nhiều tiền.

Kính khê nhếch mép cười vì sự kiện khôi hài này. Hắn đứng cau mày, đăm chiêu suy nghĩ. Thằng Tý khê hỏi :

- Bây giờ tính sao chú?

Kính cũng đang lúng túng chưa biết tính sao. Hắn đáp dăm dắn :

- Cứ để đấy. Mai hẵng hay.

Trung sĩ Thức lúc này mới lên tiếng :

- Để đến mai e không được vì năm giờ sáng nhân viên cửa hàng phải mở cửa làm việc rồi...

Kính lại càng bối rối hơn. Hắn nghĩ nhanh đến những thủ tục pháp lý rắc rối mà hắn sẽ phải tiến hành. Dù là xác chết vô thừa nhận nhưng dù sao cũng vẫn là một con người. Thằng Tý có lẽ vì lạnh quá, nôn nóng muốn về nên liều lĩnh nói :

- Hay là mình kêu xe xích lô chở nó đi?

Kính bỗng nổi nóng nạt ngang :

- Mày dốt như bò. Đừng có nói bậy !

Rồi như để giải thích cho thái độ nóng nảy của mình, Kính nói luôn một lèo :

- Đầu phải đơn giản như mày tưởng.

Đầu tiên là mình phải lập biên bản. Sau đó lại phải chờ công an thị xã đến lập biên bản tiếp, rồi công an pháp y khám nghiệm, sau đó mới đưa qua nhà xác ở sở y tế... Mà không khéo phường mình phải mua quan tài để chôn nó đấy ...

Ngừng một chút, Kính lại nói vu vơ :

- Đó là xuôi chèo mát mái. Còn nếu có sự cố gì thì phường mình cũng mệt ...

Cơn mưa lúc này vẫn nặng hạt. Gió lạnh thấu xương thổi giạt từng cơn. Con đường Ngô Gia Tự đã bị úng thủy, nước lênh láng, không còn nhìn thấy mặt đường đâu nữa. TRung úy Kính bắt đầu cảm thấy lạnh. Hắn đứng căng mắt nhìn sang phía bên kia đường. Đối diện hắn, phía bên kia đường, là ban thanh tra nhân dân phường Phước Tiến. Bỗng một ánh chớp lóe lên, đồng thời cũng ngay lúc ấy, trung úy Kính nở một nụ cười sung sướng, khuôn mặt hắn rạng rỡ hẳn lên. Hắn vội kéo trung sĩ Thức ra cách đó năm, sáu bước, ghé tai thì thầm một điều gì đó. Xong đầu đấy, Kính bật cười ha hả, rất đắc chí :

- Có thể mà nghĩ không ra. Làm ngay đi nhé, còn kịp.

Nói xong hắn quay lưng, hấp tấp bỏ đi, sau khi buống thêm một câu đủ lớn cho mọi người nghe :

- Làm ngay đi. Bây giờ tôi phải về đánh thức ông Lân để báo cáo.

Ông Lân là trưởng công an phường. Câu nói vừa rồi của Kính làm cho mọi người ngấm hiểu sự việc có mang một tầm quan trọng đặc biệt, đến nỗi Kính phải đi đánh thức thủ trưởng dậy để báo cáo. Thế nhưng chưa ai hiểu ngộ khoai ra sao cả, ngoại trừ trung sĩ Thức, người vừa được "đỉnh cao trí tuệ" truyền đạt thì hành mệnh lệnh đặc biệt. Thức bắt đầu ra lệnh :

- Bây giờ như thế này ... Ông Kính bảo là ...

Đến khoảng ba giờ rưỡi sáng thì trời ngớt mưa. Trong căn phòng họp của ban công an phường Phước Tiến, người ta thấy có thượng úy Tót, trưởng công an phường ; trung úy Bôi, phó công an phường ; hạ sĩ Tâm, công an khu vực, và đồng chí Chèo, đội trưởng đội dân phòng. Rõ ràng đây là một cuộc họp hết sức quan trọng, cho nên dù nửa đêm về sáng, các quan chức vẫn có mặt đầy đủ.

Thượng úy Tót, nét mặt rất quan trọng, đảo mắt quanh một vòng rồi nói :

- Vào giờ này mà mình phải họp đột xuất, vì lý do gì chắc các đồng chí cũng biết rồi... Vừa rồi có một xác chết ngay trước cửa hàng ăn uống thuộc phường mình. Xác chết đó không phải ai xa lạ mà chính là thằng khùng, mà ở đây ai cũng biết. Nhưng điều tôi muốn lưu ý là các đồng chí có thấy được hiện tượng gì qua cái chết của thằng khùng không?

Nói đến đây, thượng úy Tót bỏ lửng câu nói, thờ tay rút thuốc - ba số 555, châm một điếu hút. Hạ sĩ Tâm vội nói ngay, để cao công trạng của mình :

- Dạ, báo cáo anh Tót, lúc ba giờ sáng chính em đơn đốc và chỉ huy đội dân phòng đi tuần tra thì phát hiện ra thằng khùng nằm chết ngay trước cửa hàng ăn uống thuộc phường mình. Ngay lúc đó em cấp tốc về báo cáo anh Bôi ngay để chuẩn bị xử lý ...

Thượng úy Tót nhăn mặt, ngắt lời :

- Thôi được, tôi biết công trạng của đồng chí rồi. Ý tôi muốn hỏi là các đồng chí có thấy được hiện tượng gì không?

Đến lúc này trung úy Bôi mới có ý kiến :

- Báo cáo anh, tôi thấy có vấn đề. Theo tôi biết thằng khùng này trước đây thường ngủ trước cửa hàng ăn uống thuộc phường Phước Tân. Cớ sao bây giờ nó lại sang chết "va" tại phường mình?

Thượng úy Tót gật đầu hài lòng :

- Đúng. Vấn đề ở chỗ đó. Ai đã đem nó sang địa bàn phường mình? Lúc ban nãy tôi và các đồng chí đã đến quan sát xác chết rồi. Các đồng chí có thấy gì không?

Rồi như thấy giáo khảo bài học sinh, thượng úy Tót hắt hàm hỏi hạ sĩ Tâm :

- Thế nào, đồng chí Tâm. Đồng chí thấy nó đầu tiên. Ý kiến đồng chí ra sao?

Hạ sĩ Tâm lúng túng trả lời :

- Dạ, em cũng thấy có vấn đề giống như ... anh Bôi vừa nói !

Thượng úy Tót bực mình nói gắt :

- Đồng chí phải nói cụ thể chứ nói vuốt đuôi thì có giá trị gì. Con mắt nghiệp vụ của đồng chí để đâu? Làm công an mà không có nghiệp vụ thì vứt đi ...

Chùng như để xoa dịu đàn em vì câu mắng mỗ hơi nặng vừa rồi, thượng úy Tót ôn tồn giải thích :

- Việc đầu tiên là ta thấy ở cổ chân thằng khùng có buộc một sợi giây điện dài khoảng một mét. Kế đến là phía sau đầu xác chết, một mảng da đầu khá lớn bị

bóc toác ra, lòi xương sọ trắng hếu, lưng áo của nạn nhân bị rách nát, thịt ở lưng bị tróc đến lòi cả xương. Vậy thì đây là cái gì, có phải là án mạng không?

Thượng úy Tót dừng một chút, dò xét phản ứng của mọi người, rồi xem chừng không có ai đủ trình độ trả lời câu hỏi của mình, nên hắn nói luôn :

- Dứt khoát đây không phải là án mạng. Vả lại ai thèm đi giết một thằng khùng bao giờ ! Cứ xem cung cách nó nằm chết, ta có thể xác định được là nó chết vì rét : người nó co rúm lại và cứng đờ, thì thể tím ngắt vì lạnh. Hơn nữa ta không thể tìm thấy những vết máu dính vào áo hoặc quần, do đó ta có thể kết luận thằng khùng chết vì rét. Còn những vết thương ở đầu và ở lưng là được gây ra sau khi nó đã chết... Vậy thì vấn đề nằm ở chỗ sợi giây điện... Ai đã buộc sợi giây điện vào cổ chân của nó?

Đặt câu hỏi xong Tót tự trả lời luôn :

- Tất nhiên dù khùng nhưng nó không khùng đến nỗi tự buộc giây vào người. Thế thì phải có một người nào khác buộc sợi giây điện vào cổ chân nó, rồi lôi nó đi sênh sịch trên mặt đất, từ cửa hàng ăn uống phường Phước Tân đến cửa hàng ăn uống phường mình, cự ly khoảng 200 mét. Đấy, các đồng chí đã thấy vấn đề chưa? Ai đã chơi trò ném đá đầu tay bắn thủ này?

Nghe thủ trưởng của mình giải thích vấn đề xong, trung úy Bôi gật đầu lia lịa, khuôn mặt hắn ta vô cùng hân hoan, như cậu học sinh vừa tìm ra đáp số của bài toán khó. Bôi bèn đi một đường nâng bi thủ trưởng :

- Dạ, báo cáo anh Tót, em thấy trình độ nghiệp vụ của anh quả là cực kỳ, hết ý, không thua gì thám tử Sơ-Lốc-Hôm ! Vấn đề đơn giản như thế mà bọn em nghĩ mãi không ra !

Thượng úy Tót rất thỏa mãn vì câu nịnh của đàn em. Không giấu được vẻ tự đắc, hắn bật cười hểnh hếch :

- Nghiệp vụ không giỏi thì làm sao tờ làm được trưởng công an phường? Nói cho các cậu biết, trước đây tờ đã từng được các chuyên gia tình báo Liên Xô huấn luyện về nghiệp vụ điều tra đấy, không phải chuyện đùa !

Mọi người trong phòng họp đồng loạt khê "à" lên một tiếng, rồi ai nấy đều nhìn Tót bằng ánh mắt rất kính nể, sợ sệt. Sẵn thấy mọi người đang kiêng nể mình, Tót mạnh bạo nói tiếp :

- Có lẽ sắp tới tôi sẽ không phụ trách địa bàn phường Phước Tiến mình nữa, mà sẽ được để bạt lên công tác tại thị xã ... Nhưng mà thôi, đó là chuyện sau này. Còn bây giờ vấn đề cần giải quyết là cái xác chết thằng khùng. Như các đồng chí đã biết, chuyện xích xích giữa phường ta và phường Phước Tân đến bây giờ vẫn còn âm ỉ, chưa phải hoàn toàn chấm dứt. Phải nói thẳng ra, tay Lân và tay Kính là hai thằng nhỏ mọn, ưa thù vật. Chẳng

qua cũng chỉ vì ganh ghét. Chúng nó biết tôi sắp sửa được thăng cấp đại úy, nên chúng hy vọng là bằng cái xác chết của thằng khùng, chúng có thể gây trở ngại cho tôi !

Trung úy Bôi lại được dịp hòa theo thủ trưởng :

- Dạ đúng, tôi thấy cách cư xử như thế là tiểu nhân và vô trách nhiệm. Bởi vì trên cùng một con đường Ngô Gia Tự, nhưng bên này đường là thuộc địa bàn phường Phước Tiến mình, bên kia đường thuộc phường Phước Tân. Thế mà khi có người chết, chúng đã cả gan kéo xác chết quãng sang lãnh thổ của mình để "vu oan giá họa" rồi phủ tay ! Tôi biết thế nào ngày mai tay Lân cũng lên thị xã thậm thọt nơi ông trung tá Bôn để chơi mình !

Thượng úy Tót mỉm cười nham hiểm :

- Đầu phải đơn giản như thế được. Mẹ kiếp, muốn đụng đến Tót này không phải là chuyện đùa. Rồi sẽ biết tay nhau !

Nếu như bên phường Phước Tân, tên Kinh được đàn em phong cho danh hiệu "đỉnh cao trí tuệ", thì ở phường Phước Tiến tên Tót được đàn em xưng tụng là "thám tử" Sơ-Lốc-Hôm ! Đứng ra tên thật của hắn là Tót, nhưng theo lời hắn kể, khi mẹ hắn đi làm giấy khai sinh, viên thư ký đánh máy đã bỏ quên dấu mũ, nên mới ra nông nỗi như vậy ! Nhưng dấu sao chuyện cũng đã lỡ, cái thời năm 1945, khi công an Việt Minh còn mặc quần xà lỏn, dùng súng gỗ ...

Thượng úy Tót lại rút ra một điều ba 555 nữa, vừa hút vừa ra lệnh :

- Thôi bây giờ như thế này : các đồng chí cấp tốc đem trả thằng khùng về lại bên ấy. Đây là công tác khẩn, chúng nó không thể ngờ được. Khi trả xong, nhớ phải bố trí người canh phòng nghiêm ngặt cho đến sáng, để phòng chúng nó phát hiện ra, lại kéo xác chết về phía bên mình. Nên nhớ ranh giới giữa hai phường chỉ cách nhau một con đường ! Đồng chí Bôi chỉ đạo cho anh em làm ngay, rồi khẩn cấp báo cáo kết quả cho tôi biết !

Tại trụ sở công an phường Phước Tân, thượng úy Lân, tuy đã kéo mấy hơi thuốc lào rồi mà mặt vẫn còn ngái ngủ. Hắn ngoác mồm ra ngáp liến mấy cái, hai tay dụi mắt lia lịa, nhưng tai vẫn tỉnh táo nghe trung úy Kính khoe khoang thành tích :

..... Tóm lại, báo cáo anh, tuy đêm mưa lạnh như cắt, em vẫn không quên nhiệm vụ. Nhờ tỉnh táo thức đêm, cùng đi tuần tra với du kích và đội dân phòng, nên em đã phát hiện ra vụ việc và linh động giải quyết như vậy. Anh ạ, vừa rồi em đã áp dụng kế "nhất tiễn hạ song điêu", nghĩa là, trước hết mình đỡ phải trách nhiệm về cái chết của thằng khùng, kế đó là mình trả đũa được thằng Tót. Anh còn nhớ vụ hắn chơi mình vừa rồi không? Suýt nữa

mình bị mất lao động tiên tiến sáu tháng đầu năm vì hắn !

Thượng úy Lân gật đầu tán thưởng già đàn em. Hắn cất giọng lè nhè, nói :

- Ủ, được đấy. Ông xử lý như vậy là tốt. Phải biết linh động, nếu không, ở trên thị xã lại khiến trách mình là không giữ an ninh trật tự tốt. Ngoài ra, trước đây, ở trên cũng từng đặt vấn đề thằng khùng là CIA trá hình. Thật ra, thằng ấy chết thì cũng không thua gì con chó chết, nhưng tôi chỉ ngại thằng chó đẻ Tót nhân cơ hội này, nó lại đâm thọc nơi mình. Thằng ấy thì miệng lưỡi giảo hoạt lắm, thượng đội hạ đạp, chẳng thế mà nó sắp sửa được thăng cấp đại úy. Mà ông Bôn ở trên thì lù đù bỏ mẹ, có biết ất giáp gì, chỉ thích nghe những lời đường mật, nịnh hót. Chết người là ở chỗ đó ! ... Ông nên nhớ là sắp bình bầu lao động tiên tiến cuối năm rồi. Cố giữ đứng để vương mắc chuyện gì, để còn được để bạt lên lương, lên cấp ...

Thượng úy Lân vừa dứt lời thì bỗng thằng Tý hốt hoảng chạy vào phòng, mặt tái mét, cổ không còn một giọt máu :

- Trời ơi ... chú Lân chú Kính thằng khùng nó lại "đi" về phường mình rồi !!!

Tên Kính tái mặt, hỏi giạt giọng :

- Nó ở đâu? Sao mày biết?

- Dạ, nó đang nằm trước cửa hàng ăn uống Phước Tân !

Tên Lân tỉnh ngủ hẳn, còn tên Kính thì há hốc mồm tròn như chữ O, không nói thêm được lời nào nữa.

Sáng hôm sau người ta thấy có một xác chết nằm giữa đường Ngô Gia Tự. Đó là một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi, râu tóc rậm rạp, phía sau đầu bị bóc toác một mảng da lòi sọ trắng hếu, lưng áo rách nát, thịt bị tróc đến lòi cả xương.

Mãi đến hơn bảy giờ công an giao thông mới đến hiện trường quan sát và lập biên bản. Công an kết luận : đây là tai nạn giao thông. Nạn nhân bị xe đụng từ phía sau. Tài xế, sau khi tung nạn nhân, đã chạy mất. Vì trời mưa nên mọi dấu vết đã bị xóa nhòa, công an không thể điều tra được gì thêm. Xe cứu thương của bệnh viện đã được điều động đến chở nạn nhân đi.

Những người hiểu kỳ không ngớt bàn tán về cái chết của người bất hạnh. Có người cho rằng đây không phải là tai nạn giao thông, bởi lẽ tư thế nằm chết có quắp của nạn nhân có vẻ như bị chết vì lạnh hơn là vì đụng xe.

Người ta đã suy luận có lý, thế nhưng không một ai biết đích xác lý do vì sao xác chết đã "đi" được từ lề đường, để ra nằm giữa đường, ngoại trừ các chức sắc công an của hai phường Phước Tân và Phước Tiến.

(Chú Thích : * Thơ Nguyễn Hữu Nhật

Vài nét về một anh hùng vô danh :

Đại-tá Hồ Ngọc-Cẩn

·Yên-tử cư-sĩ

Đại-tá Hồ Ngọc-Cẩn sinh ngày 24 tháng 3 năm 1938, tại Cần-thơ. Thân phụ là một hạ sĩ quan trong quân đội Quốc-gia Việt-Nam. Thừa nhỏ ông rất khỏe mạnh, không hề bị bệnh tật gì. Năm 10 tuổi ông bị bệnh quai bị, cả hai bên. Tính tình hiền hậu, giản dị, trầm tư, ít nói. Khi ông bắt đầu đi học (1945) thì chiến tranh Pháp-Việt bùng nổ, nên sự học bị gián đoạn. Mãi đến năm 1947 ông mới được đi học lại. Ông học không lấy gì làm giỏi cho lắm, thường thì chỉ đứng trung bình trong lớp. Năm 1951, phụ thân nộp đơn xin cho ông nhập học trường Thiếu-sinh-quân (TSQ).

Thời điểm này, trên toàn lãnh thổ VN có 7 trường TSQ, phân phối như sau :

— Trường TSQ đệ nhất quân khu, ở Gia-định.

— Trường TSQ đệ nhị quân khu ở Huế.

— Trường TSQ đệ tam quân khu ở Hà-nội

— Trường TSQ Móng-cá dành cho sắc dân Nùng.

— Trường TSQ đệ tứ quân khu ở Ban-mê-thuột.

— Trường TSQ Đà-lạt của quân đội Pháp.

— Trường TSQ Đông-Dương của quân đội Pháp, ở Vũng-tầu.

Hồ Ngọc Cẩn được thu nhận vào lớp nhì trường TSQ đệ nhất quân khu niên khóa 1951-1952. Trường này dạy theo chương trình Pháp. Ông đỗ tiểu học năm 1952. Cuối năm 1952, trường TSQ đệ nhất quân khu di chuyển từ Gia-định về Mỹ-tho.

Khi hiệp định Genève ký ngày 20-7-1954, thì ngày 19 tháng 8 năm 1954, trường TSQ đệ tam quân khu di chuyển từ Hà-nội vào, sát nhập với trường TSQ đệ nhất quân khu ở Mỹ-tho. Niên học 1954-1955, trường TSQ đệ nhất quân khu bắt đầu dạy chương trình Việt, và chỉ mở tới lớp đệ ngũ. Hồ Ngọc-Cẩn học lớp đệ lục A, giáo sư dạy Việt-văn là ông Nguyễn Huù-Hùng (1), từ Bắc di cư vào. Thực là một điều lạ, là giữa một số bạn học chương trình Việt từ Bắc vào, mà Hồ Ngọc-Cẩn lại tỏ ra xuất sắc về môn Việt-văn. Trong năm học, có chín kỳ luận văn, thì bài của Cẩn được tuyển chọn là bài xuất sắc, đọc cho cả lớp nghe bảy kỳ. Nhưng bài của Cẩn chỉ đứng thứ nhì trong lớp mà thôi. Năm này Cẩn bắt đầu làm thơ. Thơ của Cẩn không có hùng khí, đa số những bài thơ này cực kỳ lãng mạn.

Hết năm học, Cẩn đã 17 tuổi. Theo học quy của trường TSQ, thì khi một học sinh mười bảy tuổi, mà chưa học hết đệ ngũ, sẽ được gửi đi học chuyên môn. Còn như mười bảy tuổi, mà học hết đệ ngũ, lại tỏ ra xuất sắc thì được giữ lại học đệ tứ, rồi... cho học lên cao nữa. Niên khóa 1955-1956, Hồ Ngọc-Cẩn được gửi lên học tại Liên-trường võ khoa Thủ-đức, về vũ khí. Sau ba tháng, Cẩn đậu chứng chỉ chuyên môn về vũ khí bậc nhất với hạng ưu. Sáu tháng sau đó, Cẩn lại đậu chứng chỉ bậc nhì, và bắt đầu ký đăng vào quân đội với cấp bậc binh nhì.

Quy chế dành cho các TSQ Việt-Nam thời ấy là quy chế dành cho các TSQ Pháp trong thời binh. Một học sinh ra trường, thì ba tháng đầu với cấp bậc binh nhì, ba tháng sau với cấp bậc hạ sĩ, ba tháng sau thăng hạ sĩ nhất, và ba tháng sau nữa thăng trung sĩ. Chín tháng sau Cẩn là trung sĩ huấn luyện viên về vũ khí.

Chiến tranh tại miền Nam VN tái phát vào năm 1960 tại một vài vùng. Sang năm 1962 thì lan rộng. Để giải quyết nhu cầu thiếu sĩ quan đặc biệt. Được nhập học trường này, tất cả các hạ sĩ quan có trên năm năm công vụ, có bằng Trung-học đệ nhất cấp. Với sự nâng đỡ đặc biệt của đại tướng Lê Văn-Tý Tổng-tham mưu trưởng, nguyên là một cựu TSQ, các hạ sĩ quan xuất thân từ trường TSQ, không cần phải hội đủ trình độ học vấn, cũng như thâm niên công vụ, đều được nhập học.

Nào ai ngờ, với sự nâng đỡ đặc biệt này, đã cung cấp cho đất nước VN không biết bao nhiêu sĩ quan gương mẫu, anh hùng trên chiến trường.

Hồ Ngọc-Cẩn tốt nghiệp khóa 2 (?) sĩ quan đặc biệt với cấp bậc chuẩn úy. Đường như có một mặt lệnh của Tổng-thống Ngô Đình-Diệm hay đại tướng Lê Văn-Tý, các tân chuẩn úy, xuất thân từ trường TSQ, đều được đưa về phục vụ tại các binh chủng : Dù, Thủy-quân lực chiến (TQLC), Biệt-động quân (BDQ), Quân-báo, An-ninh quân đội, và Lực-lượng đặc biệt (LLDB).

Sau khi ra trường, Hồ Ngọc-Cẩn theo học một khóa huấn luyện BDQ, rồi chuyển về phục vụ tại khu 42 chiến thuật, với chức vụ khiêm tốn là trung đội trưởng. Lãnh thổ khu này gồm các tỉnh Cần-thơ (Phong-dinh), Chương-thiện, Sóc-trăng (Ba-xuyên), Bạc-liêu, Cà-mâu (An-xuyên). Về sau, vì tình hình chiến tranh thay đổi, quân Cộng-sản từ du kích chiến, chuyển sang đánh cấp tiểu đoàn và trung đoàn, các đại đội BDQ cũng phải kết hợp thành tiểu đoàn. Các đại đội BDQ của khu 42 chiến thuật kết thành hai tiểu đoàn. Tiểu đoàn mang số 42, đơn vị mà Cẩn phục vụ, được tặng mỹ danh là tiểu đoàn *Cọp ba đầu rắn*. Tiểu đoàn mang số 44 được tặng mỹ danh là *Cọp xám U-minh hạ*.

Tôi đã gặp Hồ Ngọc-Cẩn bao giờ ? Tại đâu ? Câu truyện như thế này :

Năm 1966, khi đọc trong *Đại-Nam chinh biên liệt truyện*, *Đại-Nam nhất thống chí* viết về « *Ngụy Tây-sơn* », có rất nhiều nghi vấn trong những trận đánh giữa vua

vua Quang-Trung, với vua Gia-long tại rừng U-minh. Tôi nảy ra ý tưởng vùng tận cùng của đất nước này tìm hiểu thêm. Bấy giờ đang xảy ra vụ biến động miền Trung, « *các thầy mang bàn thờ xuống đường* », chiến cuộc tại miền Tây cực kỳ sôi động, mẹ tôi, bà má má (vú nuôi) cực lực phản đối, vì đi như vậy dễ tiêu dao miền Cự-lạc lắm. Nhưng bố tôi, sau khi tính số Tử-vi của tôi, cụ lại khuyên tôi nên đi. Cụ nói « *Con đi lần này sẽ có thêm nhiều bạn tốt, hơn nữa có dịp biết về vùng đồng lầy Cà-mau* ». Tôi nhất quyết đi, bà má má tôi khóc khốn khổ, nhưng cũng không cản được cái tình phiêu lưu và mê sưu tầm của tôi.

Nhưng làm thế nào để có thể được vào tất cả những làng, những xã, mà không gặp trở ngại ? Làm sao có phương tiện di chuyển ? Chỉ một cú điện thoại, ông bố tôi đã kiếm cho tôi cái giấy giới thiệu của tờ tuần báo trung lập lớn nhất ở Paris. Bà má má kiếm cho tôi giấy giới thiệu của tờ nhật báo Hoa-văn tại Hương-thoại. Thế là tôi bỗng trở thành *ký giả bất đắc dĩ*. Tôi đến bộ tư lệnh MACV xin giúp phương tiện làm phóng sự chiến trường ở vùng 4 chiến thuật. Tôi chỉ mong tìm hiểu lịch sử, chứ nào có chủ tâm làm ký giả !

Nhưng sau chuyến đi ấy, quá xúc động về cuộc chiến tranh thê thảm, tôi đã viết rất nhiều bài ký sự chiến trường, đăng trên một số báo ngoại quốc. Khởi đầu, uất hận trước cái chết của một cô bạn gái tên Đặng-thị Tuyết, mới hai mươi tuổi, làm nữ cán bộ Xây-dựng nông thôn tại kinh Tắc-vân, Cà-mau ; Tôi viết bài « *Giang biên hoa lạc* » gây xúc động mạnh cho độc giả Hương-cảng và giới Hoa-kiểu tại VN. Sau tôi có dịch bài này sang tiếng Việt với tên là « *Hoa rơi bên bờ kinh Tắc-vân* ». Tôi gửi bài này dự thi giải ký sự chiến trường của Cục Tâm-lý chiến năm 1967. Bài của tôi được giải nhì. Giải nhất về Trang-Châu cũng là một bài ký sự của y sĩ tiến tuyến. Một trong các giám khảo nói với tôi « *Về nội dung, bài của cháu với Trang-Châu cùng nói lên niềm mơ ước của tuổi trẻ quên mình cho quê hương. Nhưng bài của Trang-Châu trung thực, còn bài của cháu thì uớt át quá, thê thảm quá, dù rằng đó là sự thực* ».

Sau đây, tôi xin trích nguyên văn một đoạn tôi viết về Hồ Ngọc-Cẩn, trong bài « *Ngũ hổ U-minh thượng* », kể chuyện năm tiểu đoàn trưởng nổi danh can đảm, có máu vẫn nghệ, nhất là phong lưu tiêu sái, tại chiến trường cực Nam năm 1966. Ngũ hổ là :

Đại-úy Hồ Ngọc-Cẩn, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1/33,

Thiếu-tá Lưu Trọng-Kiệt tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 42 BDQ.

Thiếu-tá Nguyễn Văn-Huy tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 44 BDQ,

Thiếu-tá Lê Văn-Hùng tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 2/31.

Đại-úy Vương Văn-Trở tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 3/33, (2)

Ngày 19 tháng 4 năm 1966, tôi tới phi trường Vinh-lợi bằng phi cơ Caribu của quân đội Hoa-kỳ. Người đón tôi là thiếu tá Raider, của cố vấn đoàn 42. Tại bàn

doanh của cố vấn đoàn 42, đại tá cố vấn trưởng Hathaway không biết gì về chủ đích chuyến đi của tôi. Ông chỉ căn cứ vào giấy giới thiệu do hai chủ báo cấp, mà đoán rằng tôi là tên thầy thuốc trẻ, thích phiêu lưu, nên đi làm kỹ giả. Ông cho tôi biết tình hình địch rất chi tiết. Về tình hình quân đội VN tại năm tỉnh tận cùng của đất nước, ông nói :

« Khu 42 chiến thuật, do sư đoàn 21, thuộc quân đoàn 4 trấn nhậm. Sư đoàn có ba trung đoàn mang số 31, 32, 33. Trung đoàn 31 đóng tại Chương-thiện. Trung-đoàn 32 đóng tại Cà-mau. Trung-đoàn 33 đóng tại Ba-xuyên. Ngoài ra còn có hai tiểu đoàn Biệt-động quân mang số 42 và 44. Tiểu đoàn 42 đóng tại Bạc-liêu, tiểu đoàn 44 đóng tại Ba-xuyên ».

Ông ca tụng quân đội VN như sau :

« Lương bổng cho người lính VN, chỉ gọi là tạm đủ ăn. Doanh trại không có, trang bị thiếu thốn. Nhưng họ chiến đấu như đoàn sũ tử. Tuy vậy vẫn có những điều đáng phàn nàn. Ông là thầy thuốc cầm bút, xin ông lướt qua những cái đó ».

Bốn hôm sau, có cuộc hành quân cấp sư đoàn. Tôi được gửi theo tiểu đoàn 42 Biệt-động quân. Tiểu đoàn trưởng là thiếu-tá Lưu Trọng-Kiệt, tiểu đoàn phó là trung-úy Hồ Ngọc-Cẩn. Cái tréo cẳng ngỡ là đối với cố vấn đoàn thì tôi là kỹ giả. Còn Kiệt với Cẩn lại tưởng tôi là bác sĩ tình nguyện ra mặt trận. Tiểu đoàn được đặt làm trụ bị tại phi trường Vĩnh-lợi, từ bảy giờ sáng, chuẩn bị nhảy trực thăng vận. Nếu khi nhảy, thì tiểu đoàn sẽ nhảy làm hai cánh. Cánh thứ nhất gồm đại đội 1, 2 do Hồ Ngọc-Cẩn chỉ huy. Cánh thứ nhì gồm đại đội 3 và đại đội chỉ huy, do thiếu tá Lưu Trọng-Kiệt chỉ huy. Tôi với Kiệt, Cẩn ngang ngang tuổi nhau. Tôi có máu giang hồ của người tập võ, coi trời bằng vung, lại cũng có học qua quân sự, nên chúng tôi thân cận nhau dễ dàng. Đại-úy cố vấn tiểu đoàn muốn tôi nhảy theo bộ chỉ huy. Anh hỏi tôi :

« Lần đầu tiên ra trận, « sớ » có sợ không ?

Tôi trả lời như những nhân vật trong lịch sử Việt-Nam :

« Tráng sĩ khi ra trận, không chết thì cũng bị thương. Nếu sợ chết thì đừng ra trận ».

Cẩn hỏi tôi đã học quân sự chưa ? Tôi đáp :

« Kiến thức về quân sự của tôi chỉ bằng phó binh nhì thôi. Nhưng cũng biết bò, biết nấp, biết nhảy, biết bắn. Đánh nhau bằng súng thì tôi dở ẹc, nhưng đánh cận chiến thì tôi có hạng, vì tôi lòng thấy dạy võ ».

Thông dịch viên dịch lại cho binh sĩ nghe. Họ khen tôi :

« Ông bác sĩ này ngon thực !

Tôi hỏi Kiệt :

« Trong hai cánh, thì cánh nào có hy vọng được đánh nhau nhiều hơn ?

Kiệt chỉ Cẩn :

« Anh cứ nhảy theo thẳng này, thì sẽ toại nguyện. Tha hồ mà hành nghề ».

Tiểu đoàn cũng có sĩ quan trợ y. Anh biệt phái cho tôi một y tá cấp trung sĩ, với đầy đủ thuốc cấp cứu. Trên lưng tôi chỉ có bộ đồ giải phẫu dã chiến. Khoảng mười giờ thì có lệnh : Một đơn vị địa phương

quân chạm địch tại Vĩnh-châu. Địch là tiểu đoàn Cơ-động Sóc-trăng. Tiểu đoàn phải nhảy trực thăng vận đánh vào hông địch. Địa điểm nhảy là một khu đồng lầy.

Sau khi Kiệt họp các sĩ quan, tóm lược vấn đề nhiệm vụ, tình hình trong mười phút. Cẩn dẫn tôi ra phi đạo. Hai đại đội đã lên trực thăng từ bao giờ. Chúng tôi cùng leo lên một trực thăng. Hai mươi lăm chiếc trực thăng cùng cất cánh. Trực thăng bay khoảng bảy phút, thì Cẩn chỉ vào khu làng mạc trước mặt :

« Kia, chỗ chúng mình đáp kia ».

Trực thăng hạ cánh. Thoảng một cái hơn hai trăm người từ trực thăng lao ra. Một cảnh tượng, mà không bao giờ tôi quên : Những người lính dàn ra thành một hàng ngang. Họ núp vào cái những cái bờ ruộng, mô đất, tay thủ súng, mắt dăm dăm nhìn về trước. Đó là một làng, lưa thưa mấy ngôi nhà tranh, ẩn hiện dưới những cây dừa xanh tươi. Mặc dù súng trong làng bắn ra, như ng những người lính ấy, vẫn chưa bắn trả. Tôi đưa mắt nhìn một lượt, các sĩ quan, người thì nằm, người thì quỳ, cũng có người đứng.

Từ lúc nhảy xuống, Cẩn không hề nằm, quỳ, mà đứng quan sát trận mình, quan sát trận địch. Một là điếc không sợ súng, hai là tự tin vào số Tử-vi của mình thọ, tôi cũng đứng.

Hơn mười phút sau, cánh quân thứ nhì đã nhảy xuống trận địa. Trận vừa dàn xong, thì sĩ quan để lộ xin pháo binh nã vào những chỗ có ổ mìn-chiê, trung liên, đại liên trong làng. Một lệnh ban ra, hơn bốn trăm con cộp dàn hàng ngang, vừa bắn, vừa xung phong vào trong làng. Trong khi súng trong làng bắn ra, đạn cây các y đất, trúng vào ruộng nước, bụi, nước bắn tung.

Hàng quân tôi bờ ruộng cuối cùng, cách bia làng không đầy năm mươi thước, thì súng nhỏ từ trong mìn nổ. Cả hàng quân đều nằm dài ra sau cái bờ ruộng. Giữa lúc đó, sĩ quan pháo binh trúng đạn lật ngược. Tôi chạy lại cấp cứu, thì không kịp, viên đạn xuyên qua sọ anh. Thế là pháo binh vô hiệu. Trực thăng vô trang được gọi đến. Cố vấn Mỹ báo về trung tâm hành quân. Cố vấn tại trung tâm hành quân ra lệnh cho phi công trực thăng nã xuống địa điểm có địch quân.

Tôi đứng cạnh Cẩn tại một mô đất. Cẩn không trực tiếp cầm máy chỉ huy, mà ra lệnh cho các đại đội, trung đội qua hiệu thỉnh viên.

Sau khi trực thăng vô trang nã ba loạt rocket, đại liên, thì lệnh xung phong truyền ra. Cả tiểu đoàn reo lên như sóng biển, rồi người người rời chỗ nằm lao vào làng. Không đầy mười phút sau, tiếng súng im hẳn.

Bây giờ là lúc tôi hành nghề. Những binh sĩ, tù binh bị thương nặng được băng bó, cầm máu, rồi trực thăng tải về quân y viện. Tôi ngạc nhiên vô cùng, khi thấy những binh sĩ bị thương khá nặng, khi nghe tôi nói rằng : Nếu họ muốn, tôi có thể gấp đạn, may các vết thương đó cho họ, mà không phải về quân y viện. Họ từ chối đi quân y viện, xin ở lại để tôi giúp họ. Tôi cùng sĩ quan trợ y, bốn y tá làm việc trong hơn giờ mới xong. Tôi hỏi Cẩn :

« Tôi tưởng, thương binh được về quân y viện chữa trị, nghỉ ngơi, thì là điều họ mong muốn mới phải. Tại sao họ muốn ở lại ?

« Bọn cộp nhà này vẫn vậy. Chúng tôi sống với nhau, kể cận cái chết với nhau, thì xa nhau là điều buồn khổ vô cùng. Đấy chúng nó bị thương như vậy đấy, lát nữa anh sẽ thấy chúng chống gậy đi chơi nhõng nhõng ngoài phố, coi như bị kiến cắn ».

Tôi đi một vòng thăm trận địa. Hơn hai trăm xác chết, mặc áo bà ba đen, quần đùi. Những xác chết đó, gương mặt còn non choẹt, đa số tuổi khoảng 15 đến 20, cái thì nằm vắt vẹo trên bờ kính, cái thì bị cháy đen, cái thì mất đầu. Cũng có cái nằm chết trong hầm. Không biết, trong khi họ phơi xác ở đây, thì cha mẹ, anh em, vợ con họ có biết không ?

Sau trận đó thì Cẩn được thăng cấp đại úy. Cuối năm 1966, Cẩn từ biệt tiểu đoàn 42 ĐĐQ đi làm tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn 1 trung đoàn 33 (Sư đoàn 21). Việc đầu tiên của Cẩn khi làm tiểu đoàn trưởng là xin sư đoàn cho tất cả các sĩ quan, hạ sĩ quan xuất thân trường TSQ về chiến đấu cùng với mình. Cẩn đã được thỏa mãn một phần yêu cầu. Tôi hỏi Cẩn :

« Anh đem các cựu TSQ về, với mục đích gì ?

« Một là để dễ sai. Tất cả bọn cựu TSQ này đều ra trường sau tôi. Chúng là đàn em, dù tôi không phải là cấp trên của chúng nó, mà chúng nó lộn xộn, tôi vẫn hèn vào đit chúng nó được. Nay tôi muốn chúng về với tôi, để tôi có thể dạy dỗ chúng nó những gì mà tại quân trường không dạy. Hai là, truyền thống của tôi khi ra trận là chết thì chết chứ không lùi, vì vậy cần phải có một số người giống mình, thì đánh nhau mới dã. Bọn cựu TSQ đều như tôi cả ».

Suốt năm 1967, Cẩn với tiểu đoàn 1/33 tung hoành trên khắp lãnh thổ năm tỉnh Hậu-giang, khi Đại-ngãi, khi Tắc-vân, khi Kiên-hưng, khi Thích-lác, khi Cờ-đỏ. Sau trận tổng công kích Mậu-Thân, Cẩn được thăng thiếu tá. Năm 1968, Cẩn là người có nhiều huy chương nhất quân đội. Thời gian này tôi bắt đầu viết lịch sử tiểu thuyết, nên tôi đọc rất kỹ Lục-thao, Tam-lược, Tống-Ngô binh pháp, cùng binh pháp, của các danh tướng Đức, Pháp, nhất là của các tướng Hồng-quân. Tôi dùng kiến thức quân sự trong sách vở để đánh giá những trận đánh của Cẩn từ 1966. Tôi bật ngửa ra rằng, Cẩn không hề đọc, cũng không hề được học tại trường sĩ quan, những binh pháp đó. Mà sao từ cung cách chỉ huy, cung cách hành xử với cấp dưới, cấp trên, nhất là những trận đánh của Cẩn bằng bạc xuất hiện như những lý thuyết trong thư tịch cổ ?

Năm 1970, Cẩn thăng trung tá, rời tiểu đoàn 1/33 đi làm trung đoàn trưởng trung đoàn 15 thuộc sư đoàn 9. Năm 1972, Cẩn được lệnh mang trung đoàn 15 từ miền Tây lên giải phóng An-lộc. Cuối năm 1973, Cẩn được trở về chiến trường sinh tử với chức vụ tỉnh trưởng, kiêm tiểu khu trưởng Chương-thiện. Lần cuối cùng tôi gặp Cẩn vào mùa hè năm 1974 tại Chương-thiện. Tôi hỏi Cẩn :

— Anh từng là trung đoàn trưởng, hiện làm tỉnh trưởng. Anh có nghĩ rằng sau này sẽ làm sư đoàn trưởng không ?

— Tôi lận lộn suốt mười bốn năm qua, gối chưa mỏi, nhưng kiến thức có hạn. Được chỉ huy trung đoàn là cao rồi. Minh phải biết liêm sỉ chứ ? Cõi sư đoàn sao được.

— Thế anh nghĩ sau này anh sẽ làm gì ?

— Làm tỉnh trưởng bất quá một hai năm nữa rồi tôi phải ra đi, cho đàn em họ có chỗ tiến thân. Bấy giờ tôi xin về coi trường TSQ, hoặc coi các lớp huấn luyện đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng, đem những kinh nghiệm thu nhặt được trong mười mấy năm qua dạy đàn em. Tôi sẽ thuật trước sau hơn ba trăm trận đánh, mà tôi trải qua, nhờ anh viết lại. Bộ sách đó, anh nghĩ nên đặt tên là gì ?

— « *Cẩm nang của các đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng trong chiến tranh chống du kích tại vùng đồng lầy* ». Nhưng liệu bộ Quốc-phòng có cho phép in hay không ?

— Không cho in thì mình cũng cứ thuật, rồi đem giảng dạy, ai cấm được ?

— Đây là cuộc gặp gỡ cuối cùng của tôi với Cần.

Sau khi miền Nam mất, tôi không được tin tức của Cần. Mãi năm 1976, tôi được tin : Ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi tướng Dương Văn-Minh ra lệnh đầu hàng. Cần chống lại lệnh đó. Các đơn vị VC tiến vào tiếp thu tiểu khu Chương-thiện, thì gặp sức kháng cự, chết rất nhiều. Cần bị bắt, rồi bị đem ra xử tử.(3)

Khi tôi gặp Cần, thì tôi chưa khởi công viết lịch sử tiểu thuyết. Thành ra cuộc đời Cần, cuộc đời các cựu TSQ quanh Cần, in vào tâm não tôi rất sâu, rất đẹp. Vì vậy sang năm 1968, khi bắt đầu viết, thì bao giờ tôi cũng khởi đầu bằng thời thơ ấu của những nhân vật chính. Trong bộ nào, cũng có những thiếu niên, khi ra trận chỉ tiến lên hoặc chết, chứ không lùi.

Có rất nhiều người đặt câu hỏi : Giữa tôi và Cần như hai thái cực . Cần chỉ học đến đệ lục, tôi được học ở nhà, ở trường đến trình độ cao nhất. Cần là người Nam, tôi là người Bắc. Cần theo đạo Chúa, tôi là cư sĩ Phật-giáo. Tôi thì sống trong sách vở, hay đi trên mây, Cần thì lặn lội với thực tế. Tôi không biết uống rượu, Cần thì nổi danh tửu lượng cao nhất sư đoàn 21 bộ binh. Tôi thấy người đẹp là chân tay run lấy bẫy, Cần thì dửng dưng. Thế mà khi gặp nhau, chúng tôi thân với nhau ngay. Thân đến độ giải bẫy cho nhau tất cả những tâm sự thâm kín nhất, không một người thứ nhì biết được. Tại sao ? Cho đến nay, tôi mới trả lời được rằng : Cần cũng như những người quanh Cần, là những hình bóng thực, rất quen thuộc mà trước kia tôi chỉ thấy trong lịch sử. Nay được gặp trong thực tế.

Hai mươi một năm qua, đúng mười hai giờ trưa, ngày 30 tháng tư, dù ở bất cứ nơi nào, tôi cũng mua bó hoa, đèn cây, vào nhà thờ đốt nến, đặt hoa dưới tượng đức mẹ, và cầu xin cho linh hồn Cần được an lành trong vòng tay người.

Viết tại Paris ngày 30 tháng tư năm 1996

•Yên-tử cư-sĩ Trần Đại-Sỹ.

(1) Ông Hùng bấy giờ mới đỗ tú tài. Trong thời gian dạy tại trường TSQ, ông tự học, đỗ cử nhân luật. Sau khi đỗ cử nhân luật, ông được bổ làm thẩm phán ở Tuy-hòa, rồi làm bộ trưởng Lao-động.

(2) Tôi xếp theo thứ tự abc. Trong năm người thi Kiệt tuấn quốc năm 1967. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Hưng tự tử, Cần bị xử bắn, còn Huy với Trổ tôi không

biết sau ra sao ?

(3) Tại Sài-gòn 10 giờ bảy phút, tiếng súng kháng cự tại các đơn vị dù chấm dứt. Tại bộ chỉ huy tiểu khu Chương-thiện kéo dài tới 15 giờ. Trong khi đó, tiếng súng kháng cự của các Thiếu-sinh-quân còn kéo dài tới 19 giờ bốn mươi lăm phút tại Vũng-tầu. Nếu tôi không lăm thì các TSQVN là những người chiến đấu cuối cùng của miền Nam.

今昔壯此易
日時士地水
水猶寒 人已沒 髮衝冠 別燕丹 送別



Dịch Thủy tống biệt

*Thử địa biệt Yên Đan
Tráng sỹ phát xung quan
Tích thời nhân dĩ diệt
Kim nhật thủy do hàn*

• Lạc Tân Vương

Tiến biệt bên dòng Dịch Thủy

*Nơi tiễn biệt Yên Đan thuở trước
Khí hùng thiêng tóc dựng lên đường
Nay chẳng biết về đâu tráng sỹ
Chỉ thấy dòng sông lặng lẽ buồn.*

*Sông Dịch Thủy - biệt Yên Đan
Máu hồn căm dựng hiên ngang mái đầu
Người xưa lăm liệt - về đâu?
Giờ đây chỉ thấy sóng sầu hoang vu*

• Ái Cầm

LÝ DUYÊN SINH, GIẢI ĐÁP CHO VẤN ĐỀ TỶ NẠN CHÍNH TRỊ VÀ GIẢI THỂ CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN VIỆT NAM

• NGÔ TRONG ANH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỐ VẤN
CHÍNH PHỦ CÁCH MẠNG VIỆT NAM TỰ DO

Hiện tượng đồng bào tha hương tỵ nạn cộng sản phát sinh kể từ năm 1975 và được xem như chấm dứt vào năm 1990 vì Cao Ủy Tỵ Nạn đóng cửa các trại và ra lệnh cưỡng bách hồi hương bằng vũ lực; nhiều thuyền nhân tuyệt vọng, tự sát tập thể. Đòng của các trại tỵ nạn không có nghĩa là chấm dứt *nguyên nhân* phát sinh tỵ nạn chính trị. Đồng bào trong nước ngay bây giờ, nếu có *trợ duyên* thích ứng là vượt biên ngay. Chừng nào còn chế độ công an cộng sản, là còn tiềm lực tỵ nạn.

Trong một môi trường vô cùng phức tạp đầy mâu thuẫn của hiện tượng tỵ nạn chính trị, đồng bào chúng ta đang bị hòa mù do nhiều thế lực có khả năng tài chánh vô song (cộng sản/mafia/tài phiệt) tạo ra. Chúng có làm thủ đoạn gian manh dùng báo chí truyền tin và nhất là internet để phá hoại các tổ chức cộng đồng. Muốn hiểu rõ và giải quyết hiện tượng tỵ nạn, theo tôi, đồng bào nên áp dụng lý duyên sinh được trình bày như sau:

1. LÝ DUYÊN SINH

Lý duyên sinh được trình bày trong kinh Hoa Nghiêm, có thể hiểu tóm tắt theo ba hướng nhìn có quan hệ mật thiết với nhau đó là: *Sinh trụ dị diệt, Trùng trùng duyên khởi* và *Nhân duyên quả*...

1.1. Sinh Trụ Dị Diệt

Mọi hiện tượng (*pháp*) có sanh rồi có diệt, đều vô thường, vô ngã. Nếu hiện tượng ấy còn vướng *nghiệp* (quả báo của những hành động tạo nghiệp kiếp trước) thì hiện tượng lại tái sanh thọ nghiệp và tiếp tục tái diệt v.v..., sự kiện này được gọi là vòng *sinh tử luân hồi của biệt nghiệp*. Muốn giải thoát luân hồi hay được phúc báu, phải diệt trừ hay giảm bớt tham sân si, nghĩa là sống có nhân nghĩa đạo đức. Giáo lý Nguyên Thủy nhấn mạnh điểm này.

1.2. Trùng Trùng Duyên Khởi

Mọi hiện tượng đều có quan hệ mật thiết hỗ trợ cho nhau trong một môi sinh chung gọi là *trùng trùng duyên khởi*, cái này sanh tất cái kia sanh, cái này diệt tất cái kia diệt. Mọi sinh chung ấy gọi là *cộng nghiệp*. Phải có lòng nhân (Đức Khổng Tử), tâm từ bi (Đức Phật) hay bác ái (Chúa Kitô) để giải cứu cộng nghiệp khó khăn này. Nơi đây không có chuyện thủ hặn mà chỉ có vấn đề nghịch duyên thôi. Tập

đoàn cộng sản gây cảnh tỵ nạn tha hương, nhà tan của nát tạo ra nghiệp chướng, cần được giải thể để chặn họ không còn có hội để tạo thêm ác nghiệp, đó cũng vì lòng nhân đối với họ, *không mây may thù hận*. Giáo lý Đại Thừa Bồ Tát hạnh nhấn mạnh điểm này.

1.3. Nhân Duyên Quả

Muốn giải nghiệp (biệt nghiệp và cộng nghiệp), cần phải quán sát hiện tượng trong giai đoạn hiện tại theo luật *nhân quả* hay *nhân duyên quả*. Luật cho biết: Mọi hiện tượng (*quả*) đều phát sinh do một điều kiện chính gọi là *nhân* và một số điều kiện phụ gọi là *duyên* (trợ duyên): Phải có trí tuệ mới thấy luật Nhân Duyên Quả cho mỗi hiện tượng và tạo phương tiện thiện xảo thích nghi để giải trừ biệt nghiệp hay cộng nghiệp. Giáo lý Tịnh Độ nhấn mạnh điểm này.

1.4. Một trong tất cả và tất cả trong một

Một ở đây là lý duyên sinh và tất cả là ba hướng nhìn nói trên. Mọi pháp môn đều có đủ cả ba hướng nhìn ấy mặc dầu tùy nghi theo tâm nguyện mà nhấn mạnh vào một hướng. Một hành giả chỉ biết quán sinh diệt để tu giải thoát mà thôi thì nói rằng: thời buổi nhiều nhướng loạn lạc nên lo tu giải thoát biệt nghiệp là tốt nhất, kết quả có thể tại hạ cho cộng đồng, tổ quốc. Một vị khác chỉ biết quán trùng trùng duyên khởi, lo cho cộng nghiệp, dẫn thân hy sinh cứu đồng bào nhưng có thể làm chuyện tai hại vì còn nặng biệt nghiệp. Một vị khác lại tu hành theo nhân duyên quả mà thôi, đứng sự có thể vừa giải thoát vừa cứu người nhưng lại thiếu tầm rộng và kém sâu sắc.

2. Tỵ nạn chính trị

Hiện tượng hai triệu đồng bào rời bỏ quê hương tránh chế độ cộng sản và xin tỵ nạn chính trị ở mọi nơi trên thế giới là *cộng nghiệp*, nhưng mỗi người lại có đời sống khác nhau là do *biệt nghiệp* xấu tốt, nhiều ít tham sân si của riêng mình. Trước hết, phải thấu triệt từ ngữ *chính trị*, một danh từ luôn luôn bị cấm kỵ đối với đồng bào dưới các triều đại từ thực dân Pháp cho đến quốc tế cộng sản ngày nay. Thành kiến này tồn tại mãi cho đến bây giờ đối với một số người nông nổi; họ cho rằng: Phật tử không làm chính trị, chuyên gia không làm chính trị, sinh viên không làm chính trị, viên chức không làm chính trị, tuổi trẻ không làm chính trị, già cả không làm chính trị, đàn bà không làm chính trị. Nói tóm: đừng ai làm chính trị để cho Bộ Chính Trị Trung Ương của độc đảng Cộng Sản Việt Nam độc quyền làm chính trị mà thôi, và vì vậy để mặc họ gây nên quốc nạn triều miên. Sau đây ngoài ý nghĩa thông thường là chính sách cai trị một nước, từ ngữ *chính trị* được tạm hiểu khác nhau trong 6 trường hợp:

2.1. Thân phận tỵ nạn chính trị

Đồng bào tỵ nạn phần lớn không biết chính mình là nạn nhân của chính trị cộng nghiệp và biệt nghiệp. Một số nhỏ biệt nghiệp khá tốt, làm ăn giàu hưởng phúc báu quên mất thân phận *cộng nghiệp tỵ nạn* của đồng bào và quên luôn cả số *phân cộng nghiệp hãm hiu* trên miền đau khổ của dân Việt dưới ách cộng sản/mafia/tài phiệt bên nhà. Họ chê trách những ai có thái độ chính trị phản đối độc tài cộng sản với những câu dạy đời như: *Độc tài rồi cũng hết, mọi việc đều vô thường đồng bào*

nên tu vô chấp, lo giải thoát cho bản thân tốt hơn; hoặc giả: lo việc nhỏ không xong mà còn lo việc lớn làm gì...

Ngoài ra, phần đông đồng bào, tuy vẫn còn nhỏ đến cộng nghiệp tỵ nạn tha hương, biết chia sẻ nỗi đau khổ chung nhưng tự thấy mình bất lực, một phần vì bị tuyên vận cộng sản/mafia phá rối, một phần vì bản lùn ăn nên không có thì giờ để quán sát hiện tượng *tỵ nạn chính trị* theo luật nhân duyên quả trong hiện tại cho mỗi giai đoạn lịch sử. Do đó họ có những kết luận chán đời, tiêu cực.

2.2. Chính trị hà chính

Chế độ chính trị ở Việt Nam được cộng sản định nghĩa như là *quan hệ của một giai cấp này đối với một giai cấp khác trong cuộc đấu tranh nhằm giành địa vị thống trị và chính quyền trong nước*. Căn cứ vào định nghĩa trên, giai cấp vô sản quốc tế (tức mafia Việt Nam) thay thế giai cấp tư bản thực dân Pháp để thống trị đồng bào. Thực dân Pháp và cộng sản Việt Nam là những chế độ chính trị độc tài hà khắc mà Khổng Tử gọi là *hà chính*.

2.3. Chính trị nhân chính

Ngoài chủ trương một chế độ chính trị nhân đạo, lấy lòng nhân từ và khoan dung để cai trị dân gọi là *nhân chính* 仁政 Chủ Nhân (nhân ái) chiết tự gồm chữ *nhân* (người ta) và 政 có nghĩa là *binh đảng* gồm gạch ngang *thiên* (tâm linh) nằm trên, và gạch ngang *địa* (môi sinh) nằm dưới. Chủ Nhân (Tử Bi, Bác Ái) này đã được đề cập ở 1.2. (*trùng trùng duyên khởi*).

2.4. Chính trị hiến pháp

Dùng hiến pháp để ngăn chặn lãnh tụ độc tài tham quyền cố vị, bảo vệ tự do dân chủ, và nhân quyền cho dân chúng. Cộng sản Việt Nam cũng điên đảo tạo ra những thủ *phản hiến pháp* cốt ngăn chặn tự do dân chủ và nhân quyền với cái gọi là *dân chủ tập trung* và điều 4 hiến pháp bảo vệ độc đảng.

2.5. Chính trị đại học

Đây là nơi đào tạo những chuyên viên tốt nghiệp đại học về những bộ môn như chính trị học, kinh tế học, quản trị kinh doanh, hành chánh kế toán, thương mại, ngân hàng, luật học, xã hội học v.v... Họ là những cấp thừa hành có khả năng chuyên môn để giúp mọi chế độ chính trị.

2.6. Thái độ chính trị

Mọi người dân trong nước hay ngoài nước, tùy theo nhân cách và sự hiểu biết riêng mà có thái độ chính trị, tức phản ứng nghịch hay thuận đối với chế độ chính trị hiện hành. Hai triệu người Việt Nam bỏ nước liều chết ra đi, tức bỏ phiếu bằng chân để tỏ thái độ chính trị chống lại hà chính cộng sản/mafia Việt Nam. Trong lịch sử Việt Nam chưa bao giờ có sự di dân tỵ nạn lạ lùng như vậy.

3. Chính trị toàn cầu (Geopolitics)

Hiện tượng chính trị toàn cầu hay *cộng nghiệp* nhân loại xảy ra rõ ràng nhất kể từ năm 1917 nghĩa là từ khi Huê Kỳ tham dự trận thế giới đại chiến thứ I (1914-1918) và sáng lập viên của Hội Các Quốc Gia (Société des Nations, 1919) cho đến ngày nay với tổ chức Liên Hiệp Quốc (O.N.U. 1945). Hiện tượng chính trị toàn cầu này gồm ba giai đoạn chiến lược tạm phân chia như sau: Giai đoạn *chiến tranh nóng* (1914-1945); giai đoạn *chiến tranh*

lạnh (1945-1975); và giai đoạn *diễn biến hòa bình* (kể từ 1975).

3.1. Giai đoạn chiến tranh nóng 1914-1945

Các cường quốc Âu Châu chiếm đất giành dân nhau bằng vũ lực, và quân đội Mỹ lần đầu tiên tham dự can thiệp chấm dứt. Tất cả các quốc gia trên thế giới đều trực tiếp hay gián tiếp chịu ảnh hưởng. Dân Việt Nam trực tiếp tham gia với vài trăm ngàn lính thuộc địa *tùng chinh* đồng thời với hai triệu dân miền Bắc bị chết đói (1944-1945) vì Pháp và Nhật cấm trồng lúa. Nhật và Pháp cho dân chết đói để diệt trừ mầm phản ứng chống hà chính.

3.2. Giai đoạn chiến tranh lạnh 1945-1975

Cường quốc tránh chiến tranh nóng vì sợ nản bom nguyên tử. Tuy gọi là chiến tranh lạnh nhưng vẫn dùng vũ lực một cách hạn chế để chế ngự nhau. Những cựu thuộc địa như Việt Nam được cái tiếng độc lập nhưng vẫn sống nô lệ nhờ viện trợ cường quốc (Pháp, Mỹ, Nga, Tàu) để tiếp tục chiến tranh nóng, làm tiền đồn cho hai khối tự do và cộng sản tranh giành bành trướng ảnh hưởng kinh tế. Vào khoảng 6 triệu dân Việt hai miền Nam Bắc *độc lập giả tạo* để chết oan với hoài bão thống nhất trong cuộc nổi đa xáo thịt đầu đón kéo dài 30 năm.

3.3. Giai đoạn diễn biến hòa bình kể từ 1975

Kết quả hà chính cộng sản được lựa chọn làm kẻ thắng trận trên lý thuyết để trên thực tế giúp Huê Kỳ thắng trận chiến tranh lạnh, nghĩa là gây mâu thuẫn được Nga-Hoa, Hoa-Việt (Việt Nam chết 60 ngàn quân thiện chiến môi hờ rảng lạnh) và Việt-Kampuchia (Việt Nam chết 50 ngàn trẻ em bị động viên làm nghĩa vụ quốc tế). Tất cả để làm đòn bẫy sập đổ chế độ cộng sản quốc tế. Sự diễn biến hòa bình ở Việt Nam bắt đầu bằng hàng triệu người vượt biên tự nạn hà chính và hàng triệu người đi tù cải tạo hay đi kinh tế mới. Đồng bào trong và ngoài nước mãi cho đến ngày nay vẫn không hiểu *diễn biến hòa bình* là gì.

Diễn biến hòa bình chính danh là chiến tranh giành thị trường kinh tế một cách hòa bình, không chủ trương dùng vũ lực để cướp đất giành dân, nhưng dùng mọi phương tiện truyền tin để quảng bá rộng rãi một chế độ biết tôn trọng tự do dân chủ và nhân quyền, tức là một chế độ phù hợp với nền kinh tế thị trường. Nhưng tiếc thay chế độ hà chính cộng sản không thể nào thích hợp với kinh tế thị trường. Đó là một nền kinh tế dựa trên luật pháp phân minh, đòi hỏi một chính phủ có khả năng tự túc kinh doanh, tự do dân chủ thật sự.

Vi muốn được nhập vào nền kinh tế thị trường, cộng sản Đông Âu phải *đổi mới tư duy và cởi mở chính trị*. Bắc Hàn và Cu Ba vẫn ngoan cố nên để dân chúng tiếp tục chết đói. Ngay Trung Cộng cũng đành chia đất nước thành hai chế độ *mèo trắng mèo đen* tùy hoàn cảnh địa phương (tức xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường).

Chỉ riêng có cộng sản Việt Nam mới có chế độ què quặt không thể tưởng tượng được, mệnh danh là *kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Kinh tế thị trường đòi hỏi tự do dân chủ và dân quyền trong khi xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn tiếp tục độc tài, độc đảng; đó là một mâu thuẫn to lớn. Dân vẫn đói *theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa*, trong khi các Ủy Viên Trung Ương, nhờ kinh tế thị

trường, mafia tài phiệt, bán đất buôn dân chuyển ngân tậu nhà.

4. những khó khăn đã gặp để giải thể chế độ cộng sản

Việc giải thể chế độ cộng sản bằng cách vận động dư luận quốc tế hay *chuyển lửa về quê hương* để tạo khí thế đấu tranh trong nước của các tổ chức: tôn giáo, đảng phái, phong trào, mặt trận, liên minh v.v... đã đem đến kết quả làm tung bay lá cờ vàng ba sọc đỏ khắp mọi nơi trên thế giới. Tất cả cán bộ cộng sản ra ngoại quốc muốn sống phải nấp bóng cờ vàng không tên nào dám mang cờ đỏ.

Tướng kẻ tỵ tỵ, tập đoàn cộng sản/mafia/tài phiệt dùng liền để làm những tuần san phát hành rộng rãi khắp nơi chủi bởi cộng sản âm ỉ rề tiền để mạo nhận *quốc gia*, đồng thời vu cáo bôi nhọ những cá nhân hay tổ chức nào hy sinh đảm *chống cộng thật sự*. Vì thiếu khả năng tài chánh nên những đặc san địa phương của các tổ chức cộng đồng quốc gia đành bó tay chịu thua một cách oan ức, nhất là sau này cộng sản đã ờ ạt cho cán bộ đi rai tai hòa giải hòa hợp giữa chó sói và con cừu non.

Ngoài ra, một phương thức khác, mạo hiểm hơn, chủ trương xâm nhập nội địa tranh đấu trực diện. Công cuộc đội đá này và trời, đã được những thanh niên và tráng niên anh hùng Việt Nam thực hiện trong ít nhiều cô đơn, đó là những Lý Tống, Võ Đại Tôn, Hoàng Cơ Minh, Trần Văn Bá, Lê Quốc Túy, Lê Quốc Quân, Hồ Thái Bạch v.v... hay các tổ chức như Nhân Dân Hành Động, Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, Liên Đảng Cách Mạng Việt Nam v.v... Họ đã gây được tiếng vang, cảnh tình được đồng bào, nhưng không đem lại kết quả mong ước. Âu đó cũng là kinh nghiệm của một số chiến hữu trong *tổ chức Việt Nam Tự Do đã trải qua trước 1990*. Tất cả vì nhiều nguyên nhân tạm ghi nhận như sau:

4.1. Trong giai đoạn diễn biến hòa bình, thế giới không tán thành chủ trương bạo lực gây nội chiến làm thị trường tiêu tan.

4.2. Không rõ sự khác biệt giữa *chiến tranh lạnh* và *diễn biến hòa bình* để sáng tạo một mô thức đấu tranh thích nghi trong công cuộc giải thể chế độ cộng sản Việt Nam.

4.3. Ngày xưa trước 1975 chính vì báo chí và các đài ngoại quốc mà chính thể miền Nam bị sụp đổ mau chóng. Đồng bào ngày nay mọi ý chí giải thể chế độ hà chính lại bị cộng sản/mafia/tài phiệt chặn đứng bằng cách tung tiền đầu độc dư luận bằng báo chí và internet xuyên tạc, bóp méo sự thật, bôi nhọ những nhân vật có uy tín, gây chia rẽ và hoang mang.

4.4. Sự thờ ơ hay dị ứng đối với mọi xâm nhập quốc nội hay sự thành lập một chính phủ lưu vong quốc ngoại của đồng bào tự nạn với những thành kiến đại khái:

4.4.1. Cộng sản đã thay đổi nhiều rồi. Họ chạy theo Hoa Kỳ, gởi con cháu sang đây du học, chuyển ngân sang đây đầu tư, v.v... Mỹ nay trao đổi cấp Đại Sứ và Lãnh Sự với họ, và sẽ cấp cho quy chế tối huệ quốc, vậy cần gì phải giải thể họ, đồng bào nên hòa giải hòa hợp với họ vì cộng sản 1997 khác với cộng sản 1975.

Nhưng với cái nhìn theo lý duyên sinh, thì:

4.4.2. Hiện tượng *theo Mỹ* nói trên chỉ là cái quả xét trên hình thức xem có vẻ lạc quan,

nhưng quán sát kỹ, thì thấy nó che đậy một nội dung, một cái *nhân* hết sức bi đát cho đất nước. Cộng sản theo Mỹ để ăn xài như Mỹ nhưng từ khước Hiệp Pháp Mỹ bảo vệ tự do dân chủ dân quyền. Họ theo Mỹ để hợp thức hóa việc bán đất buôn dân, chuyển ngân tậu nhà cho cá nhân cán bộ đảng cao cấp mà thôi. Nói tóm tắt cả theo Mỹ vì lợi cá nhân hại cho tổ quốc.

5. Một chính phủ cách mạng thành lập tại quốc nội

Sự bất ổn định chính trị của chế độ cộng sản trong giai đoạn *diễn biến hòa bình* là do những mâu thuẫn nội bộ đã có từ lâu giữa phe già thủ cựu (XHCN) và phe trẻ cấp tiến (kinh tế thị trường), giữa phe Nam Mặt Trận Giải Phóng và phe Bắc Công An Đảng Trị. Sự kiện nguy hiểm này được gia tăng vì một cuộc khủng hoảng tài chánh tại Việt Nam cực kỳ nghiêm trọng và sắp bùng nổ nay mai.

Tiền đoàn được những biến cố trên và đáp ứng kịp thời nhu cầu giúp dân cứu nước, chính phủ Cách Mạng Việt Nam Tự Do ra đời ngày 30 tháng 4 năm 1995 tại quốc nội trước khi Hoa Kỳ thiết lập bang giao với cộng sản Việt Nam để:

5.1. *Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường đạo* (Nguyễn Trãi).

5.2. Nêu cao tinh thần tự quyết, tự lực cánh sinh, không ỷ lại vào một quốc gia nào khác, cũng như không nhờ vào sự quyên góp đồng bào tự nạn đang thiếu thốn. Chính phủ đã thực hiện những kế hoạch tài chánh tự túc từ trước 1997 (1), và từ đây gây niềm tin đối với đồng bào và uy tín ngoại giao đối với thế giới, để ngày nay được các cơ quan quốc tế bảo chứng với những ngân khoản lớn lao trong công cuộc giải thể chế độ cộng sản Việt Nam, quang phục quê hương (2).

5.3. Giải quyết những trận nội chiến phe phái có thể xảy ra gây cảnh nổi đa xáo thịt.

5.4. Đáp ứng nhu cầu ổn định luật pháp cấp bách của thị trường thế giới.

5.5. Đáp ứng nguyện vọng đồng bào mong được sinh sống với một chế độ tự do dân chủ thật sự, được hậu thuẫn của dân trong nước và ngoài nước, có tinh thần tự quyết, có chính nghĩa và có khả năng quân sự để bảo vệ cuộc bầu cử do Liên Hiệp Quốc giám sát.

5.6. Tạo chỗ đứng công bằng xứng đáng cho những đảng viên, viên chức, cán bộ, bộ đội, công an đã thức tỉnh, ly khai đoạn tuyệt với chế độ hà khắc cộng sản Việt Nam để họ có cơ hội điều kiện dùng chung với đồng bào vì quyền lợi sống còn của đất nước.

5.7. Giải thể chế độ cộng sản bằng phương pháp diễn, biến hòa bình theo diễn tiến thời gian và không gian, gồm:

Giai đoạn 1990-1993

5.7.1. Xâm nhập hoạt động từ Hà Nội đến Cà Mau kể từ Tây Nguyên và Cao Nguyên.

Giai đoạn 1993-1995

5.7.2. Lập căn cứ tại biên thủy Kampuchia lúc Liên Hiệp Quốc giám sát bầu cử tự do, tổ chức Cựu Chiến Binh Bravo, thành lập Liên Quân Kháng Chiến Đông Dương cùng với anh em cựu Binh sĩ Cộng Hòa.

5.7.3. Xâm nhập bằng những chương trình nhân đạo, khoa học kỹ thuật có ích lợi thiết thực với Nhà nước Cộng Sản để có cơ hội

truyền bá các mô thức đấu tranh nghiệp đoàn ví dụ bằng cách tung hai triệu *cảm nang công nhân vào các xí nghiệp* (3).

5.7.4. Thành lập Chính Phủ Cách Mạng Việt Nam Tự Do tại quốc nội, Hội Đồng Cố Vấn, Hội Đồng An Ninh, Hội Đồng Quân Ủy và Hội Đồng Điều Hợp Trung Ương, Bộ Trưởng Ngoại Giao (1995),

5.7.5. Thiết lập Bộ Thông Tin, dùng mọi phương tiện truyền tin để quảng bá rộng rãi một chế độ biết tôn trọng tự do dân chủ và nhân quyền (6-1997) (4)

5.7.6. Sẽ thiết lập tư vấn chính thức cho Chính Phủ trong thời gian tạm lưu vong ở hải ngoại.

5.7.7. Sẽ hợp thức hóa về phương diện ngoại giao cho thành viên của chính phủ.

6. KẾT LUẬN

Lý duyên sinh là tư tưởng tuyệt đỉnh của Á Đông, là nguồn cảm hứng của biết bao nhiêu văn hào, triết gia, khoa học gia (trong đó có Einstein). Vì vậy chúng tôi mong rằng lý duyên sinh giải đáp được vấn đề tự nạn chính trị Việt Nam nghĩa là giải thể một chế độ hà chính cực kỳ điên đảo. Tuy nhiên nếu dùng đồng bào dị ứng với giải đáp trên mà tin vào những lời vu cáo cá nhân di dóm vấn chương lá cải của một tuần báo có tài nguyên vô địch bôi nhọ những tổ chức hay nhân vật quốc gia (5) nặng tình dân tộc, thì số phận quê hương còn vất vả và nhiều. Chúng ta sẽ long đong theo chiều dài lịch sử với *biệt tài tuyên vận cộng sản* kể từ năm 1946 với vụ án Cầu Chiêm ở Quảng Nam và vụ Ôn Như Hầu ở Hà Nội, tiếp đến năm 1955-1956 với vụ Cải Cách Ruộng Đất và Nhân Văn Giai Phẩm ngoài Bắc, và 20 năm sau ở miền Nam với những vụ tỵ nạn kể từ 1975 vì trót tin vào *Hòa Giải Hòa Hợp Dương Văn Minh* bị bợm. Tiếc thay, sau trên hai mươi năm vượt biển thoát chết vẫn còn đồng bào tiếp tục tin vào giải đáp Dương Văn Minh lần thứ ba (?)... của cộng sản. Thật đáng buồn.

Chú thích:

(1) Khi thịnh.khi suy, có lúc phải bán nhà trả nợ.

(2) Ngày 1 tháng 5.1997 Công Ty C.S.I.Ag đã ký bảo đảm 5 trăm triệu US\$ cho Chính phủ Cách Mạng Việt Nam Tự Do để phát hành Công Khố Phiếu. Công Ty đã dùng số vàng tài sản mình tại quốc gia Chile để ký bảo đảm tại Ngân hàng International Resource Security House & Trust (IRS) tọa lạc trên đảo Barbados, British West Indies.

(3) Tờ Đồng Dương số Đặc biệt Tết Bình Tý trình rõ việc này.

(4) Từ lâu vì thiếu phương tiện truyền thông nên để những tờ lá cải tha hồ xuyên tạc đánh lạc hướng đồng bào hải ngoại nhất là sau ngày Đại Hội Chính Nghĩa 24-25-26 tháng 1 năm 1997.

(5) Tổ cáo Chính Phủ Cách Mạng Việt Nam Tự Do lừa bịp và làm gián điệp nhệ trùng v.v... căn cứ vào những mục 5.2. và 5.7.1., 5.7.2., 5.7.3. trên đây, kèm theo một số tài liệu do chúng hoặc thành viên chính phủ hải ngoại bị khai trừ, ngụy tạo, hủ hự thực thực làm hoang mang đồng bào nhe dạ.

TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM

• TÂN

Thượng viện Hoa Kỳ vừa biểu quyết chấp thuận bổ nhiệm cựu Đại tá tử binh Pete Perterson vào chức vụ Đại Sứ tại Việt Nam (10.4.97). Đây là quyết định kết thúc giai đoạn thương thảo bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa Hoa Kỳ và Việt Nam nhưng cũng là bước mở đầu cho giai đoạn đổi mới chính trị, dân chủ hóa chế độ cộng sản.

Tiến trình "diễn biến hòa bình" đang từng bước hình thành, nhịp nhàng thực hiện đúng theo những gì đã bí mật cam kết, đúng theo chủ trương "có qua có lại" giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Vậy những gì đã, đang và sẽ xảy ra?

1. Về phía CSVN, từ sau Đại hội 8 đảng (1.7.96) cho đến nay có nhiều sự việc đã xảy ra cho thấy là phe nhóm "nhà nước quyền" đang trên đà thắng thế, nghiêng hẳn về Tư bản chủ nghĩa. Đặc biệt là từ khóa họp Quốc Hội tháng 11.96, sau khi chính phủ cải tổ và Võ Văn Kiệt vẫn trụ được ở chức vụ Thủ Tướng thì các giới đầu tư tài phiệt ngoại quốc liền lên tiếng tỏ vẻ hài lòng gia tăng viện trợ tháo khoán 2,4 tỷ Mỹ kim... tiếp theo là các cuộc viếng thăm Việt Nam của Tổng Thống Đại Hàn, Thủ Tướng Nhật, Thủ Trưởng Quốc Phòng Nhật, Thủ Tướng Miến Điện, Bộ Trưởng Ngoại Giao Thái Lan, Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Quân đội Pháp, Đề Đốc Tư Lệnh Lực Lượng Mỹ ở Thái Bình Dương để trao đổi quan hệ hợp tác song phương về ngoại giao, kinh tế, thương mại, quân sự, an ninh quốc phòng. Võ Văn Kiệt cũng đã xuất ngoại viếng thăm Ấn Độ và Phan Văn Khải viếng thăm Irak. Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) cũng lên tiếng hỗ trợ Việt Nam gia nhập Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Á Châu Thái Bình Dương (APEC) và Tổ chức Mậu Dịch Quốc Tế (WTO). Việt Nam đang tiến dần vào khối Tư Bản.

Cũng tại khóa họp Quốc Hội tháng 11.96, CSVN quyết định chia cắt lại lãnh thổ, lấy 7 tỉnh chia thành 14 tỉnh và tách Đà Nẵng ra khỏi Quảng Nam làm thành một thành phố... để có thêm cơ cấu cầm quyền phân chia cho các đồng chí thụ hưởng, xiết chặt lòng trung thành đối với đảng và chế độ đồng thời gia tăng nhân số Đại biểu Quốc Hội, chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc Hội nhiệm kỳ mới vào tháng 7.97 tới đây. Song song với sự chuẩn bị nhân sự này CSVN còn có quyết định cho phép Việt kiều hải ngoại hồi hương, về vẫn kêu gọi các giới chuyên viên khoa học kỹ thuật về hợp tác xây dựng đất nước... để tạo hình ảnh đổi mới, thỏa mãn dư luận bên ngoài... nhưng lại tước quốc tịch Việt Nam của người Việt hải ngoại để ngăn chặn loại bỏ những ai muốn về nước tham gia ứng cử bầu cử trong các cuộc bầu cử tương lai. Cũng trong chiều hướng này CSVN tuyên bố sẽ mở rộng thành phần Dân biểu Quốc Hội, giảm thiểu số đảng viên Dân biểu và chính Võ Văn Kiệt đã tuyên bố sẵn sàng rút lui nếu ở

trên (Đỗ Mười, Lê Đức Anh) cùng làm và nhấn mạnh rằng "mọi sự thay đổi lãnh đạo sẽ được dịu dàng, không có vấn đề vũ lực". Đây là tiến trình đổi mới nhân sự.

Về phía nhân dân và những người cộng sản thức tỉnh ly khai, tiến trình đổi mới tư duy cũng đã hình thành qua các sự chống đối đã kịch dâng và chế độ của Phật Giáo, Công Giáo, của Nguyễn Đình Huy, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, của Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang, Tiểu Đạo Báo Cứ... và báo chí "Người Sài Gòn". Đặc biệt gần đây, nhà văn Hoàng Tiến đã công khai gửi thư cho Chủ Tịch Quốc Hội đặt vấn đề quyền công dân và tự do dân chủ, đề cập đến cuộc bầu cử Quốc Hội khóa 10, kêu gọi quyền tự do báo chí, thi hành nghiêm chỉnh luật pháp. Như thế là tại quốc nội, cả hai phía cộng sản và đối kháng đều đang trên đường đổi mới chính trị, lấy cuộc bầu cử Quốc Hội làm căn bản, lấy tháng 7.97 làm mốc thời gian thực hiện.

2. Đối với bên ngoài, CSVN cũng đang bị nhiều áp lực đòi đổi mới chính trị, dân chủ hóa chế độ. Từ sau Tết có nhiều sự việc đã xảy ra, cụ thể như Trung Quốc công khai vi phạm hải phận Hoàng Sa, Việt Nam gửi phái đoàn sĩ quan cao cấp viếng thăm Hoa Thịnh Đốn, Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Quân đội Pháp, Đề Đốc Tư Lệnh Lực Lượng Mỹ ở Thái Bình Dương, Chủ Tịch Ngân Hàng Thế Giới (WB)... đến Việt Nam. Cuối tháng 3.97, Thượng Nghị sĩ Mỹ, Craig Thomas, gửi thư cho Lê Đức Anh và Phó Chủ Tịch Quốc Hội Canada, David Kilgour, được mời sang Hà Nội. Đầu tháng 4.97, Bộ Trưởng Tài Chính Mỹ, Robert Robbins, đến Hà Nội ký kết thỏa ước "CSVN chấp nhận trả nợ của Chính phủ VNCH vay mượn Mỹ trước đây". Đây là một sự nhượng bộ và tuân hành luật pháp quốc tế của CSVN.

Đặc biệt quan trọng là việc Thượng Nghị sĩ Craig Thomas, hiện là Chủ Tịch Tiểu Ban Ngoại Giao Đông Á Châu và Thái Bình Dương, gửi thư đề ngày 20.3.97 cho Lê Đức Anh công khai kêu gọi Việt Nam tiến vào con đường dân chủ hóa thì Quốc Hội Mỹ sẽ chấp nhận đề dâng hơn cho Việt Nam hưởng quy chế "tối huệ quốc" và tài trợ cho Việt Nam phát triển kinh tế và quân sự. Craig Thomas nói rằng:

- Việc trao đổi Đại Sứ sẽ đánh dấu một giai đoạn mới và là một bước tiến thuận lợi song phương trong sự liên hệ giữa hai dân tộc Hoa Kỳ và Việt Nam.

- Chuyển viếng thăm Hoa Thịnh Đốn vừa qua của các sĩ quan cao cấp Việt Nam là một bước tiến quan trọng trong mối quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia.

- Được biết đến cuối năm nay Việt Nam sẽ tổ chức bầu cử Quốc Hội, hy vọng sẽ có sự tham

gia đồng đều và rộng rãi của các tổ chức chính trị khác, nhất là muốn có sự tham gia của Phong Trao Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ... Quốc Hội Hoa Kỳ sẽ thất vọng nếu Việt Nam không nắm lấy cơ hội lịch sử này để thực hiện Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc. Đây cũng là cơ hội để phát triển Việt Nam và để chính phủ cho phép các tôn giáo được tự do hành đạo.

Phái đoàn Dân biểu Canada do Phó Chủ Tịch Quốc Hội, David Kilgour, hướng dẫn đến Việt Nam ngày 27.3.97 để tiếp xúc với các cơ quan và nhân vật lãnh đạo CSVN về các vấn đề bang giao và kinh tế giữa hai quốc gia. Phái đoàn cũng đã thảo luận và trao đổi ý kiến về tiến trình dân chủ hóa chế độ. Có điều cần biết là trước đây hai năm (1995) cũng chính Dân biểu David Kilgour này đã yêu cầu Hà Nội cho phép vào Việt Nam thăm viếng và tìm hiểu vấn đề nhân quyền nhưng không được chấp thuận. Chuyến viếng thăm kỳ này là do Hà Nội ngò lời mới chú không do David Kilgour yêu cầu.

Vào đầu tháng 3.97, khi Bà Barbara Griff, Phụ tá Ngoại trưởng Mỹ đặc trách tài chính và phát triển quốc tế đến thăm Việt Nam thì Hà Nội đã tuyên bố là "Chiếu theo các Hiệp ước của Câu Lạc Bộ Paris, Việt Nam sẽ hoàn trả những món nợ kể cả những món nợ của chính phủ Miền Nam Việt Nam trước đây". Rồi đến đầu tháng 4.97, Bộ Trưởng Tài Chính Mỹ Robert Robbins lại đến Việt Nam để cùng với Bộ Trưởng Tài Chính Việt Nam là Nguyễn Sinh Hùng, ký kết thỏa ước "Việt Nam chấp nhận hoàn trả số tiền 145 triệu Mỹ kim mà trước đây chính phủ VNCH đã vay mượn của Hoa Kỳ". Món nợ này, cho đến nay là một trong những trở ngại trong cuộc thương thảo giữa Hoa Kỳ và Việt Nam để tiến tới Hiệp Ước Thương Mại trước khi cấp quy chế "tối huệ quốc" cho Việt Nam. Bộ Trưởng Tài Chính Mỹ cũng đã gặp Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt và tuyên bố trước báo chí là Việt Nam phải có những biện pháp trấn an các Công ty Mỹ, đặc biệt trên các lãnh vực: quan liêu hành chính, thiếu vắng luật pháp, tôn trọng hợp đồng, ngân hàng tài chính. Và ngày 16.4.97 Việt Nam lại phải thỏa thuận ký kết với Hoa Kỳ nhìn nhận tác quyền văn hóa (droits d'auteur) để ngăn chặn các dịch vụ thường mại sao y bản nhạc, phim video, sách ảnh... đang thịnh hành ở Việt Nam.

3. Các sự việc kể trên cho thấy là khối Tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là Hoa Kỳ đã và đang tuân tự đưa CSVN vào cái bẫy sập "luật pháp quốc tế" ... cụ thể như đưa Việt Nam gia nhập vào Liên Hiệp Quốc, vào Hiệp Hội Đông Nam Á (ASEAN), vào Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Á Châu Thái Bình Dương (APEC), vào Tổ Chức Mậu Dịch Quốc Tế (WTO)... vì khi đã là thành viên của tổ chức quốc tế thì phải tuân hành điều lệ luật pháp của Tổ chức, không làm ngang nói ngược như dưới chế độ vô sản chuyên chính được. Tóm lại tiến trình "Diễn Biến Hòa Bình" của Mỹ được từng bước thực hiện như sau:

- Có bình thường hóa quan hệ ngoại giao mới có đề cử Đại Sứ.
- Có đề cử Đại Sứ mới có biểu quyết chấp thuận của Thượng Viện

- Có biểu quyết chấp thuận Đại Sứ mới có thương thảo Hiệp Ước Thương Mại.

- Có Hiệp Ước Thương Mại mới có quy chế "tối huệ quốc".

"Tối huệ quốc" chỉ là cái mồi nhử cho CSVN bám theo. Chủ trương "có qua có lại" chỉ là chiến thuật thương thảo đối chiếu với "đánh đăm đánh đăm" của CSVN thời Hòa đàm Paris 1968-1973. "Luật pháp quốc tế" là vòng dây xiết cổ địch. CSVN không thể thoát khỏi trận chiến không khói lửa này, dầu có biết đi nữa thì cũng đã trễ rồi.

4. Trước tình trạng phân hóa nội bộ, đảng viên cán bộ mất niềm tin lý tưởng chỉ lo làm giàu thụ hưởng, xã hội băng hoại đời trụy, kinh tế sập đi vào ngõ cụt... và quan trọng hơn hết là trước áp lực công khai của Hoa Kỳ, dầu

muốn hay không CSVN cũng phải đối mặt với chính trị, dân chủ hóa chế độ trong thời gian gần đây. Tiến trình đổi mới sẽ như sau:

- Trả tự do cho tù nhân chính trị và lương tâm, tôn giáo.
- Bầu cử Quốc Hội khóa 10 tháng 7.97 tới với sự tham gia của vài tổ chức chính trị.
- Sửa đổi Hiến Pháp hoặc soạn thảo Hiến Pháp mới, lấy Quốc Hội làm nền tảng.
- Cải tổ chính phủ hay lập chính phủ mới với sự tham gia của vài nhân sự chuyên viên ngoài đảng.
- Tách Đảng ra khỏi Nhà nước.
- Đổi tên Đảng Cộng Sản Việt Nam thành Đảng Lao Động Việt Nam.

Đức quốc ngày 30.4.1997

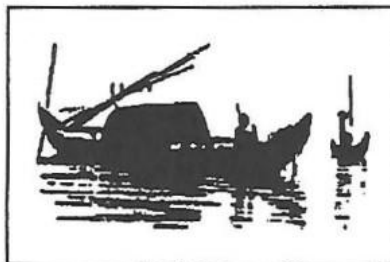
Đất khách chiều hôm

Họa:

Tôi đã bốn ba những dặm dài
Mang theo gian khổ của trần ai
Chỉ thêm thao thức, triều dương rụng
Chẳng bớt ưu tư, bóng nguyệt cài
Lặng đặng bên trời ồm quá khứ
Bằng khuôn góc bể xót tương lai
Mối hay tâm sự người vong lữ
Cũng bề bàng như một cánh mail
(Tùy Anh, tháng 5.97)

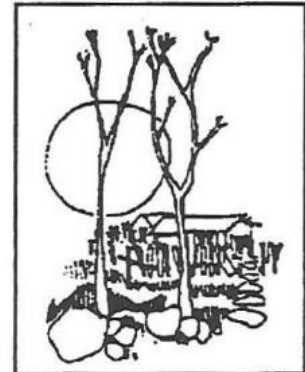
Xướng:

Từ đi sông núi lạc đôi bờ
Đứng giữa hoàng hôn khách ngẩn ngơ
Đếm bước thời gian hương phấn nhạt
Xoay vòng ảo giác khói sương mờ
Nguyệt lên đón nguyệt thương vườn cũ
Thu tối buồn thu nhớ cúc xưa
Bất gặp đông phong vừa chuyển hướng
Gửi theo tâm sự cuốn vào thơ.
(Vân Nương)



Xướng:

Nghe chuyển rèm tơ liễu thớ dài
Vàng dương chín đỏ rụng nhà ai
Sầu lên đất khách vẫn thơ gởi
Sao kết phượng Nam nét kiếm cài
Sách Việt ghen đau dòng lịch sử
Giương đời vẫn đục bụi tương lai
Đầu vang tiếng thép dân Hồng Lạc
Để thấy vườn xưa thắm cánh mai.
(Vân Nương)



Theo ngọn đông phong

Họa:

Từ độ phong ba lạc bến bờ
Người đi sao người lại làm ngờ?
Quê hương muôn thuở, tình còn đậm
Sông núi ngàn năm, nghĩa chẳng mờ
Đất mới, ân tình còn rất mới
Quê xưa, thế sự đã xa xưa?
Ly hương gởi chút lòng hoài tưởng
Ngày tháng bình yên của tuổi thơ
(Tùy Anh, tháng 5.97)

Trầm Ngải

Thiết Tha của TÙY ANH

Trầm Ngải Thiết Tha, tập thơ của Tùỳ Anh vừa được Viên Giác xuất bản tháng 5.97 gồm có 62 bài thơ, do Hoài Việt giới thiệu, bìa màu của Trudi Schlapbach, phụ bản của Vũ Thái Hòa, 162 trang. Đây là tập thơ thứ hai của Tùỳ Anh (còn có bút hiệu khác là Phù Vân) sau tập *Ngoài Xa Dấu Chân Mây*, cũng do Viên Giác xuất bản, 1994.

Tại sao là "trầm ngải thiết tha"? Tác giả có lời đề tựa như thế này: "Có em là trầm ngải nên đời thêm thiết tha". Trầm là cây gỗ thơm, xông lên cho không gian thêm tinh khiết, cho tâm thân lắng đọng. Nhưng muốn tìm trầm trong rừng sâu phải ngâm ngải để hùm, beo khỏi ăn thịt. Chuyện kể rằng có người ngâm ngải tìm trầm lâu ngày biến thành đười ươi tìm về ngôi nhà cũ. Nhưng đó không phải ý niệm trong tập thơ.

Tùỳ Anh viết: "Xin cảm ơn em. Em đã đến với ta từ muôn màng của nét thanh xuân. Em đến với ta bằng trái tim thuần khiết, bằng tấm lòng thanh cao, bằng tình yêu chân thật. Em đến với ta như trầm ngải vượt qua thanh âm của trần thế, thiết tha như tiếng hát ca dao từ thưở vào đời bên chiếc võng mẹ đưa ru..."

"Em không là thần tượng để ta sợ không với tới ngôi cao. Em không là ngọc nữ để ta sợ một ngày phải từ biệt về chốn non bồng."

"Em có trong ta những khổ đau trời buột, những giọt lệ âm thầm, những xót xa thầm lặng, những hạnh phúc ngậm ngùi, những nụ cười vô vun thương yêu."

"Có phải em đã cùng ta chung mặt đất đứng trên cuộc đời vong lữ, vượt qua bờ nhân ngã, xóa nẻo trầm luân hầu thấp lại ngọn lửa mùa đông, nắng hồng mùa hạ!"

"Có phải em là trầm ngải nên cuộc đời thêm thiết tha!"

Tùỳ Anh là nhà thơ. Nhà thơ đã viết thay cho chúng tôi là những người đang không biết làm sao để có thể diễn tả lòng mình như vậy, lên trang giấy, để... cảm ơn "Em". Em là hướng là sắc, là nhiệm màu của cuộc đời, là ngải cứu đưa ta qua những chông gai của hành trình về miền nắng ấm, có hoa, lá và tình người.

Ta về từ lúc tàn đêm,

Trắng sao cũng lạnh bên thềm động sương

Mơ hồ nghe thoảng trầm hương

Tiếng đàn trầm những nỗi buồn lưu vong

Rã rời tháng nhớ ngày mong

Tiếng kinh nghe cũng nào lòng cổ nhân.

Em ơi giấc điệp nghìn thu

Ru ta bằng những tiếng ru nào nề

Ru ta bằng những đam mê

Ru ta bằng những vỗ về lãng quên

Ru đời bằng những đảo điên

Ru người, người cũng truan chiến với đời.

Một mai nắng ấm tình người

Nhìn nhau xin nở nụ cười bao dung!

(Nắng Ấm Tình Người)

Trầm Ngải Thiết Tha, thật sự, còn là đầu đề của một bài thơ lục bát như sau:

Biết em vẫn đợi vẫn chờ
Anh đem trầm ngải vào thơ soi hờn
Gọi nhau về giữa hoàng hôn
Ướm thơm từng sợi tóc buồn vu vơ

Dâng em trầm mặc trong mơ
Chứng nghe phiêu lãng ở hồ hương đêm
Xót xa từng giọt oan khiên
Trối người vào những nghiệp duyên không rời...

Tử khi bỏ tuổi hồn nhiên
Theo chân mẹ muối về miền gian truân
Buông đời theo nhánh trầm luân
Nhánh cao thác lữ, nhánh trầm tịch liêu

Có em tình này thương yêu
Có em đời cũng thêm nhiều thiết tha.
(Hamburg, 5.94)

Phân tích tập thơ, Hoài Việt cho biết Tùỳ Anh đã có gần 2.000 câu nói đến tình yêu quê hương, tình thương mẹ, tình yêu, tình người và đạo pháp. Nhà thơ Hoài Việt viết: "Tập thơ có rất nhiều bài, nhiều câu hay, có ý nghĩa, lời thơ nhẹ nhàng, khi khắc khoải; giai điệu giàu vần nên sự chọn lựa để dẫn chứng khó khăn..."

Là một Phật tử thuần thành, Chủ bút của Tạp Chí Viên Giác, xuất bản ở Hannover, Đức Quốc, Tùỳ Anh hay Phù Vân đã có nhiều bài thơ về Đạo và Đời. "Bầu trời Thơ, Đạo của Tùỳ Anh thật là muôn hương ngàn sắc". Hoài Việt viết và trích bài thơ sau đây:

Trắng muôn đời vẫn tịnh
Hồn muốn thuở bán khoán
Rời hôm nào chợt tỉnh
Thấy hồn mình trong trắng.
(Có Hồn Tôi Đầu Đốt)

Có không đời vẫn thế
Xin gìn giữ niềm vui
Có không người vẫn thế
Xin giữ vẹn tiếng cười
(Có Không Đời Vẫn Thế)

"Những nguồn tin của Tùỳ Anh rộng rãi", vẫn lời của nhà thơ Hoài Việt trong Lời Giới Thiệu, "nhờ thế Tùỳ Anh đã thấy được sự mâu nhiệm của đêm Giáng Sinh và viết những câu thơ đạo cho tất cả mọi người, chủ không riêng gì cho người Phật Tử":

Đôi mắt ngồi ánh nến
Chuông ngân giữa đêm thâu
Ngỡ đức tin thị hiện
Trong ánh sáng nhiệm màu

Trong lung linh ánh nến
Ta mang đời mắt Ngươi
Là mang lòng triu mến
Đi trang trải cho đời
(Thấp Nền Giữa Đêm)

Bạn đọc muốn có sách, xin liên lạc với Chùa Viên Giác, ĐT. 0511 - 87 96 30 - Fax. 0511 - 87 90 963, hay với *Tin Văn* qua Tù Nguyễn, Paris.

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư tử, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo, Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến:

Thư Tín

Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyên (Úc), Lê Thị Thanh Trang (Đức), Hồ Trường An (Pháp), Đoàn Văn Thông (Mỹ), Thiện Mẫn (Nga), Nguyễn Đình Hùng (Hòa Lan), Roland Berthol - Từ Xứng - (Đức), Hạnh Nguyễn (Ấn Độ), Thích Hạnh Tuấn (Mỹ), Diệu Hương (Nga), Thái Tú Hạp (Mỹ), Ái Cầm (Mỹ), Huy Giang (Đức), Thiện Chánh (Đức), Vũ Kỳ (Bi), Trần Thị Kim Lan (Đức), Hoàng Anh (Đức), Nguyễn Văn Trọng (Đức), Cao Minh Đức (Đức), Phạm Văn Hùng (Đức), Nguyễn Văn Phước - Sáu Già - (Đức), Mai Văn Tuấn (Đức), Hoài Việt (Đức), TS. Lâm Như Tạng (Úc), Hòa Thượng Thích Trí Chơn (Mỹ), Trần Thị Nhật Hùng (Thụy Sĩ), Phong Duy (Đức), Tân (Đức), Như Sơn (Đức), Trần Lê Hoàng Bùi, Vũ Thị Phương Anh, Nguyễn Hồng Hải, Nguyễn Quang Thành và Nguyễn Văn Mạnh (Đức), Thiện Hậu Nguyễn Minh Hiền (Đức), Vũ Thị Đa Thảo (Canada), Gs. Khái Chính Phạm Kim Thu (Canada), Nguyễn Thuỳ (Pháp), Đan Hà (Đức), Ngô Trọng Anh (Mỹ), Vô Thức (Ấn Độ), Hồng Nhiên (Đức), Ngọc Tuyết (Đức), Trần Thị Ngọc Lan (Đức), Thiện Căn Phạm Hồng Sáu (Đức), Nguyễn Hữu Sơn (Bi), Tù Nguyễn (Pháp), Tùỳ Anh (Đức), Ep (Thụy Sĩ), Đoàn Minh Thụy (Đức), Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Ngữ Việt Nam (Pháp), Phan Ngọc (Đức).

Kinh, Sách, Báo Chí

Đức: Thiện Chí số 50 & 51; Dân Tộc số 16 & 17; Người Dân số 13 & 14; Di Tới số 23 & 24; Việt Nam Dân Chủ số 7 & 8; Phục Hưng số 4; Dân Việt số 26; Bản Tin Tâm Giác 5/97; Vietnam Forum Nr.13; Ánh Sáng Dân Chủ số 4, 5 & 6; Cao Đài Giáo Lý số 42; Journal für Deutschland 4/5; Buddha in der City/ Eckart Kroneberg; Dân Chủ & Phát Triển số 9; Cảnh Ấn số 65 & 66; Diễn Đàn Việt Nam số 72 & 73; Khát Vọng số 1; Thông Tin VID số 1 & 2; Dân Chủ cho Việt Nam số 15; Đoàn Kết số 12 & 13; Nhiệt Huyết số 10; Hướng Quê số 8; Dân Chúa Âu Châu số 175 & 176; Quê Hương số 16; Sinh Hoạt Cộng Đồng 5/97; Bình Minh số 3 & 4; Development and Cooperation Nr.3; Développement et Coopération No.3; Entwicklung und Zusammenarbeit Nr.5; Phụ Nữ Dân Chủ số 12; Đất Nước số 14 & 15; Horin Nr.4; Tuổi Trẻ số 17; Diễn Hồng số 18; Herder Herbst 97; Hướng Việt số 5; Hải Đăng số 1; Expo direkt 2; Diễn Đàn Tự Do Dân Chủ 15; Betrifft Nr. 2/97; Der Mittlere Weg Nr.2.

Pháp: Tiếng Dân số 4; Nhân Bản số 10; Bông Sen số 29; Định Hướng số 12; Sự Thật số 27; Thời Báo Marseille số 53; Tiếng Dân 5/97; Hoàng Pháp số 79; Thần Thế Con Người - Tâm Quang.

Thụy Sĩ: Mục Vụ số 157 & 158.

Hòa Lan: Chánh Tín số 7; Việt Nam Nguyệt San số 120 & 121.

Tây Ban Nha: Freiheit.

Hoa Kỳ: Đẹp Weekly Magazine số 284, 285, 286, 287, 288, 289, 291, 293 & 296; Buddhayana Zeitung Nr.4; Giao Điểm số 25; Ch'an Magazine Spring 97; Thế Giới Ngày Nay số 140; Thiền Định Trực Đạo Chơn Tâm; Ch'an Neuus Letter Nr.122; Chân Trời Mới 5/97; Viên Giác 2/97; Phật Quang Thế Kỳ số 21; Đuốc Tử Bi số 53; Bồ Đề Hải số 31.

Canada: Phật Quang Thế Kỳ số 20; Pháp Âm số 58; Thiền Tôn số 20; Nội San Được Sĩ 19.

Úc: Kinh Âm Trí Nhập - TT. Thích Bảo Lạc dịch.

Đài Loan: Golden Lotus Theatre No.17 & 18; Trung Ngoại số 486; Thiên Phật Sơn số 96 & 97; Thiên Hoa số 183 & 184; Hiện Đại Phật Giáo số 192 & 193.

TIN THẾ GIỚI

■ PHAN NGỌC

TRUNG MỸ

•PERU

Thảm kịch xảy ra tại Lima, thủ đô Peru, chấm dứt sau 126 ngày, bắt đầu lúc một toán du kích thuộc Phong trào Cách Mạng Tupac Amara xâm nhập Tòa Đại Sứ Nhật nhân một buổi tiếp tân, bắt giữ 500 con tin trong số có mẹ, em gái, em trai Tổng Thống Alberto Fujimori. Toán cảm tử làm chủ tình hình trong giây phút, thông báo sẽ thả hết con tin chỉ khi nào chính phủ trả tự do cho 440 đồng đội đang bị giam giữ trong những điều kiện hết sức khắc nghiệt. Đầu tháng 2.97, họ chỉ còn giữ 72 người.

Sở dĩ thảm kịch kéo dài là vì Phong trào Cách Mạng cũng như chính quyền cương quyết bảo vệ lập trường của mình. Nghi kỵ dai dẳng, giải pháp ôn hòa rất xa vời. Ngày 17.4 con tin bắt đầu sống tháng thứ 5 trong sự giam cầm và Tổng Trưởng Nội Vụ và Tổng Giám Đốc Cảnh Sát, cả hai chủ trương điều đình, bắt buộc phải từ chức. Ngày 22.4.97, 140 nhân viên lực lượng đặc biệt tấn công vào Tòa Đại Sứ Nhật, giết chết 14 quân du kích.

Nhân vật nổi bật trong vụ này là Tổng Thống. Ông giống như người trở về từ cõi xa. Vụ bắt giữ con tin từng gây chấn động là một trong những quả bom chính trị có thể cuốn hút chế độ. Không những quả bom không nổ mà cuộc giải vây chỉ gây tổn thất nhẹ: 1 con tin, 2 quân nhân hy sinh, một bản tổng kết quả sức mong đợi. Tổng Thống thoát khỏi thủ thách và vững mạnh hơn bao giờ hết.

Dựa vào sự ủng hộ của dân chúng ngày càng chán ghét bạo lực, Alberto từ đầu đã nghiêng về biện pháp mạnh, tuyên bố không bao giờ rút lui trước "sân ta". Thái độ không lay chuyển của ông gây cảm tưởng như ông chiến đấu cho cá nhân ông. Nhiều lần Nhật nhắc nhở Lima nên thương lượng, loại trừ vũ lực. Một niềm tin chắc vào giải pháp ôn hòa hay một sự giả dối? không ai có thể biết được. Tổng Thống tỏ vẻ thuận theo lý lẽ của Nhật đồng thời nhắc đi nhắc lại là không có điều gì để thương lượng, ngoài việc chấp thuận cho toán cảm tử lưu vong. Ngược lại thủ lãnh toán cảm tử cho biết không lẽ dấn thân vào chốn nguy hiểm để ra đi tay không. Ngoài tiếng đồn đôi bên sắp thỏa hiệp, cuộc điều đình rõ ràng bế tắc. Sự cách chức Tổng Trưởng Nội Vụ và Tổng Giám Đốc Cảnh Sát như báo trước một điều chẳng lành.

Dưới nhiều khía cạnh, quyết định tấn công là một ván bài tốt. Kết quả cuộc tấn công đã thỏa mãn đầy đủ Tổng Thống Fujimori trong công việc sử dụng đòn phượng quyền hành. Trước những khó khăn nội bộ, món quà không phải là thừa.

CẬN ĐÔNG

•DO THÁI

Phạm tội về mặt chính trị, vô tội về mặt hình sự. Tòa đã phán quyết như thế. Biện lý cuộc tử chối lời Thủ Tướng Netanyahu ra trước vành móng ngựa vì gian lận và sử dụng chức vụ trái phép theo khuyến cáo của cơ quan điều tra. Cảnh sát tin chắc Thủ Tướng có thái độ mờ ám trong vụ bổ nhiệm một Luật sư vô danh tên Roni Bar-On (từ chức sau 48 giờ vì áp lực của dư luận) vào chức vụ Cố vấn luật pháp cho chính phủ (nhân vật số 3 ngành Tư Pháp). Bar-On thuộc đảng Likoud đang cầm quyền hứa hẹn sẽ dẹp qua một bên vụ truy tố thủ lãnh đảng tôn giáo Shas mang tội tham nhũng. Shas là thành phần quan trọng giúp chính phủ Netanyahu khởi đầu.

Cảnh sát yêu cầu quy tội Thủ Tướng. Một việc chưa bao giờ xảy ra. Viện Công Tố không thuận vì thiếu bằng chứng. Thủ Tướng bắt buộc phải từ chức nếu tội trạng được xác định. Trung thành với chính mình, ông nhận định việc tố cáo ông nằm trong âm mưu của đảng đối lập. Sau khi biết mình được công nhận vô tội, ông tuyên bố cương quyết đi theo đường lối vạch ra nhất là tiếp tục xây dựng các khu định cư dân Do Thái. Như ông muốn trả thù những ai xúc phạm ông bằng cách lao đầu tới.

Thủ Tướng đứng đầu một đa số nhỏ nhoi suy yếu. Sau tai tiếng Bar-On, uy tín của ông lung lay. Ông thắng cử vì đưa ra kế hoạch "Hòa bình trong an ninh". Mười tháng sau, Do Thái chưa có hòa bình. Việc thương lượng với Palestine đang ở điểm chết. Đường lối di dân gây hoang mang luôn cho cả khối Ả Rập. Do Thái cũng không có an ninh. Thường dân chết dưới súng đạn khủng bố là một bằng chứng.

Sau 10 tháng cầm quyền, chính phủ bảo thủ dưới màu cờ dân tộc cực đoan, an ninh trên hết đang chuốc lấy thất bại. Nhưng không vì thế mà Thủ Tướng rút lui. Ông là người hiểu chiến. Mỹ, kẻ đỡ đầu kế hoạch hòa bình; Âu Châu, kẻ tài trợ kế hoạch ấy chắc hiểu rõ là Bibi (biệt danh của Thủ Tướng) còn chấp chánh thêm 3 năm dài nữa. Cho dù 3 năm ấy không chắc kết thúc bằng một cơn ác mộng. Hoa Thịnh Đốn bắt buộc phải thuyết phục Thủ Tướng Do Thái bằng mọi cách. Do Thái không thể vừa có hòa bình vừa chiếm thêm đất.

Thời gian gần đây, Mỹ công nhận Mỹ thất bại nhưng không biết thất bại tạm thời hay vĩnh viễn, cho dù đây là một quyết định thiên về chiến thuật hay một khúc quanh chiến lược, rõ ràng Mỹ công nhận Mỹ bất lực trong việc làm sống lại tiến trình hòa bình vô tư từ khi đảng Likoud nắm quyền.

Chương trình định cư và luồng sóng khủng bố hiện nay không cho phép ai nuôi hy vọng. Palestine chỉ kiểm soát 6% lãnh thổ chiếm đóng mà Palestine đòi lại để thành lập quốc gia. luôn luôn đòi hỏi Do Thái chấm dứt hành động khiêu khích. Thủ Tướng Do Thái luôn luôn yêu cầu Palestine phải hợp tác an ninh để sau đó bác bỏ yêu sách của Palestine. Dennis

Ross, người làm trung gian hòa giải cố lôi kéo đôi bên ngồi trở lại vào bàn hội nghị. Ba lần thử, 3 lần thất bại. Tổng Thống Clinton từ chối lời thỉnh cầu của Arafat nên gây áp lực buộc Do Thái phải chấm dứt mưu sách bành trướng lãnh thổ.

Bị khối Ả Rập và Palestine tố cáo thiên vị Do Thái, Mỹ tự nhận bó tay và hình như muốn rút lui. Âu Châu lao vào chỗ trống, cố gắng tìm giải pháp với sự giúp đỡ của Nga. Nhưng tất cả sáng tạo ngoại giao của thế giới cũng không làm gì được trước thái độ không nhượng bộ của Do Thái.

Một bên, định cư và khủng bố kết hợp phá hoại hòa bình. Một bên Thủ Tướng Do Thái đánh mất lòng tin của Thủ lãnh Arafat. Đôi bên phải làm thế nào để gây lại bầu không khí tin cần lẫn nhau, nền tảng của sự hợp tác. Riêng Mỹ cho biết Mỹ không thể làm được điều này. Rõ ràng chuyến đi này của Denis Ross (17.5) là chuyến đi cuối cùng ít nhất trong một thời gian. Hình như Mỹ chấp nhận ý kiến cho rằng Cận Đông có lẽ đang đi đến một cuộc chiến tranh mới. Bằng chứng là Ngoại Trưởng Mỹ Albright đã nói với Ngoại Trưởng Do Thái David Levy (16.5): "ông đã biết số điện thoại của tôi. Khi nào ông sẵn sàng chấm dứt kế hoạch di dân, ông gọi tôi".

Thái độ và lời nói gay gắt của Mỹ bắt đầu gây lo ngại cho chính giới Do Thái. Nếu lên việc Mỹ dự định cắt giảm 50 triệu trên tổng số Một Tỷ Mỹ kim viện trợ thường niên, đảng đối lập nhận định: "Mỹ chấm dứt việc làm trung gian cho tiến trình hòa bình vì tiến trình hòa bình đã hết". Nói theo Đại sứ Mỹ tại Tel Aviv: "Trái tim Oslo đã tan vỡ".

PHI CHÂU

•ZAIRE

Ngoài số phận không ai thêm thường của hàng trăm ngàn dân tỵ nạn Rwanda, nội chiến Zaire còn phơi bày trước ánh sáng hai nhân vật



nổi tiếng: Mobutu Sese Seko và Laurent-Desire Kabila.

Vừa tuyên bố độc lập (1960), Congo, nước Zaire thời thuộc địa Bỉ bước ngay vào cơn khủng hoảng trầm trọng: Katanga, một trong 6 tỉnh, ly khai với trung ương, trở thành Cộng Hòa

Katanga. Lợi dụng sự cạnh tranh cá nhân giữa Tổng Thống Joseph Kasavubu và Thủ Tướng Patrice Lumumba, Đại Tá Mobutu trước mang cấp bậc Trung sĩ thành công đảo chánh với sự trợ lực của Mỹ. Mobutu bắt giữ Lumumba thân Liên Xô giao cho Thủ Tướng Katanga là Moïse Tshombe thủ tiêu.

Thời gian sau, Mobutu loại trừ luôn Kasavubu, nắm trọn quyền hành, xóa bỏ Hiến Pháp, bắt giam lãnh tụ nghiệp đoàn, khai sinh chế độ độc đảng. Với 100% số phiếu, ông trở thành Tổng Thống Zaire trọn đời. Tham nhũng, bè cánh biến Zaire thành vương quốc hối lộ.

Đầu năm 1974, Mobutu ra lệnh quốc hữu hóa các công ty khai thác hầm mỏ Đồng, Cobalt, Vàng, Kim cương, Uranium v.v... Việc

này chỉ mang lại lợi lộc kếp sù cho ông và nhóm xu nịnh lùn cúi hún là cho khối dân đen. Đầu thập niên 80, Mobutu được xếp hạng 1 trong 5 người giàu nhất thế giới. Gia sản trị giá hơn 4 tỷ Mỹ kim, ngang bằng với số tiền quốc gia vay nợ ngoại quốc, cùng lúc dân Zaire mỗi ngày chỉ ăn một bữa cơm. Mobutu sử dụng tài nguyên quốc gia như tiền túi riêng.

Tuy nhiên viện trợ quốc tế vẫn nhều vào Zaire đều đều. Tình hình chiến lược ngăn chặn làn sóng đỏ bắt buộc. Thời nội chiến Angola, Zaire là đường dây tải vũ khí cho nhóm du kích chống chính phủ Angola thiên tả thân Liên Xô. Lúc ấy, Mỹ thiết lập một căn cứ quân sự ở Zaire. Đầu năm 1990, gió đã xoay chiều. Quỹ tiền tệ quốc tế, ngân hàng thế giới chấm dứt sự hợp tác với Mobutu, gây áp lực buộc Mobutu phải thành lập chế độ chuyển tiếp, sửa soạn tổ chức bầu cử tự do. Việc cho phép đảng đối lập hoạt động trong vòng kiểm soát không gạt được ai. Quốc tế tẩy chay sau vụ thảm sát sinh viên (5.90).

Xung khắc Đông Tây dần dà lui vào dĩ vãng. Luồng gió dân chủ thổi đến Phi Châu càng có lập Mobutu thêm hơn. Chiến tranh lạnh chấm dứt như khép kín vịnh viễn một giai đoạn, giai đoạn ủng hộ những nhà độc tài miễn sao họ đề bảo và chống Cộng triệt để. Quyền hành rời rã mau lẹ tại thủ đô Kinshasa (3 Thủ Tướng trong vòng 3 tuần lễ) là dấu hiệu chứng tỏ sự nghiệp của Mobutu chấm dứt. Ông trở về cát bụi như tên thường gọi của ông.

Laurent-Desire Kabila là nhà tranh đấu Mác-xít kỳ cựu, có lúc được nhà lãnh đạo phong trào du kích thiên tả Nam Trung Mỹ lừng danh Che Guevara giúp đỡ, một thời gian sống gió tại Zaire. Kabila chống chế độ Mobutu từ năm 1965. Nhưng cuộc đời hoạt động của ông có nhiều bóng tối. Sau khi phong trào du kích chống Mobutu do ông lãnh đạo thất bại, ông trở thành một phú thường say mê nữ sắc, chuyên mua bán gỗ, ngà voi, vũ khí, có lúc thỏa hiệp với Mobutu để buôn vàng.

Tháng 11.96, được Rwanda, Uganda, Mỹ yểm trợ, ông sách động thiểu số Tutsi nổi loạn tại miền Đông Zaire, đi từ chiến thắng này đến chiến thắng khác, cuối cùng nắm trọn quyền (20.5.97), tự phong Tổng Thống, đổi tên Zaire thành Cộng Hòa Dân Chủ Congo.

Hào quang chiến thắng của Kabila càng rực rỡ hơn nếu không có hồ sơ dân tỵ nạn Rwanda mà ông gọi là "một chi tiết". Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, các tổ chức nhân đạo đồng thanh tố cáo ông phi nhỡ nhân quyền. Nhưng ông tuyên bố ông chiến đấu không phải vì lo nghĩ đến nhân đạo. Dù ông có âm mưu gì chăng nữa, ông phải kể đến nguyện vọng của dân Zaire đang vui mừng đón tiếp ông. Ông không thể tước đoạt niềm hy vọng của họ. Chẳng lẽ họ vừa thoát khỏi một chế độ độc tài để rơi vào một chế độ độc tài mới.

Thế thì ông phải đi vào lịch sử bằng ngõ chính. Ông phải "thổi lên một luồng gió nhân đạo, gọi lên một sự thay đổi toàn diện, khéo đi dây giữa những kẻ bỏ vốn cho ông. Ông nên tránh dẫm lên vết chân của Mobutu, chiếm lấy quyền hành bằng mưu mô vũ lực để rồi sa vào bẫy độc tài tham nhũng. Ông phải thiết lập một chế độ Tự Do Dân Chủ, đáp ứng đúng nguyện vọng của người dân. Và liên quan đến Tự Do Dân Chủ, lịch sử đã chứng minh rằng nếu chần chờ thoái thác tránh né, mọi sự sẽ quá muộn

và các vết thương lở loét do độc tài lưu lại không thể mãi mãi hoàn toàn phai nhạt.

ÂU CHÂU

•BẢO GIA LỢI

Sau cuộc bầu cử trước kỳ hạn tổ chức ngày 19.4.97, lần đầu tiên từ 7 năm nay, Liên minh các Lực lượng Dân chủ chiếm đa số tuyệt đối trong Quốc Hội (127 trên 240 ghế, đảng Cộng sản 58 ghế). Tổng Thống Petra Stoianov (thuộc đảng Dân Chủ đắc cử vào cuối năm 96) ca ngợi kỳ công này như một bằng chứng nền Dân chủ Bảo đã trưởng thành. Kết quả cuộc bầu cử tương ứng với thái độ chính trị của nhân dân Bảo.

Một năm trước đây, đảng Dân Chủ Xã Hội, thời thân đảng Cộng Sản có vẻ vững chắc như cổ thụ. Đảng kiểm soát nền kinh tế quốc gia qua trung gian những cơ sở kỹ nghệ nhà nước. Trừ giai đoạn đảng Dân Chủ cầm quyền quá ngắn ngủi (199...-1992), đảng Cộng Sản liên tục cai trị.

Dân Bảo Gia Lợi với lương bổng hàng tháng không quá 20 Mỹ kim, đã bỏ phiếu bất tín nhiệm đảng Cộng Sản. Với những lề lối làm việc truyền thống Mác-xít, đảng CS có trách nhiệm lớn nhất trước nền kinh tế suy sụp. Để đối phó với tình hình đất nước như thế, tân chính phủ Ivan Kostov vạch ra chương trình kiến thiết quốc gia quy tụ quanh 4 điểm: Cam kết cải tổ kinh tế theo tiêu chuẩn của Quỹ tiền tệ quốc tế và ngân hàng thế giới để nhận 1,2 tỷ Mỹ kim tiền vay nợ; gia nhập Cộng Đồng Âu Châu; triệt để chống tham nhũng; cứu xét hồ sơ có quan Mặt Vụ chế độ cũ.

Nhưng trước khi bắt tay vào việc, chính phủ phải thắng chiến trận chính trị, thành lập chính phủ dựa trên sự đoàn kết giữa các lực lượng dân chủ mà sự chia rẽ đã lốt đường cho đảng CS nắm quyền trong thời gian vừa qua. Đây là một thử thách lớn lao đòi hỏi can đảm và quên mình như Tổng Thống long trọng kêu gọi các tầng lớp xã hội cũng như các bạn bè chính trị của ông.

CỘNG ĐỒNG ÂU CHÂU

•IRAN

Trường hợp nêu lên một bài toán đặc biệt khó giải. Phải có thái độ nào đối với một quốc gia - Iran trong trường hợp này - bị công lý của một quốc gia pháp quyền - Đức - kết tội khủng bố? Phải làm gì khi "đối thoại phê bình" cũng không kiến hiệu gì hơn trừng phạt kinh tế?

Bản án Tòa Đại Hình Bá Linh (10.4) cũng như lời buộc tội của Biện Lý liên bang Đức trong vụ ám sát 4 nhà lãnh đạo đối lập Kurde Iran rất rõ ràng: Tòa án có những bằng chứng hiển nhiên là thuộc tính lãnh đạo Teheran những tay vào vụ ám sát và chính Tổng Trưởng Bộ An Ninh Ali Fallahian là người ra lệnh thi hành vụ hành quyết. Liên sau đó, Cộng Đồng Âu Châu kết án Iran đồng thời ghi nhận "đối thoại phê bình" không mang lại kết quả mong muốn. Iran tiếp tục vi phạm nhân quyền, khinh thường những quy tắc quốc tế và tiến hành khủng bố.

Cộng Đồng Âu Châu đang đứng trước 2 thể chọn lựa: hoặc cắt đứt vĩnh viễn cuộc đối thoại, đình chỉ ngoại giao hoặc như Mỹ trừng phạt kinh tế. Cuối cùng Cộng Đồng chọn biện pháp

trung dung có nghĩa là tạm thời ngưng đối thoại. Lợi lộc kinh tế bắt buộc (thị trường 60 triệu người tiêu thụ, hạ tầng cơ sở cần chỉnh trang, dự trữ dầu hơi đốt đáng kể).

Mỹ cũng như Âu Châu đều công nhận trừng phạt hoặc hợp tác chừng mực không mang lại kết quả cụ thể nào. Mặt khác, gián đoạn ngoại giao bằng những biện pháp cứng rắn như bắt giữ con tin Mỹ vào năm 1979 sẽ đặt Iran trước những hậu quả tai hại: Cộng Đồng Âu Châu là "van" an toàn mà Iran cố bám viú trước sự tấn công của Mỹ. Cái van đã vỡ, trong ngắn hạn, Teheran chưa biết phải làm sao để nối lại nhịp cầu.



Âu châu-Iran

Đối với Mỹ và Âu Châu, thái độ trước Iran nêu lên một bài toán khó xử: nâng đỡ cánh ôn hòa trong chế độ đồng thời không muốn chế độ Hồi Giáo thịnh linh sụp đổ. Dùng phương thuốc quá đắng là vô tình mắc mưu những kẻ lãnh đạo cực đoan. Hơn nữa trừng phạt chỉ trừng phạt Iran. Cắt đứt ngoại giao trước nhất bắt dân Iran phải trả giá rất đắt. Sau nữa Iran sẽ lợi dụng để trách nhiệm cho Tây Phương thuộc tình thế rắc rối trong nước. Theo cựu Tổng Thống Iran lưu vong, nên giảm bớt bang giao đến mức tối thiểu, giới hạn hợp tác kinh tế thương mại đến mức sơ đẳng, không cho vay tiền, không đầu tư mạnh và nhất là không nên duy trì sách lược ngoại giao bí mật.

•NGA - TRUNG QUỐC

Boris Eltsine và Giang Trạch Dân rình rang ký kết bản tuyên ngôn Mạc Tú Khoa (20.4) vì như có lợi cho thế giới đa cực sắp bước sang thế kỷ 21. Như thế là đôi bên chỉ mặt rõ ràng Mỹ mang ý đồ thủ vai trò lãnh đạo duy nhất trên thế giới như phát ngôn viên điện Cẩm Linh ghi nhận. Ngoài ra cả hai nhà lãnh đạo còn ký kết với 3 Tổng Thống Kazakhstan, Kirghiztan, Tajikistan thỏa ước giảm thiểu quân số tại biên giới chung dài 700 km, nơi xảy ra nhiều vụ rắc rối quan trọng từ vài mươi năm nay.

Năm trước tại Thượng Hải, 5 vị đã đồng ý trên nguyên tắc là nên chôn sâu lưỡi hái chiến tranh. Nhân dịp này, 2 nhà lãnh đạo Nga-Hoa đã ký kết hiệp ước liên kết chiến lược cho thế kỷ 21. Từ đó đến nay, cả hai hàm nóng lại bang giao đã nguội lạnh từ thập niên 60. Điều này cho thấy Nga tìm nơi Bắc Kinh một sức mạnh sẵn sàng ủng hộ Nga chống lại NATO nổi rộng, Trung Quốc dựa vào Mạc Tú Khoa như một đồng minh trên chính trường thế giới nhất là về mặt nhân quyền.

Nga-Trung Quốc hợp thành một khối nguyên chất từng gây lo sợ cho thế giới thời chiến tranh Triều Tiên? Chưa chắc lắm, vì một bên còn dựa vào đạo cộng sản, một bên đã từ chối

đạo vô thần. Mỗi bên riêng rẽ vẫn xem hợp tác với Mỹ là ưu tiên hàng đầu. Tuy nhiên sự cộng tác Nga-Hoa hiện nay là một trong những trục chính yếu của đời sống chính trị thế giới cho dù phía sau hậu trường mỗi bên luôn luôn che đậy nhiều ẩn ý. Đối với Mạc Tú Khoa, Trung Quốc là thị trường béo bở cho ngành xuất cảng vũ khí, năng lượng Nga. Như Nga vừa bán cho Trung Quốc 72 phi cơ chiến đấu SU 27, sản xuất chung 22 khu trục hạm, hợp tác xây dựng đập thủy điện trên sông Dương Tử, hứa hẹn bán dầu thô tại đảo Sakhaline sau khi Nhật-Mỹ được phép khai thác.

•LIÊN HIỆP QUỐC

Như mọi năm, Trung Quốc thành công lọt lưới Liên Hiệp Quốc về vấn đề vi phạm nhân quyền. Theo đa số 53 nước hội viên Ủy Ban Bảo Vệ Nhân Quyền LHQ nhóm họp tại Genève (10/18.4) thì vấn đề đồng thuyền từ đầu. Một số cường quốc Âu Châu, Pháp đứng đầu, sau lưng có Đức, Ý, Tây Ban Nha, Hy Lạp, Gia Nã Đại, Úc, Nhật từ chối ủng hộ dự thảo quyết nghị của Đan Mạch nhằm kết án Bắc Kinh trắng trợn chà đạp nhân quyền, các quyền tự do căn bản như tự do văn hóa, tín ngưỡng nhất là vụ bắt giam Đức Ban Thiên Lạt Ma thứ 11.

Dù Mỹ gởi đến Thủ tướng Ngoại giao đặc trách nhân quyền John Shattuck để vận động lôi kéo những nước nào còn do dự phân vân, dự thảo Đan Mạch không được mang ra thảo luận. Vì một lần nữa, Trung Quốc sử dụng thủ tục miễn tố, thủ tục này được 27 nước Á Châu, Mỹ La-tinh đồng ý cho thông qua (27 phiếu thuận, 17 phiếu chống, 9 phiếu trắng).

Một lần nữa, qua vụ miễn tố nêu trên, Ủy Ban Bảo Vệ Nhân Quyền LHQ đã mất khá nhiều uy tín. Một lần nữa, các cường quốc tỏ vẻ quá lo sợ sự mất một phần thị trường to lớn nếu làm mất lòng Bắc Kinh. Trước nhất phải cù bái trước con rồng lớn nhất Á Châu.

Nhưng không có sự đầu hàng nào vinh dự cả. Người ta có thể bảo rằng Ủy Ban ra quyết nghị tha tội Bắc Kinh, ngược lại kết án Do Thái chỉ là để che đậy phần nào sự giả dối của mình. Quyết nghị là phương tiện mua bán lương tâm rẻ tiền, ít khi có hiệu lực. Tuy nhiên, người ta phải kể đến quyết nghị này nếu không tại sao hằng năm Trung Quốc luôn luôn vận động, mặc cả, tránh né? Trung Quốc mang tội đứng đầu một tổ chức cưỡng bách lao động lớn nhất thế giới, áp dụng hình phạt tra tấn dân tộc thiểu số, đàn áp phong trào dân chủ Bắc Kinh. Nền kết án Trung Quốc một nghìn lần.

Làm ngơ là phạm tội về mặt tư tưởng. Kết án Do Thái, tha bổng Trung Quốc là lột bỏ tất cả ý nghĩa của tử ngữ nhân quyền, như thế dẫn đến lộn xộn về mặt ý thức hệ: mọi sự việc, tốt xấu, hay dở, phải trái đều có giá trị như nhau. Cuối cùng ý niệm ngang bằng về mặt đạo đức dẫn đến sai lạc làm cho người ta tin tưởng Do Thái rồi cuộc không dân chủ gì hơn Trung Quốc. Một sự lộn lộn tai hại!

Người ta rất chí lý khi bảo rằng chiến tranh giành thị trường Trung Quốc rất quan trọng. Nhưng như thế là lầm lẫn nếu người ta nhận thấy Trung Quốc không đưa ra những quyết định theo những tiêu chuẩn nào không là tương quan phẩm chất - giá cả. Ví dụ Boing buôn bán thành công hơn cho dù Hoa Thịnh Đốn chỉ trích

nặng nề Trung Quốc. Có ai biết được rằng Trung Quốc thường tôn trọng những ai chỉ có một lời trong thương mại cũng như trong ngoại giao.

•PHÁP - TRUNG QUỐC

Như trên nêu ra, Pháp ủng hộ Trung Quốc về mặt Trung Quốc vi phạm nhân quyền là vì Tổng Thống Pháp rất quan tâm đến chuyến công du sang Bắc Kinh (1-7/4) với hai mục tiêu chiến lược, thương mại.

Pháp-Trung Quốc đồng ý hợp tác thân thiện để kiến tạo một "nền trật tự mới công bằng hợp lý trên mọi lãnh vực chính trị, kinh tế hầu chống lại mọi mưu toan thống trị của kẻ khác". Nhân danh tính chất đa cực, "nền tảng của sự cân bằng tốt đẹp giữa nước lớn và nước nhỏ, giữa địa phương, giữa nước giàu và nước đang mở mang", đôi bên hợp ý đưa ra một công thức hợp lý cho quan niệm nhân quyền, một công thức cho phép nhiều cách diễn giải. Cả hai vị nguyên thủ quốc gia nhấn mạnh đến những cố gắng "phát huy và bảo vệ nhân quyền dựa trên Hiến Chương LHQ, trên tính chất đại đồng của khái niệm dân quyền" cùng lúc chú ý đến những "nét điểm riêng biệt của mọi người, mọi nơi".

Cho dù Pháp đặt trên bàn hội nghị trưởng hợp 17 người đối lập và khuyến cáo Trung Quốc nên thiết lập chế độ pháp quyền, người ta có cảm tưởng như Pháp bán rẻ linh hồn đánh đổi vài phiếu đặt hàng (30 phi cơ Airbus = 1,5 tỷ đô-la). Người ta cảm nghĩ Pháp cho nhiều hơn thu nhận. Tham vọng quá lớn, phương tiện quá eo hẹp. Hiện giờ Pháp là cường quốc giữa những cường quốc trung bình. Pháp chỉ chú ý đến thương mại mà không đặt nặng khía cạnh văn hóa. Pháp chưa thành công tạo nên một kiểu mẫu để xuất cảng.

Cho nên người ta nghĩ rằng Trung Quốc lợi dụng sự hợp tác với Pháp nhằm nhấn tin cho Mỹ biết Bắc Kinh không còn bị gò bó vào sự bang giao Hoa-Mỹ. Cũng như các nước Đông Nam Á, Trung Quốc dùng Pháp như con cờ để xoay sở dụng mưu trong ngoại giao. Trung Quốc luôn luôn điều chỉnh sách lược theo mối quan hệ khi trời khi sục Hoa-Mỹ.

Á CHÂU

•MIẾN ĐIỆN

Ngày 27.4, Tổng Thống Clinton ban hành lệnh ngăn cấm mọi công dân Mỹ đầu tư tại Miến Điện vì lý do Miến Điện tiếp tục thi hành chính sách đàn áp, gia tăng sản xuất nha phiến 10% đồng thời là đường dây chuyển bạch phiến sang Mỹ.

Trong ngắn hạn, quyết định trên không mang lại kết quả cụ thể nào nhưng chắc chắn sẽ giới hạn tầm hoạt động của Khối ASEAN. Trên nguyên tắc, ASEAN đã chấp thuận thầu nhận Miến Điện, Cao Miên và Lào vào tháng 9.97.

Thời gian gần đây Hoa Thịnh Đốn ghi nhận chế độ Miến Điện ngày càng tỏ ra dã man hơn trước. Bằng có là bắt đầu từ tháng 12.96 chế độ quân phiệt kiểm soát chặt chẽ sự đi lại của Bà Kyi, nhân vật đối lập sáng chói nhất cùng lúc đàn áp sinh viên (3.97), chế độ còn lợi dụng phong trào đấu tranh do các nhà lãnh

đạo Phật Giáo phát động để tiến hành nhiều vụ bắt giam vô cớ.

Muốn trừng phạt hữu hiệu, Mỹ sẽ gây áp lực buộc Miến Điện đứng ngoài thềm chờ đợi thêm một thời gian nữa. Điều này hứa hẹn nhiều cuộc tranh luận sôi nổi giữa Khối ASEAN, Mỹ, Cộng Đồng Âu Châu. Riêng Âu Châu đã đình chỉ cấp quyền ưu tiên quan thuế cho Miến Điện từ tháng 3.97. Điều rớt rớt lại là xem Nhật có sẵn sàng đoàn kết với Mỹ hay không?

•BẮC HÀN

Để giữ thế diện cho đàn em Bắc Hàn, Trung Quốc đàn xếp mang lý thuyết gia Cộng sản Hwang Jang-Yop đến Phi Luật Tân và ngày 24.4 Hwang về đến một căn cứ quân sự ở phía Nam thủ đô Hán Thành, Nam Hàn, sau 5 tuần tạm trú tại Tòa Đại Sứ Nam Hàn ở Bắc Kinh.

Được yêu cầu phát biểu ý kiến trước báo chí, Hwang công khai giải thích tại sao ông đào tẩu, xác nhận những gì ông đã nhận định trên giấy tờ lúc ông còn ở Trung Quốc. Theo ông, Bắc Hàn bây giờ là một hỗn hợp xã hội chủ nghĩa, phong kiến hiện đại và quân phiệt. Đề cập đến thái độ chọn lựa của ông, Hwang cho biết đến Nam Hàn với lòng tin tưởng phục vụ hòa bình, đẩy lui viễn ảnh chiến tranh cốt nhục. Sau đó ông kêu gọi Bình Nhưỡng nên từ bỏ đường lối hiếu chiến thống nhất đất nước bằng vũ lực, nhất là nên cởi mở.

Hwang và cộng sự thân tín Kim Duk-Hong được đưa đến một nơi bí mật cho cơ quan an ninh Nam Hàn khai thác tin tức liên quan đến guồng máy Cộng Sản, tin tức chiến lược dính líu đến 50.000 nhân viên tinh báo Cộng Sản hoạt động tại Nam Hàn.

Ngay chính lúc này, tại Nữu Ước, Bắc-Nam Hàn-Mỹ cùng nhau thảo luận về những điều kiện tiên quyết để chuẩn bị cuộc hợp tác tay tư với Trung Quốc, tiến đến việc ký kết Hiệp Ước Hòa Bình thay thế Hiệp Ước Đình Chiến 1953. Trước khi đến bàn hội nghị, Bình Nhưỡng đặt điều kiện Mỹ phải viện trợ cứu đói. Để làm quà, Mỹ đã tăng thêm 15 triệu đô-la viện trợ = 55.000 tấn thực phẩm cần thiết để chặn đứng nạn đói đang chụp lên đầu 2,4 triệu trẻ con dưới 6 tuổi. Cộng Hòa Nhân Dân Triều Tiên tự cao, tự lực, tự túc, giờ đây phải ngửa tay ăn xin.

•NAM HÀN

Khác với nền công lý nhân dân, công lý Nam Hàn không vì nể một ai. Ngày 17.5, Tư Pháp cho lệnh bắt giam Kim Young-Chul, con trai đương kiêm Tổng Thống Kim Young-Sam vì tội tham nhũng và mua bán thế lực. Một số chính trị gia, một số nhà kinh tài, nhân viên tinh báo cao cấp đồng dính líu đến vụ này.

Nhiều vụ tai tiếng khác từng xảy ra không hiếm tại chế độ dân chủ phôi thai Nam Hàn. Nhưng lần này, cơn lốc chính trị có thể cuốn mất Tổng Thống. Uy tín, đạo đức của ông bị tổn thương nặng (3,8% dân tin nhiệm ông, 25% cử tri, đảng của ông).

Kim Young-Chul là cột trụ cuộc vận động bầu cử của cha mình (1992) và sau cuộc bầu cử, Chul giữ lại hàng triệu Mỹ kim tiền vận động bầu cử để giăng một mạng lưới quyền hành trong bóng tối. Câu hỏi nêu lên tức khắc là Tổng Thống Sam có thể chấm dứt nhiệm kỳ như luật định (2.98) hay phải từ chức vì liên đới

trách nhiệm? Trước mắt, tay chân bộ hạ ông giữ một khoảng cách với Tổng Thống, có thể tìm cách nhận chìm ông hầu giữ thế thuận lợi tranh cử vào cuối năm nay.

Trong mọi trường hợp, dù chấm dứt hay không chấm dứt nhiệm kỳ, Tổng Thống có lẽ sẽ rơi vào tình thế bấp bênh sau khi ông về hưu, cùng chung số phận với hai vị tiền nhiệm Roh Tea-Woo, Chun Doo-Whan lãnh án nặng vì tội đảo chánh và tham nhũng.

•VIỆT NAM

- Ngày 14.5 Tòa Đại Hình Hà Nội kết thúc vụ xử tử chức buôn lậu ma túy xuyên quốc gia lớn nhất từ trước đến nay với bản án: 8 bị can lãnh án tử hình, 8 chung thân trong số 22 bị can. Vũ Xuân Trường, Đại úy công an kẻ đứng đầu tổ chức, trước là công an kinh tế ở Điện Biên Phủ, sau vận động về tông sự tại Bộ Nội Vụ. Tông phạm là Bùi Danh Ca, Đại úy công an, Trưởng trạm biên phòng Tây Trung Lai Châu, Vũ Bản, Thượng tá công an, Trưởng phòng 5 Cục cảnh sát điều tra, Lê Văn Quân, Đại úy công an, điều tra viên. Tổ chức can tội vận chuyển 400 kg bạch phiến và hàng trăm kg á phiện.

Buôn lậu ma túy mọc nhánh khắp nơi. Nước nào cũng phải đương đầu với các nhóm Mafia quốc tế. Không có điều gì đáng nói nếu không kể đến thực chất của chế độ Việt Nam, nền công lý cũng như tình trạng xã hội dưới chế độ ấy.

Kể từ khi từ bỏ chủ trương bế môn tỏa cảng, tiếp xúc với thế giới bên ngoài, chế độ Cộng Sản Việt Nam nhận thấy điều gì cũng hay cũng lạ, không biết phân biệt đâu là Thiện đâu là Ác. Học đòi phong cảnh tư bản, các tầng lớp lãnh đạo chỉ giữ lại tật xấu của người ta. Kiểm tiền bằng mọi giá là khẩu hiệu. Những người có quyền chống ma túy lại đi buôn ma túy. Thiếu những thiết chế kiểm soát, độc quyền dẫn đến lạm dụng là lẽ tất nhiên. Bởi đồng tiền vụn nằng làm hoa mắt, lãnh tụ ra công sức chạy theo tiền bạc đâu còn thì giờ gây dựng một hệ thống giá trị tiêu biểu để mọi người noi theo hầu duy trì đạo đức. Do đó, gia đình lỏng lẻo, xã hội thoái hóa vì vật chất lôi cuốn.

Trước khi ra tòa, Vũ Xuân Trường dọa sẽ



khai tên những ai phản bội mình nhất là những kẻ có máu mặt. Có quan ngôn luận không được phép tham dự vụ xử án này. Đài truyền hình nhà nước chỉ chiếu vài đoạn trích từ phiên tòa do chính quyền chọn lọc. Điều này chứng tỏ mưu tính giấu kín tên tuổi những người "lớn". Điều này còn cho thấy nền công lý của nhân

dân là nền công lý thiếu vô tư không độc lập. Kết kè này, để lọt lưới kẻ kia, một nền công lý



tuyển lựa.

Theo thống kê chính thức, 10% học sinh Trung học tại Lạng Sơn nghiện ma túy. Tại Hà Nội, người ta bán bạch phiến với giá rẻ mạt, 75% trên tổng số 1.500 dân nghiện bị bắt từ 12.96 đến 3.97 đều là con cái gia đình thân thể. Tại Sài Gòn, một liều ma túy giá một đô-la. Như thế chính quyền đã biết. Nhưng tham nhũng là nghệ thuật bình dân thịnh hành, tuổi trẻ trở thành mồi ngon cho kẻ buôn lậu.

- Chế độ Cộng Sản Việt Nam không che giấu được nỗi hân hoan sau khi biết tin Thượng viện Mỹ thông qua sự bổ nhiệm Douglas Pete Peterson giữ chức vụ Đại Sứ Mỹ tại Hà Nội. Song song Lê Văn Bằng, Đại sứ Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc kiêm nhiệm Đại Sứ tại Hoa Thịnh Đốn. Cả hai vị Đại sứ đến nhiệm sở vào ngày 9.5.97.

Đại sứ Peterson trước là Đại tá Không quân, tù binh hơn 6 năm tại Hỏa Lò còn gọi là Khách sạn Hilton Hà Nội. Trước khi sang Việt Nam, ông tuyên bố "không nên sống mãi với quá khứ" và hai ưu tiên hàng đầu của ông là tìm kiếm 1.600 quân nhân Mỹ mất tích, ký kết hiệp ước thương mại với Việt Nam.



Bình luận biến cố quan trọng này, Bộ Ngoại Giao Việt Nam nhận định hai bên trao đổi Đại Sứ là thiết thực khai triển mối bang giao song phương. Riêng Đại sứ Bằng cho biết nhiệm vụ của ông là "thúc đẩy quan hệ kinh tế, cố gắng trao đổi quy chế quốc gia ưu tiên (tối huệ quốc), làm cho nhân dân Mỹ hiểu rõ nhân dân Việt Nam hơn, xóa bỏ tình cảm ngăn cách do quá khứ để lại".

Thế là hai kẻ thù không đội trời chung nay



tay bắt mặt mừng. Muốn tìm hiểu đầu đuôi thế cô lật ngược này, có lẽ nên trở lại thời gian vài mươi năm trước. Quá trình bang giao Việt-Mỹ rất là gay go khúc chiết. Có thể nói ngay rằng hai yếu tố đã thúc đẩy Hà Nội phải bắt liên lạc với Hoa Thịnh Đốn: một thế giới sụp đổ, một đe dọa biên giới.

Sau năm 1975, được Thế giới Cộng Sản ban tặng huy chương học sinh giỏi nhất lớp học Mác-xít, đảng Cộng Sản Việt Nam với lòng tự mãn đeo đuổi ảo mộng tự lực, tự túc, tự cường. Đối với lãnh tụ, chỉ cần áp dụng phương thức xã hội chủ nghĩa, 20 năm sau Việt Nam cũng có thể đứng ngang hàng với Đài Loan, Tân Gia Ba. Hai nước này, theo họ, còn tệ hại hơn là vì bay trong quỹ đạo đế quốc tư bản. Thuận theo "lô-gic" ấy, về mặt nội bộ, đảng CS đổi tiền, xóa bỏ hệ thống ngân hàng, tập trung kinh tế, thành lập nền thương mại nhà nước. Về mặt quốc tế, Việt Nam thay đổi nhãn hiệu, từ Cộng Hòa Dân Chủ thành Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa. Như trở về nguồn, Đảng Lao Động Việt Nam biến thành Đảng Cộng Sản Việt Nam. Trên thức bậc phong trào Cộng Sản quốc tế, bảng hiệu này nâng Việt Nam lên một bậc cao hơn. Việt Nam đứng là tiền đồn Cộng Sản tại Đông Nam Á. Đảng đã đặt vận mệnh quốc gia dân tộc trong "túi cà khôn Lê-nít".

Giữa bối cảnh Mỹ-Trung Quốc hợp tác chặt chẽ và lễ kỷ niệm 60 năm Cách Mạng Tháng Mười Liên Xô thành công, năm 1977 là năm quyết định. Theo Trường Chinh, Lê Duẩn, "chủ nghĩa Mác-Lê từng dẫn đến cách mạng xã hội là một chân lý tuyệt đối". Nó có "giá trị không những cho Liên Xô mà còn cho cả Việt Nam cũng như cho các nước khác trên toàn cầu" (Trường Chinh). Lê Duẩn còn đi xa hơn: "Không có một sự kiện lịch sử nào trong lịch sử thế giới cho đến giờ có một ảnh hưởng to tát sâu sắc cho bằng cuộc Cách Mạng Tháng Mười". Huyền thoại diên Cầm Linh vô địch vẫn còn nguyên vẹn. Điều này không gây ngạc nhiên cho ai. Nhưng chọn lựa ngã theo Liên Xô là một biến cố lớn hướng tương lai Việt Nam sang một khúc quanh lịch sử đầy chông gai nguy hiểm. Hợp tác Hoa-Việt gián đoạn, thủ hân dai dẳng. Trung Quốc cúp viện trợ, đóng cửa các Tòa Lãnh Sự Việt Nam ở các tỉnh phía Nam Trung Quốc, Hoa Kiều chạy trốn, căng thẳng biên giới.

Lô-gic Cách mạng Tháng 10 còn chỉ đường dẫn lối cho Đảng CS. Giữa những kẻ cực đoan kiểu Staline mới ở Mạc Tư Khoa và những kẻ cải tổ Bắc Kinh, lãnh tụ bảo thủ ở Hà Nội như Trường Chinh, Lê Duẩn chạy theo nhóm thứ nhất. Sự chọn lựa ấy không khỏi không gây nên một vài vấn đề cho đáng. Hoàng Văn Hoan thân cận Hồ Chí Minh lưu vong sang Bắc Kinh (1979), Võ Nguyên Giáp rời khỏi Bộ Chính Trị (1982). Phía sau quyết định thiên về Liên Xô, còn có một sự liên tục chính trị. Kẻ cứng rắn tại Hà Nội thân Trung Quốc chỉ khi nào kẻ Stalinít Trung Quốc ngồi trên ngai vàng Bắc Kinh cũng như lúc kẻ cải tổ xuất hiện ở Mạc Tư Khoa.

Mặt khác, tướng quan lực lượng khu vực không phải không ảnh hưởng đến sự hợp tác Mạc Tư Khoa - Hà Nội. Liên minh Xô-Việt làm giảm nhẹ áp lực Trung Quốc cũng như Hiệp ước Xô-Ấn 1971 giúp Ấn rảnh tay can thiệp ở miền Đông Pakistan sau này trở thành Bangladesh. Hiệp ước Xô-Việt 1978 bảo đảm

cho Việt Nam xua quân xâm chiếm Cao Miên. Việc xếp đặt kết thúc vào tháng 1.79 và tháng sau, Trung Quốc phát động cuộc trừng phạt Việt Nam bằng quân sự.

Thế nhưng Liên minh Việt-Xô là một liên minh bay theo 2 quỹ đạo khác biệt. Đối với Đảng CSVN, đây là một kết quả đấu tranh chung dưới màu cờ Đệ Tam Quốc Tế và một hủ hèn chiến thắng toàn cầu. Như Trường Chinh khoa trưởng (1977): "Bồi đi trên con đường Cách Mạng Tháng 10 nên nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã liên tục gạt hái thành công trong công cuộc cướp chính quyền, duy trì quyền hành, tạo dựng một đời sống mới". Ông còn khẳng định: "Liên Xô đã vượt qua khỏi Mỹ, đứng đầu về mặt sản xuất thép, than đá, dầu đốt, xi-măng v.v...". Có ai mất tin tưởng vào quan Thầy?

Nhưng Perestroika (đổi mới) đã cải chính niềm tin chắc ấy, ví dụ như Alexandre Iakovlev, một trong những cha đẻ đổi mới đã nói: "Chúng ta đã khai thác 15 tỷ tấn quặng, từ lâu qua mất Nhật về điện lực. Kết cuộc chúng ta được gì? 200 Rúp tiền lương hàng tháng!". Nền kinh tế Liên Xô dậm chân tại chỗ chờ ngày sụp đổ. Lãnh đạo Liên Xô già nua không thức thời. Quốc gia tháng 10 bước sang tuổi lão. Và với một nước Liên Xô như thế này mà lãnh tụ Việt Nam đang đứng trên "tuyệt đỉnh nghệ thuật lãnh đạo" liên kết khăng khít.

Liên Xô bắt đầu thờ đốc. Thỏa ước kinh tế 1981 dự trừ Liên Xô viện trợ cho Việt Nam tăng gấp 4 lần trong 5 năm sắp đến. Nhưng đến đầu năm 1986, chỉ tăng 2 lần. Vì thế Võ Chí Công đề đặt tổng kết tình hình đất nước nhân dịp lễ Quốc Khánh 2.9.86 như sau: "Ta đã góp nhặt nhiều thành quả đáng kể. Tuy nhiên ta chưa thành công thực hiện hoàn toàn những mục tiêu dự định".

Dù sao đi nữa, chính Gorbachev lái Liên minh Xô-Việt sang một chiều hướng trái ngược với đường hướng ban đầu. Ông chuyển động chính sách Liên Xô vào một ngõ rẽ bất ngờ. Tất cả những gì xây dựng từ năm 1917 mà bấy giờ Việt Nam dựa vào được nghiền cứu lại. Đối mới, một cách mạng trong cuộc cách mạng quyết định cấu tạo lại nền kinh tế Liên Xô. Nói cho cùng, điện Cẩm Linh nghĩ ngờ quản lý tập trung, kiểu mẫu sản xuất giao thương Mác-Lê. Điện Cẩm Linh bắt đầu đánh u tiên cho thị trường. Song song với đổi mới, trong suốt cõi mờ (Glasnost) làm rung chuyển những giáo điều căn bản: từ bỏ quan điểm phân chia thế giới thành hai giới tuyến, ca ngợi những giá trị đại đồng, bỏ rơi chiến lược triệt để đường đầu với tư bản, xã hội dân sự đối chiếu với độc đảng chuyên quyền. Nói cách khác, lãnh tụ Liên Xô bắt đầu xét lại kiểu mẫu Liên Xô. Iakovlev nói tiếp: "Trên mọi phạm vi trong xã hội, từ người cày ruộng đến các giáo sư, chúng ta đã làm cho trí tuệ u tới một khi mà trí tuệ trí năng vượt qua mức trung bình cho phép". Tóm lại, sau đổi mới và cõi mờ, Việt Nam trở thành một gánh nặng cho quê hương của Lenine.

• Một năm sau đảng CS Liên Xô quay góc độ 180 độ, năm 1986, đảng CSVN miễn cưỡng điều đình khúc quanh của mình, miễn cưỡng vi hy vọng nhóm cực đoan sẽ trở lại nắm quyền ở Mạc Tư Khoa. Bề ngoài tỏ vẻ cải tổ sâu rộng, bề trong không có gì cõi mờ, bởi không ai trong Bộ Chính Trị muốn cõi mờ. Cái

tổ chỉ xoay quanh vấn đề xác nhận lại một lần nữa vai trò Đảng, Nhà nước trên địa hạt chính trị. Song song với thà nổi kinh tế thị trường có nghĩa là chính trị kiểm soát kinh tế thị trường, cũng có nghĩa là xây dựng kinh tế xã hội thị trường theo kiểu Việt Nam.

Tuy nhiên viễn ảnh mù mịt không còn xa lắm. Bức tường Bá Linh sụp đổ (11.89), các chế độ nhân dân Đông Âu rơi rụng hàng loạt (1990) gây không biết bao nhiêu hoang mang cho Hà Nội. Lãnh tụ hoài nghi lo nghĩ, chán nản chùng kiển cảnh tượng Thế giới Cộng Sản tan tành. Điều gì phải đến đã đến. Cuộc đảo chánh nhằm loại trừ Gorbachev bất thành, đảng CS Liên Xô đình chỉ hoạt động (1991). Một biển cõ gây bàng hoàng, lung lạc các tầng lớp đảng viên đảng CSVN. Một huyền thoại đổ vỡ. Liên Xô, đảng CS Liên Xô, Cộng sản quốc tế, tất cả hình ảnh thế giới và quan niệm về thế giới theo lịch sử biện chứng tan mau như mây khói. "Túi cànon Lê-nít" vĩnh viễn mất linh nghiệm. Gia sản thừa hưởng quá nặng nề. Hàng triệu đảng viên xao xuyến, đảng CSVN chỉ là hình thức đảng CS, hàng trăm ngàn người nói tiếng Nga, tất cả thiết bị quân sự, kỹ nghệ cũ kỹ, hàng chục ngàn "công nhân hợp tác lao động". Một triết lý chính trị trái lý, hàng tỷ đô-la nợ.

Chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam bất ngờ mất kế đồ đầu lịch sử và những ảo vọng cuối cùng. Còn lại một nước Việt Nam quá nghèo nàn lạc hậu với một câu hỏi hết sức đốn giần. Những gì không thể thành tựu tại Liên Xô, nơi mà chủ nghĩa CS ăn rễ sâu nhất từ hơn 70 năm, sao có thể mang lại kết quả tốt đẹp ở nơi khác nói chung, ở Việt Nam nói riêng? Cuối cùng rồi rớt lại một quốc gia đốn độc không đồng minh ở phương Đông, gần Trung Quốc ở phương Bắc. "Chiến thắng lịch sử 1975" trở đến một đại lộ bấp bênh vô định 15 năm sau.

Sự cộng tác lâu dài giữa Việt Nam và Trung Quốc kéo dài 20 năm từ 1950 đến 1970. Nhưng mối lo ngại lịch sử của Việt Nam trước Trung Quốc không vì thế mà hoàn toàn tan biến. Cựu Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm từng tuyên bố: "Đoàn quân Trung Quốc vượt biên giới sang Việt Nam sẽ là động cơ tập hợp toàn dân, tạo nên sự đoàn kết thiêng liêng giữa những người đứng hai bên giới tuyến". Trong một cuộc họp mặt, Đại diện Việt Minh nói với Đại diện Pháp: "Nếu quân Trung Quốc đến, chúng tôi muốn nói đến các Sư đoàn chủ không phải các cố vấn, có lẽ chúng tôi sẽ kêu gọi người anh em trong quân đội Bảo Đại và có thể luôn cả người Pháp các ông cùng chiến đấu chung", chắc chắn đây là những lời gọi ý, chưa đến lúc phải như vậy.

Giai đoạn Hoa-Việt đoàn kết không phải thịnh linh đứt đoạn, Hoa Thịnh Đốn luôn luôn đánh giá Hà Nội cũng như Bắc Kinh là mối đe dọa như nhau. Nhưng Trung Quốc bước vào cuộc cách mạng văn hóa và Liên Xô gia tăng viện trợ Việt Nam đến mức tối đa. Trung Quốc càng gây lo ngại bao nhiêu thì Liên Xô càng gây tin tưởng bấy nhiêu. Đám tang Hồ Chí Minh (9.69) gây cảm tưởng như một giai đoạn sắp chấm dứt. Thủ Tướng Nga, Phó Thủ Tướng Trung Quốc đến dự lễ. Màu đỏ khắp nơi, một bức ảnh gia đình cuối cùng.

Hà Nội ghi nhận năm 1972 là năm đánh dấu khúc quanh hợp tác Hoa-Việt. Vào năm này, Bắc Kinh nòng hậu đón tiếp Tổng Thống

Riacherd Nixon, thỏa hiệp với Mỹ. Trung Quốc đã phản bội Đảng CSVN trong lúc đang dang đối phó với "đế quốc đầu xỏ". Hai năm sau, như muốn nắm thế thượng phong, Trung Quốc chiếm đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền Việt Nam từ thế kỷ thứ 19.

Sự thống nhất đất nước bằng vũ khí đưa đẩy Việt Nam - Trung Quốc đến hồi tuyệt giao. Đúng lý điều này phải thỏa mãn tham vọng của một cường quốc Cộng Sản Á Châu, nhưng Trung Quốc đang giao hảo với Mỹ chống Liên Xô, Trung Quốc không muốn làm mất lòng Mỹ, và lại Trung Quốc không bao giờ muốn Việt Nam ngoi lên như một cường quốc ở phương Nam, tuy Cộng Sản những gần gũi Liên Xô hơn. Việt Nam thống nhất, một thách đố mới cho Bắc Kinh, buộc Bắc Kinh phải tìm cách san bằng.

Cuộc chia tay chính thức bắt đầu từ năm 1978. Tăm màn che đoàn kết "môi hở răng lạnh" đột nhiên rách nát. Số phận thiếu số Hoa kiều trở nên trọng tâm tranh cãi. Trung Quốc tố cáo Việt Nam "thanh lọc chủng tộc", Việt Nam tố cáo Trung Quốc dùng Hoa kiều để thỏa mãn tham vọng bành trướng. Trên thực tế, Hoa kiều đổ xô về biên giới. Nêu lên hiệp ước Xô-Việt 1978, Bắc Kinh gay gắt kết án "một bá quyền lớn (Liên Xô) toa rập với một bá quyền nhỏ (Việt Nam) chống Trung Quốc". Hà Nội dưới ngòi bút của Hoàng Tùng, Chủ nhiệm nhật báo Nhân Dân, không cần lựa lời đã kích: "Kể từ cuộc cách mạng văn hóa 67-68, lãnh tụ Trung Quốc không còn là những người chuyên chính vô sản. Giai đoạn chủ nghĩa CS chiến thắng lấy lũng đã qua (49-60). Từ đây, người ta hủy diệt cùng một lúc đảng CS Trung Quốc và ý thức hệ đấu tranh giai cấp".

Khi Việt Nam xua quân chiếm Cao Miên, nhật báo Nhân Dân Trung Quốc tự hỏi: "Tại sao Việt Nam tự nhận là Cộng Sản lại đối xử tệ với nước bạn?". Chiến tranh biên giới Hoa-Việt đã giết chết ảo tưởng của Cộng Sản quốc tế tại khu vực Á Đông, buộc đảng CSVN phải xét lại lập trường đối với TQ. Việt Nam tố cáo đế quốc TQ xây dựng bành trướng lãnh thổ (Đại hội đảng lần V - 3.82). Hai đầu dây hạn thủ cuối cùng dính chặt. Quan hệ Hoa-Việt trở lại điểm không trong lịch sử của hai nước.

Kể từ thập niên 80, Việt Nam cũng như Trung Quốc đi trên hai đường song song. Trung Quốc sống theo hai điểm Đặng Tiểu Bình với 4 hiện đại hóa nông nghiệp, giáo dục, khoa học kỹ thuật, quân đội. Ngược lại, Việt Nam trải qua những năm tháng cô lập. Tây phương không màng. Nạn nhân cuộc phong tỏa Mỹ, những người nổi nghiệp Hồ Chí Minh càng Liên Xô hơn Liên Xô.

Sau 20 năm đoàn kết và cho dù đôi bên bình thường hóa bang giao (5.91), từ đây mọi việc không như trước nữa. Hai nước đeo đuổi chiến lược mở mang, cởi mở với bên ngoài. Trung Quốc và Việt Nam sẽ đứng trước thế cạnh tranh ráo riết. Việt Nam đặt Trung Quốc trước một bài toán mới. Dù sao chẳng nữa, kể từ đây, quan hệ song phương nằm trên tương quan lực lượng hơn là hợp tác hữu nghị. Nằm kề bên một láng giềng khổng lồ quá mạnh, Việt Nam bắt buộc phải tìm những điểm tựa, những đối lực khu vực cũng như quốc tế.

Vào năm 1977, Ba Lê là điểm gặp gỡ giữa đại diện Việt-Mỹ. Cuộc thảo luận không đi đến đâu. Thật hoài công vô ích. Tổng Thống Carter

vấn sử dụng lá bài Trung Quốc. Đối với Hoa Thịnh Đốn công nhận và hợp tác thân thiện với Bắc Kinh là ưu tiên trên hết. Đối với Hà Nội, liên kết với Mạc Tư Khoa cũng là ưu tiên vì nó diễn tả đúng mức quan niệm thế giới chuyên chính vô sản theo định luật biện chứng lịch sử. Niềm tin chắc đi đúng con đường phải đi lôi kéo chế độ vào ngõ không lối thoát. Không ai trong Bộ Chính Trị nhận thức đúng mức vấn đề mở mang phát triển. Phong cảnh Việt Nam nghèo nàn lạc hậu gọi lên ít nhất một câu hỏi: Tại sao Liên Xô không viện trợ liên quan đến hạ tầng cơ sở, đường sá, hải phi cảng, thiết bị kỹ nghệ hiện đại như Mỹ từng viện trợ miền Nam?

Điều hết sức trở trêu là liên kết với Liên Xô đã đẩy Việt Nam trở về với Mỹ. Cờ mở tại Việt Nam (1986) nằm trong phạm vi Perestroika Liên Xô, trong lúc Liên Xô vạch ra Perestroika là để bắt tay với Tây phương, với Mỹ. Việt Nam phải nhìn nhận thực tế trước mắt như Gorbachev khuyến nhủ. Tuy nhiên những lãnh tụ bảo thủ cực đoan, những thế lực hành chánh quan lại với vàng cơ mình nằm yên chỗ có hội thuận tiện. Và cơ quan an ninh có mặt khắp nơi trên các nẻo đường đi đến cõi mở với bên ngoài.

Khi thế giới Cộng Sản nghiêng đổ cuốn hút Liên Xô vào hư không, Việt Nam bắt buộc phải lật qua trang sử. Cuối cùng Mỹ thắng. Một thực tế phù phàng, một ảo ảnh quái lạ, một cảm tưởng xót xa cay đắng. Để vớt vát, Nguyễn Văn Linh buông lời tố cáo "để quốc tư bản dưới sự dẫn dắt của đế quốc đầu sỏ lợi dụng khó khăn sai lầm ở các nước xã hội chủ nghĩa, nuôi tham vọng xóa bỏ chủ nghĩa xã hội". Chính thức xây dựng xã hội chủ nghĩa còn là vấn đề thời sự nhưng ẩn nấp sau tuyến phòng thủ chống đế quốc hết sức mong manh. Gần một năm sau Liên Xô, Đông Âu ngã theo khối Tự Do. Chiến tranh vùng Vịnh đến lúc nhắc nhở cho Hà Nội biết Mỹ vẫn là "sen đầm quốc tế". Nhưng phong trào chống đế quốc do Liên Xô giật dây hoạt động yếu dần ở thế giới thứ ba. Tại Phi Châu, các chế độ Mác-xét xuất hiện từ năm 1975 lần hồi biến mất. Không còn phe Cộng Sản, không còn Liên Xô, với một phong trào chống đế quốc tạm bộ lòng lèo, với một Trung Quốc luôn luôn hiếu chiến. Rốt cuộc chỉ còn lại Mỹ, Tây phương. Mỹ, Tây phương là con đường phải ngang qua, lúc đầu là một chiến thuật giai đoạn, sau trở thành cần thiết trọng yếu.

Thật là mỉa mai khi Hà Nội thẳng thừng bày tỏ nguyện vọng mong Mỹ trở lại Việt Nam. Tổng Thống Clinton vừa đắc cử, Phó Thủ Tướng Phan Văn Khải với vàng ve vẫn, tầng bậc Mỹ hết lời: "Ngoài thị trường Mỹ ra và trước một tổ chức thế giới mới dựa trên tương quan lực lượng, không có điều gì lợi cho bằng đồng tình với một nước lớn như Mỹ, một quốc gia phú cường đang giữ một vai trò quan trọng bậc nhất trên thế giới".

Trước những lời mời mọc quá đỗi nhiệt tình, Hoa Thịnh Đốn bước đi những bước dè dặt. Kỷ niệm 75, hiện tượng hàng trăm ngàn người sống trong "quần đảo ngục tù", hàng triệu người vượt biên sống lâu dai dẳng. Trước tiên, Mỹ gọi đến Việt Nam phái đoàn theo dõi những quân nhân Mỹ mất tích (7.93). Bộ Ngoại Giao Mỹ đặt 3 Lãnh Sự tại Hà Nội. Khách du lịch Mỹ bắt đầu thăm viếng Việt Nam, và không phải

ngẫu nhiên mà Tổng Thống Clinton chọn ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (3.2) để bãi bỏ lệnh phong tỏa. Tình thế đã chín muồi, Đại Sứ Peterson đến Hà Nội đánh dấu một trang sử mới.

Tại Á Đông, ngân sách quốc phòng các nước gia tăng liên tục từ mấy năm nay. Hơn cả các nước khác, Trung Quốc có khả năng trở thành siêu cường. Hình bóng Trung Quốc về mặt chính trị, quân sự, ngoại giao sẽ bao trùm toàn cõi Á Đông. Trung Quốc sẽ ảnh hưởng mạnh đến các nước khác cho dù Trung Quốc giữ thái độ cư xử ôn hòa đến đâu. Vì thế Việt Nam cũng như Khối Đông Nam Á phải tìm một bảo đảm, một sức mạnh đối kháng với Trung Quốc cũng như trước đây đối với Nhật. Sự hiện diện của Mỹ là điều tối cần thiết.

Hiện nay, Mỹ đang tiến hành song song hợp

tác an ninh với khu Đông Bắc Á và hợp tác kinh tế thương mại với Đông Nam Á. Rõ ràng Mỹ dùng uy tín, sức mạnh của mình bảo đảm cho an ninh trật tự khu vực trợ lực thị trường điều hòa hữu hiệu hơn. Một dịp may nghìn năm một thuở giúp Việt Nam tưởng đối an toàn hưởng về tương lai tiến bộ. Con đường hiện đại sẽ thuộc về ai quyết tâm tìm kiếm. Tìm kiếm không chứa đủ. Muốn hiện đại hóa đất nước, trước nhất phải xét lại vấn đề quyền hành thế lực quyền lợi cá nhân có nghĩa là phải từ bỏ chủ trương quốc gia dân tộc phải phục vụ cho đảng. Thiên thời địa lợi đã có, còn thiếu nhân hòa. Phải đoàn kết dân tâm, thống nhất dân trí, hướng về mục đích thiêng liêng cao cả. Biết những gì phải làm mà không làm là mang trọng tội với lịch sử.

NHÂN TIN

Giáo sư CHU TRỌNG THUYẾT trước ở đường Bà Hạt, nay nghe tin cư ngụ tại Đức Quốc, xin liên lạc với anh là Trung Tá Không Quân Chu Trọng Đễ - 2047 Archdale Dr. Charlotte NC, 28210 - USA; hoặc Đào Hiếu Thảo - Rue Jan Van Ruvssroec 37 - 1140 Bruxelles - Belgique.

• **NGUYỄN THỊ BÍCH**, Học sinh Nữ Trung Học Bùi Thị Xuân Đà Lạt, ra trường năm 1972.

Muốn liên lạc làm quen với **TRẦN BÍCH TIÊN**. Thư qua địa chỉ: c/o Trần Quan Khiêm - Geraer Ring 100 - 12689 Berlin.

• **Tôi người của tỉnh Trà Vinh** - các huyện Cầu Ngang, Bến Đáy, Ba Động, Trà Cú - Rất mong gặp một người đồng hương ở Việt Nam để liên lạc cho đỡ nhớ quê hương.

Địa chỉ: DIỆP THỊ HUỖI TỰ DIỆP KIM HUỆ, Chủ quán Café nhạc Mây Ngàn tại Thị xã Trà Vinh.

Địa chỉ tại Thụy Điển: 70 Brandkaerr Vaegen - 61166 Nyköping - SWEDEN.

• **Bà Luật sư SKAPER**. Địa chỉ: Trommsdorf Str.12 - 99084 Erfurt, nhờ ông Trần Đăng thông báo tin cho anh **Nguyễn Đăng Thiêm**, địa chỉ cũ: Rohön Str.20 - 36419 Geisa.

Hiện nay ở đâu, có ai biết báo cho anh **THIỆM** về gặp ngay Bà Luật sư, địa chỉ trên, để nhận quyết định tòa án cho điều 51 Luật Tỵ Nạn được ở lại Đức.

• **Tim chị HỒ THỊ BÍCH THUY**, mẹ tên Hồ Thị Quý, đã vượt biên năm 1976. Hiện nay đang ở đâu, xin liên lạc về em Võ Thị Quyên, con của mẹ Sáu Mẹo ở Ấp 5, xã An Thanh, nhà số 101/4 Huyện Thạnh Phú - Tỉnh Bến Tre.

• **Những người bạn có tên sau đây: ANH KHOA, ANH NGHĨA, ANH PHÚC** trước ở nhà máy gạch Psary - U Prahay - Tiệp Khắc, nay ở đâu xin báo tin về: Trần Ngại - Sangrubenwegstr. 7 - 92723 Taennesberg - Tel. 09655-1782

THÔNG BÁO

Trong khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỷ 9 lần này được tổ chức tại Pfaffenhofen gần München. Giáo Hội dự định sẽ truyền Ngũ Giới và Bồ Tát Giới tại gia cho quý Phật Tử.

Vậy quý vị nào muốn quy y Tam Bảo, xin ghi tên họ, ngày và nơi sinh gửi về Chùa Viên Giác trước, để lo phái quy y. Quý vị nào muốn thọ Bồ Tát Giới cũng vậy.

Điều kiện để được thọ Bồ Tát Giới tại gia là đã quy y Tam Bảo rồi, hay Thập Thiện và phải ăn chay trường. Quý vị nên liên lạc về Chùa Viên Giác trước để biết số lượng của các giới tử sẽ phát tâm và Đạo Hữu Diệu Đông có thể căn cứ theo đó để in phẩm Tịnh Hạnh trong kinh Hoa Nghiêm để làm quà tặng cho quý vị, nhân ngày thọ giới.

Kính mong quý vị lưu tâm cho.

• Một điều không kém phần quan trọng là vấn đề lễ phục. Quý Phật Tử, Đạo Hữu tham gia khóa học nên có áo tràng và áo vạt hò để mặc khi tham dự các khóa lễ. Áo, quý vị có thể tự may hoặc thỉnh nơi khóa học, hay tại các Chùa nơi mình cư ngụ.

• Quý vị nào đã chắc chắn tham gia khóa học từ ngày 31 tháng 7 đến 09 tháng 8 năm 1997 thì lệ phí có thể đóng cho các Chi Hội tại địa phương, nhất là tại nước Đức, để các Chi Hội có điều kiện ủng trước cho một số công việc cần thiết của khóa học. Tại các nước khác ở Âu Châu cũng có thể đóng trước nơi quý Chùa với quý Thầy, hoặc Hội.

LỆ PHÍ:

- Cho người lớn là 250 Đức Mã kể cả du lịch München và quà biếu mang về.

- Cho Sinh viên học sinh đóng 125 Đức Mã. Nếu muốn có thêm quà biếu, đóng thêm 50% số tiền quà.

- Cho Gia Đình Phật Tử, đóng 100 Đức Mã. Nếu muốn có thêm quà biếu, cũng đóng thêm 50% số tiền quà

- Các trẻ em dưới 10 tuổi được miễn lệ phí.

Trên đây là một số thông báo cần thiết. Kính mong quý vị lưu tâm cho.

ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ VỀ MỘT CHUYẾN ĐI

•Cao Minh Đức

Trong ngày biểu tình 30.4.1997 tại Bonn, Thượng Tọa Thích Như Điển đọc lá thư kêu gọi 24 giờ tuyệt thực cầu nguyện trước Quốc Hội Âu Châu và Tòa nhà Nhân Quyền tại Straßburg, Pháp Quốc. Lá thư do Thượng Tọa Thích Minh Tâm, chủ trì chùa Khánh Anh thay mặt Ủy Ban Giải Trữ Pháp Nạn thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu kêu gọi. Trong thư Thượng Tọa cho biết nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam đã dùng hết mọi thủ đoạn để phá sự hoạt động của GHPGVNTN. Cụ thể là Đại Đức Thích Hải Tạng được trả tự do nhưng không được trở về chùa Linh Mộc. Quý Đại Đức Thích Hải Thịnh và Hải Chánh được trả tự do về chùa Linh Mộc nhưng tới ngày 22.11.96 lại bị bắt và đem về nguyên quán quản thúc. Sau khi phá chùa Long Thọ (Đà Lạt) và quản lý chùa Linh Mộc nhà cầm quyền CSVN lại tiếp thêm một bước nữa trong việc chống phá Giáo Hội, đó là hành động giải tán Gia Đình Phật Tử Việt Nam, một tổ chức đã có bề dày hoạt động hơn 50 năm mà không hề chịu khuất phục trước bất cứ chế độ cường quyền nào. Phản ứng trước âm mưu phá hoại thâm độc này, đã có 200 Huỳnh Trưởng nêu ý nguyện tự thiêu để tỏ lập trường. Để lên tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh của các Huỳnh Trưởng, GHPGVNTN Âu Châu đã kêu gọi toàn thể Tăng Ni, Phật Tử và đồng bào Việt Nam tỵ nạn tại Âu Châu tới Straßburg trước Quốc Hội Âu Châu, Tòa nhà Nhân Quyền Âu Châu biểu tình, tuyệt thực, đưa kháng nghị thư. Yêu cầu Quốc Hội Âu Châu hãy can thiệp với chính quyền CSVN chấm dứt ngay các hành động đàn áp Phật Giáo, không để cho thảm cảnh xảy ra. Hưởng ứng lời kêu gọi trên, tôi cùng toàn bộ anh em trong Đảng Tự Do Dân Chủ Việt Nam, Đảng bộ Bắc Đức đã quyết định kêu gọi anh em tham gia cuộc tranh đấu này.

Đêm 13.5 chúng tôi khởi hành từ nhà tôi chùa Viên Giác. Vì một số trục trặc nên anh em chúng tôi khởi hành khá muộn. Theo kế hoạch, chúng tôi đến chùa ngủ lại và sáng hôm sau đi xe Bus chùa thuê. Khi chúng tôi đến chùa thì đã khá muộn, ngoài 00giờ đêm. Các cửa chùa đã khóa nhưng bên trong hội trường vẫn sáng ánh đèn. Khoảng 10 người đang ngồi nói chuyện khá rôm rả. Chúng tôi gõ cửa, một anh ra mở, chúng tôi vào, người nói chuyện một lát thì thấy cần phải đi ngủ để

sáng mai còn phải đi sớm. Đã lâu không quen ngủ không có nệm, lúc mới nằm khá đau lưng nhưng tôi, anh Hải, anh Đoàn đều đi làm về mệt nên anh em chúng tôi vẫn ngủ khá ngon, mặc dù ngoài kia tiếng nói chuyện vẫn khá rôm rả. Khoảng 04g45 anh Bình đánh thức anh em chúng tôi dậy. Chúng tôi dậy, làm vệ sinh cá nhân, lúc này mọi người từ các nơi đến khá đông. Anh em chúng tôi tranh thủ điểm tâm qua loa thì cũng đã tới 06g00. Lúc này xe Bus tới, mọi người ra xe để bắt đầu cuộc hành trình.

Vì đi xe Bus nên cuộc hành trình của chúng tôi khá dài. Qua Kassel một đoạn thì xe dừng lại để mọi người ăn sáng. Rút kinh nghiệm từ

cách giam cầm và hăm hại. Mặc dù Thầy nói đã lâu nhưng chúng tôi muốn hỏi về cuộc đời và bức thư của cố Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Thầy đã cho biết khá chi tiết. Mọi người còn muốn biết nhiều nhưng đã đến giờ nghỉ Thầy lại phải đổi xe để nói chuyện bên xe kia.

Đoàn chúng tôi tiếp tục đi, do bị tắc đường nên chúng tôi đã đến Straßburg muộn hơn dự định. Khi chúng tôi đến nơi thì Thượng Tọa Thích Minh Tâm cùng bà con Phật Tử đang làm lễ. Đó là toàn thể bà con trong các Gia Đình Phật Tử khác nhau, đến từ Na Uy, Hòa Lan, Thụy Sĩ, Đức và ở Pháp. Đặc biệt có một cụ bà đã khá lớn tuổi nhưng vẫn còn khỏe



Chư Tôn Thượng Tọa, Đại Đức cùng quý Phật Tử đang tuyệt thực trước Quốc Hội Âu Châu ngày 14 - 15.5.1997 tại Strasburg để phản đối sự vi phạm nhân quyền và đàn áp tôn giáo tại Việt Nam.

lần đi Bonn trước, Thượng Tọa Thích Như Điển đã nhờ các cô, các bác và toàn thể anh em trong Gia Đình Phật Tử chuẩn bị sẵn đồ ăn thức uống cho cả đoàn. Nhờ vậy tránh được cảnh lộn xộn và phải chờ đợi mọi người vào ăn ở các Raststaette. Chúng tôi may mắn đi xe thứ hai cùng với anh Phạm Công Hoàng. Anh Hoàng và nhóm của anh có mang theo một cây "Guita". Thế là chúng tôi thì nhau đàn hát để quên đi quãng đường xa. Giữa chúng tôi nói chuyện. Thầy nói lại lý do tại sao chúng tôi phải đến Straßburg, đồng thời Thầy đọc lại thư kêu gọi của Thượng Tọa Thích Minh Tâm. Sau đó Thầy kể về sự ra đời của GHPGVNTN, kể về hành động làm chấn động thế giới của Hòa Thượng Thích Quảng Đức. Điều làm mọi người sửng sốt là khi biết quá tim của Hòa Thượng Thích Quảng Đức vẫn còn, mặc dù đã được thiêu tới 4000 độ mà vẫn không cháy. Có nhiều điều mà chúng ta không thể hiểu hết được sự kỳ diệu của Phật pháp. Thầy kể tiếp theo về cơ cấu và sự điều hành của Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo, về cuộc đời của Hòa Thượng Thích Thiện Minh. Vì quá uyên bác nên Hòa Thượng Thiện Minh đã bị chính quyền Thiệu hạ sát huyệt và sau đó bị chính quyền CSVN thủ tiêu vào năm 1977.

Tiếp theo Thượng Tọa Thích Như Điển kể về các Đại Đức Thích Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Trí Tụ... những học giả uyên bác của Giáo Hội. Chính vì vậy mà chính quyền CSVN muốn tìm mọi

manh. Khi tôi hỏi thì mới biết tên cụ là Đỗ Thị Hiến tử Thụy Sĩ sang, năm nay cụ đã 80 và cụ tham gia tuyệt thực lần này là lần thứ ba ở đây. So với tuổi tác của cụ thì đoàn chúng tôi đi từ Bắc Đức tới đây đâu có thấm tháp gì. Thêm 100 con người nữa mới đến nên Ban Tổ Chức lại phải chuẩn bị thêm chỗ ngồi cho mọi người ngồi làm lễ. Thượng Tọa Thích Minh Tâm đọc lời khai mạc buổi tuyệt thực, sau đó đại diện các Gia Đình Phật Tử, các Hội Đoàn, Đảng Phái lên đọc lời phát biểu. Xen kẽ với các bài phát biểu là chương trình văn nghệ do anh Phạm Công Hoàng cùng với anh Đoàn (Đảng TĐDCVN) đảm nhiệm.

Trong lúc này, Quốc Hội Âu Châu đang họp. Họ đang thảo luận về vấn đề nhân quyền trên thế giới, đặc biệt là họ thảo luận về vấn đề nhân quyền tại Việt Nam. Nhiều người dân Pháp cũng như người ngoại quốc đi qua đã tỏ ý ủng hộ cuộc đấu tranh của chúng tôi. Cho đến cuối ngày có mấy vị Dân Biểu thuộc các Đảng khác nhau đã đến trước cuộc tuyệt thực phát biểu bày tỏ sự ủng hộ và hứa sẽ cùng đấu tranh cho nhân quyền và tự do tín ngưỡng tại Việt Nam. Khoảng 4g30 một phái đoàn đã đến gặp bà Thị Trưởng thành phố Straßburg, bà nói sẽ chuyển những thỉnh nguyện của phái đoàn lên chính phủ Pháp.

Trời xẩm tối, lúc này tất cả mọi người thấp nền cầu nguyện. Dưới sự chỉ dẫn của ba vị Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Thích Tánh Thiệt và Thích Như Điển, đoàn người xếp thành

hai hàng vừa đi vừa cầu nguyện. Sau buổi đốt nến cầu nguyện là tiết mục văn nghệ do toàn thể anh em trong Gia Đình Phật Tử đóng góp. Mọi người ngồi thành vòng tròn, vừa đàn vừa hát những bài hát "Việt Nam Việt Nam"; "Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghê" ... Ai cũng cảm thấy sự sống trong lòng dân tộc khi hát những khúc ca này. Mặc dù chưa hề gặp nhau, quen biết nhau nhưng đều cảm thấy như đã thân thiết nhau từ hồi nào. Càng hát sự tham gia càng đông, mọi người phải nổi rộng vòng vòng ngồi để những người tham gia sau có chỗ. Chúng tôi đã hát tất cả những ca khúc nói về tình yêu quê hương, đất nước, yêu tự do. Một anh trong Gia Đình Phật Tử giới thiệu đây là buổi biểu diễn văn nghệ của những nghệ sĩ yêu nước. Đến 11 giờ khuya, do đã muộn nên mọi người không dùng micro nữa nhưng vẫn tiếp tục đàn hát cho tới 2 giờ sáng. Lúc này đã khuya, mọi người đi tìm chỗ ngủ. Sau hai đêm ngủ ít tôi khá mệt, bụng thì đói nhưng tâm trạng thì buồn vui lẫn lộn. Tôi vui vì mình đã tham gia làm một việc có ích, dấu biết rằng chưa thể nhìn thấy kết quả ngay được. Trong tôi sẽ bỏ đi những suy nghĩ dẫn vật, bởi mình không làm được gì cho quê hương đất nước. Nhưng tôi buồn vì không hiểu những người CSVN nghĩ gì khi họ cố dùng mọi thủ đoạn để phá Phật Giáo, cái đã ăn sâu vào đời sống xã hội, tâm tư tình cảm của người Việt Nam ngọt 2000 năm nay. Phá Phật Giáo là phá đi văn hóa dân tộc, phá đi những sinh hoạt tôn giáo lành mạnh mà ông cha ta đã bao đời gìn giữ và phát huy. Những người CS chủ trương một xã hội vô thần, hậu quả của nó là ngày nay cả xã hội đang trên đường băng hoại. Những nề nếp đạo đức bị đảo điên, con không biết kính cha mẹ, học trò không biết kính trọng thầy cô, người với người thiếu tình thân ái.

Miền man với những suy nghĩ đã đưa tôi vào giấc ngủ lúc nào không hay. Tôi tỉnh dậy khi nghe thấy nhiều tiếng ồn quanh mình. Nhìn đồng hồ đã thấy 5g30 sáng, tôi thức dậy, lúc này mọi người đã dậy cả. Khi tôi đi làm vệ sinh cá nhân trở về thì cũng là lúc cả đoàn đi dạo một vòng quanh công viên cạnh nhà Quốc Hội. Sau đó cả đoàn trở về vị trí để làm lễ buổi sáng. Đúng 9 giờ một phái đoàn dẫn đầu bởi ba vị Thượng Tọa và ông Lại Thế Hùng chủ tịch ĐPNVQHVN (khu vực Âu Châu) đi vào nghị hội Âu Châu. Ông Toameri người đại diện cho ông Tổng Thư Ký nghị hội đã tiếp phái đoàn. Thượng Tọa Thích Minh Tâm trình bày về tình trạng nhà cầm quyền CSVN đàn áp GHPGVNTN đặc biệt là với Gia Đình Phật Tử trong thời gian gần đây. Ông đại diện nói là ông sẽ chuyển ngay những yêu cầu của Giáo Hội tới QHÁC, và ông nói rằng QHÁC sẽ dùng ảnh hưởng của mình để yêu cầu chính quyền CSVN thực thi ngay những yêu cầu của Giáo Hội. Cùng đi với phái đoàn còn có Linh mục Khương, ông nêu tình trạng không có tự do tín ngưỡng tại Việt Nam. Ông đại diện yêu cầu phái đoàn hãy hợp tác chặt chẽ hơn nữa với QHÁC để đấu tranh cho nhân quyền và tự do tín ngưỡng tại Việt Nam sớm đạt được kết quả. Thượng Tọa Thích Như Điển trao ông đại diện thỉnh nguyện thư của Giáo Hội, cùng thỉnh

nguyện thư của anh em ty nạn Đông Âu, sau đó cả đoàn lại trở ra tiếp tục chương trình.

Đây là lần thứ ba tôi tới QHÁC, hai lần trước đi với ông chủ tịch Lại Thế Hùng. Lần mới đây chúng tôi đến là ngày 07.4.97. Ngay ngày hôm sau chính quyền Hà Nội đã lên tiếng phủ nhận những gì đoàn chúng tôi nêu. Tôi nghĩ rằng, nếu tất cả chúng ta tích cực tranh đấu thì QHÁC phải gây sức ép với nhà cầm quyền Hà Nội, họ không thể làm ngơ trước những đòi hỏi của chúng ta.

Tối trưa, vì QHÁC đang họp nên ông chủ tịch không thể có thời gian để tiếp phái đoàn. Ông cố vấn của ông ra nói chuyện trước cuộc tuyệt thực, ông ủng hộ cuộc tranh đấu của đoàn và hứa sẽ làm hết khả năng để cho nhân quyền tại Việt Nam sớm được tôn trọng.

Chẳng mấy chốc mà 24 giờ tuyệt thực đã qua đi, Thượng Tọa Thích Minh Tâm tuyên bố kết thúc ngày tuyệt thực. Thượng Tọa cảm ơn sự tham gia của mọi người và mời mọi người dùng bữa cháo do Gia Đình Phật Tử chùa Phổ Hiền, Straßburg, phục vụ.

Đoàn chúng tôi lại lên đường về Hannover. Tuy tất cả đều mệt nhưng mọi người đều có chung một niềm vui đã làm được một cái gì đó có ích. Chúng tôi lại đàn, hát, lần này thì gần như cả xe cùng tham gia. Sau đó chúng tôi cùng nhau thảo luận về một số đề tài cùng quan tâm. Qua chuyến đi này mọi người như xích lại gần nhau hơn. Bởi vì tất cả chúng tôi đều có một mẫu số chung là: đấu tranh để bảo tồn dân tộc và đạo pháp, đấu tranh cho quyền con người, cho đất nước Việt Nam dân chủ, phồn vinh và thịnh vượng.

Chẳng mấy chốc xe đã về tới chùa Viên Giác, lúc này đã 22 giờ. Mọi người vội vã chia tay để còn đi nốt quãng đường về nhà. Anh em chúng tôi còn phải đi hơn 200 km nữa. Tất cả đều hẹn nhau sẽ gặp lại trong ngày Phật Đản 24-25.5. Mọi người trở về với công việc thường ngày, nhưng tôi tin rằng âm hưởng của cuộc tranh đấu này theo mãi họ.

(Lindern, 16.5.97)

HÃY TRẢ LẠI TÔN GIÁO CHO LÒNG NGƯỜI !

•ĐOÀN MINH THUY

Những ngày gần đây, dư luận thế giới xôn xao vì cái tin ở Việt Nam có 200 Huynh Trưởng của Gia Đình Phật Tử Việt Nam đã ghi danh xin tự thiêu để phản đối việc nhà cầm quyền CSVN đàn áp Phật Giáo và giải thể phong trào Gia Đình Phật Tử Việt Nam của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Qua hành động phản đối trên đây chúng ta thấy rằng chính quyền CSVN không chỉ vi phạm nhân quyền trên bình diện chính trị mà họ đã vi phạm cả về vấn đề đạo đức của dân tộc.

Ở Việt Nam ngoài Phật Giáo ra còn có Khổng Giáo, Lão Giáo, Thiên Chúa Giáo v.v... tuy mỗi tôn giáo đều có giáo lý riêng biệt, nhưng qua những ảnh hưởng của tôn giáo đến con người và xã hội thì chúng ta thấy rằng tôn giáo đã đóng góp một vai trò lớn lao trong việc lãnh đạo xã hội con người và xã hội. Từ tấm bé, lúc còn nằm trong nôi chúng ta được nghe văng vẳng lời mẹ ru "Công cha như núi Thái sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra...", lớn lên một chút trong gia đình bố mẹ thường dạy cho con phải biết kính trọng người già, thật thà lễ phép... Ở trường học, vấn đề luân lý đạo đức càng được chú trọng hơn nữa "Tiên học lễ, hậu học văn" đó là những truyền thống quý báu của dân tộc hướng cho con người tiến tới "yêu cái thiện, ghét cái ác". Nền giáo dục truyền thống của nhân dân ta xưa kia được đặt luân lý, đạo đức làm nền tảng, những nguyên tắc luân lý đó đã xuất phát từ sự ảnh hưởng của tôn giáo qua hàng nghìn năm. Nếu tôn giáo làm lãnh đạo xã hội con người và xã hội thì luân lý, đạo đức là những nhịp cầu nối liền từ tôn giáo tác dụng đến từng con người và mỗi con người là một phần có cấu của xã hội. Chính quyền, luật pháp chỉ là những biện pháp hành chính để điều hành xã hội chứ không đi sâu vào lĩnh vực lương tâm, đạo lý của mỗi con người. Vì vậy, nếu chỉ có pháp luật thôi thì chưa đủ điều kiện để duy trì sự ổn định và phát triển hài hòa của một xã hội. Qua đó chúng ta thấy rằng tôn giáo đóng một vai trò vô cùng quan trọng và không thể thiếu trong bất cứ xã hội nào.

Ở Việt Nam, Phật Giáo đã có từ lâu đời và đã gắn liền với những sự thăng trầm của lịch sử. Dù cho ở bất kỳ triều đại nào của lịch sử, Phật Giáo cũng đều được dành cho một vị trí danh dự, vì những đóng góp của Phật Giáo đến cung cách hành xử của con người với con người, con người với xã hội. Góp phần cùng các tôn giáo khác, Phật Giáo đã đóng góp phần không nhỏ vào việc trau dồi đạo đức xã hội. Nhất là trong thời gian hiện nay, Phật Giáo là chiếc cầu nâng đỡ lớp trẻ bởi những phong trào "Gia Đình Phật Tử Việt Nam" thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nhằm giữ gìn trong sáng của nền đạo lý dân tộc, khi họ đang sống trong một xã hội tha hóa.

Phong trào "Gia Đình Phật Tử Việt Nam" đã ra đời cách đây 50 năm. Theo thống kê, hiện nay phong trào có 300.000 đoàn viên từ độ tuổi 16-18. Từ trước tới nay, Vụ Gia Đình Phật Tử trực thuộc Tổng Vụ Thanh Niên của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nhưng sinh hoạt theo một hệ thống dọc từ Ban Hướng Dẫn Trung Ương tới các đoàn viên khuôn hội ở cấp tỉnh, xã. Ngày 3.3.97 vừa qua Trưởng Ban Tôn Giáo Trung Ương đã ra chỉ thị số 01-TT-

TGCP nhằm phá vỡ phong trào quần chúng trẻ của Phật Giáo bằng cách giao cho Giáo hội Nhà nước quản lý với mệnh danh là "Nam Nữ Phật Tử".

Kể từ khi chủ thuyết ngoại lai vô thần từ Châu Âu du nhập vào Việt Nam, những người lãnh đạo vô thần đã nhằm vào tôn giáo trong đó có Phật Giáo mà tiêu diệt. Họ đã lập lên Giáo hội Phật giáo Quốc doanh để với chiêu bài thống nhất Phật Giáo, nhằm từng bước xóa bỏ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, họ giam cầm, bắt bỏ các vị lãnh đạo tinh thần tôn giáo của GHPGVNTN đó là Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ... Họ đã phá vỡ đi tất cả những giá trị luân lý cổ truyền của dân tộc vốn đã có từ bao đời nay, bằng những chính sách cấm đoán các hoạt động chùa chiền Phật giáo như *cấm mở trường dạy học, cấm tự do tín ngưỡng* bằng chính sách *chống mê tín dị đoan*... Và giờ đây phong trào *Gia Đình Phật Tử Việt Nam* một phong trào nhằm giáo dục thanh thiếu nhi Phật giáo để duy trì và gìn giữ nền đạo lý dân tộc cuối cùng này cũng đang bị chính quyền CSVN ra tay bức tử. Qua đó cho chúng ta thấy rằng những kẻ lãnh đạo vô thần kia là những người bất chấp luân lý. Họ làm vậy vì muốn cầm quyền, muốn lãnh đạo, lãnh đạo cả thánh thần, trời phật. Từ chủ nghĩa vô thần đó đã dẫn đến một xã hội ngày nay, mà hậu quả chính họ sẽ phải gánh chịu, chính những người *đồng chí* của họ đang thí nhau ăn gian nói dối, móc ngoặc, tham nhũng, hối lộ làm mục ruỗng chính cái chế độ của họ, làm cho xã hội trở nên băng hoại, một xã hội hoàn toàn trái với đạo lý: *ông già sợ trẻ con, công an sợ ăn cắp, người ngay sợ người gian*... Đây chính là những giá trị luân lý của xã hội đã được Đảng Cộng Sản Việt Nam *dây công vun đắp!*

Một chế độ không tôn trọng tôn giáo và tự do tín ngưỡng, không tôn trọng giá trị luân lý sẽ đi đến chỗ tự hủy diệt. Những con người bất chấp luân lý, táng tận lương tâm để đạt được những mục đích như đã nêu trên thì Trời sẽ không dung, đất sẽ không tha. Vấn đề chỉ được giải quyết tận gốc là vị trí của Phật Giáo cũng như các tôn giáo khác phải được trả lại về với lòng người.

Viết nhân ngày Đại lễ Phật Đản lần thứ 2541
Peine, ngày 21.5.1997

KẾT QUẢ XỔ SỐ ỦNG HỘ ĐÊM VĂN NGHỆ MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN TẠI CHÙA VIÊN GIÁC NGÀY 24.5.1997

**Độc Đắc : 0713 . Giải Nhất : 1640 .
Giải Nhì : 0286. Giải Ba 0984
10 Giải An Ủi : 1583 - 1799 - 1393 -
1437 - 0663 - 1675 - 1075 - 0812 -
0204 - 0411**

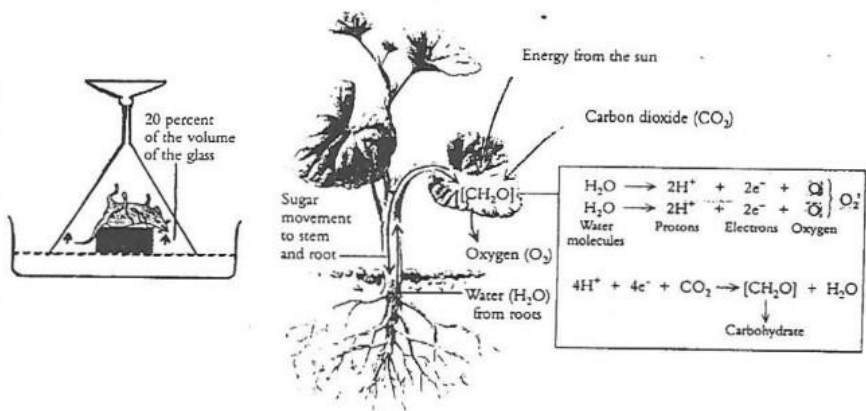
Sau 3 tháng kể từ ngày xổ số nếu quý vị không đến nhận. Số quà này sẽ được xung vào quỹ xây chùa.

TRANG KHOA HỌC

CHU TRÌNH SỐNG

• GS LÊ VĂN QUỠI

Thí nghiệm : Dùng một cái ly úp con chuột trên chậu nước. Sau một thời gian mực nước dâng lên, khi nước chiếm 20% thể tích của không khí chứa trong ly thì con chuột chết.



Nếu ta thay con chuột chết bằng con chuột sống, sao cho chất khí trong ly không thay đổi, thì con chuột thứ hai chết ngay sau đó trong lúc mực nước không dâng lên.

Giải thích : Trong không khí có chứa 20% dưỡng khí (tính theo thể tích). con chuột hô hấp để hấp thụ dưỡng khí O₂ và nhà khí CO₂. Khí CO₂ mà con chuột thải ra được tan trong nước nên không ảnh hưởng đến thể tích của chất khí chứa trong ly. Khi nước lên chiếm 20% thể tích của khí trong ly có nghĩa là dưỡng khí không còn nên con chuột chết. Con chuột thứ hai chết ngay vì không có dưỡng khí để sống.

Kết luận : Để sinh sống tất cả các động vật cần hấp thụ dưỡng khí O₂ và nhà khí CO₂.

Một phần dưỡng khí hiện hữu trong không khí, với tác dụng của tia tử ngoại đến từ mặt trời, biến đổi thành Ozone O₃. Ozone trong không khí có nhiệm vụ ngăn chặn tia tử ngoại tới từ mặt trời, bảo vệ đời sống trên trái đất. Tia tử ngoại có khả năng xuyên thấu mạnh làm vỡ tế bào của các sinh vật.

Thái dương hệ gồm mặt trời ở trung tâm và chín hành tinh quay chung quanh : Trái đất (bán kính khoảng 6.400 km) là hành tinh thứ 3 tính từ mặt trời, hỏa tinh ở vị trí thứ 4 (bán kính khoảng 3.400 km), Mars ở hành tinh này cũng có bầu không khí, có thể làm nơi "Tỵ nạn" nhưng vấn đề là trong bầu không khí không có chất khí che chở Ozone!

Câu hỏi được đặt ra là các động vật, các máy móc, các xe cộ, nhà máy ... hấp thụ dưỡng khí và nhà CO₂, cần cho phản ứng cháy. Như vậy bầu không khí được "đại tu" lại như thế nào?

Các thực vật (cây, cỏ) làm công việc đại tu đó! Thực vật dùng bức xạ năng của mặt trời hấp thụ CO₂ trong không khí và nước trong đất, qua rễ, để tạo ra đường và dưỡng khí. Đường là nguồn thực phẩm cho các động vật và là nguồn năng lượng thực vật. Ta có các phản ứng :

Con người sống nhờ các "tài nguyên" thiên nhiên, điều đáng nói là sử dụng thiên nhiên một cách bừa bãi nếu không muốn nói là phá hoại môi sinh bằng cách :

- Ở thế giới tiến bộ thì tạo thêm máy móc, xe cộ, nhà máy ...
- Ở thế giới chậm tiến thì đốn củi, hầm than, đốt phá rừng ...

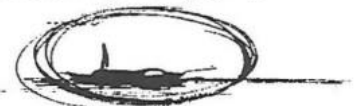
Hậu quả là :

- Làm ô nhiễm môi sinh, gây nhiều bệnh hoạn.
 - Ozone che chở bị mỏng đi hay biến mất ở nhiều nơi.
 - Nước biển dâng cao vì trái đất không giải nhiệt được, do cái vỏ CO₂, làm băng ở 2 cực tan ra. Một tai họa cho dân xứ thấp.
- V.V...

ĐỒ VUI ĐỂ HỌC

Flavius là nhà toán học Do Thái sống trong thế kỷ thứ nhất. Theo toán sử thì trong trận chiến giữa người Do Thái và quân La Mã, Josevius cùng với 13 đồng đội bị phục kích và rơi xuống một hầm sâu. Đa số trong 14 người này quyết định tự tử chứ không chịu lọt vào tay địch. Họ đã đi đến "nhất trí" sắp thành một vòng tròn và bắt đầu đếm 1,2,1,2,1,2... một cách liên tục, hễ ai có số 2 thì "được" các người khác giết cho đến khi chỉ còn lại một người và người này "phải" tự tử. Josevius không muốn chết "uổng" như vậy mà muốn thoát để có cơ hội báo thù. Hỏi Josevius phải đứng số mấy trên vòng tròn 14 người.

(Đón xem lời giải trong kỳ tới).



DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ

**NGƯỜI NÔNG DÂN VIỆT
NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG
SẢN**

Việt Nam - Một đất nước chiếm đại đa số sống về nghề nông. Đời sống của người nông dân đã gắn chặt với làng xóm, lũy tre. Cảnh đời từ ngàn xưa đến nay vẫn là hình ảnh "Con Trâu và Cái Cày". Với bản chất thuần túy chất phác và chịu đựng; Trong nhiều thập niên qua dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam, người nông dân có đời sống thật là cơ cực và lầm than. Họ không những đã chịu ba tầng áp bức mà còn chịu đựng nhiều cảnh đời ngang trái hơn.

Lòng căm phẫn được tiềm ẩn, bị dồn nén từ lâu. Gần đây rất nhiều cuộc nổi dậy tự phát ở các làng mạc khắp cả nước, điển hình là vụ ở làng Thọ Đà gần Hà Nội vào dịp Tết Đinh Sửu, nhằm chống lại chính sách phá đạo, cướp đất của chính quyền CSVN ngày càng gia tăng, gây ra một làn sóng căm phẫn trong và ngoài nước, báo hiệu cho sự khởi đầu công cuộc đấu tranh trực tiếp của người dân sau bao nhiêu năm sống dưới sự hà khắc của chế độ CS.

Tầng lớp nhân dân là lá bùa "hộ mệnh" để cho đảng CS lặn dụng, trong hai cuộc chiến tranh, người nông dân đã đóng góp xương máu, vật chất vô bờ bến. "Ăn quả không nhớ kẻ trồng cây", nắm được quyền sinh sát trong tay đảng CSVN đã ra sức từng bước siết chặt ách thống trị. Chúng đã đưa các làng mạc biến thành nơi thử nghiệm bằng chính sách "hợp tác hóa"; giai cấp nông dân tất cả thành những "nô diên", bọn "chủ nô" khổng lồ CS đã thu Tô một cách rất tàn bạo. Chúng chà đạp rất thô bạo về "nhân quyền" và "dân quyền" của người dân. Ví dụ: Năm 1954 bằng "cải cách ruộng đất", chúng đã giết vô số người dân lương thiện. Sau năm 1975 ở miền Nam, CS đã phá vỡ hệ thống tu hữu, tịch thu không ít của cải, đất đai của người dân. Chiến tranh đã giết dần giết mòn thế hệ trẻ. Ở thôn quê lớp trai làng chất phác đã nghe theo tiếng gọi của Đảng và Bác, đã chết vô số ở chiến trường. Những người sống sót trở về tàn phế nhục nhã, nhiều đến nỗi "gây thương binh, khua rổ mặt đường làng". Hậu quả để lại cho những bà mẹ, người vợ quanh năm đồng áng vất vả lại thêm một gánh nặng về vật chất và tinh thần. Trong lúc cuộc sống nông dân thật là tăm tối cùng cực, thì các cán bộ hạ tầng cơ sở đảng, Bí thư Chủ tịch xã lo làm giàu trên nước mắt, mồ hôi của người dân. Cán bộ CS còn hà khắc hơn Lý Trường thời phong kiến.

Thời Bình - Đảng huy động làm những việc vô ích, thanh niên là ngọn cờ của lao động (XHCN). Với những đầu óc tối tăm về khoa học, các công trình đào sông, ngăn biển đã nở rộ vào thời kỳ 1978. Ở miền Trung, quê tôi, có Kê Gổ, Kênh Báo, Kênh Nam một thời làm rung động cả nước. Kết quả là đã phá đi vô số ruộng đất, nhà cửa

của người dân, xương máu cũng bị vùi dập qua vụ sập cống ở Kênh Bắc, gần quê Hồ Chí Minh, đã chôn tập thể cả trăm mạng người. Đào sông, ngăn biển là điều rất cần thiết cho nông thôn để thoát nước, song CS đào sông để cho nước thủy triều chảy ngược. Chỉ tội cho dân làng phải dùng chất khử chua, không thì cây lúa không thể sống nổi. Những tai họa do đảng CS gây ra trên, cuối cùng người nông dân gánh chịu hết. Không riêng gì ở miền Trung mà khắp cả nước Việt Nam, thanh niên bắt đi trận và làm những chuyện lao động XHCN, ruộng vườn giao lại cho người già, trẻ em, như thế thì làm sao mà không đói, không mất mùa?! Việt Nam viễn ảnh 1980 thật là tối tăm như tác phẩm **Tất Đên** của Ngô Tất Tố.

Đời sống tinh thần của nông thôn rất thiếu thốn, người ta gọi là những vùng xa vắng hóa. Đảng CSVN đã dã tâm phá đi cả một hệ thống đạo lý từ ngàn xưa, chùa, đền, miếu là chỗ dựa cuối cùng của họ ngày xưa, vậy mà trong một thời gian ngắn Đảng đã phá sạch. Các chiến dịch gọi là "Chống mê tín dị đoan" hoặc "văn hóa môi" do Đảng vạch ra, hòng đánh lạc hướng của con bài vô sản, vô thần. Ở quê tôi có ngôi chùa Bến Thủy bị phá vào năm 1979, để Đảng xây khách sạn. Dân làng thấy chỗ linh thiêng nên ra sức ngăn cản, bị lực lượng an ninh đàn áp dã man. Cuối cùng các tượng quý đưa ra Bộ Văn Hóa, chúng giải thích rằng: Chùa này do Trung Quốc xây dựng, giấu nhiều bí mật ở dưới đất" đó là thời chiến tranh với Trung Quốc. Cái thâm hiểm của Đảng CSVN là ở chỗ đó, chúng luôn đổ lỗi cho người khác, kể cả việc buôn thần bán thánh của CS.

"Đổi Mới" từ cửu Đảng, chính sách kinh tế được nổi lòng trong đó có luật đất đai. Với bản chất gian manh của đảng "đất đai vẫn thuộc quyền sở hữu của chúng", người nông dân chỉ được nhận phần "khoản sản" mà Đảng giao cho. Với đức tính cần cù chịu khó, thời gian gần đây đời sống nông dân có phần dễ thở hơn. Song với chính sách tiến một lùi hai của CSVN, nền kinh tế sao mà góc đầu lên được, buộc lòng chúng phải bán tài nguyên, đất đai cho tư bản ngoại quốc; chùa, đền... thì làm nơi giải trí thu hút ngoại quốc vào du lịch, để nuôi sống đảng, làm giàu bất chính cho cán bộ đảng. Dân ta có câu "cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan" trong thời CS thật là không sai.

Nguyên nhân dẫn đến các vụ bạo động là do Đảng cướp đất của nông dân bán cho ngoại quốc, bằng sự đấu tranh tự phát chống lại chính quyền CSVN. Đảng đã ra tay đàn áp và bắt đi những thành viên đứng ra tổ chức, áp đặt những gì mà chúng muốn.

Nông dân là lực lượng chính của xã hội. Chúng ta muốn thay đổi chính thể CS, thì phải tuyên truyền vận động bà con nông dân hiểu rõ bản chất nham hiểm của CSVN. Tập hợp lực lượng đoàn kết quần chúng, lập ra những tổ chức có quy mô rộng lớn, lãnh đạo bà con xuống đường, đấu tranh đòi nhà cầm quyền CSVN phải từ bỏ ngai vị, lập ra một nhà nước pháp quyền, lúc đó tương lai của dân tộc nói chung và nông dân nói riêng mới thoát ra được sự cùng cực, tăm tối.

• Nguyễn Văn Trọng
Salzgitter - 3.97

ỦY BAN GIẢI TRỪ PHÁP NẠN TIỂU BAN TẠI HANNOVER VÀ VÙNG PHỤ CẬN

Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn, Tiểu Ban tại Hannover và Vùng Phụ Cận (Tiểu Ban GTPN / Hannover) đã hoạt động tích cực trong thời gian qua để góp phần mình trong công cuộc đấu tranh cho Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền, đặc biệt là công cuộc Giải Trừ Pháp Nạn tại quê nhà.

Những hoạt động này được ghi lại như sau:

• 30/04/1997

Duới sự hướng dẫn của Thượng Toạ (TT) Thích Như Điển, Chi Bộ Trưởng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) tại Đức và Đạo Hữu Thị Tâm Ngô Văn Phát, Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức (Hội PTVNTN) và toàn thể thành viên Tiểu Ban GTPN / Hannover đã đến Bonn để tham dự ngày đấu tranh 30/04 trước sứ quán của bạo quyền CSVN để lên án chế độ độc tài, độc đảng và vô nhân của đảng CSVN.

Buổi đấu tranh bắt đầu lúc 10.00 giờ bằng cuộc Meeting tại Markplatz ngay trung tâm thành phố Bonn. Tiếp theo là cuộc tuần hành thật khí thế qua các đường phố chính dẫn đến trụ sở của sứ quán CSVN tại Konstantinstr. 37, Bonn / Bad - Godesberg. Trước hàng nghìn đồng hương và Phật tử, Thượng Toạ đã làm lễ cầu an cho Dân Tộc và Quê Hương Việt Nam sớm thoát khỏi ách thống trị của tập đoàn CSVN. Trong bài phát biểu cảm tưởng, Thượng Toạ đã nhấn mạnh đến tinh thần Tử Bi và Bất Bạo Động của Đạo Phật chính là nguyên tắc và phương châm cho công cuộc đấu tranh giải trừ Pháp Nạn cũng là Quốc Nạn tại VN.

Trong phần phát biểu cảm tưởng của các tổ chức và hội đoàn tham dự, một bức tâm thư của Đạo hữu Thiện Hậu Nguyễn Minh Hiền, phó chủ tịch ngoại vụ Tiểu Ban GTPN / Hannover, viết từ trong trại giam Wolfenbüttel gửi đến ban điều hành Tiểu Ban để tố cáo hành động vi phạm nhân quyền, chính sách đàn áp Tôn Giáo và âm mưu tiêu diệt GHPGVNTN của đảng CSVN. Bài này đã được Đạo hữu Thiện Hội Đoàn Hữu Hải, thư ký Tiểu Ban GTPN / Hannover đọc trước sứ quán CSVN trong sự hiện diện của hàng nghìn đồng hương và Phật tử.

• 14 - 15/05/1997

Để tố cáo trước cộng đồng Âu Châu về sự vi phạm nhân quyền và đàn áp tự do tín ngưỡng, nhất là đối với GHPGVNTN cũng như âm mưu tiêu diệt Gia Đình Phật Tử VN, một tổ chức sinh hoạt thanh thiếu niên truyền thống của GHPGVNTN, GHPGVNTN tại Âu Châu đã phối hợp với Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia ở Hải Ngoại do Ông Lại Thế Hùng hướng dẫn, đã tổ chức một cuộc biểu tình và tuyệt thực trong 24 giờ trước Quốc Hội và trụ sở Nhân Quyền Âu Châu tại Strasbourg từ ngày 14 đến 15/05/1997.

Có hơn 400 đồng hương từ các quốc gia ở Âu Châu đến hỗ trợ và tham dự. 200 người đã tuyệt thực để biểu dương ý chí đấu tranh cho Tự Do, Nhân Quyền và Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam cũng như và khẳng định lập trường không chấp nhận chế độ CSVN.

Toàn thể thành viên của Tiểu Ban GTPN / Hannover đã tham dự và đóng góp tích cực cho ban tổ chức về phần kỹ thuật.

• **Phật Đản 2541 tại Chùa Viên Giác.**

Song song những hoạt động đấu tranh bên ngoài cho công cuộc Giải Trừ Pháp Nạn và Quốc Nạn, các thành viên Tiểu Ban GTPN / Hannover cũng không quên bổn phận và trách nhiệm của mình đối với Ba Ngôi Tam Bảo.



Các thành viên Tiểu Ban GTPN / Hannover và VPC trong ngày 30.04.1997 tại Bonn

Đội 'Áo Vàng' đã nỗ lực triệt để giúp Ban Hộ Trì và các ban kỹ thuật khác của Chùa Viên Giác tại Hannover trong ba ngày Khánh Đản Phật lịch 2541 được tổ chức từ ngày 23 đến 25/05/1997.

Nhân dịp này Tiểu Ban GTPN / Hannover cũng có thiết lập một bàn thông tin để phát tài liệu đàn áp GHPGVNTN của tập đoàn CSVN cho đồng hương cũng như người ngoại quốc tham dự lễ Phật Đản.

• **31/05.1997**

Nhằm tố vờ và đánh bóng cho chế độ phi nhân, đảng CSVN trong thời gian qua đã gửi các đội văn công ra nước ngoài để tuyên truyền cho chế độ rằng Văn Nghệ Sĩ trong nước có tự do. Qua chiều bài nghị tạo gọi là 'Giao Lưu Văn Hóa', các văn nghệ sĩ trong nước được đưa ra nước ngoài để hát 'tình ca' nhằm đánh động 'tinh tự dân tộc' cộng đồng người Việt không chấp nhận chế độ CSVN. Dân tộc VN là một, đất nước Việt Nam là một và Dân Việt chỉ có một nền văn hóa thì không thể nào có việc 'giao lưu' văn hóa giữa người Việt với người Việt.

Không thể bị ru ngủ và lầm lẩn trong mọi chiều bài tuyên truyền chính trị của đảng CSVN, Hội PTVNTN tại Đức và Tiểu Ban GTPN / Hannover đã xin chính quyền địa phương Hannover cho phép lập một bàn thông tin ngay lối vào nhà hát tại Hildesheimerstr. 380, Hannover, vào ngày 31/05/97, nhóm văn công do CSVN đưa đến Đức tuyên truyền. Mục đích lập bàn thông tin nhằm kêu gọi đồng hương ý thức rõ việc sử dụng những quyền tự do của mình và đứng để tập đoàn CSVN lợi dụng, trong lúc chính họ đang vi phạm Nhân Quyền; đe dọa, bắt giam các Văn Nghệ Sĩ và Trí Thức yêu Tự Do và Dân Chủ cũng như đang đàn áp dã man GHPGVNTN ở trong nước.

Ngoài những lời kêu gọi thiết tha bằng tiếng Việt mong đồng hương ý thức hành động của mình đứng để bị CSVN tuyên truyền lừa bịp; Tiểu Ban GTPN / Hannover, dưới sự cố vấn, chỉ đạo và động viên của Đạo hữu Hội

trưởng Hội PTVNTN tại Đức, đã in ra nhiều tập tài liệu về việc vi phạm Nhân Quyền và đàn áp GHPGVNTN cùng lời kêu gọi bằng tiếng Đức để phát cho người bản xứ hiểu rõ bản chất tuyên truyền lọc lừa của tập đoàn CSVN.

Như thế hành động của đội 'Áo Vàng' (tiểu ban GTPN / Hannover) đã thể hiện đúng tinh thần Bi - Trí - Dũng, nhất là tinh thần 'Bất Bạo Động' của nhà Phật. Họ không tẩy

chay, không bạo động mà chỉ kêu gọi bằng tấm lòng sự ý thức sâu rộng của mọi người. Bàn thông tin bắt đầu lúc 15 giờ và chấm dứt sau 5 giờ an nhần đấu tranh phản tuyên truyền cái gọi là 'giao lưu văn hóa' giữa người Việt với người Việt của đảng CSVN.

Thư ký tiểu ban GTPN / Hannover ghi lại.

• **Thiện Hội Đoàn Hữu Hải**

CUỘC TRANH ĐẤU NHÂN QUYỀN CỦA ĐỐI LẬP VIỆT NAM VÀ "TÒA ÁN HÌNH SỰ QUỐC TẾ VỀ VIỆT NAM" TRONG TƯƠNG LAI

Kể từ ngày 2.9.1945, ngày Hồ Chí Minh chiếm đoạt chính quyền, đặt đất nước và dân tộc Việt Nam dưới ách thống trị của tập đoàn Cộng Sản độc tài phi nhân. Trong chế độ đảng trị chuyên chế, sát máu, dử loạn quốc tế mấy ai biết được tội ác của Hồ Chí Minh và bè lũ kế thừa, tập đoàn cầm quyền CSVN đã và đang vi phạm đối với dân tộc Việt Nam, bất kể thành phần xã hội, tôn giáo, bất kể nam, phụ, lão, ấu, bất kể quâ phụ cô nhi v.v... bởi vì họ là những kẻ thẳng trợn, độc tài, phản dân chủ, bởi vì họ có đủ phúng tiện trong tay để bóp méo lịch sử, để thủ tiêu các nhân chứng, để hủy diệt mọi chứng tích. Bởi vậy Cuộc Tranh Đấu Nhân Quyền của Đối Lập Việt Nam Trước Diễn Đàn Liên Hiệp Quốc, đề nghị Liên Hiệp Quốc thành lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Về Việt Nam. Đem xét xử những thủ phạm các tội ác chống nhân loại xảy ra trên đất nước Việt Nam. Là một việc làm hết sức to lớn và rất có ý nghĩa, hầu

mang lại một cuộc sống công bằng, tự do, và dân chủ cho Việt Nam.

Qua nhiều năm liên tục tranh đấu, với những kết quả đã thu được, Đối Lập Việt Nam do nhiều đại diện của các phái đoàn, đã thông báo cụ thể qua cuộc họp báo, hội thảo vào ngày 30.3.97 vừa qua tại thành phố Unna, Đức Quốc, do Việt Nam Quốc Dân Đảng tổ chức. Cuộc họp báo được chính thức khai mạc vào hồi 14 giờ 30. Chủ tọa đoàn: ông Lê Trần, đại diện cho Việt Nam Quốc Dân Đảng và bốn phái đoàn gồm có: Phái Đoàn Người Việt Tự Do có ông Hồ Minh Châu làm đại diện; Phái Đoàn Nhân Quyền Phụ Nữ Việt Nam có Giáo sư Lương Thị Nga làm đại diện; Phái Đoàn Việt Nam Tự Do Tín Ngưỡng có Luật sư Trần Thanh Dân làm đại diện; Phái Đoàn Nhân Quyền Từ Nhân Chính Trị có ông Đặng Phước Chi và ông Trần Công Linh làm đại diện. Ngoài ra còn có đồng đạo các thành phần tham dự như: đại diện của các Hội Đoàn, Tổ Chức, Kỳ giả của các báo như báo Thiện Chí, báo Phụ Nữ Dân Chủ v.v...

Mở đầu cho chương trình, Ban Tổ Chức long trọng làm lễ khai mạc, chào cờ và hát Quốc Ca. Cũng trong bầu không khí trang nghiêm đó tất cả dành một phút tưởng niệm Nhân sĩ Trần Quang Túc; cố Chủ tịch Ban lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng Âu Châu. Người đã từng là Trưởng Phái Đoàn Người Việt Tự Do tuyên cáo trước diễn đàn Liên Hiệp Quốc về những tà ý vi phạm nhân quyền của CHXNCN Việt Nam. Tiếp theo chủ tọa giới thiệu thành phần phái đoàn và cùng tất cả đại biểu cũng như kỳ giả của các Hội đoàn, Báo chí tại Đức. Cuộc họp báo được bắt đầu, Luật sư Phạm Thanh Dân với tư cách cố vấn pháp lý của đoàn, đã trình bày bản thông báo đầy đủ tất cả về chứng liệu cụ thể cũng như những nhân chứng sống của lịch sử, để tố cáo tội ác của chính quyền CSVN trước diễn đàn Liên Hiệp Quốc.

Năm 1992, Đối Lập Việt Nam chính thức xuất hiện trước diễn đàn nhân quyền LHQ, tố giác trước công luận thế giới, những vi phạm nhân quyền trầm trọng man rợ của Hồ Chí Minh, của chính phủ CSVN đối với Phế binh, Quâ phụ, Tử sĩ Việt Nam Cộng Hòa, các tôn giáo tại Việt Nam và tín đồ, các tù nhân chính trị VN. Những vi phạm nhân quyền man rợ đó, đã được quốc tế pháp về nhân quyền và nhân đạo liệt vào loại "Tội ác chống nhân loại bất khả thời tiêu", có thể sẽ bị chế tài và trừng trị bởi một "Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Chuyên Thẩm". Các cáo trạng về tội ác của CSVN do Luật sư Phạm Thanh Dân soạn thảo, được Giáo sư Lương Thị Nga tuyên đọc trong các buổi trần thuyết trước diễn đàn LHQ, đã gây chấn động hội trường quốc tế này, gồm 186 quốc gia hội viên, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ (O.N.G - N.G.O), các cơ quan truyền thông quốc gia và quốc tế.

DIỄN TIẾN CUỘC ĐẤU TRANH:

- 12.8.92 Tiếng nói Đối Lập Việt Nam lần đầu tiên được Ban Bảo Trợ Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa, do Giáo sư Lương Thị Nga lãnh đạo, chính thức đồng đặc vang lên trước diễn đàn LHQ, tố cáo chính phủ CHXHCN Việt Nam đã và đang chà đạp quy mô, man

rợ nhân quyền, nhân phẩm của Phế binh Việt Nam Cộng Hòa.

- 16.02.93, do sự hướng dẫn của Luật sư Phạm Thanh Dân, Tu sĩ Thái Hòa, Trưởng Phái đoàn Phật Giáo Hòa Hào, tổ cáo sự chà đạp tự do tín ngưỡng cũng như thăm sát tập thể tín đồ Phật Giáo Hòa Hào do Cộng Sản chủ trương và đề nghị LHQ gửi chuyên viên qua Việt Nam điều tra.

- 16.9.93, Nhóm chuyên viên LHQ thăm vấn Ls Phạm Thanh Dân và Gs Lương Thị Nga về những vi phạm nhân quyền trầm trọng của nhà cầm quyền CSVN đối với Giáo hội và tín đồ Phật Giáo Hòa Hào, Tu sĩ Thái Hòa được xuất trình làm nhân chứng lịch sử.

- 17.12.93, Phái đoàn Việt Nam Tự Do Tín Ngưỡng, Tu sĩ Thái Hòa, Trưởng phái đoàn, do Ls Phạm Thanh Dân hướng dẫn, trực tiếp khai cung trước ông Abdelfattah Amor là phúc trình viên đặc biệt của LHQ và bà Lacroix chuyên viên lỗi lạc về vấn đề tôn giáo thế giới. Phái đoàn gồm tín đồ các tôn giáo Việt Nam: Phật Giáo Hòa Hào, Cao Đài Giáo, Công Giáo, Tin Lành và các Tổng phái Phật Giáo Việt Nam. Những tố giác này được ông Abdelfattah Amor chuẩn nhận và ghi vào ba phúc trình rằng nhà nước CHXHCN Việt Nam đứng đầu trong 28 quốc gia có vi phạm nhân quyền trầm trọng man rợ đối với công dân của họ; ông Abdelfattah công khai tố ý muốn đi Việt Nam điều tra.

- 14.02.94, Ls Phạm Thanh Dân hướng dẫn Phái đoàn Việt Nam Tự Do Tín Ngưỡng ra trần thuyết trước diễn đàn LHQ về tội ác của CSVN đối với tín đồ Cao Đài Giáo và các Tôn Giáo tại Việt Nam.

- 10.8.94, Phái Đoàn Nhân Quyền Phụ Nữ Việt Nam do Gs Lương Thị Nga hướng dẫn, đọc một bản tuyên cáo nầy lửa trước đại diện 186 quốc gia hội viên LHQ, nhấn mạnh về những vi phạm tập thể và tội ác chống nhân loại bất khả thời tiêu của nhà nước CHXHCN Việt Nam đối với đại gia đình Phế binh, Quà phụ, Cô nhi Tử si Việt Nam Cộng Hòa. Phái đoàn yêu cầu LHQ thành lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế về Việt Nam.

- 13.02.95, một lần nữa Phái Đoàn Nhân Quyền Phụ Nữ Việt Nam được sự hỗ trợ của Tu sĩ Thái Hòa và Ls Phạm Thanh Dân ra trước diễn đàn LHQ, tiếp tục tranh đấu cho việc thành lập "Tòa Án Hình Sự Quốc Tế về Việt Nam"; lần đầu tiên trước diễn đàn LHQ, trong khóa khoảng đại thứ 51, một số quốc gia hội viên và O.N.G công khai đề cập và trách cứ về những vi phạm nhân quyền tại Việt Nam. Tập đoàn CSVN đã chính thức bị đẩy vào ghế bị cáo trước công luận thế giới.

- 17.02.95, Gs Lương Thị Nga và Ls Phạm Thanh Dân hội kiến ông Ayala Sasso, Phó Tổng Thư Ký LHQ kiêm曹 Ủy Nhân Quyền, để trình bày thảm trạng Việt Nam và thái độ bất chấp dù luận, bất chấp luật pháp quốc tế của tập đoàn cầm quyền CSVN; ông Phó Tổng Thư Ký LHQ rất xúc động và cho biết sẽ ra lệnh chất vấn ngay nhà cầm quyền CHXHCN Việt Nam.

- 02.8.95, Phái Đoàn Việt Nam Tự Do Tín Ngưỡng và Phái Đoàn Nhân Quyền Phụ Nữ Việt Nam, với sự hỗ trợ của Ls Phạm Thanh Dân ra trước diễn đàn LHQ vạch trần trước cộng đồng nhân loại và công luận thế giới những "Tội ác chống nhân loại bất khả thời tiêu của Hồ Chí Minh và tập đoàn cầm

quyền CSVN" nhất là việc san bằng hàng trăm ngàn mồ mã, đồng thời lập lại đề nghị LHQ thành lập "Tòa Án Hình Sự Quốc Tế cho Việt Nam".

- 25.3.96, Phái Đoàn Người Việt Tự Do, nhân sĩ Trần Quang Túc, Chủ tịch Ban lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng Âu Châu, Trưởng Phái Đoàn, do Ls Phạm Thanh Dân hướng dẫn, với sự hỗ trợ của Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hào, tuyên cáo trước diễn đàn LHQ "Những tà ý vi phạm nhân quyền và quốc tế pháp của CHXHCN Việt Nam qua Hiến Pháp 1992" và chính sách "Đổi Mới" bịp bợm.

- 19-20.11.96, Phái Đoàn Nhân Quyền Từ Nhân Chính Trị, nhân sĩ Hồ Minh Châu, Trưởng phái đoàn, do Ls Phạm Thanh Dân hướng dẫn đến trụ sở LHQ tại Genève để được vị chuyên viên LHQ, đặc trách về vấn đề Khiếm Trùng chấp cung về các "Tội ác chống nhân loại bất khả thời tiêu" của nhà cầm quyền CSVN đã vi phạm đối với tù nhân chính trị thuộc thành phần đối lập Việt Nam, chiếu theo Hiến Chương Quốc Tế Nhân Quyền và 4 thỏa ước Genève 1949 về nhân đạo pháp quốc tế.

- Và mỗi đây, vào hạ tuần tháng 3.97 Phái Đoàn Nhân Quyền Phụ Nữ Việt Nam, Gs Lương Thị Nga, Trưởng phái đoàn, được sự yểm trợ tích cực của Phái Đoàn Nhân Quyền Từ Nhân Chính Trị, nhân sĩ Hồ Minh Châu, Trưởng phái đoàn, và Ls Phạm Thanh Dân trở lại diễn đàn LHQ để trần thuyết về vấn đề Từ Nhân Chính Trị Việt Nam Tự Do, nạn nhân chính sách ngục tù man rợ, khủng khiếp của tập đoàn cầm quyền CSVN.

Ngoài các buổi phổ hội trần thuyết hàng năm, 2 lần mỗi năm, trước diễn đàn nhân quyền LHQ, từ năm 1992 đến nay Đối Lập Việt Nam còn tiếp xúc, hội kiến nhiều lần với các Phúc Trình Viên đặc biệt của LHQ, để khai cung và đệ nạp hồ sơ, chứng liệu lịch sử, về các tội ác đã và đang xảy ra tại Việt Nam.

Trong không khí phấn khởi của mọi người tham dự cuộc họp báo, sau phần trình bày của Ls Phạm Thanh Dân, anh Nguyễn Minh Lộc là tín đồ của Hội Thánh Tin Lành tại Đức, với niềm tin vào thắng lợi của Đối Lập Việt Nam, anh đã trao cho Ls Phạm Thanh Dân một chứng liệu cụ thể về việc CSVN đàn áp đạo Tin Lành và tín đồ tại Nha Trang. Tiếp theo đó, các ký giả liên tiếp đưa ra những câu hỏi phỏng vấn Đại biểu các Phái đoàn Đối Lập Việt Nam, với niềm hy vọng mong đợi sớm có một ngày LHQ thành lập "Tòa Án Hình Sự Quốc Tế cho Việt Nam", đem xét xử những thủ phạm các tội ác chống nhân loại xảy ra trên đất nước Việt Nam suốt thời kỳ đen tối kể từ ngày 02.9.1945.

Cuộc họp báo được kết thúc tốt đẹp vào hồi 18 giờ trong ngày, mọi người ra về trong tinh thần phấn khởi, hy vọng ngày mai chính quyền CSVN sớm bị trừng phạt bởi "Tòa Án Hình Sự Quốc Tế cho Việt Nam" như trường hợp phiên xử của "Tòa Án Hình Sự Quốc Tế cho cựu Yougoslaviens" hôm 11-13.3.97 vừa qua, và sớm mang lại cho dân tộc Việt Nam một xã hội Công bằng, Tự Do, Dân Chủ.

•Phạm Văn Hùng
Salzgitter - 09.4.97

MỘT SỰ CHÀ ĐẠP NHÂN QUYỀN

Vào đầu năm 1985 trong lúc cả nước đang nhốn nháo trên cơn sốt đổi tiền (Một đồng mới hối suất bằng Mười đồng cũ) bằng chủ trương của Phó Thủ Tướng chính phủ (Tổ Hữu) với cái gọi là "Giá, Lương, Tiền". Trong thời điểm đó, một cơ quan ngôn luận của Đảng (thuộc ngành Báo Công An, TP Hồ Chí Minh) trực thuộc Bộ Nội Vụ nước CHXHCN Việt Nam, đã đưa tin như sau: Bà Nguyễn Thị Bày, 56 tuổi. Nghề nghiệp buôn bán rau cải tại chợ Cầu Ông Lãnh, Quận I, đồng thời được Tòa án Nhân dân Quận I, TP Hồ Chí Minh, kết tội là: "Tung tin đồn nhảm thất thiệt", và tặng người mẹ ấy hai năm tù. Vì người mẹ nghèo đó đã thấy được tờ giấy bạc 50.000 đồng. Hiện nay nhà nước đã có mặt trên thị trường Việt Nam tờ giấy bạc 50.000 đồng. Thủ hồi Đảng và nhà nước có một lời nào xin lỗi đến người mẹ nghèo đó hay không? Hay người mẹ tảo tần buôn bán ấy đã về nơi gió cát. Thủ hồi làm sao? Có được một tự do thật sự đây! Bởi Đảng và nhà nước đã chăm sóc tận tình đến từng "củ miêng" của những người dân lao động chất phác thật thà. Có như thế, mới thấy rõ rằng Đảng và nhà nước đã một thời hết lòng ca ngợi "Tình quân dân như cá với nước" và cao hơn nữa là: "Hiếu với dân" bằng cách đó hay sao?!

VẤN ĐỀ Ý THỨC HỆ

*"Nụ cười thay cho chúa cộng tuyên thệ:
Thắng giặc Mỹ ta xây dựng hơn gấp
mười ngày nay"*

Từ 30.4.75, sau khi đã cưỡng chiếm miền Nam về một mối, 20 năm trôi qua, nhà cầm quyền CSVN đã phải chịu lệnh cấm vận buôn bán toàn khối tư bản, đứng đầu là Mỹ. Nhưng họ còn huênh hoang rằng: "Chủ nghĩa tư bản đang trên đà giấy chết". Câu nói đó đã gắn chặt trong hơn mười mấy năm trong chương trình giáo dục của nhà nước CS Việt Nam. Đã ăn sâu vào tâm trí những mầm non đất nước và đã thấm nhuần trong từng tiết học hàng tuần của bộ môn chính trị dưới mái trường xã hội chủ nghĩa. Có phải chăng đó là ý thức hệ: "Mười năm trồng cây. Trăm năm trồng người" của một chế độ độc tài đảng trị đó hay sao? Trước làn sóng dân chủ đa nguyên hiện nay, tháng 9 năm 1995, sau khi Tổng Thống Mỹ Clinton đã tuyên bố bãi bỏ lệnh cấm vận, thì thủ hồi Đảng Cộng Sản đã lèo lái con thuyền "Nước CHXHCN Việt Nam" đi như thế nào?

Thưa các bạn, dưới sự lãnh đạo tài tình sáng suốt của đảng CSVN đã đưa ngành giáo dục đất nước suy đồi, y tế quản quai và dẫn đến một đất nước nghèo và lạc hậu đứng hàng thứ mười mấy các nước nghèo nhất trên thế giới. Họ đã xoay chiều 180 độ với cái gọi là "ý thức hệ chủ nghĩa xã hội dưới tư tưởng Hồ Chí Minh". Hiện nay họ đã bộ căng Tây, ôm chân Mỹ, Nhật v.v... để được hưởng ân huệ về kinh tế.

Quay lại tiêu đề: "Chủ nghĩa Tư bản đang trên đà giấy chết". Đảng CSVN đã lèo lái con thuyền dân tộc Việt Nam ra sao nhỉ?

Dưới ánh sáng dân chủ trên thế giới, cả một hệ thống xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã sụp đổ, đứng đầu là Liên Xô. Việt Nam đã mất đi khối thị trường Đông Âu hay nói cách khác đã mất đi tình anh em xã hội chủ nghĩa như Trung Hoa và Việt Nam trước kia và hiện nay. Trước kia họ cũng đã từng có những bài ca tụng "Việt Nam - Trung Hoa là hai dân tộc sống liền sống, núi liền núi". Mối liên hệ giữa hai dân tộc như: "Môi hồ răng lạnh" có mà! Dưới chiêu bài và đường lối đổi mới của Đảng được gọi là "Kinh Tế Thị Trường". Hiện nay như chúng ta đã biết, nhà đầu tư lớn nhất và nhiều nhất ở Việt Nam là ai? Thừa các bạn, đó không ai xa lạ mà chính là "Các tập đoàn Nam Triều Tiên" (Đại Hàn). Nhiều xí nghiệp lớn và nhỏ của nhà nước để được khôi phục lại thế đứng bá chủ chủ nghĩa Mác-Lê dưới cái gọi là "Chủ nghĩa xã hội dưới tư tưởng Hồ Chí Minh", họ được các tập đoàn Nam Triều Tiên tài trợ và cấp nguyên vật liệu để tái thiết lập lại các ngành công nghiệp nhẹ và nặng tại Việt Nam. Chúng ta suy ngẫm lại trước năm 1975, Việt Nam Cộng Hòa tại miền Nam Việt Nam đã được mệnh danh là Hòn Ngọc Viễn Đông, chế độ Cộng Hòa trước kia đã coi Cộng Hòa Nam Triều Tiên là: Một người lính đánh thuê cho chế độ Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Họ chạy theo kinh tế thị trường bằng cách bắt tay với kẻ mà trước kia họ cho là "Người lính đánh thuê, đánh lia họ". Nụ cười thay có phải đây là sự lãnh đạo sáng suốt tài tình của Đảng và nước CHXHCN Việt Nam đó chăng?

•Nguyễn Văn Phước
Bút danh: Sáu Già
30449 Hannover

CẦN PHỐI BÀY SỰ BÁCH HẠI TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Những người cộng sản vẫn thường nói: "Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân". Do đó, các tôn giáo luôn luôn là mục tiêu đánh phá của chính quyền cộng sản. Thực tế là như vậy, và nó cũng phù hợp với ý đồ của đảng CS, thế nhưng chính quyền Hà Nội vẫn luôn miệng khẳng định rằng họ hết sức tôn trọng tự do tín ngưỡng của người dân. Pháp luật của nhà nước CHXHCN Việt Nam đã ghi rõ quyền tự do tín ngưỡng, tự do truyền đạo. Nhà nước CSVN cũng đã phê chuẩn Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, trong đó có điều khoản cam kết tôn trọng tự do tín ngưỡng. Song ở nhà cầm quyền CSVN, lời nói hiếm khi đi đôi với việc làm. Đàn áp tôn giáo vẫn là mục tiêu của đảng CSVN. Những sự đàn áp mà chính quyền Hà Nội áp dụng rất tinh vi, nó không lộ liễu những tác dụng của nó thì rất lớn. Chính quyền có những kiểu hãm dọa khá đặc biệt, khiến người có đạo vẫn luôn luôn phải sống trong sợ sệt, trong sự đe dọa thường xuyên. Câu chuyện sau đây sẽ minh chứng cho thực tế ấy:

Ông Nguyễn Văn Mai sống bằng nghề làm thợ hàn suốt mấy chục năm nay, công việc cực nhọc nhưng không thiếu việc nhất là vào thời buổi "kinh tế thị trường". Sau ngày được bầu làm ông Trùm, ông Mai đạp xe đến những nơi trước đây từng nhận việc (giao khoán) nhưng đều bị tất cả từ chối không giao việc nữa! Ông hỏi lý do thì có chỗ chỉ cười mỉm, có chỗ thân quen cho biết là "được chỉ thị như vậy"! Thế rồi ông cố gắng đạp xe đến những hợp tác xã mới xin nhận việc cũng bị từ chối. Ít lâu sau, có vài cán bộ già bộ đến nhà chơi rồi cất tiếng:

- Sao, dạo này ông lên làm "ông Trùm" chắc Chúa cho ông làm ăn phát đạt đấy chứ?... Rồi họ cất giọng cười hăng hặc. Vẫn chưa thấy ông thay đổi, ít bữa sau, vào lúc nửa đêm, đám công an cho người đến gõ cửa và la lớn:

- Ông Mai đâu? Tôi mời ông ra đây xử lý ngay. Ông làm ông Trùm mà lại để cho giáo dân của ông có hành động vô đạo đức như thế này hả? Họ đang làm loạn ở ngoài kia kia...

Ông Mai vội vàng mở cửa ra hỏi: Dạ, cán bộ nói sao?

Công an lập lại câu hỏi trên và tiếp:

- Chúng nó đang đánh nhau ở dưới chân đê đảng kia. Ông theo chúng tôi, ra đây, chúng tôi sẽ dẫn ông đi đến chỗ đó... nhanh lên... Họ ra lệnh.

Vợ ông Mai thấy không ổn lên tiếng thúc ông: Thì ông cứ theo họ ra ngoài đó xem sao? Nghe vợ nói vậy nhưng vẫn chưa hết sợ, ông Mai liền ngoài cổ vào trong nhà gọi tên thằng con trai lớn và bảo nó lấy cái đèn "pin" rồi ra đi với ông. Khi theo công an ra cánh đồng, đứng trên con đê, ông thấy bốn bề vắng lặng, liền hỏi:

- Họ đánh nhau ở chỗ nào?

Tên xã đội chỉ tay xuống phía dưới chân đê và gằn giọng:

- Ở dưới kia...

Ông Mai liền sai người con trai:

- Máy chạy xuống chân đê xem chuyện gì lên cho bố biết để bố xuống giải quyết, để bố đứng trên này chiếu đèn "pin" cho con...

Người con trai sau khi nghe bố nói liền chạy lao mình xuống chân đê trong khi ông bố rùng người rọi đèn theo con. Một lúc sau, anh con trai chạy vội lên thở hổn hển, cảnh vật chung vẫn tĩnh lặng như tờ. Anh nói:

- Dạ thưa bố, đâu có chuyện gì ở dưới chân đê đâu bố!

Nghe xong, ông thấy cả người nổi gai ốc và thầm nghĩ chả lẽ chúng định giở trò với mình, mà xưa nay chúng có tử ai đâu! Nghĩ đến đó, ông vội nói:

- Dạ thưa cán bộ, đâu có chuyện gì xảy ra dưới chân đê đâu ạ!

Đội ông bấm dạ xong, đám công an liền phân:

- Không có gì hà, không có gì thì đi về...!

Vài hôm sau, đang lúc ngồi làm việc thì công an lại mò đến. Ngồi lẩn la một lúc, họ móc trong túi ra một cái công rồi hỏi:

- Ông có biết cái này là cái gì không?

Nghe xong ông Mai trả lời:

- Dạ, tôi làm sao mà biết được cái này!

Rồi cười cầu hòa. Nghe xong chúng phán tiếp:- Vậy chúng tôi nhờ ông làm thêm cho chúng tôi vài cái nữa! Nói xong chúng bỏ ra về.

Ông ngồi ngẩn người ra suy nghĩ đến cảnh bản thân sẽ bị tù tội, vợ con khổ sở, bà con anh chị em xa lánh vì sợ dây dưa lại mang họa vào thân. Nghĩ đến đó, ông đành phải quyết định từ chức ông Trùm, và xử đạo lại chịu cảnh lúng lờ như cũ...

Đó chỉ là một trong rất nhiều cách bách hại tôn giáo của nhà cầm quyền cộng sản. Một sự đàn áp không rầm rộ, mà tinh vi nhưng lại thường xuyên và do đó đầy hiệu quả. Lối bách hại tôn giáo ấy có thể bị mất được dư luận và chính quyền cộng sản vẫn tiếp tục leo lên rằng họ không hề ngăn trở tôn giáo. Một trong những cách để phá vỡ sự bị mất này của nhà cầm quyền Hà Nội là chúng ta phải phơi bày những sự thật về những việc đàn áp tinh vi đó trước dư luận thế giới, để thế giới làm áp lực buộc đảng CSVN phải tôn trọng những gì mà chính họ đã ghi trong Hiến Pháp, chính họ đã cam kết thi hành.

•Ma Van Tuan
31226 Peine

TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ AI ?

Thời gian gần đây, báo chí cộng sản tỏ ra "lo lắng" trước rất nhiều thực trạng "đáng buồn" của xã hội Việt Nam. Một trong những sự kiện đáng buồn đó là nạn tự tử đang ngày sinh một cách đáng sợ (!). Theo số liệu của báo Công An TP Hồ Chí Minh đưa ra thì đã lên đến con số vài nghìn trường hợp trong một năm (chỉ tính riêng TP Hồ Chí Minh) và tất nhiên là còn xa sự thật. Trong đó tỷ lệ tử vong chữa được tại Bệnh viện đã thực hiện rất ít vì bệnh nhân uống với tỷ lệ thuốc khá cao hoặc xử dụng những loại thuốc độc cực mạnh như các hóa chất được chiết xuất từ thạch tín hoặc thuốc trừ sâu. Chúng tôi họ quyết tâm chết, dứt bỏ cuộc sống đầy bất công áp bức hàng ngày và không muốn chứng kiến những gì tồi tệ nhất đang diễn ra ngoài xã hội...

Vì sao vậy? Báo chí và chính quyền CS né tránh một sự thật hiển hiện mà họ thừa tìm ra câu trả lời. Để đánh lạc hướng dư luận, báo Công An TP Hồ Chí Minh cho đăng loạt bài của Vũ Hạnh, một bồi bút khá điêu luyện với nghề xào vẹt đã răn dạy mọi người, đặc biệt là lớp thanh niên rằng: Sống phải biết yêu đời, phải có lý tưởng cách mạng, phải tìm ra những nét đẹp của cuộc sống để mà yêu v.v... và v.v... Những đời có cái gì để mà yêu mỗi được chứ? và xã hội Việt Nam có đáng yêu thực như Vũ Hạnh tô điểm không? Cái lý tưởng cách mạng mà Vũ Hạnh nói đến hiện nay nó là cái gì? Chúng ta hãy thử cùng nhau phân tích một cách thiết thực nhất xem sao:

Trước hết, cuộc sống của người dân Việt Nam hiện nay là hoàn toàn bế tắc. Đại đa số nhân dân lao động quần quật làm việc suốt ngày để chỉ mong đổi lấy hai bữa ăn no (mà chưa chắc no chứ đừng nói ngon), làm gì còn thời gian đâu để mà nhìn đời và yêu đời nữa, họ đã chán ngấy cái kiếp sống trâu ngựa hết ngày này qua tháng khác đó... Số còn lại, phần thì đục nước béo cò tham những đày túi tham, theo phương châm: "To ăn to, nhỏ ăn nhỏ"; phần thì cậy chức cậy quyền, mỗi

chữ ký, mỗi con dấu là đánh đổi hàng chục lượng vàng, có khi hàng trăm hàng ngàn... phần nữa buồn lậu góp phần làm *lụn bại* Tổ Quốc và số ít trông chờ vào thân nhân nước ngoài... Có gì để mà hưởng, có gì để mà vui, có gì để mà phần chần trong cuộc sống hiện nay ở Việt Nam khi mà đến cái điều thiêng liêng nhất của Dân Tộc cả hàng ngàn năm nay là:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh cũng bị dâng bỏ mất về tinh thần quan trọng là tràng pháo trong ngày Tết. Rồi tới đây dâng bảo Bánh Chưng và Thịt Mỡ cũng nguy hiểm nốt thì Tết chắc chỉ còn... Dưa Hành. Cái gì cũng cấm, cái gì cũng sợ, mà hề đảng sợ cái gì là dân bị cấm cái đó chẳng cần dưa ra bàn bạc trong Quốc Hội (dù là bù nhìn) hoặc Trưng Cầu Dân Ý gì ráo trọi.

Thứ đến là xã hội Việt Nam hiện cực kỳ thối nát, luân lý đạo đức đời bại, nhân tâm con người trở nên bản thù bởi những toan tính nhỏ nhen, kiếm tiền bằng mọi cách, dùng mọi thủ đoạn để có tiền. Con giết cha chỉ vì chia đất không đều, anh giết em vì muốn chiếm nhà để bán, chồng dùng xe máy chở vợ đi làm điểm "nghỉ phép dử" (vì ban ngày còn làm cô giáo), Bố chồng (là Giám đốc) ngủ với con dâu trong quán HỘp Đêm....

Còn cái "lý tưởng cách mạng" hiện nay? Nó đã bị đảng quảng vào sọt rác lâu rồi, từ khi đảng "Đổi Mới", có nghĩa là "Treo đầu dê, bán thịt chó". Trường nhân hiệu: "Cách mạng", nhưng thực chất các quan cách mạng đã liếm gót giày "Đệ Quốc" để đổi lấy đô-la mang gửi ngân hàng Thụy Sĩ, chia nhau nhiều "villa", gửi con đi nước ngoài và vun vén cá nhân, thanh toán cá nhân, tạo bè vầy cánh từ lâu rồi.

Nói tóm lại, nguyên nhân chính của nạn tử tử tràn lan hiện nay ở Việt Nam, đặc biệt ở các tỉnh phía Nam và TP Hồ Chí Minh là do chế độ CSVN với những chính sách hà khắc, cực kỳ vô lý và vô lương tâm đã đẩy cuộc sống của người dân VN đến chỗ tuyệt vọng. Từ ngày "Đổi Mới", CS đã tạo nên khoảng cách giàu nghèo một cách sâu sắc hơn, cái vực thẳm ấy đã khiến cho người dân VN càng thêm buồn tủi, chán nản và thất vọng. Họ có cái để so sánh, để ham muốn, thèm khát và để hiểu thêm rằng mình chẳng bao giờ được như vậy cả. Đặc biệt là lớp trẻ, có hiểu biết, biết tiếp thu cái mới, năng nổ, không cam chịu như lớp cha anh nhưng bất lực vì chẳng thể làm gì khác hơn. Mâu thuẫn lớn nhất đã xảy ra trong mỗi gia đình khi mà các xung đột được tạo ra bởi những con người càng ngày càng chồng chất thêm bao vô xé trong suy nghĩ.

Chúng ta lặng người và không thể không suy nghĩ khi mà 5 cô gái ở Đồng Nai cùng nhau nắm tay trầm mình xuống sông tự vẫn cách đây ít lâu khi đang ở tuổi học trò. Chắc chắn không phải là "vì tình" như báo chí CS cổ tình dựng chuyện. Làm gì có "Thất tình tấp thể" ở tuổi 14 - 15?

Chính quyền CSVN phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước những cái chết thương tâm ấy, vì những gì họ đã gây ra cho nhân dân VN trong suốt mấy chục năm qua và những gì họ đã đàn áp, đè nén một Dân Tộc.

•Hoài Việt
Hannover - 31.3.97

PHẬT GIÁO, VĂN HIÊN NGANG TRONG LÒNG CỘNG SẢN

(Bài viết nhân Kỷ niệm Ngày Lễ Phật Đản 2541, và góp phần vào công cuộc Giải Trữ Pháp Nạn tại Việt Nam)

Phật Giáo có tại Việt Nam trên 2000 năm, tinh thần Phật Giáo (PG) đã in sâu vào đời sống của đại đa số dân Việt, đã gắn liền với nền văn hóa, kỷ cương đạo đức của người Việt Nam, trẻ thơ được dạy bảo biết lạy Phật mỗi khi lên chùa, người người tôn kính mỗi lần ngang qua nơi thờ phụng tôn nghiêm, mỗi lần tới ngày Tết, rằm hay mừng một v.v... mọi người tự biết ăn chay niệm Phật, để tự luôn nhắc nhở mình biết làm điều thiện, sống đúng theo luân thường đạo lý ở đời.

Mọi tôn giáo nói chung và Phật Giáo nói riêng, đều luôn dẫn dắt mọi người tiến tới điều tốt đẹp, biết lánh xa điều ác, hướng tới điều thiện, biết thương yêu đùm bọc lẫn nhau, và mở rộng tấm lòng từ bi cứu giúp người đời. Vì lẽ đó đa số dân Việt, đã coi tinh thần Phật Giáo là lẽ sống ở đời, không thể thiếu, như có thể cần nước và thức ăn để sinh tồn.

Với chủ thuyết vô thần, mà những nhà lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam đang theo đuổi, chính quyền CSVN đã và đang can thiệp một cách thô bạo và trắng trợn vào các tổ chức Tôn Giáo nói chung và Phật Giáo nói riêng, chà đạp lên "quyền tự do tín ngưỡng", "tự do Tôn Giáo", bất chấp sự phản đối của dư luận, coi thường pháp luật, với bàn tay lỏng lẻo của con quỉ đồ, CSVN đã thọc sâu vào nội bộ Phật Giáo, hòng gây xáo trộn, chia rẽ, với dã tâm thống trị tinh thần, quyết tâm tiêu diệt Phật Giáo (nơi chỗ dựa tinh thần, niềm an ủi lớn nhất của đa số đồng bào Việt Nam), với tiến hành hàng loạt các âm mưu nhằm tiến tới tiêu diệt nền Phật Giáo truyền thống, để cuối cùng đưa đẩy Phật Giáo đi vào quỹ đạo dưới sự điều khiển của đảng CSVN, dẫn tới việc ngăn chặn mầm móng đấu tranh đòi tự do, dân chủ, đòi nhân quyền, và giải thể đảng CS của các Tổ chức, Đoàn thể, Đảng phái... và nhân dân lao động trong cũng như ngoài nước, hòng đặt sự thống trị lâu dài của đảng CS trên đất nước Việt Nam.

Đề thực hiện những dã tâm trên, chính quyền CSVN đã dùng mọi thủ đoạn, ra tay bắt giam, giết chết, quản thúc các Tăng sĩ, cấm không cho hoạt động Tôn Giáo, san bằng chùa chiền, đốt và tịch thu kinh sách, dùng nói thờ phụng thiêng liêng biến thành khu du lịch, nhằm thu ngoại tệ, chiếm đoạt tài sản công dân, phá hoại nền đạo đức truyền thống "Tôn Sư Trọng Đạo" của dân tộc, gây những bất mãn, và đau thương trong lòng mọi người.

Các Đại Đức, Thượng Tọa, Hòa Thượng (Thích Thiện Minh, Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Tuệ Sỹ, Trí Siêu; 12 vị

Tăng Ni tự thiếu tại Thiền viện Dược Sư ở Cần Thơ tháng 11.75; và mỗi đây 200 Huynh Trường tại Việt Nam ghi danh đòi tự thiếu để phản đối chính quyền CSVN giải thể Phong trào "Gia Đình Phật Tử" đã có từ 50 năm nay và còn biết bao nhiều vị nữa hiện còn đang chịu sự hành hạ của đảng CSVN), những ngôi chùa, thiền viện (Long Thọ, Tổ Đình Linh Mục v.v...) đã và đang là nạn nhân của chủ thuyết vô thần, độc tài đảng trị trong chính thể của nước CHXHCNVN.

Hèn hạ và đê tiện nhất là CSVN đã xé tũ một cách vội vã các Tăng sĩ, đổi trắng thay đen, không cho bào chữa (một hành động thiếu dân chủ) gán ghép các Tăng sĩ vào tội hình sự một cách mơ hồ "phá rối trật tự công cộng", "tổ chức chống người thi hành công vụ" v.v... hòng đánh lừa dư luận và âm mưu xóa mờ hình ảnh các Tăng sĩ trong lòng mọi người.

Trước những áp lực chống phá của chính quyền, Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vẫn là của nhân dân Việt Nam, không một cá nhân nào, một phe nhóm nào, hay một tổ chức chính trị nào, dù có mạnh tới đâu cũng không thể bóp chết được tinh thần Phật Giáo trong lòng dân tộc, mà người đại diện duy nhất là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất; Đảng CS có thể hành hạ thể xác các Tăng sĩ, nhưng không thể khuất phục được ý chí kiên cường chống bạo quyền CS. Các vị vẫn còn đó, vẫn ngạo cao đầu, vẫn cười ngạo nghề, thách thức chế độ, thách thức đảng CS, dù rằng các Tăng sĩ vẫn còn bị giam hãm, quản thúc, và bị cấm hành đạo giúp đời, họ vẫn là tấm gương sáng cho chúng ta noi theo và hành động.

Chúng ta hy vọng rằng: với tấm lòng Đại Từ Đại Bi của nhà Phật, rồi đây Phật Giáo sẽ từ từ cảm hóa được những đảng viên CS phản tỉnh, quay lại với chính nghĩa dân tộc, thay thế chủ thuyết vô thần bằng giáo lý Phật Giáo, giúp đỡ mọi người giữ vững luân lý đạo đức, giữ vững truyền thống ngàn đời của dân tộc.

Quyền Tự Do Tôn Giáo, là quyền thiêng liêng đã được ghi vào bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền mà chính quyền CSVN đã đặt bút ký, chúng ta hãy vui nổi vui của dân tộc, hãy đau nỗi bất hạnh của dân tộc, nếu có thể được, trong mỗi chúng ta cố gắng truyền bá tư tưởng Phật Giáo về cho những người thân, và có thể hàng tháng gửi về quốc nội một bài nhỏ về giáo lý Phật Giáo, nhằm truyền bá tinh thần Phật Giáo cho mọi người, mọi nhà, trước hết là để mọi người luôn hướng về điều thiện, kể đến là để cảm hóa dần các đảng viên CS trong tấm lòng tử bi, góp phần vào công cuộc loại bỏ ách thống trị CS, thiết lập nền Dân Chủ tại Việt Nam, như ấn bản "Việt Nam Đi Tới" đang làm và đã gây nên những ảnh hưởng rất lớn, góp phần làm lung lay chế độ độc tài, để rồi mai đây chế độ CS sụp đổ, những người con tha hưởng được quay trở về với dân tộc, được cùng chung vui và chăm lo xây dựng lại quê hương.

Chúng ta tin tưởng hào quang sẽ tỏa sáng khắp núi sông nước Việt và Phật Giáo Việt Nam sẽ mãi mãi trường tồn.

•Hoàng Anh
4.97

SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

THÔNG CÁO BÁO CHÍ NGÀY 16.5.1997

Quốc Hội Âu Châu vừa ra Quyết Nghị "kết án chính quyền Việt Nam đàn áp nhân quyền" sau khi nghiên cứu bản Phúc trình về "Tình trạng nhân quyền tại Việt Nam năm 1996-1997" do Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam đệ trình.

■ Gần một năm sau khi hiệp định hợp tác giữa Cộng Đồng Âu Châu và Việt Nam được ký kết, trong đó có điều khoản bó buộc phải tôn trọng nhân quyền và những nguyên tắc dân chủ. Và cũng là lúc hiệp định khung giữa Liên Hiệp Âu Châu và Hiệp Hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) sắp được duyệt xét lại, vì sự kiện Việt Nam vừa gia nhập khối ASEAN. Ủy Ban Đối Ngoại, An Ninh và Chính sách phòng thủ đã yêu cầu Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền và Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam cung cấp một bản phúc trình về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam trong năm vừa qua.

Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam đã gửi tới một bản phúc trình, với đầy đủ chứng liệu, trung rõ sự vi phạm nhân quyền trầm trọng tại Việt Nam trong năm 1996-1997 qua các đề mục:

1) *Vi phạm các quyền kinh tế và xã hội* (sự nghèo đói, chính sách di dân, nạn tham nhũng, quyền xã hội, quyền trẻ em);

2) *Vi phạm quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí* (tăng cường bộ máy công an ngoài pháp luật để kiểm soát quần chúng, cấm đoán những phương tiện thông tin như truyền hình vệ tinh, Internet);

3) *Vi phạm quyền tự do tôn giáo* (đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, bắt bỏ hầu hết giới lãnh đạo Giáo Hội, âm mưu giải thể phong trào Gia Đình Phật Tử gồm 300.000 đoàn viên khiến 200 Huynh Trưởng sẵn sàng tự thiêu để bảo vệ tổ chức), đàn áp các Giáo Hội Công Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành);

4) *Vi phạm những điều kiện giam giữ tù nhân* (bắt bỏ và giam cầm trái phép, tra tấn, ngược đãi, miễn quy tội và chết chóc trong trại giam, lao động khổ sai, tù nhân chính trị và tù nhân vì lương tâm, cấm đoán quyền khiếu nại và quyền biểu tỏ của tù nhân, cảnh sống khắt nghiệt, án tử hình).

Ở phần *Kết Luận*, bản phúc trình đưa ra những đòi hỏi có tính cách Quyết Nghị để yêu sách nhà cầm quyền Hà Nội chấm dứt chính sách vi phạm nhân quyền, đàn áp tôn giáo, tôn trọng pháp quyền trong việc giam giữ tù nhân và điều hành các trại giam, tôn trọng các quyền tự do ngôn luận, báo chí, và cuộc bầu

cử Quốc Hội ngày 20.7 tới phải mở rộng cho những ứng cử viên độc lập, không cộng sản...

■ Bản Phúc Trình trên đây của Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam đã được gửi đến cho mọi Dân Biểu và tất cả các nhóm chính trị trong Liên Hiệp Âu Châu. Trong suốt tháng 4.97, ông Võ Văn Ái cầm đầu Ủy Ban đã mở cuộc vận động thông tin nhân quyền, gặp gỡ những Dân Biểu uy thế và các nhóm chính trị lớn. Thành quả của cuộc vận động khẩn cấp và liên tục này, là các nhóm chính trị sau đây đã đồng ý hỗ trợ cho một Quyết Nghị lên án Hà Nội vi phạm nhân quyền: nhóm Đảng Xã Hội Âu Châu, nhóm Đảng Bình Dân Âu Châu, nhóm Đảng Liên Hiệp Âu Châu, nhóm Đảng Âu Châu của những người Tự Do, Dân Chủ và Cải Cách, nhóm Đảng Xanh và nhóm Đảng Cấp Tiến Âu Châu.

Tổng cộng phiếu bầu của các nhóm trên đây là 542 phiếu trên tổng số 626 phiếu ở Quốc Hội Âu Châu. Vào đúng 18 giờ 30 tối qua, 15.5.1997, Quốc Hội Âu Châu đã thông qua bản Quyết Nghị thống nhất, gom từ 6 bản dự thảo quyết nghị. Sau đây là bản dịch nguyên văn Quyết Nghị:

QUỐC HỘI ÂU CHÂU :

- chiếu theo hiệp định hợp tác giữa Cộng Đồng Âu Châu và Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, căn cứ trên sự tôn trọng nhân quyền và những nguyên tắc dân chủ.

A. bởi lẽ hiệp định giữa Liên Hiệp Âu Châu và Hiệp Hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) sẽ được xét duyệt lại, và rằng Việt Nam đã trở thành quốc gia hội viên của Hiệp Hội này từ sau lần duyệt trước,

B. bởi lẽ chính quyền Việt Nam tiếp tục hạn chế những tự do dân sự và vi phạm nhân quyền, bằng cách xâm phạm quyền tự do ngôn luận, quyền tự do thông tin đại chúng, quyền tự do hội họp và lập hội và quyền tự do tôn giáo,

C. bởi lẽ bất chấp điều 70 trên Hiến Pháp bảo đảm quyền tự do tôn giáo, chính quyền Việt Nam tiếp tục thi hành một chính sách ngược đãi tôn giáo, nhất là đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và Giáo Hội Công Giáo,

D. phản nản việc tất cả hàng giáo phẩm thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đều bị bỏ tù trong những điều kiện giam giữ phi nhân,

E. nhắc nhở việc bầu cử Quốc Hội ngày 20.7.1997,

1. nhắc nhở nhà cầm quyền Việt Nam về sự quan tâm của Liên Hiệp Âu Châu đối với điều khoản nhân quyền trong hiệp định hợp tác được phê chuẩn năm ngoái;

2. kết án những vi phạm nhân quyền do chính quyền Việt Nam thực hiện;

3. yêu cầu nhà cầm quyền Việt Nam trả tự do cho tất cả tù nhân chính trị và tôn giáo;

4. truyền (enjoint / enjoins) cho nhà cầm quyền Việt Nam cải thiện những điều kiện giam giữ trong các trại và nhà tù Việt Nam theo đúng tinh thần tôn trọng luật pháp;

5. tin tưởng rằng sự bãi bỏ tất cả các sắc lệnh và luật nhằm hạn chế quyền tự do ngôn luận và báo chí là một điều kiện cần bản cho sự phát triển dài lâu;

6. mời gọi nhà cầm quyền Việt Nam hãy để cho các giáo phái tự quản lý việc tôn giáo như họ mong muốn;

7. yêu cầu nhà cầm quyền Việt Nam hãy cải thiện sự trung lập và trong sáng của hệ thống tư pháp;

8. mời gọi chính phủ Việt Nam hãy làm sao cho cuộc bầu cử Quốc Hội ngày 20.7.97 thực sự tự do và dân chủ;

9. yêu cầu Hội Đồng (Âu Châu) và Cộng Đồng (Âu Châu) hãy đưa nhân quyền thành quyền ưu tiên trong những liên hệ với Việt Nam và với Hiệp Hội các nước Đông Nam Á (ASEAN);

10. ủy thác cho Chủ Tịch (Quốc Hội Âu Châu) chuyển giao Quyết Nghị hôm nay đến Hội Đồng (Âu Châu), đến Cộng Đồng (Âu Châu) và đến nhà cầm quyền Việt Nam".

Làm tại Paris, ngày 16.5.1997
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam

THÔNG CÁO VỀ ĐẠI HỘI KỲ II TẠI BOSTON, HOA KỲ

Phong trào Giáo Dân Việt Nam Hải Ngoại đã tổ chức Đại Hội kỳ II tại Boston, Hoa Kỳ, trong ba ngày 25, 26 và 27.4.1997. Đại biểu 25 Cơ sở từ Âu Châu và Hoa Kỳ cùng ban thường vụ nhiệm kỳ I đã về phó hội. Cùng tham dự có Đức ông Trần Văn Hoài, Giám đốc Văn Phòng Trung Ương Tông Đồ Mục Vụ Việt Nam Hải Ngoại, và một số Linh mục.

Đại Hội đã bầu Ban Thường Vụ nhiệm kỳ II (1997-2000) và thảo luận cùng biểu quyết các dự án công tác cho 4 năm tới của Phong trào. Mọi công tác của Phong trào đều nhằm mục đích: "... đào tạo, dẫn thân phục vụ Giáo Hội và canh tân xã hội... trong tinh thần liên đới và hợp tác của một cộng đồng huynh đệ" như Hiến Chương đã minh định.

Phong trào GDVNHN chủ trương đào tạo đoàn viên thực hiện "sống đạo giữa đời" bằng thái độ và hành động tích cực dẫn thân vào các môi trường sinh hoạt: tôn giáo, văn hóa, xã hội và chính trị như Thủ bản PT đã mô tả. . . . Trong 4 năm tới với tinh thần hân hoan tham gia vào tiến trình chuẩn bị chào mừng Năm Thánh 2000 do Giáo Hội Công Giáo đề xướng các đoàn viên PT sẽ quyết tâm thực hiện những công tác do Đại Hội II đã nghị quyết với một nếp linh đạo mới.

Một cách đại cường các công tác được dự trù thực hiện trong 4 năm gồm có: Các khóa đào tạo cơ bản... Các công tác hợp tác tôn giáo... Các công tác văn hóa đặc biệt... Phong trào tiếp tục hỗ trợ Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ tổ chức các khóa Đại Học hè thường niên và các trại hè giới trẻ tại Âu và Mỹ Châu.

Phong trào Giáo dân Việt Nam Hải ngoại
2b rue de la Bruche -
67116 Reichstett, France
Tel. 0033-3-88205822 -
Fax. 0033-3-88201334

**HỘI AI HỮU PETRUS
 TRƯỞNG VINH KÝ**

Hội Ai Hữu Petrus Trưởng Vinh Ký tại Cộng Hòa Liên Bang Đức đã bầu Tân Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ 1997-1999 với chức vụ và tên họ như sau:

- Hội Trưởng: Dr. Trần Thủ Danh
- Ngoại Vụ: Phạm Quốc Phong
- Nội Vụ: Phạm Văn Hòa
- Tổng Thư Ký: Lê, Trung Trực

Địa chỉ liên lạc: Lê, Trung Trực -
 Heimchenweg 80 - 65929 Frankfurt.
 Tel. 069-319761 -
 Fax. (49) 69-305-89983.

THỊNH NGUYỄN THỨ

Peine - Cộng hòa liên bang Đức ngày 12
 .05. 1997

Kính gửi
 Ngài Roman Herzog - Tổng thống nước
 CHLB Đức
 Ngài Helmut Kohl - Thủ tướng nước CHLB
 Đức
 Bà Rita Süsmuth - Chủ tịch Quốc hội nước
 CHLB Đức

Đồng kính gửi :
 Ngài Chủ tịch Quốc Hội Châu Âu
 Chủ tịch Nghị hội châu Âu
 Ngài Tổng thư ký Nghị hội Châu Âu

Kính thưa Quý Ngài !

Với sự sụp đổ của các nước cộng sản Đông Âu, nhường chỗ cho tự do và dân chủ cũng như kết hợp với trào lưu vì hòa bình trên thế giới đã khẳng định được rằng, chủ nghĩa cộng sản là một chủ nghĩa phi nhân bản. Cộng sản Việt nam hiện nay vẫn ngoan cố duy trì sự lãnh đạo này và đưa đất nước Việt nam tới chỗ nghèo nàn lạc hậu, khủng hoảng về kinh tế, đạo đức và văn hóa bị suy đồi, nhân dân vẫn nằm trong cảnh lầm than và cơ cực, hoàn toàn không có tự do, dân chủ và công lý. Đặc biệt trong thời gian gần đây, nhà cầm quyền cộng sản Việt nam vi phạm nhân quyền một cách trầm trọng, họ đẩy mạnh việc đàn áp tôn giáo, bắt bớ, giam cầm, quản thúc những người khác chính kiến, như Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Giáo sư ĐoànViết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Ông Nguyễn Đình Huy, Ông Hà Sỹ Phu... và còn rất nhiều người khác. Nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục đàn áp đối kháng mạnh hơn

nữa, bất chấp sự phản đối và lên án của các quốc gia cũng như các tổ chức quốc tế về quyền con người trên thế giới.

Kính thưa Quý Ngài !

Nhân danh cá nhân và đại diện cho Hội Thanh niên tỵ nạn Việt nam e.V và báo Tuổi Trẻ - cơ quan ngôn luận của Hội - xin thỉnh cầu quý Ngài :

1 - Trong khuôn khổ quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia và với Liên hiệp Châu Âu, kính mong quý ngài hãy dùng những áp lực chính trị, kinh tế yêu cầu chính quyền Cộng sản Việt nam phải tôn trọng những quyền tự do, dân chủ và nhân quyền của người dân Việt Nam, chấm dứt hoàn toàn việc đàn áp các tôn giáo cũng như phải trả lại tự do về điều kiện cho những tù nhân chính trị.

2 - Kính mong quý Ngài hãy hết sức giúp đỡ chúng tôi trong mọi vấn đề để hầu thực hiện được tự do, dân chủ và đa nguyên tại Việt Nam.

Cuối cùng xin kính chúc Quý Ngài mạnh khỏe và may mắn. Xin chân thành cảm ơn Quý Ngài.

Trân trọng kính thư.

Tòa soạn báo Tuổi Trẻ - tiếng nói của Hội Thanh niên tỵ nạn Việt nam e.V
 Ilseder Str 10 - 31226 PEINE - BRD và
 E - Mail : HTNTNVN @ t - online . de

Tổng biên tập : Quán Hữu Chi

■ Thịnh nguyện thư này đã được trao tới Quốc hội Châu Âu, trong buổi tuyệt thực và cầu nguyện hai ngày 14 và 15.05. 1997 trước tòa Quốc hội Châu Âu tại Strasbourg - FRANCE

THÔNG BÁO

Kính thưa Quý vị Thiện hữu Tri thức,
 Kính thưa Quý vị Đồng hương, Phật tử, Thân hữu, Đệ tử xa gần,

Sau hơn hai năm thiết kế họa đồ, lập thủ tục, hồ sơ xin phép, đáp ứng theo từng diễn tiến yêu cầu và đòi hỏi của chính phủ, sở đất hiện hữu của Chùa Pháp Quang được chính phủ chính thức chấp thuận ngày 12.8.96, là một Trung Tâm Sinh Hoạt Văn Hóa và Tôn Giáo. Đồ án xây cất Chùa Pháp Quang được Hội Đồng Thành Phố chấp thuận cấp Giấy Phép vào ngày 03.02.1997.

Từ đó, Giáo Hội đã muốn chuyên viên định giá lượng định kinh phí cho toàn công trình, được chia ra làm ba giai đoạn:

1. Xây chánh điện, hậu Tổ, Tăng phòng
2. Làm bãi đậu xe
3. Xây cổng tam quan, hàng rào, vườn cảnh

Tiếp theo, kêu gọi đấu thầu qua 10 nhà thầu khác nhau, so sánh giá cả, thương lượng những chi tiết yêu cầu, vật liệu xây cất, ... cuối cùng đi đến quyết định:

1. Giám sát công trình: Đại Đức Nhật Tân và Kiến Trúc Sư Koji Hua
2. Kỹ thuật chuyên môn: Kỹ sư Michael Yau

3. Nhà thầu xây cất: Đạo hữu Quý Tôn Phiêu

Kính thưa Quý vị, tất cả nỗ lực và tâm tư để:

- Trên nền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ tam đồ

- Cứu mạng, ước vọng, duy trì mạng mạch của Đạo Pháp và Dân Tộc

- Có nơi qui ngưỡng tôn thờ, và hàn duyên nối niềm trong cuộc sống tha hương.

Chúng tôi trân trọng báo tin mừng đến toàn thể Quý vị, Chùa Pháp Quang đã được khởi công xây cất nhân dịp Lễ Vía Phật Quán Âm 19.2 Đinh Sửu. Xin kỳ vọng nơi Quý vị, với tấm lòng vàng sẵn có, niềm tin yêu xây dựng mái chùa chung, kẻ công người của phát tâm cúng dường cho công trình xây cất Chùa Pháp Quang thành tựu viên mãn. Những vị đã có lòng hứa cúng trước đây, xin hoan hỷ cho chùa nhận số tịnh tài ấy.

Nếu gửi bằng ngân phiếu, xin đề Chùa Pháp Quang, và gửi theo địa chỉ như sau: Chùa Pháp Quang, P.O. Box 19, Corinda, Qld.4075 - Australia.

Kính mong Quý vị đón nhận chân tình tri ân sâu sắc của chúng tôi, và hồi hướng công đức cho Quý vị, bù duyên an lành, nhân sinh an lạc.

Nam Mô Công Đức Ủng Hộ Đạo Tràng Chủ Tôn Bồ Tát

Brisbane, ngày 06 tháng 4 năm 1997

Trụ Trì Chùa Pháp Quang
 Tỳ Kheo Thích Nhật Tân

Ghi Chú: Mọi chi tiết hoặc cúng dường xin liên lạc về Chùa Pháp Quang, một trong 2 địa chỉ như sau:

1. - Chùa Pháp Quang,
 P O. Box 19, Corinda, Qld 4075 Australia

2. - Chùa Pháp Quang, 12 Frooman Road,
 Durack Queensland 4077 - Australia - Tel. (07)
 33 72 11 13 - Fax (07) 33 72 99 88

CÂN NGƯỜI

**TIỆM ĂN VIỆT NAM TẠI HANNOVER
 CÂN NGƯỜI LÀM BẾP**

**Điều kiện : Có giấy cư trú hợp pháp
 Aufenthaltsbefugnis hoặc
 Aufenthaltserlaubins
 Xin liên lạc .**

**Tel. Nr. 0511 - 87 32 21
 (khoảng 21 giờ)**

**CÂN SANG
 NHÀ HÀNG TÀU**

**Địa điểm gần trung tâm thành phố.
 6000 dân - có nhiều du khách
 Giá thuê nhà rẻ - 80 chỗ ngồi
 Bãi đậu xe riêng- Giá phải chăng
 Liên lạc**

TEL. 06581 - 1820

PHÂN ƯU

Được tin muộn

Cụ Bà Mạc Khải NGUYỄN VIẾT KHÀI Khuê danh Hà Thị Cang

là thân mẫu của Nhà văn Hồ Trường An, đã mất tại Lộc Ninh, Việt Nam, tháng 3 năm 1997. Thượng thọ 85 tuổi.

Thành thật phân ưu cùng anh Hồ Trường An và xin nguyện cầu hưởng linh Cụ Bà sớm tiêu điều miền Cực Lạc.

- Ban Biên Tập Báo Viên Giác.

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Anh LÊ HỮU LUYẾN

vua tạ thế ngày 17.3 Âm lịch năm Đinh Sửu tại Niefern Oeschelbronn.

Hưởng thọ 73 tuổi

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng Chị và tang quyến. Nguyện cầu hưởng linh người quá cố sớm về miền Cực Lạc.

- Gđ. Trần Ngô
- Gđ. Trần Duy Hoanh
- Gđ. Hồ Chuyên

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Cụ Ông NGUYỄN ANH TỰ

là thân phụ Chị Nguyễn Mộng Hằng, đã từ trần ngày 20.4.1997 tại Đà Lạt, Việt Nam.

Hưởng thọ 78 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng Anh Chị Hằng & Hoàng và gia quyến. Xin nguyện cầu hưởng linh Cụ Ông sớm tiêu điều miền Cực Lạc.

- Thầy Cô, Bằng Hữu và toàn thể Phụ Huynh các lớp Việt Ngữ tại Frankfurt.

PHÂN ƯU

Gia đình chúng tôi được tin buồn:

Ông LÊ HỮU LUYẾN

Sinh năm 1925 Ất Sửu. Tạ thế ngày 17 tháng 3 Âm lịch năm Đinh Sửu 1997, tại Niefern.

Hưởng thọ 73 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng Cô Mười, các cháu và gia đình tang quyến, đồng thời thành kính cầu nguyện cho hưởng linh Ông sớm được siêu thăng Tịnh Độ.

- Bà Nguyễn Thị Tứ
- Gđ. Lê - Kim
- Gđ. Thám - Lan
- Gđ. Ân - Hường

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi chân thành cảm tạ và tri ân:

- Cha Minh ở Frankfurt
- Cha xứ ở Nieder Roden
- Ca đoàn Frankfurt
- Quý đồng hương cùng bằng hữu xa gần đã thăm viếng, gửi hoa, thiệp, điện thoại, đến chia

buồn, cầu nguyện, đọc kinh và tiễn đưa linh cửu của Mẹ, Bà Ngoại, Bà Cố của chúng tôi là:

Cụ Bà Maria CAO THỊ CHÈ

đã từ trần vào lúc 12g05 trưa ngày 06.5.1997 tại bệnh viện Seligenstadt, Tây Đức. Hưởng thọ 75 tuổi.

Nguyện xin ơn trên trả công bội hậu cho quý Cha & quý vị.

Tang gia đồng cảm tạ

- Con Nguyễn Thị Xuân, Chồng và các con
- Con Trưởng Thị Mai, Chồng và các con
- Con đồ đầu Trưởng Thùy Hoa, Chồng và con

CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu gần xa của Chồng, Cha, Nhạc Phụ, Ông Nội của chúng tôi:

Ông LÊ HỮU LUYẾN

(1925 - 1997)

Sanh 21.10 năm Ất Sửu. Từ trần 17.03 năm Đinh Sửu tại Niefern (Cộng Hòa Liên Bang Đức).

Hưởng thọ 73 tuổi.

Tang gia đồng khắp báo

-Vợ : Bà Lê Hữu Luyến nữ danh Đinh Thị Liên
-Trưởng nam: Lê Hữu Ái và vợ Magdalene Timme cùng các con
-Trưởng nữ : Lê Thị Bông
-Thứ nữ : Lê Thị Phương Mai
-Thứ nữ : Lê Thị Phương Anh
-Thứ nữ : Lê Thị Phương Nhung và chồng Frank Schneider
-Thứ nam : Lê Hữu Quốc
-Thứ nữ : Lê Thị Phương Lan và chồng Nguyễn Ngọc Tài
-Thứ nam : Lê Hữu Bảo và vợ Huỳnh Thị Ngọc Liên
-Thứ nữ : Lê Thị Phương Chi
-Thứ nam : Lê Hữu Thăng
-Thứ nam : Lê Hữu Kim Long
-Cháu nội đích tôn: Lê Hữu Anh Martin
-Cháu nội : Lê Hữu Thanh Mai Inka
-Cháu nội : Lê Hữu Kim Anh Sinja
-Cháu nội : Lê Hữu Thanh Lan Priska
Tang lễ được cử hành vào lúc 10 giờ ngày 30.04.1997, nhằm ngày 24.03 năm Đinh Sửu tại nghĩa trang Niefern.

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Bác Trần Xuân Hiền (Tübingen)
- Anh Chị Trần Văn Huyền (Reutlingen)
- Quý thân bằng quyến thuộc, thông gia, bạn hữu gần xa đã dành nhiều thì giờ quý báu đến thăm hỏi, chia buồn, phúng viếng cũng như phân ưu qua điện thoại, điện tín, Fax, để tiễn đưa linh cửu của Chồng, Cha, Nhạc Phụ, Ông Nội của chúng tôi :

Ông LÊ HỮU LUYẾN

đến nơi an nghỉ cuối cùng
Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều chi sơ suất kính xin quý vị niệm tình thông cảm.
Tang gia đồng cảm tạ
- Bà Quà Phụ Lê Hữu Luyến cùng các con và các cháu



CHẢ CUA

Vật liệu :

- 350 gr. đậu xanh cà
- 10 gr. bột gạo
- 100 gr. nấm rơm
- 10 tai nấm mèo
- 10 gr. bún tàu
- Muối, nước tương, tiêu, đường, bột ngọt, dầu ăn
- 2 muỗng cà phê dầu mè
- 1/2 muỗng súp bột năng (bột Tapioca) + 1 muỗng màu bông vang hoặc cà hộp, hoặc màu trái gấc
- 50 gr. củ kiệu tươi băm nhỏ (hoặc poirée phần trắng)
- ngò thơm

Cách làm :

I.- Giai đoạn I : Chuẩn bị

- 1) Đậu xanh : ngâm 1 đêm, đãi sạch vỏ, đem xay cho nhuyễn, chế nước liệu vừa đặc, dùng lồng.
- (hoặc đậu xanh loại không vỏ càng tốt và tiện, hiện có bán tại các tiệm thực phẩm Á Đông)
- 2) Bột gạo : loại bột nắn thành cục thì phải giã nhỏ ra đem xay nhuyễn, hay dùng bột gạo loại nhuyễn cũng được.
- 3) Nấm rơm : gọt cho trắng, rửa sạch với nước có pha chút muối, cọng nấm xắt sợi giả làm cua, tai nấm xắt nhỏ.
- 4) Nấm mèo : ngâm nước, lật rửa sạch, băm nhỏ.
- 5) Bún tàu : ngâm nước, cắt khúc dài độ 2 cm.
- 6) Bột năng : quậy với chút nước cho hơi loãng, cho chút màu bông vang (hoặc chút cà hộp, hoặc chút màu trái gấc) để lên mặt chả.
- 7) Bắc chảo : dầu nóng, cho kiệu tươi băm nhỏ vào cho thơm (hay poirée), cho nấm rơm và nấm mèo vào xào sơ nêm chút tiêu + muối + đường + bột ngọt cho vừa ăn, nhắc xuống.

II.- Giai đoạn II : Trộn chả và hấp

- 1) Trộn chả : cho chung vào thau đậu xanh + bột gạo + nấm rơm + nấm mèo + bún tàu + dầu mè. Nêm chút nước tương + tiêu + đường + bột ngọt liệu vừa ăn, trộn lại cho đều.
- 2) Hấp chả : khuôn thoa đều dầu ăn, cho chả vào dem hấp cách thủy. Khi chả chín, chế nước bột năng đã pha màu bông vang lên mặt chả, vài phút sau, bột chín trong, nhắc xuống (dùng đậy nắp xứng, màu không đẹp).

III.- Giai đoạn III : Trình bày

Để chả thật nguội, trút chả ra khỏi khuôn xắt ra từng miếng hình thoi, xếp ra đĩa tùy ý thích, cắm thêm ngò lên mặt chả cho đẹp.
Số vật liệu ghi trên sửa soạn cho 6 người ăn.

PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

(Tính đến ngày 11 .6.1996)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Đường Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo, trả tiền bánh trái v.v....

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không ghi rõ là chuyển tiền để Cúng Đường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Đường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 sổ Konto. Riêng số 870-3449 thì Mỗi Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đáng tai danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách Phương Danh Cúng Đường của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH ở bên trên.

• TAM BẢO

ĐH. Nguyễn Thị Viễn Phường (Koblenz) 100DM. Nguyễn Thái Hiệt (Metzingen) 50DM. HHLH ĐH Lê Thị Vạt. Quách Tuấn (Helmstedt) 50DM + Khuu Mỹ Anh (*) 50DM + Kỳ Kinh Chi (*) 100DM + Lưu Thu Hương (*) 100DM + Nguyễn Thị Nhị (*) 100DM + Huỳnh Thành (*) 100DM + Trần Hồ & Trần Xó (Sweden & Helmstedt) 300DM. HHLH ĐH Phạm Thị Ngọc Pđ Trí Ngọc mất tại Thụy Điển. Hồ Thị Lý (Suisse) 400DM. Chi Hội Phật Tử VN/TN tại Rotweid & Tutlingen 500DM. Phạm Thị Kim Yến (Langen) 200DM. HHLH ĐH Trần Văn Dung. Nguyễn Thị Hộ (Frankfurt) 400DM. HHLH ĐH Nguyễn Văn Phê. Đồng Ngọc (Mülheim) 100DM. Bùi Hải Lam (München) 100DM. Fam. Trần (Nordhorn) 100DM. Đặng Thị Lang (Pháp) 200FF. Nguyễn Thị Kim Xinh (Stuttgart) 100DM. Hà Thị Lan Anh (*) 50DM. Nguyễn Minh Hải (Delmenhorst) 100DM. Nguyễn Văn Phường (*) 20DM. Trần Văn Thanh (Ulzen) 20DM. Trần Thị Hồng Châu (Y) 100DM. Nguyễn Minh Đức 20DM. Lương Tuyết Vân (Canada) 50DM. Trần Đỗ Thanh Văn (Stuttgart) 100DM. Vũ Hồng Liên (Langendorf) 20DM. Trần Thị Chi 20DM. Mai Hoa (Gnoßenhelen) 20DM. Trương Quang Hải (Köthen) 20DM. Nguyễn Hùng Gy (Zwickau) 20DM. Nguyễn Thị An (Papenburg) 10DM. Nguyễn Văn Trinh 30DM. Nguyễn (Köleheide) 20DM. Nguyễn Văn Quyền (Gremlingen) 10DM. Bùi Đình Tuấn (Sögel) 10DM. Đào Mạnh Tú (VN) 10DM. Nguyễn Tất Thành (VN) 10DM. Mai Hồng Tuấn 30DM. Lê Thị Bích (Bad Kreuznach) 20DM. Phi Thị Bích Lan (Aschendorf) 10DM. Thu Dung 5DM. Nguyễn Tất Thắng (Haselüne) 30DM. Đức Hiền (Hamburg) 20DM. Đỗ Phương Liên (Drebkau) 50DM. Trần Thế Ngưu (WHV) 10DM. Lê Thanh Hoàng (Oldenburg) 20DM. Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại 610DM + 200FF. Nguyễn Hữu Kim Ngọc (Würzburg) 20DM. HHLH ĐH Nguyễn Hữu Liễu. Dương Thị Ngọc Liên (Köln) 16DM. Quốc Hùng (*) 5DM. Trung Thủy (*) 9DM. H. Mai & T. Phi Đỗ (Bi) 30DM. Kaiser Kim Thu (Köln) 30DM. Vũ Than Thủy 20DM. Đặng Nam An (München) 20DM. Chi Hội Phật Tử Fürth - Erlangen - Nürnberg 400DM. Đạo Hữu Phật Tử (*) 1.120DM. ĐPPT Chánh Dũng (*) 401DM. Nguyễn Hữu Công (Fürth) 10DM. Nguyễn Đức Mạnh 20DM. Huỳnh

Yến Trinh 20DM. Huỳnh Diên Hậu 20DM. Nguyễn Lạc & Nguyễn Tinh (Nürnberg) 50DM. Giang Lê Huyền & Phụng (*) 50DM. Đức Hùng & Diệu Tinh (Fürth) 100DM. Giang Liên & Trung Ly 50DM. Giang Lăng Muối 20DM. Thiên Lương (Parsberg) 300DM. Nguyễn Huy Hùng 40DM. Nguyễn Ngọc Phúc (Dresden) 20DM. Hoàng Văn Tú (*) 20DM. Nguyễn Thanh An (*) 50DM. Dương Ngọc Tiến (*) 10DM. Trần Công Phi 10DM. Bùi Văn Trường (Sögel) 50DM. Nguyễn Thị Thu Hương (*) 20DM. Winya Trần (Bielefeld) 100DM. Nguyễn Ngọc Hà (BS) 20DM. Fam. Huỳnh (Delmenhorst) 50DM. Huỳnh Trúc (*) 20DM. Lê Khanh (Emden) 10DM. Chhor Kok Seng (Bochum) 400DM. HHLH Li Chu Rong 20DM. Poc Seng Chhor (Castrop Rauxel) 50DM. Lor Huy Hương (*) 200DM. Lân Hùng Thuận (Wolfburg) 5DM. Phi Gia Trường (VN) 10DM. Ngô Xuân Tùng 10DM. Parichari (Bielefeld) 10DM. Hà Văn Anh (Dresden) 10DM. Quốc Hùng (Köln) 20DM. Đinh Thị Quý (Trossingen) 50DM. HHLH ĐH Lê Hữu Luyện. Đinh Thị Xuân Thảo (Krefeld) 20DM. Đỗ Thị Ánh Thơ (Pháp) 150FF. Trần Thị Tốt (*) 200FF. Hồ Thị Mai (*) 100FF. Quách Huỳnh Mai (Murr) 20DM. Chu Thị Phụng (USA) 50DM. HHLH ĐH Nguyễn Hữu Lăng. Nguyễn Thị Tâm (*) 50US. Vũ Chí Thiện (Arnstadt) 10DM. Niệm Phật Đường Tâm Giác (München) 1.000DM. Nguyễn Văn Lương (D'dorf) 50DM. Fam. Tôn (Burgdorf) 150DM. Nguyễn Thị Quỳnh Chi (Tiệp) 50DM. Nguyễn Cao Tuấn 50DM. Phùng (Celle) 50DM. Jasmingarten (Hannover) 50DM. Lê Thị Hoa 20DM. Lê Văn Sang 50DM. Nguyễn Bắc Biên (Bresenthal) 50DM. Gründer (Wang) 10DM. Trần Thị Hồng Châu (Y) 30DM. Châu Thế Mưu (Frankfurt) 10DM. Huỳnh Khiêm (Aalen) 20DM. Huỳnh Kim Liên (*) 20DM. Huỳnh Kim Huệ (*) 20DM. Huỳnh Kim Bửu (*) 20DM. GĐĐH Lê Văn Trường & Lê Thị Hoa & Lê Thị Ánh (Karlsruhe) 300 cuốn chày giò cúng đường Tam Bảo + 390 cuốn cúng Tam Bảo cúng nhang đèn. Huỳnh Thanh Loan (*) 8 kilo dầu nành. Lê Huỳnh Thanh Hải (Suisse) 200DM. Thiên Hậu Trần Xuân Hiền (Tübingen) 200DM. HHLH ĐH Chánh Vy Mùi. Diệu Chánh (Úc) 20 Úc kim. Tô Khải Đức (Schweinfurt) 40DM. Lý Thị Ba (Bi) 500FB. Trần Thị Ên (*) 1.000FB. Đỗ Văn Lợi (D'dorf) 500DM. HHLH ĐH Lê Thị Bê Pd Diệu Học. Trương Hồng Hiếu (Wahlstedt) 30DM. An danh (Wuppertal) 1.060DM. Huỳnh Kim (Syke) 30DM. Hoàng Ngọc Thu (Pháp) 100FF. HHLH ĐH Đoàn Thị Cán. Đồng Thị Gái (Ulm) 50DM. Chi Hội Phật Tử Aschaffenburg & Frankfurt & Wiesbaden 1.000DM. Lê Thị Đỗ 20DM. Son Asia Shop (Aschaffenburg) 100DM. Nguyễn Thị Ngào (*) 30DM. Mai Xuân Diệu (Hannover) 50DM. Lê Thị Nguyệt (Frankfurt) 30DM. Trần Thị Lệ Chi (Anh) 50DM. Phường Thị Đại (Kleinostheim) 100DM. Bàng Thị Phối (Pháp) 100FF. ĐPPT Minh Hải (Norddeich) 50DM. Khóa hội thảo GDPT Thanh niên Âu Châu 70DM. HHLH (Langenhagen) 10DM. Ngô Văn Cán (Wiesbaden) 10DM. Lương Quang Chung (Kobera) 10DM. Nguyễn Phú Đức (Bennigsen) 50DM. Nguyễn Thị Mỹ (Lehrte) 5DM. Ngenynay Erenkler (Heine) 20DM. Nguyễn Thị Mỹ (Hameln) 20DM. Đỗ Quang Thanh 10DM. Thiên Nghĩa (Bodenwerder) 20DM. Lê Thanh Hải (Rodenberg) 20DM. Thanh Bình (Bothfeld) 10DM. Diệu Thái (Canada) 40Can. Bernd Dietzmann 10DM. Dương Khán Nam (BS) 20DM. Nguyễn Thanh Hồng (Möhla) 10DM. Đào Thiên Mãn (Hannover) 40DM. Phan Thanh Hải (Lehrte) 10DM. Bernd + Trutana Tiesmer 20DM. Liên Ngọc Lan (Suisse) 30FS. Hà Ngọc Quý (M'Gladbach) 70DM. Phạm Thị Cúc (Altford) 30DM. Trần Thị Hồng Diệu 300DM. Đoàn Văn Thời (Pforzheim) 100DM. Trần Tiến Tiến 20DM. Trần Anh Tuấn (Framenfeld) 40DM. Huệ Wollenberg (Stockum) 20DM. Phạm Bình (Bad Iburg) 50DM. Phường Nga (Pháp) 100FF. Huỳnh Đa Thúc (USA) 20US. Phạm Thị Buôi (D'dorf) 30DM. Lâm Minh Đức (Stuttgart) 20DM. Lữ Quốc Thọ 10DM. Nguyễn Thanh Sơn 10DM. Peter R. Van Hiếu (Bad Oeynhausen) 20DM. Nguyễn Thị Vinh (Việt Nam) 20DM. Nguyễn Hồng Quang & Loan (Uetzen) 50DM. Công Chung & Tuyết Lan (Dresden) 20DM. Vũ Thị Min (*) 50DM. Đỗ Văn Nhân (Windbagen) 30DM. Lê Thị Bích Hương (Eberswade) 10DM. Hà Ngọc Anh (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Văn Toàn (Recklinghausen) 100DM. Nge Yang Freukler 10DM. Nguyễn Ngọc Tuấn 20DM. Kiều Anh 10DM. Fam. Wennars 10DM. Lê Thị Hồng (Nürnberg) 10DM. Bùi Thị Hằng 30DM. Mai Hồng Tuấn 30DM. Trần Quang Châu (Chernitz) 50DM. Phạm Thị Lý 50DM. Nguyễn Ngọc Kỳ (Pirna) 20DM. Bùi Minh Tuấn 50DM. Hà Văn Trung 20DM. Trần Thị Thu Nghĩa 20DM. Jasmingarten (Hannover) 30DM. ĐĐ Thích

Chúc Nhuận (Pháp) 100FF. Diệu Thanh (*) 100FF. Đào Thị Chúc & Phúc & Nam & Cường 50DM. Vũ Toàn (Kamen) 10DM. Nguyễn Văn Lương (D'dorf) 200DM. Chùa Thiện Hòa (M'Gladbach) 500DM. GĐĐH họ Huỳnh (Westerstedt) 1.500 DM. HHLH ĐH Huỳnh Thanh Bình. Diệu Giác 50DM. Đường Mộc Vinh (Krefeld) 50DM. Thiện Thịnh 100DM. Trần Khắc Hữu 100DM. Ta (Bensheim) 20DM. HHLH Lê Hữu Luyện (Niefern) 200DM. Trần Quốc Thanh 80DM. Bích Thủy (Bayern) 50DM. Nguyễn Thị Hạnh (Hannover) 50DM. Peking Garden (Varel) 20DM. Tuyết Mai (Frankfurt) 50DM. Lê Thị Tâm (Vilsbiburg) 50DM. Nguyễn Thị Văn Hằng (München) 20DM. Phạm Ngọc Châu (Frankfurt) 100DM. Nguyễn Thị Bày (Đan Mạch) 100Kr. Phạm Xuân Thiếp (Krefeld) 20DM. Trần Thế Toàn (Koblenz) 50DM. Chung (Trier) 50DM. Lạc Thị Ngân (München) 30DM. Thiện An (Hamm) 50DM. Trinh Minh Chi 30DM. Má anh Thắng (Mannheim) 100DM. Thiện Đắc 100DM. Cam Nguyệt Khanh (Speyer) 30DM. Giang Thiếu Kính (*) 10DM. Lưu Ngọc Lan (*) 50DM. Tinh (Bremen) 100DM. Nguyễn Thị Huệ (Berlin) 300DM. HHLH ĐH Tôn Thất Đình. China Rest. Thanh Thanh (Simmerath) 2.500DM. Chùa Phật Bảo (Barntrop) 1.000DM. Liên Chi Hội PTVNTN Franfurt + Wiesbaden + Aschaffenburg: 40 chai xì dầu, 15 chai dầu ăn, 5 chai nước tương đen, 20 hộp muối, 6 gói bột bán, 18 hộp bột, 10 kg đường, 7 gói đậu xanh, 13 kg bột mì, 12 gói bột nổi, 4 gói xá-xi, 1 gói mè, 11 thùng mì gói, 44 bịch bột gạo, 27 bịch bột nếp, 39 bịch bột năng, 2 thùng măng. Lê Văn Quói (Pháp) 1 chiếc cà-rá và 1 kim găm áo, vàng 18. Lý Đặc Sinh (Hamburg) 10DM. Nguyễn Duy Hùng (Salzgitter) 100DM. Inthaphong (Thai Lan) 30DM. Schinitz u. Phooarum (Waghaesel) 20DM. Trần Ngọc Hoàn (Blor) 20DM. Phạm Mai Thanh Misa (Hameln) 20DM. Tiểu Thị Kim Anh 20DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 10DM. Kevin Lôi (Bochum) 200DM. Lôi Thị Thanh Hà (*) 100DM. A. Treeparum 30DM. Ngô Thị Thu Ba (Braunschweig) 20DM. Selatrin (Tübingen) 100DM. Tô Hà 100DM. Bùi Kim Huệ (Aerzen) 100DM. Bùi Ngô (Gütersloh) 30DM. Bùi Quang Vó (*) 10DM. Cheong Chee Wing 10DM. Triệu Thanh 200DM. Lý Hương Lan (Hamburg) 10DM. Tạ Thị Đan Anh (Berlin) 100DM. Fam. Tiểu 20DM. Trần Công Phi (Dessau) 20DM. Lý Quốc Thái (Hannover) 20DM. Phan Văn Mạnh (Oldenburg) 40DM. Trinh Xuân Sơn 30DM. Mạch Xuân Mỹ (Hassloch) 50DM. Diêu Diêm (München) 200DM. Viên Thị Phường 30DM. Hoàng Hiền 100DM. Lê Thị Hồng Văn (Trier) 30DM. Đào Thị Chúc (Großrossel) 50DM. Dương Trần Cảnh Hà (Oberhausen) 20DM. Lâm Thanh Lương 20DM. Nguyễn Xuân Bình (Lüchow) 30DM. Viên Mãn (Hannover) 100DM. Hồ Kim Lang 50DM. Nguyễn Văn Hòa (Reisbach) 100DM. Phước & Diệp (Hamburg) 10DM. Trần Thị Lang (*) 10DM. Nguyễn Hùng Gy (Zwickau) 10DM. Nguyễn Văn Sơn 100DM. Diệu Hương (USA) 5.000FB. Đỗ Văn Bạc (Hannover) 200DM. HHLH Thân phụ Đỗ Văn Bích tuần giáp năm. Hồ Hạnh 50DM. Yip Tien Wah (Mülheim) 50DM. Phạm Ngọc Thường (GM'hütte) 30DM. Markus & Bạch Yến (Hildesheim) 300DM. Diệp Thị Huidi (Sweden) 50Kr. Huỳnh Công Danh (Hamburg) 20DM. Nguyễn Quốc Thông (Troisdorf) 30DM. Nguyễn Xuân Tử (Hannover) 200DM. HHLH Thân phụ luân Tiểu Tướng. Minh Hùng (Bremen) 20DM. Diệu Thọ 50DM. Trần Tiến Siêu (HH) 20DM. Văn Thị Mỹ (Konz) 20DM. Nguyễn Mạnh Hùng (*) 20DM. Nguyễn Thị Sáu (HH) 50DM. Đặng Văn Lương (Bremervörder) 50DM. Lê Thị Lang (*) 50DM. Ngô Búi (Berlin) 50DM. Đinh Thị Vương (*) 50DM. Nguyễn Đăng (*) 50DM. Đăng Ngô (*) 20DM. Đăng Văn Hiệp (*) 10DM. Nguyễn Thị Phường (*) 50DM. Hà Thị Hai (GM'Hütte) 50DM. Nguyễn Văn Văn (Köln) 30DM. Vũ Thị Vá (MG) 50DM. Phan Thị Nhiêu (*) 30DM. Đặng Thị Đức (Saarland) 50DM. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 50DM. Yin Wor Leong (Münster) 50DM. HHLH ĐH Phan Han Chou. Đường Vinh Quang (Schwetzigen) 20DM. Nguyễn Huỳnh (Münster) 20DM. Đường Linh 30DM. Lu Chi Thành (Stuttgart) 30DM. Nguyễn Như Phường (Gardelegen) 10DM. Huỳnh Văn Sơn (B. Oldesloe) 50DM. Lâm Minh Nghĩa (HH) 20DM. Nguyễn Kiên Cường (Trier) 20DM. Phùng Thị K. Hòa 20DM. Huỳnh Văn Thượng 10DM. Lê Thanh Bình (Bremen) 100DM. Nguyễn Sơn Hải 50DM. Lai Đình Miên (Halle) 20DM. Vinh Phường Hà (Wismar) 20DM. Kỳ Chi Trúc (Hannover) 50DM và Nguy Sơn Hùng (*) 50DM. HHLH ĐH Phan Thị Ngọc. Đặng Văn Quy (Elsenfeld) 50DM. Nguyễn Thị Minh (Kaiserlautern) 150DM. HHLH ĐH Phạm Văn Văn. Vương Chấn Quói (Pháp) 70DM.

Nguyễn Văn Sơn (Osnabrück) 30DM. Võ Thị Mỹ (Wiesbaden) 50DM. Lê Thị Diễm (Kong) 200DM. HHLH ĐH Võ Thị Nghĩa, Lê T. Công, Võ Thị Sự & Lê Quang Phấn. Trần Thị An (Minderlittgen) 50DM, HHLH ĐH Tôn Nữ Thị Kinh. Vũ Âu (Karlsruhe) 20DM. Nguyễn Văn Chương (*) 30DM. Trường Quang Thanh (*) 40DM. Trường Mỹ Châu (*) 20DM. Từ Quang Hùng (Stuttgart) 70DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (*) 100DM. Nguyễn Ngọc Mỹ 20DM. Huỳnh Thị Chi (Berlin) 50DM. Nguyễn Thị K. Thanh (Nürnberg) 50DM. Bắc Diệu Trần (Hamburg) 20DM. Bắc Diệu Châu (*) 20DM. Bắc Diệu Ninh (*) 30DM. Ngô Trung Giang (Wiesbaden) 20DM. Nguyễn Thị Song (*) 20DM. Dương Xuân Dung (Frankfurt) 30DM. Lương Văn Xinh (Karlsruhe) 30DM. Đào Hữu Chí (Hamburg) 50DM, HHLH ĐH Đào Tiến Hùng. Hà Tống Giang (Köln) 50DM. Thạch Múi (Dieserbach) 150DM. HHLH ĐH Hoàng Tấn. Trần Phong Lưu (Saarburg) 20DM. Nguyễn Văn Sáu (Bayern) 10DM. Đàm Sinh (Köln) 150DM. HHLH ĐH Tâm Ngọc Tô Thiệu Liên. Trần Thu Hường (Soest) 10DM. Chanping Yu (*) 10DM. Nguyễn Thị Sơn (Möhlau) 30DM. Nguyễn Hữu Khánh (Tangstedt) 10DM. Hàn Cường (Reutlingen) 100DM. Dương Tường (*) 50DM. Lý Hồng Sơn (Krefeld) 100DM. Trinh Văn Thu (D'dorf) 100DM. Gđ. Hồ (Kassel) 50DM. Võ Thị K. Anh (*) 30DM. Lâm Huyền Diệp (Oberusel) 10DM. Gđ. Dương Văn Bè, P. Suông, ĐD Huệ, ĐD Trí, DT Loan, ĐD Thắng, ĐD Lợi (Rottenburg) 50DM. Phan Ngọc Minh (Reutlingen) 100DM. Lê Thọ Hạng (*) 50DM. Trần Thúc Hiền + Hứa Xuân Vinh (Sindelfingen) 100DM. Hồ Thị Trung (Bielefeld) 50DM. Dương Thị Múi + Nguyễn Thị Hai (Ludwigshafen) 50DM. Phạm H. Long + Trần Thị Nga (*) 50DM. Lê Tấn Lộc (Haselüne) 50DM. Nguyễn Thu (Aurich) 50DM. Trần Văn Bút (Berlin) 100DM. Trần Trang Vy (Wangen) 20DM. Quốc An (*) 50DM. Thiên Nghĩa (Kisslegg) 100DM. Chí Hội PTVNTN Aschaf. + Wiesb. FF 67,50DM. Võ Thị Hồng (Sohren) 20DM. Trường Dũng (Karlsruhe) 20DM. Trần Thị Thủy (München) 20DM. Phạm Tiến Dư 20DM. Huỳnh Kim Trọng (Dingolfing) 50DM. Trần Văn Huyện (Reutlingen) 30DM. Trần Thị T. Thủy (Eislingen) 50DM, HHLH ĐH Trần Quang Thành + Trần Thị N. Thoa. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 20DM. Nguyễn Tiến Vinh (Schramberg) 20DM. Gđ. Nguyễn Kỳ Thưởng (Lünen) 50DM. Trần Thị T. Uyên (Dortmund) 10DM. Gđ. Huỳnh Ngọc Khánh (GM'Hütte) 40DM. Fam. Đặng (Boblingen) 50DM. Lê Song Ngân (Neuss) 20DM. Phan L. K. Trang 20DM. Hoàng (Bergamen) 20DM. Hà Văn Hội 10DM. Nguyễn Kim Phụng (Garbsen) 10DM. Nguyễn Ngọc Cờ 10DM. Gđ. Đinh Hữu Mạnh (Koblenz) 50DM. Đinh Văn Thu (Speyer) 10DM. Lâm Thị Bé 10DM. Lý Thanh Phước (Wilhelmshaven) 50DM. Đặng Tuyết Anh (Hamburg) 20DM. Nguyễn Hoàng Hạnh 20DM. Diệp Liên Hào (Cloppenburg) 60DM. Hoàng Thị Thân 20DM. Lê Quang Bình (Berlin) 50DM. Gđ. Phan Thị H. Liên (*) 50DM. Thái Thuần Dũng (Waltershausen) 30DM. Gđ. Vũ Ngọc Minh 20DM. Chu Thị Hồng (HH) 10DM. Đỗ Thị Thoa (Erfurt) 20DM. Trần Thị Sơn (Ulm) 20DM. Châu Thị Thuần 20DM. Trần Thị Hiền (Köln) 20DM. Gđ. Thiên Hải 100DM. Trần Thị Nghi (Việt Nam) 10DM. Ngô Thị Chung (Berlin) 10DM. Ngô Thị Nam (Lippstadt) 20DM. Đinh Ngọc Quang (Peine) 5DM. Gđ. Trinh Tuấn Tài (Salzbergen) 50DM. Nguyễn Thu Hà 10DM. Dũng 20DM. Nguyễn Thị Tây 20DM. Đào Thành Công (Berlin) 20DM. Hứa Xuân Hên (Stuttgart) 50DM. Gđ. Lê + Dương 10DM. Thanh Thanh (Berlin) 20DM. Gđ. Lê Griem (Telgte) 50DM. Lâm Ngọc Tùng 5DM. Hoàng Thị Thành 20DM. Gđ. Nguyễn Hồng Tú (B. Salzen) 30DM. Trần Thị Phú (Stuttgart) 30DM. Nguyễn Thị B. Thu (*) 30DM. Lưu Ngọc Diệp (Ludwigsburg) 20DM. Trúc Khương 50DM. Bùi Tấn Quốc (Klotten) 20DM. Vương Lệ Hoa (Bonn) 30DM. Vương Lệ Xuân (*) 20DM. Phan Thị Thủy 20DM. Nguyễn Quốc Huy 20DM. Phạm Lê Dung (Bonn) 20DM. Gđ. M. Hải + Thống 50DM. Gđ. Nguyễn Văn Nhỏ (Wiesbaden) 200DM, HHLH ĐH Chánh Kiến Nguyễn Văn Sen. Nghĩa 20DM. Bùi Văn Tùng (Speyer) 20DM. Đỗ Nguyễn Huy Phương 50DM. Nguyễn Thái Nam (Nürnberg) 20DM. Từ Đường 20DM. Lê Thị B. Lan (Hannover) 10DM. Nguyễn T. T. Huân 20DM. Trần Ngọc Thạch (Pretz) 20DM. Gđ. Lê Nguyễn Hồng (Wolfsburg) 20DM. Bùi Thị Tâm (Sögel) 10DM. Giao Sinh 20DM. Lê Kim Phương (Meppen) 50DM. Nguyễn Xuân Dũng (Rheine) 10DM. Nguyễn Văn Thắng 20DM. Lý Hoàng L. Anh (Rottenburg) 20DM. Trần Trạch 10DM. Trường Minh Tân + Thủy 20DM. Gđ. Vũ Quốc Hùng (Hamel) 20DM. Trần Thị Mai 10DM. Mạc Lê Tinh 20DM. Trần Hữu Lợi 10DM. Tâm Sơn (Trier) 20DM. La Qui Tuấn (*)

20DM. Huỳnh Thanh Văn (*) 20DM. Gđ. Trương Vũ Cường 100DM. Nguyễn Tuấn Anh (Papenburg) 20DM. Đỗ Thị K. Hải (Berlin) 50DM. Ngô Thị Mộng 20DM. Huỳnh Thị Châu (D'dorf) 10DM. Gđ. Lê Thành Tâm (Chemnitz) 50DM. Nguyễn Quỳnh Nga 10DM. Gđ. Thiệu Anh + Luân + Thào + Danh & Hiếu 100DM. Gđ. Đỗ Việt Hào (Emlichheim) 50DM. Nguyễn Văn Thịnh (Essen) 50DM. Trần Thuận Đạt (Nürnberg) 20DM. Lê Thị Do 10DM. Nguyễn Hồng Tân (Wittlich) 20DM. Cam Nguyệt Khanh (Speyer) 30DM. Lê Thị B. Lan 10DM. Nguyễn Kim Thanh (Hawaii) 20DM. Bùi Hữu Thòa (Ahnsen) 10DM. Huy Lam 10DM. Gđ. Nguyễn Văn Toàn 30DM. Gđ. Lê Hải Ngọc 10DM. Dương Thị Kỳ (Potsdam) 10DM. Đào Thanh Tùng (Hà Nội) 10DM. Hoài Nam 10DM. Trường Tuyết Nguyệt 10DM. Gđ. Lâm Cam Tỳ (Saarbrücken) 20DM. Gđ. Lê Văn Hồng (Lohr. a.M.) 50DM. Quán Hữu Chí (Peine) 10DM. Trần Kim Oanh 10DM. Tất Ngọc 20DM. Dũng Kiên 20DM. Gđ. Chin 10DM. Tiểu Thị Thy (Erlangen) 50DM. Gđ. Thái Văn Ty 100DM. Gđ. Tsang (Rietberg) 50DM. Sầm Lưu Kiên 10DM. Mạc Quốc Dũng (Emden) 50DM. Nguyễn Thu Hường 5DM. Hà Thị T. Bình (Rostock) 50DM. Thái Nhì Ngọc (FF) 20DM. Nguyễn Thị H. Lan 30DM. Trần Thị Hoa (HH) 50DM. Trí Châu + Trí Liên 40DM. Trinh Hoài Thu (Dachau) 10DM. Phạm Thị K. Dung 40DM. Gđ. Tăng Hồng Sướng 150DM. Thường Công Hoàng (Oberhausen) 50DM. Nguyễn Xuân Dung (Berlin) 20DM. Huỳnh Văn Khả (Speyer) 30DM. Hoàng Thị T. Thủy (Hösbach) 20DM. Lê Nguyễn A. Tuấn 20DM. Trần Nguyễn (Neuss) 50DM. Lê Trung Hiếu (Berlin) 30DM. Phan Văn Thành (Wilhelmshaven) 100DM. Nguyễn Thị K. Lan 20DM. Lưu Thế Lợi 30DM. Gđ. Kenin Thai (Reutlingen) 30DM. Gđ. La Quốc Dũng (Nordhorn) 50DM. Gđ. Tăng Quốc Cờ (Laatzten) 100DM. Lê Văn Hoàng 50DM. Tina (Lorup) 20DM. Võ Thị Thảo 20DM. Đoàn Hồng Thanh 10DM. Nguyễn Thị Minh 50DM, HHLH ĐH. Phan Thanh Văn. Nguyễn Thị Kim Cúc 10DM. Văn Diệu + Ngọc 10DM. Gđ. Kha Thế Hùng (HH) 30DM. Nguyễn Minh Tuấn 20DM. Tôn Hoàng Anh 10DM. Phan Kim Thoa (Garbsen) 20DM. Nguyễn Hữu Hạnh (Zell Mozel) 50DM. Chiêm Thị Hiền 40DM. Xiêu Loan 20DM. Nguyễn Ngọc Nguyễn 10DM. Nguyễn Thị Nở (Aurich) 20DM. Nguyễn Sáu + Khai 10DM. Kim Thị Hoa (Berlin) 20DM. Đỗ Huy Quy (Velpke) 20DM. Lê Thị B. Lan 10DM. Hoàng Huỳnh 10DM. Đào Duy Tôn (Berlin) 10DM. Hoàng Hoài Sơn (HH) 10DM. Nguyễn Thị Hiền 10DM. Nguyễn Thị Thanh (Hannover) 10DM. Nguyễn Thị Yến 20DM. Lê Văn Thanh (FF) 20DM. Nguyễn Văn Dũng (HH) 20DM. Trần Văn Hiền (Hamel) 20DM. Đỗ Ngọc Hiền 10DM. Thị Thiên (HH) 50DM. Trần Thị B. Liên (Peine) 20DM. Lê Kim Thành 20DM. Anh Tuyết (MD) 20DM. Nguyễn Văn Thuận (Köln) 50DM. Nguyễn Xuân Trường 10DM. Liêu Ngọc Toàn 20DM. Nguyễn Việt Triều (D'dorf) 20DM. Gđ. Đỗ Văn Lợi (*) 50DM. Dianne König (Hof) 70DM. Nguyễn Văn Bất (Kassel) 50DM. Tuấn Diệp 20DM. Huỳnh Thanh (Helmstedt) 50DM. Nguyễn Xuân Lai 10DM. Nguyễn Thanh Tú (Gelsenkirchen) 50DM. Phan Hồng Thái 10DM. Trần Kim Thu + Thắng 20DM. Thân Thị B. Ngọc 5DM. Yeung Kim Wing 10DM. Lưu Chấn Phát 10DM. Lưu Diệp Văn 10DM. Lưu Bích Hòa 10DM. Gđ. Trần Toàn Chi + Tuyết Mai (Rodgau) 150DM. Phạm Thị Trúc (HH) 20DM. Cung Thu Văn 10DM. Đặng Thị B. Khánh 20DM. Thiên Dũng (Urbrach) 50DM. Nam Hiền 20DM. Trần Việt + Hồng Hoa 100DM. Đặng Múi (Celle) 50DM. Trần Thị K. Lê (Berlin) 50DM. Vũ Việt Dân 50DM. Dương Thu Huyền 20DM. Gđ. Kim Hải (Oberusel) 50DM. Đoàn Tường Khánh (Bielefeld) 50DM. Triệu Văn Trí 10DM. Nguyễn Thị T. Hà 20DM. Choi Veng Hoi 20DM. Fong Chin Poh 10DM. Lê Thị K. Hoa 5DM. Khuan Jin 10DM. Nguyễn Quốc Cường (HH) 20DM. Nguyễn Văn Viễn (Reutlingen) 30DM. Nguyễn Văn Đào 20DM. Ngọc + Stefan Wassenberg) 20DM. Hà Duy Bách (Peine) 20DM. Nguyễn Tuấn Anh (Embeck) 20DM, HHLH ĐH Trần Văn Thành. Trần Thị Xuân (Hannover) 20DM. Nguyễn Xuân Hiếu, 20DM. Trường Thị Xí (Hóa Lan) 25Guld. Bạch Văn Nga (*) 25Guld. Lê Thị Rép (*) 50Guld. Hàng Phước Trụ (Herborn) 50DM. Hoàng (Bremen) 50DM. Eric Boameme (Hannover) 2DM. Hồ Sỹ Điển 10DM. Khanh + Mỹ Tuyết Trần (Gifhorn) 100DM. Nguyễn Hồng Hạnh 5DM. Huỳnh Thanh Hà 20DM. Gđ. Hằng 70DM. Nguyễn Mạnh Diệp 20DM. Nguyễn Thị M. Trí 30DM. Ngô Hồng Ngọc (HH) 10DM. Phan Văn Mạnh 30DM. Trần Thị Hoa (Cloppenburg) 20DM. Mai Thiên Tâm (HH) 20DM. Gđ. Lương 20DM. Hoàng Trung Sơn 40DM. Nguyễn Trọng Mân 20DM. Trần Văn Hải (Sögel) 20DM. Thái Thị Thu

(Hamel) 50DM. Hoàng Anh Tuấn (Peine) 20DM. Hoàng Trọng Hải (Aurich) 10DM. Hà Hoàng Thị Vina (Regensburg) 20DM. Nhung An 50DM. Thái Sinh Hải 20DM. Bùi Thị Kim Huệ (Aaltenau) 10DM. Giang Bá Lâm (HH) 30DM. Bùi Dung 20DM. Lê Văn Khương (Gelsenkirchen) 50DM. Trần Thị M. Dung 20DM. Lâm Châu Can (HH) 20DM. Dương Thị M. Loan 10DM. Văn Ngọc Xuân 20DM. Nguyễn Văn Mừng 10DM. Nguyễn Việt Hải (Peine) 10DM. Diệu Minh + Thiện Xuân 200DM. Đỗ Thanh Hường (München) 20DM. Đức Huệ Hồng 20DM. Nguyễn Thị K. Lan 20DM. Trần Vũ Nam 10DM. Đặng Minh Trung 20DM. Nguyễn Thị T. Minh 20DM. Hoàng Thành Lam (Hannover) 10DM. Nguyễn Thị T. Trang 50DM. Trần Văn Đạo (Berlin) 50DM. Gđ. Nguyễn Thị T. Thảo 20DM. Trần Thị Tâm (Cottbus) 50DM. Nguyễn Đức Toàn (*) 20DM. Nguyễn Đàm (Köln) 10DM. Tiểu Tú Văn 10DM. Huỳnh Mỹ Loan (Speyer) 50DM. Tiểu Tú Linh 40DM. Võ Trúc Hiền (HH) 20DM. Lê Quang Thịnh (Laatzten) 20DM. Trần Quang Thành 20DM. Lê Văn Kát (Köln) 20DM. Trần Lê M. Đức 20DM. Vũ + Chi (Hagen) 20DM. Hiền 50DM. Ludwig H. Tở Nữ (Paderborn) 50DM. Đoàn Văn Tuấn (Parsau) 20DM. Trần Duyệt Thái 50DM. Hoa 20DM. Mai 20DM. Lương Tô Nữ (FF) 10DM. Nguyễn Thị Thuận (*) 50DM. Lưu Thị M. Ngọc 10DM. Võ Thành Hùng (Canada) 50DM. Hoàng Xuân Bốn 10DM. Trạch Thang (Wuppertal) 50DM. Hoàng Ngọc Hiền 20DM. Mỹ-Lê Hồng 10DM. Lê Thị Tố Hoa (Erfurt) 10DM. Phạm Thanh Tinh 10DM. Nguyễn Minh Tuấn (Hamburg) 20DM. Nguyễn Thị Sẻ (Krefeld) 30DM. Nguyễn Thị Thu 20DM. Quách Minh Xuân (Minden) 50DM. Phạm Văn Đức 10DM. Lý Lê Linh 30DM. Lang Văn Chính 20DM. Trường Thị Dung 10DM. Đàm Thu Hường (HH) 10DM. Vũ Thị Múi (Berlin) 50DM. Trần Minh Phú 100DM. Nguyễn Thị K. Loan (Salzgitter) 20DM. Vũ Tuấn Anh 20DM. Phan Giấy (Aurich) 20DM. Lương Khai (Bad Iburg) 100DM. Nguyễn Thị T. Hường 20DM. Nguyễn Thủy Ngân 10DM. Giang Thế Báo (Flensburg) 20DM. Gđ. Hoàng 10DM. Đỗ Hải (BS) 20DM. Trinh Văn Huỳnh 10DM. Phạm Việt Bốn 20DM. Gđ. Anton Ly (Vechta) 50DM. Nguyễn Thị Diệp 20DM. Nguyễn Thu Thủy 20DM. Nguyễn Giang Bùi 10DM. Nguyễn Hồng Hoàng (Paderborn) 10DM. Nguyễn Thị M. Liên 10DM. Gđ. Hồ Chấn Phát 50DM. Bùi Ngọc Phước (Bad Oldesloe) 20DM. Bùi Việt Hùng 20DM. Bùi Quang Định 20DM. Mạc Quốc Dũng 10DM. Hoàng Mạnh Tuấn 5DM. Hoàng Đức 10DM. Lê Thủy Báo 20DM. Trần Xuân Bưởi 50DM. Nguyễn Ngọc Hải 20DM. Khuu Mỹ Anh (Helmstedt) 20DM. Gđ. Lâm Hữu Luận (*) 50DM. Nguyễn Hồng Quân 20DM. Nguyễn Văn Mịch 10DM. Lê Thị Tiêm 20DM. Long Thu (Mainz) 50DM. Lê Minh Nghĩa (HH) 20DM. Gđ. Đặng Tú Dũng (Berlin) 50DM. Hứa Kỳ Châu (WHV) 20DM. Hứa A Tri (*) 50DM. Lý Ất 20DM. Bùi Văn Vinh 50DM. Chong Kim Woon 20DM. La Quốc Hùng 20DM. Nguyễn Văn Tài (Halle) 10DM. Tuấn Thủy 10DM. Nguyễn Hữu Thế 30DM. Hồng Beo (Reutlingen) 20DM. Tạ Thanh Bình 10DM. Gđ. Trường Văn Tây 20DM. Ngô Thị Bình 10DM. Gđ. Phùng Mạnh Cường (Wolfenbüttel) 20DM. Bùi Thị B. Hằng 10DM. Trần Quốc Hùng 10DM. Nguyễn Sơn Thu 25DM. Đào Múi 5DM. Nguyễn Ngọc Mai 20DM. Phạm Thị Hay 20DM. Tôn Nữ T. Văn 20DM. Vũ Hùng Thịnh 10DM. Bùi Quang Hiến 10DM. Dương Quốc Báo 20DM. Vũ Văn Phú 20DM. Trần Thị Miên 20DM. Hà Tú Linh (FF) 50DM. Monk Pholivong (Minden) 50DM. Nguyễn Quang Hoàn (München) 20DM. Nguyễn Đức Phi (MGD) 20DM. Trường Ngọc Nga 10DM. Dương Tô Múi 10DM. Lê Chí Thành (Osnabrück) 20DM. Đào Thị Sơn 20DM. Giang Thanh Diệu 40DM. An Văn Hùng (MGD) 30DM. Hoàng Anh 10DM. Trần Kiên (Bremervörde) 50DM. Trần Duyệt Thái 50DM. Trần Ngọc Sứ (Köln) 20DM. Thái Văn Tường (WHV) 50DM. Ernst August Yensch (Hannover) 20DM. Mạc Lê Kim 20DM. Nguyễn Thị A. Hồng (B. Homburg) 30DM. Đặng Thị K. Dung (Leipzig) 10DM. Đỗ Thu Hường (Berlin) 50DM. Võ Thị Đây (B. Pyrmont) 40DM. Nguyễn Thị T. Văn (Meppen) 50DM. Huỳnh Thị Xinh 10DM. Nguyễn Hữu Hiệp 20DM. Lê Thị Ngọc Diệp (Erlangen) 20DM. Lê Thị Bích 20DM. Vũ Thị Mao 20DM. Vũ Văn Nguyễn (Haren) 10DM. Hoàng Tuấn Lâm (WHV) 20DM. Lê Lan Anh (Moisburg) Quảng Hải + Diệu Huệ 100DM. Phạm Văn Thành 20DM. Ngô Thanh Hồng 20DM. Trần Văn Hạnh 20DM. Hillaire 100DM. Hunsinger Thi Liên 20DM. Du Văn Tham (Sindelfingen) 50DM. Du Thu Lan (*) 20DM. Nguyễn Thị Phương 20DM. Nguyễn Duy Hùng 4,50DM. Phan Thị Ngọc 20DM. Trần Minh Hùng (Fürth) 10DM. Trinh Kha 20DM. Trinh Thị P. Liên 10DM. Đỗ Phương Liên 50DM. Nguyễn Thị Dân (Laos) 20DM. Phùng Đức Cường 20DM. Lê Hải

Ngoc (Hannover) 20DM. Giang Thanh Thiên 10DM. Đỗ Hường Lan 10DM. Nguyễn Văn Bình (Mülheim) 20DM. Dương Văn Khiêm 10DM. Vũ Thị T. Tâm 20DM. Nguyễn Văn Chấn 20DM. Nguyễn Thanh Sơn 50DM. Nguyễn Văn Ngân 20DM. Trầm Thế Ngưu (WHV) 50DM. Nguyễn Minh Nguyệt (Garbsen) 10DM. Gđ. Thiên Lê 50DM. Nguyễn Thanh Bình 20DM. Hồ Thị Hào (Dortmund) 20DM. Phan Thành Lân 20DM. Nguyễn Cao Tướng (Fürth) 20DM. Gđ. Liễu Quang 50DM. Phạm Hoàn 12DM. Hoàng Kim Thiên (Berlin) 50DM. Vũ Đức Thắng 10DM. Nguyễn Ngọc Chưởng (Wuppertal) 20DM. Phạm Thị Sen (Minden) 100DM. Phan Thị H. Dung 30DM. Nguyễn Thị Châu 20DM. Đào Xuân Thành 10DM. Nguyễn Thanh Sang (D'dorf) 20DM. Ngô Đào Sơn (Fulda) 20DM. Thái Han 20DM. Nguyễn Văn Khoa 10DM. Erika Gebauer 5DM. Nguyễn Văn Báo 20DM. Gđ. Phan 20DM. Mai Sen (Langenhagen) 50DM. Huỳnh Kim Lang (Syke) 100DM. Chưởng Dền Hậu 20DM. Trần Lê Trường (Sweden) 20DM. Vũ Thị M. Hoàng 20DM. Gđ. Huỳnh (Metzingen) 50DM. Nguyễn Xuân Hải 20DM. Sầm Lưu Kiên (Emden) 10DM. Hứa Hà 10DM. Tinh Anh 20DM. Nguyễn Tiến Đức 10DM. Trần Hy Phúc 20DM. Đỗ Văn Bạc (Langenhagen) 50DM. Nguyễn Thị B. Liên (Weilheim) 50DM. Văn Hùng 10DM. Hồng Ngọn 20DM. Diên Hồ 100DM. Lương Thị Duê 20DM. Gđ. Lưu Hiền Hải (Lüneberg) 50DM. Shin Shin (BS) 100DM. Gđ. Phan Hình Xô 20DM. Dương Thị Mùi 20DM. Lê Lam Giang 20DM. Kim Phượng 10DM. J. Schmidt (Hannover) 10DM. Trần Thị M. Lương (Urbar) 20DM. Nguyễn Kiên Trinh (HH) 50DM. Nguyễn Văn Lộc 10DM. Diệp Hồng Chảy (Laatzen) 50DM. Nguyễn Việt Thông 100DM. Lâm Hữu Hậu 20DM. Nguyễn Kallanda 20DM. Bùi Tấn Nhàn (Duisburg) 100DM. Nguyễn Cao Lũy (Trier) 20DM. Phan Thanh Bình (Bad Grund) 20DM. Ngọc Anh 50DM. Hàn Xuân Lan (Münster) 20DM. Phùng Văn Sơn (Oldenburg) 20DM. Gđ. Trinh Thị M. Hoa (Lippstadt) 30DM. Nguyễn Hà (*) 40DM. Lê Văn Mười (Tuttlingen) 20DM. Dương Thị Hồng Thủy (Leipzig) 10DM. Gđ. Đặng Văn Hòa 50DM. Trần Thị Trinh (Schwarzeng) 50DM. Nguyễn Khuyến 30DM. Thị Khiêm (Berlin) 200DM. Heine Wilhelm Hans 10DM. Đỗ Văn Tuấn 50DM. Nguyễn Văn Vũông (Halle) 10DM. Vũ Chi Thiên (Arnsdt) 20DM. Nguyễn Thị Hồng Hà (Sangerhausen) 20DM. Nguyễn Thị Phượng (Delmenhorst) 50DM. Lê Quang Thịnh (Laatzen) 10DM. Thanh Bình (Bothfeld) 10DM. Nguyễn Thị Hồng Hà 20DM. Nguyễn Đình Thanh 20DM. Lữ Mười 10DM. Nguyễn Văn Tâm (Wilhelmshafen) 200DM. Vũ Văn Trường 300DM. Nguyễn Ngọc Cẩm + Đào Kim Loan + Chu Đại Thế + Trinh Quốc Tiêr + Đặng Thị Hồng (Langenhagen) 250DM. HHHH ĐH Nguyễn Quang Quang. Nguyễn Xuân Bình (Lüchow) 30DM. Nguyễn Trường Sơn (Herne) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Ulm) 100DM. Vũ Thành (Pforzheim) 20DM. Hồ Quốc Cường (Ao) 150DM. Thiên Hữu Trần Hữu Lộc (München) 200DM. Huỳnh Văn Hồng Rest. Dynastie 10 bao gạo. Jasmin Garten 5 thùng Cola. Hồ Thị Thanh Đạm (Romaringen) 2 bao gạo, 2 thùng dầu, 1 thùng nước lúông. Gđ. Hồ Châu (Stuttgart) 200 bánh dứa. Đỗ Nguyễn Huy Phượng (Stuttgart) 7 hình Phật có khung kiếng. Chiêm Thị Lan (*) 1 thùng mắm chay. Bùi Thị Mai (*) 4 thùng nước lúông. Lê Nhất Hiền mừng nhà. Gđ. Thiên Cầm + Diệu Nữ (Stadthagen) 130 miếng xôi vị. Đỗ Xuất Lễ (Sindelfingen) Tượng Phật Quan Âm và nhang. Nguyễn Thị Hường (Satteldorf) 1 bao gạo. Nguyễn Thị Chính (Würzburg) 1 bao gạo. Phạm Đức Tài (Dorsten) 1 bao gạo. Nguyễn Minh Hải (Delmenhorst) 10 bao gạo. Nguyễn Phú Đức China Rest. Dynastie 20 thùng dầu. Lương Quang Chung (Kobern) 50 bánh da lợn. Nguyễn Văn Đại (Mainz) 50 bánh da lợn. Ngô Văn Cấn (Wiesbaden) 50 bánh da lợn. Lê Thị Tú (Koblentz) 70 bánh xu xê + 30 bánh khoai mì. Trần Đình (Rottenberg) Bánh da lợn + Bánh bò. Đặng Ngọc Trần (Tübingen) 139 bánh in. Châu Thị Hiền 1 thùng đồ chay. Nguyễn Thành Linh (B. Oeynhausen) 45 miếng đậu hũ. Đặng Ngọc Trần (Reutlingen) 1 thùng bánh kẹo. Nguyễn Hữu Tín (Menningen) 20DM. Hồ Hữu Phướng (Altdorf) 20DM. Ngô Nguyễn Trường (Weisach) 80 DM. Trường Văn Thiên (Rodgau) 100DM. Tạ Mạnh Toàn (Hude) 20 DM. Hoàng Hồng Đức 30DM. Chi Hải Aschaffenburg+Frankfurt+Wiesbaden 1000DM. Trần Tấn Tiến 10DM.

-BÁO VIÊN GIÁC

ĐH. Nguyễn Thị Nhi & Liễu Thị Thà (Braunschweig) 50DM. Võ Thị Thanh Thủy (Mühlacker) 20DM. Kỳ Hân (Sweden) 50DM. Trần Hồ (*) 30DM. Nguyễn Việt Cường (Langenhagen)

50DM. Mạnh Bích (Pháp) 20DM. Phạm Thị Đức 10DM. Trầm Hiếu Đức (Ao) 150Schl. Phạm Thị Đông (*) 200Schl. Lê Hải Văn (Erding) 20DM. Lê Đức Khiêm (Úc) 50DM. Trần Thị Lan (Göger) 20DM. Trần Hữu Trâm (Bernkastel) 50DM. Nguyễn Trường Sơn 100DM. Đặng Ngọc Trần (Reutlingen) 50DM. Thích Nữ Trí Lạc (Pháp) 50US + 20DM. Trường Nguyễn Nhiên (Hòa Lan) 25Guld. Nguyễn Văn Trọng (Salzgitter) 30DM. Lâm Ngọc Lành (Bi) 1.000FB. Trần Minh Đức (Pattensen) 20DM. Cao Thị Thanh Liên (Bielefeld) 20DM. Lê Thị Lan (Pháp) 100FF. Nguyễn Thị Ngọc Vân (Pforzheim) 50DM. Lý Lang Vô (Ostringen) 50DM. Trường Thị Mai Hường (Frankfurt) 20DM. Huỳnh Thị Hoa (USA) 100US. Nguyễn Thanh Châu (Steinheim) 100DM. Huỳnh Khắc Vinh (Berlin) 50DM. Hồ Thị Hường (Münster) 20DM. Trần Minh (Sweden) 200Kr. Nguyễn Văn Thịnh (Essen) 50DM. Lê Thành Tín (Oberhausen) 30DM. Đỗ Phi Hùng (Stuttgart) 20DM. Trần Vũ Nam (Daun) 20DM. Lê Văn Hiền (D'dorf) 20DM. Vũ Ngọc Châu (Pháp) 200FF. Giang Thắng (Salzgitter) 20DM. Đỗ Văn Nghiêm (Merselberg) 50DM. Nguyễn Thị Kim Hồng Mai (Rottenburg) 20DM. H. Mai & T. Phi Đỗ (Bi) 70DM. Lâm Trần Thanh Thủy (Berlin) 10DM. Lý Ngọc Dung (München) 20DM. Chang A Sang (Pforzheim) 50DM. Phạm Thị Kim Hường (Lohne) 30DM. Quan Bảo Cầu (Anh) 5 Anh kim Đẳng Nhũ Nam 20DM. Giang Phượng 20DM. Lê Thừa Nghiệp 20DM. Võ Thị Lý (Erlangen) 50DM. Võ Thị Hoa (Frankfurt) 20DM. Trường Đức Hạnh (Hòa Lan) 30Guld. Trần Khắc Hiếu (Göppingen) 30DM. Nguyễn Ngọc Văn (Pforzheim) 50DM. Lý Kỳ Vô (Oestringen) 50DM. Nguyễn Thị Tâm (USA) 50US. Nguyễn Thị Tân (Berlin) 20DM. Trần Thị Mười (München) 50DM. Huỳnh Thị Quyên & Huỳnh Thị Kiêm (*) 30DM. Jasmin Garten (Hannover) 20DM. Hạng Văn Lương (Pháp) 100FF. Hồ Văn Thị Bông (*) 100FF. Châu Thế Mưu (Frankfurt) 20DM. Dương Thế Nhân (*) 50DM. Vũ Hồng Sơn (Camspringe) 20DM. Nguyễn Thị Tú (Sindelfingen) 50DM. Nguyễn Văn Thế (Rosenheim) 30DM. Diệu Chánh (Úc) 30Úc kim. Nguyễn Văn Năng (Sigmaringen) 20DM. Nguyễn Tài Trường (Salzgitter) 20DM. Nguyễn (München) 100DM. Quyên (Münster) 30DM. Nguyễn Thị Hiền (Elmendingen) 800DM. TP. Đặng (Canada) 50Can. Lý Thị Ba (Bi) 500FB. Trường Hồng Hiếu (Wahlstedt) 20DM. Vong Vonrank (Pháp) 100FF. Lê Khắc Phượng Lan (*) 100FF. Ngô Thị Nga (*) 100FF. Lương Kinh Huy (Suisse) 100FF. Huỳnh Kim (Syke) 20DM. Nguyễn Thị Thân (Remscheid) 20DM. Nguyễn Hoàng Hà (Bruchköbel) 50DM. Chùa Linh Phong (Suisse) 100DM. Võ Hữu Liêm (Wiesbaden) 50DM. Nguyễn Thị Thu Thủy (Hòa Lan) 50Guld. Bùi Xuân Thao (Bühlertal) 50DM. Hoàng Sỹ Hưng 100DM. Trần Quang (Ao) 50Can. Huỳnh Sang (Emmenbrücke) 100DM. Huỳnh Hồng Ngự Sĩ (München) 50DM. Ăn danh (Hamburg) 50DM. Nguyễn Thị Sinh (Kiel) 30DM. Trần Đăng Thanh (Karlsruhe) 50DM. Phan Văn Hách (SL. Augustin) 100DM. Võ Toàn Trung 60DM. Ngân Lữ 50DM. Hoàng Thị Sen (Brüsseller Ring) 40DM. Phạm Quốc Việt 40DM. Nguyễn Văn Mỹ 25DM. Bùi Văn Định (Berlin) 50DM. Nguyễn Công Chung (Dresden) 20DM. Nguyễn Trâm (Bielefeld) 50DM. Trần Anh Tuấn (Framenfeld) 20DM. Võ Thị Ngọc Em (Regensburg) 20DM. Nguyễn Thu Cúc (Saarburg) 30DM. Vũ Văn Cường (Bellingen) 12.50DM. Nguyễn Châu (Ibbenburg) 20DM. Lâm Thừa Trí (*) 20DM. Phượng Nga (Pháp) 100FF. Nguyễn Công Sao (*) 200FF. Mach Thị Ánh Hồng (Arnsberg) 20DM. Trần Thị Thu Thảo (Köln) 30DM. Huỳnh Thị Bích Ngọc (Würzburg) 30DM. Nguyễn Hữu Sơn (Bi) 30DM. Nguyễn Văn Tân (Gießen) 30DM. Lê Văn Dũng (Regensburg) 20DM. Phan Trung Nền (Paderborn) 30DM. Thích Nữ Diệu Thông (Bi) 500FB. Huỳnh Đa Thức (USA) 10US. Nguyễn Hoàng Nha (Unna) 40DM. Châu Thị Song (*) 50DM. Lâm Minh Đức (Stuttgart) 30DM. Phạm Cường (Hamel) 200DM. Võ Văn Ngân 20DM. Jasmingarten (Hannover) 20DM. Trinh Thái Thuận (D'dorf) 50DM. Nguyễn Văn Lương (*) 100DM. Nguyễn Thị Thoán (Na Uy) 300Kr. Lê Văn Hồng 10DM. Hứa Công Tuấn 10DM. Khổng Bá Nha (Gelsenkirchen) 20DM. Tạ (Bensheim) 10DM. Đình Trần Lệ Nhón 40DM. Phan Thế Kiệt (Nürnberg) 20DM. Fam. Lê Hữu Luyến (Kiefern) 80DM. Trần Quốc Thanh 20DM. Chùa Liên Hoa (Canada) 100US. Koummarasy Kiên (Pforzheim) 30DM. Phan Tiến Dũng (München) 20DM. Lê Thị Thu (Konz) 50DM. Nguyễn Trí Cao 30DM. Vũ Văn Thanh 30DM. Daniel Vũ Thái Trường 50DM. Nguyễn Minh Chánh (München) 100DM. Nguyễn Văn Lương (Aschaffenburg) 20DM. Trần Thị Ngọc Linh (Hòa

Lan) 25Guld. Huỳnh Văn Giác (*) 50Guld. Nguyễn Văn Lô (Neu Ulm) 50DM. Đặng Phạm Hường (München) 50DM. Huỳnh Bá Thiên (*) 30DM. Lan Glover (USA) 20US. Tạ Thị Xuân (*) 20US. Phạm Thị Nôi (Lathen) 20DM. Võ Văn Ngón (Phân Lan) 200MK. Trần Thị Đức (München) 20DM. Phạm Ngọc Châu (Frankental) 50DM. Lâm Đại Đăng (Frankfurt) 20DM. Huỳnh Hồng Nhung (Hamburg) 20DM. Nguyễn Văn Tuấn (Nordlingen) 20DM. Lưu Ngọc Lan (Speyer) 50DM. Hoàng Anh 20DM. Phạm Như Nghĩa (München) 100DM. Võ Văn Quế (Ý) 40DM. Bùi Kim Huệ (Aerzen) 30DM. Trịnh Xuân Sơn 20DM. Nguyễn Thị Đoàn Trang (Hagen) 10DM. Nguyễn Ngọc Khôi (Kassel) 20DM. Lâm Tân Minh (Pháp) 100FF. Nguyễn Văn Phát (M'Gladbach) 20DM. Dương Trần Cảnh Hà (Oberhausen) 30DM. Lê Thị Bạch Nga (Canada) 50Can. Minh Thiên (USA) 20US. Nguyễn Thị Dung (*) 30US. Trinh Giang 20DM. Nguyễn Xuân Bình (Lüchow) 20DM. Phan Hữu Nhón (Münster) 20DM. Nguyễn Hữu Tiến (Stolberg) 10DM. Ngọc Lan Liên (Suisse) 50DM. Đinh Nam Hà (Bamberg) 20DM. Nguyễn Văn Sơn (Essen) 100DM. Vũ Thế Vinh (*) 20DM. Lê Quang Liêm (Gehrden) 20DM. Phạm Ngọc Thuồng (GM'hütte) 40DM. Trần Thị Khâm (Stuttgart) 20DM. Phạm Thị Kim Dung (Kirtorf) 20DM. Lương Sơn Lam (Hanau) 20DM. Đặng Văn Trọng (Hamburg) 100DM. Lê Hoàng Tân (Egeln) 27,50DM. Nguyễn Chí Tài (Trier Weiler) 20DM. Nguyễn Quốc Thông (Troisdorf) 30DM. Bùi Văn Quang (Gutersloh) 20DM. Bùi Anh Dũng (*) 20DM. Trần Ngô 50DM. Trần Cẩm Châu (Bruckhösel) 30DM. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 50DM. Nguyễn Anh Dũng (Lünen) 20DM. Trần Hùng Minh (Berlin) 20DM. Lôi Văn Kiệt (Meppen) 20DM. Trần Xuân Kính (Bonn) 20DM. Đoàn Văn Chung (Heppenheim) 20DM. Lý Mỹ Anh (Köln) 20DM. Hồ Thị Hải Thảo (*) 20DM. Huỳnh Bích Phượng (Berlin) 20DM. Lê Thị Ngọc Anh (Hòa Lan) 25Guld. Nguyễn Đỗ Diễm Phượng (Bochum) 10DM. Huỳnh Văn Thuồng (Winnenden) 20DM. Chung Thu Văn (Krefeld) 20DM. Nguyễn Sơn Hải (Lahnstein) 20DM. Phạm Thị Mai (Göttingen) 20DM. Trần Thị Mỹ Nga (Aalen) 20DM. Nguyễn Mạnh Nhất (Hönningen) 20DM. Diêu Tho 50DM. Hoàng Anh Tuấn (Bad Beuthheim) 20DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 30DM. Trần Tiến Siêu (HH) 50DM. Phạm Văn Đức (Nürnberg) 50DM. Trần Xuân 30DM. Nguyễn Roanh (Lünen) 30DM. Huỳnh Thị K. Liên (München) 30DM. Trần Anh Dũng (B. Iburg) 20DM. Trinh Văn Minh (Salzberger) 20DM. Phạm Thị T. Hanh (Münster) 30DM. Nguyễn Thái Hòa (*) 40DM. Lâm Chí Trung (*) 30DM. Nguyễn Văn Hòa (*) 20DM. Nguyễn Thị Phượng (Berlin) 50DM. Trần Văn Búp (*) 20DM. Huỳnh Quang Đăng (*) 20DM. Tô Mach T. Trinh (Dingolfing) 50DM. Vũng Lê Hoa (Bonn) 50DM. Hoàng Văn Liên (Hannover) 50DM. Vũ Xuân Vinh (Reutlingen) 50DM. Lưu Giới (Nordhorn) 50DM. Trần Bá (*) 50DM. Lê Thị Hiệp (*) 50DM. Phạm Hồ Lê (Herten) 20DM. Phan Văn Thanh (Kleinostheim) 20DM. Nguyễn Tử Hùng (Lünen) 20DM. Trinh Werda (*) 20DM. Mai Văn Tâm (Ludenscheid) 50DM. Vũ An Hiến (Libbar) 20DM. Vũ Văn Nam (Mannheim) 100DM. Nguyễn Văn Văn (Köln) 20DM. Trần Thị Chấn (Schorndorf) 50DM. Vũ Thị Và (MG) 30DM. Hồ Chánh Kỳ (HH) 30DM. Trinh Bầy (Münster) 30DM. Nguyễn Thái Hùng 50DM. Huỳnh Văn Sơn (B. Oldesloe) 50DM. Đào Công Cấn (D'dorf) 50DM. Quách Hữu Thành (HH) 50DM. Lâm Minh Nghĩa (*) 20DM. Nguyễn Ngọc Anh (*) 20DM. Trần Huệ Nữ (Ibbenburg) 50DM. Phan Minh Trí (Hagen) 100DM. Thái Túy Phượng (Hòa Lan) 35Guld. Lưu Tiến Tùng 20DM. Hoàng Văn Thanh (Salzberger) 20DM. Nguyễn Bắc Nam 20DM. Lê Thanh Bình (Bremen) 100DM. Trần Thị Túoi (Köln) 20DM. Minh Hoàng (*) 50DM. Đặng Văn Đức (*) 50DM. Nguyễn Văn Minh (*) 50DM. Lâm Hồng Phúc (Giffhorn) 20DM. Nguy Nhật Thủ (Hannover) 50DM. Đặng Văn Quý (Elsenfeld) 20DM. Vũ Đình Hải (Neustadt) 100DM. Hồ Thị T. Đạm (Romaringen) 30DM. Trần Văn Trường (FF) 50DM. Vũng Chấn Quí (Pháp) 30DM. Trần Quốc Hùng (Pretz) 50DM. Võ Thị Mỹ (Wiesbaden) 30DM. Trần Thiên Phước (Wangen) 20DM. Nguyễn Văn Chương (Kaisruhe) 30DM. Trường Quan Thanh (*) 50DM. Lương Văn Xinh (*) 50DM. Tú Quang Hùng (Stuttgart) 30DM. Nguyễn Tấn Thông (Kissieg) 30DM. Nguyễn Thị Văn (Nürnberg) 30DM. Trần Kim Long (Konstanz) 100DM. Ngô Thị T. Thủy (Erlangen) 20DM. Huỳnh Thị Chi (Berlin) 50DM. Nguyễn Tường Nhân (Nürnberg) 30DM. Trần Lang Hia (*) 30DM. Lê Nhất Hiền (Maintal) 50DM. Nguyễn Thị Song (Wiesbaden) 20DM. Lê Thị B. Tùng (Hannover) 50DM. Huỳnh Văn Khả (Speyer) 30DM. Nguyễn Mạnh Thuồng (Norderstedt) 70DM. Nguyễn Thị

Quí (Hamburg) 50DM. Đào Hữu Chí (*) 50DM. Nguyễn Thị N. Huyền (Aschaffenburg) 30DM. Ngô Thị Nhi (Telgte) 20DM. Mai Mỹ Linh (Neumarkt) 20DM. Lê Văn Hoàng (Rodgau) 20DM. Bác Diệu Ninh (Hamburg) 50DM. Võ Thanh Hùng (Hanau) 20DM. Lê Văn Thanh (FF) 20DM. Vũ Văn Hải (Trier) 20DM. Ngô Thị (Erfstadt) 50DM. Trần Như Kỳ (Dortmund) 30DM. Mai Trung Sơn 20DM. Phạm Thị Vân (Koblenz) 20DM. Vũ Văn Phú (Schwetzingen) 50DM. Nguyễn Thị Ninh 20DM. Huệ Phường Quan (Göttingen) 50DM. Phạm Thị Lan (Hòa Lan) 200DM. Dương Chánh Quân (Cloppenburg) 30DM. Nguyễn Văn Nho (Naumburg) 20DM. Trần Đức Cường (Heidemheim) 20DM. Trần Thu Hoàng (Soest) 20DM. Nguyễn Hữu Khánh (Tangstedt) 20DM. Đỗ Bang Sĩ (Seezle) 40DM. Tạ Minh Toàn (Hude) 25DM. Hàn Cường (Reutlingen) 20DM. Dương Tường (*) 50DM. Cố Kim Tường (*) 30DM. Trần Nguyễn (Krefeld) 50DM. Nguyễn Minh Ngón (Brühl) 50DM. Nguyễn Anh Phụng (Hagen) 25DM. Võ Văn Trúc (Berlin) 50DM. Hồ Thị B. Thủy (VN) 50DM. Giang Siêu (Saarbrücken) 30DM. Lý Kiến Phi (*) 20DM. Chanhnen Behn (Gifhorn) 50DM. Phạm P. Nguyễn (BS) 50DM. Nguyễn Thị Hường (Krefeld) 50DM. Thái Bích Thủy (*) 20DM. Lương Văn Khoa (Bielefeld) 40DM. Nguyễn Thị Dung (Kiel) 20DM. Lương Châu Hiếu (Einbeck) 40DM. Nguyễn Ngọc Hùng (Minden) 40DM. Mai Ngọc Diệp (Hameln) 50DM. Trần Phước Cầm (Berlin) 50DM. Lưu Xuân Lộc (Seevetal) 40DM. Nguyễn Quý Hùng (Vöhrenbach) 20DM. Trương Khánh Phụng (Viersen) 20DM. Lý Kim Phụng (Willich) 20DM. Thái Phi Long + T.T. Liên (Đan Mạch) 100Kr. Nguyễn Thị T. Vân (Spaichingen) 30DM. Trần Thị Lan (Berkamen) 50DM. Lâm Huyền Diệp (Oberursel) 20DM. Phan Thị L. Nga + Nguyễn Ca (Oberhausen) 100DM. Lê Thị T. Linh (Reutlingen) 20DM. Lưu Minh (*) 100DM. Lưu Ngọc Diệp (Ludwigsburg) 30DM. Hồ Thị Hoa (Krefeld) 50DM. Huỳnh Tú (Bad Iburg) 20DM. Huỳnh Thị Lý (Osnabrück) 30DM. Lê Tấn Lộc (Hasselünne) 50DM. Trương Văn Xuân (Hannover) 30DM. Nguyễn Thị L. Giang (Unna) 20DM. Châu Thị Song (*) 50DM. Hồ Văn Thế (Viernheim) 20DM. Võ Thành Nghiệp (Göttingen) 20DM. Bùi Ngọc Vạn (*) 30DM. Nguyễn Xuân Thái (Trebun) 50DM. Nguyễn Đình Thủy (Pháp) 100FF. Nguyễn Thế Vinh (Heidelberg) 100DM. Nguyễn Tiến Vinh (Rollweil) 30DM. Trịnh Minh (Göttingen) 20DM. Kim Phụng (Hatten) 40DM. Huỳnh Quốc Dung (Dortmund) 50DM. Trần Thọ Tuấn (Apolda) 20DM. Tăng Quốc Tuấn (Berlin) 20DM. Ngô Thanh Hồng (Steinbach) 30DM. Nguyễn Minh P. Vinh (Wernigeroder) 30DM. Đỗ Thị Thủy (Wilhelmshaven) 20DM. Lê Thanh Tùng (Hoya) 30DM. Lê Anh Dũng (Cloppenburg) 20DM. Võ Hữu Hùng (Burgdorf) 20DM. Nguyễn Khắc Hân (Dorsten) 50DM. Dương Ngọc Hải (Bremerhafen) 30DM. Nguyễn Văn Diên (FF) 50DM. Nguyễn Thị T. Nga (Lorup) 20DM. Nguyễn Thị Liễu (Aschaffenburg) 50DM. Đỗ Văn Nghiêm (Duisburg) 50DM. Nguyễn Thị Sứ (Reutlingen) 20DM. Trần Văn Huyền (*) 20DM. Trần Thị Phú (Stuttgart) 20DM. Trần Hữu Hoàng (Trier) 20DM. Dư Minh Hồng (FF) 45DM. Lê Ly + Ngô Đức Thế (*) 30DM. Nguyễn Thị Liên (Regensburg) 20DM. Nguyễn Xuân Hòa (*) 20DM. Trần Kim Sơn (*) 20DM. Trần Thị Thủy (München) 50DM. Đào Minh Thủy (Peine) 30DM. Cao Hoàng Tùng (B. Albach) 20DM. Trần Văn Dũng (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Minh Bửu (Hòa Lan) 25Guld. Hồ Thị Lệ (Suisse) 50DM. Trần Hữu Chánh (Salzbergen) 30DM. Lâm Thị Bé (Helmstedt) 20DM. Phạm Thị Lâm (Norddeich) 50DM. Hồ Xuân Anh (D'dorf) 20DM. Diêu Minh 50DM. Han - Kha Ngọc Dung (Iserlohn) 20DM. Bùi Tấn Quốc (Klotten) 10DM. Nguyễn Thái Nam (Nürnberg) 50DM. Trần Minh Nhật (*) 50DM. Trần Tú Ngọc (Gifhorn) 20DM. Phan Thị K. Xuân (Langenhagen) 50DM. Thượng Công Hoàng (Oberhausen) 20DM. Nguyễn Thị Tiên 50DM. Tạ Ngọc Hoa (Wedel) 50DM. Gđ. Đặng Hữu Hà (HH) 100DM. Hạng Phước Trụ (Herborn) 20DM. Trần Thị M. Dung 10DM. Võ Thông (Münster) 30DM. Lê Quang Dũng (Darmstadt) 100DM. Nguyễn Ngọc Diệp (*) 50DM. Phạm Kim Oanh (Cottbus) 40DM. Du Thu Lan (Sindelfingen) 30DM. Khuu Cẩm Vân (Wiesbaden) 40DM. Hồng Beo 20DM. Nguyễn Khánh Nam (Berlin) 30DM. Nguyễn Hữu Tinh (Hannover) 20DM. Nguyễn Bùi Thị N. Nga 20DM. Liễu Thị Thà (BS) 30DM. Phan Đức Tuấn (Köthen) 10DM. Trần Thị H. Giang (Steinbach) 20DM. Lê Diệu Hồng (Goslar) 20DM. Lê Văn Mười (Tuttlingen) 50DM. Lâm Thảo Nhi 20DM. Lê Thị Đẹp (D'dorf) 20DM. Trần Thị Trinh (Schwarzenberg) 20DM. Nguyễn Khuyết (*) 20DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 30DM.

Nguyễn Hữu Tuấn (Köln) 50DM. Nguyễn Xuân Bình (Lüchow) 20DM. Nguyễn Trường Sơn (Herne) 20DM. Hà Thị Nhâm (*) 40DM. Hà Thị Cẩm (USA) 20DM. Huyền Phương (Uc) 200DM. Tom Thomas (USA) 20US. Phạm Minh Tân (Y) 20.000Lire. Nguyễn Ngọc Thoa (Suisse) 30FS. Phạm (Biburg) 20DM. Vũ Văn Hợp (Norden) 30DM. Tâm Viên (Filderstadt) 40DM. Nguyễn Thị Hoài Mỹ (Cloppenburg) 20DM. Phan Thị Việt (USA) 50 DM. Đặng Văn Mỏ (Hugla) 10DM. Hoàng Thị Hồng 30DM. Trần Kim Long (Konstanz) 100DM. Vũ Christopher Steven 185DM. Ngô Nguyễn Tường (Weisach) 20DM. Lê Hoàng Dũng 85DM. Hélène Antony (Düsseldorf) 50DM. Vũ Tiến Công (Frankfurt) 20DM. Lê Châu Bảo (Suisse) 38,85DM. Tăng Quốc 50DM. Phạm Văn Mọc (Langen) 50DM. Trịnh Văn Thanh 20DM. Hoàng Công Phước (M'Glabach) 120DM. Nguyễn Quý Đại Thị Hoa 100DM.

• AN TỐNG

ĐH. Phạm Thị Bưởi (D'dorf) 30DM. Hoàng Anh Tuấn (Bad Beutheim) 10DM. Nguyễn Thị Phòng (Frankfurt) 10DM. Nguyễn Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 30DM. Võ Yến Nguyệt (Köln) 30DM. Phan Thị Mùi (*) 30DM. Hoàng Thanh Thủy (Regensburg) 30DM. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 50DM. Vũ Khánh (Krefeld) 20DM. Nguyễn Văn Minh (Köln) 20DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 20DM. Nguyễn Hiền Minh (Aachen) 20DM. Gđ. Phùng Thu Hằng (Oldenburg) 50DM. Trần Thị Hiền (Köln) 20DM. Phan Thị Xuân Lộc (Đan Mạch) 100DM. Thiệu Đức 50DM. Lê Thị Đẹp (D'dorf) 50DM.

KINH THỦY SÂM : ĐH. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (*) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM. Huỳnh Các Đán (Hanau) 30DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 100DM.

KINH PHÁP HOA : ĐH. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (*) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM. Ngô Thị T. Dương (Köln) 30DM. Hà Điền Long 50DM. Nguyễn Mạnh Diệp (Mannheim) 50DM. Trịnh Thanh Liêm 50DM. HHHH ĐH Phan Trọng Khôi. Lê Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 25DM.

KINH PHÁP BẢO ĐÀN : ĐH. Liễu Thị Thà (Braunschweig) 50DM. Viên Tuyết (Laatzen) 50DM. Lương Tuyết Vân (Canada) 20DM. Nguyễn Văn Tý (Weil-Friedlingen) 10DM. Lê Văn Hiền (D'dorf) 30DM. Thiên Tâm + Thi Chánh (Laatzen) 100DM. Thiên Ý (Hannover) 100DM, hồi hương pháp giới chúng sanh. Số Cù Hạnh Châu (*) 200DM. Quách Xuân Hoa (Landstuhl) 50DM. Phan Văn Hách (St. Augustin) 100DM. Nguyễn Thế Châu (M'Glabach) 50DM. Giang Quốc Hoàn 100DM. Lâm Kim Khánh (M'Glabach) 200DM. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (*) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM. Tạ Thị Xuân (USA) 30US. Hoàng Hiền 100DM. Diệp Liên Hào (Cloppenburg) 40DM. Lâm Kim Khánh 20DM. Lâm Trần Thanh Thủy (Berlin) 40DM. Nguyễn Kỳ (Suisse) 10DM. Lâm Kim Khánh (M'Glabach) 200DM. Vũ Thị Minh (Augsburg) 20DM. Vương Lệ Hoa (Bonn) 300DM. Đoàn Vũ P. Minh (*) 100DM. Lý Hồng Sơn (Krefeld) 200DM. Giang Thái An (Neustadt) 100DM. Thiệu Hiền 100DM. Hứa Kỳ Năng (WHV) 70DM.

KINH DƯỢC SỬ : ĐH. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (*) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM. Tâm Huệ (Bì) 600FB. Nguyễn Mạnh Diệp (Mannheim) 50DM.

KINH ĐỊA TANG : ĐH. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (*) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM.

BACH Y THẦN CHỦ : ĐH. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (Frankfurt) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM. Nguyễn Roanh (Lünen) 120DM. Huỳnh Thị Thảo (Köln) 100DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 50DM. Nguyễn Thị Ngọc Nga (Bad Oldesloe) 20DM.

TỬ BI ĐẠO TRĂNG SÂM PHÁP : ĐH. Nguyễn Thị Kim Xinh + Đỗ Nguyễn Huy Phương (Stuttgart) 500DM.

TƯỢNG THÍCH CA: ĐH. Taekwon-Do Chong-i-Kwan (Kassel) 200DM. Lại Huỳnh Thiện

Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (*) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM.

TƯỢNG A DI ĐÀ : ĐH. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (*) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM.

TƯỢNG ĐỊA TANG : ĐH. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (*) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM.

TƯỢNG CHUẨN ĐỀ : ĐH. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (*) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM.

TƯỢNG QUAN THẾ ÂM : ĐH. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (*) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM.

TƯỢNG QUAN ÂM THIÊN THỦ THIÊN NHÂN : ĐH. Taekwon-Do Chong-i-Kwan (Kassel) 200DM. Nguyễn Thị Viễn Phường (Koblenz) 400DM. HHHH ĐH Nguyễn Thị Kính, Nguyễn Thị Điền, Nguyễn Văn Ngoan + 400DM, HHPT Nguyễn Đức Tùng, Nguyễn Duy Trung. Trần Tý (Borken) 700DM. HHHH ĐH Nguyễn Thị Sinh. Liễu Thị Thà (Braunschweig) 50DM. HHHH ĐH Phạm Thị Ngọc. Nguyễn Văn Tý (Weil-Friedlingen) 50DM. Đặng Văn Đức (Aschaffenburg) 50DM. Phan Kim Oanh (Sugenheim) 20DM. Hoàng Ngọc Thu (Pháp) 500FF. Thiên Tâm + Thi Chánh (Laatzen) 100DM. Huỳnh Thị Quyên + H. Thị Kiêm (München) 30DM. Đặng Việt Cường (Craisheim) 50DM. Đỗ Việt Tuấn (Peine) 30DM. Quách Xuân Hoa (Landstuhl) 50DM. Nguyễn Thế Châu (M'Glabach) 50DM. Huỳnh Mười (Đan Mạch) 20DM. Trần (Frankfurt) 60DM. Võ Văn Ngón (Phản Lan) 100MK. Thiệu An (Hamm) 300DM. Diệp Liên Hào (Cloppenburg) 20DM. Nguyễn Đức Hà (Burgau) 200DM. Đỗ Thị Kim Dung + Nguyễn Hồng Lê + Đỗ Quyên (Suisse) 20DM. Trần Nhứt Quang (Ibbenbüren) 20DM. Thái Thị K. Hồng (Oberkirchen) 100DM. Nguyễn Thị T. Trang (Osnabrück) 20DM. Liễu Tiến Tùng 10DM. Vương Chấn Quoi (Pháp) 100DM. Nguyễn Thị Tâm (Kassel) 100DM. Bác Diệu Ninh (Hamburg) 40DM. Ngô Thị Nhi (Telgte) 30DM. Huỳnh Thị Cẩm Loan (*) 50DM. Nguyễn Hoàng Minh (Herford) 100DM. Trần Mỹ Lệ (Berlin) 50DM. Lý Tấn Long (VN) 20DM. Phan Thị L. Nga + Nguyễn Ca (Oberhausen) 100DM. Lê Thọ Hạng (Reutlingen) 30DM. Đoàn Vũ P. Minh (Bonn) 100DM. Lê Thị Ngọc Diệp (Erlangen) 100DM. Lê Anh Đào (*) 50DM. Thị Châu 50DM. Gđ. Lưu Khải Hiền (Đc) 40DM. Gđ. Lưu Khải Tinh (Helmstedt) 40DM. Đào Thiên Mẫn (Emlpede) 20DM. Gđ. Đặng (Bielefeld) 50DM. Hứa Kỳ Năng (WHV) 100DM.

• MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Taekwon-Do Chong-i-Kwan (Kassel) 200DM. Lau Yến Tâm (Aachen) 120DM. HHHH Phạm Thị Ngọc (Sweden) 120DM. HHHH Trần Huy (*) 120DM. HLĐH Lê Hữu Luyện (Niefern) 120DM. Tâm Lương Huỳnh Công Cú (Frankfurt) 120DM. HLĐH Huỳnh Thị Yến + 120DM. HLĐH Huỳnh Công Quang. Lê Diệu Loan (München) 120DM. Lê Thị Hồ (Canada) 120DM. Đỗ Thị Kim Dung (Suisse) 120DM. Nguyễn Kỳ (*) 120DM. Nguyễn Hồng Lê + Đỗ Quyên (*) 120DM. Nguyễn Thị Thanh Phường (Romavingen) 120DM. Nguyễn Thị Thanh Dung (*) 120DM. Lê Thị Hồng (Pliezhausen) 120DM. Ngọc tự Đức (Essen) 120DM. Nguyễn Thị Kim Anh tự Tuyết (*) 120DM. Đoàn Đình Tuấn (*) 120DM. Ngô Thị Tú (*) 120DM. Trần Thị Nhi (*) 120DM. Nguyễn Quốc Cường (*) 120DM. Nguyễn Trần Đình (Steinfurt) 120DM. Đỗ Lê Hà (Hamburg) 120DM. Cheong Chee Wing (*) 120DM. Dương Đức Thắng (Göppingen) 100DM.

• XÂY CHÙA

ĐH. Taekwon-Do Chong-i-Kwan (Kassel) 1.000DM. Trần Minh (Sweden) 300Kr. Đỗ Văn Nghiêm (Merselberg) 50DM. Li Trần Thủy Phường (Pforzheim) 50DM. Lý Ngọc Phường (Stuttgart) 2.000DM. Nguyễn Ngọc Tuấn (M/F) 50DM. Vũ Thị Xuyên (Marktheidefeld) 50DM. Đinh Nam Hà (Bamberg) 100DM. Lê Quang Liêm (Gehrdn) 50DM. Huỳnh Thiện Tâm (Neuss) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Thạch (Ulm) 20DM. Nguyễn Thị Phòng (Frankfurt) 30DM. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 500DM. Vương Lê Hoa (Bonn) 30DM. Sầm Ngọc Anh (Schwalbach Saar) 300DM. Trần Thị Chân (Schorndorf) 50DM. Đặng Thị Súc (Saarland) 50DM. Huỳnh Thị Thảo (Köln) 100DM. Trần Bá (Nordhorn) 100DM. Thiệu Như (BS) 10DM. Lê

Thanh Bình (Bremen) 100DM. Nguyễn Sơn Hải 20DM. Khuê Thạch 20DM. Lê Đình Huy (Berlin) 20DM. Huỳnh Thị Cẩm Loan (Telgte) 50DM. Nguyễn Anh Phụng (Hagen) 20DM. Nguyễn Đình Văn 50DM. Lê Thị Do 10DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 50DM. Nguyễn Ngọc Mai 20DM. Ngô Thanh Hải 30DM. Phan Đức Tuấn (Köthen) 20DM. Dương Thị Hồng Thủy (Leipzig) 20DM. Ngô Thị T. Thủy (VN) 20DM. Hiến Ngọc (Arnstadt) 20DM. Trần Văn Tường (G.bourg) 10DM. Trần Duy Hoàng (Wurzach) 50DM.

•QUỸ ỦNG HỘ MÁY IN

ĐH. Taekwon-Do Chonggi-Kwan (Kassel) 200DM. Phạm Thị Lan 20DM. Nguyễn Việt Đức 50DM. TB. GTPN Hannover 35DM. Phạm Thị T. Hạnh (Münster) 20DM.

GIÚP NẠN ĐÓI PHI CHÂU : ĐH. Taekwon-Do Chonggi-Kwan (Kassel) 200DM. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (Frankfurt) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM.

GIÚP NẠN ĐÓI VIỆT NAM : ĐH. Taekwon-Do Chonggi-Kwan (Kassel) 200DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 50DM. Trúc Khương 100DM.

GIÚP HỌC SINH NGHÈO Ở ẤN ĐỘ : ĐH. Trịnh Minh Tấn (Bad Pyrmont) 50DM. Chi Hội PTVNTN Berlin 240DM + 405 tiền Ấn Độ. Trúc Khương 100DM.

QUỸ YẾM TRỢ GHPGVNTN QUỐC NỘI : ĐH. Taekwon-Do Chonggi-Kwan (Kassel) 200DM. Sĩ Cô Hạnh Châu (Hannover) 50DM.

QUỸ GIẢI TRỪ PHÁP NẠN : ĐH. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 20DM. Lê Quang Liêm (Gehrden) 50DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 10DM.

•TRAI TẶNG

ĐH. Nguyễn Thị Viễn Phượng (Koblenz) 100DM. Trịnh Lương Nghĩa (D'dorf) 50DM. Nguyễn Văn Lương (*) 200DM. Hội Phật Giáo Liège (Bi) 6.000FB. Huệ Lạc (Berlin) 20DM. Lê Tiến (*) 20DM. Thiên Bách (*) 10DM. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (Frankfurt) 20DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 20DM. Lau Glover (USA) 100US. Thiên Giáo, Diệu Hỷ, Thiện Tịnh và Thanh Trúc (Frankfurt) 50DM. Thiện An (Hamm) 50DM. Lưu Ngọc Lan (Speyer) 50DM. Võ Văn Mai (Berlin) 50DM. Diệu Thanh + M. Thông (*) 30DM. Lê Đình Huy (*) 20DM. Ấn danh 10DM. Diệu Ngọc 20DM. Nguyễn 50DM. Viên Tuyết (Laatzen) 50DM. Huệ Diễm 50DM. Hạnh An 50DM. Từ Hùng 20DM. Nguyễn Cao Lũy 10DM. Thiên Lương 20DM. Diệu Nữ 50DM. Diệu Thọ 50DM. Diệu Trí 20DM. Thiện Nghĩa + Diệu Huệ 30DM. Hồ Thanh 20DM. Nguyễn Tiến Vinh 20DM. Trần Hiếu Tài 20DM. Hạnh Báo 50DM. Huỳnh Trí 50DM. Nguyễn Tử 20DM. Diệu Phong 20DM. Bùi Thị Trâm 10DM. Diệu Hương 20DM. Thái Kha Kỳ 20DM. Nguyễn Văn Meang 20DM. Tinh Khánh 30DM. Thiên An 20DM. Thiện Ý 50DM. Thiện Tịnh 20DM. Sukha 10DM. Trần Đức Xuân 50DM. Thiên Pháp 10DM. Lê Thị Bảy 20DM. Gđ. Từ Minh 20DM. Phạm Thị Cẩm Hồng 50DM. Trang Văn Hên 50DM. Quang Diem 10DM. Phạm Hồng Sáu 10DM. Nguyễn Văn Chính 10DM. Nguyễn Hữu Hậu 10DM. Ngô Thị T. Dương 10DM. Đặng Thị Thanh Hà 10DM. Phan Thị Hiền 10DM. Liên 10DM. Trần Thị Sơn 10DM. Dương Thị H. Văn 5DM. Vũ Quốc Kỳ 20DM. Bùi Thị Trướng 5DM. Nguyễn Thị Hạnh 5DM. Võ Văn Công 10DM. Nguyễn Thanh Bình 10DM. Đỗ Thị K. Hải 5DM. Kuo Shu Meei 50DM. Vũ Mạnh Sốt 10DM. Hà 5DM. Ngọc 10DM. Quân 10DM. Olessner 13DM. Hướng 5DM. Thoa 5DM. Chinh 20DM. Chiến 20DM. Hoa 10DM. Giang Diễm 50DM. Diệu Ngọc 20DM. Diệu Cao 20DM. Diệu Đào 20DM. Diệu Thiện 20DM. Thiên Thanh 20DM. Diệu Kim 10DM. Như Quỳnh 20DM. Diệu Bình 20DM. Ngọc Thanh 20DM. Thiên Hiền 50DM. Lý Thục Hà 20DM. Lý Tam 10DM. GĐPT Minh 100DM. Thiện Quý 30DM. Nguyễn Thanh Tỷ 50DM. Như Sướng 10DM. Ba Phong 50DM. Vương Lệ Hoa (Bonn) 70DM. Nguyễn Thị B. Ngọc (Oberhausen) 20DM. Phan Thị Mùi (Köln) 20DM. Hoàng Thanh Thủy (Regensburg) 20DM. Trương Tấn Lộc (Laatzen) 50DM. Nguyễn Thanh Tỷ (Recklinghausen) 50DM. Hồ Thị T. Đam (Romaringen) 30DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (Stuttgart) 20DM. Lê Văn Trướng (Karlsruhe) 50DM. Trương Quang Khánh (*) 40DM. Bác Diệu Trân (Hamburg) 20DM. Bác

Diệu Châu (*) 10DM. B1c Diệu Ninh (*) 20DM. Gđ. Dương Văn Bê, P.+ Sướng D.Đ Huệ + ĐĐ Trí + D.T. Loan + ĐĐ Thắng + ĐĐ Lợi (Rottenburg) 50DM. Ban Báo Trợ GĐPT Chánh Niệm (Berlin) 200DM. Sukha Nguyễn Thị Bê (Köln) 20DM. Lê Anh Đào (Erlangen) 50DM. Trần Thị Vinh (Mannheim) 10DM. Nguyễn Danh Thắng (*) 30DM. Lê Thị Đỗ (FF) 10DM. Nguyễn Thị Luc (München) 20DM. Nguyễn Thị Liên (Regensburg) 30DM. Phan Thị Lan 20DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 20DM. Phạm Lê Dung (Bonn) 20DM. Phan Thị B. Phượng (Berlin) 20DM. Nguyễn Thái Nam (Nürnberg) 30DM. Thiên Huệ (Essen) 20DM. Diệu Thu (N. Ulm) 50DM. Tiêu Thị Thi (Erlangen) 50DM. Lê Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 25DM.

AN CỬ KIẾT HẠ : ĐH. Giác Tánh + Ngọc Quang (100DM. Thiên Phẩm & Thiên Như 20DM.

•VU LAN

ĐH. Trần Thị Mười (München) 50DM. Huỳnh Thị Quyên + H. Thị Kiêm (*) 20DM. Trần Thị My (Aachen) 50DM. Trần Thị Cẩm Tú (Pháp) 48DM. Lê Văn Thanh (Bi) 500FB.

HƯỜNG LINH KÝ TỰ : ĐH. Gđ. Lâm Hôn (Hamburg) 150DM. Kỹ tự HLEH Trần Ngọc.

TRAI CÙI, MÙ, CÔ NHI VIỆN, VIỆN DUƠNG LÃO : ĐH. Taekwon-Do Chonggi-Kwan (Kassel) 400DM. Nguyễn Phước (Pforzheim) 50DM. Trinh Thu Huệ (Paderborn) 200DM. Dương Thị Ngọc Liên (Köln) 10DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 20DM. Tôn Nữ Mỹ An (Hamburg) 50DM. Sĩ Cô Hạnh Châu (Hannover) 50DM. Vũ Quốc Dung 50DM. Huỳnh Mười (Đan Mạch) 1.000Kr. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 50Guld. Phan Văn Phước (*) 25Guld. Lại Huỳnh Thiện Xuân (Frankfurt) 10DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (*) 10DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 10DM. Bùi Văn Quang (Gütersloh) 100DM. Biện Thị Mai (Hamburg) 100DM. Dương Trần Cảnh Hà (Oberhausen) 50DM. Lê Quang Liêm (Gehrden) 50DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 50DM. Nguyễn Trường Sơn (Herne) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Ulm) 100DM. Nguyễn Tử Hùng (Lünen) 100DM. Đặng Thị Súc (Saarland) 50DM. Trần Bá (Nordhorn) 50DM. Lê Đình Huy (Berlin) 30DM. Trịnh Minh Tấn (Bad Pyrmont) 50DM. Lê Thị Ngọc Diệp (Erlangen) 50DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 20DM. Ngô Thị Kim Loan (Croppenburg) 20DM. Ngô Quang Huy (Mannheim) 60DM. Tạ Mạnh Toàn (Hude) 50DM.

TRAI CÙI SỐC TRẮNG : ĐH. Nguyễn Hữu Tuấn (Köln) 50DM. Trúc Khương 100DM.

CHỦ TẶNG NI VIỆT NAM : ĐH. Huỳnh Mười (Đan Mạch) 1.000Kr.

CHÙA VIỆT NAM : ĐH. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 50Guld. Phan Văn Phước (*) 25Guld. Lý Hồng Sơn (Krefeld) 100DM. Gđ. Dương Văn Bê, P. + Sướng + ĐĐ Huệ + ĐĐ Trí + D.T. Loan + ĐĐ Thắng + ĐĐ Lợi (Rottenburg) 50DM.

QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VN HẢI NGOẠI & QUỐC NỘI : ĐH. Trần Thị 50DM. Nguyễn Tấn Hồ (Konstanz) 20DM. Lại Huỳnh Thiện Xuân 50DM. GĐĐH. Lại Ngọc Hải (*) 50DM. Huỳnh Lê Diệu Phước (*) 50DM. Thiên Đắc 300DM. Trần Thị 50DM. Trần Bình Lợi (Oberkochen) 100DM. Nguyễn Tử Hùng (Lünen) 100DM. Lê Văn Mỹ (Karlsruhe) 500DM. Nguyễn Văn Ngô (Fürth) 50DM. Chi Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn (Hannover) 2.055DM.

GIÚP NẠN ĐÓI, LỤT Ở VIỆT NAM : ĐH. Trịnh Minh Tấn (Bad Pyrmont) 50DM. Trúc Khương 100DM. Huỳnh Thanh Thúa (Hoya) 10DM.

TRẺ EM NGHÈO Ở VIỆT NAM : ĐH. Trịnh Minh Tấn (Bad Pyrmont) 50DM.

TRAI TỶ NẠN : ĐH. Taekwon-Do Chonggi-Kwan (Kassel) 200DM. Trịnh Thị Hiền (Stuttgart) 100DM. Trần Ngọc Dung (Tübingen) 50DM. Vương Chấn Quoi (Pháp) 20DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 10DM. Nguyễn Thị Sự (Reutlingen) 20DM.

CÁO LỖI

Vi số trang không đủ nên phần cúng dường Đại Lễ Phật Đản sẽ được đăng tiếp vào kỳ báo Viên Giác số 100 phát hành vào tháng 8/97.
Xin quý Đạo Hữu hoan hỷ.

PHÂN ƯU

Được tin buồn

CỤ ÔNG LÊ VĂN ĐÓ

Thân phụ Đạo Hữu Lê Thị Tú. mệnh chung vào ngày 26.5.97 dương lịch (nhằm ngày 20.4.97 âm lịch, năm Đinh Sửu), tại xã Trung Ngãi - Việt Nam
Thượng thọ 80 tuổi

Chi Hội PTVNTN, TUT-ROT thành tâm chia buồn cùng gia đình Đạo Hữu Lê Thị Tú và Phùng Chánh cùng tang quyến.

Nguyện cầu hương linh Cụ Ông được vãng sanh về cực lạc quốc.

Chúc Mừng

Nhận được hồng thiệp của Ông Bà Hoàng Dinh trong Ban Chấp Hành Hội PTVNTN tại Münster, báo tin lễ thành hôn cho Thủ Nam :

Cận Hoàng Dân Hiệp

sánh duyên cùng

Cô Lý Ngọc Diệp

Thủ nữ của Ông Bá Lý Tú
Hôn lễ sẽ được cử hành vào lúc 12 giờ ngày 19.07.1997 tại tư gia ở Lingen.

Đây là một ngày quý báu cho hai người - ngày trăm năm hạnh phúc - sau nhiều thời gian đã tìm hiểu nhau.

Đã hứa hẹn tình yêu chung thủy với nhau, tình yêu dịu ngọt, để hôm nay tiến tới xây dựng mái ấm gia đình.

Nguyện chúc HIỆP và DIỆP luôn mãi đẹp duyên và tươi trẻ trong tình yêu mỗi, đặc biệt suốt đời kính trọng và yêu thương nhau.

•Hội Người Việt TN tại Münster và Phụ Cận tại Đức.
Bùi Văn Sắc

GIỚI THIỆU: MỚI • MỚI • MỚI

CÔNG TY BẢO HIỂM, TIẾT KIIỆM, XÂY DỰNG VÀ VAY VỐN NGÂN HÀNG

Nhận hướng dẫn và phục vụ quý vị tất cả các loại bảo hiểm, tiết kiệm, xây dựng và vay vốn ngân hàng.

Trong tất cả các công ty bảo hiểm và các nhà băng trên nước Đức chúng tôi đã chọn lựa ra những công ty bảo hiểm, những nhà băng và có uy tín nhất để phục vụ cho quý vị :

- **VỀ BẢO HIỂM** : Chúng tôi phục vụ các loại bảo hiểm thiết thực như : Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm nhà hàng.
- **VỀ GỬI TIỀN TIẾT KIIỆM** : Có nhiều cách gửi tiền tiết kiệm và với lãi suất cao có thể từ 6% - 10% đặc biệt là quý vị có thể rút tiền ra lúc nào cũng được.
- **VỀ XÂY DỰNG** : Chúng tôi đảm nhận việc xây dựng nhà mới theo kiểu ĐAN MẠCH, kiểu MỸ và đặc biệt là kiểu nhà "Niedrig Energie Häuser" với giá khoảng 2000DM/1m²
- **VỀ VAY TIỀN XÂY HOẶC MUA NHÀ** : Hoàn tất nhanh chóng các thủ tục vay vốn ngân hàng với phân lãi thấp có thể 5 năm chỉ có 5,10% và 10 năm 6,10%

Xin liên lạc ông **QUAN, LONG THANH**

Neue Str.21A - 38154 Königslutter

Tel/Fax 05353 - 8015 hoặc 05353 - 7993 . Funk 0177 - 22 95 560

CỬA HÀNG CÔ DÍNH

Nói tiếng Việt - Hoa - Miên

**BÁN VÀ GIAO HÀNG THỰC PHẨM Á CHÂU
BÁN VÀ ĐẠI LÝ WEINE VÀ BIER NƯỚC NGOÀI
Raschplatz 9 H (sau nhà ga chính Hannover)
30161 Hannover**

Schaufelder Str.21 - 30167 Hannover

Tel. 0511 - 3180644 - Fax. 0511 - 703565

THI HIỀN

**HAUPSTRASSE 32A - 79591 EIMELDINGEN
W. GERMANY . TEL. 07621 - 65178 HOẶC
07621 - 44105 HOẶC 0171 - 2674737**

NHẬN ĐẶT NẤU

TIỆC CƯỚI - SINH NHẬT - HỌP BẠN

**ĐẶC BIỆT : BÁNH ĐAM HỎI, BÁNH CỐM
BÁNH PHU THÊ - BÁNH BÀN - TRẦU CAU TƯỞI**

- Đầy đủ tiện nghi chén đĩa, Bếp Ga
- Hơn 500 món ăn để chọn lựa
- Hạp khẩu vị vừa túi tiền
- Được sự khen ngợi và tin nhiệm của Cộng đồng người Việt tại Đức , Pháp, Thụy Sĩ, Hòa Lan và Đan Mạch

CẦN SANG GẤP

CHINA RESTAURANT (THUỘC STUTTGART)

- Gồm 80 chỗ ngồi
- Duy nhất chỉ có một nhà hàng China Restaurant
- Nằm cạnh Hotel

MUỐN BIẾT THÊM CHI TIẾT XIN LIÊN LẠC :

TEL. 0711 - 425095

ANH LỮU - WASENSTR.11 - 70327 STUTTGART

VIDEO

TRẦN NGỌC



NHẬN :

- QUAY PHIM : Lê Thành Hôn, Đinh Hôn, Hợp Bọn
- -SANG PHIM VIDEO : VHS C, SVHS C, 8mm, Hi8 từ hệ thống PAL sang hệ thống NTSC, Secam, MeseCam và ngược lại.
- Quý vị sẽ hài lòng về kỹ thuật âm thanh và hình ảnh rõ ràng do những băng chúng tôi thực hiện.

TEL. 02131 - 84402

BÁN NHÀ HÀNG !!!

- CẦN BÁN GẤP NHÀ HÀNG VỚI 80 CHỖ NGỒI
- CÓ BÃI ĐẬU XE RIÊNG
- CÓ BIERGARTEN

**BÁN LẠI VỚI GIÁ RẺ 40.000,-DM
MUỐN BIẾT THÊM CHI TIẾT XIN LIÊN LẠC :**

TEL. 05233 - 93 344

Cong Phước: 02161/650954

MiVi

The New Ideas



Phối Cảnh Cho
Đóng Lại

MPI-Vi quay với hai máy S-VHS, chất lượng hình ảnh tuyệt đối rõ ràng và màu sắc tuyệt vời. Hai Chuyên viên có nhiều năm kinh nghiệm & tận tâm trong nghề.

Quay nhiều Phối cảnh khác biệt để làm cuốn phim của Bạn được thú vị và hấp dẫn hơn.



Soan Thảo Phim
Chuyên Nghiệp
MPI-Vi Studio có



Nhiều Hiệu Ứng Thị Giác

Một trong sự đặc biệt của MPI-Vi là có thể tạo ra

Wipes Effekten và phối hợp với những Effekt khác để tạo ra những cái mới lạ mà chưa ai từng có.



Sống Động Với
Âm Nhạc

MPI-Vi phổ biến thêm

Video Clips - được tóm lại

nhiều đoạn phim vui tươi và phù hợp với Âm nhạc để phim tăng thêm Sống động như Popvideo.

Mobil Tel.: 01773227078

MPI-Vi = MP Video Productions

LPC - FILM - VIDEO

**NHẬN QUAY VIDEO ĐAM CƯỚI VÀ PHIM NGHỆ THUẬT
VỚI CÁC ĐAM BẢO SAU ĐÂY :**

- Người thực hiện đã tốt nghiệp đại học điện ảnh ngành đạo diễn và quay phim. Đã 21 năm kinh nghiệm làm việc qua các môi trường phim truyền và phim tài liệu với nhiều tác phẩm đoạt giải thưởng điện ảnh ở các Festival Film Quốc gia và quốc tế. ■ Các phương tiện hành nghề như máy Camera, máy cắt, Effekt làm chữ, lồng nhạc và âm thanh đều thuộc đời mới, tiêu chuẩn nhà nghề. ■ Tại CHLB Đức chúng tôi đã thực hiện thành công một số phim tài liệu nghệ thuật như "Tinh Xuân Quê Hương"(1994 về 24 đình, đền, chùa cổ nổi tiếng của VN); băng "DaLai Lama thăm chùa Viên Giác" (1995 Bằng tiếng Đức và tiếng Việt) và phim "Lịch sử chùa Viên Giác" (2 tập - sắp phát hành). Với kết quả thực tế đó phần nào nhóm làm phim của chúng tôi đã gây được cảm tình và mến mộ của anh chị em văn nghệ sĩ cùng bà con VN sống tại Đức thời gian qua. ■ Chúng tôi có đủ người và phương tiện để có thể lốc chức quay từ 1 tới 3 máy trong cùng 1 lúc (nếu cần thiết) để đáp ứng các yêu cầu đặc biệt của quý khách. ■ Bước đầu chúng tôi đã thiết lập được sự hợp tác về văn hóa (như âm nhạc chẳng hạn) để có một khối lượng khá lớn đĩa hàng ngàn bản nhạc trữ tình không lời của VN và ngoại quốc nhằm phục vụ cho việc làm băng này. Mọi sự liên hệ xin quý vị qua 2 địa chỉ sau :

**1. PHẠM LUYỄN
PYRMONTER STR.19
31789 HAMELN
TEL. : 05151 - 67123**

**2. LUU - PHAM
BOCHOLDER STR.266 - 45355 ESSEN
TEL & FAX : 0201 - 61 07 03
(TRỰC VÀO CÁC BUỔI TỐI)**